

ÁI VÂN

Để gió cuốn đi

TỰ TRUYỆN

First News



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

TƯ TRUYỆN ÁI VÂN: ĐỂ GIÓ CUỐN ĐI

TÁC GIẢ: ÁI VÂN

Thể loại: Văn học, Tự truyện

Nhà xuất bản: NXB Hội Nhà Văn

Định dạng: Epub

Ngày cập nhật: 09/04/2021

Tựa

Cách đây hơn chục năm, tôi đã muốn có một cuốn hồi ký về đời mình trên những chặng đường ca hát. Năm 2010 nhà báo Đinh Thu Hiền đã chấp bút cho tôi cuốn hồi ký dưới cái tên “*Hồi ức một đóa hồng*”. Chúng tôi đã cùng làm việc tích cực trong vài tháng và đã có được chương đầu gồm 11 đoạn.

Tới đây tự dưng tôi thấy không muốn có cuốn sách nữa. Cuốn sách đòi tôi phải nhớ quá nhiều trong khi có nhiều chuyện tôi muốn quên đi, quên thật sâu và quên thật nhanh. Hồi ký phải kể thật, nói thật mới đúng là hồi ký, nếu không viết tiểu thuyết cho xong. Phạm đã kể thật nói thật sẽ đụng chạm tới nhiều người, đây là điều tôi không muốn. Tôi đã xin lỗi bạn Đinh Thu Hiền và chấm dứt cuốn “*Hồi ức của một đóa hồng*” khi nó chưa đi tới 1/10 chặng đường.

Nhưng rồi vài năm gần đây, tôi lại thao thức về những gì tôi đã trải qua trong đời mình. Ký ức làm tôi khó ngủ, bệnh mất ngủ bắt đầu từ đó. Rất nhiều đêm tôi thức trắng để rồi nhận ra có những điều không thể không nói ra. Nếu cuốn hồi ký không được viết ra chắc chắn bệnh mất ngủ của tôi sẽ không chấm dứt. Và thế là tôi quyết định tự mình phục hồi lại cuốn hồi ký của mình. Viết một lần cho xong. Viết một lần để quên đi, để đến khi nhắm mắt xuôi tay mình không còn phải áy náy. Viết để hiểu nhau hơn, cảm thông cho nhau hơn và quan trọng để yêu thương nhau hơn, thế thì tại sao không viết?

Và thế là giờ đây cuốn sách đã có trong tay bạn. Đây không chỉ là câu chuyện của tôi mà còn của thế hệ tôi, không chỉ là câu chuyện của gia đình tôi mà còn của bạn bè tôi nữa. Câu chuyện những tấm lòng của những tấm lòng? Đúng vậy. Như một khúc ca của Trịnh Công Sơn: “*Sống trong đời sống cần có một tấm lòng. Để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi*”. Vâng, cuốn sách này cũng vậy. Nó được viết ra cũng chỉ để gió cuốn đi.

Cupertino, CA, Tháng 4 năm 2016

Ái Vân

1

Ba má

Tôi sinh ra vào lúc 11 giờ 15 ngày 30/10/1954, sau ngày Giải phóng Thủ đô tròn 20 ngày. Ba tôi thường hay cốc đầu tôi, nói: “*Con bé này sinh vào thời khắc quá đặc biệt*”. Còn nhỏ tôi không thấy có gì thật đặc biệt cả. Có gì đặc biệt cái tuổi ngựa đầu nhĩ? Lớn lên thấy ba nói đúng đúng, lớn nữa thấy ba nói đúng thật, bây giờ ngẫm kỹ mới giật mình thấy ba nói mới đúng làm sao. Nếu tôi được sinh ra không phải năm Giáp Ngọ, chỉ cần trước một năm thôi, năm Quý Tỵ hay Nhâm Thìn chẳng hạn, tôi sẽ có một cuộc đời khác, nếu có bi kịch sẽ là một bi kịch khác, tất nhiên rồi. Điều đáng nói là, nếu tôi sinh trước năm 1954 thì toàn bộ bi kịch của tôi và gia đình tôi trong cuốn sách này sẽ không có. Nghĩa là tôi không phải mất thời gian viết cuốn sách này nữa.

Vậy mà bây giờ tôi phải viết sách. Đứng trước một núi chữ tôi thật sự ngao ngán. Chưa bao giờ tôi ngao ngán như lúc này. Giá như không phải nói gì cả, cứ thế mang theo xuống mồ thì hay biết bao nhiêu. Nhưng cuốn sách này là cục nợ cuối cùng tôi phải trả, trước khi “*trắng nợ trần gian*”.

“*Không nói thì thôi, đã nói thì phải nói có đầu có đuôi*”, thuở bé thơ học ăn học nói bà ngoại đã dạy tôi như thế. Vâng, tôi sẽ gắng nói có đầu có đuôi, có thể mới viết cả cuốn sách. Nếu không, có mà điên.



Ba má bên chiếc xe của gia đình, 1949

Chim họa mi

Má Ái Liên sinh 25/11/1920 ở Ngõ Nghè, gần Đền Nghè, nay là phố Lê Chân - Hải Phòng. Má là con gái của ông Thái Đình Lan và bà Trần Thị Sinh. Tôi thường vờ bà ngoại kể bằng việc hỏi đi hỏi lại dai như đũa: “*Hồi nhỏ má xinh không?*” - “*Hồi nhỏ má hát hay không?*” - “*Má biết hát khi mấy tuổi?*” - “*Ai dạy má hát?*”. Bà ngoại lại cười, lại cốc nhẹ đầu tôi: “*Cái con này đòi gì cũng dai ghê!*”. Và ngoại lại rỉ rả kể.

“*Chim họa mi trên đất Bắc*” là biệt danh các báo Sài Gòn tặng má năm bà 16 tuổi. Thực ra tôi thích cái tên “*Bông hồng Á Đông*” mà báo Pháp đã yêu mến gọi má hơn, nhưng má có vẻ không thích lắm. Má sợ hai chữ “*Á Đông*” quá to đối với mình. Hễ nghe có ai nhắc đến, má lại nhăn mũi chép miệng: “*Mình thì Á Đông gì đâu*”.

Bà ngoại vốn là diễn viên cải lương thuộc Gánh hát Liên Hiệp Ban, gánh hát gia đình chuyên diễn ở rạp Hải Đài ngay trước cổng Ngõ Nghè. Ngoại đem má vào rạp Hải Đài hằng đêm. Mới nở, ngoại đặt

má nằm nôi ở cánh gà, xong một lớp diễn lại chạy ra cho bú. Lớn lên chút ngoại đề má chạy loăng quăng ở hậu đài, buồn ngủ thì leo lên cái ghế bành rách đặt ở nơi trang điểm nằm khoanh tròn “*như chó con*” ngủ say sưa.

Bốn tuổi má đã hát theo leo lẻo những gì nghe được, mấy cô mấy chú trong đoàn xuýt xoa khen: “*Con nhỏ có khiêu*”. Sáu tuổi má hát trọn vẹn được nhiều bản khó, mấy cô mấy chú lại xuýt xoa khen: “*Con nhỏ có tài*”. Má bén duyên ca hát từ đó.

Được nghệ sĩ Út và nghệ sĩ Mười Cụt dạy hát cho, lại được ông Canh Thân (còn gọi là Tino Thân, má gọi ông bằng cậu), bà trẻ Trần Thị Lượng và bà trẻ Trần Lan Phương (hai bà là em gái của bà ngoại) người dạy hát, người dạy đàn. Tám tuổi má vừa hát vừa đánh đàn kìm, mười tuổi vừa hát vừa đàn nguyệt... thiên hạ lác mắt. Ban nhạc Đồng Ấu của gia đình đã được ra đời. Cô bé Ái Liên bé tí xiu cũng là thành viên ban nhạc này, rất oách.

Năm má 11 tuổi, năm 1931, má theo ông bà ngoại sang Hồng Kông. Má tiếp tục học tiếng Anh, tiếng Pháp ở trường dòng Mary Couvent School. Có lẽ nhờ khiêu âm nhạc mà má tiếp xúc với ngoại ngữ không mấy khó khăn. Má giao tiếp hằng ngày bằng tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Quảng Đông. Tại đây má đã tiếp xúc với tân nhạc, học đàn mandolin, piano, chơi cả guitar lẫn trống Jazz.

Lúc này thanh niên trong nước đã tiếp xúc với tân nhạc. Phong trào chuyên ngữ các bài hát các ca sĩ lừng danh châu Âu như Rina Ketty, Albert Préjean, Georges Milton... hay hát, đặc biệt giọng hát Tino Rossi, ca sĩ Ý cực kỳ nổi tiếng những năm 30 đầu thế kỷ 20. Đã có những “*Hội Ái Tino*” được thành lập ở Hà Nội, Hải Phòng.

Năm 1936, từ Hồng Kông trở về, ca sĩ Ái Liên 16 tuổi trong bộ áo đuôi tôm trắng, mũ ống trắng (kiểu mũ của nghệ sĩ Pháp Maurice Chevalier thường đội), tay cầm can trắng nhảy cracket điệu nghệ với một loạt ca khúc “*lời ta nhạc tây*”: *Bài hát cho Nina; Điệu tango huyền bí; Cây đàn tình yêu...* đã làm khán giả trong Nam ngoài Bắc “*ngây ngất đắm say*” - chữ của bà ngoại.

Má về lại Hải Phòng tham gia gánh hát Liên Hiệp Ban, cùng Sĩ Hùng, Đào Mộng Long, Lan Phương... Cuối năm đó, năm 1936, má tham gia cuộc thi “*Người đẹp Bắc Kỳ*”, kiểu như thi hoa hậu hiện nay, và đoạt giải cao nhất, ngày nay gọi là đoạt vương miện hoa hậu, khán giả lại càng “*ngây ngất đắm say*”.

Má nổi danh năm mười sáu tuổi. Tuổi ấy tôi cũng bắt đầu nổi tiếng, không phải vì nghiệp ca hát, chỉ vì may mắn được đóng phim *Chị Nhung*. Chị em họ nhà Ái chúng tôi đùa nào giống má được chút gì đều mừng hóm, lấy làm hãnh diện lắm.

*



Mã Ái Liên ở Hồng Kông năm 14 tuổi

Càng lớn tôi càng đeo lấy bà ngoại để ngoại kể chuyện má, soi xem mình có giống má được chút nào nữa không. Ngoại kể sơ sịa vậy thôi, toàn “*hình như*” với “*có lẽ*”. May ngoại còn giữ được một cuộn báo từ thời đó, nặng chừng một cân. Tôi nghiền ngấu cuộn báo trong nhiều năm nhưng cũng chẳng nhớ được bao nhiêu. Từ

ngày bà ngoại mất, năm 1966, cuộn báo cũng mất đi đăng nào, thật tiếc.

Đại khái ca khúc “*lời ta nhạc tây*” là các ca khúc Việt được viết theo điệu tây. Thời kỳ này một số nhạc sĩ cải lương bắt đầu viết cả tân nhạc. Nghệ sĩ cải lương Tư Chơi viết các bài *Tiếng nhận trong sương; Hòa duyên*. Ông cậu tôi là nhạc sĩ Canh Thân chuyên soạn cho cải lương đã viết bản tân nhạc có tên là *Cô hàng hoa* rất được thanh niên ưa thích. Một nhóm thanh niên Hà Nội gọi là “*Nhóm Tricéa*” đã hăm hở viết tân nhạc. Lê Yên có *Bẽ bàng; Nghệ sĩ hành khúc...* Văn Chung có *Tiếng sáo chẵn trâu; Bên hồ liễu; Bóng ai qua thêm...* Lê Thương ở Hải Phòng cũng có *Xuân năm xưa....* Thời tôi học trường nhạc, khi thầy Nguyễn Văn Thương về làm hiệu trưởng, tôi mới biết bản *Trên sông Hương* thầy đã viết từ năm 1936, theo phong cách tân nhạc lúc bấy giờ.



Má Ái Liên bên các con và chị Kim Chính, một đồng nghiệp trẻ

Số lượng bài hát tân nhạc Việt thực tế chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Phần lớn là các ca khúc nước ngoài được dịch ra tiếng Việt, những sáng tác của *Vincent Scotto* (Pháp), hay các bài: *Goodbye Hawaii, South of The Border* (Mỹ), *Chuyện ở Capri; Chùng nào*

còn những vì sao; Một ngày xa em; Cô nàng tôi yêu nông nản; Marinella; Những chàng thủy thủ; Ông chú Bắc Kinh; Cây đàn tình yêu; Signorina; Dưới những cây cầu Paris; Điệu tango đẹp nhất đời; Colombella... Hầu hết các ca khúc này tôi chưa từng biết đến, tôi chép ra để phục vụ bạn bè như Phúc te (Đặng Hữu Phúc), Quân cuội (Đỗ Hồng Quân, đóng phim *Thằng Cuội* nên gọi là Quân cuội) và những ai muốn nghiên cứu âm nhạc thời kỳ này.

Má vừa hát tân nhạc vừa chơi đàn tây rất điệu. Vừa hát vừa chơi guitar, đệm trống Jazz hay piano... thời này là một cái gì đó rất khủng ở Việt Nam. Các hãng đĩa Odéon (Pháp), Béka (Đức), thu đĩa hơn chục bài tân nhạc má hát, một sự kiện lừng danh lúc bấy giờ. Cùng với tiếng hát tân nhạc Kim Thoa, tiếng hát tân nhạc Ái Liên được phát liên tục trên Radio Sài Gòn. Từ đó tiếng tăm Ái Liên nổi như cồn.

Má được truyền nghề cổ nhạc nhưng lại khởi nghiệp bằng tân nhạc, vở diễn đầu tiên của má là một vở nhạc kịch. Má thủ vai Yến trong vở *Kịch trường vạn tuế* của Trần Ngọc Diệp, một trong những vở nhạc kịch (Operet) hài đầu tiên của Việt Nam, được báo tiếng Pháp *L'Annam Nouveau* khen má là “*một tài năng lớn đầy hứa hẹn*”. Ái Liên vừa là hoa hậu tân thời (Giải nhất *Người đẹp Bắc Kỳ*) vừa là giọng ca tân nhạc thời thượng, các báo Sài Gòn thi nhau gọi má là: “*Chim họa mi đất Bắc*”. Báo Pháp yêu mến gọi má là “*Bông hồng Á Đông*”.

*

Ái Liên là nghệ sĩ cải lương chính hiệu, thời nào cũng được ưa chuộng. Thời Pháp được vua Bảo Đại đích thân gắn huy chương *Ngân Tiên*, hòa bình lập lại được Cụ Hồ đích thân gắn *Huy hiệu Bác Hồ*. Cụ Hồ nhiều lần tới xem má diễn, lần nào cũng lên sân khấu bắt tay khen ngợi, động viên má. Có lần xem xong vở *Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài*, Cụ còn cao hứng làm thơ tặng má. Với 150 vai diễn trong 140 vở cải lương, hiếm ai còn nhớ má từng là ca sĩ tân nhạc vang bóng một thời. Nên tôi muốn nhắc lại điều này để cùng ghi nhớ.

Nhạc nhẹ Việt Nam cũng bắt đầu từ đó, nó bắt đầu từ những bản tân nhạc do các nhạc sĩ “*cải cách*” sáng tác, các ca sĩ “*tân thời*” như Ái Liên, Năm Châu và Kim Thoa biểu diễn. Ba ca sĩ thời thượng Ái Liên, Năm Châu và Kim Thoa (hình như còn có cả Năm Phi?) đua nhau hát các bài hát “*lời ta nhạc tây*”: *Sau em; Anh không còn tình yêu nữa; Hoàng hôn ở Viên, Quý bà; Bambinella; Bài hát cho Nina; Điệu tango huyền bí; Cây đàn tình yêu; Chuyện người tình tôi...* Họ say sưa hát mà không hề biết chính họ đã khởi đầu cho dòng nhạc nhẹ Việt Nam, bắt đầu từ đất Bắc.

Chẳng ngờ 50 năm sau, vào thập kỷ 80 thế kỷ 20 tôi đã có tên trong những ca sĩ đầu tiên khởi động lại dòng nhạc nhẹ nửa thế kỷ bị lãng quên trên đất Bắc. Cuộc đời mới thú vị làm sao.

Công tử Hà Thành

Ba tôi, ông Hà Quang Định, sinh ngày 4/3/1913 tại Hà Nội, con ông Hà Quang Oánh và bà Nguyễn Thị Chuyên. Bạn bè ba vẫn gọi ông là “*công tử Hà Thành*”, sau này thỉnh thoảng con cái ông vẫn gọi ông vậy để trêu ông.

Trong ký ức của tôi, ba chưa bao giờ có dáng dấp một công tử, hướng chỉ là “*công tử Hà Thành*”. Từ bé cho đến lớn tôi luôn thấy ba là một người đàn ông gầy ốm tong teo, lam lũ và khắc khổ, lúc nào cũng tất bật hết việc nọ đến việc kia. Dù nghe bà ngoại và má kể nhiều về ba, tôi vẫn không tin nổi người đàn ông “*quần nâu dài rút lòng thòng*” vốn là một công tử Hà Thành ăn chơi có tiếng. Thật vui, đó là chuyện có thật.

Ông cố nội, tức ông thân sinh ra ông nội, là một tư sản kinh doanh bất động sản, đủ giàu có để cho con cái không phải làm gì vẫn sống no đủ suốt đời. Ông có hai con trai, ông bác Hà Quang Bính và ông nội tôi, Hà Quang Oánh. Ông Bính làm lục sự tòa Hà Nội (giống thư ký tòa án bây giờ nhưng vai trò lớn hơn), còn ông nội chẳng phải làm gì vẫn sống ung dung nhờ vào tiền huê hồng cho thuê nhà đất. Ông Bính không có con. Ông nội có bốn người con, ba là con trai duy nhất nên mặc nhiên là cháu đích tôn của ông cố nội.

Cháu đích tôn tất nhiên được chiều chuộng, ba là cháu đích tôn trong một dòng họ hiếm muộn con trai lại càng được chiều chuộng. Ba học trường Lycée Albert Sarraut. Hàng ngày công tử Hà Quang Định cao ráo đẹp trai, diện comple trắng toát hồ cứng, tự lái xe hơi chạy thẳng vào sân trường. Gái tân thời Hà Thành rụng hết cuống tim. Có lẽ vì thế mà ba có biệt danh là “*Tây gố*”, biệt danh chế nhạo của các cô gái không được ông để mắt tới tặng cho ông.

Ba lấy vợ sớm, 17 tuổi đã lấy vợ, cô vợ xinh đẹp nét na tên là Nguyễn Thị Tân Ninh, con gái chủ một hiệu thuốc tây. Ông nội thỉnh thoảng vẫn nhắc: “*Đám cưới ba mày với cô Tân Ninh to nhất Hà Nội, nhiều ô tô nhất, nhiều băng nhạc biểu diễn nhất, ăn uống linh đình nhất. Khốn nỗi sống với nhau cũng ít ngày nhất*”. Đúng vậy. Sáu năm sau, khi đã có ba mặt con, mẹ già Tân Ninh về trời sau một cơn hậu sản.

Ba kể. Đó là những ngày cuối năm 1936 ba chán đời nên gửi ba con nhỏ cho ông bà nội, quyết định làm một cuộc tang bồng hồ thi khắp đất nước. Ông nội không đồng ý. Ông muốn ba ở lại Hà Nội học hành tử tế để làm quan. Cha con cãi nhau chực ngày không xong. Một đêm ba bế chị Phi Yến đặt vào lòng bà nội, sụp xuống vái lạy bà rồi lên nhà ra đi.

Ba bắt đầu cuộc tang bồng hồ thi, cũng là bắt đầu cuộc tự thân lập nghiệp, bằng việc lái ô tô đi Lạng Sơn - Cao Bằng bán vé cho Hội Vạn Quốc Tiết Kiệm ở Hà Nội ăn hoa hồng. Từ đó ba lái ô tô đi khắp đất nước. Đi Tuyên Quang - Hà Giang, đi Lào Cai - Sapa quảng cáo và bán thuốc cho Nhà thuốc Ông Tiên ở trong Nam. Đi Huế - Đà Nẵng - Sài Gòn bán vé bảo hiểm nhân thọ, 5 lần qua lại đèo Hải Vân, đèo Cù Mông cực kỳ nguy hiểm. Vào miền Nam ba đi khắp mọi nơi lục tỉnh: Sa Đéc - Vĩnh Long - Tân An - Bến Tre - Rạch Giá - Bạc Liêu - Long Xuyên, cả Đà Lạt ba cũng mấy lần lui tới. Chơi như ba hiếm kẻ theo kịp.



Cha tôi – “Công tử Hà Thành” Hà Quang Định

Năm 2004 tôi về thăm ba. Ái Xuân - cô em gái kề sau tôi, túm tay tôi thì thầm: “*Ba viết hồi ký*”. Xuân đưa ra hai trang giấy ba viết tay ghi ngày 5/5/2003, mở đầu bằng ba chữ “*Cuộc đời tôi*”. Chúng tôi hồi hộp chờ đợi. Nhưng từ đó cho đến khi mất ba không viết thêm được dòng nào. Dầu vậy nhờ hai trang viết tay đó, tôi biết cuộc “*tang bỗng hồ thỉ*” của ba.

Cuối cùng ba trụ lại Sài Gòn, lúc đầu bán vải cho ông chủ người Ấn Độ, sau làm việc cho hãng ô tô Renault ở đường Charner (nay là đường Nguyễn Huệ), chuyên bán ô tô ăn hoa hồng. Bán được một ô tô kiếm được một ngàn bảy trăm đồng trong khi một ngày ăn uống no say chỉ mất chừng đồng rưỡi, mỗi tháng tiêu xài xả láng chỉ tốn chừng bốn mươi năm đồng. Ba tôi ăn chơi như đại gia. Chiều chiều lái xe hơi đi ăn cơm thố ở Chợ Cũ, chim quay nhà hàng Bể Gà, thịt nướng heo rừng chợ Bến Thành. Tối tối mò vào Chợ Lớn nhậu nhẹt nhảy nhót tới bến. Cứ thấy mấy ông Ba Tàu chơi tới đâu ba theo tới đó, chơi không tiếc tiền.

Bà ngoại kể: “Ba chúng mày khéo miệng, chào hàng tốt, bán xe hơi nhanh như chớp. Thu nhập từ việc bán xe hơi tăng cao. Còn làm đại diện cho hãng xe đạp Dura Mercier, nhiều tiền lắm”. Tôi hỏi: “Ba giàu lắm hả bà?”. Ngoại cười móm mém: “Giàu có gì đâu, chỉ thuộc diện thu nhập cao thôi nhưng cách ăn chơi như đại gia số một. Ba chúng mày ném tiền qua cửa sổ chẳng kém gì các đại gia Bạch Công Tử, Hắc Công Tử của Sài Gòn, thiên hạ chết khiếp”.

Tôi hỏi ba: “Có phải không ba?”. Ông lắc đầu cười hiền lành, nói: “Mình làm ăn phải ra dáng đại gia, chào hàng người ta mới chịu mua cho chứ.” Bà ngoại nghe ba nói thế thì lườm ông, nói: “Ba chúng mày vốn liếng không bằng một góc đại gia Bạch Thái Bưởi, nhà giàu nhất Hà Nội lúc bấy giờ, nhưng cách ăn chơi làm thiên hạ cứ đình ninh dưới gầm trời này số một là Bạch Thái Bưởi, số hai là Hà Quang Định”.

Nghe ngoại nói, ba chỉ cười khi không nói đúng cũng chẳng bảo sai. Tôi cố gắng hỏi xem ba ăn chơi thế nào nhưng ông chỉ nhăn răng cười, không đáp.

*

Trời xui đất khiến thế nào, đúng vào đêm ba cần kiếm vợ, bà ngoại đưa má vào Sài Gòn biểu diễn. Lúc đó ngoại là bà bầu của má. Tất nhiên “Công tử Hà Thành” không thể bỏ qua sự xuất hiện của “Chim họa mi đất Bắc”.

Ba của má rất bài bản, đúng điệu. Không xuất hiện thường xuyên ở Nhà Hát Lớn nhưng ngày nào ba cũng gửi má một giỏ hoa tươi Đà Lạt với một tấm danh thiếp. Ngồi canh chừng má ở Nhà Hát Lớn, bà ngoại rất ngạc nhiên thấy đêm nào má cũng nhận được bó hoa quý có giá hơn chục đồng, cao hơn tiền cát xê của má mỗi đêm. Không thấy người đâu, chỉ thấy tấm danh thiếp ghi tên Hà Quang Định. Một hai ngày đầu thấy hay hay, năm bảy ngày sau thấy kỳ kỳ, tới trọn tháng cả bà ngoại lẫn má thấy quá lạ. Bà ngoại hỏi hớp lăm bằm: “Quái! Không biết nhân vật nào mà bí hiểm thế!”.

Khi sự tò mò của má và ngoại lên tới đỉnh điểm, ba xuất hiện. Chàng trai 25 tuổi diện đồ hàng hiệu đúng điệu, lái xe Citroen mui vải tới sát thềm Nhà Hát Lớn tìm ngoại và má, nụ cười hiền lành tự tin, nói: *“Tối nay em Ái Liên diễn xong, con xin mời me và em đi ăn khuya”*. Bà ngoại cảm động lắm. Trước nay các chàng lém phéng của xóm Ái Liên chỉ chú mục tới Ái Liên thôi, có ai thèm để ý đến *“me”* đâu. Anh chàng Hà Quang Định xuất hiện rất đàng hoàng, mời cả *me* và *em* đi ăn, nói năng nhẹ nhàng lịch lãm, một mực kính cẩn với *me*, ân cần với *em*. Sau đó rất lịch sự đưa *me* với *em* về. Bà ngoại khắp khởi mừng thầm con gái mình sắp có một ý trung nhân.



Ba má sau ngày cưới

Điểm yếu nhất của ba là đã có ba người con riêng. Ba phải đấu với nhiều công tử trai tơ, con nhà trâm anh thế phiệt đang quây quần bên má. Một công tử Sài Gòn thổi kèn đồng rất hay, con trai đại gia Chợ Lớn, chiều chiều tới chân cầu thang khu nhà má ở trọ thổi các bản nhạc tây khiến *“ai nghe cũng muốn khóc”*. Một công tử tây lai hai xe hơi một biệt thự, quyết kéo đàn accordion cho tới khi nào *“đứt cuống tim Ái Liên”* mới chịu. Một công tử xứ Huế mang cả tráp vàng bạc đá quý cùng mẹ ra Hà Nội xin cưới cho bằng được Ái

Liên. Bị từ chối chàng bèn ra Hồ Tây tự vẫn. Chàng nhảy xuống hồ, ngụp lặn mãi không thấy có ai tới vớt lên. Tiếc đời chàng đành... bơi lại vào bờ.

Khi má đến tuần cập kê, bà ngoại chỉ có hai điều lo lắng trong việc chọn rể. 1. Chọn người nào để sau khi lập gia đình, con gái bà vẫn tiếp tục được lên sân khấu. 2. “*Rể tương lai*” phải chấp nhận cho bà ở chung với vợ chồng “*chúng nó*”. Vì chỉ có một con gái duy nhất nên bà không thể sống xa con. Tuy trong bụng bà ngoại đã chầm ba rồi nhưng hãy còn lo lắng cả hai điều đó. Ngoại không phải lo lắng quá lâu. Khi ngoại đưa má ra Hà Nội diễn, tháng nào ba cũng gửi một tráp đồ mỹ ký: dây chuyền, nhẫn, bông tai, và các loại trang sức giá rẻ khác cho má đeo lên sân khấu. Chỉ là đồ mỹ ký thôi nhưng ngoại mừng lắm, nói như reo: “*À, Định nó mới đúng là người biết yêu nghệ thuật, me chầm đó!*”.

Tháng sau ngoại đưa má vào Sài Gòn diễn, ba lái xe hơi mới nhất của hãng Renault ra ga đón. Ngoại khen xe đẹp, ba nói nhẹ như không: “*Dạ xe này mới xứng đáng chở me và em*”. Má hỏi: “*Cái xe Citroen mui vải đâu rồi?*” Ba nói: “*Xe đó để chở hoa cho Ái Liên*”. Rồi ba chở me và em đi ăn tiệm, suốt bữa ăn ba toàn nói chuyện “*sau này*”, sau này sẽ lập gánh hát Ái Liên, sau này dù ở đâu cũng rước me theo cho kỳ được. Ngoại nghe như mở cờ trong bụng, vui vẻ đồng ý “*cho hai đứa làm bạn với nhau*”.

Đám cưới ở nhà lầu đường Pellerin (nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai). Nơi này là trụ sở Hội nghệ sĩ Điện ảnh - Sân khấu Ái hữu gọi tắt là Atenicea. Tiệc rượu có nhảy đầm, trong số khách có cả ông Tư Cương và bà Bảy Nam - ba má của nghệ sĩ Kim Cương. Ông Bourjois, ông chủ của đài Radio Sài Gòn làm chủ hôn. Một số công tử đã thất bại trong việc tỏ tình với Ái Liên tuyên bố sẽ phá đám cưới. Ba phải thuê vệ sĩ bảo vệ nghiêm ngặt. May mà không xảy ra việc gì.

*

Báo Sài Gòn thời đó đăng tin, sau này báo Lao Động Chủ nhật dẫn lại: “*Đó là buổi Ái Liên của Radio Sài Gòn lên sân khấu Nhà Hát*

Lớn trong vớ: ‘Guom vàng máu đỏ’ của đoàn Đại Phước Cường. Người chồng tương lai của Ái Liên đã kịp thời mua ngay một chiếc ô tô kiểu mới nhất của hãng Renault (mới đem từ Pháp sang 12 chiếc) và ‘bóc tem’ chiếc xe đúng đêm đó. Ông Hà Quang Định tự lái xe chở nữ nghệ sĩ. Còn chiếc xe ông vẫn đi hằng ngày dùng chở hoa đám cưới”.

Năm 1992 đọc báo Lao Động Chủ nhật thấy kể chuyện vậy, tôi hỏi ba: “*Thật vậy hả ba?*” Ba cười phì, nói: “*Tiền đâu mà tao mua xe Renault*”. Ba kể, cả tháng ba theo cưa cầm má không bán được chiếc xe hơi nào. Một hôm thấy ông chủ gọi lên gặp, ba giật thót nghĩ bụng mình bị đuổi việc đến nơi. Chẳng ngờ ông chủ hỏi: “*Anh đang đi xe nào?*” Ba đáp: “*Dạ vẫn xe Citroen mui vải*”. Ông chủ lắc đầu xua tay, nói: “*Không được. Chào bán xe nào phải đi xe đó. Anh lấy ngay một trong bốn cái xe Renault mới nhập mà đi*”. Vậy là ba có xe Renault đời mới cứng cựa “*mới xứng đáng chở me và em*”. Công tử Hà Thành năm nào nay đã tám 80 tuổi mặc quần thụng đít ngồi giữa sân ngựa cổ cười ha hả.

2

Ông bà ngoại

Anh em chúng tôi không ai biết mặt ông ngoại Thái Đình Lan, chỉ biết ông là một nhà buôn chuyến, chạy tàu thủy từ Hải Phòng đi Hương Cảng. Má được ông ngoại họ Thái đưa đi Hồng Kông học các lớp sinh ngữ, tiếng Anh và tiếng Pháp, ở trường dòng Mary Couvent School, từ lúc bà còn rất nhỏ.

Là con gái ông Thái Đình Lan nhưng má không mang họ Thái, má mang họ Lê - Lê Thị Ái Liên. Mới bảy tuổi tôi đã phát hiện ra cái sự “ngược đời” đó. Tôi hỏi má, má tủm tỉm cười xoa đầu tôi: “*Lớn lên rồi con sẽ biết thôi mà*”. Lần nào nghe má nói vậy tôi đều giã náy: “*Không không không, má kể ngay bây giờ cơ*”. Má lại “giở bài” gãi lưng cho tôi ngủ: “*Hỏi ngoại đi, ngoại biết nhiều lắm*”.

Hỏi bà ngoại thật khó. Ngoại ít mắng mỏ cháu chắt, bà bày vẽ rất tận tình bất kỳ việc gì nhưng ít khi bà chịu tâm sự chuyện đời bà cho cháu chắt nghe. Khi nào tôi sà đến nũng nịu: “*Ngoại ơi... ngoại kể đi!*” là bà thủng thẳng tra thuốc Lào, thủng thẳng cắm cái xe điều vào bình bát, thủng thẳng thắp đóm rít một hơi, ngửa cổ phà cho hết khói. Xong, bà rót nước uống, trầm ngâm, mãi rồi mới nói: “*Chuyện đời sơ, kể làm cái gì*”.

Tôi cố moi được chuyện của bà ngoại. Mới bảy tuổi tôi đã láu lỉnh cổ cưa đồ bà. Mỗi khi muốn ngoại kể chuyện, tôi lân la quanh bà, khi thì dăm lưng khi thì nhổ tóc ngứa. Thấy ngoại rít thuốc Lào là tôi vội vàng rót bát nước chè xanh dâng lên tận miệng bà. Tôi cứ đứng nâng cái bát đợi đến khi khói bay hết miệng bà. Ngoại xoa đầu tôi khen ngoan rồi bưng bát nước chè uống vài ngụm. Tôi lại lúi húi xoi nõ cho ngoại, bà lại xoa đầu khen ngoan. Khi đó tôi mới nũng nịu vò bà: “*Ngoại ơi... ngoại kể đi!*”.

Ngoại cười, cốc nhẹ đầu tôi: “*Cái con này đòi gì cũng dai ghê!*” Và rí rả kể. Ngoại kể rất dài, tôi chỉ còn nhớ được thế này thôi: Ông ngoại họ Thái nghiện thuốc phiện, mê hát ả đào. Nhiều lần ông bỏ nhà lên Hà Nội cả tháng không về. Có lần bà lên Hà Nội tìm, bà vào một nhà phố Khâm Thiên, thấy ông ngoại đang nằm gác đầu lên đùi một cô vừa nghe hát ả đào vừa hút thuốc phiện. Chịu không thấu, bà ly dị rồi kết hôn với ông Lê Văn Thuyết. Từ đó bà ngoại cho má tôi đổi từ họ Thái sang họ Lê.

Tình già

Vậy là tôi có hai ông ngoại, ông ngoại họ Thái và ông ngoại họ Lê. Má kể, ông ngoại Lê Văn Thuyết là nhà báo, tên thường viết trên sách báo là Già Thuyết, khi ở Pháp mang tên Leon Thuyết. Ngoài ra ông ngoại là một nhiếp ảnh gia, một thợ sửa ảnh chuyên nghiệp... Cái thời mà máy ảnh là một cái gì thật cao sang, anh em chúng tôi rất tự hào về nghề báo, nghề “*nhiếp ảnh gia*” của ông ngoại. Tuổi thơ thường bầu vịu vào những niềm tự hào nho nhỏ như thế. Chúng tôi lục tung cả nhà lên để tìm những bài báo, những bức ảnh ông Lê Văn Thuyết để lại nhưng chẳng thấy. Vừa tiếc vừa tức, lũ nhóc chúng tôi trách thầm bà ngoại và ba má không để tâm tới niềm tự hào của con trẻ.



Bà ngoại Trần Thị Sinh cùng gánh cải lương Liên Hiệp đi lưu diễn vùng mỏ, 1935

Bà ngoại kể, lấy ông Lê Văn Thuyết cũng khổ lắm. Khi mới quen bà ngoại chỉ biết ông ngoại là thợ ảnh “*cũng kiếm được tiền*”, ngoài ra không biết gì hết. Không ngờ ông bí mật hoạt động cách mạng. Năm 1931 bị mật thám từ Sài Gòn ra Bắc truy lùng, ông bèn mang cả nhà chạy sang Hồng Kông. Ở Hồng Kông vài tháng, mật thám Pháp lại phát hiện và truy đuổi. Ông phải trốn khỏi Hồng Kông chạy sang Thượng Hải. Gia đình ngoại ly tán từ đấy.

Bà ngoại và má ở Hồng Kông chờ ông ngoại từ Thượng Hải quay về. Chờ ba, bốn năm không được. Hỏi ai cũng không biết. Đến cuối năm 1935 đọc báo mới hay tin ông ngoại bị mật thám Pháp bắt. Sau

lại nghe đồn ông “*bị thủ tiêu rồi*”. Bà ngoại mang má về nước. Hai má con dắt díu nhau lưu diễn khắp nơi, có biết đâu ông ngoại không bị thủ tiêu mà bị tra tấn đến mù mắt. Đầu năm 1940 ông ngoại trở về Hải Phòng, không thấy má đâu, mắt mù sức yếu, tiền bạc không có vô cùng khổ sở. May cụ Trần Thị Thanh, tức dì ruột bà ngoại, hay tin mới đem ông về nuôi.

Cụ Thanh sai con trai cả là ông Sách đi tìm thầy, tìm thuốc để chữa mắt cho ông ngoại. Chữa mãi không khỏi. Cụ Thanh lại sai ông Sách liên lạc cho kỳ được bà ngoại và má, báo tin ông ngoại đã về. Lúc này ba má đã cưới nhau, ba đem má và bà ngoại theo Gánh hát Đại Phước Cường đi diễn khắp Đông Dương. Ông Sách không cách nào tìm được. Cái thời Hải Phòng - Sài Gòn cách xa nhau như Việt Nam với nước Mỹ, tìm kiếm thông tin người thân khác nào đáy bể mò kim.

Mãi đến năm 1945 ba hay tin ông bác Hà Quang Bính mất vội kéo cả nhà ra Hà Nội chịu tang. Vừa xuống ga Hàng Cỏ cả nhà ngạc nhiên thấy ông Sách đứng đón. Thì ra ông Sách đọc báo thấy tin tang lễ ông Hà Quang Bính, đoán thế nào ba cũng đưa bà ngoại ra mới đi tàu từ Hải Phòng lên đón sẵn. Thấy bà ngoại ông Sách nói ngay: “*Anh Thuyết còn sống chị Sinh ơi!*”. Ông Sách kể lễ sự tình. Bà ngoại khóc nức lên, vội vã về thắp hương cho ông Bính rồi theo ông Sách lên tàu về Hải Phòng, không kịp ăn uống gì.

*

Ở nhà cụ Thanh, ông ngoại suốt ngày ra cổng đứng chờ mấy ngày trời, không ăn, không ngủ. Chiều tối bà ngoại về tới nhà, mọi người bí mật không nói gì xem ông ngoại có biết không. Bà ngoại đứng im cách ông chừng chục bước. Con chó tự dưng sủa khan mấy tiếng. Ông ngoại hắt mặt lên bước thẳng ra, ông đi như người mất sáng vậy. Tối gần bà ngoại, ông kịp nói một tiếng “*em!*”. Và rơi sụp xuống dưới chân bà ngoại. Hai người ôm nhau khóc lặng lẽ, cứ ôm nhau lặng lẽ khóc vậy thôi, không nói một tiếng nào.

Lần đầu tôi biết thế nào là tình già.

Bí mật ông ngoại

Ông ngoại Lê Văn Thuyết mất trước khi tôi ra đời. Cái ảnh thờ đầu tiên tôi thấy trong nhà là ảnh ông. Ông đội cái mũ phớt màu chocolate, mặc áo ba-đờ-xuy(*pardessus*) cũng màu chocolate, gương mặt hiền từ, đôi mắt buồn nhìn xuống. Ba tuổi mỗi lần ngược nhìn bàn thờ thấy ông như muốn nói gì đó. Sau này biết xem phim lại thấy ông như mật thám Pháp đang sàm soi cái gì, cứ sờ sợ. Bảy tuổi mới biết thương ông, cứ bắn khoăn ông suốt ngày đội mũ dạ, mặc áo dạ không biết có nóng không?

Năm 1961 một hôm anh Văn, anh trai thứ tư Hà Quang Văn, chạy về nhà mặt đỏ tía tai lôi cả mấy anh em ra sân thì thầm: “*Ông ngoại Lê Văn Thuyết là bạn Cụ Hồ đấy*”. Mấy anh em sững ngây ngất nhưng không tin lắm. Vẫn biết anh Văn là một sách, thương vàng hạ cám đọc cả, nhưng tin động trời này nếu có thì cả nước phải biết chứ. Anh Văn sinh năm 1946 lúc đó 15 tuổi đã cao như cây sào. Anh khẳng định như đinh đóng cột với lũ nhóc chúng tôi: “*Mấy đứa không tin thì thôi. Lúc Cụ Hồ xuống tàu tìm đường cứu nước, ông ngoại mình làm phụ bếp với Cụ trên tàu Đề đốc la gì đó, sau này ông ngoại còn hoạt động cách mạng với Cụ ở Pháp, ở Hồng Kông nữa*”.

Ông ngoại Lê Văn Thuyết đã mất. Chúng tôi xúm lại hỏi má, má lại tùm tùm cười xoa đầu chúng tôi: “*Lớn lên rồi con biết thôi mà*”. Chúng tôi lại xúm lại hỏi bà ngoại, như thường lệ bà lại rít một điều thuốc lào ngựa cổ phà cho hết khói, uống ngụm nước, trầm ngâm rồi nói: “*Chuyện đời sơ, kể làm cái gì*”.

Chuyện ông ngoại cùng làm đầu bếp với Cụ Hồ ở tàu “*Đề đốc la gì đó*” khiến chúng tôi háo hức lắm, muốn chạy đi khoe ngay với cả phố Huế, chỉ vì bà ngoại và má không xác nhận nên không dám. Bảy, tám tuổi không hiểu sao người lớn lại thờ ơ với những chuyện “*tây trời*” như vậy. Bản tính tò mò tôi nhịn không được, phải năn nỉ ba “*hết ngày dài tới đêm thâu*”, diễn bài mếu máo phụng phịu với ông, mãi rồi ba mới nói: “*Đúng đấy*”. Ông cũng chỉ nói “*đúng đấy*”, không nói gì thêm.

Mãi đến năm 1969 chuyện “ông ngoại là bạn Cự Hồ” mới xuất hiện hai trang trong cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch* của Trần Dân Tiên, nhà xuất bản Sự Thật in hắc hoi. Ba anh trai nhà tôi là anh Hiến (Hà Quang Hiến, con cả của mẹ già - tập 1 của ba), anh Sơn (Hà Quang Sơn) và anh Văn còn moi ở đâu về một lô tài liệu về mối quan hệ của ông Lê Văn Thuyết và Hồ Chủ Tịch, cuốn *Những năm tháng không thể nào quên* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và nhiều sách báo khác. Tôi nhớ như in mấy dòng tài liệu “*mật thám Pháp*” ghi thế này: Marseille 21/2/1922: “*Leon Thuyết, thợ ảnh ở Paris thông thạo tiếng Trung Hoa, quan hệ rất chặt chẽ với Nguyễn Ái Quốc*”... Paris 3/10/1922: “*Lê Văn Thuyết vẫn liên hệ đều đặn với Nguyễn Ái Quốc*...”.

Bây giờ mới rõ hết mọi chuyện.

*

Năm 1911, ông ngoại và Cự Hồ cùng học nghề ảnh tại hiệu ảnh Khánh Ký ở Sài Gòn, thân nhau từ đó. Sau, hai người cùng xin phụ việc ở tàu Đô đốc De La Touche Tréville, cùng sang Pháp “*tìm đường cứu nước*”. Ở Paris, hai người chung nhau thuê nhà ở số 9 ngõ cụt Compoin, cùng làm công cho hiệu ảnh Dubois phố Balaguy, chắc là để tiện cùng nhau hoạt động. Năm 1923, Cự Hồ bí mật đi Liên Xô, ông ngoại ở lại Paris, rồi trở lại đời thủy thủ nhưng vẫn bí mật hoạt động cách mạng. Ông ngoại về Hải Phòng kết duyên với bà ngoại.

Năm 1931 bị mật thám Sài Gòn truy đuổi, ông ngoại mang cả nhà chạy sang Hồng Kông. Không rõ ông có liên hệ được với Cự Hồ hay không, chỉ thấy nói Cự bị bắt tại Hồng Kông, ông ngoại chạy sang Thượng Hải và cũng bị bắt. Cự Hồ được luật sư Losebi (Francis Henry Loseby) bào chữa thành công tại tòa án Hồng Kông và được trả tự do năm 1932. Ông ngoại bị tra tấn mù mắt, cho thả về Hải Phòng năm 1940.

Tháng 10 năm 1946 ông bà ngoại đang ở tại nhà ông bà Thợ, được tin Cự Hồ về Hải Phòng sau hội nghị Fontainebleau. Ông ngoại một mực đòi đi gặp Cự cho kỳ được, dù bà ngoại và cả nhà ông bà Thợ,

cả cụ Thanh ra sức can ngăn. Ông mặc áo khoác ba-đờ-xuy cũ nhờ ông Sách dẫn sang trường Nữ học nay là trường Minh Khai, nơi Cụ Hồ tạm nghỉ. Cuộc gặp gỡ cảm động. Cụ Hồ ngỏ ý đưa ông ngoại về Hà Nội chữa mắt. Nhưng tháng sau Pháp tái chiếm Hải Phòng, tháng sau nữa toàn quốc chống Pháp bùng nổ, Cụ phải lên rừng Việt Bắc lãnh đạo kháng chiến. Chín năm sau, năm 1954, sau ngày Giải phóng Thủ đô ông ngoại cũng từ Hải Phòng trở về Hà Nội và chết trên tay bà ngoại, đâu biết trong những tháng ngày này Cụ Hồ cũng từ Việt Bắc trở về Hà Nội.

Bí mật ông ngoại Lê Văn Thuyết đã được giải tỏa, tôi vẫn ám ức mãi. Chuyện như thế tại sao người lớn không chịu kể cho nghe? Bà ngoại mất đã ba năm, không dám trách bà, tôi quay sang trách ba má. Má không nói gì, bà ngồi cười, nước mắt rom róm. Ba tôi thì khác. Ông trừng mắt lên đe nẹt: *“Ông ngoại Lê Văn Thuyết không phải cha ruột của má mày, đừng có mà vơ vào, vô duyên. Mà nếu cha ruột của má là bạn của Cụ Hồ đi chẳng nữa thì chúng mày đòi biết để làm gì, tính bắt quàng Cụ Hồ làm họ à? Đừng có mà vơ vẩn”*. Tôi rụt cổ không dám cãi. Từ đó bịt miệng khâu mồm cho đến bây giờ mới dám nói ra.

3

Cuối thời vang bóng

Ba nói: *“Thời nào má mày cũng nổi danh nhưng ba chỉ nổi danh có một thời”*. Má nói: *“Má cũng giống ba mày thôi. Ai cũng một thời vang bóng”*. Ý má muốn nói má bắt đầu nổi danh từ Gánh hát Liên Hiệp Ban, một gánh hát gia đình và kết thúc bằng Gánh hát Ái Liên, cũng là một gánh hát gia đình. Tôi nói: *“Sau này má cũng nổi tiếng lắm mà?”* Má lắc đầu cười buồn, nói: *“Sau này vào các đoàn tập thể, bóng vẫn còn đó vang chẳng thấy đâu nữa”*.

“Không phải vậy đâu má”. - Tôi cãi má. *“Hòa bình lập lại má vẫn giữ phong độ kéo dài đến mấy chục năm sau. Trước đây má chỉ diễn đào thương, sau má còn diễn cả đào lệch, các vai nam vẫn võ song toàn, mạnh mẽ quyết liệt, vai nào khó diễn má cũng gánh luôn. Với ‘Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài’ má thủ vai Lương Sơn Bá được Cụ Hồ rất thích, Cụ thưởng ngay Huy hiệu Bác Hồ sau đêm diễn. Danh thế sao lại không vang? Không lẽ các huy chương vàng bạc, các danh hiệu nghệ sĩ, các loại bằng khen và cả chức danh Giám đốc Nhà hát Cải lương Trung ương không đủ vang danh hay sao?”*



Hình ba má

Má cười lặng lẽ không nói gì, trong tiếng cười có vị đắng. Tuổi nhỏ ngây ngô chẳng hiểu vì sao, về già mới thấm, thấm luôn vị đắng má đã từng thấm mới vỡ ra bao nhiêu lẽ ở đời.

Mới hiểu vì sao tấm pano rất lớn vẽ bức tranh sơn dầu chân dung má, ba thuê vẽ rất nhiều tiền dựng trước cửa nhà 36 - 38 phố Huế, sau ngày Giải phóng Thủ đô ba má vội vã giấu ngay đi. Có một lần, qua cửa kính một hiệu ảnh ở Hà Nội, ba thấy có treo một tấm ảnh của má với hai vế câu đối ở dưới: *“Mười bảy xuân xanh, danh tiếng vang lừng trên đất Bắc/ Ba thu cộng lại, tiếng tăm lừng lẫy khắp trời Nam”*. Ba bước vào hỏi mua, ông chủ tiệm bảo không bán, chỉ chờ gặp người nhà cô Ái Liên để tặng. Khi ba xưng là người nhà Ái Liên, ông chủ đã gỡ bức ảnh và gói cẩn thận cho ba mang về. Ba hứa với ông chủ tiệm sẽ treo nơi trang trọng nhất. Nhưng không. Ba mang về cho cả nhà xem thỏa thuê rồi lẳng lặng tuồn vào kho cất kín. Kéo cánh cửa kho khép lại, ba lẳng lặng cúi rạp đầu, mặt mày nghiêm trọng. Má nói: *“Ba mày đang cúi chào từ biệt thời vang bóng...”*.

Gánh hát Ái Liên

Kể từ năm 1936 má diễn cho Gánh hát Đại Phước Cường (của ông bầu Nguyễn Phước Cường, thân phụ nghệ sĩ Kim Cường), má diễn chung với cô Phùng Há, cô Năm Phi, cô Bảy Nam rất được dân Sài Gòn hâm mộ. Sau đám cưới đình đám tại Sài Gòn, ba vừa bán xe ô tô cho hãng Renault vừa đánh xe đưa ngoại và má theo Gánh hát Đại Phước Cường đi diễn trong Nam ngoài Bắc.

Nếu không có năm 1945 chắc má vẫn không rời được Gánh hát Đại Phước Cường. Má nói: *“Diễn ở đây ăn ý lắm, tiền thù lao cao ngắt ngưỡng, được chiều chuộng như bà hoàng”*. Nhưng sự đời chẳng phải cứ muốn là được. Năm 1945 bà ngoại tìm được ông ngoại, đưa ông ngoại về ở nhà ông Thơ (con trai thứ của cụ Thanh), bà quanh quẩn vào ra chăm sóc ông, chẳng muốn đi đâu nữa. Má cũng muốn quanh quẩn bên ông bà ngoại, chỉ muốn diễn loanh quanh Hà Nội - Hải Phòng.

Ba bàn với má lập Gánh hát Ái Liên. Đúng lúc đó má gặp cô Kim Chung ở Hải Phòng. Nghệ sĩ cải lương Kim Chung đang rất nổi với vai Bá Ấp Khảo dạy đòn trong vở *Đắc Kỷ - Trụ Vương*, cô Kim Cường trong vai Đắc Kỷ, cả hai đang làm *“chao đảo trời Nam”*. Cô Kim Chung vừa cưới ông bầu kiêm soạn giả Trần Viết Long và chuẩn bị lập Gánh hát Kim Chung. Hai nhà ngồi lại với nhau bàn việc ra chung Gánh hát Kim Chung - Ái Liên.

Gánh hát Kim Chung - Ái Liên lấy rạp Hiệp Thành trên đường Đào Duy Từ - Hà Nội làm trụ sở (trụ sở của Đoàn Tuồng Hà Nội sau này). Rạp Hiệp Thành xập xệ lắm. Ông Trần Viết Long và ba cùng góp vốn xây dựng lại rạp. Hai pano lớn vẽ hình Ái Liên và Kim Chung dựng hai bên cửa rạp. Lúc đầu phải dựng lại một số vở mà cô Kim Chung và má đã diễn và ăn khách như *Ngọn cỏ gió đùa*; *Trăng giãi đêm sương*; *Đắc Kỷ - Trụ Vương*. Cứ 5 giờ chiều rạp Hiệp Thành mở đĩa hát phát loa ầm ầm. Ba có cái xe quảng cáo Gánh hát Kim Chung - Ái Liên. Xe màu đen, hai bên thân xe dán poster Ái Liên và Kim Chung, nóc xe đặt loa phát nhạc chạy vòng vèo khắp các phố: *“Ái Liên và Kim Chung xin gửi tới quý vị vở tuồng đặc sắc ‘Trăng giãi đêm sương’ tuồng hợp soạn của hai soạn giả lừng danh Ngọc Huyền Quân và Ngọc Văn...”*. Hôm sau xe lại

chạy vòng vèo khắp các phố: “*Kim Chung và Ái Liên xin gửi tới quý vị vở tuồng đặc sắc ‘Ngọn cỏ gió đùa’...*”.

Gánh hát Kim Chung - Ái Liên hợp tác chưa đầy năm thì Pháp tái chiếm Hà Nội, tự vệ Thành phố dựng bom ba càng trước cửa rạp Hiệp Thành “*quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*”. Dân Hà Nội tao tác chạy giặc. Gánh hát Kim Chung - Ái Liên tan tác từ đó. Mạnh ai nấy chạy. Ba má chạy về Hải Phòng dựng Gánh hát Ái Liên, diễn loanh quanh các tỉnh dọc đường số 5 lên tới Hà Nội. Ông bầu Long và cô Kim Chung ngưng diễn cả năm trời, yên hàn rồi mới dựng Gánh hát Kim Chung tại Hà Nội.

Sau 1954 ông bầu Long đưa Gánh hát Kim Chung vào Nam “*định đô*” tại rạp Aristo nổi đình đám với hàng loạt các tài danh: Út Trà Ôn, Hùng Cường, Tấn Tài, Út Bạch Lan, Thanh Hải, Diệu Hiền, Lê Thủy, Mỹ Châu, Thanh Kim Huệ và 3 chàng Minh: Minh Cảnh, Minh Phụng, Minh Vương...

*

Sau năm 1947 chiến tranh kéo lên mạn Tây Bắc, khi đó “*công tử*” Hà Quang Định mới đưa Gánh hát Ái Liên rong ruổi khắp Đông Dương thu được nhiều danh tiếng. Khi Gánh hát Ái Liên diễn ở Hải Phòng, triều đình Huế tặng má huy chương *Nam Long bội tinh*. Rồi Gánh hát Ái Liên dựng vở *Cô gái Mường*. Đây là một vở nhạc kịch, một operet mở rộng, do chú Ngọc Toàn và ông Canh Thân sáng tác phát triển từ ý tưởng của ba. Chú Ngọc Toàn vừa viết nhạc vừa biểu diễn. Chú hát rất hay. Vở này chú hát cặp với má rất ăn ý. Khán giả vỗ tay rần rần.



Má Ái Liên chỉ đạo diễn xuất cho con gái út Ái Thanh và con dâu Thu Hà

Ba đưa Gánh hát Ái Liên sang Phnom Penh diễn vở *Cô gái Mường*. Quốc vương Sihanuk hay tin liền mời Gánh hát Ái Liên vào hoàng cung biểu diễn. Luật hoàng cung rất gắt, cấm không cho ô tô và bất cứ xe 4 bánh nào được phép chạy vào hoàng cung. Hai xe chở đạo cụ, bối cảnh và chiếc xe chở đầy diễn viên bị ách ngay trước cổng. Ngoại giao là sở trường của ba, ông vừa bắt tin đến tai Quốc vương vừa giải thích cho lính gác biết nếu không cho xe của Gánh hát Ái Liên vào cung thì buổi diễn trình đức vua không thể thực hiện. Quốc vương phải đích thân bút phê cho đoàn xe của Gánh hát Ái Liên “*được chạy thẳng vào*”. Đội trưởng đội cảnh vệ hoàng cung nói: “*Lần đầu tiên quốc vương ban bố một ngoại lệ cho một gánh hát*”, và đích thân hộ tống ba má lái chiếc xe riêng của nhà vào tận thềm chính điện.

Diễn xong hồi một, Quốc vương Sihanuk đi lên sân khấu trao tặng má huy chương. Sihanuk biết tiếng má từ đó. Năm 1948 sinh nhật

Hoàng hậu Monique, lần thứ hai Quốc vương Sihanuk mời Gánh hát Ái Liên sang Phnom Penh diễn tại Hoàng cung. Má được Hoàng hậu Monique gắn tặng huân chương *Hoàng hậu Cambodia*.

*

Thu được nhiều danh tiếng nhưng tiền bạc chẳng kiếm được bao lắm, tới năm 1950 Gánh hát Ái Liên co cụm lại ở Hà Nội. Vào thời này trong Nam ngoài Bắc có hàng trăm gánh hát, ngoài ba gánh hát đã nêu còn có các gánh hát Thống Nhút, Thanh Tao, Hữu Tâm, Hương Hoa, Thanh Minh, Hoa Sen, Phát Thanh... Có thể nói cuộc cạnh tranh vì miếng cơm manh áo trong kịch trường xứ Việt diễn ra rất khốc liệt.

Gánh hát Ái Liên bị đồng nghiệp đánh phá tới bời, hết bị giành giật ngôi sao tới bị phao tin đồn bôi nhọ. Đòn độc nhất là một lần khi chuẩn bị mở màn thì Sở Cảnh sát (sở cảnh sát) cho người tới hạch sách, đòi bắt một nhạc công chính. Ba cố chặn lại, khẩn khoản van xin: *“Đoàn chỉ trông vào anh ấy thôi. Có tội gì chẳng nữa thì các ông để cho anh ấy diễn đã. Tôi đứng ra bảo lãnh, thậm chí tôi xin nộp tiền thế chân cho anh ấy diễn xong rồi hẵng hay”*. Chắc đã có kẻ lót tay, cảnh sát dứt khoát không chịu. Thế là cãi nhau, xô đẩy nhau, ba tát cho ông cảnh sát hai cái. Lên bót cảnh sát, khi bị thẩm vấn, bằng sự trình bày rõ ràng, khúc chiết cùng việc dẫn giải luật pháp thông thạo của ba, cuối cùng ông Chánh cầm đuôi lý phải thả ba về ngay trong đêm đó.

Một gánh hát nhỏ xíu, *“miếng bánh thì nhỏ, người ăn thì đông”*, lại bị đồng nghiệp đánh phá, nhà nước hoạch hộc, phần chí ba má cho giải tán Gánh hát Ái Liên vào cuối năm 1952.

Tiếc quá.

Hãng Vietfilm

Việc gì ba cũng có phương án dự phòng, trong khi bàn bạc với bà ngoại và má đề cho *“rã đám gánh hát”* rồi bỏ kịch trường thế nào cho êm, ba đã nhòm ngó sang phim trường.

Điện ảnh Việt Nam khai sinh từ năm 1923, *Kim Vân Kiều truyện* là bộ phim truyện đầu tiên do Công ty Chiếu bóng Đông Dương thực hiện, diễn viên là các đào kép tuồng Ban Quảng Lạc. Sau đó có các phim truyện *Huyền thoại bà đế* (1927); *Cánh đồng ma* (1938); *Cô Nga dạo thị thành* (1939); *Khúc khải hoàn* và *Toét sợ ma* (1940). Sang năm 1940, quân Nhật tiến vào Đông Dương, người Việt Nam không còn ai đứng ra làm phim. Các rạp chỉ còn chiếu chủ yếu phim Nhật và các nước đồng minh của Nhật.

Năm 1952 khi ba quyết định xây dựng một studio điện ảnh làm phim truyện, gọi là Hãng Vietfilm, điện ảnh nước ta lúc đó thật hoang vu. Phim Việt Nam do người Việt Nam sản xuất, ngoài hai phim tài liệu *Trận Mộc Hóa* (1948); *Trận Đông Khê* (1950), tuyệt không có một phim nào nữa.

Ba không có một miligram kinh nghiệm làm phim nào, bốn xung quanh chẳng biết tìm ai mà hỏi. Kinh nghiệm không, vốn liếng không, người khác thì bỏ quách cho xong, ba không chịu, xưa nay đã quyết việc gì ông không bao giờ bỏ cuộc giữa chừng.

Tình cờ ba gặp một Hoa kiều ở Hải Phòng, ông này khuyên ba muốn làm phim thì đi Hồng Kông mà học hỏi vì ở đó ông có quen một vài đại gia điện ảnh. Buồn ngủ gặp chiếu manh, ba tóm lấy ông Hoa kiều nhờ ông môi giới. Ông Hoa kiều bắt tiếng sang Hồng Kông: “*Có ông đại tư sản Việt Nam muốn sang mua một hãng phim*”. Ba vào vai “*đại tư sản*” xách va li bay sang Hồng Kông bằng một vé máy bay mua chịu. Bốn ông chủ hãng phim rất lớn ở Hồng Kông đón ba ở chân cầu thang máy bay.

Các ông chủ Hồng Kông ra sức chào mời. Ông “*đại tư sản*” Việt Nam chống ba-toong đi xem xét hết lượt, khéo léo hỏi han để biết người ta làm ăn ra sao. Ba tuần ở Hồng Kông ba rút ra kết luận: Mình không đủ tài đủ tầm đủ tiền để làm được như người ta. Không thể nào đi theo con đường hoành tráng chính thống như thế.

Thật may, ông chủ nhà trọ ba đang ở hóa ra là đạo diễn Ngũ Hoa, một nhà làm phim cỡ nhỏ ở Hồng Kông, người mà ba đang tìm kiếm. Ông Ngũ Hoa đồng ý nhận lời mời của ba. Giữa 1953 một đoàn làm phim Hồng Kông 9 người gồm Ngũ Hoa và 8 đồng sự bay sang Hà Nội bằng 9 vé máy bay ba mua chịu.

Nhà 36-38 phố Huế thành studio Film. Nhà được ghép dựng như nhà cổ, cột gỗ ghép dán giấy đỏ thành cột điều. Cả đoàn làm phim Hồng Kông đều ở trên gác. Ngôi nhà râm râm tiếng Tàu, tiếng Việt, tiếng Anh... thật là vui. Trường quay, in phim, tráng phim, rửa phim, sấy phim, dựng phim đều ở đây cả.

Phim đầu tiên *Nghệ thuật và hạnh phúc* quay trong 2 tháng, phương tiện sản xuất khá thủ công, thu thanh trực tiếp “*tiếng Việt Nam*”. Đây là bộ phim đầu tiên được làm hậu kỳ ở trong nước, với sự tham gia của Ái Liên, Lệ Thanh, Ngọc Dư, Anh Đệ, Quỳnh Hương, Đình Hoàng, Triều Tường... và chị Ái Loan lúc này mới 13 tuổi. Nó là phim ca nhạc có câu chuyện tình thật lãng mạn. Các bài hát trong phim do ông cậu Canh Thân soạn riêng. Bộ phim chú trọng quay nhiều cảnh đẹp ở Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Quảng Yên... đặc biệt ở Đồ Sơn, Vịnh Hạ Long, Hòn Gai.



Quảng cáo phim “Nghệ thuật và hạnh phúc” của hãng Vietfilm năm 1953

Ngày 10 tháng 12 năm 1953 phim *Nghệ thuật và hạnh phúc* được công chiếu cả hai rạp Đại Nam và Long Biên một ngày 4 suất. Thời này các rạp chiếu phim vui lắm. Bác Phạm Duy kể lại, rạp chẳng có ghế ngồi, khán giả ngồi xếp xuống đất mà coi. Người ta treo “màn ảnh” lên. Đó là tấm vải phin trắng vuông vức viền vải màu xanh đen. Có thể xem phim cả hai mặt. Ai xem mặt chính thì phải trả hai xu, xem mặt sau chỉ mất nửa tiền.

Phim *Nghệ thuật và hạnh phúc* thành công ngoài mong đợi cả danh tiếng lẫn tiền bạc, ba có đủ tiền để làm tiếp phim *Phạm Công Cúc Hoa*. Lại thành công. Hai rạp Đại Nam và Long Biên lại một ngày bốn suất. Ba cho mở rộng chiếu phim khắp các rạp Hà Nội. Ba còn đem máy chiếu vào Sài Gòn chiếu cả hai phim *Nghệ thuật và hạnh phúc* và *Phạm Công Cúc Hoa*. Dân Sài Gòn nô nức đi xem, nhiều rạp chiếu một ngày 4 suất vẫn không kịp.

*

Tương lai Hãng Vietfilm sáng sủa chưa từng thấy. Ba má phấn khởi vô cùng. Ông chắc mẩm nhờ vào Hãng Vietfilm mà công tử Hà Quang Định và nghệ sĩ Ái Liên sẽ trở thành nhà sản xuất phim giàu có nhất nước Nam.

Ngờ đâu Hãng Vietfilm là vang bóng cuối cùng của ba má, giấc mộng của ba phút chốc đã tan thành mây khói. Đúng là dâu bể khó lường.

Tấm biển quảng cáo Hãng Vietfilm đỏ chói đứng trên nóc nhà 36-38 phố Huế, lớn đến nỗi từ trên máy bay còn trông thấy, là hình ảnh cuối cùng ghi dấu thời vang bóng của cả gia đình tôi.

Năm 1954

Năm 1954 quả là một năm đáng nhớ. Ông ngoại Lê Văn Thuyết ốm nặng, ông được bà ngoại đưa về bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội chữa trị và mất ở đây. Ông mất đúng ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954). Hai mươi ngày sau tôi chào đời.

Trước đó là ngày Giải phóng Điện Biên Phủ (5/7/1954). Hiệp định Genève được ký kết (7/1954). Hà Nội xôn xao kẻ đi người ở. Hà Nội lúc này dân thường vẫn bình chân như vại, có chăng chỉ khắp khởi chờ ngày Giải phóng Thủ đô. Giới làm ăn thì có khác, tối ngày bàn tán chuyện vào Nam ra Bắc. Nhiều nghệ sĩ cải lương rủ nhau vào Nam, dù gì đất Sài Gòn vẫn là đất của cải lương. Chị cả của ba là Hà Thị Tuyết cùng gia đình đã kéo nhau vào Nam, riêng cô Huyền Nga vì thương cha mà ở lại. Ông nội muốn vào Nam lắm rồi nhưng hãy còn chờ con trai trưởng là ba.

Ba rất muốn vào Nam lập nghiệp vì nghĩ Sài Gòn là vùng đất đam mê các môn nghệ thuật giải trí, người Sài Gòn khoáng đạt, vui vẻ. Fan hâm mộ của má ở Sài Gòn cũng nhiều gấp bội so với ở Hà Nội. Vào Nam tiếp tục làm phim hay dựng lại Gánh hát Ái Liên cũng đều tốt cả. Nhưng ba không thể đi một mình, còn chờ vào quyết định của bà ngoại và má.

Bà ngoại và má thì lừng khừng. Bà ngoại thừa biết đất phương Nam là đất lành của ba má nhưng ông ngoại vừa mất, bà không nỡ bỏ ông mà đi. Thêm nữa mồ mả ông bà ở ngoài này cả, bỏ đi cũng không đành. Má nữa muốn vô Nam làm ăn nữa nhớ thương đất Bắc. Thêm nữa, má đang mang thai tôi, có muốn đi ngay cũng không được. Thấy ông bầu Long đã đưa gánh hát Kim Chung “chạy” vào Nam, ba má rất nóng ruột, đêm nào cả nhà cũng bàn tán. Má suốt ngày ngồi ôm bụng bầu vượt mặt thở vào thở ra, không biết đi hay ở.

Phần vì ba không muốn má vất vả, bụng mang dạ chứa lại phải đi một cuộc đường hơn hai ngàn cây số, phần vì tin tưởng Hiệp định Genève cho phép công dân hai miền tự do lựa chọn nơi sinh sống, thời gian kéo dài trong hai năm, ba quyết định để má sinh con xong rồi đi cũng không muộn.

Năm cùng tháng tận rồi, bàn bạc mãi không xong. Trăm sự tại tôi vẫn còn nằm trong bụng má.

Trong khi cả nhà đang bàn bạc, anh Tuyên đã quyết định trốn vào Nam. Anh Tuyên - Hà Quang Tuyên, là con thứ hai của mẹ già Tân Ninh cũng là con thứ hai trong 14 người con của ba. Tính anh lắm lì ít nói, việc gì cũng tự anh quyết định một mình không bao giờ chịu bàn bạc với ai. Anh theo cô Cả xuống Hải Phòng, ở đó có tàu thủy của Nhà nước chở vào Nam theo Hiệp định Genève. Tình cờ anh gặp người bạn thân, con ông tướng không quân của Pháp. Bạn anh bảo: *“Đừng đi tàu thủy vất vả lắm. Chiều nay bố tôi có chuyến bay vào Nam. Tôi cũng đi theo bố tôi. Máy bay vào Nam còn rộng chỗ, tôi sẽ xin cho ông đi nhờ”*. Anh Tuyên nghe vậy bèn theo anh bạn về Hà Nội.

Viên tướng Pháp đồng ý cho anh Tuyên đi cùng. Xe chạy loanh quanh đón mấy người nữa ra sân bay Gia Lâm. Tướng đủ rồi té ra đến trường Ngô Sĩ Liên phố Hàm Long lại dừng chờ một người nữa. Anh Tuyên đang lơ ngơ ở đuôi xe bỗng thấy anh Hiến đi qua. Anh Hiến - Hà Quang Hiến, là con cả, nhà cách mạng duy nhất của gia đình tôi. Nếu anh Tuyên không gọi, anh Hiến sẽ không biết anh Tuyên đang tính đường vào Nam. Anh Hiến đã đi qua rồi, nghĩ thế nào anh Tuyên gọi giật, định bụng chia tay với anh trai mình một câu, chuyến đi này chắc còn lâu mới gặp lại. Chẳng ngờ anh Hiến bảo: *“Không được. Về ngay!”* Anh Hiến một hai lôi anh Tuyên về nhà cho kỳ được.

Anh Tuyên không chịu về. Anh Hiến nói: *“Mày vào đó một mình ở với ai? Tại sao mày không đợi má ở cử xong rồi cả nhà vào đó?”*. Anh Tuyên bảo: *“Có chắc là ba quyết vào Nam không?”*. Anh Hiến nói: *“Sao không. Xưa nay ba không nói cái gì mà không làm. Ba nói chỉ cần má sinh xong, em đầy tháng là đi”*.

Anh Tuyên theo anh Hiến quay về. Về tới nhà nghe ba báo: *“Má đẻ em rồi, con gái”*. Anh Tuyên hỏi lại lần nữa cho chắc: *“Đầy tháng em là cả nhà mình vào Nam phải không ba?”*. Ba ừ một tiếng rõ to.

Chẳng ngờ ngày đầy tháng của tôi cũng là ngày bức tường Bắc - Nam được cất lên chắn ngang ở vĩ tuyến 17.

*

Sau ngày đó, miền Bắc mọi thứ được đưa vào công hữu. Ba không còn là công tử Hà Thành, không còn là ông bán xe hơi túi tiền rủng rỉnh, không còn là ông chủ đại diện hãng xe đạp Dura Mercier tiền vào như nước, rồi ông chủ Hãng Vietfilm làm phim một vốn bốn lời cũng không nốt. Ba nói: *“Tất cả cứ thế mà không. Chả hiểu vì sao”*.

Ông tư sản Hà Quang Định trở thành kẻ thất nghiệp, gánh nặng gia đình đổ lên lưng má từ đây. Với một người yêu vợ con đến mê muội như ba tôi, đó là nỗi đắng cay khủng khiếp.

4

Đại gia đình

Ba phải tội mấn đẻ, cưới vợ đầu - mẹ Tân Ninh - sáu năm đã có ba người con, đó là các anh chị Hà Quang Hiến, Hà Quang Tuyên, Hà Thị Phi Yến. Về sau cưới má Ái Liên trong vòng 23 năm cũng sinh được 11 người con nữa. Tôi thứ chín, sau tôi còn hai em nữa là Hà Thị Ái Xuân và Hà Thị Ái Thanh. Trước tôi, có ba anh chị đã mất từ nhỏ - Hà Quang Nam, Hà Quang Đạt, Hà Thị Ái Hoa, còn lại là các anh chị: Hà Thị Ái Loan, Hà Quang Sơn, Hà Quang Văn, Hà Thị Ái Mai, Hà Quang Thành.

Nhiều người kêu ba má đẻ khiếp quá. Má cười, nói: *“Tại ông Định mấn đẻ, không phải tại tôi”*. Ba cười, nói: *“Tại Ái Liên quá đẹp, không phải tại tôi.”* Nhiều người nói, ông Định níu chân vợ bằng cách cứ sinh xong đứa này lại mang bầu ngay đứa khác, cho khỏi có anh nào có ý định *“lém phém”*. Ba nghe nói thế chỉ nhăn nhăn cười. Có lẽ cũng không sai. Từ ngày má lấy chồng, thời gian lên sân khấu không bằng một nửa trước đó. Cả đời má mang bầu, nuôi con và kéo một đoàn tàu há mồm dài dằng dặc đi cho hết thời gian khó.

Khi tôi sinh ra, cụ cố nội và ông bác Hà Quang Bính đã mất. Trong ngôi nhà 36-38 phố Huế đại gia đình nội - ngoại của tôi cùng chung sống. Bên nội ở trên gác, bên ngoại ở dưới nhà, cả thấy có 4 thế hệ, đông đúc đến nỗi tới 7 tuổi tôi vẫn chưa thuộc mặt biết tên hết các thành viên trong đại gia đình. Những gì gọi là nhớ mà tôi sắp kể ra đây là nhờ ngoại, má và các anh chị em trong gia đình kể lại. Thỉnh thoảng má và ngoại lại bảo ngày xưa con thế này, ngày xưa con thế kia, tôi há mồm nghe chuyện của mình như nghe chuyện người ngoài hành tinh.

Hai tuổi

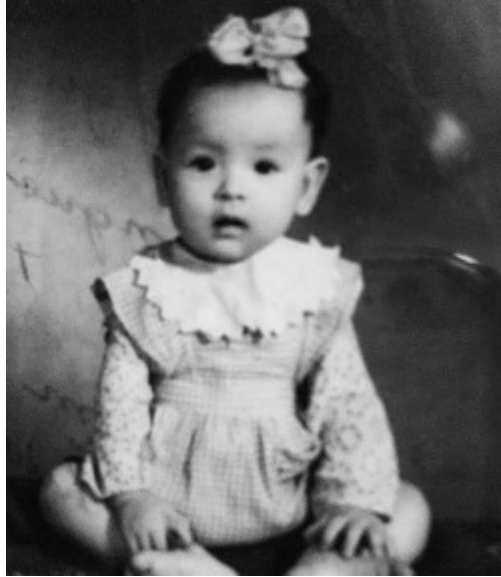
Hai tuổi biết nhớ má. Đêm nào má cũng đi diễn tới khuya mới về, đêm nào tôi cũng khóc lóc đòi má. Ba tôi phải bế tôi đi *“đón má”*. Hàng phố lúc đó đã quen với hình ảnh người đàn ông đêm đêm bế đứa con gái lè nhè khóc đòi *“đi chơi, đi chơi”*. Cứ thế ba ẵm con đi dọc phố Huế ra tới chợ Hôm. Cho đến khi nào cô bé ngủ say trên vai thì hai bố con mới quay về.

Hai tuổi biết vòì bà ngoại gãi lưng. Ngoại để móng tay dài, gãi thật sướt. Nằm trong lòng ngoại trên tấm phản của chiếc giường Pháp có song sắt kiểu cổ, tôi vòì ngoại gãi lưng, kêu nhõng nhẽo: *“Gái!... Gái!..”* bắt ngoại gãi đến khi nào tôi ngủ thật say mới thôi. Hễ ngoại ngủ quên, buông tay ra là tôi hét: *“Gái!... Gái!..”* Tiếng hét chưa lờm khiến ngoại phải bật cười: *“Khiếp cái con bé này, giọng nó sao mà chưa thế”*.

*

Hai tuổi biết sợ ông nội. Cả nhà đem ông nội ra hù. Hễ khóc lóc nhõng nhẽo thế nào cũng có người nói: *“Nín đi, không tao mách ông bây giờ!”*- *“Ông xuống đó kìa, nín đi, nín đi!”*...

Anh Văn kể. Ba với ông nội khắc khẩu, hay cãi nhau lắm. Mỗi lần cãi nhau tiếng ông nội như lệnh võ, *“vang từ trên gác vang ra ngoài đường”*. Tôi lại không để ý thấy điều đó. Với tôi ông nội thật hiền, có khi cả tuần mới nghe ông nói một tiếng. Ông sống khép kín, loanh quanh trên gác ít khi xuống nhà dưới. Má kể. Năm tôi sinh ra cũng là năm ông mất cửa. Cửa cái ông thừa kế của cụ nội đều bị *“quốc hữu hóa”*. Tôi lên hai tuổi ông chẳng còn gì, chỉ còn cái bóng thu lu ở trên gác.



“Bé” Ái Vân 1 tuổi

Tội nghiệp ông nội. Ông cố nấp vào cái bóng của chính ông, giấu thật kín hai tiếng “*tư sản*”, giấu kín đến nỗi ba tiếng “*tiểu tư sản*” người ta gán cho ba má tôi ông cũng sợ. Ông sống ẩn dật không hề tiếp xúc với một ai, kể cả con cháu trong nhà. Rất ít khi nghe tiếng ông. Thi thoảng lắm mới thấy ông nhóng cổ qua cửa sổ nói với ai đó dưới đường phố: “*Tôi nhất trí... nhất trí... nhá nhá!*”. Chẳng có ai cả, ông cứ “*nhất trí*” vậy thôi.

Lần đầu tiên tôi được ông đáp một câu thật dài. Ấy là khi tôi muốn bật cái công tắc điện lối đi vào buồng tắm. Còn nhỏ với mãi không tới. Thấy ông, tôi nói: “*Ông ơi ông bật đèn cho cháu!*”. Ông đi tới bật công tắc, vui vẻ nói: “*Đây đây, ai chứ cháu yêu của ông thì ông phải bật đèn cho cháu yêu ông chứ!*”. Một câu dài chữ nghĩa lặp lung tung nhưng tôi sướng ngây ngất vì biết mình té ra cũng được ông yêu.

*

Hai tuổi biết thế nào là đông đúc. “*Công tử Hà Thành*” mần đẻ, kéo theo đoàn tàu há mồm 14 toa. Bữa cơm gồm 4 thế hệ mười mấy người ngồi chật hai bàn lớn, cơm nấu trong chiếc nồi gang to tương được bà ngoại luôn tay xới cho cả nhà. Sợ nhất là “*nạn mời*

com”. Trừ tôi bé nhất được “*miễn trách nhiệm hình sự*” còn tất cả phải mời hết. Bà mời cụ, ba má mời ông bà, sau đó là đàn con rào rào lên tiếng. Đầu tiên là anh Hiến: “*Cụ xoi com, ông xoi com, bà xoi com, ba xoi com, má xoi com...*”. Đến anh Tuyên phải mời thêm anh Hiến, đến chị Yến phải mời thêm anh Tuyên, cứ thế lòng vòng cho tới người cuối mâm phải mời hai, ba hơi mới hết. Ngộ nhất là anh Tuyên, anh mời ăn gian: cụ kem, ông kem, bà kem, ba kem, má kem... Cả đàn em lập tức học theo anh, đua nhau kem kem kem. Đến bữa cơm không nghe thấy gì chỉ nghe rào rào kem kem kem...

Chịu không thấu, ba chấm dứt “*nạn mời com*” năm tôi tròn hai tuổi. May thế. Nhờ vậy mà các ông chồng của tôi không ai gặp cái nạn ấy nữa khi về làm rể nhà này.

Bốn tuổi

Bốn tuổi biết bà ngoại nghiện thuốc Lào rất nặng. Tuy suốt ngày loay hoay nấu nướng dưới bếp hoặc bận rộn may vá áo quần cho các cháu, nhưng cứ một lúc là bà lại phải trở về với cái điều bát của bà. Đến bây giờ tôi chỉ nhớ đúng hai hình ảnh về bà ngoại lúc tôi lên bốn tuổi. Một là khói thuốc Lào cuộn cuộn tuôn ra khỏi miệng bà y như cái ống khói tàu hỏa. Hai là cái xe điều đáng sợ. Cái xe điều của bà ngoại là nỗi ám ảnh của anh em chúng tôi. Bà không dùng nó để đánh đòn, hễ đứa nào cứng đầu, bà liền dứ dứ xe điều, đập đập xuống phản, gầm gừ: “*Nào, thế có ngoan không thì bảo... Hả! Hả!*”. Đứa nào đứa nấy xanh mặt.

Tôi nhớ bà ngoại nấu ăn cái gì cũng ngon, chỉ có nhúm rau mùng toi bà cũng làm được bát canh thơm diết mũi. Ba má tôi đều không quen những công việc thu vén nhà cửa với bầy trẻ con lít nhít chúng tôi, do vậy, một tay bà ngoại tôi xoay xở. Bà may vá rất giỏi. Một mình bà phụ trách khâu vá cho cả đại gia đình. Mỗi lần khâu vá ngoại thường hát *Dạ cổ hoài lang*, bản nhạc cổ lần đầu tiên trong đời tôi biết tới, chẳng ngờ nó là bản nhạc cổ “*hay nhất mọi thời đại*”.

*“Từ là từ phu tướng / Bảo kiếm sắc phong lên đàng / Vào ra luống
trông tin chàng / Năm canh mơ màng / Em luống trông tin chàng /
Ôi gan vàng quặn đau...”*

Tôi đứng ngửa mặt há mồm nhìn ngoại hát. Mỗi khi cất giọng, hai gò má ngoại giật giật và mấy sợi tóc mai cứ rung rung theo nhịp hát. Những lúc như vậy tôi luôn nghĩ ngoại chính là bà tiên Trời sai xuống nhà tôi...

*

Bốn tuổi mới biết phân biệt họ nội ở trên gác, họ ngoại ở dưới nhà. Thỉnh thoảng tôi chạy lên chơi trên gác, nơi ông bà nội tôi sống với con gái là cô Hà Huyền Nga, em gái của ba.

Cô Nga xinh đẹp, dễ thương, tính tình vui vẻ, hay hát và mê đánh tam cúc, tổ tôm. Thấy tôi lò dò lên gác cô Nga reo lên: *“Cháu gái cô đấy à!”*, cô chạy ra ôm chặt lấy tôi, lấy tay cù vào nách khiến tôi nhột đến nổi lần sau hễ gặp cô là tôi ngồi thụp xuống vội vàng kẹp chặt hai cánh tay. Cô cười ròn tan, vỗ đít tôi mấy cái, nói: *“Ồi giờ ơi, con ngốc của cô!”*

Anh Tuyên kể: *“Cô Huyền Nga xinh lắm, nhất nhì Hà Nội đấy”*. Cô đi hát từ năm 1956 khi mới 16 tuổi, hát cùng với các ca sĩ Minh Đỗ, Thanh Hằng, Thanh Hiếu... và nhạc sĩ Đoàn Chuẩn trong các ban nhạc Lúa Vàng, Huy Cận, Gió Nam đình đám một thời. Những ai cùng thời với cô vẫn còn nhớ Huyền Nga hay hát *Ai về Sông Thương; Thơ ngây...* Đặc biệt cô hát *Đêm đông* thật hay, giọng cô thật ấm áp, dày dặn:

*“Chiều chưa đi màn đêm rơi xuống / đâu đây buông lững lờ tiếng
chuông / đôi cánh chim băng khuâng rã rời / cùng mây xám về
ngang lưng trời...”*

Sau này nghe Lệ Quyên hát *Đêm Đông* cứ nhớ cô, nhớ cái cười ròn rã và câu nói *“Ồi giờ ơi, con ngốc của cô”*...

*

Bốn tuổi biết thế nào là cái chết. Nửa đêm bỗng đâu người ùn ùn vào nhà. Chị Ái Loan 18 tuổi xinh đẹp nhất nhà vừa bất ngờ qua đời trên đường từ Hải Dương về Hà Nội, khi xe cấp cứu đưa chị về đến nhà thì trời đã tối mịt...

Chị Ái Loan được đưa vào đặt giữa phòng khách. Má rú lên hai tiếng “*Con ơi*” và ngất xỉu. Ba khụy xuống bên chị Ái Loan toàn thân run bần, cứ khụy xuống và run bần cho tới tận hôm sau.

Cả nhà vây quanh chị Ái Loan kêu khóc vật vã. Thấy cả nhà khóc tôi cũng khóc nhưng vẫn nghĩ rồi thế nào ngày mai chị sống lại thôi. Như người ta ngủ dậy ấy mà. Tôi đâu biết tôi đã mất một người chị thân yêu, ba má mất đi đứa con vàng ngọc, công chúng mất đi một nghệ sĩ tài năng, Hà Nội mất đi một người đẹp tuyệt vời...

Ba ngày trước chị vừa dắt tôi ra chợ Hôm mua cho đôi guốc mộc màu đỏ. Mới mấy hôm trước chị còn ngồi đặt tôi lên đùi hát *Đieu Thuyền vọng nguyệt*, một trích đoạn *Lã Bố hí Đieu Thuyền* là khúc ca sở trường của chị:

*Phụ thân ơi, như con ngày hôm nay với tấm thân mỏng mảnh cánh
ờ...ơ... chuồn*

Từ thuở ấu thơ cho đến tuổi trưởng thành

Chỉ mong phụng dưỡng cha già cho tròn chữ hiếu ân...

Bốn tuổi có biết gì đâu, mãi đứng ngắm chị Ái Loan say sưa, bụng thăm xuýt xoa sao chị đẹp thế. Chị mặc bộ đồ lụa trắng tinh đẹp ơi là đẹp, đẹp như một nàng tiên.

Năm tuổi

Năm tuổi tôi biết mình có hai mẹ. Ngoài má Ái Liên còn có mẹ già Tân Ninh đã khuất bóng để lại ba người con.

Nhớ anh Hiến mắt sáng môi tươi, hàm răng trắng đều tăm tắp, suốt ngày hát bài *Jingle bells*: “*Jingle bells, jingle bells... Jingle all the way...*”. Anh Văn kể. Anh Hiến là nhà cách mạng duy nhất của đại gia đình chúng tôi. Anh Tuyên cũng làm cách mạng, có huy chương kháng chiến hắt hoi, nhưng chỉ là “*cách mạng a dua*”, chạy theo anh Hiến cho vui thôi.

Anh Hiến có tên trong các tổ chức Thanh niên cứu quốc, Công an quận 1, và cả Biệt động thành nữa. Anh đưa máy in vào nhà để in truyền đơn, chứa cả vụn truyền đơn trong nhà. Có thời gian dài cả nhà không biết anh đi đâu, ông nội và ba lục tung cả Hà Nội tìm kiếm anh mà không thấy. Sau thấy anh lù lù về nhà. Hóa ra anh bị bắt giam ở Hỏa Lò hơn hai năm thì bị chảy máu dạ dày, được đưa ra bệnh viện Phủ Doãn chữa trị. Từ đây anh trốn luôn.

Hòa bình lập lại, tổ chức nghi anh Hiến làm gián điệp. “*Chứ làm sao ra khỏi tù được?*”. Oan uổng suốt ba năm trời, không biết cách nào gỡ, anh rất buồn. Không biết làm gì anh tập trung vào học ngoại ngữ và ngạc nhiên thấy mình có khiếu ngoại ngữ. Nhờ có ba năm oan ức, anh Hiến thành thạo cả tiếng Anh lẫn tiếng Pháp.

Một ngày đẹp giờ bồng đầu anh Hiến gặp chú Xuân Hồng. Chú là tình báo hoạt động đơn tuyến, chính chú đã tổ chức cho anh Hiến vượt ngục. Gặp anh Hiến, chú hét to: “*Ừa, thằng này lâu nay trốn đâu?*”. Hai chú cháu ôm nhau mừng rỡ. Nhờ vậy anh Hiến được giải oan, được đưa vào học trường Đại học Nhân Dân. Trường này thành lập năm 1955, chuyên dạy chính trị, kiểu như trường Nguyễn Ái Quốc bây giờ. Toàn lãnh tụ giảng dạy, Hồ Chủ Tịch, Phạm Văn Đồng, Hoàng Minh Giám, Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Tố Hữu...

Chỉ được một năm, trường Đại học Nhân Dân giải thể. Anh Hiến lớ ngớ không biết làm việc gì, đang tính nộp đơn thi vào học trường Trung cấp Nông Lâm - tiền thân của Đại học Nông Lâm sau này, bỗng có lệnh điều anh đi phiên dịch cho chuyên gia Trung Quốc về dạy thủy sản cho chính trường này. Ông chuyên gia Trung Quốc dạy học bằng tiếng Anh. Anh Hiến phiên dịch cả năm trời, những gì ông chuyên gia dạy anh Hiến đều biết cả. Anh Hiến còn tìm đọc

các tài liệu nước ngoài bổ sung cho giáo án của ông chuyên gia, ông này mê anh Hiến như điên đảo.

Hết năm học ông chuyên gia về nước, ông giới thiệu anh Hiến làm giáo viên kế nhiệm. Thế là chẳng có bằng cấp gì anh Hiến mặc nhiên thành giáo viên trường Trung cấp Nông Lâm.

Một buổi chiều. Cầm cái quyết định của tuyển dụng giáo viên, anh Hiến nhảy nhót trước sân nhà, vừa nhảy vừa hát “*Jingle bells, Jingle bells... Jingle all the way...*”. Đúng là vận đỏ rơi trúng đầu anh. Đang muốn thi vào học trường Trung cấp Nông Lâm bỗng được mời làm giáo viên trường đó.

Giảng dạy lâu ngày thành chuyên gia ngành thủy sản, được đi Tây đi Tàu nghiên cứu, anh còn viết cả một cuốn sách dày về sinh vật biển. Lại một buổi chiều. Cầm cuốn sách sinh vật biển vừa mới ra khỏi nhà in, anh Hiến lại nhảy nhót trước sân nhà, vừa nhảy vừa hát: “*Jingle bells, Jingle bells... Jingle all the way...*”.

Tuy chẳng còn bé bỏng gì nhưng tôi vẫn không chừa cái tật nhõng nhẽo. Anh Hiến cưới chị Bích Tuyên, đêm tân hôn tôi đã khóc nức nặc đòi vào ngủ chung. Tôi nằm len giữa hai người trên chiếc giường cá nhân chật chội mà bắt gãi lưng. Hai anh chị thi nhau gãi lưng cho tôi, hễ tay họ rời lưng tôi để tìm nhau là tôi lại hét lên chua lè: “*Gái!... Gái!*”. Cả hai dờ cười dờ mếu. Cuối cùng tôi cũng ngủ. Sáng sau thức dậy, tôi ngạc nhiên vô cùng thấy chẳng hiểu sao mình lại nằm chèo queo ở dưới sàn nhà.

Anh Hiến đã mất năm 2002 nhưng cuối năm 2003 tôi mới về nước thấp nhang cho anh được. Kỳ đó tôi được mời vô Nam hát. Đang nằm nghỉ bỗng đâu nghe nhạc *Jingle bells* nổi lên rộn ràng. Hóa ra Đài Truyền hình Vĩnh Long lấy “*Bài hát của anh Hiến*” làm nhạc hiệu. Đêm đó nằm nhớ anh Hiến quá chừng.



Ai Vân lúc 3 tuổi

*

Năm tuổi mê truyện tranh lắm. Anh Tuyên đi dạy học “tít” ở Hải Phòng, lần nào về cũng gói gắm sách cho các em. Những cuốn truyện tranh vẽ bút sắt mực nho, chỉ có cái bìa là in màu khắc gỗ vẫn làm chúng tôi sướng mê man. Suốt tuần chỉ ngồi ngóng anh Tuyên. Dù đang ngủ hay đang ăn, hễ nghe ai đó hét: “*Anh Tuyên về!*” là chúng tôi lao ra bu bám lấy anh, rồi rít nhao nhao: “*Sách của em đâu... sách của em đâu*”.

Còn nhỏ không biết vì sao anh Tuyên phải đi dạy xa thế. Con nhà giàu muốn dạy đâu chẳng được sao lại phải xuống “tít” tận Hải Phòng?

Lớn lên mới biết chỉ vì theo anh Hiến “*làm cách mạng a dua*” anh Tuyên mới có câu chuyện tình “*còn hay hơn xi-nê*”.

Anh Tuyên có biệt danh Hà Hắc Hồ, do bạn học cùng trường gán cho. Anh trắng trẻo cao ráo đẹp trai nhất nhà mà lại có biệt danh *“con hổ đen họ Hà”*. Hỏi anh vì sao, anh cười, nói: *“Xưa anh chơi ngông, tuy không kéo bè kéo đảng nhưng cũng hay đánh nhau lắm”*. Anh Văn kể: Cậu Bình, anh Tuyên, anh Quang, con nhà ông Hoàng Diệu bán đồng hồ rất chăm tập thể hình. Chiều nào cũng vậy, họ cời trần đứng giăng hàng ngang trước cửa nhà khoe hình thể. Chị em hàng phố đi qua nhìn thấy cười cười, thích lắm.

Tuổi trẻ thừa năng lượng, thấy đám thanh niên nào đi qua mặt mày lêu lạo, *“trông dễ ghét”* là tìm cách đánh nhau liền. Phố Huế ngày đó thỉnh thoảng lại có một vụ ẩu đả. Một đồn mười, mười đồn trăm, cái tên Hà Hắc Hồ nổi danh từ đó. Dân nội thành nghe đến cái tên Hà Hắc Hồ ai cũng ớn. Một đám học sinh kết thân với anh Tuyên. Chẳng hiểu sao, tự nhiên chúng kéo cả đám đùa nghịch với anh rất nhiệt tình. Anh thấy lạ, từ ngày anh chơi với bọn này đám anh chỉ khu phố chẳng đứa nào dám đụng anh cả. Anh được liệt vào thứ dữ, công tử Hà Hắc Hồ oách như ông trời con.

Một lần anh phát hiện bọn này có súng dắt ở thắt lưng, biết ngay là bọn chỉ điếm làm việc cho mật thám. Anh Hiến hoạt động cách mạng, bọn chỉ điếm tìm cách làm quen với anh, qua anh theo dõi anh Hiến và những người khác. Anh về báo cho anh Hiến. Hai anh em lập tức sơ tán máy in và truyền đơn đang chất đống trong nhà.

Nửa đêm bỗng nghe ngoại gọi: *“Hiến ơi... Hiến có nhà không? Có ông mật thám đến hỏi này!”*. Anh Hiến nhảy đùng đùng qua người anh Tuyên, trèo qua cửa sổ. Anh Tuyên vọt theo anh Hiến, chạy tọt ra đường Nguyễn Du, chạy ra vùng tự do (tức là về Thanh Hóa), thế là thành *“ông cách mạng”*.

Hòa bình lập lại, anh Tuyên theo anh Hiến đi Thanh niên Xung phong đóng quân ở Phú Thọ một thời gian, trên cho lệnh kéo quân về Thủ đô. Lúc đó anh Tuyên đã yêu chị Tâm, *“người đẹp phố Hàng Đào”*. Hồi đó cứ Hàng Đào là nhất, trai cũng như gái. Đoàn quân Thanh niên Xung phong trở về, mọi người đều báo cho người thân ra ga Hàng Cỏ đón, anh Tuyên không báo ai cả. Anh muốn có cú bất ngờ thú vị với chị Tâm.

Sáng chủ nhật cô bạn chị Tâm, cũng là bạn anh Tuyên, tới nhà chị Tâm hẹn chị ra ga đón anh Tuyên. Chị Tâm dỗi không đi, nói: “*Có ai báo đâu mà đi*”. Tự nhiên chị Tâm lại nói: “*Mà mình tuần sau cưới chồng rồi, đi đón làm gì thêm phiền*”.

Cô bạn ra gặp anh Tuyên ở ga, nói: “*Con Tâm không ra đón đâu*”. Anh Tuyên hỏi sao, chị bạn nói: “*Tuần sau nó cưới chồng rồi*”. Anh Tuyên hỏi: “*Thật không?*”. Chị bạn nói như đinh đóng cột: “*Thật mà, nó còn khoe chăn, màn, gối chuẩn bị cho ngày cưới*”.

Khí phách công tử con nhà giàu nổi lên, anh nói: “*Tôi sẽ cưới vợ trước cô ấy, đám cưới phải to nhất Hà Nội*”. Chị bạn cười, nói: “*Đã có ai chưa mà mạnh mẽ vậy?*” Anh Tuyên nói: “*Thì giới thiệu cho tôi một cô đi*”. Chị bạn nói: “*Xong ngay*”.

Hà Nội hồi đó một tháng có một phiên hội chợ ở Bồ Hồ, nam thanh nữ tú Hà Thành thường ra đó tìm nhau. Chị bạn đưa anh Tuyên đi chợ phiên chơi. Chị chỉ một cô đi trước, nói: “*Cô đó được không?*”. Tưởng ai, thì ra chị Phương con nhà giàu nổi tiếng Hà Nội, nhà ở phố Hàng Bông, xinh đẹp chẳng kém gì chị Tâm, “*có phần rực rỡ hơn*”.

Công tử đẹp trai con nhà giàu có khác. Buổi sáng cà phê Bồ Hồ. Buổi trưa cơm tám giò chả phố Huế. Buổi chiều nhể ốc mít Hồ Tây. Buổi tối hẹn nhau nơi Tháp Bút. Chưa đầy một tuần đã tuyên bố cưới liền. Tiệc cưới ở Hàng Bông - Thọ Nhuộm, một dàn xe hơi 12 chiếc kết hoa cùng đoàn người ôm trái quả đi bộ từ phố Huế lên tận phố Hàng Bông đón dâu, ba ban nhạc nổi tiếng Hà Thành về phục vụ, rượu tây thịt rừng chất đầy từ tầng một tới tầng ba. Quả là đám cưới to nhất Hà Nội.

Hôm cưới, chuẩn bị đưa dâu, anh Tuyên thấy chị Tâm đi qua trước cửa nhà, đứng khóc bên kia đường. Anh chạy ra. Chị Tâm đứng ở góc phố vừa khóc vừa kể, thì ra chỉ vì chị tự ái anh không báo chị ra ga đón mà nói vậy thôi chứ chị chẳng có đám “*sắp cưới*” nào hết. Chăn, màn, gối cưới của chị đều thêu hai chữ TT (Tuyên - Tâm). Anh Tuyên ngao ngán hết nổi.

Anh Tuyên quay vào nhà nằm, không đi đón dâu nữa. Ba điên lên, quát: *“Sao tự nhiên chúng mày giở thói ra thế, sắp cưới rồi. Nhà trai nhà gái sẵn sàng hết rồi! Cho chúng mày nói lại đi.”* Anh vùng dậy nói: *“Con đùa đấy. Không cưới người ta cưới cho.”* Nói rồi uể oải lên xe đi đón dâu. Xe đến nhà gái, cô dâu biết chuyện tự ái bỏ đi Hồ Tây ăn bánh tôm. Xe đón dâu trống chỗ.

Đám cưới *“ngựa xe như nước”*, nhạc réo vang trời nhưng không có cô dâu. Sau đám cưới ít lâu, nhà gái biết chuyện bèn hỏi chị Phương bỏ chồng. Anh Tuyên cũng muốn li dị chị Phương trở lại với chị Tâm, kệt vì chị Phương có ghen đành chịu. Nhà gái bèn mua một cái nhà ở Hải Phòng, đưa vợ chồng anh Tuyên về đây ở cho cách xa chị Tâm. Những nhằng như thế cho đến khi có hai đứa con, đến khi mang thai đứa thứ ba chị Phương mới quyết định li dị anh Tuyên, cũng là lúc chị Tâm chờ anh Tuyên không được đã đi lấy chồng.

Chuyện tình lâm li *“còn hay hơn xi-nê”* vẫn chưa hết. Hãy còn cái kết của nó nữa. Anh Tuyên kể. Chị Tiếp, vợ anh Tuyên sau này, khi biết anh Tuyên còn một đứa con nơi chị Phương đã đi tìm chị Phương cho bằng được để xin lại đứa con. Chị Phương giao lại đứa con đã đổi họ cho chị Tiếp rồi cứ thế hai chị em ôm nhau khóc. Dù chỉ có *“cuộc tình mấy ngày”* với anh Tuyên, chị vẫn yêu anh. Chị Tiếp cũng khóc, dù không dính dáng gì tới các cuộc tình trước đó, chị vẫn thương cả chị Phương lẫn chị Tâm. Người này khóc xong đến người khác khóc. Họ thì nhau khóc suốt một ngày mưa.

Kể tới đây anh Tuyên cũng bật khóc.

*

Năm tuổi yêu nhất chị Phi Yến. Chị nhận nhiệm vụ đưa đón tôi đi mẫu giáo. Lớp mẫu giáo ở phố Hàng Bài, sát ngay Rạp Tháng Tám bây giờ. Hồi đó chưa có *Phiếu bé ngoan*, chỉ có cờ hồng cờ xanh. Các lá cờ hình tam giác bé xiu được cắm vào các ô tên từng bé. Ai ngoan thì được cờ hồng, hư thì *“bị”* cờ xanh. Sáng nào chị Yến dắt tôi đi dọc vỉa hè tới lớp mẫu giáo, nói: *“Cờ hồng ăn kem, cờ xanh phát đít, nghe chưa!”* Tôi còn nèo thêm: *“Kem đồ xanh cơ!”* Chị

vỗ đít tôi, nói: “Ừ, kem đỗ xanh!” Cuối chiều chị tới đón, giấu que kem sau lưng. Tôi chạy ào ra hí hửng nói: “Cờ hồng! Cờ hồng!” Chị chia kem ra liền. Tôi vội chị mua thêm que nữa chị cũng mua. Hôm nào không được cờ hồng tất nhiên tôi lờ đi, chị hỏi: “Cờ gì?” Tôi nói: “*Em không biết*”. Chị cười toe toét, nói: “*Eo ôi cờ xanh... lêu lêu*”. Tôi khóc. Chị vội vàng “*đền*” ngay cái kem que đỗ xanh ngon lành.

Chị Yến 16 tuổi theo Gánh hát Ái Liên làm diễn viên múa minh họa, chị múa chứ không hát. Sau này về Đoàn cải lương Chuông Vàng Thủ Đô chị mới hát nhưng vẫn hát ít hơn múa. Được ít lâu chị chuyển sang Sở Thương nghiệp, làm nhân viên bán gạo. Thời chiến tranh được vậy là phúc đức lắm. Chị bán ở cửa hàng lương thực ở Ngõ Thị Nhiệm. Cả nhà nhờ chị mà mua gạo được dễ dàng.

Chị Yến rất có hiếu với ba má, luôn coi má Ái Liên như mẹ đẻ, kiếm được miếng gì ngon cũng gói ghém đưa về cho má trước tiên. Con cái trong nhà về đến nhà gặp má ai cũng kêu: “*Má ơi con đói!*”, chị Yến lần nào về nhà đều hót cổ má thì thầm: “*Má đói không, má ăn gì?*”.

Hồi còn Gánh hát Ái Liên, chị yêu anh Nhân làm hậu đài. Ba má không thích anh Nhân chỉ vì anh Nhân không có tài ca hát. Ba cấm chị không được “*giao du*” với anh Nhân, xích chân chị vào chân giường cấm không cho đi đâu. Tôi năm tuổi biết làm nội ứng cho chị, loăng quăng kiếm kìm, kiếm dao kéo cho chị cắt xích đi chơi với anh Nhân. Ba má không ngờ chị sống rất hạnh phúc với anh Nhân. Năm đứa con chị đứa nào cũng rất ngoan, rất có lễ hiếu, chúng thường xuyên tới thăm nom chăm sóc ông bà ngoại. Vợ chồng chị cũng vậy, cả hai cấm cúi chăm sóc ba má, không ai có ý trách ba má một câu nào.

Tôi yêu chị Phi Yến nhất nhà vì chị hay chở tôi ra Bờ Hồ ăn kem cóc. Lần nào thấy tôi, chị cũng nói đúng một câu: “*Sao mày gầy thế em?*” rồi lấy xe đạp chở tôi ra Bờ Hồ ăn no kem cóc mới thôi. Bất luận tôi gặp niềm vui hay nỗi buồn chị cũng chỉ nói câu đó. Ngày đóng phim *Chị Nhung*, tan buổi chiều chiều đãi mọi người xúm lại khen xinh khen đóng giỏi, chị chỉ cầm tay tôi nói: “*Sao*

mày gầy thế em?” Ngày bị sảy thai, bị kịch gia đình bắt đầu từ đó, mọi người tìm đến động viên, chị cũng chỉ nói mỗi câu: “*Sao mày gầy thế em?*” Ngày đoạt giải *Grand Prix* tại Liên hoan Ca nhạc Quốc tế Dresden lần thứ 11, bao nhiêu người ra sân bay đón, người khen giỏi kẻ khen tài, chị cũng chỉ cầm tay nói: “*Sao mày gầy thế em?*”.

Mãi khi tôi mang ông chồng tập 3 cùng hai đứa con về nước chị mới cười hì hì, vỗ vỗ lưng tôi mấy cái, nói: “*Bây giờ thì có da, có thịt rồi, phải thế này mới được chứ em*”.

Sáu tuổi

Sáu tuổi nhớ nhất chuyện đi học. Tháng 9 lớp võ lòng bên kia đường đối diện với nhà tôi treo cờ giấy đỏ xanh ngang cửa ra vào. Hai cái đèn lồng to tướng đỏ rực và một đèn kéo quân có hình đoàn em nhỏ cắp sách tới trường. Băng rôn bằng vải đỏ kéo ngang đường có dòng chữ vàng tươi: “*Tay em cầm quyển sách hồng / Em đi tới lớp võ lòng vui vui*”. Lũ trẻ 6 tuổi như tôi rộn ràng háo hức lắm, khoe nhau âm ỉ cả lên. Đứa khoe được mua cho đôi giày mới, đứa khoe cái cặp sách mới, đứa khoe cái áo mới. Chẳng thấy ba má sắm sửa gì cho ngày tựu trường tôi vẫn khoe bừa ba má mua cho cái váy hồng “*đẹp ơi là đẹp*”, “*mua tận Hồng Kông cơ*”.

Khoe xong, chạy về nhà bị ngay gáo nước lạnh: ba thông báo tôi không được nhận vào lớp võ lòng vì chưa đủ tuổi. Luật ngày xưa gay gắt lắm, dưới sáu tuổi dứt khoát không được tới lớp. Tôi sinh vào tháng 10 trong khi khai giảng vào tháng 9, đến ngày khai giảng tôi vẫn còn thiếu một tháng. Tôi nghiệp con bé khóc ngất. Tôi biết đâu luật tuổi kia, chỉ biết đã trót khoe với lũ trẻ rồi, xấu hổ muốn chết được. Đã thế anh Thành còn trêu, nói: “*Không ai cho mày đi học đâu!*” - “*Sao không cho em đi học?*” - “*Vì mày sún răng.*” Giời ơi con bé khóc ời là khóc.

Ba dỗ: “*Ba dạy con học y như chúng nó. Mình học trước ở nhà, sang năm vào học là đã giỏi ngay*”. Ba kê chiếc bàn và 2 cái ghế nhỏ, hai cha con ngồi học “*a,b,c dốt dề đi học*”, ngay dưới giàn nho xanh mướt. Học ở nhà vẫn có đủ cặp đẹp, sách vở đẹp, bút

mực thước kẻ đẹp, “*chẳng kém gì chúng nó*”. O tròn như quả trứng gà. Dễ. Ô thời đội mũ. Dễ. O thời có râu. Dễ. Ba khen giỏi mỗi miệng.

Thỉnh thoảng ông nội đi qua cũng ghé vào xem “*cháu ông học thế nào*”. Đọc sai, viết sai ông bảo không sao, hễ đọc đúng viết đúng ông rồi rít khen giỏi, làm như cháu ông vừa phát hiện ra châu Mỹ. Toàn được khen. Người nhà qua lại với mấy cũng phải ghé qua nhìn con bé học, xoa đầu khen giỏi rồi mới đi. Sướng thế.

Bà ngoại thấy cháu nhỏ học nhiều thì xót. Thấy hai cha con say sưa học lâu quá, bà vung tay xua như xua gà, nói: “*Thôi nghỉ!.. Cho nó nghỉ rồi mai học tiếp.*” Tôi nhớ cứ lúc còi Nhà Hát Lớn nổi lên (hình như vào lúc 11 giờ 30 trưa), con gà mái lại kêu cục tác, bà ngoại lại ra cái hộp đựng cát lấy quả trứng gà mới đẻ, chầm hai đầu đưa cho tôi hút, quả trứng còn nóng hôi hổi... Sướng chẳng khác gì công chúa nhà Trần đi học.

Sướng thế nên năm sau được đi học vỡ lòng, hôm đầu tiên đến lớp, dù là học sinh “*già*” nhất lớp, bà chị cả lớp nhóc, con bé vẫn sợ cô giáo không dám xin phép đi tè. Cuối buổi nhịn không nổi tè ướt quần, làm cô giáo phải dựng bàn ghế lên dội nước quét rửa cả buổi!

Kỷ niệm nhớ đời buổi đầu tiên đi học là thế.

Bảy tuổi

Vâng, bảy tuổi. Cái tuổi đã nhớ được những gì đáng nhớ. Tôi bảy tuổi, Ái Xuân bốn tuổi. Chúng tôi rất ít khi được ngủ với má. Nằm với bà ngoại, lăn lóc cố thức chờ má đi diễn về, ngoại giục ngủ hoài vẫn không chịu. Rốt cuộc ngủ quên trong lòng ngoại, má diễn về khi nào không biết. Sáng ra thức dậy thấy ba má nằm cạnh nhau thì tức lắm, làm mặt giận cho đến khi nào má “*đền*” cho cái đĩa bánh, gói xôi mới nhón nhovn vừa ăn vừa cười với má.

Mùa đông má thường diễn về sớm, Ái Xuân và tôi được dịp tranh giành nằm cạnh má. Đêm mùa đông rét buốt, gió thổi ù ù trên mái nhà, tôi nhét hai tay vào nách má, đùn hai chân vào giữa đùi má. Da

dẻ của má tôi trắng trẻo, mịn màng, thơm tho. Tôi cứ rúc vào cổ má hít hà, ngửi mồ hôi ngòn ngọt chua chua thơm thơm của má. Má vỗ đít tôi kêu lên: “*Con bé này, tay chân gì mà lạnh như ma thế!*”.

Má đi vắng liên miên, ngày đi tập đêm đi diễn, cả tuổi ấu thơ chỉ có một nỗi thèm má mà thôi. Một bữa má mang về nhà một miếng vải phin hình các trái bong bóng đủ màu sắc rất đẹp. Ái Xuân và tôi giành nhau: “*Của con... của con.*” Má vui vẻ bảo: “*Để má may quần áo cho hai chị em.*” Hai chị em thi nhau nhõng nhẽo: “*Ừ cần... ừ cần. Má ở nhà cơ.*” Chị em tôi bèn lấy ngay miếng vải trói má lại, “*để má khỏi đi đâu.*” Tôi một đầu, Ái Xuân một đầu thi nhau “*cò cưa*” kéo đi kéo lại: “*Không cho má đi... không cho má đi...*” Má cười ứa nước mắt.

*

Tôi lười ăn, người gầy nhẳng, bị cả nhà gán cho đủ biệt danh, mỗi người gọi một cách. Anh Văn hay kêu: “*Chiếc mắc áo di động của anh đâu rồi hả?*” Chị Ái Mai hay léo nhéo: “*Ê ê Cò hương ra đây chị bảo!*” Ác nhất là anh Thành, anh luôn cốc đầu đá đít tôi, quát như sấm rền: “*Hình nhân thế mạng... con ranh!*” Ghét nhất anh Sơn vì anh hay gọi tôi là “*sún*”: “*Xún ơi xún ời... xún của anh đâu dòi?*” Anh Sơn hiền lành, rất thương em út. Anh tưởng “*Sún*” là cái tên dễ thương, chẳng dè anh chọc đúng nỗi đau của tôi.

Tôi sún răng cũng vì tội lười ăn. Yêu cầu “*ăn chậm nhai kỹ*” của bà ngoại đối với tôi là một cực hình. Không được nhai trệu trạo qua quýt rồi nuốt ào cho xong, tôi vừa nhai vừa ngậm. Nhiều khi một miếng cơm tôi nhai nhai ngậm ngậm rồi ngủ quên. Ngủ dậy vẫn thấy miếng cơm còn nguyên trong miệng. Bảy tuổi hai hàm răng bị “*sâu ăn*” hết lượt, nhìn hàm răng đều tăm tắp của anh Sơn, nhiều khi tôi bật khóc.

*

Tôi nhớ gia tài của cả nhà tôi cứ dần dần thu bé lại chỉ còn có 4 món đáng giá nhất: chiếc xe đạp Dura của Pháp, quạt máy Morelli, chiếc máy khâu Singer và đài bán dẫn hiệu Phillips. Dàn xe đạp

Dura Mercier dàn hàng ngang trước cửa nhà đã biến mất, chỉ còn một chiếc nằm chổng gong ở lối vào, phương tiện đi lại duy nhất của cả nhà.

Bảy tuổi tôi biết sau Tiếp quản Thủ đô, cuộc đời ba tôi đột ngột thay đổi. Hình ảnh ông bầu của rạp hát lầy lừng, người quản lý cho nghệ sĩ nổi tiếng Ái Liên không còn nữa. Đang là người đàn ông trụ cột gia đình rất phong lưu hào hoa bỗng dưng ba tôi mất trắng, không còn gì cả.

Ba gần như thành kẻ thất nghiệp, còn má bắt đắc dĩ trở thành trụ cột gia đình. Thỉnh thoảng ba cũng nhận được về nhà việc đánh máy chữ các kịch bản cải lương, phần còn lại chủ yếu dựa vào đồng lương của má. Tuy thất nghiệp ba vẫn cố giữ chút phong lưu thời vang bóng còn sót lại. Tôi nhớ những sáng được ba đưa cả nhà sang hàng ông Bảy ở phố Nguyễn Du ăn bánh mì chim quay, món quà sáng sang trọng lúc bấy giờ. Ba mặc comple trắng đội mũ phớt, má mặc áo len dài màu đỏ khoác tay ba đi trước, cả đàn con lít nhít đi theo sau. Con trai mặc cotton trắng, con gái mặc đồ đầm hoa sặc sỡ dắt díu theo sau, trước ánh mắt ngưỡng mộ của dân hàng phố.

Có lẽ đó là hình ảnh phong lưu cuối cùng của nhà tôi. Sau đó không còn nữa, không bao giờ nữa.

5

Theo nghiệp má

Năm 7 tuổi tôi tham gia vào Đội múa của Câu lạc bộ Thiếu niên. Được một năm, trường Múa Việt Nam tới tuyển sinh, tôi được chọn. Nhận được giấy gọi nhập học, tôi sướng mê đi, từ trường tới nhà trong đầu cứ tưởng tượng mình là con thiên nga với chiếc váy trắng muốt bay bổng trên sân khấu trong vở *Hồ Thiên Nga*. Chẳng ngờ khi tôi chìa giấy gọi nhập học trường múa ra, ba má nghiêm mặt lạnh lùng. Không ai đồng ý cho tôi đi học múa. Má nói: “*Cả nhà theo nghiệp ca hát, con học múa hỏng hết giọng*”. Giấc mộng thiên nga tan tành mây khói, tôi khóc mất mấy ngày trời. Một đêm má ôm lấy thủ thi: “*Sao lại đi học múa? Con không muốn theo nghiệp má sao...*”. Bây giờ tôi mới hiểu thế nào là “*theo nghiệp má*”.

11 anh em con của má Ái Liên những ai theo nghiệp má? Xin thưa, ai cũng muốn lắm, cố gắng lắm theo nhưng không ai theo được, trừ chị Ái Loan. Anh Hà Quang Thành “*đầu hàng*” ngay từ đầu. Tiếp theo là chị Ái Mai. Chị theo đoàn Cải lương Nam bộ được hai năm, rẽ ngang làm kỹ sư dệt. Em út Ái Thanh làm diễn viên kịch Nhà hát Tuổi Trẻ được 8 năm, sau do hoàn cảnh nên em đành xin rời sân diễn để tìm kiếm một cuộc mưu sinh khác ở trời Tây. Anh Hà Quang Sơn theo Đoàn kịch Trung ương được chục năm, rẽ ngang làm họa sĩ thiết kế sân khấu. Anh Hà Quang Văn ráng theo má về Đoàn cải lương Trung ương được 20 năm, rẽ ngang làm quản lý. Anh làm hiệu trưởng Trường sân khấu điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh. Chỉ còn Ái Xuân và tôi vẫn bám lấy nghề cho tới già. Nhưng bảo rằng chúng tôi đã theo được nghiệp má thì không đúng. Chúng tôi không thể bằng được như má. Cả nhà chỉ có chị Ái Loan tài và sắc theo được má mà thôi.

Chị Ái Loan

Chị Ái Loan sinh năm 1940, anh cả Hà Quang Nam mất lúc 7 tuổi, chị thành chị cả trong gia đình. Chị có làn da trắng mịn, khuôn mặt tròn phúc hậu, chiếc răng khểnh duyên dáng, nụ cười tươi với giọng cười thật trong trẻo.

Chị giống má đủ điều. 5, 6 tuổi đã biết hát theo người lớn “*không sai một nốt*”, nhờ má kèm cặp nên 7 tuổi chị đã hát được những bài hát khó, 8 tuổi đã lên sân khấu cùng má. Đóng vai con gái người ăn xin mùa lòa, chị hát hay quá làm khán giả nức nở hết lượt. Ngày xưa mỗi khi xem lớp nào hay hoặc ai đó diễn hay khán giả tung tiền lên sân khấu. Cứ đến lớp chị Loan là tiền tung lên sân khấu tới tấp. Mỗi đêm diễn có chị Loan thủ vai thu được bao nhiêu là tiền.

9 tuổi chị Loan đã cùng má thu đĩa cho hãng Odéon của Pháp *Liên khúc Cò lả - Trống quân* và được phát liên tục trên sóng phát thanh Radio Sài Gòn của ông Bourjois. 16 tuổi tiếng hát của má được phát trên sóng Radio Sài Gòn, nhờ vậy má nổi tiếng khắp nước. Chị Loan 9 tuổi cũng đã được như má. Ông Bourjois ôm chị Ái Loan nói đi nói lại: “*Bien heureuse est la famille dont l’enfant surpasse le père*” (con hơn cha, nhà có phúc). Lời chúc tụng thật ngọt ngào.

Anh Văn kể. 10 tuổi chị đóng vai Loan trong phim *Nghệ thuật và hạnh phúc*, tiếp đến vai Nghi Xuân trong phim *Phạm Công Cúc Hoa*, vào đúng thời điện ảnh là món đặc sản mới lạ và hấp dẫn, chị nổi tiếng khủng khiếp.

Anh Sơn kể. Năm 12 tuổi chị Loan đã thủ vai chính trong chùm nhạc kịch *Mai Sinh viếng mộ Hỷ Đồng; Mai Lan viết thư; Con thuyền không bến*. Chị Loan nho nhỏ, đội mũ phớt đeo râu, đóng vai con trai. Khán giả kéo nhau xem “*đông nghìn nghịt*”.

Anh Tuyên kể. Cuối năm 1953 ba đưa hai phim *Nghệ thuật và hạnh phúc* và *Phạm Công Cúc Hoa* vào Sài Gòn chiếu, đưa cả chị Ái Loan đi theo, lúc đó chị mới 13 tuổi. Nghe tiếng Ái Loan hàng ngàn người tập trung ở khách sạn nơi ba và chị nghỉ lại, nhất định đòi gặp cho được Ái Loan. Bí thế ba cho in hàng nghìn bức ảnh Ái Loan kèm lời đề tặng thả xuống cho mọi người. Thời này có được một bức ảnh như thế là quý lắm. Mọi người nhặt được ảnh như là

được gặp Ái Loan rồi, vui vẻ ra về, khi đó khách sạn mới yên ổn trở lại.

*

Anh Tuyên nói: “Ái Loan thì nổi tiếng hơn các em nhiều. Tài danh Ái Loan hơn các em nhiều. Các em không thể nào bằng chị Loan được”. Không chỉ anh Tuyên nói, cả nhà tôi đều nói vậy. Cả tài năng và nét ăn nết ở chị Ái Loan đều ăn đứt anh em chúng tôi, khó ai được như chị.

Anh Tuyên nói: “Hiếm ai được như chị Loan đâu. Chị coi con mẹ già như anh trai. Anh nhờ chị Loan mới có tiền tiêu đấy. Anh toàn chơi có làm ăn gì đâu, làm gì có tiền. Chị Loan đi hát có tiền toàn dúi tiền cho anh tiêu”. Đúng rồi. Ngày đó mỗi khi chị Ái Loan lĩnh lương là đàn em của chị vui như hội. Ấy là ngày chị dắt các em đi sắm sửa.



Chị Ái Loan năm 17 tuổi

Trước khi chị về trời chừng ba ngày chị dắt tôi ra chợ Hôm mua cho một đôi guốc màu đỏ có vẽ con chim sẻ màu xanh đỏ trên bông hoa cúc màu vàng. Tôi mê đôi guốc đến nỗi không dám xỏ chân đi, cứ ôm khư khư trước ngực. Có ngờ đâu đó là món quà cuối cùng của chị.

*

Ba kể.

18 tuổi Ái Loan đẹp rực rỡ, vào vai Diêu thuyền trong vở *Phụng nghi đình*, làm ngây ngất bao nhiêu chàng trai trẻ trong Nam ngoài Bắc. Danh tiếng “*về nữ nghệ sĩ tài sắc Hà Thành, hát hay như Ái Liên, xinh đẹp như Thúy Kiều*” râm ran cả nước.

Cũng là lúc trời gọi chị về.

Chia tay với nghệ sĩ piano Hoàng Mãnh, chị Loan yêu anh Mạnh Tường - nghệ sĩ cải lương. Anh Mạnh Tường đẹp trai và rất hiền, cười có cái răng khểnh thật duyên. Chị Loan cũng có cái răng khểnh. Anh em trong đoàn hay trêu: “*Mạnh Tường mà hôn Ái Loan / răng khểnh đụng phải răng khểnh vỡ hàm cả hai...*”.

Còn một tháng nữa là cưới. Bỗng xảy ra những chuyện lạ lùng.

Một hôm đi làm về mặt chị đỏ bừng, mắt đỏ lựng, cứ lảm nhảm đòi ăn chuối: “*Chuối đâu?... chuối đâu?*” Ai hỏi cũng không nói gì hơn, cứ một mực đòi chuối. Sau, bà ngoại nghi nghi mới mua chuối về, thấp nhang lên khăn và hỏi han, nói: “*Dạ thưa... cô là ai?*” Chị nói tỉnh bơ: “*Cô Chín đây. Cô ở miếu Hai Cô đây*”. Cả nhà sửng sốt. Miếu Hai Cô gần rạp Đại Nam, miếu này lâu rồi không ai hương khói. Tới chừng bà ngoại mời “*Cô*” ăn chuối, chị bẻ quả chuối ăn ngấu nghiến được nửa quả rồi buông tay nắm vật xuống giường thiếp đi. Non giờ sau chị tỉnh dậy ngơ ngác, hoàn toàn không biết gì chuyện vừa xảy ra.

Còn một tháng nữa là tới ngày cưới. Đoàn cải lương xuống Hải Dương diễn. Ba má bảo chị Loan ở nhà chuẩn bị lễ cưới. Chị không

chịu, bảo con thu xếp xuống sau với đoàn vì con là diễn viên chính, nghỉ thì kỳ lắm, chị đi sau. Chuẩn bị xuống theo đoàn, chẳng hiểu sao tự nhiên chị vội về nhà lấy mấy bộ đồ tuồng mặc vào để đi chụp hình mà không kịp ủi. Tính chị rất cẩn chu, chưa bao giờ mặc đồ không ủi. Ba nhắc: “*Sao con không ủi đi rồi mặc?*”. Chị Loan cười hì hì không nói gì, cứ thế mặc. Sau khi mất, những tấm hình đó được dùng làm ảnh thờ. Giống như là điềm báo vậy!

*

Má kể.

Đoàn đi xuống trước mấy ngày, xuống huyện Cẩm Giàng cách Thị xã Hải Dương 7 cây số. Chị Loan đi xe đồ xuống sau. Hôm đó là ngày rất nắng, chị đi bộ từ bến xe ở Thị xã Hải Dương đi về huyện, tới nơi bị cảm nắng, sốt, càng lúc sốt càng cao. Anh chị em trong đoàn người đi bẻ lá nẫu nôi xông hơi, người tìm lá nhọ nôi đem về sắc lên cho chị uống.

Đoàn có chị y tá học cấp tốc 3 tháng vẫn hay theo đoàn phục vụ thuốc thang, chuyên môn chưa đủ tháng nhưng rất hay nói “*chuyện y khoa*”. Thuốc bị ẩm mốc, y tá mang ra phơi nắng. Anh em kêu, nói: “*Thuốc mốc là thuốc đã biến chất còn dùng gì được mà phơi?*”. Y tá nói: “*Phải tiết kiệm thuốc, phơi khô bằng phương pháp y khoa dùng được tất*”.

Chị Loan đang nằm nghỉ, y tá xách túi thuốc tới, nói: “*Ái Loan nói ốm thế này sợ khan tiếng tới không hát được. Phải chích thuốc Uyn-com-phe (một loại thuốc có dầu thường được chích vào bắp thịt để chữa cảm lạnh) cho mau khỏi để tới còn diễn*”. Nói rồi chị đập lọ thuốc, không thử phản ứng gì hết, cứ thế tiêm ven. Mạch chị Loan rất nhỏ, không tìm thấy được, y tá chọc ven mãi không được. Chị Loan còn đùa: “*Chích từ giờ đến tới thế nào cũng trúng ven*”. Khi y tá chích thuốc xong, rút kim tiêm ra là chị Loan cảm khâu luôn.

Má cuống lên, ôm lấy chị Loan kêu khóc. Y tá bảo với má: “*Chị cứ để yên để em chữa bằng phương pháp y khoa*”. Nói rồi y tá tát chị

Loan bốn tát rất mạnh. Chị Loan nước mắt cứ chảy ròng ròng. Thấy sự lâm nguy, đoàn trưởng cho gọi xe cấp cứu. Lúc đó trời mưa rất to, đường làng trơn lầy lội, xe cấp cứu không vào được, mọi người phải khiêng vồng chị suốt 7 km dưới trời mưa tầm tã. Ra tới bệnh viện huyện, họ bảo không chữa được. Lập tức xe cấp cứu chở chị và má tôi cùng mấy người trong đoàn chạy thẳng về.

Ở nhà ba hay tin liền gọi xe cấp cứu bệnh viện Bạch Mai đi cùng hai bác sĩ chạy về Hải Dương. Được nửa đường xe cấp cứu của ba gặp xe cấp cứu chở chị Ái Loan. Ba đưa chị Loan lên xe, chạy được một quãng thì chị Loan lạnh người dần trên tay ba.

Kể đến đây má nghẹn lại, chỉ còn nói được một câu: “*Đám tang Ái Loan được gọi là đám tang hoa trắng. Máy xe cam nhông hoa trắng....*” Và má nấc nghẹn. Từ đây về sau cứ nhắc đến chị Ái Loan là má nấc nghẹn, cái nấc nghẹn đau buốt và đắng ngắt.

Tôi càng hiểu ba tiếng “*theo nghiệp má*” mới quan trọng đến thế nào.

Anh Hà Quang Sơn

Anh Hà Quang Sơn sinh năm 1943, tuổi Quý Mùi, thua chị Ái Loan ba tuổi. Người anh nho nhỏ nhưng hát rất hay. Trong gia đình điệu *Cò lả* anh Sơn hát hay nhất. Má khen anh hát còn hay hơn chị Ái Loan...

Con cò là cò bay lả í a lả lả bay la

Bay từ là từ cửa phủ bay ra là ra cánh đồng...

Anh nhả hai chữ *cửa phủ* thật ngọt, nghe mê đi.

Gánh hát Ái Liên tại Hải Phòng. Anh Sơn 9 tuổi tham gia diễn vở *Mai Sinh viếng mộ Hỷ Đồng* và *Con thuyền không bến* cùng chị Ái Loan 12 tuổi. Anh Sơn thủ vai chủ quán, lăm hôm trốn xuống gầm sàn diễn ngủ khì. Bà ngoại tìm được vừa phát đít vừa nhéo sườn thúc lên sân khấu. Anh Sơn lọ mọ lên sân khấu mếu máo hát: “*Đêm*

nay thu sang cùng heo may. Đêm nay sương lam mờ chân mây...”. Khán giả không biết, nghe hát hay quá cứ vỗ tay không dứt.

Anh cả Hà Quang Nam mất rồi, anh Văn còn bé, hai chị em Ái Loan - Quang Sơn thường lên sân khấu với nhau. Phim *“Phạm Công Cúc Hoa”* anh chị cũng diễn cặp với nhau, chị Loan đóng Nghi Xuân, anh Sơn đóng Tấn Lực. Ái Loan - Quang Sơn trở thành cặp đôi diễn viên nhí rất ấn tượng. Anh Tuyên kể. Cứ thấy cặp đôi diễn viên nhí này lên sân khấu là tiền bay lên sân khấu tới tấp *“như mưa rào”*.

Anh Sơn vào Đoàn kịch nói Trung ương từ năm 1962, cùng thời với anh Doãn Hoàng Giang, Nguyệt Ánh, Văn Thành, Tú Lệ, Anh Thái, Bích Châu, Hồ Kiêng... Sau vì vóc người nhỏ bé khó có vai diễn nên chuyển sang làm đạo cụ sân khấu. Bà ngoại truyền nghề làm đạo cụ bằng giấy bồi cho anh.



Ái Loan, Quang Văn, Quang Sơn trong nhạc cảnh “Mai Sinh viếng mộ Hỷ Đồng”

Ngoại làm đạo cụ sân khấu bằng giấy bồi vô cùng thiện nghệ. Anh Sơn khéo tay và sáng dạ tiếp thu rất nhanh những gì ngoại dạy cho, anh nhanh chóng trở thành *“cây đạo cụ trẻ”* nổi tiếng, các đoàn Kịch nói Trung ương, Cải lương, Tuồng, Chèo, Múa rối... đều cậy

tới anh làm đạo cụ. Tôi còn nhớ hồi đó, mỗi khi các đoàn dựng vở mới là sân nhà tôi lại rộn ràng, tấp nập. Mấy bà cháu dán dán bồi bồi, sơn sơn phết phết đủ thứ từ trái cây, bộ ấm chén cho tới con gà, con cá....

Năm 1980 anh theo học tại chức tại Trường Đại học Mỹ thuật Bộ Văn hóa, từ đó trở thành họa sĩ thiết kế sân khấu nổi tiếng, liên tục nhận được lời mời thiết kế sân khấu cho hầu hết các nhà hát và đoàn kịch ở Hà Nội. Từ đây anh cũng nhận nhiều huy chương và bằng khen của Bộ Văn hóa trong các liên hoan sân khấu toàn quốc. Tôi nhớ có bài báo khen ngợi thiết kế mỹ thuật vở *Nàng Sita* do anh thiết kế cho đoàn tuồng Quảng Nam - Đà Nẵng, đại ý mùa hội diễn ca kịch 1985 có cả thấy 7 đoàn dựng vở *Nàng Sita*, chỉ có thiết kế của Đoàn Tuồng Quảng Nam - Đà Nẵng là hay nhất, “*sáng và sang nhất*”.

Anh Sơn về trời năm 2004. Trước đó ít lâu năm 1998, anh tổ chức một cuộc triển lãm tại 16 Ngõ Quyền kéo dài hai tuần. Cuộc triển lãm “*Tranh Hà Quang Sơn*” có tiếng vang ở Hà Nội, nó như một cuộc chơi “*dối giả*” của anh, những suy nghiệm trong đời đã được anh khắc họa bằng những tiểu phẩm màu dựa trên những sự tích dân gian. “*Xem tranh Hà Quang Sơn biết Hà Quang Sơn là ai. Giản dị và bao dung, trùm lên tất cả một chữ YÊU*”. Có ai đó đã ghi vào sổ lưu niệm như vậy.

Anh yêu nghề, luôn tận tụy trong nghề, ít quan tâm đến tiền bạc. Nhiều lúc anh cứ cảm cúi làm cho các đoàn mà chẳng cần biết họ sẽ trả bao nhiêu. Đoàn nào “*quên*” trả cho anh, anh cũng quên luôn. Anh là mẫu người “*minh vì mọi người*”. Ngoài xã hội cũng như trong gia đình anh luôn nhường nhịn, nhường nhịn dường như một triết lý sống cả cuộc đời anh.

Lương có bao nhiêu anh đưa hết cho ba má nuôi các em, bản thân ăn toàn bột mì luộc với rau muống luộc. Nhiều lúc 9, 10 giờ khuya, các em thèm ăn gì là anh phóng xe đi mua liền. Ngay cả bạn bè anh cũng làm vậy. Anh rộng rãi với mọi người mà rất tận tụy với bản thân. Gặp miếng gì ngon, mọi người nhường cho, anh đều từ chối,

bảo không thích. Phải dọa: “*Anh không ăn chẳng ai ăn nữa đâu, phải đồ đi, phí!*”. Khi đó anh mới chịu ăn.

Nhớ mãi những chuyện vui. Thời anh yêu chị Quyên, vợ anh bây giờ. Chị Quyên có con búp bê của bố mang ở nước ngoài về quý lắm, chẳng may bị rơi 1 con mắt. Anh Sơn bảo để anh mang về sửa. Tin tưởng người yêu khéo tay, làm đạo cụ sân khấu giỏi như thần chị Quyên giao con búp bê cho anh. Chẳng biết anh sửa thế quái nào rụng luôn nốt mắt kia!

Bố chị Quyên có bộ vest bằng vải đùi chuyen mặc đi họp hành, chẳng may bị chút ố bẩn. Anh hăng hái bảo: “*để con mang đi giặt*”. Chị Quyên nghĩ chút ố bẩn bộ vest chắc anh sẽ giải quyết ngon ơ. Không ngờ anh mang bỏ vào máy sấy của nhà máy dệt 8/3. Bộ vest tan tành! Nhớ cái mặt thuôn của anh lúc đó quá, cười mà ứa nước mắt thương anh.

Anh Hà Quang Văn

Anh Hà Quang Văn sinh năm 1946. Sáu tuổi đã lên sân khấu cùng với chị Loan, anh Sơn trong vở *Mai Sinh viếng mộ Hỷ Đồng*. Anh Văn còn bé, bà ngoại chỉ cho làm vai hầu quán (giống như chân sai vặt), vẽ râu và buộc khăn vuông góc ở trên đầu. Anh cầm cái gậy hết đi vào cánh gà lại đi ra sân khấu, không phải nói câu nào. Thế mà cũng bị ngoại phát đít cho mấy lần, can tội ngủ gật đi lại lộn tùng phèo trên sân khấu.

Mê nhạc kịch nhưng anh Văn vẫn đắm đuối với cải lương. Anh thích ôm đàn guitar, hồi đó gọi là tây ban cầm, ca mấy câu trong bản vọng cổ *Gánh chè thương* của soạn giả Viễn Châu:

Nghe tiếng rao trong đêm dài u hoài qua từng nơi xóm vắng. / Ôi tiếng rao sao nức nở bi thương / Qua từng phố đông... qua từng phố đông...

Nhắc đến cải lương là nhớ đến anh Văn. Anh là người theo nghiệp cải lương của má bên bỉ nhất...

Năm anh lên bảy tuổi, không biết ba má nghĩ thế nào lại cho anh đi học đàn violon. Có lẽ ba má nghĩ ban nhạc gia đình còn thiếu một cây violon. Anh học chung với con ông Thẩm Hoàng Tín. Hai năm sau Ngày giải phóng Thủ đô, gia đình Thẩm Hoàng Tín “*vượt biên*” vào Sài Gòn, anh chán cũng bỏ luôn. Vẫn ngày ngày vác đàn đi học nhưng kỳ thực trốn vào rạp xem cải lương.

Hồi đó xem đoàn cải lương Nam bộ diễn, nhiều vở hay quá. Anh xem các vở *Mẫu đơn tiên*; *Dệt gấm* bao nhiêu lần không biết chán. Thấy thông báo tuyển sinh cải lương ở 96 phố Huế (nhà Lưu Quang Vũ sau này ở), anh đi thi, ba má không biết gì cả. Anh đóng vai ông Vận, cái vai ngồ ngồ khùng khùng, vác cái cuốc qua lại, hát: “*Hôm qua lão nông đi thăm ruộng tình cò gặp tôi đi qua...*”. Bác Ba Du làm giám khảo vỗ tay đánh bốp, nói: “*Thằng nhỏ này đúng là con nhà nòi!*”. Thế là anh được nhận vào.

Cầm giấy báo trúng tuyển chạy về nhà, anh nửa muốn khoe nửa không dám. Ba hỏi: “*Mày làm sao mà như gà mắc tóc thế con?*”. Anh nói: “*Con bỏ học đàn rồi*”. Vừa nghe anh nói ba chực vung tay cho một bộp. Anh nhanh nhẹn chìa cái giấy trúng tuyển khoa ca kịch dân tộc trường sân khấu, ba lại trợn mắt lên, vung tay... xoa đầu anh, nói: “*Giỏi! Biết nói nghiệp má... giỏi lắm!*”.

Năm 1962 ra trường anh Văn về Đoàn Cải lương Nam bộ. Tới năm 1977 về Đoàn Cải lương Trung ương, diễn hai vở *Chiếc nhẫn ngọc* và *Người công dân số 1*. Năm 1978 anh được đi học Liên Xô, về nước năm 1984, anh chuyên làm đạo diễn cải lương cho các nhà hát và đoàn cải lương trên toàn quốc. Từ đó đến nay anh đã có hơn năm chục vở lớn nhỏ cho sân khấu và truyền hình, trong đó các vở *Ký họa người đồng bằng*; *Hôn em nông say*; *Hoàng hậu Ba Tư*; *Mùi tên oan nghiệt*; *26 ngày làm vua...* gây được tiếng vang trong làng sân khấu.

Năm 1985 tôi có thai cu Vũ, tuy bụng bầu vượt mặt nhưng nghe nói Liên hoan sân khấu kỳ này anh Văn tham gia vở *Ký họa người đồng bằng*, tôi cũng cố xem cho kỳ được. Đây là liên hoan sân khấu hoành tráng nhất, chất lượng nhất từ trước tới nay, vì nó diễn ra đúng thời hoàng kim của Sân khấu Việt Nam.



Hà Quang Văn và Ái Xuân

Phải nói cách xử lý đạo diễn của anh Văn trong vở *Ký họa người đồng bằng* có nhiều đoạn rất hay và thú vị. Phần trang trí (anh Hà Quang Sơn thiết kế) là hai cây dừa làm bằng mây. Chúng biến chuyển, di động, khi thì là cây dừa miền Nam, khi hạ xuống thành cây cầu dừa, khi xếp lại thành ngôi nhà của ông chủ tịch, khi sụp xuống thành căn hầm. Anh Văn dùng những ngọn đèn Hoa Kỳ (đèn bão) giống như những con đom đóm màu xanh thay đổi từng cảnh. Khi đèn tắt hết, chỉ có những “*ngọn đèn-đom đóm*” bay lượn khắp sân khấu, tạo khung cảnh rất Nam bộ, rất riêng không giống vở nào khác. Một xử lý tài hoa, nghe rõ tiếng xuýt xoa thán phục.

Bên cạnh đó là cách xử lý ánh sáng, như khi linh hồn những người lính xuất hiện trong những bộ quân phục màu trắng, kết hợp ánh sáng và âm nhạc, ấn tượng đến nổi da gà. Hay khi người nông dân phải chặt những cây xoài thì từ trên cao, những trái xoài (bằng giấy, anh Sơn làm) rụng đầy xuống sân khấu, ông già ôm những trái xoài bị đốn gục, khóc và ca... Khán giả vỗ tay rầm rầm!

Ký họa người đồng bằng gây xôn xao dư luận. Chị Thanh Kim Huệ rất khoái, mời anh Văn đến chơi nhà, nói đi nói lại hoài về vở *Ký họa người đồng bằng*. Ai cũng tin nó được vàng, chẳng ngờ đến ngày trao giải chỉ được cái giải bạc. Vàng, bạc là trò chơi bất công bằng xưa nay trong sân khấu, anh em tôi chẳng lạ gì nên chẳng quan tâm. Tôi mừng anh Văn có được một vở diễn ưng ý, được đồng nghiệp tán phục. Anh cười, nói: “*Anh bắt đầu quên nó rồi để làm cái khác*”.

Anh luôn luôn bận rộn. Viết kịch bản, dàn dựng vở mới và dịch sách, cho đến bây giờ vẫn không chịu nghỉ ngơi. *Giáo trình Phương pháp đào tạo diễn viên cải lương* và ba tập kịch bản sân khấu được nhiều người biết tới: *Gia đình Buenos Aires* (kịch Chi Lê); *Đám cưới muộn màng* (kịch Ý); *Chúng ta sẽ có con* (Kịch Đức) là do anh dịch trong những ngày anh đi dạy, làm hiệu phó rồi hiệu trưởng Trường sân khấu điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Văn là người thầy của Ái Xuân và tôi thuở ấu thơ. Tất cả các tiết mục của Ái Xuân và tôi đều do má tập hát và anh Văn dàn dựng. Anh Văn đặc biệt giỏi về vũ đạo. Anh thường cùng chị Thu Vân biểu diễn vũ đạo khắp nơi. Tôi vẫn nhớ những đường quyền trong tiếng nhạc: “*Công xáng công liu u, liu công xê xàng xê...*” và những màn trình diễn đơn kiếm, song kiếm, mã tấu của anh và chị Vân, đến đoạn vừa mã tấu trong tay, vừa “*loan*” (lộn) khắp hàng chục vòng trên sân khấu, khán giả như vỡ òa trong những tiếng reo hò và vỗ tay tán thưởng.

Một hôm anh mang về bài *Tía em hết sợ*, một bài hát vui của Thanh Lý trong miền Nam dựa theo làn điệu cải lương *Bắc sơn trà*. Anh Văn dàn dựng cho cặp song ca nhí Ái Vân - Ái Xuân, bài hát đã vui càng thêm vui, diễn ở đâu cũng được các chú các cô khen nức nở.

Ngoài dạy nghề anh Văn còn “*thay mặt cha*” dạy dỗ chúng tôi. Hồi đó anh rất cách mạng, chúng tôi gọi anh là “*ông Paven*”. Anh đem sách *Thép đã tôi thế đấy* của Nchiculai Oxtropxki, *Ruồi trâu* của E.Voynich; *Đội cận vệ thanh niên* của Fadeev, *Bất khuất* của Nguyễn Đức Thuận, *Sống như Anh* của Trần Đình Vân, *Hòn đất* của Anh Đức... về cho đọc. Hễ không đọc là ăn đòn. Nói thật tôi

không sợ ba bằng sợ anh Văn. Ba thì lúc nào câu lên chỉ quát: *“Tao tát cho vỡ mặt bây giờ!”* nhưng chỉ dọa vậy thôi, ít khi động đến con cái. Anh Văn khác, anh có cây roi dắt vách nhà, hễ mắc lỗi là ăn đòn không *“oong đơ”* gì hết.

Có lần, Ái Xuân và tôi trốn ngủ trưa ra ngoài chơi, bị anh Văn bắt quả tang. Anh xách cổ về bắt hai đứa nằm úp mặt xuống giường. Kể tội xong, anh hỏi: *“Mỗi đứa mấy roi?”*. Đương nhiên là chỉ dám nhận khiêm tốn nhất là 2 roi. Tôi bị quát đầu, cắn răng chịu đau, không dám khóc to. Đến lượt Ái Xuân, anh vừa vung roi đã là lỗi om sòm *“Ôi ôi!... đau đau!...”*. Anh quát: *“Đã đánh đau mà đau hả? Đã thế phạt thêm 3 roi nữa vì tội ăn vạ!”*. Thấy Ái Xuân bị *“ăn”* thêm 3 roi tôi khoái chí cười toe toét, quên cả đau. Ái Xuân tức lắm, anh Văn vừa dắt roi bỏ đi là xông ngay vào đám bà chị túi bụi. Tôi khóc tu tu. Bà ngoại ngạc nhiên hỏi: *“Ủa con bé này hồi này bị đòn không khóc, sao giờ lại khóc?”*. Ái Xuân nhanh nhẩu bảo: *“Chắc chị Vân thương con bị đòn đau đấy ạ”*.

Chuyện buồn cười ngày xưa nhớ lại cứ ứa nước mắt.

Ban nhạc gia đình

Ba hay nói: *“Nhà mình phải là một ban nhạc”*. Quả đúng vậy. Không biết ban nhạc gia đình có từ lúc nào, khi tôi lớn lên nó đã được sinh hoạt rất nhen nếp. Má nói: *“Theo nghiệp má không phải cứ suốt đời theo má hát cải lương mà phải biết yêu nghệ thuật, biết nuôi dưỡng tâm hồn, đừng để nó khô héo đi”*. Theo đó có lẽ ban nhạc bắt đầu từ khi cả nhà về ở nhà 36-38 phố Huế năm 1945, cho tới khi má mất năm 1991, hơn nửa thế kỷ chứ không ít.

Ban nhạc gia đình bắt đầu từ khi có chị Ái Loan, anh Sơn. Thoạt đầu là các buổi hòa nhạc dân tộc, má đánh đàn kìm, chị Ái Loan đàn tranh. Anh Sơn gõ phách. Rồi má dạy hát. Dạy chị Ái Loan ca cải lương, dạy anh Sơn ca nhạc cổ hát dân ca. Chị Phi Yến cũng tham gia ban nhạc gia đình, múa hát theo điệu *Cò lả* cùng chị Ái Loan và anh Sơn.

Ba năm sau ban nhạc gia đình có thêm anh Văn. Má đánh đàn kìm hát 6 câu vọng cổ, chị Ái Loan ca liên khúc *Cò lả - Trống quân*, anh Sơn và anh Văn thay nhau đánh trống gõ phách hát hát nhảy múa múa. Đôi khi má dựng những lớp nhạc kịch tự biên tự diễn để các con làm quen với loại hình operet. Nhờ đó chòm nhạc kịch *Mai Sinh viếng mộ Hy Đồng; Mai Lan viết thư; Con thuyền không bến* cả chị Ái Loan, anh Sơn, anh Văn đều có vai.

Ba năm sau nữa có thêm chị Ái Mai, anh Thành rồi có thêm tôi và Ái Xuân. Chúng tôi hợp lại thành gánh nhạc mini khá độc đáo. Bài tập hàng ngày là hòa tấu những bản nhạc hết sức kinh điển mà đến tận bây giờ mỗi khi có chương trình ca múa nhạc dân tộc, các bản này vẫn được các nghệ sĩ biểu diễn. Đó là các bản Lưu Thủy - Kim Tiền - Xuân Phong - Long Hồ.

Ban nhạc gia đình vận hành như thế này: ba và anh Văn viết kịch bản cũng như các lời ca cải lương. Má và anh Văn làm đạo diễn. Anh Sơn được giao nhiệm vụ đảm trách tất cả các công việc làm đạo cụ. Anh Thành đánh trống hoặc gõ phách. Ba chị em Ái Mai, Ái Vân và Ái Xuân làm diễn viên cùng má. Bà ngoại lo nấu nướng hoặc may vá quần áo cho các “nghệ sĩ”.



Cả nhà trên má

Khán giả trung thành và cũng là duy nhất là cô em út Ái Thanh. Thanh ngồi vắt vẻo trên ghế đầu, ngھn cổ lên xem hết sức chăm chú. Ba tôi lăng xăng lo pha nước chanh, gọt trái cây và đứng ngoài cầm quạt nan quạt một cách cực kỳ nhiệt tình. Vừa đứng quạt, vừa nghe diễn tập, ba tôi vẫn thỉnh thoảng chen vào vài câu góp ý. Đôi khi hát say sưa, ngoảnh lại thấy ba đứng tựa vào cánh cửa, mắt lim dim, miệng trễ xuống trông rất chi là quan trọng, thật thương.

Những buổi sinh hoạt ban nhạc gia đình thường diễn ra tùy hứng, không có ngày nhất định, có thể vào buổi chiều hoặc buổi tối. Nhiều lần có Văn Hai đánh đàn tranh (lúc này mới chỉ đang bí mật hò hẹn với Ái Xuân), và một nhạc sĩ đàn bầu trẻ tuổi tên là Văn Thành. Nhiều buổi tập trung cho Ái Xuân và tôi tập tiết mục mới. Má, Văn Hai và Văn Thành đệm đàn, anh Văn đạo diễn, ba và anh Sơn đứng ngoài góp ý kiến.

Chị Ái Mai giọng hơi yếu nhưng hát rất chuẩn, vẫn đứng bên nắn giọng cho các em. Chị Phi Yến cũng tham gia ban nhạc. Những tiết mục múa hát có chị Phi Yến thật là vui. Chị kiên trì nắn từng động tác múa cho Ái Xuân và tôi.

Anh Thành cũng loăng quăng hỗ trợ ba “*tổ chức biểu diễn*”, hết chọc người này đến gھeo người kia: “*Ranh con, mày hát hay lên gân thế hả?*”- “*Hát gì mà gân cả cổ như đi cặi nhau thế hả?*”- Những nhận xét rất ba lơn của anh lúc đó nghe rất tức, sau này nhớ lại mới thấy thương anh.

Mấy năm sau Ái Thanh đã lớn, tham gia ban nhạc được rồi. Thật vui. Dịp lễ tết cả nhà thường đông đủ. Chị Phi Yến, anh Sơn, anh Văn, anh Thành, chị Ái Mai được về nhà. Cùng với Ái Vân, Ái Xuân, Ái Thanh tất cả thành một ban hợp ca. Má thì đệm guitar, anh Văn chỉ huy, anh Thành đánh trống jazz, anh Sơn gõ phách. Chị Ái Mai, tôi, Ái Xuân và Ái Thanh thay nhau lĩnh xướng. Những bài hợp ca được yêu thích nhất, dễ hát bè nhất thường là những bài nhạc Nga như *Đôi bờ*; *Cây thùy dương*; *Cây bạch dương*; *Chiều hải cảng* v.v... Vô số bài hát Nga có thể hát bè rất hay như vậy khiến buổi văn nghệ gia đình có thể kéo dài mấy tiếng.

Những lúc ấy mọi người trong xóm nhà 38 kéo tới xem rất đông. Nhiều lúc những người bạn của các anh chị, của gia đình tình cờ có mặt cũng hát hòa theo, nhiều người đến chơi còn xách theo cây đàn guitar. Đêm văn nghệ ngẫu hứng lập tức được nhóm lên với sự hưởng ứng và tham gia rất nhiệt tình của tất cả mọi người xóm nhà 38 và được kết thúc bằng một châu ốc luộc lúc gần nửa khuya...

Nhớ nhất là những lần cả ban nhạc gia đình đi nhà hát, cứ rong rảnh như một đoàn văn công đi dã ngoại. Ai thấy cũng tưởng là sang lắm, kỳ thực không đủ xe đạp đèo nhau phải đi bộ. Nhiều lần không có vé phải dùng “*mẹo vặt*” mới đưa đủ mười mấy người vào nhà hát.

Một lần có đoàn nghệ thuật Kazakhstan của Liên Xô diễn ở Nhà Hát Lớn, ai cũng muốn đi xem trong khi chỉ có một vé mời của má. Ba bắt đầu giở bài “*mẹo vặt*”. Ông nói: “*Thôi được, không sao. Cả nhà ăn mặc đẹp vào, nước hoa thơm phức cho ba*”. Mọi người làm theo lệnh ba rồi rong rảnh kéo nhau tới Nhà Hát Lớn.

Đi đầu tiên là anh Thành đẹp trai nhất nhà. Anh ăn mặc sang như công tử Bạc Liêu. Chú Tam soát vé hỏi: “*Vé đâu?*”. Anh hất mặt nói: “*Đằng sau!*”. Tiếp theo là anh Sơn. Chú Tam lại hỏi: “*Vé đâu?*” Anh hất mặt nói: “*Đằng sau!*”. Cứ thế cho đến người cuối cùng là má. Chú Tam hỏi: “*Chị Ái Liên, sao cả nhà mà chỉ có một vé?*” - Má làm bộ ngạc nhiên, nói: “*Tôi biết đâu, vé đúng tên tôi đây thôi*”. Khi đó mấy cha con đã chạy trốn thật lẹ. Ba cười hì hì nói: “*Thà thế còn hơn để chúng mày trèo ống máng Nhà Hát Lớn*”.

Một lần cả nhà có vé đi xem ca nhạc, loanh quanh thế nào mà trễ mất giờ, không thể đi bộ đến Nhà Hát Lớn được. Nhà chỉ có 2 chiếc xe đạp nhưng lại có 7 người đi. Ba hỏi cả nhà đi mau. Người thì lên xe đạp chở nhau, người nhanh chân đi trước, kệ ba tự giải quyết. Cả nhà đi rồi, ba mặc áo quần sang trọng như ông lớn ra đường vẫy một ông xe đạp. Ba nói to giọng rất quan trọng: “*Đồng chí chở giùm ra Nhà Hát Lớn, gấp lắm!*”. Ông xe đạp tưởng ba là ông to đang thi hành công vụ, vội dừng xe đón ba rồi cầm cổ đạp một hơi tới Nhà Hát Lớn. Cũng vừa lúc Nhà Hát Lớn mở màn.

Ba thì nhiều “*mẹo vặt*” lắm, kể mãi không hết.

6

Lên mười

Tháng nào cũng vậy, nửa tháng đầu là đã tiêu hết veo tiền lương, nửa tháng sau phải xin ứng tiền lương để sống tiếp. Quần áo thì cứ lấy của đứa lớn may lại cho đứa nhỏ kẻ tiếp, con cái công tử Hà Thành cũng rách rưới hết con cái dân nghèo thành phố. Cái đói trùm khắp tuổi thơ tôi.

Con nít thường không thấy khổ chỉ thấy vui. Hàng ngày, trẻ con phố Huế chúng tôi thường chơi nhảy dây, ô ăn quan, bịt mắt bắt dê và chơi chuyền. Vừa chơi vừa cãi nhau chí chóe, đôi khi còn túm tóc nhau cầu xé. Khóc lóc tố nhau ỏm tỏi. Vênh mặt lên nói: *“Thèm vào chơi với chúng mày nữa nhé!”*, tóm lại ngày mai lại tìm nhau chơi, đôi khi còn dành quà cho nhau nữa.

Không chơi với nhau còn chơi với ai, ngồi một mình chỉ thấy đói. Chơi để quên đói, chơi để quên buồn, chơi để quên khổ... Anh Văn, Anh Sơn, chị Mai đã lớn, còn lại một đám lít nhít *“con nhà Ái Liên”*: Quang Thành, Ái Vân, Ái Xuân, Ái Thanh len lỏi trong đói khổ đi tìm niềm vui.

“Đại tướng” Thành

Đầu đàn là anh Thành, anh tự xưng là đại tướng Thành và bắt cả lũ nhóc phải gọi anh là đại tướng. Đứa nào quên không *“Trình Đại tướng”* anh cú cho móp đầu. Anh phong quân hàm tùm lum cho bọn trẻ. Đang thượng sĩ, làm được chút gì hay hay là anh phong đại tá liền.

Anh Thành có nhiều thành tích bất hảo, hết đánh nhau với trẻ con phố khác rồi lại đánh nhau với các bạn trong trường. Ai cũng sợ. Chúng tôi bị ăn hiếp nhiều lần, tức muốn chết. Anh hay ăn gian khi

đánh bài tú lơ khơ. Anh cũng là nỗi ám ảnh của Ái Xuân và tôi trong những bữa cơm.

Nhà đông con, mỗi khi có tí “*chất tươi*” bà ngoại chia đều cho mỗi đứa hoặc một miếng thịt hoặc con tôm đất, một khúc cá nhỏ cho cả bữa. Ái Xuân và tôi bao giờ cũng để dành ăn sau cùng để lúm cả miếng cho đã thèm. Anh Thành “*tắc lèm*” ngay từ miếng đầu tiên. Anh lượn lờ quanh Ái Xuân và tôi. Rất nhanh, anh chộp luôn “*của để dành*” của chúng tôi trong bát bỏ tọt vào miệng. Hai đứa nhóc chúng tôi không biết làm sao. Mách ngoại, ngoại mắng: “*Không ăn đi còn để dành làm gì!*”. Mách má, má mắng nốt: “*Có của thì phải lo giữ lấy chứ!*”. Đứng đó khóc nhè có khi ba cho ăn đòn.

Dù có sự đe nẹt của ba, tình trạng “*cướp giật*” không cải thiện là bao. Anh Thành vẫn liên tục tấn công Ái Xuân và tôi. Bí thế Ái Xuân và tôi nghĩ ra một mẹo. Chúng tôi đưa miếng ngon ra trước mặt anh Thành thè lưỡi liếm đi rồi liếm lại. Hai đứa hí hửng nói: “*Miếng thịt này tụi em liếm nước bọt rồi đấy nhé!*”. Anh Thành làm bộ như “thua rồi”, mặt mày tỉnh bơ. Hai đứa đang rất yên tâm vì “*mưu cao kế sâu*” của mình thì ông anh thoăn thoắt thò đũa sang “*xuyên tảo*” một lúc cả hai miếng thịt của hai bát luôn. Anh bỏ miệng cả hai miếng thịt nhồm nhoàm nhai ngon lành trước mặt chúng tôi. Tức chết được.

*

Tôi vào Trường cấp 1 Lý Tự Trọng trên đường Hàm Long, học lớp Một B. Đi học rất thích nhưng vào mùa đông trời lạnh được cuộn trong chăn ấm thì vẫn thích hơn. Nhiều bữa lười, chẳng muốn chui ra khỏi chăn, tôi giả ốm nằm im không dậy. Ba tưởng tôi ốm thật bèn tới trường xin phép cho nghỉ học, rồi lại đi mua nước phở về cho ăn với cơm nguội.

Nước phở chan cơm nguội là món ăn “*truyền thống*” của nhà tôi, kể từ ngày “*suy thoái*”. Diễn đêm về má tôi mua một cặp lồng nước phở về nhà. Nước phở đêm bên hàng phở Hiền đầu phố Nguyễn Du được bán cực rẻ, thỉnh thoảng gặp bữa ế hàng, ông Hiền chủ quán vừa bán vừa như cho. Má mang nước phở về đổ nồi hâm nóng rồi

trộn phần cơm nguội để dành cho má thành món cơm phở rất ngon. Đám lóc nhóc chúng tôi xúm lại ăn cùng má. Má con xì xụp. Thích vô cùng.

Bình thường mỗi sáng đi học, bà ngoại đều sắp sẵn cơm cho ăn, bữa thì ăn cơm với dưa muối, bữa sang hơn thì bánh mì với sữa đậu nành. Nhưng cơm nguội chan nước phở mới là món ngon nhất nên thỉnh thoảng chẳng duyên cớ gì, Ái Xuân và tôi lại “*bổng dung muốn ồm*”. Ba mua về cho rồi thì lo trộn cơm nguội ăn thật nhanh. Nếu lần khân kéo dài sự ồm vờ, coi chừng Đại tướng Thành. Bao nhiêu lần tôi tung chăn ngồi dậy thấy bát nước phở đã bốc hơi, Đại tướng Thành đang đứng lau mồm, tức ời là tức.

*



“Đại tướng” Thành và út Ái Thanh

Tức lắm nhưng chả bỏ được ông anh trai này. Các trò tinh nghịch của anh quá vui, không thể không tham gia. Vả lại anh Thành thường bênh vực các em và lũ trẻ trong phố. Đứa nào bị bắt nạt là anh sẵn sàng ăn thua đủ với đối phương để bảo vệ đám quân dưới trướng.

Anh Thành thường làm đầu con sư tử cho chúng tôi rồng rắn chạy theo sau rước đèn vào những dịp Tết Trung thu. Chúng tôi lúc nào cũng nhiệt tình hưởng ứng. Nhưng trò chơi mà chúng tôi khoái nhất là đi bảu chuông các nhà trong phố. Cứ 22 giờ, anh Thành dẫn đầu

lũ chúng tôi, kiếm những nhà nào có chuông điện, nhấn chuông rồi cả lũ chạy nấp vào một chỗ chờ xem. Có ai bị mắc lừa ra mở cửa là cả đám cười khoái chí như vừa lập được một chiến tích lớn lao.

*

Hồi sơ tán, một hôm ba tôi được nhà trường triệu tập gấp. Anh Thành đánh nhau với bạn cùng lớp. Nghiêm trọng hơn, anh đã lôi ra cả một con dao găm để dọa nạt. Ba tôi sợ quá, tức tốc chạy bộ một mạch đến trường cách nhà chừng 4 km. Tới nơi mới biết cậu bé kia lại là con trai của người bạn luật sư rất thân của ông. Nhà trường thấy phụ huynh là bạn của nhau nên tha cho anh Thành về.

Nhưng ba thì không chịu. Không biết ba nói nhỏ vào tai thầy giáo điều gì, lúc sau thầy xuất hiện cùng bác bảo vệ. Hai người nói học trò Thành cần phải bắt giam để giáo dục cho triệt để. Anh Thành nghe thế sợ quá, van xin rồi rít, hứa sẽ chừa không bao giờ tái phạm. Ba tôi lúc đó mới ra mặt can thiệp: “*Cháu đã biết sợ thì gia đình xin bảo lãnh về*”. Ra khỏi cửa, ba tôi không quên nháy mắt với thầy giáo và bác bảo vệ thay lời cảm ơn.

Về nhà, đang ăn cơm anh Thành ngoắc chị Mai và tôi ra một góc, hỏi mượn mấy cái áo. Chúng tôi hỏi anh mượn làm gì, anh nhất định không nói. Xong bữa cơm, một lúc sau ba tôi gọi: “*Thành đâu, ra đây!*”. Ba tôi đánh anh Thành như đòn. Chúng tôi đếm được là 42 roi. Tôi thương anh quá khi nghe thấy tiếng roi quất vun vút lẫn trong tiếng anh Thành năn nỉ: “*Con lạy ba rồi. Con lạy ba rồi*”. Lát sau được tha, anh Thành lại gọi riêng hai chị em tôi, rồi rút mấy cái áo trong người ra trả. Anh nói: “*May mà lót mấy thứ này chứ không đêm nay lại phải nằm sấp để ngủ*”.

Từ đó chúng tôi trêu anh, gọi anh là Đại tướng 42 roi.

Tình bé con

Chị Ái Mai tính tình thuần hậu, thuở nhỏ ghét con trai, lớn lên sợ đàn ông, cứ tưởng chẳng ai theo, nào ngờ chính vậy lại hấp dẫn cánh con trai. Cô bé Ái Mai 9 tuổi “*trắng như trứng gà bóc*”, đeo

bông tai toồng teng, tóc thắt bím, buộc nơ làm các chàng trai tí hon lượn vòng quanh hơi bị nhiều.

Cứ xếp hàng vào lớp, các chàng hay giành nhau chỗ đứng gần Ái Mai. Chàng nào cũng giương vẫy hảo hán lấy le với chị. Có mấy anh táo tợn còn mượn cớ “*hỏi bài*” tới nhà chơi, thi nhau nhảy đùng đùng trên giường sắt nhà. Sợ ngoại mắng, chị trốn biệt các chàng. Trốn kỹ đến nỗi tới già mới gặp nhau trong các cuộc họp lớp, các chàng mới “*thỏ lộ*”.

Thương nhất chàng Chiêu “*cận*”. Nhà chàng làm bánh quy gai, mỗi lần Tết đến chị toàn mang bột sang, đích thân Chiêu “*cận*” pha bột, nhào bột, lại còn lấy rẻ. Chàng cứ cầm cúi giúp vạy thôi, không dám nói gì. Chàng chỉ “*thỏ lộ*” khi cả hai sắp rụng răng. Ở tuổi bảy mươi chẳng biết làm gì hơn, chỉ nhìn nhau cười móm.

*

Cô út Ái Thanh lãng mạn hơn chị Ái Mai nhiều. 9 tuổi đã yêu thầm nhớ trộm. Ngày sơ tán ở Lương Sơn (Hòa Bình), dãy nhà nhiều gian huyện dành cho Đoàn Cải lương Nam bộ ở tạm, gian của gia đình tôi ở cạnh gia đình cô Kim Xuân chú Tiêu Lang (thân sinh của NSND Như Quỳnh). Cô chú có ba người con, là chị Như Hoa, Như Quỳnh và Tiến Dũng. Tiến Dũng hơn Ái Thanh một tuổi, hai đứa hay chơi với nhau.

Khi đoàn tập, hai đứa hay bắt chước đóng cặp yêu nhau. Ái Thanh vờ thút thít nói: “*Sao anh nữ phụ em?*” Tiến Dũng quỳ xuống bên Ái Thanh, nói: “*Anh thề, dù gan óc lấy đất cũng không phụ tình em*”. Cả hai nhìn nhau rung rung da diết. Không ngờ rung rung da diết thật. Nàng 9 tuổi nhớ chàng 10 tuổi, gặp nhau chẳng nói gì nhưng hể xa nhau là nhớ.



Ái Thanh năm 15 tuổi

Chàng 12 tuổi tặng nàng 11 tuổi cái khăn mùi xoa của Trung Quốc. Nàng thích lắm, đêm nào cũng để ở đầu giường. Nhớ chàng quá phải đắp khăn lên mặt mới ngủ được. Nhiều khi chàng đứng chôn chân ở trước cửa nhà. Chờ mãi không thấy nàng ra, kêu lên một tiếng: “Ái Thanh” rồi bỏ chạy. Nàng chạy ra chàng đã biến dạng nào.

Bạn bè trong lớp biết làm thơ trêu chọc: “*Dũng - Thanh hai chữ sáng ngời. Chúc cho tình bạn muôn đời nở hoa*”. Thích lắm nhưng cứ làm mặt giận: “*Nói bậy... đánh chết giờ!*”. Đêm về lại thao thức, nàng nằm trùm hum viết nhật ký: “*Chồng Ái Thanh tên là Tiến Dũng*”. Viết đi viết lại mấy chục dòng như thế. Chẳng ngờ Ái Thanh sau này lấy chồng tên là Tiến Dũng nhưng không phải là Tiến Dũng của “*mối tình con*”.

*

Tình bé con của Ái Xuân “*dữ dôi*” nhất. 9 tuổi sơ tán theo má ở chùa Nôm, Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên, đi học đàn cùng một chàng 12 tuổi tên là Văn Hai. Đàn kêu tình tang chàng nàng đắm đuối. Một hôm tan buổi học, Văn Hai nhét vào túi áo Ái Xuân một mảnh giấy rồi bỏ chạy.

Thư tình của Văn Hai nguyên xi như thế này:

“Anh yêu em lắm. Nhìn mắt em tròn xoe rất đẹp...

Em hát ngọt lắm.

Hẹn em ở cổng chùa lúc 7 giờ tối.”

Chờ đến 7 giờ tối lâu như 7 thế kỷ. Ái Xuân run lắm nhưng vẫn ra. Văn Hai đứng chờ sẵn. Chàng nàng cứ đứng nhìn nhau chẳng biết nói gì. Bỗng Văn Hai chộp lấy tay Ái Xuân. Cô bé run lên rút tay bỏ chạy. “*Sợ phát khiếp và thích mê toi.*”

Về sau ba và anh Văn phát hiện hăm hè đe nẹt, không dám hẹn hò nữa. Như bây giờ có mobile nhắn tin cho nhau thì quá khỏe, ngày xưa phương tiện tỏ tình chỉ có thư viết tay. Dãy nhà sơ tán có làm hồ xí nam nữ chung vách, đây là hộp thư tình của Văn Hai và Ái Xuân. Chàng nhét thư vào vách chạy đi, nàng chạy ra tìm thư chạy về đọc rồi viết thư trả lời, xong, lại chạy ra hồ xí nhét vào vách. Cứ chạy đi chạy lại như thế một ngày mấy chục lần.

Tôi vẫn hay trêu Ái Xuân là tình hồ xí. Ai dè sau này chàng nàng cưới nhau. Hôm cưới, Ái Xuân cười hì hì, nói: “*Tình hồ xí mà nên duyên, thế mới gọi là tình!*”.

*

Tôi lắm mối tình bé con nhất. Nghĩ cũng buồn cười, ngày đó tôi gầy nhẳng như cái ống tre lại sún răng, hể cười là vội vàng che miệng. Thế mà cũng có người yêu. Chẳng những một chàng, có đến ba chàng, không tính các chàng thương trộm nhớ thầm không dám lộ diện.

Mới lớp một đã có “*trai*” theo. Một chàng tên là Sướng ngồi cuối lớp. Chàng trắng trẻo mặt tròn, hiền khô, rất ít nói. Ở lớp rất ít nói chuyện với nhau, thỉnh thoảng chàng chạy đến mượn cái thước. Tôi chẳng để ý chàng mượn thước làm gì, tại sao bàn của chàng ai cũng có thước lại chạy lên đầu lớp mượn thước của tôi. Đùng cái, buổi chiều nghe tiếng gõ cửa, mở cửa thấy chàng. Tôi hỏi: “*Đi đâu đấy?*”. Chàng chẳng nói năng gì, dúm vào tôi một gói giấy rồi chạy biến đi.

Đó là món đồ trang sức hình con ốc sên lấp lánh thường gắn trên cổ áo phụ nữ. (Có lẽ chàng thó của chị hoặc của mẹ). Tôi quá ngạc nhiên đem khoe má. Vừa nhìn thấy má đã hét lên: “*Trả! Trả ngay!... Đi tìm nó trả ngay cho má!*”. Tôi mang món “*quà tặng*” tới lớp đưa cho Sướng. Chàng nhất quyết không nhận, giằng co mãi, cuối cùng tôi lại mang về nhà. Ba phải đem món trang sức tìm tới nhà chàng, đưa cho mẹ chàng, tất nhiên có dặn thêm: “*Đừng cho cháu nó biết*”. Cuối cùng chàng cũng biết. Xấu hổ quá chàng lánh mặt tôi cho đến nửa thế kỷ mới lại gặp nhau kể “*chuyện đời sơ*” cười vui vẻ.

Lên lớp hai có chàng tên Điền đẹp trai học giỏi. Chàng là hàng xóm của tôi, sáng sáng chàng vẫn bám đuôi tôi tới lớp, học xong lại bám đuôi tôi trở về. Không nói gì hết, chỉ bám đuôi vậy thôi. Về sau hình như ba tôi phát hiện được, dù từ nhà tới trường Hàm Long có một đoạn ông vẫn đạp xe chở tôi đi học. Chàng này rất ghê, mới 8 tuổi mà chững chạc ra phết. Vài ngày sau chàng qua nhà xin phép ba má đang hoảng như người lớn vậy. Chàng nói: “*Hai bác cho phép cháu đưa Ái Vân đi học, cháu hứa sẽ bảo vệ cho Vân!*”. Ba má tôi cố nhin cười cảm ơn và từ chối lời đề nghị lịch sự của chàng trai 8 tuổi. Chàng ra về. Ba má tôi vừa cười vừa rít rít khen chàng: “*Con cái nhà ai mà khôn thế không biết!*”.

Hết chàng khôn đến chàng dại. Một bữa ba đến đón tôi ở cổng trường, bất thần có miếng ngói bay vèo tới, trúng thái dương tôi, máu chảy đầm đìa. Thủ phạm là một cậu bé chạy vụt đi. Ba tôi tức tốc đuổi theo, tới ngõ Hàm Long thì mất hút. Hai mươi năm sau, trong một cuộc gặp mặt bạn bè học cũ, một chàng tên Đạt tới vỗ vai

nói: “*Nhớ ai đây không?*”. Và chàng thú nhận chàng là thủ phạm vụ ném gói hai mươi năm về trước. Chàng nói: “*Ngày xưa thích Ái Vân lắm, nhưng lúc nào cũng có ba đi kè kè bên cạnh nên ném gói vậy cho bồ tức!*”.

Giờ ơi yêu nhau như thế bằng mười hại nhau. Rõ là tỏ tình của con nít.

Gặp Bác Hồ

Tôi may mắn nhiều lần được gặp Hồ Chủ Tịch. Hàng năm cứ đến ngày 1/6 hoặc rằm Trung thu chúng tôi đều được vào Phủ Chủ Tịch vui chơi với Cụ Hồ. Đoàn thiếu nhi đến Phủ Chủ Tịch sớm để được hướng dẫn tập mấy câu hát và tập hô “*chào đón Bác*”. Đến giờ, chúng tôi sắp hàng ngay ngắn, đồng ca:

Vui vui vui

Chứ vui vô cùng

Chúng cháu vỗ tay mừng. Hoan hô là hoan hô

Hoan hô là hoan hô...

Cụ Hồ bất ngờ vui vẻ xuất hiện. Tất cả đồng thanh hô vang hai lần: “*Chúng cháu kính chúc Bác Hồ sống lâu muôn tuổi!*”. Cụ đưa tay vẫy, cả lũ chạy ào tới, được Cụ cho chụp ảnh, được Cụ phát kẹo. Thích lắm. Năm nào cũng thế.

Lớn lên một chút Ái Xuân và tôi được đi theo Đoàn Văn công Nam bộ vào Phủ Chủ Tịch biểu diễn nhân các ngày lễ lớn. Hai chị em tôi vào Phủ Chủ Tịch khi thì hát cho bác Phạm Văn Đồng, khi thì hát cho Cụ Hồ nhiều đến nỗi các chú bảo vệ Phủ Chủ Tịch đều nhớ mặt thuộc tên.

Nhớ nhất lần đầu được ăn cơm với Cụ Hồ.

Một buổi chiều sơ tán ở Hưng Yên, có một xe com-măng-ca chính phủ, hình như xe của chú Kháng thì phải. Chú Kháng đi lên gặp ba

nói gì đó bộ dạng rất nghiêm trọng. Lát sau ba cũng bộ dạng rất nghiêm trọng gọi Ái Xuân và tôi tới, nói: *“Các con ăn mặc đẹp chuẩn bị về Hà Nội có việc quan trọng”*. Ba cúi xuống rỉ tai: *“Có thể được gặp Bác Hồ”*. Chúng tôi mừng hết lớn. Những lần trước vào Phủ Chủ tịch diễn chung với nhiều người, đây là lần đầu tiên Cụ Hồ cho gặp riêng.

Xe chú Kháng đưa hai chị em về Hà Nội. Vào cổng Phủ Chủ tịch, gọi là cổng đỏ, xe rẽ đưa hai đứa vào ngôi nhà nhỏ ở bên phải, hình như là nhà nghỉ của các chú bảo vệ. Lúc này chú Kháng mới nói: *“Hôm nay các cháu được ăn cơm với Bác Hồ”*. Một cảm giác sung sướng lâng lâng rất khó tả. Hôm đó trời lạnh, mùa đông. Hai chị em ngồi chung ghế mây nhìn nhau hồi hộp. Không biết tại sao được về ăn cơm với Cụ Hồ, có thật hay không?

Sau này chúng tôi mới biết việc Cụ Hồ hay gọi cho hai đứa vào Phủ Chủ tịch ăn cơm có liên quan đến ông Lê Văn Thuyết, bạn thân của Cụ, chứ lúc đó hoàn toàn không biết gì. Không ai nói với chúng tôi điều đó cả. Chỉ hơi lạ là bà ngoại chưa bao giờ gặp lại Cụ, bà rời sân khấu lâu rồi, đã trở thành người vô danh rồi, thế mà Cụ rất hay hỏi thăm bà. Cứ mỗi lần hỏi thăm ba má Cụ đều không quên hỏi thăm bà ngoại. Cụ nói hai tiếng *“Bà Sinh”* rất gần gũi và quý mến.

Chú Vũ Kỳ từ nhà sàn đi ra, xoa đầu hai đứa, vui vẻ nói: *“Ngồi đây nhá, sướng nhá, được ăn cơm với Bác Hồ nhá. Bác sắp ra bây giờ đây”*. Rồi chú lại hỏi: *“Gặp Bác hai đứa nói với Bác gì nào?”*. Ái Xuân và tôi chỉ biết cười ngượng nghịu vì hồi hộp quá, không biết nói gì. Một lúc sau cửa mở ra, Cụ Hồ xuất hiện. Cụ mặc bộ đồ nâu sòng, có áo trấn thủ khoác ngoài, cái khăn len quàng cổ. Hai chị em đứng bật dậy: *“Cháu chào Bác ạ!”*. Xong, cứ đứng trơ không nói được câu nào cả. Bác nói: *“Vân, Xuân đấy à!”*. Chúng tôi chỉ biết *“Vâng”*. Cụ vỗ nhẹ vai bảo: *“Ngồi xuống đi...Hôm nay ăn cơm với Bác nhá!”*. Giọng Cụ ấm vô cùng.

Mâm cơm có rau muống luộc, cà pháo, thịt kho và một khúc cá to. Cụ không ăn gì, cứ gấp đồ ăn cho hai chị em. Trong bữa cơm Bác có hỏi thăm ba má, bà ngoại, chuyện học hành của hai đứa. Cụ chỉ

hỏi sơ qua thôi nhưng khi Ái Xuân nói: *“Bà ngoại cháu hay bị ho”* thì Cụ ngưng lời im lặng rất lâu, lát sau mới hỏi ho thế nào, ho làm sao... Nhưng lúc đó tôi không hề để ý.

Ăn xong Cụ Hồ đưa tới bàn uống nước, vui vẻ bảo: *“Nào, bây giờ thì kể Bác nghe đi sơ tán thế nào”*. Giọng Cụ rất thân tình. Hai đứa lúc đầu còn rụt rè, đùn đẩy nhau. Nhưng thấy Cụ quá gần gũi, cứ nghe chúng tôi nói được câu nào cụ hết ô lại a, chúng tôi hào hứng thì nhau huyên thuyên kể Cụ nghe đủ chuyện. Chuyện đi học sơ tán làm sao, bị ghê *“ăn”* thế nào, chầy *“cẩn”* thế nào. Ăn ốc luộc ra làm sao... Cụ cười thật tươi, hỏi: *“Thế có đánh nhau không?”*. Tôi chưa kịp thưa không, Ái Xuân nói ngay: *“Dạ có”*.

Ái Xuân kể với Cụ, tôi là chị nhưng hay bị bọn trẻ ở thôn Lạc Đạo nơi tôi sơ tán bắt nạt, ngày nào cũng khóc. Ái Xuân thấy bà chị yếu đuối bị bắt nạt, tức lắm. Xuân mới học lớp 2 còn bé tí nhưng mạnh mẽ và quyết đoán. Chẳng hiểu con bé học được ở đâu môn võ khóa tay, một hôm bảo tôi: *“Mai chỉ em xem đứa nào, em trị cho”*. Đường từ trường về nhà phải qua một cánh đồng lúa lớn và con mương dài. Cứ đi học về, mấy đứa trẻ *“đầu gấu”* đã chờ sẵn ở bờ mương bên kia chỉ cần chờ tôi nhảy qua là sẽ xông vào đánh. Bữa đó một thằng vừa nhảy sang, Ái Xuân nấp sẵn đã ở đó từ bao giờ liền nhảy tới tóm tay đứa lớn nhất bẻ quặt ra sau lưng. Cậu kia lớn thế mà đành thúc thủ trước miếng võ học lỏm của Ái Xuân bé xíu, nằm la oai oái. Ái Xuân thúc đầu gối vào lưng cậu ta, quát: *“Chừa chừa!”*. Cậu kia nhăn nhó van xin: *“Chừa rồi... chừa rồi. Em tha cho anh”*. Ái Xuân vẫn không tha, cứ thúc vào lưng hét: *“Em cái gì! phải gọi là ‘cụ Xuân’!”*. Cậu kia rồi rít nói: *“Cụ Xuân, cụ Xuân... Xin cụ Xuân tha tội”*.

Chuyện này Ái Xuân cũng đã kể cho ba má nghe rồi. Ba má cũng buồn cười lắm nhưng nén cười làm mặt nghiêm, đe nẹt: *“Không được đánh nhau, nghe chưa!”*. Còn Cụ Hồ cười thoải mái, cười to hân hoan. Cụ vừa cười vừa bẹo má Ái Xuân, nói: *“Ái chà chà, cụ Xuân ghê quá”*.

Cụ Hồ nói chuyện tự nhiên như người ông đối với cháu chắt, không làm bộ giữ gìn, lên mặt người lớn quan to dạy dỗ. Đó là nét quý của

Cụ mà thuở bé con tôi đã nhận ra. Hôm đó trời lạnh, tôi ngồi trên ghế mây cứ xuýt xoa. Cụ hỏi: “*Vân làm sao đấy?*”. Tôi nói: “*Thưa Bác cháu lạnh quá*”. Cụ nói rất ân cần: “*Lạnh thì để tay xuống dưới đít ngồi cho ấm*”. Hiếm bề trên nào dùng một từ rất phô lại nghe rất ấm áp chân tình được như Cụ.



Một tiết mục hòa tấu của Ái Xuân và Toàn Thắng

Chuyện con nít tưởng Cụ Hồ gọi chuyện cho chị em tôi kể cho vui. Ai dè cụ nhớ. Hai năm sau, năm 1967, Ái Xuân và tôi theo Đoàn Cải lương Nam bộ vào Phủ Chủ tịch diễn phục vụ Cụ Hồ và các vị lãnh đạo Chính Phủ. Đoàn diễn vở *Đường phố Sài Gòn dậy lửa*. Xuân và tôi song ca bài *Tía em hết sợ*. Cụ rất vui, cười suốt. Hát xong, Cụ gọi: “*Vân, Xuân ra đây Bác cho kẹo*”. Cụ chìa đĩa kẹo trước mặt hai chị em. Tôi “*khiêm tốn*” chỉ dám lấy hai cái. Ái Xuân thân nhiên bùm hai tay chơi luôn một vốc. Tôi sợ chết khiếp, lén nhìn Cụ. Cụ cười vui vẻ, còn bẹo má Ái Xuân, nói: “*Cụ Xuân!... Cụ Xuân!*”.

Cụ Hồ đối với chúng tôi gần gũi như ông ngoại vậy. Cụ gần gũi không chỉ riêng Ái Xuân và tôi mà cả nhà tôi. Cụ cũng đã có lần mời cơm ba má tôi. Không nghe ba má kể nhưng tôi biết ba má tôi thăm coi Cụ như cha nuôi, rất gần gũi, chân tình.

Sáng 2/9/1969 nghe đài đưa tin “*Bác Hồ ốm*”, má hỏi Ái Xuân và tôi lên Phủ Chủ tịch “*xem thế nào*”, con nít tới hỏi thăm sức khỏe của Cụ Hồ khỏi bị người đời dị nghị, suy diễn lung tung. Ái Xuân và tôi đạp xe đèo nhau lên cổng đỏ Phủ Chủ tịch. Các chú bảo vệ cũng quen mặt hai chị em ra đón. Tôi nói: “*Chúng cháu nghe Bác ốm thì gửi hoa vào thăm Bác. Kính mong Bác mau khỏe*”. Các chú bảo vệ nhận hoa, nói: “*Bác mệt không tiếp được. Cứ để hoa đây chú chuyển vào cho*”.

Hai chị em ra về cứ băn khoăn hỏi nhau, sao Cụ Hồ ốm mà nhìn mặt ai cũng buồn như là Cụ đã mất? Không ngờ Cụ mất thật. Sáng sau 3/9 nghe đài loan tin Bác mất, má kêu to một tiếng: “*Ôi các con ôi... Bác mất rồi!*”. Và má ngồi khóc lặng lẽ. Ba làm bàn thờ rất vội, phủ lên bàn miếng vải còn nguyên nếp gấp, đặt lên đấy tấm ảnh Cụ Hồ ký tặng má. Rồi cả nhà lần lượt thắp hương lạy Cụ. Má ngồi đánh đàn nguyệt bản *Văn thiên tường*, như một khúc ca điệu Cụ Hồ. “*Ôi tiếng đàn của... ai./ Khi bóng trâm.../ Khoan nhặt... nhặt khoan.../ Nghe não nùng ai oán...!/ Làm xao động tâm can...!*”. Gương mặt má ướt đầm nước mắt.

7

Gánh hát tuổi thơ

Tôi có may mắn được sinh ra trong một gia đình nghệ thuật. Vừa nứt mắt đã nghe lời ca tiếng hát của má và các anh chị. Câu ca đầu tiên được ngoại dạy cho, bài hát đầu tiên được nghe má hát. Suốt ngày đêm được xem má và các anh chị diễn kịch và ca hát. Ngày đi xem tập, đêm đi xem diễn. Hết xem Cải lương Nam Bộ đến xem Kịch nói Trung ương, xem nhiều tới mức thuộc lòng lời ca tiếng hát các nhân vật, các câu thoại dài dằng dặc cũng thuộc lầu.

Thèm lên sân khấu kinh khủng, nhiều đêm nằm mơ mình được lên sân khấu sượng ngây ngất. Tỉnh rồi vẫn còn sượng.

Vai diễn đầu tiên

Đoàn Cải lương Nam bộ nơi má làm việc, mỗi lần tập vở mới má đều cho tụi nhỏ chúng tôi đi xem. Một lần vở diễn cần diễn viên quần chúng đóng dân quân du kích ôm súng chạy qua sân khấu. Buồn ngủ gặp chiếu manh, chị Ái Mai, anh Thành, Ái Xuân và tôi vây lấy má nhờ má xin phép chú Công Thành (đoàn trưởng) cho lên sân khấu. Chú Công Thành đồng ý. Bốn chị em hăm hở mặc bộ đồ dân quân du kích Miền Nam, đội mũ tai bèo, sẵn sàng đợi lệnh.

Chú Công Thành ra hiệu chạy, bốn chị em ôm súng chạy qua sân khấu, vừa chạy vừa hô “*Xung phong*”. Thấy “*vai diễn*” quá nhanh, chỉ vài giây đồng hồ, chưa đã thèm, anh Thành dắt cả lũ qua xin chú Công Thành cho chạy qua vòng nữa. Chú nhăn răng cười và ừ. Mừng ơi là mừng. Lại chạy. Chú quát: “*Chạy nhanh lên coi chừng hết nhạc!*”. Cả lũ mắt nhắm mắt lợi chạy ù ù, suýt nữa thì quên mất hô “*xung phong*”...

Đoàn Kịch nói Trung ương dựng vở *Câu chuyện Iec-xkut* của Nga. Trong vở có cảnh hai em bé đi câu cá, nhân vật vừa có lời thoại, lại hát hò vui vẻ. Anh Sơn khi đó đang làm ở Đoàn kịch, buổi trưa chạy về nhà thông báo Đoàn kịch tuyển chọn hai em bé câu cá, nói: “*Em có thích tuyển không, chiều anh đưa đi?*”. Giờ ời lại còn hỏi nữa. Tôi nhảy lên, nói như reo: “*Có! Có!*”.

Chiều, anh Sơn đưa tôi đi thi tuyển. Cuộc tuyển chọn lần đầu tiên trong đời, hồi hộp kinh khủng. Hơn chục bé dự tuyển. Cuối cùng tôi đã được chọn. Lần đầu tiên được diễn trên sân khấu với hai nghệ sĩ nổi danh thời đó là Anh Thái và Bích Châu. Sướng muốn ngất.

Kịch mở màn lúc 7 giờ tối, cảnh hai em bé câu cá ở hồi 2, tức phải tới 8 giờ rưỡi tối tôi mới được lên sân khấu, thế mà cứ 4 giờ chiều cả nhà tôi chộn rộn cho việc ăn uống, vá áo và hóa trang cho tôi. 5 giờ chiều ba chở tới Nhà hát, ngồi chờ đấy không dám ăn uống vì sợ hỏng mắt môi son, tới tám rưỡi mới được chạy ra sân khấu chừng 3 phút, với ai đó là một cực hình nhưng tôi thì không, tôi chỉ thấy hạnh phúc râm ran.

Tám rưỡi. Giờ phút thiêng liêng đã điếm. Tôi và một cậu bé xách cái xô nhỏ chuẩn bị đi câu cá, vừa ra sân khấu vừa hát: *Hỡi Mát - Xơ-Va, thành phố của ta / Ngàn đời tươi thắm mến yêu chan hòa / Hỡi Mát-Xơ-Va, Thủ đô yêu dấu / Hát ca vang trời khúc ca hòa bình*. Chú Sergei (chú Anh Thái thủ vai) xuất hiện. Chú hỏi trêu: “*Ai ngoan mới được đi câu cá!*”. Hai đứa nhao nhao: “*Cháu ngoan, cháu ngoan...*”. Chú bồng tôi trên tay, một tay dắt bạn kia và cả ba chú cháu vui vẻ đi về phía hồ (tức ra khỏi sân khấu).

Có vậy thôi nhưng ngây ngất con cà cưỡng. Vở được công diễn khá lâu, cứ ban ngày đi học, tối đi diễn. Diễn xong là được bồi dưỡng ngay một cái bánh mì và cốc sữa, lại thêm cát xê 4 hào nữa. 4 hào lúc này có thể mua được hai chục quả trứng vịt lộn cơ đấy. Oách lắm!

Phát thanh viên nhí

Duyên có đưa đẩy thế nào, hai chị em Ái Xuân và tôi được mời làm cộng tác viên cho Chương trình Phát thanh Măng non của Đài Tiếng nói Việt Nam, chuyên mục *Mỗi tuần mỗi chuyện bổ ích và lý thú*. Mở đầu chương trình Ái Xuân nói: “*Đây là buổi phát thanh thiếu niên tiên phong*”, tôi nói tiếp: “*Mục mỗi tuần mỗi chuyện bổ ích và lý thú*”. Chuyên mục này rất được các em ưa thích, tồn tại mấy chục năm rồi. Cách đây ít lâu vẫn còn nghe tiếng chúng tôi léo nhéo trên đài.

Chúng tôi có thể đọc giọng Bắc, giọng Nam, hát được cải lương, dân ca và nhạc mới. Có lẽ vì thế nên chúng tôi được cộng tác cả hai đài, Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Phát thanh giải phóng (vẫn gọi là đài CP90). Thực ra hai đài là một và cùng ở hai nơi là 58 Quán Sứ và 39 Bà Triệu, chỉ chia đôi để làm hai chương trình Nam, Bắc cho ra vẻ hai đài. Ở Đài Phát thanh Giải phóng, tôi lấy tên Thanh Mai, Ái Xuân lấy tên Ngọc Lan hát và nói giọng Nam, khi về Đài Tiếng nói Việt Nam lại lấy tên thật Ái Vân, Ái Xuân hát và nói giọng Bắc.

Con nít làm nhà đài rất vất vả. Hàng ngày đi học về chúng tôi vào thẳng phòng thu ở 39 Bà Triệu thu đọc truyện, ngâm thơ hay đọc tin tức. Giờ thu là 12 giờ trưa, nhiều khi thu luôn tới 5, 6 giờ chiều. Về nhà ăn uống tắm rửa xong lại đạp xe chở nhau đến 58 Quán Sứ thu ca nhạc. Giờ thu từ 7 giờ tối, có khi thu tới khuya mới xong.

Nhiều lần Ái Xuân và tôi cặp sách từ trường qua thẳng Đài. Tôi vào phòng thu trước, Ái Xuân ngồi ngoài chờ tới lượt. Một bữa khi công việc của tôi hoàn tất, các cô chú gọi Ái Xuân ời ời mà không thấy. Mọi người hốt hoảng đi kiểm thì thấy cô bé Xuân nằm chèo queo trên sàn của hành lang, đầu gối lên cặp sách, tay chống lên má, ngủ ngon lành...

Vất vả nhưng vui, trẻ con được thể hiện mình không gì vui hơn. Lại được khen. Các cô chú cả hai đài khen động viên thôi nhưng mừng lắm. Nhất là khi đến đâu đó có người lớn chỉ trỏ nói: “*Con bé này là phát thanh viên của đài đấy*”, lập tức mọi người mắt chữ A mồm chữ O: “*A thế à?*” Lúc đó đúng là tâm hồn treo ngược cành cây.

Vui nhất là được tiền. Không nhớ là bao nhiêu, chỉ nhớ tuần nào hai chị em cũng có phiếu lĩnh tiền cả hai đài. Lĩnh xong, cầm nắm tiền chạy ù về đem hết cho ba. Ba mừng và cảm động lắm. Công tử Hà Thành xưa coi tiền như rác, giờ phải nhặt nhạnh từng hào, con cái kiếm được tiền đưa hết cho, dù chỉ là nhúm tiền lẻ ông vẫn mừng muốn khóc. Ba tôi xoa đầu hai đứa khen ngoan, mắt rung rung ướt nước, thật thương.

Gánh hát Bảo Định Giang

Ban nhạc gia đình thật sự có ích đối với chúng tôi. Dù đói kém đến đâu ba má vẫn không bỏ những buổi sinh hoạt âm nhạc. Cả nhà tập trung vào cho Ái Xuân và tôi. Ưu tiên tôi đa hai đứa không phải làm gì, “*chỉ có học và hát*”. Ba nói vậy. Ái Xuân và tôi được má và anh Văn lên chương trình tập luyện riêng. Má dạy hát, anh Văn đạo diễn. Thịnh thoảng chị Phi Yên, chị Ái Mai cũng tham gia tập luyện cho chúng tôi.

Những tiết mục biểu diễn của Ái Vân - Ái Xuân cũng được biết đến nhiều hơn. Bên cạnh các bài ca cải lương thì Ái Xuân và tôi cũng thường song ca những bài hát nhạc mới để hát hai bè. Lúc đầu, hai chị em thường được mời tới hát cho các đoàn khách của Bộ Văn hóa hay Hội Nhạc sĩ tại số 51 Trần Hưng Đạo. Dần dần, chúng tôi theo má đi diễn trong một số chương trình nghệ thuật và các hội nghị.

Nhà thơ Bảo Định Giang là bạn thân của ba má, ông nhận hai đứa chúng tôi làm con nuôi và đưa chúng tôi đi trình diễn khắp nơi. Cứ đến dịp lễ tết là Gánh hát Bảo Định Giang lại lên đường. Ba Bảo Định Giang đưa hai con gái Ái Xuân, Ái Vân phục vụ từ các lãnh đạo trung ương ở Hội trường Ba đình, Chủ tịch phủ, Bắc bộ phủ, Bộ Ngoại giao, Câu lạc bộ Đảng Dân chủ, Nhà hát lớn... tới các chú bộ đội ở Sân bay Gia Lâm, sân bay Hòa Lạc, đơn vị pháo cao xạ cầu Hàm Rồng v.v... Gọi là biểu diễn nhưng thực chất chỉ là đi hát chứ chưa bao giờ có cát-xê. Diễn xong được phát kẹo, được xoa đầu khen ngoan, khen giỏi thế là vui rồi.



Hai chị em song ca, sủng thích trong bộ đồ đi mượn

Khô nổi áo quần chẳng có, cả hai chị em tôi chẳng có bộ đồ nào coi được để lên sân khấu, trang phục đi hát đều đi mượn. Ái Xuân nhỏ tuổi hơn mượn đồ dễ. Má mượn được nhiều đồ đẹp. Tôi thì khó hơn. Đồ con gái lớn ít cái đẹp và cũng ít ai cho mượn. Áo quần thời này quá hiếm, ít ai có thừa để cho mình mượn. Phải mượn đồ con trai của cô Ngũ, em gái của mẹ già Tân Ninh. Chú Ngũ có thời gian công tác ở Indonesia nên cô chú cũng sắm sửa ít đồ đẹp cho con trai. Tôi bằng tuổi con của cô, mặc vừa. Đồ “tây xịn” rất oách, khô nổi mặc đồ con trai tưởng mạo tôi “hâm hỏ” giống con trai. Cả nhà thường chọc ghẹo tôi là con trai. Bây giờ thấy vui, chứ hồi đó ai trêu chọc là xấu hổ lắm. Nhiều bữa có người trêu, tôi khóc, dỗi, đòi bỏ diễn.

Cô Nguyễn Thị Thập, Hội trưởng Hội Phụ nữ Việt Nam, xem Ái Xuân và tôi diễn thấy tôi mặc đồ con trai, hỏi ra mới biết hai chị em mặc đồ đi mượn, cô rất thương. Cô Thập đã gửi tặng hai chị em tôi một tấm dạ đen. Má mang tấm dạ đen về trong một chiều đông, Ái Xuân và tôi mừng và cảm động suýt khóc. Má mang tấm vải tới phố Liên Trì, chị Phương chủ tiệm là một Việt kiều Thái Lan rất khéo tay. Chị cắt may cho hai đứa hai chiếc áo lạ mắt. Các đường

nep màu trắng nổi bật trên chiếc áo dạ màu đen, Ái Xuân và tôi sung sướng ngất ngây. Niềm vui nhớ đời.

Gánh hát Bảo Định Giang nổi tiếng phết, tiếng tăm còn vọng tới miền Nam. Nhạc sĩ Thanh Lý đã gửi từ miền Nam ra tặng chúng tôi bài hát *Tía em hết sợ*. Bài hát kể về một ông già Nam bộ vô cùng nhút nhát, mỗi khi thấy xe lội nước cần vào làng thì hoảng hốt và chạy trốn. Nhờ bà vợ và hai đứa con thuyết phục mãi, cuối cùng ông đã hết sợ và can đảm hơn. Lời bài hát có đoạn: “*Tía em chúa sợ xe lội nước / Nghe rừ rừ, ông đồng mắt tiêu / Cứ như thế, ông đông tới chiều / Khi trở về vẻ mặt buồn hiu / Hết cự má em, lại rầy chúng em / Suốt mấy hôm liền cả nhà không yên*”...

Ái Xuân và tôi rất mê bài hát này. Má và anh Văn hướng dẫn cả về diễn xuất, lời ca, điệu bộ rất ngộ nghĩnh. Bài hát đã trở thành bài “*hit*” của hai chị em tôi và được trình diễn trong mấy năm liền, đi đâu cũng được yêu cầu hát bài này. Hễ thấy mặt Ái Vân, Ái Xuân mọi người đều vỗ tay la ầm lên: “*Tía em hết sợ... Tía em hết sợ!*” Thật vui sướng làm sao.

Có thể nói nhà thơ Bảo Định Giang là người cha đỡ đầu của Ái Xuân và tôi thuở thiếu thời, chúng tôi vẫn gọi ông là ba, ba Giang. Nhờ có ba Giang cho nghe đĩa than “*Cải lương trong Nam*” tôi mới biết tới các bản cải lương *Tàu cũ sân ga; Đón xuân này nhớ xuân xưa; Mưa trên phố Huế...* của các giọng ca nức tiếng một thời như Lệ Thủy, Út Trà Ôn, Út Bạch Lan... để noi theo. Cũng nhờ đi theo ba, tôi mới hiểu thế nào là ca hát, là biểu diễn, là hành nghề, là phục vụ công chúng... để từ đó tôi đã mang vác cái nghiệp ấy suốt cả cuộc đời.

Cây đàn bầu của ba

Ngoài việc đi hát, Ái Xuân và tôi cũng thường được cùng má Ái Liên biểu diễn minh họa cho các buổi nói chuyện về lịch sử sân khấu cải lương hoặc về thi ca, nghệ thuật. Tham gia biểu diễn còn có cô Trần Thị Tuyết ngâm thơ. Cô Tuyết nổi tiếng ngâm thơ với chất giọng ngọt ngào. Cô ngâm bài thơ *Quê hương* của Giang Nam hay tuyệt. Thỉnh thoảng tôi được gặp cô Châu Loan, giọng ngâm

miền Trung của cô thật ấm ngọt lạ thường. Chị Lài Tâm trong các điệu hò Huế mượt mà, chị Diễm Lộc biến hóa thú vị trong những vai ấn tượng của các trích đoạn chèo. Đó là những giọng ngâm vai diễn bậc thầy bậc chị mà tôi đã noi theo.

Ba má tôi quan niệm một nghệ sĩ giỏi là phải hát hay đàn giỏi. Ba thường hay lấy má ra làm gương, ông nói: *“Các con phải biết chơi đàn. Đó, nhìn gương của má con kìa. Má vừa hát hay, diễn giỏi, còn chơi thành thạo nhiều loại đàn”*. Chúng tôi biết chứ. Không những chơi đàn hay, má còn đánh trống rất chắc nhịp và nhảy vô cùng điêu luyện nữa.

Ái Xuân được ba gửi đi học đàn tranh với thầy Út Du. Thật may mắn cho Ái Xuân, thầy Út Du từng là nhạc sĩ đàn tranh cừ khôi của Đoàn Cải lương Nam bộ, sau đó về giảng dạy tại trường. Học được một thời gian, khi đã khá thành thạo, Ái Xuân thường tìm cách học thêm và hòa tấu với học trò cùng của nghệ sĩ Út Du nữa. Nhờ chăm chỉ tập luyện, tố chất cảm thụ âm nhạc tốt và được học thầy giỏi, tiếng đàn của Ái Xuân khá ngọt. Được đà, Xuân tranh thủ học tiếp đàn bầu và rất nhanh chóng chơi được vài bài.



Má vừa đàn vừa dạy hát cho út Ái Thanh

Tôi lười. Thích chơi đàn nhưng bảo học thì ngại. Thấy Ái Xuân đánh đàn bầu hay, tôi càng vững tin là tôi cũng đánh được. Đàn bầu gọi là độc huyền cầm. Hồi này trong giới văn nghệ có câu đùa: *“Đàn bầu chỉ có một dây. Học xong ba tháng đi Tây cả đời”*. Thích lắm. Kế hoạch học đàn bầu được ba và tôi háo hức lên chương trình. Thầy dạy đàn đầu tiên sẽ là Ái Xuân, sau đó sẽ học thêm với Toàn Thắng, em trai của nghệ sĩ đàn tranh Phương Bảo. Nếu tay đàn ngọt sẽ kiếm thầy chính quy học nghề. Nhưng kiếm đâu ra cây đàn bầu?

Thời buổi đất đỏ, giá cả với giá trị vênh nhau khủng khiếp. Nghe nói cây đàn bầu ở phố Hàng Ngang giá một cây vàng, loại cũ nát cũng năm chỉ vàng, có nằm mơ cũng chẳng mua được. Ba tôi đành phải tự làm lấy đàn bầu. Ba lọ mọ lòng sục và đi xin. Xin ở Đoàn Tuồng cái hộp đàn bằng gỗ ngô đồng. Xin Đoàn Cải lương cái bầu đàn bằng vỏ bầu khô và cần đàn. Nhưng dây đàn thì chịu. Chẳng kiếm đâu ra. Thời buổi đến đoạn dây thép giăng cột ống tre cũng phải khổ công tìm kiếm thì việc kiếm dây đàn bầu chẳng khác gì đáy bể mò kim.

Ngày nào ba tôi cũng ngồi vêu mặt nhìn ra đường cố nghĩ xem có *“mẹo vặt”* nào kiếm được cái dây đàn bầu. Chẳng ngờ trong cái khó lại lộ cái khôn, một bữa trong lúc thay sợi dây phanh xe đạp cũ, ba chợt à lên một tiếng rồi ngấm nghĩa một hồi, ông quyết định rút ra một sợi xem sao. Chẳng ngờ sợi dây được lắp vào đàn bầu, Ái Xuân gảy lên mấy tiếng nghe ngọt như tiếng đàn bầu của thầy Út Du. Cả nhà ồ lên sung sướng.

Vì cây đàn bầu làm bằng phanh xe đạp này, dù biết mình không có khiếu đàn và cũng không chăm học, tôi vẫn cố học mong cho thành tài không dám bỏ cuộc. Điều đó giải thích vì sao tôi chỉ biết chơi duy nhất một loại nhạc cụ, đó là đàn bầu. Sau này cho dù có được nhiều cây đàn bầu chuyên nghiệp khác, nhưng cây đàn bầu dây phanh xe đạp vẫn là cây đàn quý giá nhất đời tôi.

Tai nạn nghề nghiệp

Một lần đi hát ở Câu lạc bộ Đảng Dân chủ (ông Nguyễn Xiển làm chủ tịch), chúng tôi song ca một ca khúc. Tôi hát bè cao, Ái Xuân hát bè thấp. Tôi bị viêm họng không lên cao như mọi ngày. Tôi nói Xuân phải chọn tông thấp hơn để những chỗ nào hát cao, Xuân có thể hát thế tôi. Thuyết phục mãi Xuân không chịu, hai chị em cãi nhau kịch liệt.

Ra sân khấu, hai đứa mỗi đứa quay mặt một nơi không thèm nhìn nhau. Tôi hát một kiểu, Ái Xuân hát một kiểu, ông chẳng bà chuộc không ra làm sao cả. Tiết mục thất bại thảm hại. Diễn xong, hai đứa lại cãi nhau, đổ lỗi cho nhau. Dọc đường về nhà hai đứa vừa cãi nhau vừa khóc như mưa. Cả nhà xúm lại hỏi han, đứa này đổ lỗi cho đứa kia, lại cãi nhau chí chóe.

Nghe hết câu chuyện, anh Văn tức giận lôi hai đứa chúng tôi tới trước mặt má. Má nói: *“Hai đứa con ở ngoài đời là hai chị em, nhưng lên sân khấu thì là hai diễn viên. Tuyệt đối không được mang chuyện ngoài đời mà ảnh hưởng đến sân khấu. Do vậy, má phạt các con không được đi biểu diễn trong đợt tới nữa!”* Nghe lời dạy dỗ và dọa phạt của má, sợ quá, chúng tôi rỏ rít xin lỗi và hứa không bao giờ cãi nhau nữa.

Tuy vậy anh Văn vẫn không tha. Với nghệ thuật anh Văn rất nghiêm túc. Khi chúng tôi mắc lỗi, chưa bao giờ anh tha thứ. Anh mắng cho một trận, bắt phải quay lại xin lỗi *Câu lạc bộ Đảng Dân chủ*, nơi tổ chức biểu diễn. Xin lỗi xong về nhà còn bị anh cho mỗi đứa hai roi. Anh còn dọa bị phạt lần tới không cho đi hát, hai đứa sợ xanh mặt.

*

Năm 1969, Ái Xuân và tôi được đi dự Trại hè ở Bãi Cháy. Đêm văn nghệ thật vui, mỗi tội trời hơi lát phát mưa. Xuân và tôi trình diễn tiết mục *Trăng sáng đôi miền* của tác giả An Trung. Ái Xuân hát, tôi múa. Xuân vừa hát được hai câu: *“Trăng lên lùa cánh tre gió thổi sáo diều/ Trăng soi cảnh miền quê lúa ngả mướt đồng...”* bỗng nhiên thấy giọng của Ái Xuân run run, mặt tái dại. Tôi chưa kịp kêu lên Ái Xuân đã ngã lăn đùng ra đất. Mọi người la hét ầm ĩ. Tôi

cuống quýt không biết làm gì. Thầy giáo Phúc chơi guitar nhanh như cắt lao tới hát văng micro ra. Thì ra vì trời mưa lâm thâm điện bị rò rỉ. Ái Xuân hát gần micro nên bị điện hút vào. Tôi cùng mọi người bỏ cả hát hò đưa Ái Xuân đi cấp cứu. Hú vía, tại trạm xá Ái Xuân dần tỉnh lại.

Tiết mục liên hoan văn nghệ của hai chị em bữa đó hoàn toàn bị phá sản! Một tai nạn nhớ đời.

Hát cho đoàn chính quy

Hát cho các Đoàn chính quy là nỗi thèm khát của Ái Xuân và tôi. Thỉnh thoảng hai chị em tôi vẫn được các đoàn miền Nam gọi đi biểu diễn nhưng đây chỉ diễn kèm thêm, chúng tôi không có tên trong biên chế của đoàn.

Mơ được ước thấy. Thành công của Gánh hát Bảo Định Giang quá lớn, chị em tôi được các đoàn để ý. Cô Kim Anh, trưởng Đoàn Ca múa miền Nam, đến gặp ba má tôi ngỏ ý muốn mời Ái Xuân và tôi tham gia một số buổi trình diễn với đoàn. Và để thuận tiện cho việc luyện tập hàng ngày, cô muốn hai đứa phải vào ở nội trú cùng đoàn ở khu văn công Cầu Giấy. Ba má tôi ngần ngại vì không muốn xa con, nhưng hai chị em tôi thì háo hức lắm. Được là người của đoàn văn công còn gì bằng. Trước tài thuyết phục của cô Kim Anh và sự năn nỉ ỉ ôi của hai chị em, cuối cùng ba má cũng gật đầu đồng ý.

Về Đoàn Ca múa miền Nam, chị em tôi vẫn vừa tập vừa học văn hóa, vừa thỉnh thoảng đi biểu diễn với đoàn. Vẫn là những tiết mục diễn chung bấy lâu nay, nhất là bài hát *Tía em hết sợ*. Có lần chẳng hiểu sao tôi được lên sân khấu đơn ca bài *Xuân chiến khu* của nhạc sĩ Xuân Hồng. Cảm giác được đơn ca trên sân khấu của một đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp thật là khó diễn đạt: vừa sung sướng, vừa lo lắng và hồi hộp! Lần đầu tiên mặc đồ quân giải phóng ca bài *Xuân chiến khu*, một bài hát của người lớn, lại được hát đơn ca, hạnh phúc đầu đời quá ngọt ngào.

Khi cô Kim Anh mượn bên phục trang bộ quân phục mũ tai bèo đưa cho tôi mặc thử, tôi cứ đi đi lại lại, ngắm tới ngắm lui, mặt mũi

cực kỳ nghiêm trọng trước ánh mắt giễu cợt pha chút... ghen tỵ của Ái Xuân. Đến cuối buổi diễn, cô phục trang phải chờ mãi tôi mới chịu đưa trả lại bộ quần phục cho cô.

Sau này, đúng là duyên nợ, tôi và Đoàn Ca múa miền Nam còn gắn bó nhiều kỷ niệm khó quên nữa...

8

Chiến tranh

Với tôi chiến tranh bắt đầu từ khi loa phóng thanh Thành phố vang vang: *“Đồng bào chú ý, đồng bào chú ý, máy bay địch cách Hà Nội 50 km! Các lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu! Mọi người cần nhanh chóng vào hầm trú ẩn và nghiêm chỉnh chấp hành lệnh của Ủy ban Phòng không nhân dân Thành phố...”*. Tiếng loa phóng thanh lặp đi lặp lại nhiều lần, ai sống thời này đến tận bây giờ vẫn nhớ. Thoạt đầu tôi cứ tưởng chiến tranh chỉ có vậy, ở đâu bom rơi đạn nổ chứ Hà Nội chỉ có tiếng loa thông báo căng thẳng mà thôi. Chẳng ngờ chiến tranh đến thật, bom rơi đạn nổ và những năm dài sơ tán, đói khổ triền miên. Gia đình tôi như mọi gia đình Việt ít nhiều có hệ lụy với chiến tranh, đó là môi tình đầu của chị Ái Mai và cái chết của chị Kim Anh người yêu anh Hà Quang Thành, rồi đến cái chết của anh về sau. *“Bởi chiến tranh không phải trò đùa”*, như một câu hát của nhạc sĩ Phạm Minh Tuấn.

Sơ tán

Cuối năm 1964, chiến tranh leo thang, miền Bắc bị ném bom liên tục. Hà Nội có lệnh sơ tán. Gia đình chúng tôi lên xe tải của Đoàn Cải lương Nam bộ chuyển tới Nông trường Cửu Long, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Giữa năm 1965 về Hà Bắc. Cuối năm 1966 chuyển về tỉnh Hưng Yên. Cuối năm 1972 lại sơ tán về tỉnh Hòa Bình một lần nữa. Một lần chuyển nhà ba năm trả nợ, những cuộc di cư đã làm nhà tôi vốn đã suy kiệt càng thêm suy kiệt.

Lần đầu rời Hà Nội về vùng quê miền núi heo hút. Sống trong nhà mái tranh, phen tre, và ánh đèn dầu tù mù leo lét tại khu vực này, thoạt đầu lũ trẻ chúng tôi bị sốc. Đêm nào mấy anh chị em tôi cũng khóc thút thít. Giải pháp chữa chán nản được đưa ra là đi ngủ sớm. Cứ sẩm tối, vừa lên đèn là mắt cũng díp lại. Ngủ cho quên buồn!

Cuộc sống mới rồi cũng quen dần. Có về thôn quê mới biết người dân tốt biết bao. Những người nông dân chất phác, tốt bụng những nơi chúng tôi đến ở nhờ đều dành cho chúng tôi chỗ ở cũng như mọi tiện nghi tốt nhất mà họ có. Tôi vẫn còn nhớ gian giữa của căn nhà mà cả gia đình tôi đã tới ở nhờ tại Hà Bắc. Chủ nhà đã nhường cho khách vị trí tốt nhất trong nhà, còn gia đình họ thì ở hai chái bên cạnh, nhỏ hẹp chật chội.

Con nít thôn quê đa phần đều thật thà, tốt bụng. Chúng rất “nể” và thích con nít thành phố. Anh em chúng tôi được chúng nhiệt tình hướng dẫn cách ra suối bắt cá mương, lên đồi trồng sắn, vào rừng tìm những quả tót tiên về chơi. Tôi theo lũ trẻ trong làng mãi mê ngoài suối không biết chán. Chộp được vài con cá mương bé tí xiu, chúng tôi cũng cảm thấy hào hứng vô cùng.

Dần dần “khôn” ra chúng tôi biết bẻ trộm bắp ngô, đào trộm khoai, sắn. Rồi đánh bắt, câu trộm cá tôm ở các ao hồ Hợp tác xã. Cùng với lũ trẻ chăn trâu, chúng tôi bày ra “nấu nướng” giữa đồng, tổ chức những bữa liên hoan thịnh soạn. Sau này dù bốn phương trời, ăn đủ cao lương mỹ vị tôi vẫn thấy chẳng có bữa tiệc nào ngon bằng những bữa ăn giữa đồng thuở bé con.

*

Chúng tôi được bà ngoại dạy cho cách nấu cơm, luộc rau và luộc trứng. Ngoại đã sáng tạo làm món chè sắn. Sắn là món ăn phát ngân của trẻ nông thôn ở đây, qua bàn tay khéo léo của bà trở thành món quà lạ miệng. Chúng tôi học theo ngoại nấu chè sắn chiêu đãi lũ trẻ thôn quê, chúng thích lắm.



Má Ái Liên cùng đoàn Cải lương Nam bộ trước giờ biểu diễn ở Paris 1969

Những khi trời đổ mưa, các cô chú trong Đoàn Cải lương Nam bộ cùng sơ tán ở gần đó rủ nhau đi bắt cóc, nhái, ếch cải thiện bữa ăn. Mới đầu, chúng tôi sợ không dám ăn. Sau, được anh Văn nhử bằng một cái đùi ếch xào lăn thấy thơm quá, ăn thử thấy ngon rồi mê luôn. Vậy là lũ trẻ chúng tôi được giao nhiệm vụ hàng ngày làm thịt cóc, thịt nhái. Làm thịt cóc là cực nhất. Trước tiên do cảm giác ghê ghê vì nhựa cóc, sau là phải hết sức cẩn thận và thật tinh mắt, khi tách gan và mỡ không được sót bất kỳ một cái trứng cóc nào. Chỉ cần dính một quả trứng cóc bé tí xíu thôi mà ăn vào sẽ ngộ độc chết ngay lập tức.

Hồi ấy, Đoàn Cải lương Nam bộ đi sơ tán đến đâu, lúc đầu còn nghe thấy tiếng ếch nhái kêu râm ran, chỉ một thời gian sau là thấy im thin thít hết, bởi tất cả đã theo nhau vào nôi rồi. Khi cóc, nhái, ếch ương chẫu chuộc đã hết thì bắt đầu chuyển sang đến món ốc sên. Ếch nhái tôi còn thấy ngon, ốc sên thì quả thật là khó nuốt. Ăn cứ ghê ghê nhưng cứ phải ăn. Nhót của ốc sên là nỗi ám ảnh của tôi cả những năm về sau.

Bà ngoại còn học được cách làm nước mắm cua đồng. Cua đồng được ướp trong 3 tháng với muối là thành nước mắm. Màu nước mắm cua đồng vàng ươm, đẹp vô cùng. Ở nơi sơ tán thiếu thốn, nước mắm cua đồng cũng trở thành món ăn đặc sản hiếm hoi, quý giá. Anh Thành và tôi theo lũ trẻ trong làng đi bắt cua đồng về để bà làm nước mắm. Bây giờ tôi mới biết thế nào hang cua, thế nào hang ếch, thế nào là hang rắn. Từ lúc thấy con cua giờ càng đã sợ hết hồn đến lúc bắt được cả một hom giỏ đầy, thật như một giấc mơ.

Chúng tôi lúc này chỉ khác lũ trẻ ở quê ở mỗi điểm là quần áo lành lặn hơn, có màu sắc hơn. Còn thì giống nhau như lột, cũng tóc cháy nắng, da khét bunn. Cũng chân đất đầu trần đi tát cá, cắt vó tôm, mót lúa, đào khoai mằm.... Ngày mùa, làng trên xóm dưới rộn ràng. Thỉnh thoảng bác chủ nhà luộc một rổ khoai lang, khoai sọ, cả nhà lại trải chiếu giữa sân ngồi ăn khoai uống nước chè tươi, nói chuyện, vãn gió. Gió mát hiu hiu, nhiều bữa chúng tôi ngồi hóng chuyện người lớn, nằm lăn ra ngủ say lúc nào không biết.

Thích nhất là sân đình những đêm trăng đập lúa. Chúng tôi như những nông dân thực thụ tham gia đập lúa hót rơm. Mới làm dặm thóc khắp người cứ nổi mẩn ngứa điên, sau quen dần, chỉ cần dội xong vài gáo nước giếng là đâu lại vào đây. Sân đình rộn rịp cho tới khuya. Con nít vừa làm vừa chọc ghẹo, người lớn vừa làm vừa hát hò. Rộn ràng là đám thanh niên, họ vừa làm vừa cưa cặm nhau, câu chí nhau nữa. Rất vui. Bây giờ tôi mới biết thế nào là “*cưa*”, là “*tán*”.

*

Ở quê thích nhất là chiều chiều đua nhau nhảy ùm xuống ao hồ bơi lội. Thấy đám trẻ làng bơi lội thoăn thoắt dưới ao nhìn mà phát thèm. Một cậu thấy tôi muốn học bơi chạy tới hỏi: “*Có muốn bơi không?*”- “*Có chứ!*”- “*Phải chịu đau mới bơi được cơ.*” Tôi không hiểu sao muốn bơi được phải chịu đau nhưng cứ nói liều: “*Tớ chịu được*”. Cậu làm bộ quan trọng, nói: “*Chỉ cần cho chuồn chuồn cắn rốn là bơi tốt ngay*”. Tôi tưởng thật, bắt luôn một

con chuồn chuồn ngô to tướng, răng thật sắc và để vào rốn cho cắn, đau không chịu nổi.

Có ngờ đâu mình bị lừa. Cho chuồn chuồn cắn rốn xong, tôi ôm chặt đầu gối nhảy xuống ao. Thấy lưng nổi lên mặt nước thì chắc mắm phen này là bơi ngon lành. Niềm vui ngấn chẳng tày gang, tôi thấy mình chìm dần, tay đập vung vít vẫn cứ chìm. May nước ao cạn, tôi đứng lên được. Một con đĩa to bám chặt vào thành bụng. Sợ chết khiếp, tôi hét to cầu cứu. Lũ trẻ nhìn tôi cười thích thú. Không cầu cứu được ai, đành lấy khăn dứt mạnh con đĩa ra rồi chạy một mạch về nhà. Từ nơi miệng đĩa cắn máu chảy không cầm nổi. Vừa nhìn thấy má, tôi khóc òa lên. Từ đấy chấm dứt luôn mộng bơi lội.

*

Sơ tán ở Hưng Yên, Ái Xuân và tôi ở với ba ở xã Lạc Đạo vì ở đó gần trường cấp một. Anh Văn và em út Ái Thanh ở với má ở chùa Nôm xã Như Quỳnh, nơi Trường sơn khẩu được sơ tán về. Thời gian này, má và anh Văn đã về trường dạy học. Cứ một, hai tuần, ba lại đưa Ái Xuân và tôi sang Như Quỳnh thăm má. Mỗi khi đi qua chiếc cầu đá với những viên đá xanh mát mịn là biết sắp đến chùa Nôm, hai chị em đạp dần xe vọt lên trước để mau đến gặp má. Má cười rất tươi dang rộng tay đón chúng tôi. Được ôm chầm lấy má thật không gì vui sướng hơn. Để chiêu đãi ba bố con, Má nấu nồi chè chuối theo kiểu Nam, bên trên rắc lạc rang thơm phức.

Tới thăm má trúng ngày Rằm hay Mừng Một lại được xem đóng oản và hưởng lộc của nhà chùa. Trong chùa có gian phòng nhỏ luôn đóng kín. Thấy lạ, tôi cố rình xem cho thỏa nỗi tò mò. Nép mình nhìn qua khe cửa, tôi phát hiện ra trong phòng rất nhiều người đang lên đồng. Cả không gian mờ ảo của đồng, của cốt, của các cô đồng, cậu đồng, của cung văn và những người hầu giá xung quanh. Các bà, các cô mặc quần áo sắc sỡ và phấn son lòn lẹt. Tiếng nhạc khi khoan nhặt, lúc rộn ràng đầy hưng phấn. Người nhập đồng mặt đỏ lựng, say trầu, say thuốc rung rung. Thật lạ. Tan buổi chiều đồng rồi nhưng cảm giác rờn rợn, lâng lâng, sờ sờ cứ còn mãi.

*

Ở Lạc Đạo tôi có chơi với hai chị em, cô chị tên Ô, cô em tên Vuông. Hai chị em Ô - Vuông rất tốt bụng, đến mùa gặt tháng Mười, hôm nào cũng rang thóc nếp, đựng vào vạt áo cho tôi cắn chắt. Thỉnh thoảng Ô - Vuông dắt tôi đi cắt cỏ, cấy lúa. Lần đầu tiên cầm dành mạ cấy xuống bùn non tôi có một cảm giác rất lạ, rung rung khi thấy mình như con cái của ruộng đồng. Cảm giác đó còn mãi, sau này đi biểu diễn mỗi lần về thôn quê tôi đều tranh thủ xắn quần lội ruộng để nhớ lại cảm giác mình đã từng là nông dân, là con cái của ruộng đồng.

Nơi sơ tán, việc đầu tiên khi đến lớp mới là phải đào hầm. Sợ nhất là thấy những con giun quần quai lúc lưỡi mai ẩn xuống. Bọn trẻ biết tôi sợ giun, chúng nhặt giun ném vào người, tôi sợ có thể ngất đi được. Hai chị em Ô - Vuông biết chuyện, liền bày cho tôi một mẹo. Lót miếng giấy liều cầm giun lên và nói: *“Ê ê nhìn này, tớ không sợ đâu nhé!”* Từ đấy mới thoát nạn!

Lũ trẻ thành phố chúng tôi đi sơ tán ít ai là không bị ghẻ, ghẻ kềnh ghẻ càng. Đến khổ. Ghẻ khắp người và chấy cũng đầy đầu. Những con cái ghẻ đào hang ở lòng bàn tay, ngứa phát điên. Các cô đồng nghiệp trong cơ quan ba tôi bèn lấy kim băng, theo đường đi của ghẻ để bắt cái ghẻ. Rồi các cô bôi đầy người tôi thứ thuốc màu xanh, cả lưu huỳnh khét lẹt nữa.

Ô - Vuông cũng bị ghẻ nhưng họ coi như không. Trong khi cả lớp ngồi không yên vì ghẻ, hai chị em nó vẫn bình chân như vại. Mấy thằng con trai thấy lạ, hỏi vì sao không bị ghẻ. Ô - Vuông nói vì có thuốc diệt ghẻ vô cùng hiệu nghiệm, đó là mỡ pin Con Thỏ. Gãi cho chảy máu nốt ghẻ, bôi mỡ pin Con Thỏ lên, lành ngay lập tức. Tôi học làm theo. Xót kinh khủng, xót muốn khóc lên được nhưng lành ngay, mỗi tội mỡ pin làm cháy da thâm đen rất lâu sau mới hết. Một cu cậu bị ghẻ ở ngay háng, nghe theo Ô - Vuông liền gãi cho chảy máu ở ghẻ rồi bôi mỡ pin lên. Vừa bôi xong, xót quá cậu ta cứ túm quần chạy vòng quanh lớp, vừa chạy vừa khóc vừa chửi văng lên. Cười mãi.

*

Nơi gia đình tôi sơ tán có rất nhiều Đoàn nghệ thuật: cải lương, kịch nói, chèo, tuồng, điện ảnh, ca kịch Liên khu V... Các đoàn hàng ngày tập múa hát và tập đàn, tập kịch rất xôm tụ. Lũ nhỏ chúng tôi lăng xăng kéo nhau hết xóm này sang xóm khác. Bữa nay sang xóm này xem chèo, bữa sau qua xóm khác xem kịch, được tận mắt gặp các ngôi sao điện ảnh và sân khấu đẹp trai, xinh gái: Thế Anh của Đoàn Kịch Trung ương (trong phim *Nỗi gió*), Diễm Lộc của đoàn Chèo Trung ương..., Đàm Liên, Đàm Thanh của đoàn Tuồng v.v...

Hai chị em nghệ sĩ Đàm Liên - Đàm Thanh đẹp nổi tiếng. Hai chị thường mặc áo bà ba đen nổi bật khuôn mặt đẹp với làn da trắng bóc, mịn màng. Tôi đặc biệt thích xem chị Đàm Liên đóng vở *Ông già công vợ đi hội*. Chị công ông già bằng vải sau lưng mà diễn sống động như là công người thật, cuốn hút đến nỗi chúng tôi ngồi im như nuốt từng động tác. Chị Diễm Lộc thì điêu luyện trong lớp chèo *Xúy Vân giả dại* hay *Thị Màu lên chùa*. Từng cái liếc mắt, từng động tác cuốn ngón tay hay xòe quạt đã ngấm vào tôi lúc nào không biết. Sau này ra hải ngoại, “*kiến thức bất ngờ*” học được thời sơ tán đã giúp tôi rất nhiều trong nghệ thuật, nhất là mỗi khi dựng lại các nhạc cảnh dân gian.

Tôi nhớ và thích nhất là cô Hà Nhân, Vụ phó Vụ sân khấu. Cô khá giống má, nước da trắng trẻo, điệu đà xinh xắn, tính cách thì mạnh mẽ, tôi ngưỡng mộ lắm. Cô Hà Nhân thường qua nhà hỏi thăm chúng tôi và xui chúng tôi nếu muốn ba cai được thuốc Lào thì lấy nhọ nôi và mỡ bôi quanh ống điều. Anh Thành, Ái Xuân và tôi đã lén lút làm theo lời cô. Khi ba tôi hút thuốc xong, hàng xóm và đồng nghiệp ai thấy cũng cười ngặt nghẽo. Khi phát hiện ra, ba tôi cáu tiết, tra vấn mấy đứa nhưng chúng tôi nhất quyết không khai. Sau lần đó Ái Xuân và tôi thân với cô Hà Nhân hơn. Mỗi khi cô ăn trà xong, tôi thường xin cô bã trà để nhai lại, rồi nhổ ra nước màu đỏ đỏ, thích lắm.



Đoàn Nhạc nhẹ Trung ương tại Vũng Tàu, 1983

Một hôm tôi đang nhai bã trầu thì muốn đi tiểu. Tôi ngạc nhiên khi mình không nhớ nước trầu mà sao bỗng dưng nước tiểu lại có màu đỏ. Tôi suy nghĩ mãi, vào nhà ngồi, một chút lại thấy phần bên dưới ướt ươn ướt. Kiểm tra lại vẫn thấy có... nước trầu. Thôi chết, thế này là thế nào? Mình sắp chết rồi chẳng? Tôi sợ quá ngồi chết dí trên giường. Cô Hà Nhân đi ngang qua, hỏi: “*Cháu Vân ăn cơm chưa, sao lại ngồi đây, có ồm không, sao không thấp đèn lên?*”. Thấy tôi ngắc ngứ, cô lại tới sờ trán, không thấy có dấu hiệu gì cảm sốt. Quái nhỉ? Cô hỏi nhưng tôi cứ mếu máo mãi, nói không nên lời. Cuối cùng cô cũng phát hiện ra bí mật của tôi. Cười rất tươi, bảo: “*Vân ơi, cháu đã lật qua một trang sách mới rồi đấy!*”. Cô ân cần giảng giải dạy cho tôi từ chuyện dùng tập giấy bản thế nào, vệ sinh cá nhân ra sao, những điều cần biết và cần tránh trong những ngày đến kỳ của người con gái. Sự sợ hãi dần dần tan biến, thậm chí cứ đến ngày đó tôi lại thấy vui vui vì biết mình sắp thành người lớn.

Tôi đã bước vào ngày đầu tiên của thời thiếu nữ khi vắng mẹ vào những ngày sơ tán như vậy đó!

Chị Ái Mai

Chị Hà Thị Ái Mai, sinh đầu năm 1949, tuổi Mậu Tý. Con gái má Ái Liên, chị cả là Ái Loan, thứ đến là chị Ái Mai. Sau chị Ái Mai là chị Ái Hoa nhưng chị Ái Hoa đã mất từ nhỏ. Chị Ái Mai nhỏ bé, có nét giống anh Sơn, nhất là về vóc dáng. Chị có đôi mắt buồn và hay nhìn xuống. Giống chị Ái Loan, chị Ái Mai thông minh, lanh lợi, ham học hỏi, rất chịu khó sưu tầm những kiến thức về ngành y, thích hát và sau này còn làm thơ, hay cười và hay nói.

Năm tôi bốn tuổi, chị Ái Loan về trời. Ban nhạc gia đình lúc này chị Ái Mai hay được làm lĩnh xướng. Giọng chị mảnh, nhỏ thôi nhưng ngọt như tơ đồng. Má nói: *“Nghe Ái Mai hát ‘Điệu thuyền vọng nguyệt’ lại nhớ Ái Loan. Chỉ tiếc giọng Ái Mai không được khỏe.”* *Điệu thuyền vọng nguyệt* trích đoạn *Lã Bố hí Điệu Thuyền* là khúc ca sở trường của chị Ái Loan. Mỗi khi má nhớ chị Ái Loan, chị Ái Mai lại dỗ má bằng khúc ca này: *Phụ thân ơi, như con ngày hôm nay với tấm thân mỏng mảnh cánh ờ...ờ... chuồn / Từ thuở ấu thơ cho đến tuổi trưởng thành / Chỉ mong phụng dưỡng cha già cho tròn chữ hiếu ân...*

Phải nói là bao nhiêu thương yêu, chăm sóc và kỳ vọng của ba má đều tập trung cho Ái Xuân và tôi hết, chị Ái Mai và anh Thành chịu thiệt thòi nhiều lắm. Khác với trước 1954, thời hoàng kim - thịnh vượng của gia đình, cả nhà quây quần trong bầu không khí nghệ thuật, hết cải lương rồi đến phim ảnh, hạnh phúc, đam mê và sung túc. Chị Loan, anh Sơn và anh Văn có môi trường rất tốt để phát triển năng khiếu nghệ thuật.

Sau khi chị Loan mất đi, gia đình cũng sa sút, một mình má phải gánh nguyên cả đoàn tàu há mồm. Má về Đoàn Cải lương Nam bộ, đi biểu diễn liên miên ít có thời gian chăm lo nghệ thuật cho con cái. Lúc này cả nhà phải lo thích nghi với cuộc sống khó khăn trước mắt, chuyện cơm áo là hàng đầu, không còn tâm trí đâu để lo

khuyến khích “*mầm non văn nghệ*” là Ái Mai và Quang Thành nữa, chị Mai và anh Thành như bị “*mất đà*” từ nhỏ.

Thêm nữa cơ địa chị Mai không phù hợp với nghề ca hát. 10 tuổi chị được ba gửi học trường sân khấu học cải lương. Thời gian biểu rất căng, ngày ba buổi cả học văn hóa lẫn học nghệ. Có khi còn lặn sang buổi tối. Được ít lâu chị ốm, sốt cao. Bà ngoại phải lên Cầu Giấy, cuốn chăn bông chở xích lô đưa chị về nhà. Hết ốm lại lên trường học. Học một thời gian lại ốm. Thấy vậy má cho nghỉ học hát để về tập trung học văn hóa. Cứ học văn hóa là chị không ốm đau gì, học rất giỏi, năm nào cũng đạt học sinh giỏi.

Những năm 1962-1963 yêu nghề quá chị lại xin vào đoàn cải lương học nghệ. Vào lúc chiến tranh phải đi sơ tán, không có điều kiện tập luyện hàng ngày, rất khó có thể phát triển được nghề. Ngoại hình bé nhỏ, giọng yếu lại xa má, không được má kèm cặp riết rảo như Ái Xuân và tôi. Rồi chị lại ốm, hết trận này đến trận khác. Ốm yếu quặt quẹo mãi, được hai năm chị bỏ giấc mộng theo nghề. Tốt nghiệp phổ thông, chị đi học ở các trường Lý Tự Trọng, Ngô Sĩ Liên và Hà Nội B, thi đỗ vào Đại học Công nghiệp nhẹ, khoa Cơ dệt. Ra trường chị làm tại nhà máy dệt 8/3 Hà Nội, sau 1975 chị vào Nam làm việc tại nhà máy dệt Khánh Hội (thuộc SICOVINA cũ).

Chị Ái Mai khá thành công trong vai trò một Kỹ sư công nghệ sợi dệt nhưng chị vẫn không bỏ nghiệp của gia đình, ở đâu chị cũng gây dựng lời ca tiếng hát, khiến cho phong trào văn nghệ đoàn thể nơi đó phát triển. Chị có tài thơ từ bé nên sau này khi có điều kiện, chị sáng tác nhiều và có thơ in ở nhiều nơi. Đọc thơ chị tôi thấy tiếc, xưa ba má chỉ quan tâm đến năng khiếu biểu diễn mà ít chú ý đến năng khiếu sáng tác của con cái, giá ba má biết chị Ái Mai có tài thơ ca thể nào cũng hướng chị sáng tác cho ca kịch, một loại hình nghệ thuật luôn luôn thiếu kịch bản.

Chị Ái Mai là người ít may mắn nhất trong tình duyên so với 3 Ái còn lại, mặc dù chị chưa phải ra tòa li dị lần nào như 3 đứa em gái của mình. Mọi tình đầu của chị quá đẹp, vì chiến tranh cuộc tình đã không thành. Thật tiếc. Tôi biết chị không muốn nhắc tới làm gì,

“Cứ để nó trôi theo năm tháng thôi em ạ” - chị nói vậy, nhưng tôi vẫn kể lại vì quá tiếc thương cho mối tình đầu ấy.

*

Năm 1965 Bộ Văn hóa trưng dụng nhà 38 phố Huế làm nhà ăn tập thể của bộ. Chị Ái Mai lúc đó đã 16 tuổi học lớp 7, chị vẫn thường xuống bếp giúp các bà cấp dưỡng gọt bí, hái rau. Mẹ của Anh làm cấp dưỡng ở đây, thấy “con bé ngoan”, bà thích lắm vẫn thường hỏi han chị.



Từ phải qua: Hà Quang Sơn, Hà Quang Văn, Hà Thị Ái Mai, Hà Quang Thành

Nghỉ hè, nhà trường tổ chức xuống xã gặt lúa giúp dân, chị thường hay về muộn, ba mua vé nhà ăn của Bộ cho chị làm về thì xuống đó ăn, khỏi phải nấu nướng. Một lần chị xuống bếp nhúng bát đũa vào thùng nước sôi gặp Anh đang nhúng bát đũa. Anh nhẹ nhàng hỏi chị: *“Chị Mai mới xuống xã về đấy à?”*. Tiếng Nam bộ ngọt lừ. Hồi đó ai nói giọng Nam đều rất được cảm tình, nhà tôi càng cảm tình đặc biệt. Bạn của con cái ai nói giọng Nam là ba má duyệt liền.

Chị ngược lên nhìn. Anh chừng 20, 21 tuổi rất bắt mắt, đáng thư sinh, hào hoa phong nhã.

Chị thấy thích, mới 16 tuổi đã có người gọi bằng chị, người ấy nói giọng Nam, lại đẹp trai. Sau hỏi ra mới biết Anh là con trai của bà cấp dưỡng, đang học Đại học Kinh tế quốc dân. Hèn gì Anh biết tên chị. Chắc mẹ Anh có kể chuyện về chị cho Anh, có ý mai mối cho Anh. Chỉ vì câu hỏi đó mà chị cứ đến bữa lại mong thấy Anh. Chị hồi hộp, phập phồng mỗi lần xuống nhà ăn. Còn Anh đang là người lớn tự dưng hay tới chơi với đám trẻ con phố chị, lấy cớ quen thằng Quân con anh Hồng điếc hàng xóm của nhà tôi, thực ra thì trong đám trẻ con đó có chị. Ngày nào cũng gặp nhau, nhìn nhau cười cười vậ thôi chứ chẳng nói năng gì. Nhưng ngày nào không thấy mặt nhau cả hai đều chịu không nổi.

Ba năm học cấp 3 chị đi học qua 51 Trần Hưng Đạo. Nhà Anh ở đấy, cái nhà nho nhỏ bên cạnh cổng ra vào. Mỗi lần chị đi qua như thấy có mắt ai nhìn theo. Một sáng đi học, chị mặc sơ mi màu xanh da trời, cổ lá sen bà ngoại mới may cho, rất đẹp. Chị chỉ mong Anh nhìn thấy. Bất chợt chị ngược lên, quả nhiên thấy Anh đứng ở ban công gác hai đang nhìn xuống. Tim chị rụng cuống ngay tức thì. Chị học hết cấp 3, Anh tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân được giữ lại trường, lúc này Anh mới rủ chị đi chơi.

Lần đầu ngồi sau xe Anh, chị run quá, nhất là thấy Anh đi về hướng Công viên Thống Nhất. Anh chị vào ăn kem cốc Quán Gió rồi ra ghé đá ngồi ngóng ra hồ. Chị run quá không còn nhớ Anh đã nói gì, chỉ nhớ Anh nói lời yêu. Nụ hôn Anh rơi xuống tóc chị, thế là chị nhận lời yêu Anh.

Không biết ai nói mà cả nhà đều biết. Lúc đầu ba má cũng mừng, *“Cái thằng đứng đắn đang học đại học, còn gì bằng”*. Chị Bích Tuyên, chị dâu vợ anh Hiền, thì khen Anh rồi rít, nói: *“Em chọn đúng người rồi đó. Nhà này nhất em!”*. Tâm hồn chị treo ngược cành cây. Không ngờ ba điều tra ra Anh là con trai một *“nhà văn phản động”*, đứng đầu trong nhóm Nhân văn Giai phẩm. Cả nhà hoảng lên. Ba lập tức họp gia đình, ông nói: *“Nhà ta đã mang tiếng tư sản, bây giờ lại thông gia với một nhà văn phản*

động thì sống thế nào được hả các con?”. Chị khóc. Má cũng khóc. Tôi còn nhỏ cũng được dự họp gia đình, thấy thương chị quá. Lần đầu tiên mới biết lý lịch hệ lụy đến tình yêu kinh khủng đến thế nào.

Ba má hết khuyên răn đến cảm đoán chị vẫn không nghe, tối đến chị vẫn trốn nhà đi chơi với Anh. Ba biết nên thường đứng đầu ngõ chờ chị về, lần nào cũng vậy ba sụp xuống lạy chị, nói: *“Ba lạy con... con ơi!”*. Chị ôm má khóc cầu cứu. Má cũng chỉ biết ôm chị khóc, chẳng biết làm sao. Bây giờ nhìn lại thấy chẳng có gì ghê gớm, sao ba má nghiêm trọng quá. Nhưng cái thời ấy nó vậy, chỉ cần hai tiếng *“chạm tiến”* đã sợ run lên rồi, đừng nói phản động. Có lẽ ba má quá đau khổ vì cái tiếng *“tư sản”*, *“tiểu tư sản”*, nên không dám liên lụy với những gia đình có *“lý lịch xấu”*. Tôi nhớ hồi đó ba nói đi nói lại câu: *“Ốc không mang nổi mình ốc lại đòi mang cọc cho rêu”* có đến hàng trăm lần. Ông cứ ngồi lẩm bẩm suốt ngày câu đó.

Chuyện đến tai Anh. Có lẽ nhà Anh biết chuyện cũng đã khuyên Anh nên cắt đứt với chị. Anh lớn rồi và là người hiểu biết nên rất thông cảm với tâm trạng của hai gia đình, đặc biệt là với ba má tôi. Anh viết thư cho chị: *“Cái hố ngăn cách giữa anh và gia đình em không thể vượt qua, nếu bất chấp sẽ gây đau khổ cho em”*. Chị vẫn không chịu, vẫn hy vọng đến một ngày nào đó ba má sẽ nghĩ lại. Tội nghiệp chị quá nhỏ tuổi, làm sao chị biết được sự nguy hiểm của một lý lịch đen.

Một tối Anh đến nhà tôi. Được chị Mai báo trước nên cả nhà có mặt đầy đủ, cả anh Hiến, anh Tuyên, chị Yến. Anh đến, mặc bộ đồ trắng rất đẹp. Anh nói rất nhã nhặn khúc chiết, rằng cháu và Mai yêu nhau, nhưng vì thế này thế nọ... nên từ nay chúng cháu quyết định chia tay nhau. Cháu hứa từ nay hai đứa cháu chấm dứt không quan hệ nữa. Ba nói: *“Anh nói vậy chúng tôi biết vậy chứ có cơ sở nào để chúng tôi tin anh không quan hệ với con gái tôi nữa?”* Anh ngược lên nhìn thẳng vào mắt ba, nói: *“Dạ thưa bác, cháu đã xin nhập ngũ. Cháu đã nhận lệnh nhập ngũ sáng nay”*.

Chị Mai bật khóc to, chị khóc ngất trên tay má.

Chị Mai khâu một cái túi đựng bàn chải thuốc đánh răng thêu hai chữ MS lồng nhau, vét hết tiền tiết kiệm mua cây kèn Armonica tặng Anh và chuẩn bị ít phong bì để cho Anh viết thư, gửi Anh ngày anh lên đường. Chị biết cuộc tình của chị là vô vọng, Anh đã chủ động chấm dứt nhưng chị vẫn muốn có cuộc tiễn đưa Anh thật nồng ấm. Trong khi ba má không muốn chị nặng lòng với Anh nữa, nhớ ra gần gửi tiễn đưa nhau lại có lời thề thốt sẽ gây khó nhau ra, chưa nói đến chuyện chị liệu “xin” Anh đưa con để làm tin lại càng khó nữa.

Hôm cơ quan Anh liên hoan đưa tiễn Anh, chị trốn nhà chạy đến. Vừa tới nơi đã thấy anh Sơn, anh Văn đứng đó rồi. Ba đã tính sẵn, sai hai anh trai tới đưa chị về. Chị ngồi trên xe anh Sơn, khóc rất to, nói: *“Em không về... em không về... em không về, về ba đánh chết em!”*. Anh Sơn nói: *“Anh đảm bảo ba không đánh em đâu”*. Ba không đánh thật, chỉ cột chân chị vào thành giường, giao cho tôi ngồi canh chừng chị để ông chạy sang nhà Anh nói chuyện.

Ba vừa ra khỏi nhà, chị nói với tôi: *“Tháo dây ra cho chị đi giải”*. Tôi biết chị nói dối nhưng vẫn tháo dây cho chị. Chị vào buồng tìm gói quà tặng Anh, gói quà đã không cánh mà bay. Chị rú lên, khóc gào thảm thiết. Sực nhớ ra cần phải gặp Anh, chị chạy ra cổng phố Huế, phóng về đường Nguyễn Du, băng qua Công viên Thống Nhất. Chị cuống quýt tìm gặp Anh vì cứ nghĩ liên hoan xong là Anh lên đường. Thấy một ông đi xe đạp chị vừa vẫy vừa kêu: *“Anh ơi cho em đi nhờ”*. Ông xe đạp tốt bụng chở chị đến Trường Đại học kinh tế quốc dân.

Chị gặp được Anh, mừng quá. Anh vẫn chưa lên đường. Anh đưa chị lên gặp cô Châu. Cô Châu là bí thư Đảng ủy, Anh muốn cô thuyết phục chị đừng theo Anh nữa. Cô Châu nói rất dài, Anh thế này thế kia, chị thế này thế nọ, Anh đi bộ đội để cải tạo lý lịch. *“Cháu cứ học đi. Nếu sau này hai đứa còn thương nhau thì vẫn quay lại với nhau được. Khi đó nếu có xây dựng gia đình thì xã hội sẽ không ai nói được gì với cháu nữa cả”*. Hơn một giờ sau rời phòng cô Châu, chị chạy ra sân trường, người ta bảo Anh đã đi gần một tiếng rồi. Chị ôm thân cây khóc lịm đi.

Chị không hề biết Anh trốn chị, ba ngày sau Anh mới lên đường. Đêm trước ngày lên đường, Anh tới nhà 36 phố Huế hôn lên cây cột chị vẫn đứng dựa lưng chờ Anh, cầu cho chị sớm có chồng và hạnh phúc.

Khi đó chị đang nằm trong buồng khóc, đúng ba ngày chị không ăn một miếng nào, chị nằm khóc gọi thầm tên Anh. Nếu lúc đó biết Anh đứng ngoài cửa, chị chạy ra thì cuộc đời của chị có thể hoàn toàn đổi khác.

Chiến tranh mà, làm sao biết trước được điều gì.

Anh Hà Quang Thành

Năm 1968, chiến sự đột nhiên trở nên ác liệt, lệnh tổng động viên được ban hành. Hà Nội lại tiễn con em mình lên đường nhập ngũ. Mỗi cuối tuần, phố nhà tôi lại chứng kiến từng đoàn xe buýt chạy qua, trên xe chở đầy những tân binh mặt non choẹt.

Anh Thành giấu cả nhà trích máu viết đơn xin đi bộ đội. Anh sinh 27/9/1950, khai tăng thêm 5 tháng cho đủ 18 tuổi. Hôm anh nhận được giấy báo tin nhập ngũ, ba má quá bất ngờ. Bữa đó mới tháng tư, ba má vẫn đinh ninh con trai mình đang chuẩn bị thi tốt nghiệp cấp 3 (Thời đó cấp 3 hệ 10/10), không ngờ con lại nhập ngũ, ba má ghen ngào không biết nói sao. Kể ra nếu lên phường lên quận báo con trai mình đã khai man tuổi, chắc anh Thành sẽ được ở nhà học nốt cấp 3. Nhưng làm thế người ta đánh giá “*thiếu lập trường*”, nhất là khi gia đình đã mang tiếng có lý lịch xấu. Ba má đành ngậm bồ hòn để anh đi.

Ngày anh Thành nhập ngũ, anh hơn hở và chỉnh tề trong chiếc sơ mi trắng, quần xanh, chẳng còn bóng dáng của “*đại tướng Thành*” tinh nghịch thuở nào nữa. Trước mắt tôi chỉ là một chàng lính mới tò te Hà Quang Thành, lúnh quính và vụng về. Tự nhiên thấy thương anh quá. Tôi cứ cố cười cho anh vui, nước mắt thì lại trào ra. Vậy là từ nay anh thôi nghịch những trò con nít, giã từ việc đi bầm chuông trộm, giã từ việc đi đánh nhau về nhà bị phạt ăn roi,

giã từ cả chơi bài tú lơ khơ ăn gian và chuyện giành ăn với các em nữa.

Lúc tiễn anh Thành đến điểm tập kết gần Chợ Mơ, tôi thấy trên mấy chiếc xe buýt đã gần kín các tân binh. Người đi tiễn đủ mọi lứa tuổi thành phần đứng chật hai bên đường. Đó là những bậc cha mẹ, hay bạn học cùng trường hoặc những đồng nghiệp cùng cơ quan. Người cười, người khóc, nhiều người còn vừa cười vừa mếu máo lau nước mắt và dặn dò nhau đủ thứ chuyện trên đời. Giữa cảnh huyên náo, có anh chàng rất liêu, nhìn trước nhìn sau không thấy ai để ý bèn phớt vội một cái hôn trên má một cô bạn gái.

Ba tôi đưa cho anh Thành cái túi trong đó có năm com, cây quạt giấy và bi đông đựng nước rồi vội quay mặt đi như sợ con trai nhìn thấy đôi mắt đỏ hoe của mình. Má tôi lấy ra chiếc khăn mu-xoa gói ít tiền nhét vội vào túi áo trên ngực của anh vừa run run dặn dò: *“Con đi nhớ viết thư về cho má nhé!”*. Đoàn xe từ từ chuyển bánh trong những cái vẫy tay cuống quýt, tiếng í ới gọi nhau, vài người còn cố gắng chạy theo xe vẫy vẫy và dặn dò thêm điều gì.

Tôi đứng như chôn chân nhìn chiếc xe chở anh tôi đang dần dần đi xa, thầm chúc anh lên đường mạnh khỏe và sớm trở về bình an. Đến lúc này, tôi mới càng thấm thía cái thực tế phũ phàng rằng chiến tranh không chỉ ở chiến trường xa xôi, không chỉ ở những nơi bom nổ, chẳng phải đâu đó ngoài đường phố. Chiến tranh đã đến đây, rất gần tôi, ngay chính tại gia đình tôi!

Các tân binh nhập ngũ đợt đó chỉ sau vài tháng tập trung học quân sự là được đưa thẳng đến chiến trường B. Vừa vào chiến trường ít lâu bị sức ép bom, anh trở về với cái thẻ thương binh. Thời gian đầu không thấy biểu hiện gì. Thấy anh không có vẻ gì là thương binh cả, gia đình cũng mừng. Chẳng ngờ anh mang trong người một di chứng chiến tranh mà không ai biết. Chính anh cũng không biết.

Nhưng đó là sau này. Ngay cả khi sức khỏe bình thường, anh Thành vẫn là nạn nhân bất hạnh của chiến tranh.

Phục viên trở về, anh Thành đi học 10+2, dạy cấp 1. Anh có người yêu là chị Kim Anh. Chị là giáo viên, nhà ở phố Khâm Thiên. Anh chị yêu nhau, mối tình rất đẹp. Cả nhà tôi ai cũng thích chị Kim Anh. Chị có da nâu đậm đà, gương mặt trái xoan hiền lành đoan trang, hay cười, răng đều tăm tắp. Chị thuộc tít *“những người thất đáy lưng ong, vừa khéo chiều chồng lại khéo nuôi con”*, làm vợ rất tốt. Chị đan lát thêu thùa rất giỏi, vẫn hay bày cho tôi thêu, chị vừa dạy thêu vừa tỉ tê kể chuyện rất hay. Phải nói hiếm có dâu rể nào mới vào nhà tôi lần đầu lại được cả nhà tôi yêu mến ngay như chị. Ba là người khó tính nhất nhà cũng phải khen ngợi chị.

Noel năm 1972. Nhiều người ở nơi sơ tán đều về Hà Nội vì cứ nghĩ giống mọi năm cứ Noel là ngưng bắn. Ngày 24 tôi đạp xe từ Hà Bắc về nhà. Chị Ái Mai ở Việt Trì, cả anh Sơn cũng về. Anh Thành dạy ở nơi sơ tán cũng về nhà. Anh khoe chị Kim Anh cũng về, vui lắm.

Mọi khi mất điện, nhưng Noel năm ấy vẫn có điện sáng trưng. Vẫn thiếu ba má, anh Văn, Ái Xuân, Ái Thanh đang sơ tán ở Lương Sơn - Hòa Bình, tuy vậy cả nhà sum họp được thế này là quý lắm. Mấy anh em lau sàn nhà, trải chiếu nằm ngả nghiêng nghe nhạc. đĩa nhạc của Robertino Loretti, thần đồng âm nhạc nước Ý, giai điệu những bản nhạc thật hay và nổi tiếng: *O Sole Mio, Santa Lucia, Trở về Suriento....* vang lên khắp không gian, chúng tôi như quên hết những gian nan khốc liệt của chiến tranh, chỉ đắm mình trong sự tuyệt vời và quyến rũ của âm nhạc.

Anh Thành đi đâu về, bảo: *“Ê Vân, có biết nấu cật không?”* Tôi nói: *“Có chứ, cật thì có gì mà không nấu được”*. Anh đưa tôi hai quả cật lợn, nói: *“May quá hôm nay nhờ thể thương binh anh mới mua được, em nấu đi nhé, anh đi chơi với chị Kim Anh chiều tối về cả nhà mình liên hoan món này”*. Tôi có bao giờ làm cật đâu, thật ra chưa bao giờ tận mắt thấy quả cật. Thế mới vui. Coi quả cật như khúc thịt, tôi cứ cắt bỏ vào xoong, nấu lên. Nồi sôi, mở nắp ra, giời ôi... khai kinh khủng! Anh Thành về, nhăn nhó kêu ầm lên: *“Con ranh nấu cái gì thế này! Tao phải sắp hàng, khó khăn lắm mới kiếm được hai cái cật”*. Tôi chỉ biết cười chừa thẹn. Tính đồ đi nhưng

anh Thành tiếc của giò giữ lại, nói: “*Để bay hết mùi tao ăn cho*”. Tới đó mấy ông anh bịt mũi xoi sạch hết cả 2 quả cất khai mù.

Sáng sau, ngày 25 tôi đạp xe lên Lương Sơn - Hòa Bình, chỗ má và anh Văn, Ái Xuân, Ái Thanh sơ tán, ngủ lại với má và hai em một đêm. Đêm đó là đêm khủng khiếp. Keng báo động liên hồi. Tiếng máy bay gầm rú inh tai. Một đêm chạy xuống hầm cả chục lần. Trong đêm, nhìn về phía Hà Nội thấy lửa đỏ rực cả góc trời. Mọi người nói chắc máy bay B52 ném bom Hà Nội rồi. Nghe thì nghe vậy nhưng cố không muốn tin dù rằng gan ruột còn cào lo lắng.

Chưa bao giờ tôi nghĩ Hà Nội có thể bị đánh bom. Sáng 26 anh Thành từ ngoài bên xe đi vào, anh khóc từ ngoài đường: “*Má ơi... Kim Anh chết rồi!*”. Mấy má con lặng ngắt. Nhà chị Kim Anh ở Khâm Thiên. B52 ném bom, cả nhà chị trốn trong bể nước. Trúng bom. Chị bị bom phạt mất nửa đầu. Thật kinh khủng.

Hôm sau, tôi cùng anh Thành về lại Hà Nội, tới đầu Ô Chợ Dừa thì đường vào Khâm Thiên đã bị chặn, phải đi vòng qua phố Hàng Bột để về nhà. Nhìn vào phố Khâm Thiên chỉ thấy toàn cảnh đổ nát, mất điện tối om, nghe báo vẫn đang dọn xác người mà không xuê, cả phố phải rắc vôi bột để khử trùng. Hai anh em chỉ biết đứng nhìn và khóc, chẳng biết làm sao.

*

Rồi anh Thành cũng lấy vợ. Anh là người khác thường lấy vợ cũng khác thường.

Đó là cuối năm 1973. Nhà có 3 con trai, chỉ anh Sơn có vợ. Anh Văn đã đến tuổi lập gia đình mà chưa có ai. Ba chợt nhớ có người bạn quý mến lắm, cùng trong giới văn nghệ, đó là bác Tiến làm nghề thợ tiện ở phố Cửa Nam. Bác Tiến có mấy cô con gái, trong đó chị Hà là diễn viên múa của Đoàn ca múa nhạc Hà Nội. Ba đưa anh Văn đi xem mặt, anh Thành và cả nhà đi theo. Tới nơi bác Tiến tiếp chuyện ba má, trong lúc sai chị Hà ra rót trà tiếp khách ngầm có ý để anh Văn và ba má xem mặt. Thấy con gái Hà Nội, giọng nhỏ nhẹ, xinh xắn dịu dàng, lại trong ngành nghệ thuật nên má và

mấy chị em tôi thích ngay, thế mà chẳng hiểu sao lại không hợp mắt anh Văn. Nói chuyện được dăm ba câu rồi về. Ngờ đâu anh Thành lại thích chị Hà. Cả nhà ra về, anh Thành lộc cộc đạp xe quay lại... thế là nên vợ chồng.

Thật buồn sau đám cưới một thời gian, anh Thành đổ bệnh. Càng về sau thấy anh hay bị kích động, triệu chứng tâm thần ngày càng rõ, mới biết ở chiến trường anh bị chấn thương sọ não chứ không phải chỉ bị sức ép bình thường. Anh cãi nhau với ba, với mấy anh em con trai, con rể trong nhà. Ngôi nhà 36-38 phố Huế khi đó lúc nào cũng căng thẳng. Nhiều lúc anh ngồi cầm dao phi vào tường. Cả nhà rất sợ. Chị Hà hết nước mắt với anh. Sống với nhau ít lâu, sinh được bé gái rất xinh là Hà Ngọc Ánh, nhưng chị Hà hết chịu nổi buộc phải li dị anh.



Anh Hà Quang Thành và con gái Hà Ngọc Ánh

Chị Hà đưa con đi rồi anh Thành càng suy sụp nặng. Anh uống rượu nhiều, toàn rượu cuốc lủi thôi. Sáng ra đã uống một cốc vại rượu trắng rồi cầm dao múa võ. Năm 1989 anh bị xơ gan cổ trướng, bệnh phát rất nhanh. Thời gian cuối anh bị nặng lắm, gia đình đưa vào bệnh viện cứ cầm dao khua múa võ khắp phòng, ai cũng sợ. Người nhà vào thăm thì cầm dao dọa, đuổi về, trong khi bệnh nhân cùng phòng thì không sao. Anh cứ ngồi dưới gầm giường thu lu,

người nhà vào anh cầm dao khua, quát: “*Đi về!... Đi về!*”. Nhà không tiếp cận được. Gia đình muốn tiếp tế nuôi anh cứ phải nhờ bệnh nhân cùng phòng.

Anh Thành mất năm 1989. Mới 39 tuổi thôi, trẻ lắm. Nhà tôi thường hay xảy ra nhiều hiện tượng tâm linh. Mỗi khi trong nhà có việc gì thường hay có hiện tượng báo ứng, rất lạ. Tôi đã không dưới ba lần thấy được việc này.

Năm 1989 tôi đi Festival Thanh niên thế giới từ Bình Nhưỡng về, sau đó phải đi diễn báo cáo. Đoàn đi diễn Quảng Ninh, trước khi đi vào viện thăm anh Thành. Như thường lệ anh Thành thấy người nhà lại chui xuống gầm giường cầm dao khua, đuổi về. Tôi đành gửi tiền mấy gia đình thăm nuôi bệnh nhân trong phòng, nhờ mua phở và đồ ăn cho anh. Hôm sau tôi đi. Ngày hôm đó xe cứ trục trặc ghê lắm. Ra khỏi Hà Nội có vài chục cây mà nó hết hư cái này lại hỏng cái kia. Tôi mệt mới tới Quảng Ninh. Một bã người.

Hôm sau diễn cho bộ đội. Trang điểm xong thốt nhiên tôi có nhu cầu đi ra ngoài. Biết phiên hát của mình ở giữa chương trình, tôi đi ra cánh đồng sau doanh trại. Giống như có người dắt mình, tôi cứ đi giữa đồng không mông quạnh, đi một cách vô định, không nhớ mình ra ngoài làm gì. Sáng sau tỉnh dậy, gãi lên đầu chợt thấy mấy đầu ngón tay đen. Nghĩ bụng chắc là bụi than Quảng Ninh dính đầu rồi. Nhưng lạ, tay không gãi đầu cũng đen. Cả mười đầu ngón tay đen thui, mấy giờ sau mới hết. Trên đường về Hà Nội, qua Hải Dương trưởng đoàn muốn dừng lại diễn, anh nói: “*Diễn một đêm cho vui*”. Hồi này được diễn ai cũng thích. Nhưng tôi không chịu, cứ một mực đòi về cho bằng được. Chiều tôi, đoàn trưởng đành tắc lười cho xe về Hà Nội.

Vừa về tới nhà, cô bé hàng xóm chạy ra nói: “*Ơ chị Vân nhận được điện sao về sớm thế?*”. Tôi ngạc nhiên: “*Điện gì?*” Cô bé nói: “*Anh Thành mất rồi*”. Tôi sững người: “*Mất lúc nào?*”- “*Mất lúc 7 giờ tối qua...*” Tôi rùng mình. Giờ đó ở Quảng Ninh có ai kéo tôi đi ra ngoài đồng...

9

Học trường nhạc

Tôi mê cải lương, mê múa và hát dân ca. Hồi nhỏ má và chị Ái Loan mê gì tôi mê nấy. Cứ nghĩ mình tất nhiên phải theo nghiệp má. Chưa khi nào tôi nghĩ có ngày mình đi học thanh nhạc. Chẳng ngờ một ngày đẹp giờ tôi lại vào trường nhạc học thanh nhạc để rồi lập nghiệp ở cái nơi mình “lỡ bước sang ngang” này.

Hết lớp 7 năm 1969, phải tìm trường cho cấp 3. Lúc này chiến tranh vẫn đang khốc liệt, các trường phổ thông Hà Nội vẫn phải đi sơ tán. Chỉ có hai trường cấp 3 được về Hà Nội: Trường Yên Hòa kén văn và Trường Xuân Đình kén toán. Hai trường này đều có chỉ tiêu nhận học sinh giỏi. Tôi học khá môn văn, học kỳ một lớp 7 tôi đoạt một giải văn thành phố. Nhưng toán thì không giỏi, nếu không muốn nói là kém. Hai trường nói trên vừa kén học sinh giỏi vừa xa xôi, đi học vất vả lắm.

Bữa đó ba về nói: “Có trường rồi. Ba mới gặp bác Tạ Phước (hiệu trưởng Trường âm nhạc Việt Nam). Bác bảo trong trường nhạc có hệ phổ thông có tất cả các môn văn hóa. Tất nhiên con phải thi vào học trung cấp thanh nhạc thì người ta mới cho vào học văn hóa”. Nghe nói phải học thanh nhạc tôi nhăn nhó: “Nhưng con muốn học cải lương!” Má nói: “Con cứ đi học thanh nhạc xem thế nào. Má nói thật, Xuân hát cải lương thì rất mùi. Nhưng con không có đủ cái e đó. Con hát cải lương giống như Tây hát nên má nghĩ con học thanh nhạc phù hợp hơn”.

Lời nói của má như gáo nước lạnh dội vào người, tôi chạy vào buồng khóc suốt một buổi chiều, sáng mai gạt nước mắt theo ba vào trường nhạc.

Nhất quỷ nhì ma...

Phải nói thật, tuy đã trót dành trọn tình yêu cho cải lương, nhưng khi trên chiếc xe đạp theo ba thả dốc Ô Chợ Dừa để vào Trường Nhạc thử năng khiếu, nghe tiếng nhạc từ các phòng học vang lên réo rắt, tôi bắt đầu thấy tò mò và háo hức. Hai cha con bước chân vào tòa nhà 4 tầng khu nhà học chuyên môn, lúc này tiếng piano, violon quyện lẫn tiếng đàn tam thập lục, tiếng đàn bầu, tiếng sáo đàn xen trong tiếng đàn accordéon hay tiếng kèn clarinet. Bên dãy phòng Thanh nhạc thì thánh thót tiếng luyện thanh ai đó đang tập những âm nẩy *staccato* nghe tựa tựa như “*là la la cá kho cá kho cá kho trong nồi*”...

Ba dắt tôi đến lớp thầy Lô Thanh thử năng khiếu. Thầy đàn piano đánh các loại cao độ khác nhau, sau đó thầy đánh trường độ, nhịp nhanh nhịp chậm thế nào mình phải hát theo cho bằng được. Cuối cùng tôi hát thử một bài tự chọn, một bài thầy chọn. Thầy gật gù nói với ba: “*Tôi thấy được đấy, con bé năng khiếu tốt. Riêng tôi thì tôi thấy được, chỉ còn đưa ra hội đồng nghệ thuật thôi*”.

Ba ngày sau ba về nhà gãi đầu gãi tai: “*Gay lắm. Việc con vào trường nhạc không đơn giản đâu. Chỉ mỗi thầy Lô Thanh ủng hộ. Còn các thầy cô khác là phản đối hết*”. Cả nhà xúm lại hỏi vì sao. Ba nói: “*Lý do người ta đưa ra không phải không có lý. Thứ nhất, khi tuyển vào thanh nhạc cứ phải 17 tuổi mới vỡ giọng, Ái Vân mới có 15 tuổi. Thứ hai, con nhà hát cải lương thì không thể hát sang tân nhạc được*”. Nói vậy, nhưng ba đâu chịu đầu hàng. Ba dắt tôi đến nhà bác Tạ Phước hiệu trưởng Trường Âm nhạc Việt Nam trình bày và cố gắng thuyết phục bác. Một ngày sau ba hớn hờ báo tin: “*Thầy Lô Thanh bảo vệ rất ghê và đứng ra bảo lãnh nên bác Tạ Phước đã đồng ý nhận con vào trường*”. Tôi được thầy Lô Thanh nhận đặc cách vào học trường nhạc là vậy.

Tôi vào học lớp 8 văn hóa, đồng thời cũng là năm thứ nhất Trung cấp thanh nhạc. Lớp 8 của tôi có gần chục đứa, văn hóa thì ngang nhau còn chuyên môn thì khác nhau lung tung xòe cả lên. Này nhé: Lã Thanh Hương, Phạm Song Biên học piano, Nguyễn Tiên Phúc (Phúc khàn) học cello, Lương Kim Nga, Hà Quốc Dũng (Dũng củi) học violon, Nhữ Thanh Hằng (Hằng cla) học clarinet, tất cả đều đã

thân thiết với nhau vì cùng học lúc nhỏ từ sơ cấp lên, riêng Thanh nhạc chỉ bắt đầu từ Trung cấp nên vào lớp này, tôi quả thật là “*lính mới tò te*” đúng nghĩa. Tôi mới quen có mấy người: Quang Huy, cùng năm thứ nhất Thanh nhạc, học cùng thầy Lô Thanh. Lưu Cường Trung, năm thứ ba Thanh nhạc, học cùng thầy Lô Thanh. Đặng Hữu Phúc (Phúc te) học văn hóa lớp 9, trên tôi một lớp. Doãn Tiến, học đàn cello, hình như Trung cấp năm thứ ba, không chung môn nào với tôi cả.



Với các bạn trường nhạc năm 18 tuổi

Chỉ là quen sơ sơ, giờ ra chơi đứng ban công tán chuyện linh tinh. Hết giờ ra chơi tôi vào lớp, thấy trên bảng đề chữ Ái Vân cực to. Từ chữ Ái Vân đánh ra các mũi tên chỉ về mấy cái tên: Quang Huy, Phúc te, Doãn Tiến, Cường Trung. Tôi khóc ời là khóc, vừa khóc vừa chạy lên bảng xóa vội rồi chạy về chỗ úp mặt xuống bàn khóc ngon lành.

Buổi học thuở ban đầu của tôi là vậy đó.

*

Tôi vào học thanh nhạc với tâm trạng không được hào hứng cho lắm. Mới vào học chưa thật sự ưa thích thanh nhạc. Vào chỉ đối phó để học văn hóa. Chắc thầy Lô Thanh thấy giọng tôi mảnh, âm vực không đủ vang để hát nhạc cổ điển nên thầy dạy cầm chừng. Thầy giao cho học trò là anh Tước sinh viên năm thứ nhất luyện thanh cho tôi. Anh Tước cẩn thận và câu toàn lại chỉ có tôi là học trò duy nhất của anh, lắm phen tôi phát khóc khi luyện thanh 2 tiếng liên tục mà vẫn chưa đạt yêu cầu...

Vừa học văn hóa vừa học chuyên môn khá bận rộn. Buổi sáng học thanh nhạc, học xướng âm, học hòa thanh, học piano, đại khái học tất cả các môn phụ trợ cho nghề chính là hát. Buổi chiều học văn hóa. Buổi tối nhiều khi phải sinh hoạt âm nhạc, họp hành đủ thứ - cái thời họp là họp, phát sợ. Thành ra bài cũ không kịp học, bài tập không kịp làm. Bữa nào đến lớp văn hóa cũng nơm nớp sợ thầy gọi đúng tên.

Mấy tay con trai phát hiện hai thầy dạy môn chính, thầy mê chuyện thời sự, thầy mê xe, rất rành về xe. Thầy Nguyễn Đức Ngọc dạy toán hay kiểm tra bài tập. Cứ hôm nào không làm bài tập, mấy đứa bàn nhau nói chuyện thời sự, gợi ý cho thầy nói. Thầy vừa vào lớp, đang giở sổ lớp ra. Một đứa nói: *“Thầy... hôm qua Liên Xô mới có chuyện này...”* Thầy ngược lên, nói: *“Đúng rồi đấy. Liên Xô như thế nhưng Ba Lan lại khác...”*. Thầy kể về Ba Lan, sắp hết chuyện Ba Lan, một bạn lại nói: *“Thầy ơi... ở Tiệp khác lắm cơ...”*. Thầy lại nói: *“Đúng rồi. Tiệp thì thế này...”*. Thế là mất 15 phút kiểm tra bài.

Thầy chủ nhiệm tên Toán thì khó hơn, sợ nhất những lúc thầy kiểm tra bài tập về nhà. Biết thầy mê xe, lũ học trò lại bày mưu bắt thầy. Thầy vừa vào lớp, nói: *“Các anh chị đã thuộc bài này chưa...”*. Phúc khàn cướp lời: *“Thầy ơi... em thấy ngoài đường có cái xe màu thế này..., không biết là xe của Liên Xô hay xe của Tiệp...”*. Thầy nói: *“Không, xe này của sứ quán Anh”*. Cả lớp nhao nhao: *“A thế à?...”*. Thầy ừ rồi giảng về những chiếc xe của sứ quán Anh. Đang nói thì Dũng củi lại hỏi: *“Thầy... thầy... sao bảo Anh không sản xuất mà mua lại của Ấn Độ?”*. Thầy tức lên: *“Ai*

bảo anh?” và giảng giải một thôi một hồi về năng lực sản xuất ô tô của Ấn Độ. Hơn nửa giờ thầy mới giật mình nhìn đồng hồ: “Ồi thôi chết, quá giờ rồi à. Thôi ta học bài”.

Bày hết trò rồi, lặp lại thầy nghi ngay. Bí quá, Phúc khàn rử Dũng cúi lên công viên Bách Thảo kiểm về mấy quả sưa - (Gọi là quả thối - quả sưa đỏ, loại gỗ quý hiếm hiện đang bị săn lùng) lén đốt trong góc lớp. Thầy vào, chuẩn bị kiểm tra bài, thầy cứ khịt khịt mũi, nói: *“Có mùi gì nhớ?”*. Thầy cho kiểm tra xem đĩa nào dẫm cái gì không. Kiểm tra hết, không thấy gì. Thầy khoát tay ra lệnh: *“Thôi lớp phải tổng vệ sinh, phải dọn dẹp đi nhá!”* rồi bịt mũi ra khỏi lớp. Thế là được nghỉ nguyên giờ. Sướng quá.

Đóng phim

Năm 1968, lần đầu tôi được đi đóng phim. Đó là bộ phim *Rừng xà nu* (chuyển thể từ truyện cùng tên của nhà văn Nguyên Ngọc). Vai chính là Mai và Nu do diễn viên Thụy Vân và Trọng Khôi thể hiện. Còn tôi và bạn trai tên Kiện thì được chọn vào vai của Mai và Nu hồi còn nhỏ. Tôi đã được xem vai diễn của chị Thụy Vân trong phim *Nỗi gió* nên khi được chọn đóng phim cùng chị thì thích lắm.

Nhân vật Mai mà tôi thủ vai lúc còn nhỏ làm công việc giao liên. Do vậy các cảnh quay mà nhân vật tôi thủ vai chỉ chủ yếu là... chạy. Giao liên mà. Chạy và chạy thật nhanh. Tôi cứ vai trần, chân trần như vậy, băng băng giữa suối. Lạ nước thế nào mà ngựa phát điên lên. Ngựa quá không ngủ được.

Một bữa vừa ngủ dậy, thò chân xuống dưới giường bỗng chạm vào vật gì đó mềm mềm trơn trơn. Nhìn xuống, cha mẹ ơi, một con rắn đang cuộn tròn tỉnh queo dưới chân. Tôi hét lên một tiếng làm kinh động suốt cả khu lán. Một số cảnh quay khác thì quay ở Tam Đảo. Không khác gì ở Hòa Bình, tôi lại chạy từ trên đỉnh dốc xuống chân dốc, rồi lại chạy từ chân dốc lên đỉnh dốc, chạy hoài như vậy vài lần đạo diễn mới vừa ý. Quay xong mệt rũ người, vừa đến chỗ đoàn phim thì đạo diễn Nguyễn Văn Thông bảo: *“Cháu đưa chân đây”*. Tôi rất ngạc nhiên, chưa hiểu vì sao. Giờ chân lên thì eo ới,

mỗi kẽ chân của tôi là một con vắt đã hút máu tới no tròn. Kinh hoàng.

Sợ quá hóa giận, nổi giận vô cớ khiến tôi cứ thế một mình đi phăm phăm lên đỉnh đồi cả hai, ba cây số, đứng khóc tức tưởi. Giấc mộng đi đóng phim để được gặp chị Thụy Vân đã không thành hiện thực vì Mai lớn đâu có diễn chung với Mai bé. Rồi lại gặp rắn, bị ngứa, và vắt cắn khiến tôi vừa thất vọng vừa sợ khiếp vía. Khóc chán chê, không còn lựa chọn nào khác, tôi lại một mình mò xuống chân núi, nơi đoàn làm phim đang chờ.

*

Học Trường Nhạc được mấy tháng, một buổi chiều tôi đang từ tầng ba chạy xuống thì thấy có mấy người ở xưởng phim: chú Nguyễn Đức Hình đạo diễn, chú Dương Đình Bá quay phim và các chú quay phim khác mà tôi quen. Xưa đi hát đi hò các chú quay phim, rồi đóng phim *Rừng xà nu* cũng hay gặp các chú ở Xưởng phim truyện số 4 Thụy Khuê. Các chú cứ cầm ống kính ngắm ngắm sân trường. Tôi chạy đến chào, hỏi: “*Các chú làm gì ở đây?*”. Chú Hình nói: “*Các chú tuyển người đóng phim.*” - “*Phim gì chú?*”, tôi hỏi. Chú Bá nói: “*Cháu đã đọc sách ‘Chiếc lược ngà’ của Nguyễn Quang Sáng chưa?*” - “*Dạ đọc rồi.*” - “*Thích không?*” - “*Thích lắm ạ.*” - “*Cháu có biết trong đó có chuyện ‘Chị Nhung’ không?*” - “*Có ạ.*” - “*Đấy, các chú sắp quay phim đấy.*”

Tôi gần như reo lên vui vẻ. Chú Hình nói: “*Chú đang cần tuyển diễn viên đóng vai chị Nhung. Cháu có biết trong trường có bạn nào tầm tuổi 21, 22 mà xinh xinh không. Giới thiệu cho các chú*”. Hoa khôi trường nhạc lúc ấy có hai người. Một là chị Hà Minh ở khoa accordéon, hai là chị Lan Hương học năm thứ tư của khoa piano. Chị Hà Minh thì tôi không thân lắm, chị cũng đang đi đóng phim *Ga*. Tôi nói: “*Cháu chỉ biết chị Lan Hương con bác sĩ Thắng ở phố Đoàn Trần Nghiệp. Để cháu giới thiệu chị Lan Hương cho. Chị Lan Hương xinh lắm, trắng, mặt tròn như trăng rằm*”. Các chú nghe tả, nói: “*Ồ thế thì hay quá!*”. Chú Hình nói: “*Cháu có thể mời chị Lan Hương tới nhà cháu được không?*”. Tôi nói: “*Dạ cũng hơi khó, chị Lan Hương chăm học lắm, không thích đi chơi linh tinh*”.

Các chú nghĩ ngại chút xíu rồi bảo: *“Bây giờ cháu đến nhà chị Lan Hương mượn cho mấy cái ảnh được không?”*. “Dạ được”, tôi nói.



Cảnh trong phim “Chị Nhung”

Tối hôm đó các chú đạo diễn, quay phim ngồi nhà tôi chờ. Tôi đến nhà chị Lan Hương, như mọi khi, gia đình niềm nở đón tiếp, quý lắm. Nhưng khi tôi nói với bố mẹ chị Lan Hương là đoàn phim đang muốn như thế... Cho cháu mượn mấy cái ảnh chị Lan Hương. Tự nhiên bác gái sầm mặt lại, nói: *“Cháu nói gì đấy? Không phim phiếc gì hết. Lan Hương đang chuẩn bị thi tốt nghiệp”*. Đối với tôi được đóng phim là một vinh dự, cứ tưởng ai cũng nghĩ như mình nên cố nèo thêm: *“Cháu thấy phim này hay lắm...”* và kể chuyện phim *Chị Nhung*. Mẹ chị Lan Hương cắt ngang: *“Không phim pheo gì đâu cháu”* và đuổi tôi thẳng thừng: *“Thôi, cháu đi về cho Lan Hương học”*.

Con bé thất vọng vô cùng, xấu hổ nữa. Lỡ ba hoa với các chú rồi, không biết có lỗi nẽ nào mà chui. Đành về nhà báo cáo thất bại. Các chú đứng nhìn tôi một lúc rồi bảo: *“Cháu đứng dậy. Quay một*

vòng... quay một vòng nữa.” Các chú nhìn nhau gật gù. Chú Hình nói: *“Sáng mai cháu lên xưởng phim chụp ảnh thử.”* Tôi cứ ngỡ ra không hiểu sao. Không lẽ các chú chọn con bé 15 tuổi đóng vai Chị Nhung, cô du kích miền Nam hăm mấy tuổi?

Sáng sau lên xưởng phim chụp ảnh. Con bé 15 tuổi cò hương người đẹp lép *“trước sau như một”* phải úp trên, úp dưới sao cho *“đầy đặn ngon lành”*. Cô Đặng Thanh Hảo phụ nhân chú Nguyễn Văn Thương thì lo việc hóa trang cho tôi, cố sao đáp ứng yêu cầu của đạo diễn là: *“Phải vừa xinh vừa già đi mấy tuổi”*, xong rồi mới chụp ảnh. Xem ảnh, chú Hình bẹo má, nói: *“Được đấy cháu. Mày vào vai Chị Nhung cho chú nhé”*. Thế là tôi đóng phim *Chị Nhung* chỉ vì cái tội *“bắn súng không nên thì đèn đạn”*.

Vào vai Nhung, tôi phải tập đi giày cao gót, cứ thế lọc cọc, ngã lên ngã xuống mãi mới quen. Đóng phim được vài tháng, ông nội tôi mất. Chiều đóng xong phim tôi về nhà sớm. Cả nhà đang lo chuyện tang cho ông, tự nhiên thấy đoàn làm phim cả đạo diễn, quay phim, chủ nhiệm đến nhà. Chú Hình đạo diễn hót hơ hót hải hoi: *“Ái Vân đâu?... Ái Vân đâu?”* Tôi chạy ra. Cả đoàn ồ lên. Chú Hình nói: *“Ôi giờ may quá đi mất. Thế mà chúng nó bảo là Ái Vân bị đụng xe ở đầu cầu Long Biên, bị gãy chân. Về đến nhà thấy phát tang. Sợ quá”*.

Phim *Chị Nhung* ra đời và trở thành cơn sốt những năm 1971-1974. Hồi đó đời sống lam lũ nên hình ảnh đường phố Sài Gòn hào nhoáng, cô gái Sài Gòn mặc áo cổ thuyền, vắn tóc và ăn mặc hiện đại làm khán giả lạ lẫm thích thú. Những bối cảnh *“giả miền Nam”* cũng được dân tình háo hức đón xem.



Ai Vân nhìn nghiêng

Nghĩ cũng vui, Ai Vân nhờ “ăn theo” tự nhiên trở thành “*thân tượng*” của các bạn trẻ và các anh bộ đội. Máy kiểu ảnh chụp thử ở xưởng phim ảnh do Nguyễn Bá Tân chụp và tung ra ngoài, có mặt khắp nơi trong nước. Chính tôi cũng phải đi mua ảnh này ở Lạng Sơn để tặng bạn bè. Sạp báo có bán ảnh Trà Giang và ảnh tôi ghi: “*Ai Vân nhìn nghiêng, Trà Giang dắt ngựa, ba hào 1 tấm*”. Sau này nghe kể, các anh bộ đội mua ảnh này thử trong ví, về nơi xa vắng khoe ảnh người yêu, còn lấy ảnh đôi gà, đôi gạo nữa.

Bây giờ xem lại thấy chuyện phim đơn giản quá, mà hồi ấy làm phim cũng đơn giản. Tôi còn con nít lại gầy như con cò hương, phải úp phải độn khắp người mới ra được cô gái, trang phục thì tham khảo của Việt kiều Thái Lan, giỏ xách và kính râm cũng mượn của một chị Việt kiều Thái. Vui lắm. May thời đó chủ nghĩa anh hùng, cảm hứng anh hùng cách mạng dâng cao, người lính là người hùng, phim mới được mọi người chào đón nồng nhiệt.

Cũng vì tôi được nổi tiếng “ăn theo” nên nhà tôi có kẻ dòm ngó, tính chuyện lừa đảo. Năm 1971, tôi đang học ở nơi sơ tán tỉnh Hà Bắc. Anh Sơn từ Hà Nội đạp xe lên, nói: “*Ba bảo anh lên dẫn em phải cẩn thận. Có đưa nó lừa đấy*”. Hỏi ra mới biết một con bé ở đâu mò tới nhà tôi hỏi ba tôi: “*Bác ơi... Nhưng có nhà không?*” Ba tôi hỏi: “*Nhưng nào, Ái Vân chứ!*”. Con bé láu lỉnh: “*À vâng... Vân. Cháu là bạn của Vân*”. Ba tôi vốn quý bạn con, bạn con đến nhà thiếu thốn mấy cũng tiếp đón tử tế. Ba bảo: “*Ồ thế à, Vân đang ở nơi sơ tán rồi*”. Con bé nói tỉnh bơ: “*Vâng, cháu biết rồi, hỏi Vân đóng phim Chị Nhung có ở nhà cháu. Nay cháu về Hà Nội ghé thăm cho biết nhà*”. Ba tôi nghe nói thế thì sốt sắng mời cơm.

Ăn cơm xong, ba hỏi: “*Thế mấy giờ ra xe?*”. Con bé nói: “*Lát nữa cơ ạ. Giờ cháu hơi bị nhức đầu*”. Ba lại sốt sắng chỉ cho con bé vào phòng trong mà nghỉ. Một tiếng sau con bé đi ra với cái bọc to lắm. Ba vẫn không để ý, ông bảo: “*Thế cháu ra bến xe nào để bác đưa cháu ra?*”. Con bé bảo: “*Cháu đi bến xe Giáp Bát, cháu tự gọi xích lô thôi bác ạ*”. Con bé ra vậy xích lô (hồi này Hà Nội không có xe ôm), ba thấy nó đi hướng khác, chợt nghĩ: con bé này nó bảo đi Giáp Bát mà đi hướng đó nhỉ? Nghĩ vậy thôi chứ chẳng nghi ngờ gì.

Tôi anh Sơn đi làm, vào buồng lấy cái áo thấy nguyên cái tử mở toang: bao nhiêu áo đẹp mất sạch. Số áo len, dạ má tôi mang từ Pháp về cũng không cánh mà bay. Áo quần thời này là của cải. Một đồng của cải mất tiêu, cả nhà chỉ biết kêu trời.

Lần đầu xuất ngoại

Để đóng phim, tôi phải nghỉ học rất nhiều, nghỉ hầu như cả học kỳ 2 năm lớp tám. Các thầy dạy toán, dạy văn phải đến nhà kèm. Tôi học sút hần cả văn hóa lẫn chuyên môn. Lúc đó thang điểm 5. Thi chuyên môn xong học trò loanh quanh trong lớp để hóng điểm. Thầy Lô Thanh họp xong ra, tôi chạy theo gọi: “*Thầy thầy... thế em được mấy điểm?*” Thầy nói: “*Không sao, tại năm nay mãi đi đóng phim nên điểm không được như ý, năm sau cố gắng lên là được*”. Nhõng nhẽo hỏi gặng mãi thầy mới bảo: “*Bốn trừ*”. Ồi giờ con bé khóc ối là khóc. Không ngờ mình lại dốt như thế.

Học hết năm thứ hai, văn hóa có khá lên nhưng về chuyên môn thì không tiến bộ, các thầy cô trong khoa cảnh cáo: *“Nếu như không tiến bộ thì khó có khả năng tiếp tục được.”* Nôm na là sẽ bị đuổi học vì dốt. Oái oăm thay khi đó tôi bắt đầu thích thanh nhạc rồi. Nghe cảnh cáo vậy đúng như trời sắp sập, vừa lo sợ vừa xấu hổ. Đi học mà bị đuổi học vì dốt còn ra cái thể thống gì nữa. Thời gian ấy tôi đã mơ có một ngày nào đó thi Concours Tchaikovsky cơ mà, không ngờ sự thể đến vậy. Quá buồn và thất vọng. Tôi khóc suốt.



Ai Vân trước tấm poster Festival Cu Ba năm 1978

Hết năm thứ hai, việc học cũng không tiến triển gì mấy. Thầy Lô Thanh rất thương, thầy chủ động bàn với ba tôi, nói: *“Con bé lớn rồi, vỡ giọng rồi. Giờ phải học theo phương pháp khác. Ta thử thay sang học với cô giáo xem có thể thay đổi tình trạng học tập không”*. Từ đó tôi thôi học thầy Lô Thanh, chuyển sang học cô Mỹ Bình. Cô Mỹ Bình tu nghiệp ở Nga về đang dạy Trung cấp thanh nhạc. Thời đó khoa Thanh nhạc có hai cô giáo hoa khôi là Mỹ Bình và Diệu Thúy, cô Mỹ Bình của tôi lúc ấy nổi tiếng với bài *Người Hà Nội* của Nguyễn Đình Thi. Có lẽ thầy Lô Thanh nói đúng, cô Mỹ Bình chỉ cho một cách học khác rất thích hợp với tôi. Đặc biệt cô rất dịu dàng và kiên nhẫn, không hề sợ mất thời gian với học trò. Năm thứ ba tôi bật lên về chuyên môn, năm thứ tư lại càng tiến bộ,

tốt nghiệp thanh nhạc được điểm 5 - điểm ưu - được lên thẳng đại học mà không phải một qua năm dự bị.

Đúng thời gian năm thứ ba, năm tôi bắt đầu học hành tấn tới thì nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương học ở bên Đức về làm hiệu trưởng trường nhạc. Quan điểm của thầy Thương là khích lệ, ưu tiên và hỗ trợ các tài năng trẻ. Có lẽ vì thế mà sau khi tốt nghiệp Trung cấp thanh nhạc, tôi được chọn đi Festival Thanh niên và Sinh viên thế giới ở Cộng hòa dân chủ Đức năm 1973. Tôi được chọn đi trong đoàn miền Nam vì tôi biết nói và hát giọng Nam, nhưng trước hết vì sự tiến bộ học tập của tôi và quan điểm “*khích lệ tài năng trẻ*” của thầy Thương. Với tôi lúc này nước ngoài là thế giới của giấc mơ, chỉ là giấc mơ thôi, không thể tin có ngày mình được xuất ngoại. Quả là chuyện thần kỳ.

*

Festival Thanh niên và Sinh viên thế giới tổ chức ở Berlin, tôi được biên chế vào Đoàn miền Nam, hát tập ca nữ, kiêm thêm một tiết mục solo về dân ca. Ước mơ được mặc quân phục đội mũ tai bèo được thỏa nguyện đúng đợt ấy. Đoàn miền Nam cũng có nhiều người miền Nam thật như các anh hùng Trần Dương, Tạ Thị Kiều, Phan Hoành Sơn... còn đa số trong đoàn nghệ thuật là người miền Nam đã tập kết ra Bắc. Số còn lại là dân Bắc 100% như tôi, vẫn nói đùa là “*Giải phóng quân đóng thế*”. Thế nên đi tàu hỏa sang Trung Quốc, có ông phiên dịch người Trung Quốc hỏi tôi: “*Chị ở trong Nam thì ở đâu?*” - “*Ở Sài Gòn.*” - “*Chị có diệt được Mỹ không?*” - “*Có chứ. Tôi diệt được gần tiểu đội.*” Tôi liền trả lời tỉnh bơ. Tưởng thế là xong, ai dè hôm sau ông tới ngồi gần, hỏi: “*Thế chị đóng phim ‘Chị Nhung’ là năm nào?*”. Tôi biết bị bóc mẽ, ngó ra một lúc mới tìm cách chống chế, nói: “*Hỏi đó tôi ra Bắc học chính trị, tiện thể đóng phim luôn*”. Ông cười nhẹ nhàng, nói: “*Tôi ở Hàng Buồm chị ạ*”. Ngượng ơ là ngượng.

Dân Tàu họ tinh lắm, chẳng có gì giấu được họ đâu. Chuyến tàu sang Bắc Kinh dừng lại 10 ngày để... vỗ béo, nhất là đoàn miền Nam. Anh hùng, dũng sĩ như Trần Dương, Tạ Thị Kiều đều gầy tong teo, đi ra thế giới khó coi. Người Tàu muốn biết đoàn này là

Nam bộ thật hay Nam bộ giả, họ chỉ cần mở cuộc chiêu đãi món mướp đắng, tức khổ qua. Dân Nam bộ thích ăn khổ qua lắm, hôm ấy chỉ có vài người đựng đĩa, còn nguyên hai dãy bàn đầy vun các món khổ qua. Máy cô phục vụ người Tàu tùm tùm cười, họ biết tổng.

Đi tàu hỏa thấy dân Trung Quốc nghèo kinh khủng. Năm 1973, sau cách mạng văn hóa, phía Trung Quốc tiếp mình thì cực kỳ linh đình, năm ngày tiệc lớn, ba ngày tiệc nhỏ. Nhưng dân nghèo quá, chẳng khác gì dân mình. Đi qua các vùng đồng quê nhà cửa lụp xụp, có rất nhiều nhà chỉ có mái nhô lên khỏi tường đất, hỏi ra mới biết làm vậy để tránh rét mùa Đông. Tới Bắc Kinh thấy thành phố chỉ có màu xám. Ai cũng mặc áo bông màu xám. Nam nữ gì cũng đi một loại xe đạp *Phượng Hoàng* giống ngang mà mình gọi là xe trâu. Phụ nữ chỉ có hai kiểu tóc, kiểu tóc “*Hồng vệ binh*” cắt ngang tai, kiểu thứ hai là tết bím đuôi sam.

Đi thăm Tử Cấm Thành thấy thành phố Bắc Kinh xơ xác tiêu điều, ngạc nhiên lắm. Anh em trong đoàn rĩ tai nhau: “*Ôi giờ ời tưởng cách mạng văn hóa là thế nào, không ngờ nghèo thế này*”- “*Trung Quốc cũng nghèo như mình thôi, có khá gì hơn đâu.*” Vào Tử Cấm Thành thấy chao ôi là chén vàng đĩa ngọc. Một bác rĩ tai tôi, nói: “*Toàn của Việt Nam chứ đâu.*” Cười phì.

*

Lần đầu xuất ngoại, giống như lần đầu từ làng ra phố vậy. Nếu không có ai chỉ bảo thì quê lắm. Nhớ lại bây giờ vẫn còn ngượng. Rồi Trung Quốc sang Nga. Cả xe lửa như chuyên cơ, như hotel di động, hát hò văn nghệ văn gừng lung tung các kiểu. Mỗi lần tàu dừng ở những ga lớn là phía Liên Xô lại tổ chức mít-tinh đón tiếp trọng thể ngay tại sân ga. Phong tục người Nga hễ đón khách quý bao giờ họ cũng mang ra một ổ bánh mì lớn, trên để một chén muối nhỏ. Đoàn Việt Nam toàn anh hùng, dũng sĩ ra đáp lễ. Theo thông tục khách ném chút xíu bánh mì chấm muối bày tỏ tình thân. Nhưng không nghe ai dặn gì cả. Anh Phan Hoàng Sơn với mấy người lại rất thật thà tưởng phải ăn hết cả cái bánh nên cứ véo từng miếng to ăn ngon lành. Lúc đó trong đoàn có người kêu: “*Anh*

ơi cái này chỉ là ăn thử tục thôi.” Anh Sơn nhoẻn cười tẽn tò, cả đoàn ai cũng thấy áy náy.



Quảng cáo chương trình “Gai điệu bạn bè”
tại Liên Xô, 1984

Đến Berlin. Đoàn chúng tôi được thu xếp ở trong ký túc xá sinh viên. Cứ hai người một phòng. Đi đường xa lâu ngày, thấy buồn tẻ, ai nấy lao ngay vào tắm gội. Nhiều người không chờ được nên gội đầu ngay trong bồn rửa chén ở bên ngoài. Thấy chai nước xà phòng cứ thế gội đầu, ai cũng khen xà phòng tẩy nhiều bọt. Khăn trắng tinh năm, sáu cái, cái nhỏ lau mặt cái lớn làm khăn tắm. Cái nào cũng thơm, vừa lau vừa hít. Sáng sau phục vụ đến dọn phòng, họ hỏi xà phòng rửa chén đâu rồi? Không dám khai mình đã lấy gội đầu, ngượng chết. Họ hỏi mấy cái khăn chùi chân đâu? Té ra mấy cái khăn mình lấy lau mặt là khăn chùi chân. Hôm sau biết rồi, mọi người thi nhau lấy khăn chùi chân ra lau bàn, chùi giày dép. Phục vụ tới thấy khăn chùi chân đen sì ngạc nhiên lắm. Chắc họ nghĩ chân cẳng người Việt Nam sao bẩn thế này.

Năm 1973 Việt Nam vừa ký xong hiệp định Paris, trên trường quốc tế Việt Nam đang rất được trọng vọng. Nhất là trong phe Xã hội Chủ nghĩa. Khi đoàn Việt Nam vào nhà ăn, tất cả mọi người vỗ tay ầm ầm, bao nhiêu cái nhìn ngưỡng mộ. Lần đầu ăn đồ ăn tự chọn.

Có đến mấy chục món. Chẳng ai dạy cả, cứ tưởng món nào cũng phải lấy. Mỗi người mỗi cái khay đựng hơn hai chục bát đồ ăn, đặt chồng lên nhau, bê ra nặng muốn gãy lưng. Ai nấy trợn mắt nhìn đoàn Việt Nam. Chắc họ nghĩ Việt Nam đánh Mỹ giỏi vì ăn rất khỏe. Khổ, có ăn hết đâu, khi đoàn Việt Nam rời mâm, trên bàn còn la liệt đồ ăn dư thừa. Máy anh đi phiên dịch cho đoàn phải kêu: *“Giờ ơi, cái này ăn bao nhiêu lấy bấy nhiêu thôi chứ”*. Lại ngượng.



Berlin 1973

Hôm khai mạc Festival, xếp hàng theo thứ tự abc, Việt Nam vẫn V đi gần cuối. Không thể quên cảm giác khi bước vào sân vận động. Khi giới thiệu đoàn Việt Nam, sân vận động mấy chục ngàn người đứng lên, vỗ tay ào ào rồi vỗ nhịp và hô: *“Việt Nam!... Việt Nam!... Việt Nam!”*. Đoàn đại biểu Italy giơ cao lá cờ Việt Nam rất to, cỡ cả chục mét vuông chạy quanh sân vận động. Một đoàn khác thì công kênh anh Trần Dưỡng trên vai cứ thế chạy khắp sân. Lúc ấy tôi cảm thấy sao mà tự hào, đến ứa nước mắt. Nghĩ bụng mình chỉ là *“quân giải phóng giả cầy”* mà sao được hưởng vinh dự to lớn nhường này.

Rời buổi khai mạc về khách sạn, đoàn văn nghệ Việt Nam vẫn trong niềm hưng phấn nên cứ con gái dắt tay con gái, con trai dắt tay con trai đi từng đoàn, chả hiểu sao người nước ngoài họ nhìn ghê lắm. Thấy lạ. Vừa nãy ánh mắt đang ngưỡng mộ giờ ánh mắt

họ nhìn khang khác. Không hiểu sao họ thay đổi thái độ nhanh thế này. Về sau mấy anh sứ quán Đức bảo: *“Giờ ả, bên này họ kỳ nhất cùng giới khoác tay nhau. Lần sau các anh chị nên tránh”*. Khổ, có ai dặn dò gì đâu mà biết.

*

Chuyện buồn khó quên.

Xuống Leningrad, đoàn chúng tôi được nghỉ 10 ngày ở đây. Cuối tuần có tổ chức khiêu vũ. Lãnh đạo đoàn dặn: *“Tối nay có khiêu vũ, nhớ phải ra nhảy giao lưu với bạn. Bạn mời nhảy là không được từ chối”*. Dặn thế nhưng khi nhạc nổi lên mấy người lớn tuổi theo cô B cứ đứng túm tụm vào một góc phòng, đẩy tôi và Thúy Hiền múa ra trước. Hồi đó Thúy Hiền, Minh Thi và tôi trẻ nhất đoàn, mới 19 tuổi, ngớ nga ngớ ngẩn, có biết nhảy nhót gì đâu, cứ ra nhún nhún cho các bạn chủ nhà Liên Xô vui lòng thôi. Chẳng ngờ cuối đợt họp kiểm điểm, cô B bảo: *“Tại sao nhảy với tây nhiều thế? Con gái Việt Nam, nhất là mình đang vào vai Giải phóng quân mà nhảy nhót thế à?”*. Mấy đứa mặt méo xẹo.

Sang Nga. Có hai anh phiên dịch của thông tấn xã Novosti, một anh tên là Xa-sa, một anh tên là Iu-ra. Biết hai anh thích hai em nhỏ tuổi nhất đoàn rồi nhưng chẳng biết anh nào thích em Vân, anh nào thích em Hiền. Họ đi theo đoàn, mỗi lần lên tàu xuống tàu lại xách va li cho hai em. Cô B ngứa mắt lắm, chúng tôi biết. Nhưng chả nhẽ lại thẳng thừng từ chối lòng nhiệt tình của Xa-sa và Iu-ra, hay ra điều kiện với họ: muốn giúp chúng tôi thì phải giúp cả đoàn? Khổ thế đấy.

Sau Festival, đoàn lớn tách ra làm đôi, một đoàn nhỏ 12 người gồm chị Anh Đào, anh Trung Kiên, anh Quang Thọ, nhạc sĩ Đỗ Lộc, Đức Nhuận v.v... sang Thụy Điển diễn tiếp. Tôi theo đoàn lớn về nước. Khi về ngang qua Nga, hai anh chàng phiên dịch Xa-sa và Iu-ra đón nhưng không đón được ai vì nhầm giờ đoàn tàu của Lào, trong khi đoàn tàu Việt Nam đã rời đi trước đó. Đoàn đi diễn Thụy Điển quay về qua Nga, anh Iu-ra có gửi chị Anh Đào mang về tặng tôi cái đồng hồ đeo tay, loại đồng hồ Poljot nữ của Liên Xô, thời đó

bán ở cửa hàng tổng hợp Tràng Tiền giá 114 đồng. Chị Anh Đào hẹn tôi đến khách sạn Thống Nhất, trực tiếp đưa đồng hồ cho tôi.

Tin loang ra rất nhanh. Tôi chưa kịp đeo đồng hồ khoe với bạn bè thì cô B trong buổi họp tổng kết đoàn, lôi tôi ra xạc cho một trận. Cô B trực tiếp chất vấn và kết luận tôi có ba tội. Một là rất hay nhảy với tây. “*Quân giải phóng mà đi nhảy với tây à?*”. Hai là tại sao Xa-sa và Iu-ra chỉ xách va li cho cô Vân cô Hiền, chúng tôi là người lớn tuổi tại sao lại không xách? Ba là tại sao Ái Vân đã về Hà Nội rồi mà Iu-ra còn gửi đồng hồ sang? Phải có cái gì người ta mới tặng món quà có giá trị thế chứ.

Giá ở tuổi sáu mươi như bây giờ nhất định tôi sẽ quyết ăn thua đủ, nhưng 19 tuổi lúc ấy chỉ biết khóc suốt muốt và thề hứa với mình từ nay phải cảnh giác với người lớn, họ nguy hiểm quá.

10

Khu nhà 36-38 Phố Huế

Đây là nhà hương hỏa của dòng tộc bên nội. Cụ cố nội mua một mảnh đất vườn 736 m² ở phố Duy Tân từ năm 1810. Trước đây nó là hai sào ruộng rau muống. Cụ cố nội cất lên hai nhà lầu sát nhau cho hai con trai là ông bác Hà Quang Bính và ông nội Hà Quang Oánh, đó là hai nhà số 36-38 phố Huế sau này. Ông bác Hà Quang Bính không có con. Khi ông bác mất, ba là con trai trưởng của ông nội, cháu đích tôn của cụ cố nội nên ba được hưởng thừa kế căn nhà này.

Trước khi về khu nhà này, gia đình tôi sống ở biệt thự phố Doren, nay là phố Nguyễn Bình Khiêm. Xưa nay đều vậy, đây là phố nhà giàu. Ba mua căn nhà này và ba má ở đây cùng với bà trẻ Lan Phương và cậu Gích - con ông Tường - em ruột bà ngoại. Anh Văn kể. Nhà đó hẻm đi vô hơn một mét, bề ngang 6 mét, bề sâu 20 mét. Có bể bơi, “*có tủ lạnh xưa như trái đất*”, cánh cửa gỗ có những hạt như tròng hạt ở cánh cửa. Tôi mới biết té ra ngày xưa, từ nửa đầu thế kỷ 20, nhà mình đã có tủ lạnh, thế mà từ bé đến năm 16 tuổi tôi chẳng hề biết tủ lạnh là cái gì.

Tới năm 1945, ông bác Hà Quang Bính mất, ba má tôi mới chuyển về khu nhà 36-38 phố Huế ở với ông nội. Ông nội sinh được 4 người con: Hà Thị Tuyết, Hà Thị Thanh, Hà Quang Định và Hà Huyền Nga. Ba và ông nội khắc khẩu khó ở với nhau. Nhưng ba là con trai duy nhất của gia đình, dù muốn hay không cũng phải về đây sống.

Hậu vận của Công tử Hà Thành

Như đã nói sau khi tôi ra đời thì thời vang bóng của ba tôi cũng khép lại. Thời thế đổi thay, số phận ba tôi cũng thay đổi. Trong gia đình có sự đổi ngôi, từ ông chủ ba thành kẻ “*đứng bên lề*”. Ba

muốn làm cái gì đó cho gia đình nhưng bất lực, không làm được. Thời gian đầu ông rất thất chí. Nhiều khi đang ăn, chỉ cần một hực hặc nhỏ nào đó là mâm cơm bay luôn ra sân. Hồi bé không hiểu nhiều lúc ghét ba. Cứ nghĩ tại sao má hiền như thế, má vất vả như thế sao ba không thông cảm cứ dẫn vật má chuyện này chuyện kia...

Má ít khi có nhà. Ngoài việc tập tành, biểu diễn má còn tham gia các hội đoàn thể, họp hành tối ngày. Mọi việc nội trợ đều do bà ngoại và ba gánh vác. Việc gì cũng đến tay ba. Hồi mới đi sơ tán ở Lương Sơn - Hòa Bình. Nhà có con mèo đen hay bắt chuột, ngoại rất thương. Khi đi bận rộn thế nào chẳng ai nhớ mang nó đi. Được giữa đường má kêu lên: *“Ôi chết, quên con mèo!”*. Ba lại đón xe hàng quay về Hà Nội, cho con mèo vào cái lu sành, đội lên đầu mang đi. Tới bến xe, ba bước xuống xe, cái lu chúc xuống, con mèo nhảy ra khỏi lu, sợ quá chạy mất. Từ đó tới tối mịt ba chỉ loay hoay tìm con mèo, thật thương.

Khoảng 10 năm sau, 1965-1966, xung đột trong gia đình giữa ba và má giảm đi, không còn thường xuyên nữa. Ba chấp nhận hoàn cảnh. Chiến tranh xảy ra, lo sơ tán, lo kiếm ăn, ba tất bật từ sáng sớm đến tối mịt, chẳng thời gian đâu mà suy tư.

Nhà sơ tán ba chốn bốn nơi. Má, anh Văn với Ái Thanh theo Đoàn Cải Lương Nam bộ ở một nơi, Ái Xuân và tôi theo ba một nơi, Chị Mai học ở Trường Công nghiệp nhẹ, sơ tán ở Việt Trì. Anh Sơn theo Nhà hát kịch đi một nơi khác. Ba liên lạc như con thoi với các thành viên trong gia đình. Cứ một xe đạp như thế ông lóc cóc đi từ nơi này sang nơi khác. Tới nơi này tiếp tế cho con, tới chỗ kia lo đồ ăn cho má. Rồi con cái đứa này ôm chỗ này, đứa kia ôm chỗ nọ. Ba chạy tướt bơ.

Ái Xuân và tôi theo ba sơ tán về xã Lạc Đạo vì ở đó mới gần trường cấp một, cách xa xã Như Quỳnh nơi má, anh Văn và em út Ái Thanh ở. Cứ một, hai tuần, ba lại đưa chúng tôi sang Như Quỳnh để thăm má. Khi đi thì như ngày hội, lúc về thì ủ ê như con gà rù. Lần nào rời má quay về tôi cũng khóc. Có lần trời mưa tầm tã, trên đường về tôi mãi khóc nhe. Ba quát: *“Nhìn đường mà đi,*

khóc gì mà khóc lắm thế!”. Tôi vừa “*Vâng*” thì cả người và xe lăn xuống chân đê. Lôi tôi lên được mặt đê, ba tặng cho tôi một cái tát nảy đom đóm. Cái tát của ông chứa đựng nỗi tức giận và bất lực của người đàn ông thương con mà không thể làm thế nào để cho cả gia đình mình được đoàn tụ.

Ba trước sau vẫn là công tử Hà Thành, công tử xưa nhàn hạ sung sướng, công tử nay lam lũ vất vả. Sung sướng hay vất vả thì vẫn là công tử, việc cụ thể cuộc sống ông thường rất ú ớ.

Bà ngoại ốm yếu, má đi vắng. Ba một mặt bù đầu với tem phiếu gạo mắm, một mặt phải cố gắng nuôi dưỡng hai cô con gái đang tuổi ăn, tuổi lớn. Có lần ba nghe ai nói bã đậu tốt lắm nên ra chợ mua về một nắm to bằng quả bưởi (chắc ba nhầm óc đậu thành bã đậu chẳng?!). Ba hí hụi làm nước sốt cà chua tưới lên “*quả bưởi bã đậu*” đó, ông vui vẻ bày ra mâm chiêu đãi hai đứa con. Chỉ được một miếng là hai chị em đã phải trợn mắt lên, không thể nuốt trôi món “*đặc sản*” này. Ba tưởng chúng tôi những nhẽo “*con nhà lính tính nhà quan*” quát nạt ép chúng tôi ăn cho bằng hết. Bà hàng xóm ghé qua thấy thế kêu lên: “*Ồi giờ ông Định ơi là ông Định ơi, sao ông lại bắt con ăn bã đậu thế này? Bã đậu người ta chỉ cho lợn ăn thôi ông ơi!*”. Ba tôi ớ người, làm sao ông biết óc đậu với bã đậu khác nhau thế nào đâu.



Ba Hà Quang Định và Ái Vân tại Pleiku trong một chuyến biểu diễn của đoàn Nhạc nhẹ Trung ương

Thời đi sơ tán tại Lạc Đạo (Hưng Yên), ba tôi có việc làm. Ông làm kế toán hay quản lý gì đó cho nhà ăn Vụ nghệ thuật Bộ Văn hóa. Ông tất bật vất vả với công việc mới, lo lắng toàn chuyện củi lửa, mắm muối, gạo thịt. Hình ảnh của một tay chơi Hà Quang Định xưa kia đã hoàn toàn biến mất. Hàng tối ba tôi đánh vật với việc kiểm kê tem phiếu trong ngày. Vì khách vãng lai trong các đoàn nghệ thuật cả nước tạt qua nhanh một vài bữa rồi đi, nhiều người cứ mãi bố bố con con thường “quên” không đưa tem phiếu, ba tôi thông cảm cười hề hề cho qua. Tích tiểu thành đại, lâu ngày kiểm lại mới giật mình thấy phiếu ăn và tem thực phẩm đã bị thiếu hụt khá nhiều. Sau một năm làm việc, đến khi về Hà Nội tất toán các sổ sách thì bị thiếu đến cả gần 100 kg gạo. Ba tôi phải đền. Báo hại cho cả nhà phải ăn cháo loãng đến mấy tháng.

Ở nơi sơ tán, hàng ngày mấy cha con phải phụ trách việc khênh nước đổ đầy vào cái lu đặt ở ngoài sân. 14 thùng là đầy lu, nếu xách từng thùng một thì rất lâu. Ba bảo tôi với Ái Xuân: “*Thôi hai đứa ở nhà, để mình ba đi gánh nước cho nhanh*”. Lát sau nghe ba

gọi ời ời: “*Vân - Xuân ơi... ra giúp ba với!*” Chạy vội ra, thấy ba đang còng gập người xuống, cái đòn gánh đang bập bênh ở giữa lưng. Khổ quá, ba gánh bằng vai đau quá, đẩy dần đòn gánh xuống lưng, cứ thế “*cồng*” nước bằng đòn gánh trên lưng, làm gì mà chẳng đau. Vừa buồn cười vừa thương.

Con cái trong nhà ai đi theo nghiệp diễn của má đều được ba cưng như trứng mỏng. Ái Xuân và tôi được ba rất chiều chuộng là vậy. Khi chúng tôi ngủ trưa, ba không cho ai tới gần hay đánh thức dậy. Chị em tôi cũng chẳng đụng tay đụng chân vào bất cứ việc gì trong nhà. Vì thế, chúng tôi hơi đoảng, chỉ suốt ngày tập hát chẳng phải làm việc gì. Ba luôn tạo mọi điều kiện để chúng tôi tập luyện ca hát nhưng lại ít khi chỉ dẫn cách đối phó với những bất trắc trong cuộc đời. Có lẽ vì sống trong những vòng tay bảo bọc kỹ càng ấy mà chúng tôi đều khờ khạo khi ra ngoài đời và thường gặp những bất hạnh trong tình cảm đôi lứa...

Ba tôi theo dõi từng li, từng tí cho mấy cô con gái của mình. Cho đến tận sau này, khi mấy chị em tôi đã trưởng thành, ba vẫn giám sát chặt chẽ. Anh nào có ý tán tỉnh cũng đều bị ba tôi “*tuýt còi*” từ xa. Đi học có bạn trai nào lém phéng, ông bắt đầu tra hỏi ngay. Ông hỏi với thái độ rất chi là soi mói. “*Cháu tên là gì? - Ở đâu? - Con ai? Bố mẹ làm gì?...*”. Bọn con trai rất ghét ông, đặt ông đủ thứ biệt danh: Cảnh sát trưởng, Ông Gia-ve, Thủ kho, Mật thám Jestapo, Trùm mật vụ... Tôi là nạn nhân gián tiếp của ông. Có hôm ba vào trường đón đã thấy xe tôi nằm ở hố rác rồi. Có hôm nó lại vắt vẻo trên ngọn cây. Có hôm đã vớt xuống hố rác rồi còn tháo yên xe đạp. Khổ thân ba cứ phải đạp xe không yên, cứ nhập nhòm mấy cây số từ Khâm Thiên về phố Huế.

Hiếm thấy ai yêu vợ con như Công tử Hà Thành. Ba đi xem má con chúng tôi diễn, hôm nào tụi tôi diễn tốt hát hay, ra về ba cứ tấm tắc khen: “*Chương trình tối nay quá tốt, quá hay!*”. Chẳng may tối đó tụi tôi diễn kém hát dở thì ba lắc đầu nhăn mặt chê: “*Chương trình kém quá. Ai diễn cũng dở!*”. Ngày tôi cưới chồng (tập 3) ở Đức, có gửi cái băng đám cưới về cho cả nhà. Thanh niên trong xóm nghe có băng đám cưới Ái Vân thì chạy đến xem. Anh nào khen Ái Vân

xinh, Ái Vân béo khỏe, ba tôi phần khởi lời rượu ra mời. Anh nào lỡ mồm kêu Ái Vân dạo này sao gầy thế, kém sắc thế là ba tôi thay đổi thái độ ngay tức khắc, nói: “*Anh về đi nha... về đi... nhá!*”.

Hậu vận Công tử Hà Thành không còn gì hết, ông không có niềm vui nào khác ngoài niềm vui thấy vợ con thành đạt trong cuộc đời, trên sân khấu. Công tử Hà Thành ngày một ốm yếu tong teo, vắt vắt lam lũ. Chiều chiều ông ngồi bần thần ngoảnh mặt ra cửa sổ bất chợt hát to bốn tiếng: “*Trơ... trong bóng chiều...*”. Chỉ bốn tiếng ấy thôi không có tiếng thứ năm. Chẳng ai hiểu ba hát gì. Tiếng hát không giai điệu, như một tiếng kêu thảng thốt giữa lặng câm.

Mất nhà

Nói hay không nói nỗi đau mất mát này trong cuốn sách nhỏ của tôi? Tôi đã trăn trở rất nhiều điều này. Dù sao đây cũng là cuốn tự truyện ghi dấu những kỷ niệm của tôi, của gia đình và bạn bè. Chuyện mất nhà của gia đình có vẻ không thích hợp cho cuốn sách thuần túy văn chương này. Nghĩ đi là vậy, nghĩ lại thì thấy nếu bỏ qua việc mất nhà, chính xác là bị cướp mất nhà, chính là bỏ qua một mất mát to lớn, một nỗi đau dai dẳng của gia đình tôi.

Khu nhà 36-38 phố Huế rất rộng, thực tế gia đình tôi chỉ sống ở nhà số 36 với diện tích 136 m², còn nhà số 38 với diện tích 600 m² chỉ dùng làm sân chơi. Sau 1945 ba tôi cho làm sàn nhảy Paramount rất nổi tiếng, hằng đêm thanh niên Hà Nội tụ tập về đây rất đông. Mãi đến năm 1952, Gánh hát Ái Liên sau nhiều năm lưu diễn khắp Đông Dương về “*định cư*” ở Hà Nội, ba dùng mảnh đất 600 m² của nhà 38 xây Rạp Ái Liên. Giấy phép và họa đồ số 580 cho xây Rạp Ái Liên được Sở Công chính Hà Nội cấp ngày 26/5/1952 vẫn còn đây.

Gánh hát Ái Liên tan rã vào cuối năm 1953. Ba tôi chuyển sang làm phim, ông sử dụng Rạp Ái Liên làm trụ sở Hãng Vietfilm. Sau Giải phóng Thủ đô năm 1954 Hãng Vietfilm cũng tan rã nốt. Ngay sau đó Đoàn Ca kịch Liên khu 4 từ Thanh Hóa trở về Thủ đô, mượn ngôi nhà này làm nơi tập luyện và biểu diễn. Cái tên Đoàn Ca kịch Liên khu 4 thoát nghe dễ nhầm đó là đoàn văn công địa

phương, thực chất nó là đoàn văn công chủ chốt của cách mạng, giống như Đoàn Văn công Giải phóng vậy. Đó là đoàn ca kịch trung ương, cốt lõi của cách mạng, “*dùng nghệ thuật để làm công tác tuyên truyền cách mạng*”.

Khi Đoàn Ca kịch Liên khu 4 hỏi mượn ngôi nhà 38 làm trụ sở và rạp hát, ba má tôi rất phấn khởi. Còn bao nhiêu vốn liếng ba tôi bỏ ra tu sửa rạp, mua thêm ghế ngồi, lắp quạt trần, trang bị âm thanh cho rạp hát. Má tôi và chị Ái Loan cũng đầu quân vào Đoàn Ca kịch Liên khu 4, coi đây như gánh hát của gia đình rất gần gũi thân thiết.

Một thời gian sau Vụ Nghệ thuật - Bộ Văn hóa đề nghị cho Vụ thuê, tiền thuê nhà mỗi tháng là 24 đồng. Số tiền chẳng đáng là bao nhưng ba má chấp thuận vì đây là nơi diễn của hai má con Ái Liên, Ái Loan. Nhờ có rạp hát bà ngoại cũng có việc làm. Bà ngoại bán các thứ lặt vặt trong rạp: kẹo, bánh, ô mai, mía, trái cây... cho khách đến xem cũng có đồng vào đồng ra.

Ngày 3 tháng 5 năm 1959, ông Mai Vy, Vụ phó Vụ Nghệ thuật viết cho ba má một tờ giấy là văn phòng Bộ định sửa chữa nhà 38 phố Huế, muốn “*mượn*” giấy tờ ngôi nhà. Ba má tôi vui vẻ đưa liền không nghĩ ngợi gì. Từ đó giấy tờ nhà không trả lại, đòi thế nào cũng không trả lại. Rồi Vụ Nghệ thuật ra thông báo không thuê nhà 38 nữa mà “*chuyển lên Bộ quản lý*”. Tưởng “*Chuyển lên Bộ quản lý*” thế nào, té ra Bộ tiếp tục đưa Đoàn múa rối đến diễn ở đây. Đoàn múa rối bỏ đi thì Bộ nhanh chóng biến nơi đây thành nhà ăn tập thể, rồi dần dà cho các gia đình cán bộ, công nhân viên của Bộ Văn hóa tới ở biến nơi đây thành một khu tập thể nho nhỏ của Bộ Văn hóa. Nhà 38 phố Huế của gia đình tôi mất trắng từ đó.



Chụp hình kỷ niệm với khách phương xa tại 36 phố Huế, 1983

Liên tục trong những năm 1970-1980-1990, ba tôi đã có nhiều đơn khiếu nại gửi Bộ Văn hóa để đòi lại toàn bộ diện tích 600 m² mà Bộ Văn hóa chiếm giữ và sử dụng trái phép, nhưng không ai giải quyết. Buồn cười nhất là ngày 24/1/1989 gia đình nhận được “*Giấy chứng nhận diện tích nhà được để lại sau cải tạo nhà cửa*” số 55/QLCS của UBND TP. Hà Nội với nội dung gia đình tôi chỉ được sử dụng 130 m² trong tổng diện tích 756 m² vốn thuộc quyền thừa kế hợp pháp của ông Hà Quang Định. Tại sao chúng tôi chỉ được sử dụng 130 m²? Còn diện tích 626 m² cũng là đất thừa kế của ba tôi lại không được sử dụng? Đây là câu hỏi của nhà tôi với Chính quyền Hà Nội. Câu trả lời là sự im lặng đáng sợ.

Buồn cười hơn nữa là năm 2000 anh Hà Quang Văn, anh trai thứ tư của tôi, được thông báo cho mua ngôi nhà số 68 Trúc Đường, khu phố 3, phường Thảo Điền, quận 2, TP. Hồ Chí Minh với giá 1 tỷ đồng (Nhà của Bộ Văn hóa bán phân phối cho cán bộ trong ngành. Anh Văn là hiệu trưởng Trường sân khấu điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh nên có tiêu chuẩn được Bộ phân phối cho mua nhà này).

Nhưng khi nhận được đơn khiếu nại của ba tôi (ông Hà Quang Định) về căn nhà 36-38 phố Huế, Bộ Văn hóa thông tin đã có văn bản trả lời rằng căn nhà 68 Trúc Đường cấp cho ông Hà Quang Văn là *“để bù vào một phần diện tích tại 36-38 phố Huế mà gia đình ông đã ‘hiến’ cho Nhà nước”*... Cấp và hiến, sự tráo trở hài hước của ngôn ngữ.

Năm 1998-1999 ba tôi đã có đơn khiếu nại trực tiếp gửi ông Phạm Văn Đồng, ông Võ Văn Kiệt. Ông Phạm Văn Đồng đã có trao đổi với Bộ Văn hóa trên tinh thần ủng hộ *“về phương diện chính sách đối với gia đình có công với cách mạng trên mặt trận văn hóa nói chung và tình cảm nói riêng”*. Bộ Văn hóa có cho gia đình biết rằng Bộ đang có khó khăn về nhà đất nên Bộ chưa giải quyết được. Sau đó Bộ lại thông báo có thể giải quyết đền bù bằng tiền mặt. Từ đó đến nay là năm 2015 vẫn hoàn toàn không có một động thái nào từ phía Bộ Văn hóa. Lời hứa vẫn chỉ là hứa suông.

Ngôi nhà của chúng tôi đã mất, vì sự nhẹ dạ cả tin của ba má tôi mà nó đã biến mất trước sự ngỡ ngàng đắng cay của các thành viên trong gia đình tôi. Ba tôi không là kẻ khờ khạo, trái lại ông rất thông minh láu lỉnh. Ba bán ô tô cho Hãng Renault, bán xe đạp cho Hãng Dura Mercier, làm ông bầu cho Gánh hát Ái Liên, làm ông chủ Hãng Vietfilm, nhờ lắm *“mẹo vặt”* mà ba thoát được nhiều khó khăn bất thường. Nhưng với ngôi nhà này, với mẹo mực cao thủ của một số người của Bộ Văn hóa ba tôi trở thành người khờ dại và ngây thơ. Bao nhiêu *“mẹo vặt”* của ba cũng không thể giữ được ngôi nhà.

Năm 2007 ba tôi chuẩn bị về trời, ông cho gọi con cháu về đầy đủ. Ba lần lượt cầm tay các con, nói: *“Ba má không có gì để lại cho các con hết, chỉ có khu nhà 36-38 phố Huế nhưng đã bị người ta lừa lấy gần hết. Tại ba nhẹ dạ cả tin...”*. Ba ghen lại không nói thêm được lời nào nữa, nước mắt lưng tròng. Ít lâu sau ông đi.

Thương nhớ ngôi nhà xưa

Chừng năm, sáu tuổi tôi không còn thấy Rạp hát Ái Liên hay Hãng Việt films nữa, cả Đoàn Văn công Liên khu 4 cũng đi đâu mất. Lúc

này nhà 38 được sử dụng làm sân khấu múa rối. Người ta đã nâng lớp sàn gỗ lên để phù hợp cho phần biểu diễn của bộ môn nghệ thuật này. Tôi vẫn được xem múa rối hằng đêm. Thế giới những con rối là thế giới kỳ lạ đầu tiên tôi được biết. Gầm sân khấu múa rối cũng là nơi chúng tôi chơi trốn tìm. Những đêm đoàn múa rối nghỉ diễn, anh em chúng tôi cùng đám bạn ngoài phố về đây chơi trốn tìm, cãi nhau chí chóe, rất vui.

Khu nhà 38 rộng, có đến 600 m², xung quanh sân khấu múa rối vẫn thừa nhiều đất. Để cải thiện bữa ăn, ba má tôi nuôi lợn, nuôi ngỗng, thả gà và trồng một giàn nho xanh mướt, cây lá che kín khắp cả miếng sân trước nhà. Chiều chiều, mấy anh em tôi mang thùng sang Đoàn Cải lương Nam bộ số 23 Ngô Thị Nhiệm xin nước gạo về để nấu cám cho lợn ăn. Nhớ mãi khi còi Nhà Hát Lớn rúc lên cũng là lúc đàn gia súc nhà tôi lên tiếng. Lợn kêu đòi bữa. Ngỗng nghe lợn kêu cũng quang quác kêu theo. Và con gà mái nhảy ổ cục tác vánh nhà. Vui quá là vui!



Cả gia đình quây quần tại nhà 36 phố Huế

Bỗng đâu nhà 38 bị biến thành bếp ăn tập thể của Bộ Văn hóa. Mảnh sân nhà, nơi chất đầy kỷ niệm êm đềm thuở ấu thơ của chúng tôi, giờ chật ních mấy chục chiếc xe đạp của nhân viên Bộ Văn hóa tới ăn bếp ăn tập thể. Vậy là bao nhiêu lợn, gà, ngỗng, thỏ và cả giàn nho xanh um mướt mát đều bị phá bỏ và lên mâm.

Tôi yêu quý những chú thỏ vô cùng, con vật xinh đẹp đáng yêu là thế cũng bị cho vào nồi, nên tôi nhất quyết không ăn. Anh Thành cũng vậy. Khi con lợn mà anh Thành hàng ngày chăm sóc bị giết

mỏ, anh đã khóc hu hu, rồi trốn khỏi nhà một mạch từ sáng tới đêm mới quay trở về.

Ngày ngôi nhà 38 bị trưng dụng thành nhà ăn tập thể là ngày tang tóc của bọn trẻ chúng tôi. Chị Mai, anh Thành khóc thương con lợn bị giết. Tôi khóc thương đàn thỏ bị làm thịt. Ái Xuân khóc thương đàn ngỗng “*xinh ơi là xinh*” của nó.

Anh em chúng tôi khóc lóc kiên quyết không ăn thịt các con vật mà chúng tôi đã nuôi và chăm sóc, nhưng rồi cuối cùng đói quá cũng phải ăn. Cái thời đến mỡ cũng không có mà ăn nói gì đến thịt. Khi anh Thành chị Mai đành phải quyết định ăn thịt lợn thì vừa thút thít khóc vừa ăn. Tôi vẫn kiên quyết không ăn thịt thỏ dù bà ngoại dỗ dành thế nào. Nhưng khi cả nhà ngủ hết, đói quá, tôi đành lò dò xuống bếp mò ăn thịt thỏ quay, ăn xong lại ngồi khóc tu tu.

Riêng hai chú ngỗng sau khi “*bị*” hóa kiếp thì được bà ngoại tôi lấy mỡ ngỗng rán lên, bỏ vào cặp lòng. Bếp ăn tập thể bữa nào nấu com có cháy, bà xin về, lấy mỡ ngỗng rưới lên trên com cháy rồi cho lũ cháu chúng tôi ăn. Trong ký ức của mấy anh em tôi, mỡ ngỗng ăn với com cháy đã trở thành món ăn kỷ niệm ngon nhất trong những ngày mùa đông giá rét ở Hà Nội.

Lúc này chẳng những nhà 38 bị chiếm dụng mà một phần gác trên của nhà 36 cũng bị Bộ Văn hóa “*bố trí*” cho ba gia đình của Bộ tới ở. Cuối năm 1967 Bộ Văn hóa rút luôn nhà ăn tập thể, dần dà cấp đất cấp nhà cho các gia đình của Bộ về đây ở mà không thêm hỏi ba má tôi một câu nào. Lúc này chẳng những nhà 38 bị chiếm dụng mà phần lớn gác trên của nhà 36-38 cũng bị “*bố trí*” cho các gia đình của Bộ. Ba má tôi phản đối, đơn từ khiếu kiện rất nhiều nhưng chẳng ăn thua, đành thủ phận sống chung với lũ. Gia đình chung sống rất hòa thuận với khu tập thể của Bộ Văn hóa, bản thân các gia đình này không có lỗi, họ cũng làm theo sự cấp phát nhà đất của Bộ Văn hóa mà thôi.

Kể từ khi biến thành khu tập thể, nhà 36-38 phát sinh nhiều khó khăn mới trước đây chưa từng có, đặc biệt nước và vệ sinh. Cái vòi nước ngày xưa chỉ là chỗ rửa chân cho chúng tôi mỗi khi đi chơi

về, nay là vòi nước chung của cả xóm. Suốt ngày đêm luôn luôn có một dây xô chậu xếp hàng lấy nước. Rồi nước thành phố cấp cũng yếu dần, lắm lúc chỉ nhỏ giọt hừng cả giờ không đầy xô. Bí thế phải đào giếng. Thế rồi cái giếng nước trở thành nơi sinh hoạt của xóm. Lâu ngày nó giống như một hăng thông tấn. Ai muốn biết thông tin thời sự cứ ra đây ngồi hóng chuyện, biết hết. Cái nhà vệ sinh cũng trở thành hăng thông tấn. Sáng nào cũng vậy, cả mấy chục người sắp hàng dài trước nhà vệ sinh, mỗi người một tờ báo đọc và chuyện trò đợi đến lượt mình. Đàn bà con gái ớn nhất mấy vụ này nhưng chẳng biết sao, đành “*ngồi trên hố xí đợi ngày mai*”. Lâu ngày cũng chai mặt, cũng sắp hàng chuyện trò ỏm tỏi, hừng lên còn hát nữa.

Rồi chiến tranh, hết sơ tán tới đào hầm. Xóm nhà 36-38 chúng tôi đào hầm ngay nền nhà ăn tập thể, tức là sân khấu rạp hát xưa kia. Chiếc hầm chiếm trọn chiều ngang gian nhà, được trát xi măng rất kiên cố. Hầm rộng, có thể chứa được khoảng 20 người. Những lần có báo động, người lớn trẻ con hốt hoảng xuống hầm. Về sau, khi đã quen, việc chạy xuống hầm đã thành bình thường, thậm chí nhiều người còn mang cơm xuống ăn uống và chuyện trò rôm rả. Cái hầm lại trở thành một hăng thông tấn. Muốn biết thông tin từ thượng vàng đến hạ cám cứ chui xuống hầm. Người lớn đàn ông cũng già chuyện như ai. Lúc đầu thấy kỳ kỳ, dần dần cũng thấy chuyện đó là bình thường. Buồn cười nhất là thằng Quân con anh Hồng điếc và chị Sơn, mỗi lần báo động chạy xuống hầm đều cầm theo lọ đường, hỏi tại sao thì nó bảo: mẹ cháu bảo ngộ nhờ bị bom vùi thì có đường ăn là không lo chết đói.

Có những thứ cực khổ vô cùng khi qua rồi lại nhớ, đôi khi ước được sống lại với kỷ niệm ngày ấy dù chỉ một lần.

Ở nhà 36 ba tôi cũng đào một chiếc hầm ngay dưới gầm giường để phòng khi báo động vào ban đêm. Hầm đào trúng phải mạch nước ngầm nhỏ, lúc nào nước cũng lấp xấp nền hầm. Lũ nhỏ chúng tôi phải thay nhau múc nước đổ đi. Bà ngoại đã để sẵn vài chiếc ghế đầu nhỏ cho các cháu khỏi ướt chân. Khi có báo động, trẻ con được xuống hầm, người lớn thì chui xuống nằm dưới gầm giường, còn ba

tôi ở bên trên phủ vùi chiếc chăn bông và những chiếc gối, đề phòng có bom bi.

Ngồi ở dưới hầm là cả một cực hình. Căn hầm ẩm ướt, muỗi bay vù vù cắn sưng người. Chúng tôi phải ngồi xồm trên chiếc ghế đầu, chân mỏi nhừ. Một lần đang ngủ trưa trên võng, chợt loa truyền thanh vang vang: *“Đồng bào chú ý, đồng bào chú ý, máy bay địch cách Hà Nội 50 km! Các lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu! Mọi người cần nhanh chóng vào hầm trú ẩn và nghiêm chỉnh chấp hành lệnh của Ủy ban Phòng không Nhân dân Thành phố...”* Bình thường khi nào máy bay cách Hà Nội 30 km thì mới phải xuống hầm, nhưng chắc hôm ấy máy bay bay... quá nhanh hay sao đó mà mới cách 50 km thì còi báo động của Nhà Hát Lớn đã vang lên.

Cả nhà thi nhau nhảy đại xuống hầm. Tôi đang nằm ngủ trên võng, nhào vùi xuống. Vừa cuống vừa ngái ngủ tôi riu hết cả chân không chạy được, khóc toáng lên: *“Má ơi cứu con!”*. Má tôi vùi chạy tới, nửa công, nửa kéo lê tôi cố chạy về phía căn hầm tập thể. Má cũng cuống lên chẳng nhích được là bao. Từ trong nhà ba thấy cảnh đỡ khóc đỡ cười bèn la lên: *“Má con làm gì thế? Buông nhau ra chạy đi!”*. Má nhìn con, con nhìn má, tự nhiên hai má con bỗng bật cười rũ rượi. Vậy là hết quỳnh quáng. Lại chạy được thoăn thoắt xuống hầm. Ba chạy xuống theo. Ông cười nói: *“Bây giờ mới hiểu thần hồn nát thần tính là thế nào”*

Tìm được người đàn ông yêu và say vợ như ba yêu má thật hiếm. Chuyện gì ba cũng bắt đầu từ hai tiếng Ái Liên. Ái Liên nói thế này, Ái Liên nói thế kia, hôm qua Ái Liên thế này, bữa trước Ái Liên thế kia. Thời chiến di tản liên tục, để tránh đồ đạc thất lạc, mất mát thứ gì ba đánh dấu tên má bằng hai chữ viết tắt: A.L. Xoong nôi A.L, công tắc điện A.L, xô chậu A.L, thìa muỗng A.L, chén bát A.L... Thậm chí đến cả bức tường của nhà vệ sinh công cộng, ông cũng khắc lên đó hai chữ A.L.

Tháng 8/2011, khi quay trở về Việt Nam, tôi có tới thăm căn nhà phố Huế của mình, vẫn nhìn thấy cái công tắc có chữ A.L được khắc trên đó mà không khỏi phì cười. Cười xong rồi lại nhớ ra khu nhà này không còn nữa, nó đã mất từ lâu rồi. Lại khóc.

11

Năm 1975

Đây là năm thứ hai đại học thanh nhạc của tôi nhưng lại là năm rất đặc biệt. Năm hòa bình thống nhất, năm tôi vào tuổi hai mươi, khởi đầu cho thập niên đáng nhớ trong sự nghiệp ca hát của tôi, và bao nhiêu buồn vui khác. Vì vậy tôi muốn dành năm 1975 ra một chương riêng.

*

Ra Tết chẳng thấy có gì mới, nhưng khác với mọi năm, năm nay các trường đại học, trung học phải tập trung đi tập quân sự. Tôi thuộc diện cò hương, sợ nhất hai môn là thể dục và tập quân sự. Tôi không sợ tập ăn đũa hai đầu, đeo bát buộc dây; không sợ như mấy ông con trai dậy 5 giờ sáng, ra sân thể dục vào nhà xếp chẵn màn. Còn lại là sợ tắt. Chỉ có bò không thôi tôi cũng thuộc loại yếu kém. Thầy quân sự gọi ra bảo: *“Vân này, ra trận em đừng bò nhé, em bò là mất mộng đó. Bò là phải lết sát đất chứ cứ giờ mộng chống lên trời là sao!”*. Mấy ông con trai nghe thế cười rũ làm con bé tím tím khóc, khổ thân cò hương xấu xí chẳng ai thương lại còn đem ra trêu chọc.

Đến mục tập ném lựu đạn mới khốn khổ. Ném thế nào nó cũng rơi ngay trước mũi mình. Thầy quân sự cáu, quát ầm cả lên: *“Em ném lựu đạn ngay trước mắt quá bằng em tiêu diệt em trước”*. Teo hai môn. May môn bắn súng gỡ lại được, chẳng hiểu thế nào tôi bắn được 3 điểm 9. Mấy ông con trai lại trêu: *“Ngắm trai tài thì bắn súng giỏi, có gì đâu mà ngạc nhiên”*.

Cuối đợt quân sự, tổng kết có mô heo. Tối liên hoan văn nghệ. Lúc này đã có Trần Tiến về học khoa sáng tác. Trần Tiến cao to đẹp trai, hát hay múa dẻo. Anh hát *Cô gái Sâm Nưa*, múa lăm vông các em mắt tròn mắt dẹt. Văn nghệ lớp quân sự trông chờ vào Trần Tiến,

Quang Thọ. Buổi chiều ăn tươi, ông Quang Thọ thấy tiết canh ngon quá, xơi tì tì. Đến giờ diễn Quang Thọ đau bụng chạy ra rặng cây lúp xúp gần sân khấu. Tôi hát đôi với Quang Thọ bài *Trước ngày hội bắn*. Đến tiết mục cứ cầm ô ra sân khấu, có biết đâu anh đang đau bụng. Tôi cầm cái ô xoay xoay làm dáng yểu điệu thực nữ. Đạp tốp kéo accordion... teo téo tèo... tèo tèo tèo teo. Tôi hát *Tiếng chim rừng chào mừng bình minh*... Hát xong đến Quang Thọ, không thấy Quang Thọ đâu. Đạp tốp lại kéo nhạc lại... teo téo tèo... tèo tèo tèo teo. Tôi lại hát *Tiếng chim rừng chào mừng bình minh* cứ thế hát đi hát lại mà trong lòng hoang mang quá. Tự nhiên ông Thọ đứng ở mãi bên kia con mương hát vọng sang: *Ơi cô nàng mà anh yêu mến*... Quang Thọ vừa hát vừa đi lòng vòng tìm chỗ nhảy qua con mương để về sân khấu. Về sau chàng mới thú thật là do hồi chiều xơi nhiều tiết canh quá nên trước lúc hát bị tào tháo đuổi. Chết cười.

Vừa rời sân khấu nghe mấy bạn diễn thì thầm: “*Tây Nguyên giải phóng rồi.*” - “*Lính Thiệu bỏ chạy tán loạn.*” - “*Ông Thiệu ra lệnh tùy nghi di tản.*” Khấp khởi mừng thầm nhưng cũng như bao lần khấp khởi khác, nghĩ bụng mừng thì mừng vậy thôi, hòa bình thống nhất được chắc còn lâu lắm. Mấy ngày sau tin tức đổ dồn. Chưa khi nào bộ đội tấn công thần tốc như lúc này. Hôm trước vừa nghe bài hát *Đà Nẵng giải phóng*, hôm sau lại nghe *Huế giải phóng*, rồi *Quy Nhơn giải phóng*, *Nha Trang giải phóng* v.v... Rộn ràng, ngây ngất, xôn xao. Hai mươi năm chiến tranh chưa bao giờ có tâm trạng thế này.



Biểu diễn trên sân khấu Nhật Bản năm 1979

Tiến về Sài Gòn

Tháng tư rạo rực nhất trong đời. Tin chiến sự dồn dập, hòa bình đang tới gần từng ngày. Xôn xao xì xầm người này người kia đã vào Nam, đoàn này đoàn kia đã vào Nam. Càng gần đến ngày 30/4 càng có nhiều đoàn văn nghệ vào Nam, càng háo hức. Nghe giới báo chí, văn nghệ, điện ảnh, truyền hình đã có người đi vào Nam rồi. Háo hức quá. Sáng nào chúng tôi cũng túm tụm ở sân trường hóng tin chiến sự, hóng tin vào Nam.

Ngày đẹp trời, chú Nguyễn Văn Thương nhắn tôi lên phòng Giám hiệu. Thầy nói: “*Bên Đài Truyền hình cần bổ sung xướng ngôn viên để vào tiếp quản Sài Gòn vì bên ấy thiếu người quá. Ông Tổ Hữu đề nghị chọn Ái Vân*”. Tôi sướng mê đi. Tôi chưa bao giờ là xướng ngôn viên của Đài Truyền hình cả, có lẽ hay biểu diễn các tiết mục thiếu nhi trên Đài, và cũng đã đọc nhiều cho buổi Phát

thanh Thiếu niên Tiền phong nên được chọn chăng? Được vào Nam, lại được làm xưởng ngôn viên (miền Bắc gọi là phát thanh viên) cho Đài Truyền hình Sài Gòn những ngày đầu tiên của hòa bình, còn vinh dự nào hơn.

Tôi có hai, ba ngày chuẩn bị, tíu tít người hỏi thăm. Người gửi người nhà cái này, người nhờ mua cái kia, rộn ràng còn hơn lần đầu đi nước ngoài. Sáng sớm ngày 29/4/1975 chiếc xe “*pa*” chuyên bánh từ trụ sở ban tin tức Đài Tiếng nói Việt Nam số 39-41 Bà Triệu - Hà Nội trực chỉ Sài Gòn. Đoàn gần 20 người gồm nhiều thành phần: xưởng ngôn viên, biên tập viên, kỹ thuật viên, quay phim, ánh sáng, hậu cần... Toàn người lạ, tôi chỉ biết mỗi cô Lan Hương xưởng ngôn viên nổi tiếng, đi cùng con gái là Anh Thư học sinh Trường nhạc. Ra tiền đoàn có thân nhân và một số Ban lãnh đạo Đài, trong đó có anh Mã Diệu Cương trước phụ trách *Buổi phát thanh Măng non*.

Mọi người trên xe râm ran chuyện trò, ai nấy có chung một tâm trạng, hào hứng và hồi hộp. Tôi nhìn nhìn dòng người hai bên đường với tâm trạng khó tả, bồi hồi nghĩ không biết điều gì đang chờ ở phía trước, hãnh diện không hiểu có ai biết mình đang đang đi vào Nam không nhỉ? Được vào tận Sài Gòn, lại còn làm xưởng ngôn viên, vinh dự quá trời. Tuy vậy vẫn băng khuâng và lo lắng cho chuyến đi vào nơi xa lạ, hồi hộp tưởng tượng lần đầu tiên lên hình sẽ thế nào, dân Sài Gòn sẽ chào đón đoàn mình ra sao...

*

Quá trưa 30/4 đến cầu Hiền Lương, chiếc cầu nổi tiếng hóa ra quá nhỏ và hẹp, dài chừng 100 mét, rộng chừng 2 mét. Mọi người xuống xe đi bộ. Đi trên chiếc cầu nhỏ nhắn xinh xinh, bỗng nhớ câu văn của Nguyễn Tuân: “*Cầu chia làm hai phần, mỗi bên dài 89 mét, sơn hai màu khác nhau. Bờ Bắc gồm 450 tấm ván mặt cầu, bờ Nam 444 tấm*”. Định bụng đi chậm đếm các tấm ván xem cụ Nguyễn Tuân nói có đúng không, bỗng một xe lambreta chạy qua cầu. Nóc xe cắm cờ đỏ và cái loa to phát vang vang Sài Gòn thất thủ, Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Mừng không thể tả. Thật tiếc quá lúc ấy không ai có máy ảnh để chụp hình kỷ

niệm đi qua cầu Hiền Lương đúng thời khắc chấm dứt chiến tranh, Nam Bắc thống nhất.

Đoàn xe đi gấp rút cho đến khoảng tầm 7-8 giờ tối thì đến Đông Hà. Thị xã Đông Hà mất điện tối mò. Chỉ có vài ngọn đèn vàng mờ ảo men bờ sông Hiếu, hình như đèn của những người đánh cá. Qua cầu sông Hiếu gặp ngay không khí hỗn loạn người chạy vào Nam, kẻ chạy ra khỏi Thị xã. Loa phóng thanh liên tục báo tin Sài Gòn đã được giải phóng. Vỡ òa niềm vui. Cả xe bàn tán ồn ào, ai nấy vừa sung sướng vừa bồn chồn.

Đoàn xe được lệnh phải tiếp tục đi mà không ghé vô Đông Hà. Trên xa lộ nườm nượp ô tô, xe máy, xe xích lô máy, xe đạp, xe lambreta chật ních người. Lần đầu tiên tôi thấy những chiếc xe đồ in bảng hiệu Phi Long, Phi Mã sặc sỡ chạy ào ào, người như nêm, nóc xe chất đầy đồ đạc từ xe Honda, xe đạp tới nệm giường và trăm thứ vật dụng khác. Những chuyến xe đồ chất đầy người và vật dụng chạy vội vã từ Đông Hà đi ra và từ phía Nam chạy ngược về Đông Hà. Cảnh tượng như đàn chim vỡ tổ, tan tác và hoảng loạn. Bắt đầu từ lúc đó cho đến ngày vô tới Sài Gòn toàn gặp những cảnh như vậy. Thương nhất là người ta không biết chạy về đâu. Người chạy đi kẻ chạy về, những gương mặt thất thần ngơ ngác.

Dọc đường đi la liệt áo quần lính, mũ sắt, vỏ đạn... Thỉnh thoảng còn thấy cả xác người hoặc chân tay người chưa ai kịp dọn đi. Cứ hình dung ngày “*giải phóng*” là cờ hoa, là ca hát, là từng dòng người mặc đẹp đón chào, nào ngờ tuyệt nhiên không thấy. Chỉ thấy sự tàn khốc của chiến tranh, sự hoảng loạn, nỗi kinh hoàng sợ hãi của người dân. Suốt dọc đường vào phía Nam, trên xe mọi người trở nên ít nói, có cái gì đó rất khó nói lúc bấy giờ.

Sau mấy ngày đi cấp tốc, trưa 2/5/1975, xe đến cửa ngõ Sài Gòn, qua Xuân Lộc rồi xa lộ Đại Hàn. Dọc xa lộ áo quần lính, giày lính, thất lủng bỏ lại. Những chiếc xe chật như nêm, trên nóc là những xe Honda. Đó là sự hoảng loạn, bẽ bộn của những ngày chiến tranh vừa dứt. Mọi người nói với nhau: “*Sài Gòn rồi!.... Sài Gòn đó kìa!*”. Đường vào Thành phố rộng thênh thang, phẳng lì. Lại xuýt xoa thì thầm: “*Như đường của Tây*”. Không thấy cờ hoa chào đón,

chỉ thấy vẻ tiêu điều trên thành phố trắng lẹ trước đây. Lại vẫn quần áo, mũ, giày, thắt lưng lính rải đầy đường... Nhiều hơn cả là vỏ đạn, đường Hồng Thập Tự đầy vỏ đạn. Dấu vết chiến tranh hằn rõ trên mặt phố. Chiều 2/5, chiếc xe của Đài Phát thanh, Truyền hình từ từ lăn bánh tiến vào Đài Truyền hình Thành phố Sài Gòn.

Ngày 30/4 đến với những người trên chuyến xe ấy, chắc hẳn hoàn toàn khác với hình dung của tất cả mọi người. Im lặng, im lặng và im lặng. Cảm giác hụt hẫng tràn ngập trong xe “*Tiến vào Sài Gòn*” những ngày đầu “*hòa bình thống nhất*”, ngày xưa gọi là “*Giải phóng miền Nam*”.

Gặp ở Sài Gòn

Mọi người được thu xếp nghỉ tạm bên Đài Phát thanh ngay sát Đài Truyền hình, cách nhau chỉ khoảng vài bước chân. Đài Truyền hình thấy có chị Kiều Oanh nghe đâu mới ở R về, và một chị là xướng ngôn viên cũ của Đài Truyền hình Sài Gòn rất xinh, da trắng mịn với giọng Huế ngọt ngào tên là Thanh, tên đệm là gì thì không nhớ. Đoàn ngoài Bắc vô được bố trí ở nhiều nơi khác nhau. Tôi và mấy chị nữa, hình như là người bên bộ phận hành chính gì đó, được cho về ở một căn phòng tầng 3 trong căn chung cư ngay ngã 6, hình như là đường Võ Tánh thì phải.

Căn phòng trông trơn, tối om, công tắc điện, bóng đèn, quạt trần chả hiểu sao đều bị gỡ hết, dây điện lòng thòng. Mấy chị em trái tằm vải dù mang từ ngoài Bắc vô nằm tạm trên sàn ngủ qua đêm. Ngày vô Đài Truyền hình làm việc, tối về nghỉ ở căn phòng tối om đó. Ở đó được thú vui là tối đến ra ngã 6 ăn quà. Thích nhất là được nếm thử con nghêu nướng mỡ hành và món bánh mì kẹp thịt. Ở ngoài Bắc tôi chưa được thưởng thức bao giờ.

Đài Truyền hình tổ chức một cuộc gặp gỡ giới thiệu mọi người với nhau. Ngoài những người cùng đi từ ngoài Bắc và vài người gặp hôm trước, tôi có dịp được làm quen với nhạc sĩ Nguyễn Hiền, nhạc sĩ Trần Văn Trạch với hai bài hát đặc biệt gây ấn tượng là *Xổ số kiến thiết Quốc gia* và hình như là bài *Chuyến xe lửa mừng Năm*,

bài này có đoạn được ông giả tiếng xe lửa chạy xình xịch nghe rất lạ, lý thú vô cùng.

Tôi cũng được làm quen với nhạc sĩ Hoàng Mãnh, là “*anh rể huyệt của gia đình*” hỏi chị Ái Loan còn sống. Anh Mãnh nói năng nhỏ nhẹ, hiền lành. Tiếc là thời anh yêu chị Ái Loan tôi còn bé quá, chẳng nhớ gì cả. Sau này mới biết anh tên thật là Võ Đức Quý, nghệ sĩ piano nổi tiếng, quê Sài Gòn. Anh yêu chị Ái Loan thời anh tập kết ra Bắc, sau về công tác tại Đoàn Ca nhạc Đài Tiếng nói Việt Nam. Duyên số không thành nhưng nhà tôi rất quý anh. Anh Văn kể, khi chia tay chị Ái Loan, ba còn tặng anh chiếc xe đạp Dura Mercier của Pháp.



Ái Vân, Sài Gòn, 1975

Ở Hà Nội nhỏ bé xinh xinh, vào Sài Gòn thấy ngợp. Ra chợ Bến Thành thấy người dân khác hẳn. Lúc đó người Sài Gòn sợ Việt cộng không dám ăn diện như trước, nhưng vẫn thấy sự khá giả trên những bộ đồ họ mặc. Họ đón nhận mình với thái độ vui mừng một cách gượng gạo, có phần nghi ngại. Dân Sài Gòn thấy ai từ Bắc vào đều gọi là bộ đội. “*Bộ đội*” truyền hình ca nhạc cô nào cũng coi được, mấy bà mấy cô cứ xúm lại mấy chị em xuýt xoa: “*Bộ đội mà sao da trắng bóc hà?*”. Nhiều người còn cầm tay tôi ngạc nhiên

bảo: “*Ừa, nghe nói bộ đội rút móng tay người ta. Cô này bộ đội nè, sao móng tay còn nguyên nè, ngộ quá há*”.

Tôi mua vài thứ lặt vặt, đưa tiền ngoài Bắc, cô bán hàng tính ra 1 đồng ăn 1.000 đồng tiền Sài Gòn, cả chợ ồ lên nói: “*Trời, tiền ngoài Bắc còn giá trị hơn tiền dollar à*”. Cô bán hàng nói: “*Em chờ chút để qua đổi tiền thôi nha*”. Tưởng chị chê tiền của tôi thôi, tôi cãi: “*Không, tiền em không thôi đâu ạ*”. Chị bán hàng lại tưởng tôi không cần thôi lại, nói: “*Đâu được, để qua đổi tiền khác thôi lại em.*” - “*Dạ không, đã bảo tiền em mới, giữ cẩn thận lắm, không thôi đâu ạ...*”. Hai bên cứ “*thôi*” với “*không thôi*” suốt cãi nhau, mãi sau nhờ có người giải thích tôi mới ớ ra thôi là trả lại tiền thừa.

Mới vào Sài Gòn tôi rất ngỡ ngàng. Chỉ cần nhìn cách ăn mặc, trang điểm, đi lại, ăn nói nhẹ nhàng; chỉ cần ra chợ mua gì cũng có câu cảm ơn và túi nilon đựng đồ đủ biết mình không cùng đẳng cấp văn minh với người ta rồi. Biết mình bị ngộ nhận với thông tin lệch lạc.

Theo địa chỉ ba cho từ ngoài Bắc, tôi tìm đến nhà cô Hà Thị Tuyết, ở nhà gọi là cô Cả, là chị lớn của ba. Tôi gặp cô cùng đông đủ các anh chị họ trong gia đình: anh Hoàng Ưng Lễ, anh Hoàng Ưng Thắng, chị Dung, chị Chi, chị Hồng, anh Thúc, chị Bắc. Bờ ngõ ban đầu qua nhanh, bà con chuyện trò không dứt, ai nấy đều muốn tìm hiểu xem ba má và cả nhà cùng cuộc sống “*ngoài ấy*” thế nào. Trong câu chuyện đôi lúc mấy anh chị em cũng dè dặt đề cập đến vấn đề nhạy cảm “*bên này, bên kia*”, nào ai đã kịp hiểu “*bên kia*” của nhau là thế nào. Đó là lần duy nhất tôi được gặp đông đủ gia đình cô Cả, lần sau tới thăm cô thì không còn cảnh gia đình sum họp ấm cúng nữa vì hai người anh tôi rất quý là anh Lễ và anh Thắng đều đã phải đi học tập cải tạo.

Khi đến thăm cô Cả, cô sinh viên nghèo Ái Vân cũng mang biếu gia đình chút quà từ tiêu chuẩn ăn của mình. Chị Nga, vợ anh Hoàng Ưng Lễ, là con dâu trưởng của cô Cả hỏi: “*Cô mang cho chúng tôi quà gì thế?*”. Tôi trình trọng vừa mở bọc nilon vừa nói: “*Em biếu gia đình 2 cân gạo ạ, chắc nhà mình cũng đang cần*”.

Ồi giời, cả nhà cười nghiêng ngả, chị Nga cười đến nổi suýt té từ trên ghế xuống sàn. Chị nói: *“Giời ạ. Lại mang gạo cứu trợ cho chúng tôi nữa cơ đấy. Khổ thân em”*. Rồi chị dắt tôi tới mở thùng gạo to tướng bằng nhựa, bên trong đầy ắp gạo, thứ gạo trắng muốt và thơm phức, nồn nà. Bây giờ tôi mới để ý trong nhà ngoài tí vi, tủ lạnh, còn có máy giặt và nhiều thứ lạ lẫm khác cho thấy một cuộc sống rất tiện nghi, không thể có bất kỳ nhà nào ở miền Bắc tại thời điểm đấy, dù là nhà ông Thủ tướng.

*

Dần dần tôi gặp rất nhiều văn nghệ sĩ ngoài Bắc vào, nhà tôi có anh Văn và Ái Xuân cũng vào. Gặp nhau ở Sài Gòn vui hơn tét. Mới biết Bộ Văn hóa phát lệnh *“Tổng tiến công”* bằng 7 đoàn văn hóa nghệ thuật tiến vào Nam trên một chiếc tàu thủy. Các đoàn gặp nhau ở Sài Gòn cả. Tôi gặp chú T.H ở cổng Đài Truyền hình, vừa gặp chưa nói năng gì chú đã kéo đi quán. Có ai đó đãi bò 7 món. Tôi biết chú T.H từ thuở bé tí, tại chú có giọng nam trầm rất đặc biệt, nghe là nhớ liền. Sau này đi đánh Pắc, đi nước ngoài với chú nhiều. Chú có nhiều bài nổi tiếng, cả nửa thế kỷ không ai hát kịp chú, như bài *Con voi* của Nguyễn Xuân Khoát....

Chú H là người thích tìm hiểu những điều mới lạ. Có lần đi biểu diễn nước ngoài, qua Trung Quốc người ta đãi tiệc. Ăn tiệc xong, rửa tay rồi chủ tiệc mang ra một nắm xôi. Chưa ai biết phải làm gì với nắm xôi ấy thì chú đã xoi xong ngon lành, nói: *“Bên Tàu nó ăn uống khoa học lắm. Ăn xong phải có tí xôi nếp để nó dần thức ăn xuống để nó không ợ lên”*. Chú chén xong xôi, người ta mang quả đào ra hướng dẫn mọi người lấy nắm xôi lăn vào quả đào, rồi ăn quả đào, nắm xôi thì vớt đấy. Hi hi chú H ăn xôi mất rồi còn đâu mà lăn.

Lần này cũng vậy. Vào quán *“Bò 7 món Ánh Hồng”*, lúc đầu người ta đưa mấy món rau dưa, sau đưa thịt bò ra. Chú H gấp thịt bò ăn rất tự nhiên, còn gấp cho tôi, nói: *“Ăn đi cháu, mày gầy lắm, ăn đi”*. Tôi nói: *“Chú ơi thịt bò sống”*. Chú còn giải thích: *“Không, trong này thịt bò người ta ăn tái vậy đó. Thịt bò trong Nam ngon lắm, ngoài Bắc toàn thịt trâu, làm gì có thịt bò”*. Tôi không dám ăn, chú

ăn ngoéo ngoéo hết vào cả đĩa. Người ta mang cái hỏa lò ra, nhìn không thấy đĩa thịt đâu: “Ủa, đĩa thịt đâu rồi chị?”- Mặt tôi đỏ như, còn mặt chú thì ngang ra chẳng giống ai.

Nhớ chú H là nhớ ngày đầu ở khách sạn nước ngoài. Chú cầm cái chai xịt nước thơm dùng trong toilet xịt xịt vào người, rồi xịt xịt người khác: “Thơm lắm thơm lắm... thơm lắm...”. Mọi người kêu: “Đồ xịt toilet đấy!” Chú cãi: “Bây nào, bình nước hoa của Tây đấy chứ, thơm thế cơ mà!”.

Lê Dung theo Đoàn ca múa nhạc Trung ương vào Sài Gòn, một tháng sau “Giải phóng”. Lê Dung là một trong những giọng ca lớn của âm nhạc Việt Nam, có lẽ ở nước ta chỉ là giọng ca được nhiều giải thưởng quốc tế nhất. Giải *Người hát dân ca hay nhất*, một cuộc thi âm nhạc quốc tế học viện âm nhạc Traicopxki, 1983. Giải tư cuộc thi quốc tế *Những nghệ sĩ hát opera trẻ* tổ chức tại Sofia, Bulgaria, 1988. Giải thưởng Toulouse, Pháp, 1989. Giải *Mùa xuân Bình Nhưỡng*, Triều Tiên. Chị em học cùng nhau, đi Pắc cùng nhau, gặp được chị rất vui. Tôi đưa Lê Dung đến nhà bác Quảng là bác họ tôi chơi, bác mời hai chị em nếm thử món lạc rang ròn. Chị khen: “Lạc rang ròn ngon quá bác ạ”. Bác bảo: “Đậu phộng da cá đấy. Trong này kêu ‘lạc’ là ‘đậu phộng’”. Lê Dung cũng thuộc “trường phái” nhanh nhẩu như chú T.H nói ngay: “À vâng vâng, cháu nhớ rồi”. Sau đó hai chị em xin phép đi dạo phố, hứa 6 giờ chiều về ăn cơm tối với gia đình.

Là người vào Sài Gòn sớm hơn, tôi đưa chị đi ngắm phố phường, giới thiệu vài nơi mình biết như Nhà Thờ Đức Bà, Nhà Hát Lớn Sài Gòn, rảo bước trên đường Nguyễn Huệ, đường Tự Do... Hai chị em vào ăn phở Sài Gòn cho biết, tiệm phở nằm đâu trên đường Lê Thánh Tôn thì phải. Lê Dung dứt khoát đòi chiều đãi cô em, chị kêu rất đồng dục: “Cho hai bát phở tái chín, nhiều nước béo nhé!”. Mọi người lập tức quay lại nhìn. Tôi thấy ngại quá. Một bác chắc là người Bắc di cư đang ngồi bàn bên cạnh quay sang nói nhỏ: “Trong này người ta không kêu ‘bát phở’, mà kêu bằng ‘tô phở’ cô ạ, cô kêu vậy người ta biết ngay cô từ ngoài Bắc vô đó”. Chị bảo: “À vâng, cháu nhớ rồi”, liền kêu nhỏ nhẹ từ tốn: “Cho hai tô phở tái

chín nhiều nước béo nhé”. Ăn xong, thấy xe nước mía gần đó, chị rủ tôi uống nước mía. Kéo ghế ngồi, Lê Dung rất tự tin, đồng dục: “*Cho hai tô nước mía*”. Xung quanh lại quay phắt lại nhìn hai chị em. Bà bán nước mía nói tinh queo: “*Dạ, trong này nước mía chỉ uống bằng ly chứ không ai uống nước mía trong cái tô hết cô à*”. Chị còn cãi: “*Sao lúc nãy cái bác kia bảo là phải gọi bằng tô nhỉ? Phức tạp quá đi mất*”.

No say rồi, hai chị em còn lang thang mãi đến lúc tối mịt, đi lạc lung tung, về nhà bác Quảng gần 9 giờ tối. Bác trách hai chị em sao giờ này mới về, để cả nhà chờ mãi. Lê Dung phân trần: “*Dạ, lẽ ra thì về sớm hơn, nhưng chúng cháu bị ‘đậu phộng’ đường ạ*”. Hai bác cứ ớ người ra chẳng hiểu, chị phải giải thích mãi. Bác Quảng mới vỡ ra, đập đập đùi kêu to: “*A, thế cháu phải nói là bị lạc đường chứ*”. Chị cần nắn: “*Lúc thì bảo ‘đậu phộng’, lúc lại bảo ‘lạc’, điên hết cả đầu*”.

Chú Quốc Hương cũng vào Nam từ rất sớm, chú công tác tại *Đoàn Ca múa miền Nam*. Quốc Hương là một tên tuổi lớn của tân nhạc Việt Nam, cùng với Trần Khánh, Trần Thụ, Mai Khanh, Thương Huyền... chú thuộc lứa ca sĩ nhạc đỏ đầu tiên. Suốt thời chống Mỹ chú là giọng ca nam đặc sắc nhất được cả miền Bắc yêu mến. Quá nhiều bài hát chẳng những khán giả hâm mộ mà các ca sĩ cũng hết sức nể trọng: *Tình ca* của Hoàng Việt; *Bình Trị Thiên khói lửa* của Nguyễn Văn Thương; *Tiểu đoàn 307* của Nguyễn Hữu Trí (thơ Nguyễn Bính); *Hà Tây quê lụa* của Nhật Lai; *Tôi người lái xe* của An Chung... ôi vân vân và vân vân. Tôi là bậc cháu, là fan của chú trước khi là đồng nghiệp của chú, gặp nhau thường xuyên ở *Đài Tiếng nói Việt Nam*, thỉnh thoảng chú cũng đi Pắc, chú cháu lại hát với nhau. Chú cháu vẫn hay “*ba con*” với nhau, thân thiết lắm.

Một hôm tôi theo anh Chánh Trực về thăm *Đoàn Ca múa miền Nam*, tình cờ gặp chú Quốc Hương, chú kéo vào phòng của chú, nói: “*Con Vân, mày vô đây ba cho coi cái này hay lắm*”. Đó là căn phòng 602 (hay là 702) của khách sạn Bến Nghé. Tôi và anh Chánh Trực vô phòng, chú lôi một khẩu súng lục trong ngăn kéo ra khoe, nói: “*Oai chưa?*” Tôi hỏi: “*Súng thật hay giả?*” Chú trợn mắt:

“Bạn ba cho ba, giả đâu mà giả, coi nè.” Nói rồi chú chĩa súng vào tôi, nói: *“Sợ chưa?”* Chẳng biết súng thật hay giả nhưng nhìn cái khối sắt thép ấy chĩa vào người cũng ghê ghê, tôi gạt tay chú, nói: *“Thôi ba ơi!”*. Đoàn! Súng nổ ngay tức thì. Viên đạn bắn ra xuyên thủng cái ngăn kéo trên bàn. Chết lặng. Rụng rời. Một lúc sau cả chú Quốc Hương và anh Chánh Trực ôm choàng lấy tôi. Chú Quốc Hương sợ hãi run rẩy: *“Con ơi là con ơi. Chút xíu nữa là ba giết con rồi!”*. Cũng may viên đạn ghim vào cái ngăn kéo, chứ nếu trúng vào tường thì cũng không biết thế nào. Một kỷ niệm đến chết vẫn không quên.

*

Những ngày đầu ở Sài Gòn tôi có dịp được gặp nghệ sĩ Kim Cương và ông xã. Trước đây đã nghe ba má kể về cô Bảy Nam và chị Kim Cương nên khi gặp cũng không thấy ngỡ ngàng. Ở chị Kim Cương toát lên vẻ duyên dáng, tự tin, sang trọng mà không kiêu kỳ, ngược lại rất ân cần và điềm đạm. Vợ chồng chị Kim Cương cũng cho tôi đi gặp vợ chồng anh chị Lý Quý Chung. Tôi vẫn mặc bộ quần áo vải ka-ki được phát từ hôm đi, chị vợ anh Lý Quý Chung cứ nhìn tôi, cái nhìn là lạ. Tôi không hiểu vì sao chị ấy lại có cái nhìn như thế. Về nhà chị Chi, con gái cô Cả, tôi vui chuyện kể lại ánh mắt của chị vợ Lý Quý Chung. Chị Chi cười, nói: *“Cô xem cô mặc bộ đồ kỳ vậy, cái quần chó táp 7 ngày không tới ai mà không lạ”*.

“Để tui thay lót cho cô”, chị Chi nói và kéo tôi ra chợ Bến Thành chọn vải. Chị cứ dắt tới mấy tiệm vải lớn máy lạnh chạy mát rượi, tôi thì cứ nhất định không chịu vào, sợ đắt. Tới tiệm nào hai chị em cũng cứ diễn cái cảnh người kéo tay vào, người lại kéo ra. Mãi sau chị bảo thôi thì mua ít vải phin và gín nội hóa vậy. Về tiệm, đo người xong, chị bảo sẽ may gấp, hẹn hai, ba ngày sau sẽ đến lấy. Sáng hôm đó tôi đến tiệm may của chị Chi trên đường Võ Tánh từ sớm. Hồi hộp lắm, lần đầu tiên trong đời được may một lúc mấy bộ quần áo một nhất, ở tiệm may xịn Sài Gòn.

Thử quần áo, vừa in. Một bộ áo chèn trắng sọc xanh da trời nhạt, quần ống loe vải gín xanh nội hóa, bộ kia cũng kiểu như vậy nhưng tone màu hồng sắc tím. Nhìn trong gương như thấy một người nào

khác, văn minh, cao ráo và “*lên chân kính*” hẳn. Tiện thể, chị Chi lấy chiếc kính râm to bản đang để trên bàn bảo tôi mang vào luôn. Chị Chi hãnh diện nhìn “*tác phẩm*” của chị, bảo: “*Đẹp lắm, bây giờ thì đúng là con gái Sài Gòn rồi, phải vậy chứ. Em mặc luôn thế mà về*”. Nói xong chị gói luôn bộ quần áo ka-ki tôi mặc bỏ vào cái túi.

Tôi mặc bộ đồ mới ra đường, rất khoái chí vừa đi vừa ngó mọi người xem có ai khen mình không. Về đến nơi vừa đúng lúc đang họp đoàn, cô B (lại cô B!) đang phát biểu cái gì về căng lắm. Vừa thấy tôi hớn hờ bước vào, cô nói: “*Có những đồng chí vừa mới vào Sài Gòn được mấy bữa mà đã biến chất, thay đổi từ đầu đến chân, chưa gì đã áo chề, quần loe, mang kính râm to bản, thí dụ như đồng chí Ái Vân*”. Ôi giờ, con bé choáng váng rụng rời, sợ toát mồ hôi, tai ù, không còn nghe thấy gì. Ngay sau đó vội vàng “*thủ tiêu*” ngay “*tang vật*”, suốt mấy tháng trời chẳng dám hó hé gì.

Buồn cười là những người phê phán “*đồng chí Ái Vân*” hôm đó mấy tuần sau chính họ cũng kính râm to bản, một số quần loe, chân đi guốc “*gộc*”, một số thì áo dài thướt tha, phóng xe Honda chạy vù vù khắp Sài Gòn. Còn “*đồng chí biến chất*” này suốt mấy tháng còn lại trong Sài Gòn đành diện bộ đồ “*chó táp 7 ngày không tới*”. Mãi gần đến ngày trở ra Bắc mới dám mặc lại bộ đồ chị Chi may cho. Mặc mà vẫn hãi, thỉnh thoảng giật mình ngoái lại xem có cô B hay không. Ôi cô B, cô hát *Lý chiến chiến* hay thế mà, sao thế cô ơi!

Về đoàn Bông Sen

Ở Đài truyền hình một tháng chẳng được làm gì. Ngày ngày phải có mặt ở Đài trong những giờ phát sóng, quanh quần xem các chương trình đang được “*on air*”. Rồi về nhà nằm dài ra đọc sách chương Kim Dung, đọc đến tối pha mì tôm ăn xong lại đọc sách chương và ngủ. Một ngày dài lê thê. Suốt cả tháng hết nhìn chị Kiều Oanh (lúc này đang mang bụng bầu khá nặng nề) lại nhìn chị Thanh lên hình mà thèm. Thỉnh thoảng thấy cô Lan Hương ngồi đọc tin trước ánh sáng của phim trường, trước ống kính của loạt máy camera, buồn muốn khóc. Thấy mình thật vô tích sự kinh khủng.

Tôi liền chuyển lời đến chú Trần Lâm đang trực tiếp phụ trách Đài truyền hình trong này, nhưng tình hình không cải thiện. Duy nhất một lần được thông báo: “*Chuẩn bị on air.*” Mừng không đề đầu cho hết. Con bé phấn khởi ra sức đọc đi đọc lại bản tin “*Nhà máy đèn Chợ Quán*” bằng tiếng Nam cho thật lưu loát, rồi son son phấn phấn, hồi hộp vô cùng. Thế là được thỏa chí. Gần đến giờ phát sóng, từ Đài phát thanh bước sang Đài Truyền hình, bàn Xương ngôn viên tối mò. Ủa, mình ngồi đâu đọc nhỉ? Giật mình thấy lạ. Chỉ có ngọn đèn nhỏ đủ để đọc được chữ. Trên màn hình đang cho chạy đoạn phim phóng sự về “*Nhà máy đèn Chợ Quán*”. Hóa ra con bé cũng được “*on air*”, nhưng là đọc tin “*ngoài hình*”. Niềm vui chẳng tày gang, sau đó là cảm giác ê chề, “*hơi bị nhục*”.

Đang nằm chèo queo bên Đài phát thanh, bất ngờ anh Chánh Trực đi qua phòng. Tôi quen anh Chánh Trực từ năm 1968 khi về đoàn Ca múa miền Nam ở khu Cầu Giấy, rồi 1973 cùng nhau đi Festival ở Berlin. Anh Trực ngạc nhiên: “*Ủa, sao lại ở đây?*” Tôi bật khóc, bao nhiêu u uất tuôn trào. Lúc này mới biết anh Chánh Trực là Phó đoàn kiêm chỉ đạo nghệ thuật Đoàn Ca múa miền Nam. Nghe kể sự tình, anh Trực nói: “*Thôi về Ca múa miền Nam chứ ở đây đâu phải chỗ của em.*” Được lời như cởi tấm lòng, tôi theo anh Chánh Trực liền. Anh trực về báo cáo với cô Kim Anh trưởng đoàn rồi sang nói chuyện với mấy chú bên lãnh đạo của Đài. Thế là xong. Tôi được về Đoàn ca múa miền Nam gần như tức khắc.

Tôi được bổ sung vào đội ca của Đoàn ca múa nhạc miền Nam ở nhà số 77-79 Hai Bà Trưng. Đang bị bó chân bó cổ, vô tích sự bên Đài truyền hình, được về với môi trường nghệ thuật bên những người đồng nghiệp từ ngoài Bắc, lại ở trong một khu nhà rất “xịn”, cảm thấy đời thật lên hương. Cùng sinh viên Trường nhạc tăng cường về đội Ca lúc đó có anh Quang Huy, chị Ngô Nam và tôi, cả ba đều là học trò thầy Lô Thanh.

Dàn ca sĩ nòng cốt của Đoàn Ca múa miền Nam lúc đó là Anh Đào, Tô Lan Phương, Bích Hương, Hoàng Tín, Minh Thìn, Tuấn Phong, Đức Quý... Dàn múa gồm toàn những diễn viên nổi tiếng đã gắn bó với đoàn từ lâu như Đàm Minh, Eban Quý, Minh Nhật, Xuân Va,

Minh Thi, Thu Nga, Phi Long, Sĩ Tô... Dàn nhạc ngoài Đỗ Lộc và Đức Nhuận lừng danh chinh chiến khắp năm châu, còn có Quốc Hưng, Đào Thi, Thanh Quang (Quang “*su hào*”), Thảo “*cò*”. v.v... Đoàn biểu diễn các rạp trong Sài Gòn và đi về các tỉnh miền Tây, miền Đông biểu diễn.



Từ trái: Minh Thìn, Thanh Thanh, Hoàng Tín, Ngô Nam, Diệu Linh và Ái Vân – Những diễn viên trong Đội ca của Đoàn Ca múa nhạc Bông Sen trước Dinh Độc Lập 1975

Chương trình chủ yếu là những tiết mục văn thường biểu diễn ngoài Bắc trước đây. Ca sĩ Anh Đào vẫn gây ấn tượng mạnh với khán giả trong Nam qua bài hát “*Cánh chim báo tin vui*”, khi hát đến đoạn dùng kỹ thuật thanh nhạc hát staccato giả tiếng chim hót, khán giả trong Nam vỗ tay rào rào. Tô Lan Phương dịu dàng, đắm thắm với “*Bóng cây kơ-nia*”, cô B chuyên trị những bài dân ca liên khu 5, bài tủ của cô là bài “*Lý chiền chiện*”...

Thời gian về Đoàn ca múa miền Nam tuy có vui hơn, có việc làm hơn nhưng chẳng có gì bận rộn, vẫn chỉ diễn viên phụ hát bè hát tốp ca. Ngoài những lúc đi biểu diễn hay tập ca, tôi chỉ chúm mũi vào truyện Chưởng của Kim Dung. Mê đến nỗi đọc thâu đêm. Mấy diễn viên trường nhạc vào tăng cường như anh Quang Huy, chị Ngô Nam và tôi cứ loanh quanh ở nhà. Sinh viên trường nhạc vào Nam, chỉ có học bổng 18 đồng một tháng đủ chi tiêu tối thiểu, không ở nhà “*luyện chưởng*” còn biết đi đâu.

Chiều mát, mấy chị em lại rủ nhau ra chợ Bến Thành chơi. Có lần, chú Đức Nhuận (đàn bầu) gọi mấy đứa tới, bảo: “*Cho tụi bay thưởng thức đặc sản miền Nam nè*”. Háo hức chờ được “*đặc sản*”, cái tên Sầu riêng nghe thật dễ thương. Tới khi chị Phương vợ chú Đức Nhuận vừa mở cái hộp ra tôi choáng váng mặt mũi vì cái mùi khó tả của nó. Chú Đức Nhuận mắng: “*Ăn đi! Quý lắm mới cho tụi bay ăn đó*”. Ôi giờ, con bé gằn ngất luôn, ngồi gằn cũng chịu không thâu, nói gì ăn. Lần về Bến Tre biểu diễn, được địa phương chiêu đãi nào chôm chôm, măng cụt, nước dừa tươi, món nào cũng thích, riêng đến mục “*sầu riêng*” thì lại đầu hàng. Phải thử đến lần thứ ba mới thấy ngon. Từ đó là mê luôn. Cả món khô qua và rau giáp cá cũng vậy.

*

Đoàn Ca múa miền Nam lúc này được đổi tên thành Đoàn Ca múa nhạc Bông Sen. Thời gian cộng tác cùng Đoàn ca múa nhạc Bông Sen trong năm 1975 tôi đã có may mắn được đi cùng đoàn về biểu diễn tại các tỉnh miền Đông, miền Tây Nam Bộ từ Long An, Bến Tre, Mỹ Tho, Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Cà Mau, Long Xuyên... rồi Đà Lạt, Vũng Tàu... Lần đầu tiên đặt chân tới những địa danh mà má Ái Liên đã về biểu diễn trước đây, quả thật là may mắn.

Có đến những nơi đây từ sớm, từ năm 1975, mới thấy vùng quê Nam bộ trù phú biết bao, người dân thì chất phác, hiền lành, xởi lởi, thiên nhiên thì ưu đãi. Tôi được nếm đủ các loại cây trái lạ ngoài Bắc không có như sầu riêng, măng cụt, vú sữa, chôm chôm, ngoài ra còn có món cơm thố mà ba tôi thời trẻ rất thích, ba thường

nhắc đến mỗi khi kể chuyện miền Nam. Một phát hiện ngạc nhiên thú vị, càng đi xuống các tỉnh miền Tây, đơn vị đếm của người dân nơi đây càng phóng khoáng, từ “*chục 12*”, đến “*chục 14*”, rồi “*chục 16*”... lạ vô cùng. Nhớ đến miền Tây Nam Bộ là nhớ đến những người dân chất phác, những cây trái ngọt lành và hệ đếm dễ thương.

Cũng nhớ lúc về Bến Tre, sáng ra phải ngồi “*cầu tôm*”. Nhà vệ sinh “*cầu tôm*” ở đây được bắc gỗ ra ao, mương, hoặc kênh rạch, che chắn xung quanh bằng tôn, bạt, bao bì... cao chỉ ngang đầu gối. Ngồi nhà vệ sinh cái mặt phơi ra đường, một lần đi cầu là cái mặt chín đỏ như quả gấc. Đã thế bà con có tục chào hỏi rất niềm nở những người đi cầu. Mình là “*cán bộ văn công nhà nước*” càng phải niềm nở đáp lời, không được cúi gằm mặt làm thinh. Ngượng chết được, cứ thấy kỳ kỳ sao á. Thấy mặt con bé cũng coi được, bà con chào hỏi rất nhiều. “*Chào cô Ái Vân!*” - “*Văn công Hà Nội đẹp quá ta!*” Lắm ông còn vác cuốc đứng cạnh “*cầu tôm*” vui vẻ trò chuyện như là đang ngồi trong phòng khách: “*Cô Ái Vân nè... cô Ái Vân ơi*” - “*Cô Ái Vân thấy không, mấy bài hát tôi qua hay quá trời, bữa nay nhớ hát lại nghe cô...*”. Khổ thân con bé, lại phải vừa “*cầu tôm*” vừa vâng.

*

Được vài tháng, đầu vào cuối tháng 9 thì phải, một hôm nghe rục rịch chuyện đòi tiền. Mới tí tuổi đầu chẳng hiểu sao đòi tiền mà thiên hạ nhón nhác làm vậy. Ai nấy xì xầm mặt mày nghiêm trọng. Đài phường loan báo đòi tiền để: “*Thiết lập một chế độ tiền tệ mới; ngăn chặn giai cấp tư sản sử dụng tiền mặt để thao túng thị trường, đồng thời tước đoạt bớt phương tiện hoạt động của bọn gián điệp, tình báo; đẩy lùi lạm phát*”. Báo Sài Gòn Giải Phóng có xã luận dài dằng dặc khẳng định đòi tiền là để kết thúc “*30 năm sống dơ và chết nhục của đồng bạc Sài Gòn*”. Nghe khiếp quá. Té ra đòi tiền là vậy.

Suốt đêm trước hôm đòi tiền cứ nghe tiếng xe Honda chạy liên tục ngoài phố. Người ta rỉ tai nhau tiền lẻ thì không cần đổi, thế là người ta chở hàng bao tải tiền mệnh giá nhỏ cất đi, hoặc làm gi

không rõ. Mỗi hộ gia đình được đổi tối đa 100.000 đồng tiền “*Chánh quyền Sài Gòn cũ*” - 500 đồng tiền “*Chánh quyền Sài Gòn cũ*” đổi được một đồng tiền mới Ngân hàng Việt Nam. Tức mỗi gia đình chỉ có nhiều nhất 200 đồng Ngân hàng Việt Nam sau đổi tiền. Tôi nghĩ bụng Sài Gòn giàu có thể chắc ngất hết lượt.

Sinh viên chẳng có xu nào, tôi bình chân như vại, nghe nói khách vắng lai được đổi 20 ngàn đồng, tức có 40 đồng Ngân hàng Việt Nam sau khi đổi, tôi cũng không để ý. Không ngờ bao nhiêu người tìm tới nhờ đổi giúp tiêu chuẩn. Mấy người lâu nay coi tôi là con bé “*biến chất*” không thềm chơi với tôi, nay vô cùng ngọt nhạt với tôi. Một lúc lại có người gọi “*Vân ơi, đi cà phê với chị*”, “*Vân ơi chú bảo này...*” Nghĩ vừa thương vừa buồn cười. Tiêu chuẩn thì chỉ có một mà nhiều người nhờ, giúp ai đây? Đau cả đầu.

Sau đó tôi và anh Quang Huy ra Hà Nội học. Quen Sài Gòn rồi, thương Sài Gòn rồi, giờ xa Sài Gòn thấy nhớ.

Sài Gòn ơi, xa nhé!

12

Ca hát thời bao cấp

Cái thời người dân phải bám vào các loại sổ, bìa và tem phiếu để sống gọi là thời bao cấp. Với các bạn trẻ bây giờ kể chuyện thời bao cấp thật khó tin. Có một câu chuyện tiêu lâm ở Hà Nội về đánh vần chữ kh, ngày xưa đánh vần ca (k) hát (h) ô khô hỏi khô. Ca hát mà khô. Bây giờ đánh vần khờ (kh) ô khô hỏi khô. Khờ mà khô. Thật đúng quá. Thời này việc mất sổ gạo là một tai họa, còn như ai đó mất một chiếc xe đạp thì cả khu phố đều biết. Bố mẹ đi công tác bằng máy bay, món quà đầu tiên cho con cái là hộp thức ăn trên máy bay. Đó là món quà cực sang chỉ có con cái quyền quý mới được hưởng, vì chỉ có quyền quý mới được đi máy bay. Người từ phố về quê, món quà quý là mấy ổ bánh mì, ngay mấy túi nilon đựng đồ cũng quá quý với dân quê.

Cái thời “*cái gì cũng phân mà phân thì như cứt*”, gái đẹp Hà Thành cũng phải gặt gù với tiêu chuẩn Mười Yêu:

Một yêu anh có may-ô / Hai yêu anh có cá khô để dành / Ba yêu rửa mặt bằng khăn / Bốn yêu bàn chải đánh răng hàng ngày / Năm yêu anh có đôi giày / Sáu yêu anh có khăn quàng vắt vai / Bảy yêu có sẵn gác nài / Tám yêu nước mắt cả chai ăn dần / Chín yêu anh rất chuyên cần / Mười yêu anh chỉ để phân cho em.

Hoặc yêu cầu cao hơn:

Một yêu anh có Seiko / Hai yêu anh có Peugeot cá vàng / Ba yêu nhà cửa hàng hoàng / Bốn yêu hộ khẩu hàng hoàng Thủ đô / Năm yêu không có bà cô / Sáu yêu Văn điển ông cô sắp về / Bảy yêu anh vững tay nghề / Tám yêu sớm tối đi về có nhau / Chín yêu gạo trắng phau phau / Mười yêu nhiều thịt ít rau hàng ngày.

Thời đó chúng tôi sống và hát. Bây giờ mỗi khi nhớ lại tôi vẫn không hiểu sao mình sống được và hát được.

Đi Pắc

Đi hát chui - hay còn gọi là Đi Pắc - là tiếng lóng gọi đội quân đi hát “*ngoài biên chế*” của Trường nhạc và các đoàn văn công nhà nước, như lính đánh thuê Park Chung Hee. Đi Pắc có nhiều cách, một là đi hát các tụ điểm, hai là hợp đồng với các cơ sở rồi đem quân về đó “*đánh*”, ba là theo Hội nhạc sĩ về sáng tác tại chỗ, ca sĩ biểu diễn tại chỗ cho các cơ sở.

Đổi thì đầu gối phải bò, từ năm 1974 trở đi, khi vào năm thứ tư thanh nhạc, chúng tôi bắt đầu đi hát. Thầy Lô Thanh rất hay dẫn học trò đi hát. Các thầy cô trường nhạc vốn rất ghét học trò đi ra ngoài hát nhạc xập xình, bảo đó là đi phá giọng. Cứ lên lớp các thầy lại quát tại sao lại đi chỗ nọ đi chỗ kia, hát thế nọ hát thế kia, cứ hát xập xình rơi rụng hết kỹ thuật còn đâu. Cấm. Tuyệt đối cấm nhá!

Nhưng đến chiều thứ 6 thầy Lô Thanh lại bảo “*Học sinh đi biểu diễn cho nó dày dặn lên*” và nháy học trò: “*Học nhanh nhanh, tối nay chương trình bắt đầu sớm đấy*”. Được thầy cho đi hát mừng lắm, pháp phòng chờ đến cuối tuần đi hát ở vườn hoa Chí Linh, công viên Thống Nhất, các tụ điểm công cộng. Hồi đó không có từ cát xê, mà gọi là tiền thù lao. Ít lắm, hình như chỉ vài đồng một tiết mục solo. Nhưng mà vui. Bắt đầu hình thành một vài nhóm chuyên môn Đi Pắc. Nổi nhất trong trường nhạc lúc này là các thầy Lô Thanh, Mai Khanh, T.H, Trung Kiên, Quang Phác, Kiều Hưng, các cô Mỹ Bình, Diệu Thúy... Sinh viên thì có Quang Thọ, Quang Huy, Thúy Hà, Vân Khánh, Phương Nhung, Lê Dung, Măng Thị Hội, Doãn Tần, Dương Minh Đức, Ái Vân và sau này có thêm Lê Quyên v.v...

Đi Pắc thường phải mang theo bài tử của mình. Thầy Lô Thanh có *Nỗi lửa lên em* của Huy Du; thầy Quang Phác có *Hồ trên núi* của Phó Đức Phương; cô Mỹ Bình nổi tiếng với bài *Người Hà Nội* của Nguyễn Đình Thi; Vân Khánh, *Tình Bác sáng đời ta* của Lưu Hữu

Phước; Măng Thị Hội, *Bóng cây kơ nia* của Phan Huỳnh Điểu; Ái Vân, *Nha Trang mùa thu lại về* của Văn Ký; Quang Thọ, *Lê Anh Nuôi* của Đàm Thanh; Lê Quyên, *Dáng đứng Bến Tre* của Nguyễn Văn Tý; Quang Huy, *Hát mừng các cụ lão dân quân* của Đỗ Nhuận.... Bên các đoàn ca múa có Thanh Hòa, *Điệp khúc tình yêu* của Trần Tiến; Mạnh Hà, *Chiếc gậy Trường sơn* của Phạm Tuyên; Vũ Dậu, *Hành khúc ngày và đêm* của Phan Huỳnh Điểu... Bên Hội nhạc sĩ có Quốc Đông với bài *Thắm hoa núi rừng* của Đỗ Nhuận v.v...

Những năm bảy mươi Thúy Hà đang là ngôi sao, chị làm mưa làm gió trên tất cả sân khấu miền Bắc. Đi đâu có Thúy Hà là bán vé được ghê lắm. Hồi đó ai hát bài nào được bis thì được thêm một nửa số tiền cát xê bài đó. Ví dụ một bài 4 đồng, nếu được bis thì thêm 2 đồng, là 6 đồng. Thúy Hà hát *Thắm hoa núi rừng* của Đỗ Nhuận; *Cánh chim báo tin vui* của Đàm Thanh toàn được bis. Bao giờ Thúy Hà lĩnh tiền cũng lĩnh nhiều nhất. Tôi nhớ bài “*Thắm hoa núi rừng*” có đoạn rất vui: “*Hay làm là một / Kỷ luật là hai / dẻo dai là ba / Quân ca là bốn / Khiêm tốn là năm / Yên tâm là sáu / Gương mẫu là bảy / Thúc đẩy chị em là tám / Dũng cảm là chín / Sáng kiến là mười...*” Đoạn “*nói lối*” này giống nhạc rap bây giờ. Đôi lúc tôi tự hỏi, phải chăng rap Việt Nam đã có từ thời ấy?



Từ phải qua: Như Quỳnh, Phạm Ngọc Khôi, Thúy Hà, Lê Quyên, Ái Vân. Phía trước là anh chị Mạnh Hà - Tuệ Quân trong một cái Tết Hà Nội

Lê Quyên lúc đầu học đàn bầu. Quyên hay Đi Pắc theo tụi tôi, đánh đàn bầu và ngâm thơ. Lê Quyên ngâm bài *Quê hương* của Giang Nam rất thành công, ở đâu cũng được tán thưởng đến nỗi có biệt danh là Quyên Quê hương. Anh em trong đoàn gọi là Quyên kều còn khán giả thì gọi là Quyên Quê hương. Ngoài ngâm thơ, đàn bầu khi cần hát bè Lê Quyên cũng tham gia hát. Dần dần mọi người thấy Lê Quyên có năng khiếu hát mới giới thiệu sang học thanh nhạc. Từ đó Lê Quyên trở thành ca sĩ không thể thiếu trong đội quân Đi Pắc của chúng tôi, cô thành công rực rỡ những năm tám mươi, thời nhạc nhẹ lên ngôi.

Thầy Tạ Tấn cũng tham gia Đi Pắc. Thầy là cây guitar số một của miền Bắc lúc bấy giờ. Những bản dân ca chuyển thể cho guitar của

thầy như *Trèo lên trên núi Thiên Thai; Yêu nhau ngả nón ra ngồi; Xe chỉ luôn kim; Lý cây đa...* thật khó ai bì được. Hay những điệu chèo được thầy soạn cho guitar như *Tình quê; Xẩm xoan; Cách cú; Ru con...* thật sang và tinh tế biết bao. Thầy dạy đàn cho chúng tôi. Hồi đó không ý thức được tầm quan trọng của việc biết chơi đàn guitar, chỉ lo trốn học. Thầy hiền lành nhu mì cứ đến buổi học là vác đàn đi tìm học trò. Thầy gọi Vân ơi, Huy ơi, Khánh ơi... nghe thật thương.

Giá như bây giờ với tài danh của thầy sẽ có hàng chục lớp Guitar Tạ Tấn, thừa tiền sống sung túc. Nhưng ngày xưa thầy vẫn phải theo ông Tạ Đắc, em trai và cũng là ông bầu của thầy, cùng với đám học trò Đi Pắc. Nghệ sĩ tài danh Tạ Tấn đệm nhạc xập xình cho học trò mỗi đêm kiếm vài đồng nuôi sống cả nhà.

Hôm đó diễn sân đình ở Cầu Diễn. Thầy đi xích lô ôm đàn vừa tới sân đình thì tự nhiên mất điện. May sáng trăng, mọi người đứng hát vo. Ông xích lô chở thầy mười mấy cây số, tới nơi tưởng được xem các ca sĩ nổi danh biểu diễn, được nghe tiếng đàn thần sầu của Tạ Tấn, chẳng ngờ phải đạp xích lô chở thầy trở lại nhà. Dọc đường chở thầy về, ông xích lô cần nhằn: *“Người có một mẩu, tên thì nặng chình chịch đã tạ lại còn tấn... mất điện là phải”*. Thầy chỉ biết cười trừ.

*

Những năm bảy mươi Hội Nhạc sĩ Việt Nam hay có những đoàn đi thực tế, về nông trường này, nhà máy nọ. Các nhạc sĩ viết bài tại chỗ, sinh viên trường nhạc đi theo biểu diễn tại chỗ bài hát đó. Tiền công hầu như không có, các cơ sở thường trả thù lao bằng sản phẩm *“của nhà trồng được”* của họ. Về nông trường dưa thì có bao tải dưa. Về nông trường chè có vài cân chè. Về diễn cho bộ đội có một thùng lương khô, đến các xưởng quân giới có một đôi may ơ hoặc một vành xe đạp. Đủ kiểu đủ loại.

Các nhạc sĩ Đi Pắc chăm chỉ về cơ sở là Hồng Đăng (Mọi người vẫn đùa, nói lái trêu anh: đèn đỏ đeo đăng hông), Đỗ Nhuận, Văn Ký, Doãn Hợp, Thuận Yến.... Bên cạnh ca sĩ chính của Hội Nhạc

sĩ lúc ấy là Quốc Đông thì các ca sĩ sinh viên hồi đó là Thúy Hà, Vân Khánh, Ái Vân, Quang Huy, Quang Thọ,... thường được giao việc thể hiện bài hát. Đi hát áo quần không có bàn ủi, cứ cuốn tròn quần áo diễm nhét túi, lên tới nơi là tõe ra, mặc vào diễm luôn. Nhạc sĩ viết ngay tại chỗ, nhiều bài thật vui. Bây giờ nhớ lại cứ cười mãi cái bài *Phun thuốc trừ sâu*: “Đàn gà chưa ra khỏi chuồng / Anh đi đâu mà vội thế? / Anh đi phun thuốc trừ sâu diệt loài cỏ dại/ Bảo vệ cây trồng”.

Cũng có bài sáng tác cho Đi Pắc lại nổi tiếng, được quần chúng rất hâm mộ, như bài “*Em là thợ quét vôi*”: “*Em là thợ quét vôi / Quét nên ở tường trắng ở, tường xanh ở, tường vàng / O... Tường trắng ở, tường xanh ở, tường vàng / Xanh vàng, xanh trắng xanh ở xanh...*”. Khi nhạc sĩ Đỗ Nhuận “*xon phe*” thì buồn cười rĩ rượi nghe như bí nhạc kẹt lời, nhưng khi chị Bích Liên thể hiện rất nhí nhảnh bài này lại thấy hay quá, có lý quá.

Cái thời chưa thoát cảnh ăn no mặc ấm. Về cơ sở thể nào cũng được chiêu đãi, đôi khi chỉ có cơm canh tí thịt luộc tí cá kho vẫn sướng hơn ở nhà. Hôm nào mâm cơm có thịt gà hay giò chả là ai nấy phấn khởi lắm, có thêm mấy chai bia nữa thì quả thật như thấy “*đời lên hương*”. Diễn xong mấy ông ban nhạc ra “*tia*” trước nơi chiêu đãi rồi nhảy vào báo cho anh em. Phải nói tiếng lóng kéo bị phát hiện. Cơm có thịt gà, nhiều chất đạm thì bảo bữa nay nhà lợn ngói, ăn sơ sài gọi là nhà lợn gianh. Nước chanh chai cổ cao gọi là Ái Vân, bia cổ rụt gọi là Vân Khánh. “*Tuyệt cú mèo, hôm nay nhà lợn ngói mà lại toàn Vân Khánh thôi!*”.

*

Đi Pắc thường mạnh ai nấy đi. Có nhiều nhóm, nhưng nhóm chúng tôi có sáu anh em hay đi với nhau, vẫn nói đùa là sáu người đi khắp thế gian, đó là nhạc sĩ Mạnh Đạt, chủ công đệm Accordion, gọi là Đạt tốp, Ái Vân gọi là Vân tốp, Lệ Quyên gọi là Quyên kều, Quang Huy gọi là Huy phô (Quang Huy thỉnh thoảng hát phô), Quang Thọ gọi là Thọ rùa (Quang Thọ chậm chạp). Thanh Bình chơi Accordion gọi là Bình sốt (Thanh Bình hay kể chuyện tiểu lâm, có

chuyện *Cặp sọt* rất vui, từ đó có biệt danh). Đat tốp hay đặt biệt danh. Cứ ai nhập nhóm Pắc là anh cho ngay một biệt danh.

Có những chương trình gặp được nhà tổ chức rất mạnh nên bổ sung thêm lực lượng từ các nhóm Pắc khác v.v... Ca sĩ có Vân Khánh, Vũ Dậu, Mạnh Hà, Thúy Hà, T.H, Quốc Hương, Thanh Huyền, Quốc Đông, Kiều Hưng, Quang Phác... Thầy Quang Phác nổi tiếng bài *Hồ trên núi* của Phó Đức Phương. Từ khi Đài Tiếng nói Việt Nam phát bài *Hồ trên núi* giọng hát Quang Phác vút sáng, đi đâu thầy cũng được bà con yêu cầu hát bài này.

Thầy Quang Phác rất hiền, ra sân khấu hát chỉ đứng im một chỗ cứng đờ như cột điện. Mọi người mới góp ý thầy nên làm vài động tác khi trình diễn cho sống động hơn. Thầy Phác nghe theo, khi bắt đầu cất tiếng hát là thầy giơ hai tay lên ngang người và cứ giữ nguyên như thế cho đến hết bài và đi vào. Cười rữ. Có lần sau câu cuối: *Núi ơ núi... thuyền ơ thuyền / Mây ơ mây... nước ơ nước / Hơ hớ...* Anh Quốc Trường đặt ngay hộp đựng kèn lên tay thầy Quang Phác lúc ấy vẫn đang giơ lên, thầy Phác cũng để nguyên, cứ thế đi vào. Bà con sướng điên, lại đòi bis: "*Chiều lại đi!... Chiều lại đi!*".

Anh Mạnh Hà kể cho tôi rất nhiều chuyện ca hát thời bao cấp. Nhờ anh nhắc tôi mới nhớ, không thì cũng quên hết. Anh kể chú T.H một hôm nổi hứng làm ông bầu, nói: "*Phúc Yên nó mời, béo lắm. Đi đi*". T.H, Mạnh Hà, Quốc Hương, Thanh Huyền, Vân Khánh... 9 người lên cái com-măng-ca, chật cứng. Đến Phúc Yên thấy vắng hoe, hỏi: "*Đây có phải nơi tổ chức biểu diễn không?*". Chẳng ai biết mô tê gì cả. Khi đó đã hơn 4 giờ chiều, chú T.H ngồi đực mặt. Anh Mạnh Hà nói: "*Ông nhớ lại người hợp đồng với ông tên gì, mặt mũi thế nào?*". Chú T.H nói: "*Hình như tên Thanh, mặt hơi rỗ rỗ*". Máy người kêu to: "*Thôi chết rồi. Đây là ông phụ trách văn nghệ ở trên Thái Nguyên!*". Quay xe lại ngay lập tức, đi nhanh may ra kịp. Hơn 7 rưỡi tối mới lên được. Thấy ông Thanh đứng đầu đường mặt mày tái mét. Không kịp ăn uống gì, anh em cứ thế lao lên diễn. Hú vía.

Một lần khác anh Kiều Hưng cao hứng làm tổ chức biểu diễn. Chẳng biết anh hợp đồng với cơ sở nào ở Gia Lâm, gặp ai anh cũng rồi rít

dặn dò ngày mai giờ nọ giờ kia, đến chỗ nọ chỗ kia... *“Đi nhé, phải đi nhé. Tôi đã họp đồng rồi đấy, đừng làm lỡ việc tôi”*. Hôm sau đúng giờ đúng ngày, mọi người lục tục lên đường thì gặp Kiều Hưng đang tung tăng ở đường Trần Hưng Đạo. Anh Mạnh Hà dừng xe hỏi: *“Thế Hưng chưa đi à?”*. Anh Kiều Hưng ngạc nhiên hỏi: *“Đi đâu?”*. Anh Mạnh Hà cúi, nói: *“Ông này hay chữa! Hôm nay đi biểu diễn ở Gia Lâm, ông mời chúng tôi mà!”*. Khi đó Kiều Hưng mới ngẩn ra, nói: *“Thôi bỏ mẹ, quên!”*.

Đoàn Pắc *“đi khắp thế gian”* ca hát kiếm ăn. Đói nghèo vẫn hoàn đói nghèo thôi, nhưng mà vui. Đoàn về Hưng Yên diễn lấy 2 con lợn về ăn tết. Trên đường về xe ca chở diễn viên đi trước, xe tải chở nhạc cụ và hai con lợn đi sau. Đang đi bỗng xe tải phóng lên báo: *“Hai con lợn nó chạy mất rồi!”*. Anh Mạnh Hà ra lệnh cả đoàn quay xe lại tìm: *“Vì tương lai con em chúng ta, không cho chúng nó thoát!”*. Tìm suốt đêm, sáng mai mới thấy hai ông Trư Bát Giới nấp trong bụi tre.

Đi biểu diễn ở Trại thú y ở Phùng. Năm nào Trại thú y này cũng mời khoảng 10-12 anh chị em về Phùng diễn. Mỗi người cho 2,5 cân thịt bò. Riêng anh Mạnh Hà *“Đoàn trưởng”* được 2 suất 5 cân. Xe chạy về đến Nhôn bị phòng thuế chặn lại khám, họ soi đèn pin thấy toàn thịt bò. Hỏi: *“Các anh đi buôn thịt bò?”*. Anh Mạnh Hà nói: *“Không, chúng tôi đi diễn cho Trại thú y, họ tặng cho chúng tôi đấy”*. Máy ông thuế vù nhìn đám trên xe nhếch nhác xanh xao, nhếch mép cười nói: *“Các ông mà diễn viên à?”*. Mọi người trên xe nhao nhao giới thiệu, tôi là Mạnh Hà, tôi là Thanh Huyền, tôi là Kiều Hưng, tôi là Thu Hiền... nhưng họ vẫn không tin. Hồi đó không có ti vi nên người ta không biết mặt. Ông phụ trách thuế nói: *“Các ông hát thử xem có phải diễn viên không nào?”*. Thế là mọi người hát mỗi người vài ba câu. Vừa mở miệng máy ông thuế đã xin lỗi rồi rít, cho đi ngay.

Đúng là cười ra nước mắt.

Đi biên giới

Đi Pắc vẫn cứ đi nhưng mỗi lần được cử đi phục vụ bộ đội ở biên giới anh em không một ai tìm có thoải thác, thậm chí còn lấy đó làm niềm vui và tự hào. Những năm 1978 đến 1984 chiến tranh căng thẳng ở cả hai biên giới Nam Bắc. Tôi được biên chế vào Đoàn Ca múa nhạc Trung ương “*đi phục vụ chiến trường*”.

Năm 1978 đi biên giới Tây Nam với Công an vũ trang cả tháng trời, hát cho đơn vị bộ đội này lại sang đơn vị bộ đội khác. Sau này mới biết đi phục vụ bộ đội chuẩn bị chiến dịch Giải phóng Căm Pu Chia. Chúng tôi còn được chụp chung với các cháu Căm Pu Chia chạy sang tị nạn, rất thương các cháu.

Vẫn những bài ca lính tráng như *Chiếc gậy Trường Sơn; Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây; Anh ở đầu sông, em cuối sông; Hành khúc ngày và đêm; Cuộc đời vẫn đẹp sao, Ta ra trận hôm nay...* đi đâu cũng được anh em chiến sĩ nhiệt liệt hoan nghênh.

Đêm ngủ. Bộ đội phải đóng cọc làm hàng rào xung quanh, cho các ca sĩ ngủ trong lồng để bảo vệ. Lính Khơ Me Đỏ hồi đó rất hay phục kích bắn tỉa. Không được tự tiện ra khỏi lồng, muốn đi vệ sinh phải có bộ đội đi theo bảo vệ. Có lần anh Mạnh Hà không biết quy định, một mình tự đi vệ sinh, bộ đội nghiêm khắc kiểm điểm phê bình: “*Rất nguy hiểm! Lần sau đồng chí đi phải báo chúng tôi*”. Diễn ở nơi biên giới trước họng súng của Khơ Me Đỏ nguy hiểm thật. Kể cả đi vệ sinh có bộ đội bảo vệ, anh em cũng không dám. Chờ đến tối tới nơi diễn, tìm chỗ vắng rúc vào bụi đi thật nhanh. Có người đi ngoài dã chiến dẫm phải phân, đang diễn thấy mấy con chó chạy ra ngửi phân. Chó ngửi phân cũng mặc, anh em vẫn say sưa biểu diễn.

Đi diễn cho bộ đội, thương lắm. Có lần sân khấu dựng sát hồ. Thầy Đức Tùy độc tấu đàn nhị bản *Bèo dạt mây trôi*, thầy đàn quá hay. Bộ đội la âm âm: “*Chiếu lại đi!... chiếu lại đi!*”. Thầy vừa cúi chào vừa đi lùi, cứ thế lùi mãi và... rơi tõm xuống hồ.

Từ năm 1979 đến năm 1984 đánh nhau lớn biên giới phía Bắc. Đoàn Ca nhạc Trung ương nhiều lần lên biên giới phía Bắc hát động viên bộ đội ở Hà Giang, Lai Châu, Lào Cai, Điện Biên. Có nơi cuộc chiến vừa tan buổi chiều, sáng sau chúng tôi tới. Các anh bộ đội chỉ cho tôi vết máu còn vương trên cỏ, lá ven lối đi.

Đã đi biên giới là phải lên chốt, không đi giả đò, diễu loanh quanh các thị xã thành phố rồi bảo đi biên giới. Đường lên chốt cheo leo hiểm trở cũng cứ đi. Tôi nhớ lần lên một chốt ở Hà Giang, không thấy đường. Ô tô đi giữa cỏ mọc um tùm. Có ô tô bộ đội đi trước dẫn đường. Ô tô chở diễn viên cứ bám vết ô tô đi trước, chệch là rơi xuống vực. Xe lắc quá, mọi người phải xuống đi bộ. Xuống xe, đứng dưới đất nhìn cái xe rung lắc nhiều khi muốn đứng tim. Lên chốt, các anh bảo thắng trước Trung Quốc vừa đánh sang, sân này ngập máu. Không sợ nhưng mà buồn. Buồn quá. Vì biết nơi đây vừa có rất nhiều bộ đội đã hy sinh.

Có lần đi Điện Biên ngược Lai Châu về Lào Cai. Xe ô tô quá kém, bị nổ lốp. Cả đoàn nằm nhịn đói giữa đường. Đến bốn giờ sáng phát hiện một cái chợ ven đường. Chợ có mái lều, có các tấm phản đặt trong lều. Mọi người mừng quá chui vào chợ chia nhau vào các lều, ngả lưng trên các tấm phản mà ngủ. Ngủ chưa đầy một tiếng tự nhiên thấy tiếng người quát: *“Dậy! Ai cho ngủ đây hả? Dậy ngay để chúng tôi làm thịt lợn còn bán”*. Té ra là mấy cái phản này là của mấy người bán thịt heo, bây giờ mới thấy áo quần, tóc tai ai cũng sặc mùi thịt heo.

Hôm diễn ở Điện Biên. Không có chỗ bằng phẳng, dùng ngay sân chào cờ làm sân khấu. Bộ đội rút cột cờ đi để đoàn diễn. Đến tiết mục tôi hát, Tuyết Mai múa minh họa. Tuyết Mai vừa mới bước ra, chưa kịp nhảy bước nào tự nhiên đứng sững, mắt trợn miêng há. Hóa ra hai chân Tuyết Mai sụp xuống hố cột cờ vừa rút, mắc kẹt trong hố.

Hôm sau chị em trong đoàn đi ra suối tắm riêng. Tìm mãi mới thấy chỗ kín có nhiều bụi cây lúp xúp trên bờ suối che chắn. Đang tắm tự nhiên ba bề bốn bên reo hò ầm lên, vỗ tay ầm ầm. Hóa ra chị em thấy mấy cây nhỏ che quanh, không biết mình ở vùng trũng, trên

cao là đường và đồi. Bộ đội, dân chúng đứng trên đường và đồi cao nhìn xuống thấy chị em văn công rõ mồn một. Mười mấy chị em như chuột lột tranh nhau chui vào bụi. Cười chết thôi.

Buổi chiều ở doanh trại bộ đội trên một chót lớn. Đang nghỉ ngơi, chuẩn bị ăn uống tối biểu diễn. Bỗng phát hiện hai người lính trẻ cứ loanh quanh vào vào ra ra không chịu đi. Thoạt đầu cứ tưởng hai ông mãnh này đang bày mưu nhìn trộm chị em, sau hỏi ra mới biết họ đóng ở chót biên giới cách đây hơn chục cây. Họ phải về thay gác, không xem được, tiếc quá nên cứ đi vòng quanh vậy. Anh Mạnh Hà nghe vậy liền nói: *“Thế thì chúng tôi biểu diễn ngay cho các đồng chí”*. Ca sĩ trong đoàn liền hát chày tặng hai chiến sĩ. Tôi nhìn thấy trong ánh mắt hai người lính ấy ngời những tia sáng của hạnh phúc. Họ chào chúng tôi rồi đi. Chúng tôi đứng nhìn theo cho đến khi bóng họ chìm trong sương núi.

Buổi chiều khó quên nhất trong đời.

Đi buôn

Thời bao cấp được đi nước ngoài mà không kèm theo buôn bán tí chút thì hoặc là người lơ ngơ hoặc là người nói phét. Tôi thuộc loại người lơ ngơ nhưng đi nhiều người ta bày cho rồi cũng biết. Buôn có bạn bán có bè, bí mật đi buôn ở xứ ta thì được, sang xứ người làm vậy dễ chết lắm. Từ quan đến dân, ở nhà làm bộ cần kiệm liêm chính, hễ xách va li đi Tây không giấu được mặt *“con buôn”*. Lúc đầu nghe nói đi buôn đã đỏ mặt, vì miếng cơm manh áo cũng phải liều, lâu ngày thành chai mặt luôn.

Tôi nhớ năm 1987 Cộng hòa Dân chủ Đức tổ chức một đoàn nghệ sĩ gồm 5 nước Xã hội Chủ nghĩa sang Phi châu biểu diễn. Phía Việt Nam có tôi. Sang đến Angola, gặp một số chuyên gia Việt Nam đang công tác bên ấy, các chú mời về nhà ăn cơm. Bữa cơm xa quê thật ấm cúng và thịnh soạn, toàn đàn ông nấu mà đủ món và rất ngon. Có canh miến, gà luộc và cả nem rán... Dân Angola rất nghèo, các chuyên gia Việt Nam cũng chỉ khá hơn một chút, đồng lương rất khiêm tốn, tôi thật thà hỏi: *“Các chú cũng khó khăn mà sao làm nhiều món thế này?”* Các chú bảo: *“Lương mỗi tháng 100*

đô thì làm sao có thể ăn thế này được. Cháu có biết hôm nay các chú đãi cháu bằng gì không? Bằng bàn chải đánh răng đấy”. Tôi cười: “Thảo nào hôm qua ra chợ, thấy dân địa phương bày bán rất nhiều bàn chải đánh răng hiệu ‘Hàm Rồng’ của Việt Nam”. Mọi người cười theo vui vẻ. Lòng trâu cũng giống dạ bò, cứ nói thật như thế vui hơn.

Cứ mỗi lần đi Tây, đầu đầu nhất là dò cho được thông tin thời điểm này đem hàng gì đi, mua hàng gì về. Tiền nong có thể mượn được, nhất là lại mượn tiền đi nước ngoài nhưng thăm dò thông tin hàng hóa mua bán mà lơ mơ rất dễ ôm nợ vào thân, không đùa được. Tôi chẳng sành chuyện buôn bán, thực sự không có khiếu, nhưng đi nhiều cũng phải nhớ.

Bảng tổng kết kinh nghiệm của dân đi nước ngoài sành điệu cho ra một cái list như sau: mang đi Nga: đồng hồ Citizen, quần bò Thái, dép tông Thái Lan hiệu Lily, áo phong cảnh mai Thái Lan, kính râm gấp, đồ trang sức bằng bạc, bột nghệ v.v... Mang về: xe máy, xe đạp, máy khâu, máy quay đĩa, quạt máy “*tai voi*”, bàn là, nồi áp suất, dây “*mai xo*”, áo bay, bút tất, túi lưới, vòng bi, phim, giấy ảnh, chậu nhôm, con búp bê lật đặt. Đi Tiệp, Ba Lan mang đi áo 3 lớp, quần bò, vàng... Mang về: khuy bấm, mũ phớt, bút tất, phéc mớ tuya, giấy bóng kính, phim, giấy, B complex, Philatop, thuốc cảm Anazil, quần áo, giày dép lỗi thời, xích, lốp, bi, vải sa tanh, súng hơi, phụ tùng xe đạp, dollar (tất nhiên mang giấu), thậm chí nhiều ông còn mua cả... vòng tránh thai, bao cao su... Đi Đức mang đi: dollar, đồng hồ Citizen, đồ trang sức bằng bạc như kẹp tóc cài đầu hình con bướm. Mang về: Xe đạp, xe máy, giấy ảnh, len, áo lông Đức, vải sa tanh, giày dép, tất xù nilon, kem bôi mặt, shampoo gội đầu,... hàng gì của Đức mang về cũng bán được, chỉ có lãi nhiều hay lãi ít. Đi Hung mang về được phẩm, thuốc giun. Đi Trung Quốc thì mang về chỉ thêm các màu, các con đồ chơi bằng nhựa, thuốc Bắc, sâm, nhung v.v... Đại loại thế.

Hàng hóa loạn quá không nhớ hết được, anh em phải “*sáng tác*” các bài hát liệt kê các món hàng cho dân buôn lậu lần đầu xuất ngoại. Anh Mạnh Hà nhại bài *Việt Nam - Liên Xô* của chú Minh

Hiền: “*Cành mai, kính gấp nắm tay ta cùng đi, dù bao khó nguy cành mai vẫn thẳng, đôi dép Li li thẳng hơn quần bò, chỉ có citi (đồng hồ Citizen) thì hơi bị xoàng...*”. Anh Lâm Cường nhại bài *Quê em miền Trung du* của Nguyễn Đức Toàn, bài rất dài liệt kê hầu hết các món hàng mua bán ở Nga: “*Đôm anh ở nơi đây, chẳng xa cũng không gần, nào mời em đến đó/ Thương vạ anh đây, trông bề ngoài thế thôi, nhưng lại giàu nhất Mát (Moscow)/ Đôm anh thật là sang, vì... với món hàng, lại cộng thêm máy tính/ Đi về cơm bữa, anh chuyển vài computer, là sẽ có mười ‘tờ’ (1 tờ = 1 vé = 100 dollar)/ Từ mờ sáng tinh mơ, anh đã đi ‘đánh hàng’, mãi tới tận sân bay...*”.

Ngồi trên máy bay anh chị em trong đoàn đều xì xầm to nhỏ trao đổi nhau về đem hàng nào đi để bán và mua gì về để bán có lời nhiều. Ai nấy ngồi lo không biết hàng họ mang đi có bán được không, không bán được hàng tiền đâu mà mua hàng về, mà mua hàng về mới quan trọng. Khi xe ô tô đoàn vừa đỗ ở sân khách sạn, thấy thương lái Nga, nhiều người gọi đùa là Nga ngổ, đứng chờ sẵn là biết Nga vẫn cần hàng Việt Nam. Anh em nhón nhác mừng hết lớn. Vừa về khách sạn nhận phòng đã nghe chuông reo điện thoại từ các phòng thông báo giá cả cho nhau rất nhanh nhẹn.

Đoàn Việt Nam năm 1985 đến Nga được diễn ở Bolsôi Theater (Nhà hát lớn Moscow) và ở khách sạn Russia (khách sạn lớn nhất của Moscow). Một ông Nga ngổ về từng phòng hỏi: “*Anh có gì?*” – “*15 cành mai, 8 quần bò, 25 kính gấp, 20 đôi dép Lily (dép tông của Thái Lan), 2 đồng hồ Citizen.*” - “*Thế anh lấy cái gì?*” - “*Nồi áp suất, dây mai xo, bàn là, áo bay, giấy ảnh*”. Nga ngổ tính toán rất nhanh, nói: “*Của anh đổi ra từng này nồi áp suất, từng này áo bay, từng này bàn là. Tối nay anh mang hàng đến Bolsôi Theater... tôi sẽ trao cho anh đủ*”. Tối đó mang đồ đến Nhà hát, diễn xong thấy túi đồ mang bán của mình được thay bằng túi đồ mang về. Đầy đủ hết tất cả.

Bán buôn với Nga ngổ thật sướng, khỏi phải lo bị lừa. Gặp đám dân phe các nước khác rất dễ bị lừa cho trắng mắt. Năm 1981 Đoàn Nhạc nhẹ Trung ương được sang tập huấn ở Ba Lan, Tiệp Khắc 2 tháng. Vừa sang Ba Lan là mọi người mang hàng đi bán hoặc mang

tiền dollar, vàng ra chợ bán. Anh Thịnh béo nhanh nhất, mới sáng ra đã bán xong hàng họ rồi. Về hotel, anh Thịnh giở tiền ra đếm, về khoái chỉ ra mặt, vừa đếm vừa giở tiền lên phía cửa sổ ngắm vì lần đầu tiên mới nhìn thấy tiền Ba Lan. Bỗng gió ngoài cửa thổi nhẹ vào, anh Thịnh thấy số 0 cuối cùng của tờ tiền lắc lư, rồi rụng xuống. Hóa ra cậu Ba Lan láu cá đã dán thêm con số 0 vào tờ tiền. Mặt anh Thịnh méo xẹo, anh chửi um lên. Coi như chuyển đi này lỗ vốn.

Anh Mạnh Hà cũng bị vô đầu như thế khi đến Ba Lan. Anh đi bán vàng, đổi dollar lấy tiền Ba Lan. Cứ 1 dollar ăn 2000 Zloty. Cầm xấp tiền 20 ngàn Zloty toàn tiền 2000 chưa nóng tay, cũng giống như anh Thịnh, anh Mạnh Hà thấy con số 0 cuối lắc lư rồi bay mất. Đau hơn hoạn. Hôm khác, anh Mạnh Hà ôm xấp áo cánh mai đi bán. Thằng phe Ba Lan trả 20 nghìn Zloty. Bán, mừng thấy lời to. Chẳng dè kiểm tiền chỉ thấy mấy đồng thật kẹp ngoài, trong là giấy báo. Ngẩng lên nó đã chạy. Anh Mạnh Hà đuổi theo, vừa đuổi vừa hét. Công an Ba Lan tuýt còi chạy theo anh. Anh nghĩ bụng có thể ông công an Ba Lan này là cánh hầu của thằng phe kia, khéo không họ bắt mình tổng giam thì toi. Anh Mạnh Hà không dám đuổi nữa. Chấp nhận mất trắng.

Dân mình cũng láu không kém. Được mấy năm đầu hàng hóa mang sang còn nghiêm, sau rồi thật giả bất phân tùm lum. Đồng hồ Seiko mạ vàng giả, đeo được hai bữa vàng tróc vảy như cá vàng tróc vi trông rất ghê. Áo băng đạn (áo có 4 túi hộp) màu đen, sơ mi đen mang đi, có người lấy giặt thử đen ngòm cả bề tấm người ta. Kính gập một thời gian tróc màu, trong veo, chẳng nhìn thấy gì cả. Được cái áo cánh mai có vẻ thật, sau rồi cánh mai Tàu đưa sang cả tấn, mặc được hai hôm thì bọt màu đứt chỉ trông rất thảm.

*

Những năm chiến tranh người Việt Nam ra nước ngoài, hồi đó chỉ loanh quanh các nước Xã hội Chủ nghĩa, đi đâu cũng được nể trọng. Sau hòa bình, người Việt đi đâu giống như lũ quét hàng hóa, dân bản địa sợ chết khiếp. Hàng hóa ngày một khan hiếm, tìm mua rất khó. Vừa nhác trông bán ở cửa hàng này, chạy về lấy tiền quay

lại đã hết sạch. Đi mua hàng mà kéo nhau lũ lượt cùng đi thì lấy đâu cho đủ hàng, vì vậy phát hiện được “mỏ” hàng phải giấu kín, thậm chí phải bày kế “*nghi binh*”.

Cái thời áo bay Liên Xô người Việt rất hâm mộ. Liên Xô sản xuất không kịp, hàng áo bay luôn “*cháy chợ*”. Một lần thấy hai anh trong đoàn ôm về hai đồng áo bay mọi người lác mắt. Hỏi mua ở đâu, người bảo metro số 6, người kia bảo metro số 4. Hai ông nói hai nơi chẳng biết đường nào mà lần nhưng nóng ruột cứ phải đi. Nhảy hết tàu điện metro số 6, lại nhảy tàu điện metro số 4. Đi kịch bản chỉ thấy bãi tha ma, đành tiu nghỉu quay về.

Thế vẫn chưa “*đau*” bằng vụ vải lanh chéo ở Tiệp. Ba ông Mạnh Hà, Quang Huy, Thịnh béo đi bát phố trung tâm Praha, phát hiện ra cửa hàng vải lanh chéo, mừng húm. Cửa hàng còn 6 súc vải sa-tanh (mỗi súc 100 mét), mua tất. Nhân viên cửa hàng khỏi phải bán lẻ thích lắm, nói: “*Mai chúng mày đến đây tao bán nữa.*”-“*OK! OK!*” Mỗi anh hai súc vác về, ném cái ụch trước sự ngạc nhiên đến sững sờ của Lê Quyên, Vũ Dậu, Chinh dù, Tuấn mũi, Phú chim... Hỏi mua chỗ nào tất nhiên không ai nói rồi. Cả nhóm “*ủ mưu*” sáng mai bám theo ba ông tướng này. Sáng sau mấy ông kia rỉ tai nhau: “*Anh ạ, họ rình đi theo mình*”. Vốn tài tổ chức, Mạnh Hà bày mưu ngay, nói như này như này... Rồi phân công hai người nhớn như quanh khách sạn, chui vào cửa hàng ăn sáng uống cà phê, người thứ ba tốt đi. Cả nhóm bám theo thấy đương sự cứ lù lù đi, ra công viên ngồi, cứ thế ngồi thành thoi ngấm trời mây. Đợi mãi, sốt ruột, cuối cùng biết bị lừa cả nhóm quay về khách sạn. Vừa về khách sạn đã thấy mấy ông tướng vác sáu súc vải lanh chéo ném cái ụch trước mặt mọi người.

Sau này anh Mạnh Hà là giám đốc Nhà hát Ca múa nhạc Trung ương vẫn hay kể về vụ lanh chéo. Anh nói: “*Cứ thấy dân Hà Nội ai mặc đồ lanh chéo là mình xấu hổ chết được, không dám ngược mặt lên*”.

Kiều Hưng là ca sĩ khét tiếng miền Bắc những năm bảy mươi, tám mươi. Anh bắt đầu nổi tiếng với *Bài ca trên núi* của Nguyễn Văn Thương. Từ *Bèo dạt mây trôi*(dân ca) tới *Vượt cầu Mây* của

Nguyễn Thịnh, anh có cả trăm bài được khán giả ưa chuộng. Với tôi bài *Tình ca* của Hoàng Việt anh là người hát hay nhất, không làm dáng không khoe kỹ thuật, giọng hát của anh rất đầm thắm thiết tha chân tình. Tôi gắn bó với anh từ thời học trường nhạc cho tới thời hát cho Trung tâm Thúy Nga. Mọi người và tôi vẫn gọi anh là Đĩ Lùn, anh gọi tôi là Mặt Rắn. Chẳng hiểu sao lại gọi Mặt Rắn, chỉ biết đó là biệt danh mẹ anh đặt cho anh, anh lấy đặt cho tôi.

Đi Nhật. Mấy anh chị em rủ nhau mua dây “*đăng-ten*”, loại hay viền vào quần áo phụ nữ mà không thấy Đĩ Lùn đi mua cùng. Biết Đĩ Lùn chậm chạp khéo lại phải ăn mảnh rồi. Hôm về Hà Nội, tôi đang trên đường vào đoàn trình diện đã thấy Đĩ Lùn phóng xe ra, gặp nhau ở dốc Cầu Giấy, anh hớn hờ quát trêu: “*Mặt Rắn đi làm muộn nhé!*”. Tôi nghĩ bụng, quái lạ, ông này đi làm về sớm thế nhỉ? Thì ra trưa về Hàng Đào bán mấy cuộn dây đăng ten, bà mua hàng bảo: “*Ừ, đăng ten nilon này mới đúng, chứ loại đăng ten anh Kiều Hưng bán sáng nay là đăng ten vải khó bán lắm. Quý anh ấy lắm thì tôi mua vớt hộ thôi*”. Hôm sau gặp Đĩ Lùn tôi trêu, anh cười khi khi bảo: “*Lần này ông ngu, lần sau thì chết với ông*”. Nhưng lần sau “ông” lại “ngu” nốt, Đĩ Lùn lại bị hớ. Mọi người trêu anh, nói: “*Đĩ Lùn chỉ lấy vợ là không bị hớ thôi*”.

Lệ Quyên kể: ở Ba Lan mấy ông toàn mua hàng nặng như xích, lip, vòng bi. Chị Vũ Dậu mách cho Quyên và cả đoàn mua khay bấm vừa nhẹ vừa “*thắng*”. Lúc đầu ra mua được mỗi người 20 vĩ, sau họ chỉ bán mỗi người 10 vĩ thôi. Anh Tuấn đàn bầu xếp hàng mấy lượt, bị phát hiện không cho mua. Tuấn bầu lắm bầm “*Sư mày, đã thế ông về hóa trang*”. Đang mặc áo NATO, xách túi NATO, Tuấn bầu chạy về thay áo măng tô Bộ Tài chính nặng trĩu, đội mũ phớt ra mua tiếp. Được hai lần, bà bán hàng phát hiện ra, đuổi luôn. Tuấn bầu lại lắm bầm giọng miền Trung nghe hiền khô: “*Tiên sư mày, dù sao tau cũng lừa được mày hai lần*”. Cười đau bụng.

Mũ phớt ở Nga rất rẻ, có mấy rúp một chiếc, đem về Việt Nam lải cả chục lần. Cái khó là mũ phớt đóng gói dễ bị gãy, nát. Phải cầm tay. Anh nào đi Nga về cũng ôm một chồng mũ phớt trên tay, thêm một chồng mũ phớt trên đầu. Ra sân bay người nào cũng đội một

chồng mũ phớt cao chót vót. Nào Mạnh Hà *“Thủ lợn thiu”*, Huy phô, Quyên kều, Thịnh béo, Vũ Đậu, Chinh dù... một đoàn cứ mũ phớt chót vót trên đầu, cao lênh khênh, cao lêu đêu... như đoàn hề xiếc. Tiếc là không có cái ảnh nào ghi lại cảnh này làm kỷ niệm.

Không phải khi nào đi buôn cũng thắng. Lần đi Nga, có mấy người buôn bán ở Nga nhiều nhặn nhe: *“Nghệ... bột nghệ nhé... thắng lắm”*. Tôi mang đi hai cân. Sang Nga chẳng ma nào nó hỏi. Mấy tay buôn người Nga còn không biết là gì. Kéo va ly đi giữa mưa tuyết, chẳng hiểu sao bột nghệ thấm ra cái áo dài vàng khè, dờ cười dờ mếu. Đi Lào cũng vậy. (Tôi lần đầu được làm trưởng đoàn, oách...). Chẳng biết mang gì sang Lào, một hôm u Liên vợ chú Phạm Đình Sáu từ Nguyễn Khuyến đạp xe xuống nhà tôi, vẫy tay mặt mày rất quan trọng: *“Vân ơi Vân, ra tao bảo”*. Tôi chạy ra, u bảo: *“Khỉ nhé, khỉ ba bịt”*. U làm động tác: bịt tai, che miệng, bịt mắt: *“Tao hỏi rồi, người ta bảo sang Lào thì chỉ mua tượng 3 con khỉ không nói, không nghe, không thấy là trúng nhất”*. Cả đoàn mua toàn khỉ ba bịt, sang Vientian vừa diễn vừa lo ngay ngáy làm sao tiêu thụ mấy chục con khỉ của cả đoàn. Tối hôm mọi người tập trung sang phòng anh Tuấn mũi xem ti vi, thấy trên bàn bày la liệt tượng *“khỉ ba bịt”*. Anh Tuấn mũi thành kính chấp tay vái, khấn rất thiết tha: *“Lạy trời lạy Phật, xin Trời Phật phù hộ độ trì cho con bán được hết tượng khỉ ba bịt, xin Trời Phật phù hộ độ trì!”*. Cười vỡ bụng.

Dân Việt đi buôn chán chê rồi bày trò chọc quê nhau. Sang Đức. Ra cửa hàng xe đạp, mua phụ tùng xe đạp ở Berlin. Bà bán hàng vui vẻ chào tiếng Đức *“Ha lô... ha lô!”*. Chúng tôi chưa kịp đáp bà đã xỏ ra một tràng tiếng Việt: *“Đéo có xích, đéo có bi, đéo có săm, đéo có lốp...”*. Hóa ra dân Việt xui bà nói. Mấy thằng buôn Việt láo toét đưa tiền cho bà này rồi bảo cứ thấy người Việt là mày nói luôn cho tao. Qua Nga, qua sân bay Dubai, vừa vào nhân viên quá cảnh người Ả Rập đã nói ngay: *“Chào thị Nở! Chào Chí Phèo!... vào đây. Đi lối này”*. Toàn mấy ông Việt bó láo dạy cho nó cả đấy.

Ái Xuân

Theo nghiệp ca hát của má, chỉ có Ái Xuân và tôi là bền bỉ nhất. Hát từ thuở lên mười cho đến ngày bạc tóc như má. Có lẽ vì thế mà nhà có 14 anh chị em, tôi gắn bó với Ái Xuân nhất. Yêu thương nhau, giúp đỡ nhau, bảo vệ nhau và cãi nhau cũng tới số, nhiều lần tưởng từ mặt chị em rồi lại cười he he vẫn gắn bó với nhau như thường.

Tôi đưa Ái Xuân vào chương này vì nhà tôi ở thời ca hát thời bao cấp Ái Xuân là nổi bật nhất, đủ hi nộ ái ố một thời.

Ái Xuân thua tôi ba tuổi, sinh năm 1957, ở nhà gọi là Xuân điên, việc gì cũng *“hùng hực khí thế chiến đấu”*. Tính Xuân đã thích gì thì quyết liệt làm cho bằng được, không thích ba vạn cũng bỏ. Yêu cậu bé từ thuở lên mười cho tới khi cưới làm chồng luôn, ai cản cũng không nghe. Đến khi có chuyện thì một hai bỏ cho bằng được, ai ngăn cũng không chịu.

Xuân không qua trường lớp nào, chỉ học hát với má, học đàn với thầy Út Du thế mà thành tài. Dường như nghiệp ca hát của Xuân không có gì trắc trở, làm gì thành đấy, ở đâu nên đấy. Hồi nhỏ cùng tôi làm phát thanh viên cho cả Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Giải phóng. Cùng tôi theo Gánh hát Bảo Định Giang đi diễn hàng trăm nơi, từ Phủ Chủ tịch tới Bộ đội pháo bảo vệ cầu Hàm Rồng, Thanh Hóa. Lớn lên hai chị em ít hát cặp với nhau, tôi đi học trường nhạc rồi về Đoàn Ca múa nhạc Trung ương, sau này là Nhà hát Ca múa nhạc Trung ương, Ái Xuân về hát cho Đoàn Cải lương Nam bộ, Nhà hát Cải lương Trung ương, Nhà hát Ca múa nhạc Việt Nam, Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang, Đoàn Ca múa nhạc Bông Sen rồi về giảng dạy tại Trường Cao đẳng Sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh. Ở đâu Xuân cũng *“hùng hực khí thế chiến đấu”*, thu được rất nhiều thành công.

Ca hát thời bao cấp hầu như tôi làm được gì Xuân cũng làm được cái đó, và thường làm được nhiều hơn, nổi trội hơn. Tôi đi biên giới phục vụ bộ đội Xuân cũng đi nhưng nhiều nơi hơn, nhiều ngày hơn. 1979 Ái Xuân đi biên giới phía Bắc trong những ngày mưa phùn gió bắc. Đoàn do nghệ sĩ Đinh Thìn làm trưởng đoàn, hát cho bộ đội biên giới đón Tết xa nhà. Trời rét căm căm, bước ra sân khấu

gió hun hút lạnh cóng, tê người. Nhưng thấy bộ đội ăn mặc sơ sài “*ưu tiên phía trước*”, Ái Xuân và các ca sĩ Kiều Hưng, Thanh Hòa, Mạnh Hà, Thái Bảo... cứ đứng giữa trời mưa rét hát say sưa. Có những chôt tiền tiêu không có điện, Xuân và anh em nghệ sĩ cầm loa pin đứng hát vo cho bộ đội trên chiến hào. Bộ đội vỗ tay đập nhịp hát theo, cảm động ứa nước mắt.



Ái Xuân vừa hát vừa đánh đàn

Xuân đạt các giải thưởng, các loại huy chương còn nhiều hơn tôi. Năm 1980, huy chương vàng hội diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc với *Dân ca ba miền; Lý hoài nam; Những cô gái trên quê hương quan họ* của Phó Đức Phương. Năm 1981, huy chương vàng với bộ ba dân ca ba miền *Trống cơm; Lý chuồn chuồn chuồn; Con chim manh manh*. Năm 1982, giải A1 (như giải vàng) với *Trai tài gái đảm*, một sáng tác tự biên theo điệu Xẩm huê tình, Xuân biểu diễn với đàn kìm. Năm 1985, thi ca khúc chính trị tại Berlin Đức đoạt giải Bờ câu bạc, cùng thi có Thanh Lam, Ngọc Tú và Quang Vinh.

Ái Xuân có tài cải biên và sáng tác lời theo các điệu dân ca, năm 1982 Xuân chơi đàn kìm hát bài tự biên *Trai tài gái đảm* vừa dứt cả hội trường vỗ tay như sấm rền. Năm 1984 cũng vậy, Ái Xuân đàn và hát cùng Thái Bảo, Xuân Nhung, Phương Bảo bài *Nhịp cầu nghĩa tình*, do Xuân cải biên lời mới từ một làn điệu chèo *Con gà rừng*. Một tiết mục xuất sắc tại Liên hoan Ca múa nhạc toàn quốc. Khán giả vỗ tay không dứt, bốn chị em phải chào nhiều lần, khi vào trong sân khấu khán giả vẫn vỗ tay, lại nắm tay nhau chạy ra sân khấu chào lại. Sự nghiệp ca hát được những lần như vậy còn sung sướng tự hào hơn bất kỳ một loại huy chương nào.

*

Tôi thuộc loại được ra nước ngoài biểu diễn khá nhiều, Ái Xuân còn nhiều hơn. Xuân tham gia các đoàn ra nước ngoài biểu diễn rất nhiều, số lần còn nhiều hơn cả má và tôi cộng lại. Từ năm 1980 đến năm 1987 Ái Xuân ra nước ngoài liên tục, hết đi Liên Xô lại về Nhật Bản, rồi Bulgaria, Tiệp Khắc, Đông Đức, Lào, Ấn Độ, Triều Tiên, Trung Quốc, Thụy Sĩ, Pháp và nhiều nước châu Âu khác. Đời một nghệ sĩ được như thế có thể nghĩ đến chữ vinh được rồi, không nhiều người được như Ái Xuân, có thể nói thẳng là rất hiếm.

Năm 1974 Ái Xuân lần đầu tiên được xuất ngoại, đi Pháp biểu diễn với các nghệ sĩ của hai miền Nam - Bắc, chú Công Thành làm trưởng đoàn, lúc đó Xuân mới 16 tuổi. Diễn cho Việt kiều Pháp tại Paris, bà con mê lắm, diễn đi rồi diễn lại, đêm nào cũng bis. Một lần Xuân vào vai con gái ông già Mán ở vở cải lương *Nghĩa quân*

Lam Sơn, đeo cái gùi ra sân khấu thấy nặng trĩu, không giống như khi tập. Diễn xong toát cả mồ hôi, mới biết các anh trong ban văn nghệ Việt kiều bỏ đồng đá vào gùi, họ hay trêu phá những nghệ sĩ mà họ yêu mến như vậy.

Ái Xuân có một nỗi khổ là ông chồng hay ghen. Vợ chồng Xuân yêu nhau từ thuở bé con, gần gũi nhau từ khi còn bé, vẫn coi nhau như bạn bè, về già rồi lắm khi vẫn cãi nhau, chạnh chọc như con nít. Họ thường đi biểu diễn với nhau, chàng ở trong hồ nhạc, nàng ở trên sân khấu mà đánh mắt đưa tình với bạn diễn, lại còn nắm tay bạn diễn nữa thì coi như tiêu luôn cả buổi tối hôm đó. Một buổi Xuân hát song ca với anh Kiều Hưng bài: *Người đi xây hồ Kẻ Gỗ* của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý. Hai người nắm tay nhau hát, có lúc ôm vai nhau diễn. Hát xong đã thấy ông chồng đứng sau cánh gà rồi. Thế là cãi nhau, đuổi nhau loạn xạ ở sau sân khấu. Khi không có người là đá nhau, khi nào có người qua lại thì giả vờ như không có gì xảy ra. Dai dẳng cả buổi tối như vậy. Ai cũng cười, trêu họ là ông Phèo, bà Nở.

Xuân đi buôn cũng giỏi hơn tôi, mạnh vốn hơn tôi, liều hơn tôi, “*có duyên*” hơn tôi. Vì thế Xuân đi buôn cũng lắm chuyện buồn cười hơn tôi. Năm 1982 Đoàn Nghệ thuật Tre Xanh qua biểu diễn ở Tây Đức, thầy Nguyễn Văn Thương làm Trưởng đoàn. Trước khi qua Đức, đoàn dừng lại ở Moscow nên ai cũng mang hàng qua Nga bán. Hội này có loại bướm mạ bạc làm kẹp tóc hoặc đeo ở ngực, con gái Nga rất thích. Bữa đó, thầy tới gõ cửa phòng mấy chị Mai Phương, Phương Bảo... Ái Xuân cũng đang ở đó. Thầy Thương hỏi bằng giọng Huế: “*Tụi bay bán bướm chưa?*” - “*Bán hết hôm qua rồi ạ.*” - “*Răng lẹ rứa? Bán bao nhiêu?*” - “*Dạ, 2 rúp ạ.*” - “*Trời, răng cao dữ rứa. Tụi nó trả bướm tau có 1 rúp 8*”. Chị Mai Phương đàn tì bà hỏi: “*Nhưng mà bướm anh có râu không?*” - “*Con có con không, bà Hảo (cô Thanh Hảo là vợ thầy Thương) làm cách sao mà nó rụng cha hết râu rồi*”. Mọi người cười ầm lên, trêu chú: “*1 rúp 8 là phải rồi, bướm không râu bán được giá ấy là may lắm rồi anh ơi*”. Thầy Thương không hiểu cứ tròn mắt nhìn mấy ả nà dòng đang cười nghiêng cười ngả.

Ái Xuân đã chia tay người chồng, ở với con gái. Con gái cũng chia tay chồng ở với con trai. Ba mẹ con bà cháu ở với nhau, cuộc sống cũng vất vả. Ít ai biết Xuân vất vả vì Xuân cười nói vui vẻ suốt ngày. Xuân hay tạo ra tiếng cười cho mình và cho con cháu. Tính Xuân không dễ bực, giận thì nói ào ào, xong rồi thôi. Có hôm đang giận tôi bỗng có chuyện gì đó vui, gọi skype nói cười vui vẻ. Tôi nói thế quên đang giận chị à? Xuân à ừ và cười hì hì hồn nhiên như cô bé Ái Xuân thời bốn, năm tuổi cùng tôi đi hát vậy.

13

Nhạc nhẹ

Tôi rất phục ai đã đặt tên cho dòng nhạc Pop ở Việt Nam là nhạc nhẹ. Cái thời bài Tây tìm được từ như vậy là rất giỏi. Chẳng những nó Việt hóa được một dòng nhạc Tây mà còn thu tóm cả hai dòng nhạc đang bị tẩy chay là nhạc vàng và nhạc xanh. Thực ra hai dòng nhạc này là một, chỉ là cách gọi. Sau 1975 để cho lọt các bài hát bị coi là nhạc vàng, người ta gọi đó là nhạc xanh. Lại vẫn một cách gọi rất giỏi.

Như tôi viết ở chương đầu, nhạc nhẹ Việt Nam - tức dòng nhạc Tây lời ta, khởi đầu từ những năm ba mươi thế kỷ 20, với tên tuổi các nhạc sĩ: Tư Chơi, Canh Thân, Lê Yên, Văn Chung, Lê Thương, Nguyễn Văn Thương... và các ca sĩ Ái Liên, Năm Châu, Kim Thoa, Năm Phi... Họ chính là “*thủy tổ*” của nhạc nhẹ Việt Nam. Sau năm 1954, nhạc nhẹ miền Bắc tắt tiếng, nhạc nhẹ miền Nam tiếp tục phát triển.

Nói tắt tiếng là nói không ai công khai ca hát dòng nhạc này. Thực tế nhạc nhẹ chưa bao giờ tắt tiếng. Các ca sĩ miền Bắc như Vũ Dậu, Thúy Hà, Mạnh Hà, Vân Khánh đã hát những bài hát của Liên Xô như *Ca-chiu-sa; Chiều hải cảng; Cây bạch dương; Ka-lin-ka; Cuộc sống ơi, ta mến yêu người...* với phong cách tươi trẻ không khác gì nhạc nhẹ sau này. Dòng nhạc nhẹ vẫn âm thầm chảy giữa lòng chế độ với cái áo khoác che chắn của nhạc đỏ.

Cái thời “*bài Tây*” kể lại lớp trẻ khó tin. Ở miền Bắc khi nhạc đỏ lên ngôi nhạc Tây tắt tiếng, chỉ hát được bài hát của Liên Xô nhưng cũng rất hạn chế trong khu vực nhạc đỏ. Về sau có một đôi bài của Cu Ba, Liên Xô và Đông Đức. Sau năm 1975 tình trạng bài nhạc Tây vẫn không có gì thay đổi. Ở miền Nam nhạc nhẹ tạm thời lắng lại, các nghệ sĩ miền Nam thúc thủ ngồi ngóng xem nghệ sĩ miền Bắc làm gì để mà làm theo. Phải đến năm 1979 chiến tranh biên

giới Tây Nam và phía Bắc bùng nổ, nhu cầu ca khúc chính trị lên cao, đồng thời các nhóm ca khúc chính trị ra đời cả Nam lẫn Bắc. Những ca khúc *Hãy cho tôi lên đường*, *Lời tạm biệt lúc lên đường*, *Bài ca người lính*, *Đồng đội*, *Những ánh mắt mang hình viên đạn*, *Ngày mai anh lên đường...* làm tinh thần người lính và tình yêu tổ quốc lên cao như thời trước năm 75. Tôi không biết ai đã sáng kiến ra Nhóm ca khúc chính trị, thật tuyệt vời! Cũng như đặt tên cho nhạc Pop là nhạc nhẹ, Nhóm ca khúc chính trị là sáng kiến tuyệt vời cho dòng nhạc nhẹ có nơi cư trú và tỏa sáng. Nhạc nhẹ dưới cái tên Ca khúc chính trị bắt đầu sinh sôi nảy nở. Sự phát triển rầm rộ của các Nhóm ca khúc chính trị, được Nhà nước thừa nhận và khuyến khích, thậm chí có cả liên hoan ca khúc chính trị, là cái có tuyệt vời cho nhạc nhẹ hồi sinh.

Cũng năm 1978 nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương là Hiệu trưởng trường Âm nhạc Việt Nam kiêm Giám đốc Nhà hát Ca múa nhạc Việt Nam. Có gần mới biết, hiếm có ai có tầm nhìn sắc bén, cao và rộng đối với âm nhạc nước nhà được như thầy Nguyễn Văn Thương. Thầy Thương học ở Đức về tiếp thu được nhiều cái mới, nhìn thấy nhu cầu không thể thiếu của nhạc nhẹ, đặc biệt với lớp trẻ, thầy quyết tâm hồi phục nhạc nhẹ. Thầy đã đưa các học trò của thầy từ Nhạc viện về Nhà hát mà thầy đang làm Giám đốc. Để đưa những học trò vừa ý về Nhà hát thầy cũng bày đủ mưu chước chẳng dễ dàng gì. Có người thầy phải đấu tranh quyết liệt mới được, như trường hợp anh Quang Thọ. Nhà hát Ca múa nhạc của thầy Thương lập các nhóm xung kích, tương tự như các nhóm ca khúc chính trị, đi biểu diễn khắp nơi. Từ đó cái tên nhạc nhẹ ra đời, đồng thời ra đời luôn Đoàn Nhạc nhẹ 1 với các ca sĩ: Mạnh Hà, Quang Huy, Lê Quyên, Vũ Dậu... Sau đó chú Nguyễn Văn Thương “triệu” tôi từ Nhà hát Tuổi Trẻ về, rồi Quang Thọ về nên phát triển thành lập thêm Đoàn nhạc nhẹ 2. Ít lâu sau đi biểu diễn thì ca sĩ đoàn 1, đoàn 2 nhập luôn thành một đoàn.

Nhạc nhẹ miền Bắc thực sự hồi sinh từ đó.

Hồi sinh

Người có công với nền nhạc nhẹ ngoài Bắc là nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương. Sau này, người gắn bó với nhạc nhẹ và có công nữa là anh Mạnh Hà. Anh Mạnh Hà bắt đầu nổi tiếng với các bài hát *Cùng anh tiến quân trên đường dài* của Huy Du; *Chiếc gậy Trường Sơn* của Phạm Tuyên. Sau này anh nổi tiếng với quá nhiều bài hát. *Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây* của Hoàng Hiệp (thơ Phạm Tiến Duật); *Ngày mai anh lên đường* của Thanh Trúc - Lê Giang; *Người Zdi-gan đừng buồn* (nhạc Nam Tư) v.v... Có lẽ bài hát Mạnh Hà nhớ đời là bài *Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không* của Phạm Tuyên, anh thu ngay trong đêm 29/12/1972 cùng phần đệm piano của nhạc sĩ Hoàng Mãnh. Năm đó, sau đợt B52 tới về Hà Nội, bài hát đầu tiên tôi nghe được chính là bài anh hát. Với một không gian và cảm xúc thời đó, bài hát vang lên như kinh thánh, đầy xúc cảm thiêng liêng.

Sau một thời gian làm phó, Mạnh Hà lên thay thế nhạc sĩ Trịnh Lộc làm trưởng Đoàn Nhạc nhẹ 1, đầu tiên là làm một cuộc cách mạng đóng mở màn. Trước đây cứ xong một tiết mục là đóng màn, sang tiết mục mới lại mở màn. 14 tiết mục là có 14 lần đóng màn mở màn. Để phù hợp với phong cách nhạc nhẹ anh Mạnh Hà cho để nguyên sân khấu từ đầu tới cuối, lúc đầu còn tắt đèn sáng đèn, sau cứ để sân khấu trần xì thế mà diễn. Nó có vẻ như chuyện nhỏ, chuyện vặt nhưng thực sự là một cuộc cách mạng cho sân khấu ca nhạc, không chỉ riêng nhạc nhẹ.



*Nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương bên các học trò cưng. Từ trái qua:
Quang Thọ, Lê Quyên, Ái Vân, Quang Huy*

Thứ đến là nhạc đệm. Trước đó ban nhạc đệm rất nghèo nàn, chỉ có một Guitar điện, một Clarinet, một Contrebass. Trống tây, kèn tây, đàn Organ (còn gọi là đàn Keyboard) chỉ được đệm hỗ trợ ở hồ nhạc hoặc ở trong cánh gà, không được lên sân khấu. Nhưng nhạc nhẹ là hát kết hợp với diễn, trong khi trống tây, kèn tây, đàn Keyboard rất dễ làm sân khấu sinh động và hấp dẫn nhờ sức diễn của nó. Được thầy Nguyễn Văn Thương đồng tình và khuyến khích, anh Mạnh Hà lặng lẽ đưa cả dàn nhạc điện tử lên sân khấu. Mấy ông bảo thủ phê phán thì Mạnh Hà nói: *“Các nước Xã hội Chủ nghĩa người ta dùng dàn nhạc điện tử từ lâu rồi. Không tin sang Liên Xô mà hỏi”*. Nhờ có dàn nhạc điện tử được lên sân khấu cùng ca sĩ, nhạc nhẹ đã cất cánh.

Sau lưng và xung quanh anh Mạnh Hà là các ca sĩ gạo cội của Đoàn Nhạc nhẹ 1 thời bấy giờ, đó là Quang Huy, Vũ Dậu, Lê Quyên, rồi Quang Thọ và cả tôi nữa... ủng hộ hết lòng những cải cách của anh, đồng thời cùng với anh Mạnh Hà đẩy nhạc nhẹ miền Bắc lên một tầm cao mới. Đầu tiên anh Quang Huy đi tiên phong trong việc hát bài hát của nhạc sĩ trong Nam ngày xưa, là bài *Tôi đưa em sang sông* của Y Vân, kế đến tôi hát bài *Chiếc lá cuối cùng* của Tuấn Khanh (nhạc sĩ Sài Gòn trước 75). Không gian âm nhạc được mở rộng tới nhạc tiền chiến, nhạc của Đoàn Chuẩn, Từ Linh, Văn Cao. Tuy chỉ một ít bài được chọn lọc rất kỹ nhưng đã được khán giả nồng nhiệt đón chào. Anh em trong đoàn nhạc nhẹ vô cùng phấn chấn.



*Ca sĩ nòng cốt của Đoàn Nhạc nhẹ 1: Mạnh Hà, Vũ Dâu, Lê
Quyên, Quang Huy*

Nhạc nhẹ vẫn gặp vô số chỉ trích, thậm chí cấm đoán. Tôi nhớ lần hát ở Thăng Bình - Quảng Nam, anh Quang Huy đang hát *Tôi đưa em sang sông* bỗng nhiên điện tắt phụt, tưởng mất điện, té ra ông Sở Văn hóa cấm hát bài đó, ra lệnh cắt điện. Nhưng anh em không nản, vẫn cứ hát. Mọi người đua nhau vừa hát vừa nhảy. Mỗi lần muốn nhảy anh Mạnh Hà lại hỏi: “*Nhảy có được không ạ?*”. Khán giả ồ lên: “*Có! Có!*”. Thế là nhảy. Nhiều ông kêu ca nhảy nhót lai căng, anh Mạnh Hà cãi: “*Đó là tiêu chuẩn của ca sĩ các nước Xã hội Chủ nghĩa bây giờ!*”. Đúng lúc ti vi phát rất nhiều phim ca nhạc, ca sĩ Tây nhảy loạn cả lên, mấy ông bảo thủ cũng dần im tiếng.

Đã nhảy tất phải hát nhạc Tây mới hợp. Thoạt đầu nhảy bài “*Tây Cu Ba*” là *Vacilon que rico vacilon, Goantanamera*, sau cứ nhảy đại, bài gì cũng nhảy. Nhạc Tây lúc đầu chỉ rụt rè dùng nhạc Liên Xô, Cu Ba, Đông Đức. Từ khi anh Mạnh Hà hát bài *Người Zdi-gan đừng buồn* nhạc của Nam Tư rất thành công, thấy không ai “*thắc mắc*” gì anh em tiến lên xóc tới tải bài Tây về ầm ầm. Tôi hát *Lay all your love on me* của ABBA có cả Trần Bình – Tuyết Mai và nhóm múa nhảy minh họa. Tôi còn liều mạng nhảy sang hát nhạc của Mỹ nữa, như *Woman in Love* của Barbara Streisand; *You're my heart, you're my soul* của nhóm Modern Talking. Lê Quyên thì hát *All at once* của Whitney Houston; *Words* của nhóm Modern Talking, rồi *Hasta Manaña, SOS, One of us* của ABBA...

Các anh Trung Kiên, T.H, Mạnh Hà chuyên môn đặt lời Việt cho các bài hát. Anh Mạnh Hà đặt lời Việt rất tài. Bài *Vì sao anh ra đi* ai cũng khen lời Việt còn hay hơn lời Tây. Tôi thì chuyên “*trị*” những bài hát Nga: *Triệu bông hồng, Đàn sếu, Ánh trăng...* và một số nước khác như *Koibito Yo* (Nhật), *Vì sao anh ra đi* (Porque te vas, Tây Ban Nha)... Chị Vân Khánh chuyên trị *Siboney, Guantanamera* nhảy rất máu, nhảy văng cả guốc, tụt luôn chiếc guốc kia ném đi nhảy chân trần. Chị Thanh Hòa đánh Đông dẹp Bắc với *One way ticket* của nhóm Boney M. Thanh Hòa có chất

giọng nữ trung, rất khỏe. Chị cao mà gầy, hồi đó người gầy bị coi là không đẹp, vì vậy Thanh Hòa đi hát thường mặc độn thêm 2 quần dài ở trong cho “đùi to”. Cuối bài chị thường nhảy tung bồng kiêu co giò lên chạy như vận động viên điền kinh, rất “máu”.



Ca khúc của ABBA “Lay all your love on me” với Tuyết Mai múa minh họa

Từ năm 1983 phần hát đều có minh họa múa. Đây là một đột phá trong nhạc nhẹ, theo sự hiểu biết của tôi thì duy nhất điểm này miền Nam chưa có. Tôi không rõ ai sáng kiến ra múa minh họa làm cho tiết mục sinh động hẳn lên. Có lẽ anh em nhìn thấy bên văn nghệ quần chúng hay làm, thoát đầu thì chê là quê, là văn nghệ quần chúng, sau vận dụng thấy hay hay, thế là học nhau làm theo cả. Về múa minh họa của Đoàn Nhạc nhẹ phải ghi công của Trần Bình và Tuyết Mai. Họ đã nghĩ ra nhiều màn múa minh họa thật đặc sắc, nâng cấp chất lượng biểu diễn ca nhạc lên bội phần. Đoàn nhạc nhẹ ngoài phần solo của mình rồi, còn hát đệm cho nhau nữa. Ví dụ tôi hát thì Mạnh Hà đứng sau cầm súc sắc hát đệm. Lệ Quyên hát thì Quang Huy và tôi hát bè cho Quyên. Có Trần Bình và Tuyết

Mai, về sau thêm đội múa hùng hậu gồm Lê Vi, Thanh Diệp, Mai Anh, Ngọc Bích, Kim Hạnh, Anh Tuấn, Linh... nhảy minh họa khán giả cả Nam lẫn Bắc đều mê tít.

*

Năm 1975, Trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn từ thời cũ đổi thành Trường Quốc gia Âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1981 đổi thành Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ môn Thanh nhạc của trường chủ yếu đào tạo dòng nhạc classic giống mô hình Nhạc viện Hà Nội. Thành phần giảng viên thoát đầu từ ngoài Bắc vào và tốt nghiệp nước ngoài về. Lúc này dòng nhạc miền Nam đang theo dòng nhạc classic của miền Bắc. Có thể nói nhạc nhẹ miền Nam đang ảm đạm và chỉ tỏa sáng bằng những ngôi sao đơn lẻ. Những năm 1981, 1982 chị em Bảo Yến, Nhã Phương cùng Ngọc Bích, Thy Nga đã bắt đầu tung hoành khắp nơi trên sân khấu phía Nam với phong cách nhạc nhẹ rồi. Tôi còn nhớ mãi hình ảnh Nhã Phương hát “*Bang Bang*” vừa kéo đàn violon rất ngọt, hay Ngọc Bích với “*Lời tỏ tình mùa Xuân*” hát lời cuốn vô cùng.

Nhờ nhạc nhẹ miền Nam đang ảm đạm chưa bùng nổ, sân khấu ca nhạc ngoài Bắc mà tiêu biểu là Đoàn Ca múa Nhạc nhẹ Trung ương thành công vang dội bởi từng ngôi sao không chỉ biết tỏa sáng cho riêng mình, mà mọi người đã kết hợp với nhau, phụ họa cho nhau một cách tự nguyện, ăn ý và vô cùng ấn tượng. Điều đó làm nên thành công vang dội khiến Đoàn Ca múa Nhạc nhẹ Trung ương đã làm mưa làm gió suốt nhiều năm của thập kỷ 1980, đánh đâu thắng đó. Hà Nội vốn khó tính nay nhiệt liệt đón chào Đoàn Ca múa Nhạc nhẹ Trung ương. Phòng vé hôm nào cũng trong tình trạng “*cháy vé*”.



Đoàn nhạc nhẹ trong chuyến lưu diễn năm 1986

Hôm diễn ở Công viên Thống Nhất, đang diễn mưa tầm tã, khán giả không ai bỏ về, họ núp dưới gốc cây, nấp ở hiên nhà để xem bằng được. Năm 1981 đoàn nhạc nhẹ được “*thử lửa*” một chuyến xuyên Việt. Đi diễn cuốn chiếu bắt đầu từ Huế đi thẳng vào Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Tuy Hòa, Phan Thiết, ngược lên Ban Mê Thuột, Đắk Lắk. Sau đó đi vào các tỉnh miền Tây Nam Bộ: Kiên Giang, Hà Tiên, An Giang, Đồng Tháp rồi chặng cuối ở Sài Gòn... Không nơi nào khán giả không đón chào nhiệt liệt.

Đoàn đi trên chiếc xe Ba Đình cũ kỹ, trang bị của đoàn rất yếu. Loa chỉ có 2 loa sắt, 2 loa thùng của Đức, nghe rất “*phọt phẹt*” (theo cách nói của Dương Minh Đức, tức Đức ché), ra ngoài trời gần như không nghe được, tới đâu phải tăng thêm loa sắt của địa phương. Ánh sáng thì như người toét mắt, tối mù, mỗi khi đến những bài nhạc sôi nổi thì lấp giấy bóng kính xanh đỏ rồi tắt bật hoặc một người đứng xoay xoay cái filter lấp giấy màu theo tiếng nhạc xập xình một cách rất đơn sơ. Thế nhưng đoàn đã được khán giả đón chào nồng nhiệt theo cách không thể tưởng tượng được, quả là như một giấc mơ. Nơi nào cũng diễn hai, ba suất. Đặc biệt lên Pleiku có hôm diễn 4 suất: sáng 1, chiều 1, tối 2. Hồi này đa số đều diễn ở sân khấu ngoài trời, có những lúc trời mưa, mọi người vẫn xếp hàng chờ mua vé, dứt khoát không chịu về. Diễn ở Ban Mê Thuột, ngày hai suất, suất 1 diễn xong khán giả chờ ngoài rất đông để xem suất 2. Khi mở cửa xem suất 2 là ào hết vào, xô đẩy nhau. Anh em hậu đài phải cầm thùng đi nhặt giày dép trả lại cho khán giả.

Sau chuyến đi xuyên Việt thành công, Đoàn Nhạc nhẹ năm nào cũng có ít nhất một lần đi biểu diễn xuyên Việt, chưa lần nào thất bại. Các nghệ sĩ hát hết mình, tìm cách đổi mới phong cách hát và múa, hát và nhảy, phối khí và nhạc đệm đều có những bước tiến dài. Công lớn về hòa âm thuộc về nhạc sĩ Quang Vinh cùng ban nhạc với Thịnh béo (trống), Hà củi (guitar bass), Chinh dù (guitar), Tuấn mũi, Kim Ly (đàn keyboard), Quốc Trường (trumpet), Phú chim (saxophone), Trịnh Lộc (clarinet) cùng với dàn violon gồm Đỗ Nhự, Anh Tuấn, Nhật Tiến v.v...

Những năm 1980 - 1982 nhạc Việt được mùa giải quốc tế. Khởi đầu là Đặng Thái Sơn được *giải Nhất* trong cuộc thi Chopin ở Ba Lan 1980, Tôn Nữ Nguyệt Minh đoạt *giải Ba* tại cuộc so tài B. Smetana ở Tiệp Khắc, rồi đến Ái Vân đoạt *Giải thưởng lớn* ở cuộc thi International Schlagerfestival Dresden 1981, Lê Quyên được *Giải hát bài Tiệp Khắc xuất sắc nhất* trong cuộc thi Intertalent ở Tiệp Khắc năm 1981, Dương Minh Đức (Đức ché) được *giải Ba* trong cuộc thi Hoa cầm chuông ở Xô Tri thuộc Liên Xô cũ năm 1982, Lê Dung được *giải Người hát dân ca hay nhất* trong cuộc thi Tchaicovsky ở Liên Xô. Nhờ hàng loạt giải thưởng quốc tế mà cuối năm 1981 Giám đốc Nhà hát Nguyễn Văn Thương cho Đoàn Ca múa Nhạc nhẹ đi diễn báo cáo xuyên Việt. Đó là chuyến đi cực kỳ đáng nhớ.

Chuyến đi thành công chưa từng thấy. Nhờ báo chí đưa tin các giải thưởng âm nhạc, khán giả đi xem rất đông, ở bất kỳ nơi nào cũng diễn hai, ba suất một ngày. Mệt mà vui, có nhiều tiền lại càng vui. Vui nhất là được chú Võ Văn Kiệt đón tiếp Đoàn Ca múa Nhạc nhẹ rất nồng nhiệt. Chú Võ Văn Kiệt lúc đó là Bí thư Thành ủy Sài Gòn, quyết định đón đoàn như đón đoàn khách những nghệ sĩ đạt giải quốc tế. Chú cho Đoàn nghỉ ở khách sạn rất sang ở đường Nguyễn Trung Trực, giao cho Sở Văn hóa có trách nhiệm đưa đoàn đi thăm quan và biểu diễn. Chú thay mặt Thành ủy tặng anh em trong đoàn mỗi người một bộ áo quần, nữ áo dài, nam comple. Chú còn mời cả đoàn về tư gia chú nhậu chơi.



Từ phải: nghệ sĩ Bích Ngọc, Lê Quyên, ca sĩ Đức, Ái Vân trong lần đưa Lê Quyên đi thi Ca nhạc nhẹ quốc tế, 1982

Tôi nhớ mãi hình ảnh Bí thư Thành ủy mặc quần soọc trắng đạp xe đạp đi trước dẫn ô tô của Đoàn về nhà. Khi Đoàn rời Sài Gòn, bắt ngờ được lệnh chú Võ Văn Kiệt để xe lại cho thành phố đại tu, còn Đoàn thì đi máy bay về Hà Nội. Cái xe Ba Đình được đại tu 100%, thay toàn bộ ghế và nội thất, xe được sơn lại hai màu trắng / đỏ chéo nhau mà anh em trong đoàn gọi đùa là xe “*đầu cứu thương, đít cứu hỏa*” là một kỷ niệm nhớ đời của Đoàn Ca múa Nhạc nhẹ với chú Võ Văn Kiệt.

Tôi ca hát 50 năm có dư, gặp gỡ rất nhiều lãnh đạo, chưa thấy một nhà lãnh đạo nào quan tâm đến nghệ sĩ chân thành nhiệt tình và thiết thực được như chú Võ Văn Kiệt. Ba má tôi có gốc gác miền Nam nhưng đều sinh ra và lớn lên ở miền Bắc, chú vẫn coi ba má như đồng hương gần gũi. Khi ra làm việc tại Hà Nội, thỉnh thoảng chú lại mời ba má và gia đình tôi tới ăn cơm, nói chuyện miền Nam, nói chuyện Sài Gòn thăm thiết như người nhà.

*

Thời này có thuật ngữ “*hát khoán*” nghe buồn cười nhưng có thật. Lâu nay đi hát: “*công nhật*”, anh em cứ hát còn mọi thứ bao cấp

hết. Từ ăn, ngủ đến xe cộ, rạp hát Nhà nước lo cả. Nhà nước lo thì Nhà nước thu tiền, khách đông khách ít anh em không quan tâm vì không ảnh hưởng gì đến đồng lương của anh em. Anh Mạnh Hà là trưởng đoàn nghệ thuật đầu tiên hạ quyết tâm nhận “*hát khoán*”, mọi chi phí Đoàn lo, cứ tính mỗi đêm diễn đưa về Nhà hát bao nhiêu còn lại Đoàn được hưởng. Lúc bấy giờ quen sống trong bao cấp rồi, nhận khoán là rất liều mạng nhưng anh em ủng hộ anh Mạnh Hà.

Đoàn hát khoán, mọi thứ phải lo, “*không cần thận bán cả váy xống mà ăn đây*”. Mọi người hay nhắc nhau như vậy. Đầu tiên là phải tính chuyện vừa đi hát vừa đi buôn. Nhờ có cái xe, tới đâu mua hàng chất lên ăn chênh lệch giá. Xăng miền Nam đắt hơn xăng miền Bắc. Chuyến xuyên Việt nào trên xe Ba Đình chở các nghệ sĩ cũng chở kèm 2 phuy xăng, mỗi phuy 200 lít. Vào Sài Gòn bán một phuy xăng cũng đủ tiền khách sạn cho cả đoàn ở trong mấy ngày diễn. Anh Mạnh Hà nhớ lại, nói: “*Sao hồi đó mình dốt và liều quá, mỗi phuy xăng chính là một quả bom. May trong đoàn không ai hút thuốc, không thì toi cả đám rồi*”. Tôi nhớ một lần xe cháy. Chú Phái lái xe làm chập dây ắc quy, lên đèo Hải Vân đầu xe bùng cháy. Anh em nhảy xuống liều chết dập lửa mãi mới được. Hú vía.

Một lần từ Đà Lạt về Sài Gòn đến ngã ba rẽ trái về Hà Nội, rẽ phải về Sài Gòn. Chú Phái cho xe rẽ tay trái. Đi một lúc chú kêu: “*Bỏ mẹ rồi, ngược đường!*”. Xe quay lại gặp đoàn xe, đường hẹp cứ tưởng đâm đầu vào nhau, may các tài xế tránh nhau được. Lại hú vía. Anh Bảo “*toét*” lái xe là thích nhất vì anh có “*tay lái lụa*”, đi biểu diễn mà được Bảo toét lái xe thì yên tâm, mọi người cứ việc ngủ cho đến khi đoàn tới nơi diễn. Cực kỳ an toàn xa lộ theo đúng nghĩa đen.

Đi diễn theo lối “*hát khoán*” từ trưởng đoàn tới solist, từ các ngôi sao tới hậu đài người nào việc nấy xắn tay lên làm việc hết. Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, ai cũng phải làm việc... Ban ngày hậu đài trải chiếu ngay sân khấu vừa canh đồ vừa ngủ. Ban nhạc tham gia bán vé đến sát giờ diễn mới vào. Có hôm khách đông quá, mấy ông

nhạc công xé lộn vé sao đó bị khán giả đuổi đánh, chạy chí chết. Về sau ban nhạc ra xé vé người nào cũng phải đội mũ cối.



Đoàn Nhạc nhẹ Trung ương trong chuyến lưu diễn năm 1983

Diễn viên phải thay phiên nhau đi quảng cáo. Xe đoàn chở diễn viên đi a lô quảng cáo. Nếu chỉ phát tên các diễn viên ra loa sợ bà con nghi mình “*treo đầu dê bán thịt chó*”, nên trên xe quảng cáo luôn có Ái Vân, Lệ Quyên, Vũ Dậu, Quang Huy, Quang Thọ ngồi ngay đầu xe để người ta nhìn thấy. Mọi người thay nhau đọc quảng cáo ra rả suốt buổi, lắm khi khan tiếng, tôi về hát không nổi.

Có đi hát cùng nhau làm việc mới biết cái tật của nhau. Thế nên hồi này mới có bài về này được truyền tụng trong làng nhạc nhẹ: “*Ăn như múa / ngủ như ca / la cà như nhạc / bạc nhạc như hành chính / lúnh quính như hậu đài / nói dai như lãnh đạo*”. Không rõ ai sáng tác. Chắc là tổng kết từ giới văn nghệ sĩ nói chung.

Một lần đi diễn ở Quảng Ninh. Như lệ thường xe đến tất cả đều bốc đồ, diễn xong tất cả thu dọn đồ đạc. Tôi cũng bốc đồ như mọi người dù biết mình có tật đau lưng. Năm 1972 Trường Nhạc sơ tán ở Hà Bắc, tôi cùng các bạn dọn nhà kho hợp tác làm lớp học, đang khiêng bao thóc bỗng khục một cái, tôi gục ngay tại chỗ, không thể

tự mình đứng lên ngồi xuống được. Phải nghỉ học về Hà Nội chạy chữa hơn một tháng mới lành. Bác sĩ dặn không được khiêng, vác nặng, chạy nhảy nhiều. Không được nghĩ ngợi nhiều. Không được để chân và lưng lạnh. Tôi vâng dạ rồi cũng quên.

Hôm ở Quảng Ninh khiêng đồ xong, tắm rửa ăn uống tối lên sân khấu bình thường. Chẳng ngờ đang hát tự nhiên khục một cái. Tôi đứng chết trân trên sân khấu, đi không được. Phải tắt đèn hạ màn khẩn, anh em chạy ra sân khấu khiêng vào. Cả đoàn xúm lại đâm lưng. Người này bảo: “Đưa đây chị đâm cho”, người kia bảo: “Đưa đây em đâm cho”, “Đưa đây tao đâm cho”. Càng đâm càng đau, chịu không thấu. Đưa vào viện, bác sĩ kêu: “Sao cái lưng chị tự máu bầm ra thế này?”. Hi hi mới biết thế nào là yêu thương không đúng cách.

*

Từ ngày thực thi chế độ “hát khoán” thu nhập anh em tăng lên gấp mấy lần, có thể đây là thời kỳ anh em ca nhạc “giàu có” nhất. Nhưng muốn “tiền vào như nước Hà Lan” thì phải tiết kiệm làm sao để “tiền ra như nước Việt Nam mùa hè”. Mọi thứ phải tiết kiệm. Ăn tiết kiệm, ngủ tiết kiệm. Toàn ngủ nhờ trường học hoặc nhà khách cơ quan đoàn thể, đôi khi cả đoàn chia nhau “cắm lều” ngay phía sau sân khấu, chẳng khi nào dám ngủ khách sạn. Ăn thì tự túc, ai lo thân nấy. Đoàn nhạc nhẹ chia làm nhiều bếp. Mấy ông thích nhậu chung bếp với Quang Thọ.

Trái ngược với các bếp khác, bếp Quang Thọ ăn uống tung bừng nhất. Quang Thọ thích ăn ngon, lại nấu nướng rất ngon. Anh cầm cái muôi đây mỡ khua khua chọc thềm các bếp khác vừa về môi nhân đài từ rất ghê: “Hôm nay Cậu mua được tôm he nhá!” - Quang Thọ miệng cong lên - “Ngồi yên đây để Cậu xào tôm he nhá... tôm he khác tôm hùm nhá. Cậu xào tôm he với cần tây chỉ có từ ngon trở lên nhá!...”.

Quang Thọ vốn là công nhân điện mỏ than Cọc Sáu - Quảng Ninh, năm 1972 vào học Trường Nhạc, sau tôi một lớp. Học xong, Than Quảng Ninh đòi anh về cho bằng được nhưng thầy Nguyễn Văn

Thương cố giữ, thầy nói: “*Quảng Ninh không phải chỗ của thằng Thọ. Ai kiện thì tôi đi hầu chứ tôi không để thằng Thọ rời khỏi Hà Nội*”. Quả đúng vậy, nhờ ở Hà Nội, Quang Thọ nổi tiếng rất nhanh. Chỉ sau vài năm Quang Thọ đã trở thành một cái tên không thể không nhắc đến. Với một loạt bài hát “*thành công ngoài mong đợi*”, như *Tôi là Lê Anh Nuôi; Năm anh em trên một chiếc xe tăng; Tình ca; Bài ca xây dựng; Cây đàn guitar của đại đội 3; O sole mio; Sambario; Love story...* Quang Thọ vụt lớn trở thành Nghệ sĩ Nhân dân không ai “*thắc mắc*”.

Quang Thọ ham nhậu và chiều bạn. Cứ gặp bạn quen là anh đã tính nhậu trước khi bàn chuyện khác. Chuyện nhậu nhẹt của Quang Thọ có thể viết được một cuốn sách. Bạn bè vẫn nhắc chuyện Quang Thọ đi đổi thịt chín. Hồi đó cầm phiếu thịt mà đi mua thịt chín thì cứ một lạng đổi được hai lạng thịt chín. Bốn chàng Quang Thọ, Mạnh Hà, Dương Minh Đức, Quang Huy góp phiếu thịt được 4 lạng, giao cho Quang Thọ cầm phiếu lên Ô Chợ Dừa đổi lấy 8 lạng thịt chín. “*Cậu Thọ*” đi buổi trưa, 2 giờ chiều không thấy, 3 giờ chiều không thấy, 6 giờ chiều không thấy... anh em từ chỗ sốt ruột chuyển sang lo lắng, “*Không biết thằng Thọ có việc gì không?*”. Hai ngày sau mới thấy “*cậu Thọ*” lọ mọ về. Hóa ra “*cậu Thọ*” đổi xong 8 lạng thịt thì gặp bạn cũ Quảng Ninh, cậu quên luôn mọi người đang chờ. Săn có thịt chín, “*cậu*” mua rượu đãi bạn say tít mù hai ngày sau mới tỉnh.

Người ta biết “*cậu Thọ*” làm đồ mời đãi bạn rất ngon nhưng người ta cũng chẳng quên chuyện “*cậu Thọ*” đi mua thức ăn chín Ô Chợ Dừa, mấy chục năm rồi hề anh em gặp nhau là nhắc lại cười “*bể bụng*”.



Quang Thọ, Ái Vân trong ca khúc “Hãy đến với em” thu hình tại Hà Nội

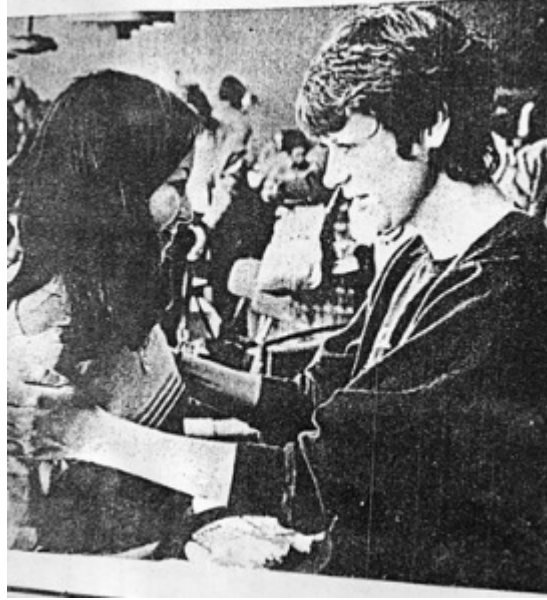
Vinh Hạnh

Năm 1981 khi tiếng vang Đặng Thái Sơn Giải nhất piano cuộc thi Chopin ở Ba Lan 1980 vẫn còn vang vọng thì Bộ Văn hóa nhận được giấy mời của Bộ Văn hóa Đông Đức mời Việt Nam tham gia Liên hoan Ca nhạc nhẹ quốc tế ở Dresden tổ chức lần thứ 10, gọi là International Schlagerfestival Dresden 1981. Đây là liên hoan ca nhạc quốc tế lớn do nước Cộng hòa Dân chủ Đức tổ chức tại Thành phố Dresden chứ không phải liên hoan ca nhạc tỉnh lẻ như một vài người nhầm tưởng. Liên hoan được tổ chức mỗi năm một lần, bắt đầu từ 1971 tại Dresden cho đến lần cuối cùng vào năm 1988. Trong thời gian đầu chỉ có các ca nhạc sĩ thuộc các nước Xã hội Chủ nghĩa. Từ khoảng giữa thập niên 1980 có thêm các nước khác như Argentina, Ấn Độ, Philippines... Mỗi nước cử đi một thí sinh. Rất may lần thứ 10 tôi được chọn đi. Tôi đoán thầy Nguyễn Văn Thương và Bộ Văn hóa chọn tôi là vì tôi đi hát nước ngoài nhiều, có vẻ có kinh nghiệm trong thi thố ở xứ người chăng?

Đoàn có 3 người, nhạc sĩ Trần Quý làm giám khảo, nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ làm quan sát viên, Ái Vân là ca sĩ dự thi. Thể lệ thi, mỗi người hát hai bài, một bài nước mình, một bài của Đức. Tất cả thời gian chuẩn bị chừng hơn một tháng. Ban tổ chức đã gửi bài của

Đức cho mình rồi, đó là bài *Mặt trời chưa bao giờ mọc như thế* (Tên tiếng Đức là *So ging noch nie die Sonne auf*) của nhạc sĩ Siegfried Schulte, lời của Dieter Lietz. Loay hoay mãi vẫn không biết chọn bài hát Việt Nam bài gì. Chưa bao giờ Việt Nam đi thi hát quốc tế cả, việc chọn bài hát thật quá khó. Anh em ở Đoàn Nhạc nhẹ cùng nhạc sĩ Phạm Đình Sáu Cục trưởng Cục biểu diễn nghệ thuật, rồi nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương bàn tính chọn bài nào có nhịp điệu, dễ nghe một chút và cũng dễ dịch sang tiếng Đức để khán giả Đức có thể cảm nhận được nội dung bài hát. Cuối cùng chọn *Bài ca xây dựng* của Hoàng Vân vì nó có nhịp valse, hợp giọng thanh thanh của tôi.

Có ý kiến nên hát *Bài ca xây dựng* bằng cả tiếng Việt và tiếng Đức để khán giả Đức hiểu và cảm nhận được. Lời *Bài ca xây dựng* muốn dịch ra tiếng Đức thì phải dịch sao vừa sát nghĩa, hay, vừa phải khớp với giai điệu. Bài tiếng Đức cũng phải có người dạy phát âm chứ tôi một tiếng Đức bẻ đôi cũng không biết. Thật may bố chồng tôi (tập 1) ở Thông tấn xã Việt Nam giới thiệu anh Nguyễn (?) Văn Đương cho tôi. Anh Đương học bên Đông Đức, sau đó là Phân xã trưởng Thông tấn xã Việt Nam ở Berlin rất lâu, vui tính, nói tiếng Đức “*hơi bị siêu*”. Tôi rất mừng. Anh Đương vui vẻ nhận lời, anh vừa dịch lời Việt ra tiếng Đức vừa dạy hát bằng tiếng Đức cho tôi. Anh Đương dạy cho tôi kỹ lắm. Lại còn phải tập bài tiếng Đức *Mặt trời chưa bao giờ mọc như thế*, bài này do cô ca sĩ người Đức tên là Gaby Rückert đã hát từ năm trước. Ban tổ chức cuộc thi gửi băng ghi âm bài hát này nên tôi chỉ cần bật băng nhạc lên hát theo. Xóm phố Huế nhức đầu vì phải nghe con bé Vân hát tiếng Đức nheo nhéo suốt ngày.



Ca sĩ người Đức Gaby Ruckert chúc mừng Ái Vân

Sang đến Dresden, hôm sau là phải bắt tay vào tập ngay. Đức có khác, làm gì cũng răm rắp. Nhạc trưởng và dàn nhạc sẵn sàng, lần đầu mỗi nước có đúng 1 tiếng để tập. Đúng giờ Đức, không được chệnh lệch, không được chậm. Tôi ở khách sạn cũng gần nơi tập (cũng là nơi thi) đi bộ mất 15 phút thôi, ngay đường chính. Đến tập lần đầu, gặp mấy người Đức tới bắt tay nói: “*toi toi toi*”, nghĩ bụng chưa thi mà đã ám nhau “*toi*” thế này. Té ra “*toi*” là chúc may mắn của người Đức... Ban tổ chức phát cái list những người dự thi và một bản thông báo thể lệ thi cùng list các giải thưởng. Nhìn một lô giải thưởng chắc lười thăm nghĩ chắc mình cái giải rút cũng chẳng được đâu. May lắm được giải khuyến khích, gọi là giải xoa đầu khen giỏi.

Các thí sinh đều được tập với dàn nhạc lớn, không phân biệt thí sinh chủ nhà hay thí sinh khách. Dàn nhạc khoảng ba chục người gồm dàn nhạc điện tử cùng cả chục cây kèn, violon và 8 người hát vocal (hát bè) cho mình. Tôi run lắm vì lần đầu tiên được hát với ban nhạc lớn như thế. Lần đầu được tập 60 phút, lần sau chỉ cho ghép nhạc đúng 15 phút thôi. Thí sinh dự thi thì chia ra làm ba buổi, tôi được xếp vào buổi thứ hai. Vé cho khán giả đi xem buổi nào có tên ca sĩ hát buổi đó, khán giả xem thích ai thì xé tên người

đó bỏ vào thùng. Mỗi đêm đều kiểm phiếu. Sau 3 đêm người nào được phiếu nhiều nhất thì sẽ đạt giải “*ca sĩ được khán giả ưa thích nhất*”. Một cách làm rất hay.

Hôm thứ hai đến lượt tôi dự thi. Buổi chiều tổng duyệt cho thí sinh dự thi tối đó. Đứng trong cánh gà chờ đến lượt, tôi nhìn ra sân khấu mà thấy ngợp. Trước đây tôi đã từng được tham gia chương trình biểu diễn tại Liên Xô, được hát với ban nhạc cả chục người. Nhưng sân khấu dự thi lần này khác hẳn với dàn nhạc mấy chục người, trang hoàng rực rỡ, ai nấy mặt mày nghiêm trọng khác hẳn bình thường. Tôi bắt đầu thấy run và lo lắng, chỉ còn biết tập trung hoàn toàn vào hai bài hát của mình và cầu mong mọi việc diễn ra suôn sẻ. Tôi mang theo hai bộ áo dài một trắng, một đỏ. Tôi quyết định chọn áo trắng là màu tôi ưa thích. Tiết mục của tôi được xếp sau một cậu người Nam Tư, từ trên cầu thang đi xuống sân khấu thấy cậu Nam Tư mặc vest trắng đang hát. Thấy trùng màu, dù biết chỉ còn vài phút nữa đến lượt mình, tôi vẫn quyết định thay áo. Tôi phi như bay lên cầu thang thay vội chiếc áo dài màu đỏ. Trên sân khấu kỳ nhất trang phục trùng màu, nhất là trong cuộc thi quan trọng như thế này. Thay áo xong là cũng vừa đến lượt ra sân khấu. Khi tiếng nhạc nổi lên, dù tim vẫn đập thình thình vì hồi hộp, vì vừa chạy leo cầu thang, nhưng dường như tôi lại cảm thấy tự tin hơn trong những giai điệu phối phối theo nhịp valse của “*Bài ca xây dựng*”, tự tin trong lời ca bằng tiếng Đức của “*Mặt trời chưa bao giờ mọc như thế*”, trong chiếc áo dài Việt Nam mang màu đỏ mặt trời... Bộ phận tổng duyệt có ban giám khảo và một số nhà báo. Các thí sinh hát trước được vỗ tay bình thường, không hiểu sao tôi hát xong tiếng vỗ tay rất nhiệt tình. Rất ngạc nhiên. Tôi nghĩ bụng: Chiến tranh qua rồi nhưng người ta vẫn thương Việt Nam, họ vỗ tay động viên thôi.

Buổi tối thi. Có đứng xem các thí sinh hát trước đó mới thấy choáng vì người nào hát tiếng Đức cũng rất hay. Tôi lại run, bụng bảo dạ: “*Chết rồi, mình là con mù chữ hát ngọng ngô thế này thì ‘toi’ của Đức khéo thành toi tiếng Việt mất thôi*”. Tuy vậy, sau chút hồi hộp lúc đầu tôi đã lấy lại tự tin vì định ninh đằng nào mình chẳng có giải rút gì, cứ biểu diễn hết mình, tới đâu thì tới. Thế là lại

phơi phới, lại bay bổng, cứ thế mà hát và trình diễn theo cách mình đã dựng bài từ trước. Chẳng ngờ tôi hát xong khán giả vỗ tay rào rào một tràng dài, sau đó họ vỗ nhịp. Ở nước ngoài, đi xem nghệ thuật, khi nào thích lắm khán giả mới vỗ tay nhịp nhịp. Tôi hát xong lên gác rồi vẫn nghe vỗ tay, vẫn cứ nhịp như thế. Xong phần thi rồi, như trút được gánh nặng, bất luận kết quả ra sao, tôi chỉ thấy nhẹ nhõm, thở phào. Thế là chạy xuống sân khấu chào lại. Cũng không ngờ tiết mục của mình thành công như thế. Cuối buổi Ban tổ chức thông báo từ hôm qua đến giờ kiểm phiếu, thấy phiếu của Ái Vân là nhiều nhất. Khắp khởi mừng thầm.

Ai đó ở ban tổ chức nhắn với anh Nguyễn Tài Tuệ và Trần Quý: Ngày mai có đối thủ của Ái Vân. Nếu cô này được số phiếu bầu khán giả thấp hơn Ái Vân thì chắc chắn Ái Vân được giải khán giả ưa thích. Tôi tiếc là quên mất tên cô “*đối thủ*” này. Chỉ nhớ cô người Tiệp vừa hát vừa đàn guitar rất hay. Cô học ở Đức mấy năm rồi, hát tiếng Đức như người Đức. Bắt đầu từ đó tôi mới có tư tưởng “*bon chen*”, ngày hôm sau chỉ đi xem người ta thi mà thấy căng thẳng hồi hộp, mất cả hay. Đến lượt cô “*đối thủ*” ra sân khấu. “*Cô này đây rồi!*”. Đứng phía dưới nghe, tôi như cuốn theo từng câu hát, tiếng đàn của cô mà thần phục quá chừng. Tiếng ca vừa dứt, tôi như bừng tỉnh, nín thở hồi hộp và... chờ. Thế rồi khắp khán phòng rộ tiếng vỗ tay nồng nhiệt, có tiếng huýt sáo đầu đó, cô cúi chào khán giả hai lần rồi đi vào. Cô vừa vào khuất bên trong sân khấu thì tiếng vỗ tay cũng vừa dứt, không có tiếng vỗ tay từng nhịp như đã dành cho tôi đêm trước. Hy vọng tràn trề.

*

Tối đó là buổi thi cuối cùng, lúc này Ban giám khảo mới họp. Vì anh Trần Quý bận họp giám khảo nên tôi rủ Nguyễn Tài Tuệ đi nhà hàng. Anh Tài Tuệ cười, hỏi: “*Có gì mà long trọng thế?*”. Tôi nói: “*Em nghĩ là em được giải khán giả đấy. Em chiêu đãi anh*”. Ngay trên lầu hai Cung Văn hóa Dresden có nhà hàng khá lớn, anh em vào đấy. Mọi người nhận ra tôi là cô thí sinh vừa thi xong, đã lịch sự vỗ tay chào. Tôi cảm thấy bất ngờ và bồi hồi nghĩ: Văn hóa Tây thật dễ chịu. Anh em kéo ghế ngồi, tôi nói với anh Tài Tuệ: “*Em sẽ*

chọn món nào đắt nhất mời anh” - “Khiếp, xin thế. Có tiền không đấy?” - “Anh yên tâm”.

Mở thực đơn ra toàn tiếng Đức, chẳng đọc được chữ nào. Tôi chỉ vào một món đắt tiền, chẳng biết món gì, đoán là món sang. Anh Tài Tuệ cũng không biết tiếng Đức nhưng nhìn giá tiền menu anh kêu lên: *“Món này đắt lắm đấy!”*. Tôi tặc lưỡi: *“Kệ, anh em mình phá đời”*. Người phục vụ tới hỏi, tôi chỉ vào món đã chọn và bảo *“zwei”* (2). Chàng ta ngạc nhiên hỏi lại *“Zwei?”* (hai à?). Rất tự tin, tôi khẳng định *“Ja, zwei”* (Vâng, 2 ạ.) Lúc sau chàng ta đem ra hai chai rượu và mở nắp một chai. Tôi xua tay: *“Nein nein nein...”*. Cả hai anh em tôi có ai biết uống rượu đâu. Chàng phục vụ ngạc nhiên nói đại ý: *“Cô chỉ cái này, tôi đã hỏi là hai phải không, cô bảo Ok”*. Khi đó tôi chẳng hiểu gì cả cứ *“nein nein nein”*. May có ông người Đức ngồi bên thương tình qua can thiệp và gọi giùm cho vài món, giá phải chăng mà lại rất ngon.

Rời nhà hàng về khách sạn lăn ra ngủ. Suốt mấy ngày làm việc căng thẳng giờ mới được giấc ngủ ngon. Khoảng gần hai giờ sáng đang ngon giấc bỗng nghe tiếng anh Trần Quý và anh Nguyễn Tài Tuệ chạy huých huých lên cầu thang, đập cửa gấp gáp: *“Ái Vân, Ái Vân... mở cửa ra... mở cửa ra...!”*. Tôi giật mình ngồi dậy: *“Có chuyện gì đấy ạ?”* - *“Grand Prix!... Grand Prix!...Em được giải thưởng lớn rồi!”*. Tôi nhào ra mở cửa, vẫn không hết ngỡ ngàng: *“Giải thưởng lớn là sao?”*. Anh Quý nói như reo: *“Grand Prix!...”* - Anh Quý nói trọ cả lưỡi - *“Là giải thưởng cao nhất em có biết không? Trên cả giải nhất nữa đấy!”*. Tim tôi lặng ngắt, sững sờ không biết nói gì. Anh Quý còn hào hứng kể thêm: *“Em còn thêm giải Khán Giả Ưa Thích Nhất nữa. Đáng lẽ em được thêm giải nữa là giải Người Hát Tiếng Đức Hay Nhất, nhưng mà Ban tổ chức bảo thôi em nhiều giải quá rồi”*.

Từ đó tới sáng tôi không sao chợp mắt. Niềm vui quá bất ngờ, chữ *“Grand Prix”* chưa bao giờ xuất hiện trong giấc mơ của tôi. Đây là cuộc thi lần 10, nhưng giải Grand Prix của tôi là giải lần thứ 9 vì trước đó có một năm không có giải Grand Prix. Nhà máy sứ Meissen lâu đời nhất châu Âu mỗi năm làm riêng một cái cúp trao

cho người được giải của cuộc thi này và chiếc cúp của cuộc thi năm ấy đến giờ tôi vẫn giữ. Sáng sớm hôm sau mới 6 giờ tôi đã có mặt ở Cung Văn hóa Dresden nơi tôi sẽ được thực hiện một số cuộc phỏng vấn với ti vi, báo chí và radio trong chương trình tin tức đầu giờ. Vừa ra tới đã nghe radio phát lại hai bài hát của tôi dự thi. Một ngày vô cùng bận rộn... Radio phát thanh trực tiếp, ký ảnh, gặp gỡ giao lưu và thu hình với cô Gaby Rückert, người hát bài *Mặt trời chưa bao giờ mọc như thế* từ năm trước, rồi báo chí phỏng vấn.... Đến chiều thì một ca sĩ, một ông bầu Tây Đức, muốn gặp để ký hợp đồng sang Tây Đức biểu diễn, thu đĩa. Tôi rất mừng, nhưng tôi không biết tiếng Đức, cả tiếng Anh cũng không tốt, chả lẽ hát đi hát lại hai bài dự thi rồi thôi. Tiếc quá đi mất!



ersten in Meißen geschaffenen **Grand Prix** errang 1981 die charmante vietnamesin **Ai Van Ha Thi**. Er wurde ihr vom Stellvertreter des Ministers für Kultur und den des Komitees für Unterhaltungskunst, Siegfried **Wagner** (mitte), überreicht. 2 Gratulanten gehörten Generaldirektor Dieter **Gluschke** (links) und der Vorsitz internationalen Jury, Prof. Dr. Wolfram **Heicking** (rechts)

Buổi trao Cúp Giải thưởng có đại diện Bộ Văn hóa Đức, Chánh chủ khảo và Giám đốc Cung Văn hóa Dresden

Báo Đức đăng trên trang nhất: “*Sự ngạc nhiên đến từ Hà Nội*”. Tôi hôm đó diễn Gala, truyền hình châu Âu truyền trực tiếp lễ trao giải.

Lần đầu tiên tôi được hát cho truyền hình châu Âu, trước 700 triệu khán giả sành điệu âm nhạc. Hạnh phúc vô cùng. Tất cả dường như vẫn trong một giấc mơ... Trưa hôm sau chiều dài long trọng, và trao giải thưởng. Ông Thứ trưởng Bộ Văn hóa Cộng hòa Dân chủ Đức Siegfried Wagner, Giám đốc Cung Văn hóa Dresden Dieter Gluschke, Giáo sư Tiến sĩ Chánh chủ khảo Wolfram Heiking và các thành phần chủ chốt trong Ban tổ chức lễ trao giải đều có mặt. Sau cuộc thi, tôi còn diễn ở Dresden một, hai buổi nữa. Hôm diễn trên Đài Truyền hình Dresden, đúng ngày sinh nhật của tôi, cô MC bất ngờ nói: *“Hôm nay là sinh nhật của Ái Vân”* và cô nói *“Chúc mừng sinh nhật”* bằng tiếng Việt, nhiều khán giả chạy ào lên tặng hoa. Cảm động vô cùng.

Vì sao tôi có vinh hạnh này? Tôi nghĩ yếu tố *“Việt Nam”* đã qua rồi, rất khó trông chờ vào yếu tố này. Giả sử có cảm tình người ta cũng chỉ cho một giải gì đó thôi, còn giải Grand Prix thì không thể. Có lẽ tôi may mắn dự thi trong thời kỳ hippy đã qua, khán giả châu Âu đã chán tóc dài quần loe, hát nhạc rock nhạc kích động, vì thế hình ảnh cô gái mảnh mai mặc áo dài với điệu valse êm dịu đã gây được cảm tình chăng?

*

Trước khi rời Dresden, ban tổ chức thông báo: *“Cũng cuộc thi này sang năm sẽ mời cô làm khách danh dự diễn mở màn đêm Gala.”* Năm 1982 bên Đức mời nhạc sĩ Holger Biege sáng tác riêng cho tôi hai bài hát và sang Việt Nam mấy ngày để trực tiếp tập dượt với tôi, bên cạnh bài được giải là *So ging noch nie die Sonne auf* thì đó là hai bài sẽ được tôi trình diễn cùng với nhạc sĩ Holger Biege cho đêm Gala tại International Schlagerfestival Dresden 1982.

Trở lại Dresden năm 1981, sau cuộc thi, đoàn chúng tôi về lại Berlin. Khi xe lửa về đến nhà ga Berlin Hauptbahnhof, Đại sứ Việt Nam tại Cộng hòa Dân chủ Đức là Phan Văn Kim cùng nhiều cán bộ trong Đại sứ quán ra tận nhà ga đón đoàn với sự xúc động vô cùng. Chú Kim tặng hoa, hôn lên má tôi và nói: *“Cháu đã làm được một việc hiệu quả bằng suốt ba mươi năm làm ngoại giao của chú.”* Câu nói ấy là phần thưởng vinh hạnh đối với tôi.



Tôn Nữ Nguyệt Minh và Ái Vân trên báo Việt Nam phát hành bản tiếng Nga

Vinh hạnh còn tiếp tục cho đến khi tôi trở về đất nước. Bộ Văn hóa đã dành cho tôi một cuộc đón tiếp trọng thị ngoài sức tưởng tượng của tôi, chưa thấy một ca sĩ nào có được. Tôi xin nhường lời cho cô em gái út của tôi kể nốt chuyện này.

Trích Facebook Ái Thanh

Hôm chủ Phạm Đình Sáu (lúc đó là Cục trưởng Cục Biểu diễn) đến nhà báo cho ba má tôi biết kế hoạch của Bộ Văn hóa sẽ cử hành nghi lễ đón chị Ái Vân (vừa được Giải thưởng lớn ở cuộc thi hát Quốc tế tại Dresden) về, ba má tôi vui sướng, tự hào và hồi hộp lắm, ngày nào cũng đi ra đi vào mong từng giờ trôi đi để ra sân bay.

Và rồi, xe của Cục Biểu diễn do chủ Phạm Đình Sáu đại diện tới đón ba má và tôi ra sân bay, trên xe đã có một bó hoa rất to và đẹp của Cục Biểu diễn. Chủ Sáu nói “Bộ Văn hóa cũng có người đại diện và xe ra đón Ái Vân nữa, ca sĩ đầu tiên được giải thưởng cao nhất mà, đáng tự hào lắm chứ”.

Khi máy bay của Đức chở chị Ái Vân đáp xuống, phái đoàn của Bộ, của Cục đứng sẵn ở cửa VIP, lần đầu tiên gia đình tôi chứng kiến nhà nước trải thảm đỏ đón chị tôi, cả nhà tôi trao nhau những ánh

mắt đầy tự hào và ngấn lệ vì xúc động. Chị tôi xuất hiện và xuống khỏi chân máy bay là những bó hoa của Bộ Văn hóa, của Cục Biểu diễn, của Nhà hát Ca múa nhạc và của gia đình tặng, chị tôi ôm không xuể trong vòng tay siết chặt và những lời chúc mừng của tất cả dành cho chị. Tất cả nhân viên sân bay, hành khách đổ dồn những ánh mắt và những nụ cười, cái vẫy tay triu mến dành cho chị tôi. Đó là những phút giây đầy tự hào của gia đình mà tôi được chứng kiến.



Má Ái Liên ra sân bay đón con gái đi thi về năm 1981

Du ca

Nhờ nhạc nhẹ hồi sinh, từ năm 1979 giới ca nhạc Việt rất tự tin, hình thành phong cách nhạc nhẹ rõ nét. Thế giới chú ý nhiều hơn đến Việt Nam, nhiều liên hoan ca nhạc nước ngoài Việt Nam được mời tham dự, nhờ vậy mới giành được nhiều giải thưởng và gây được dư luận (không dám nói là tiếng vang) rất tốt ở ngoài biên giới nước nhà. Ca sĩ Việt Nam liên tiếp tham gia các liên hoan ca nhạc *Mùa thu vàng*; *Giai điệu bạn bè* (Liên Xô); *Orfeus vàng*

(Bulgaria); *Festival Ca nhạc Quốc tế Hoa cẩm chương* (Liên Xô); *Liên hoan Ca nhạc nhẹ Quốc tế Dresden* (Đông Đức) và nhận được nhiều giải thưởng: Ái Vân, Lê Dung, Lê Quyên, Dương Minh Đức, Quang Thọ... nhờ đó ngày càng nhiều những chuyên du ca ở nước ngoài.

Hè năm 1979 tôi được đi Nhật 2 tháng cùng một số nghệ sĩ của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc: Đinh Thìn, Kiều Hưng, Thanh Huyền, Mai Liên, Bá Phở, Trần Chính, Xuân Hoạch... và hai nhạc sĩ phía Nam là Đức Nhuận, Đỗ Lộc. Cuối năm ấy Thanh Hòa và tôi lần đầu tiên tham gia chương trình biểu diễn quốc tế mang tên *Mùa thu vàng ở Liên Xô*. Lần đầu tham gia một chương trình quốc tế gồm nhiều nước tham gia nên khá bỡ ngỡ, loay hoay không biết chọn bài nào đây. Cuối cùng chọn *Lý ngựa ô*, phối theo kiểu hơi nhạc nhẹ một tí, mang lục lạc đi diễn cho nó hấp dẫn. Rất may tiết mục có thể coi là đã thành công, được tán thưởng nhiệt tình.

Nhớ hồi đó mặc áo dài quần loe. Sân khấu có làm bậc thang dẫn lên bục cao, người nào xuất hiện cũng sáng chói lộng lẫy. MC vừa giới thiệu: “*Ái Vân, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam!*”, tôi vừa bước lên bục vấp ngay ống quần, ngã sóng xoài. Không ai cười, tất cả vỗ tay động viên. Khán giả có văn hóa, vỗ tay hết sức nồng nhiệt, hơn cả thành công khác của mọi người. Nhờ vậy tôi lấy lại tự tin hát rất “*bốc*”, tự nhiên lại được khen ngợi...

Năm 1981 tôi đi dự liên hoan ca nhạc ở Dresden, Lê Quyên tham dự cuộc thi Intertalent ở Tiệp Khắc. Tôi được *Giải thưởng lớn*, Lê Quyên được *Giải Hát bài Tiệp Khắc xuất sắc nhất*. Năm 1982 tôi có chuyến lưu diễn tại Cuba. Ngoài tiết mục đơn ca của mình, tôi được Ban tổ chức xếp cho hát song ca một bài với nam ca sĩ Sergio của Cuba, đó là một anh chàng rất dễ thương khi nào cũng gọi tôi là “*Ái Vân*”. Tôi nghĩ người dân Cuba thì đã quá quen ca hát và nhảy múa sôi động rồi, mình từ Việt Nam xa xôi “*mang chuông đi đấm nước người*”, phải làm gì cho lạ, cho ấn tượng đây. Nhớ lại trò diễn ở Việt Nam trong bài *Gửi em ở cuối sông Hồng* đoạn cuối bài lấy chiếc nón lá che mặt hai người, tôi bèn áp dụng cho bài hát Cuba. Quả nhiên, khán giả thích thú vỗ tay quá trời, vỗ nhịp nhịp rất lâu

khiến Sergio và tôi phải chạy ra chạy vào chào mấy lần rồi phải bis lại. Đến cuối năm ấy đi diễn cùng Lê Quyên trong chương trình *Giai điệu bạn bè* ở Liên Xô thì lại gặp anh chàng này. Lê Quyên cứ gọi đùa Sergio là “*Thằng thối tai*”.

Cũng trong năm này Dương Minh Đức (Đức “ché”) được giải Ba trong cuộc thi *Hoa cầm chương* ở Liên Xô, Lê Dung được giải *Người hát dân ca hay nhất* trong cuộc thi Tchaicovsky ở Liên Xô, Lê Quyên được giải Ba tại *Liên hoan ca nhạc quốc tế Dresden*. Cuộc đi thi của Lê Quyên được chuẩn bị khá kỹ lưỡng. Đoàn Việt Nam cũng lại 3 người gồm anh Bích Ngọc (chồng chị Trà Giang) làm giám khảo, anh Khắc Tuế ở Vinaconcert làm quan sát viên và Lê Quyên dự thi. Anh em bảo năm ngoái được giải thưởng lớn rồi, năm nay làm gì cũng phải cố mà được giải thưởng. Ngoài bài tiếng Đức bắt buộc phải hát rồi, Lê Quyên chọn bài *Tình ca Tây Nguyên*.



Nhạc sĩ Holger Biege và Ái Vân trên sân khấu Dresden 1982

Để bài thi có hình thức độc đáo, mở bài Lê Quyên vừa hát vừa đánh đàn bầu, giữa bài lại đọc mấy câu thơ bằng tiếng Đức. Dân dựng rất công phu, anh em tràn đầy hy vọng. Không may chuẩn bị đi, đang tập hát bài hát của Đức, tới chữ “*Vorbei*” phải ngân thật dài, Lê Quyên há miệng đang ngân bỗng “*cạch*” một cái: quai hàm bị sái, đau quá không ngậm miệng lại được. Lê Quyên phải chạy chữa tích cực ở Bệnh viện Việt Xô mới đi thi được. Tuy vậy cái miệng đã “*cạch*” rồi đâu dám mở khẩu hình hết cỡ, có lẽ vì thế Lê Quyên chỉ được giải Ba.

Năm 1982 ấy tôi sang Dresden tham gia Liên hoan với tư cách khách mời hát trong đêm trao giải, đêm Gala. Trước đó Ban tổ chức Liên hoan có cử nhạc sĩ Đức là Holger Biege sang Việt Nam sáng tác riêng cho tôi thêm hai bài hát tiếng Đức nữa, ngoài bài *Mặt trời chưa bao giờ mọc như thế* tôi đã hát. Phải nói nhạc sĩ Holger Biege hết sức nhiệt tình, ông rèn dũa phát âm tiếng Đức cho tôi rất kỹ, bên cạnh đó thì phần hòa âm cho hai bài hát cũng đã được ông chuẩn bị kỹ càng. Tôi tham gia Gala 82 ở Đức thành công là nhờ vào Holger Biege rất nhiều.

Sau đêm diễn Gala, Cục Nghệ thuật biểu diễn của Đức mời tôi cùng các nghệ sĩ quốc tế tham gia biểu diễn 2 tháng tại các thành phố thuộc Cộng hòa Dân chủ Đức. Một lần diễn ở tỉnh Karl Marx, nhạc đánh lên tôi vừa đi ra vừa hát, tự nhiên thế nào lại hát bég lời hai trước. Đã mù chữ tiếng Đức nên chỉ cần rớt một chữ là đi luôn. Tôi hát được mấy câu, tịt. Đứng như trời trồng. Ông nhạc trưởng cũng bối rối từ từ cho ban nhạc ngừng luôn. May quá, khán giả Đức vỗ tay nhiệt tình khích lệ, nhờ vậy tôi đã trấn tĩnh và khi ông nhạc trưởng cho ban nhạc chơi lại từ đầu, tôi đã hát trôi chảy được hết bài. Thật là một kỷ niệm nhớ đời.

*

Nhớ nhất những chuyến du ca của Lê Quyên và tôi. Chúng tôi đi cùng nhau các chuyến du ca *Giai điệu bạn bè* ở Liên Xô năm 1984 và 1987, mỗi lần hai tháng di chuyển trên 8 tỉnh của Liên Xô mênh mông. Ở Việt Nam chúng tôi là 2 *solist*, nhưng sang bên ấy thì họ gọi chúng tôi là *duet*, là một “*cặp song ca*” Ái Vân - Lê Quyên. Hồi

Ái Vân hoặc Lê Quyên không thì ít ai biết, nhưng cứ nói “*cặp song ca Ái Vân – Lê Quyên*” hầu hết người ta đều ồ à.

Mấy hôm đầu tiên mới sang, trời lạnh, hai chị em co ro, dúm dỏ một góc, có mấy ông nhạc sĩ quen từ hồi 1979 chạy tới hỏi thăm, còn lại chẳng ai hỏi han gì. Ca sĩ nhiều nước tới đây toàn loại xịn, nhiều người nổi tiếng châu Âu. Họ nghĩ Việt Nam chỉ đánh Mỹ giỏi thôi, hát hò “*không chấp*”. Lê Quyên và tôi “*phót ăng lè*”, bỏ qua những cái nhìn khinh khỉnh cứ lảng lạng tập. Lúc đầu mỗi người đơn ca 2 bài, về sau chương trình dài quá Ban tổ chức cho mỗi người được một bài thôi. Chúng tôi tìm cách hát đệm cho nhau để nâng hiệu quả tiết mục, tự nhiên thành cặp *duet* là vì thế.

Duet đầu tiên là *Bài thơ hoa cúc tím*, Lê Quyên hát tôi bè, rồi đến *Triệu đóa hoa hồng*, tôi hát Lê Quyên bè, cứ thế đến *Hơi thở mùa Xuân*, *Luna...* Cứ người này hát người kia bè, tự nhiên thành “*duet*”, thành song ca khi nào không biết. Ban nhạc cũng rất bóc, đệm như lên đồng. Khán giả nhiệt liệt tán thưởng. Hát đâu cũng được bis. Mà không phải bis bình thường. Khán giả cứ vỗ tay nhịp nhịp, hai chị em đã đi vào sân khấu rồi khán giả vẫn vỗ nhịp, lại chạy ra chào. Chào xong vào vẫn thấy khán giả vỗ nhịp tiếp, chị em lại nắm tay nhau chạy ra. Phải nói lúc ấy thấy thật hạnh phúc, thấy tự hào vô cùng.

Tay nhạc trưởng Dima thoát đầu xếp cho chúng tôi hát gần đầu chương trình. Sau thấy khán giả hâm mộ *duet* Lê Quyên - Ái Vân đã đưa tiết mục xuống gần cuối, nhiều lần chúng tôi vừa hát tiết mục của mình xong là chương trình kết thúc. Nhạc trưởng Dima thấy khán giả vỗ tay quá trời mới dặn ban nhạc và chúng tôi là từ giờ nếu bis thì sẽ hát lại từ đoạn nào, và cho ban nhạc tập luôn. Lúc ấy mọi người trong đoàn cũng bắt đầu “*nể*” hai chị em, một số người không giấu sự ngưỡng mộ. Đợt sau năm 1987 chúng tôi sang, khi đó đã là “*ma cũ*” rồi nên được cả đoàn rất quý mến. Khán giả vừa nghe tên chúng tôi đã vỗ tay rào rào. Với tôi, những cuộc du ca ở Liên Xô thật là hạnh phúc.

Lê Quyên kể. Nhớ lần về diễn ở Leningrad, chàng làm phong cảnh “*mết*” Lê Quyên. Cứ mết vậy thôi chứ không nói năng gì. Hai chị

em ở chung một phòng. Hôm ấy tôi đi vắng, Quyên ở nhà. Chàng gõ cửa vào chào Lê Quyên vì hôm sau là buổi biểu diễn cuối rồi. Tự nhiên chàng khóc, lúc đầu khóc sục sục sau khóc hu hu. Chàng cứ ngồi khóc rữ. Quyên sợ, ngồi đơ người. Đến lúc tôi về thì chàng nín khóc. Quyên ra mở cửa, mừng thấy tôi về nhưng cũng lo *“khéo bà này tưởng mình làm gì với nó thì gay”*. Tôi chào chàng, cũng không để ý chàng khóc hay cười, xong có việc vội quá lại đi. Tôi vừa ra ngoài thì chàng lại khóc thêm một trận nữa. Nghe Quyên kể cười rữ. Tổ tình bằng khóc tôi chưa gặp bao giờ. May chưa có chàng nào đến nhà mình ngồi khóc tu tu.



Đôi song ca Lê Quyên, Ái Vân trên sân khấu Moscow 1984

Chị em đi với nhau thường tự nấu nướng ăn với nhau vừa rẻ vừa hợp khẩu vị. Hồi đầu cứ mỗi sáng xuống nhà hàng ăn điểm tâm cứ *“omelet, jambon”*, hôm sau lại *“jambon, omelet”*. Người ta hỏi ăn gì, hai chị em cứ toàn *“omelet, jambon”*. Ăn mãi đến mức mỗi lần nhìn mấy món đó là cứ thấy nôn nao phát sợ. Nhiều lúc Quyên ngồi nhà lấy bánh mì không ra ăn. Tôi bảo: *“Em ạ, mình có tiền mà, xuống ăn cho đàng hoàng”*. Quyên nói: *“Chị ơi em ớn đồ ăn ở đây lắm rồi!”*. Thế là bày ra nấu nướng. Mua cái bếp điện, xoong nồi bát đĩa giấu trong phòng tắm, biến phòng tắm thành cái bếp.

Nhớ lại thật liêu quá. Ở khách sạn năm sao mà nấu nướng như ở nhà. Phân công nhau, Quyên chui vào phòng tắm đóng cửa lại xào

nấu rán chiên, tôi ở ngoài canh gác, dọn dẹp, giầu giếm và xịt dầu thơm. Một lần bà thường trực phát hiện gõ cửa xông vào. Quyên vội lấy chần trùm cái nồi đang nóng, cứ ngồi trong phòng tắm đóng kín cửa, vắn nước “tắm” mãi không chịu ra. Bà thường trực chờ lâu sốt ruột đòi vào phòng tắm, tôi không cho, nói: “*Phong tục Việt Nam con gái chưa chồng đang tắm không ai được mở cửa*”. Bà nhìn cái mặt tôi có vẻ gian, nghi nghi, bèn hỏi: “*Chúng mày nấu ăn phải không?*”. Dĩ nhiên là tôi chối. Bà áy ra cửa sổ quẹt tay vào kính bảo: “*Mở hẳn cả lên cửa sổ đây này*”. Thế mà còn cố gân cổ cãi cho bằng được.

Hồi đó Lệ Quyên và tôi đi đâu cũng giầu hết nồi, niêu, xoong, chảo ở trong cái va ly “*rất là sang*” của tôi, lại còn đựng cả bếp ở trong ấy nữa, cười chết được. Nhìn ngoài có vẻ bảnh bao sang trọng, có biết đâu nó là nhà bếp di động. Có hôm ở phòng khách sứ quán Lệ Quyên rán nem bị cháy, mùi khét ám luôn 2 cái áo da lộn rất xịn giống hệt nhau của chúng tôi. Nem cháy vì cái lò lửa của mấy ông Sứ quán không vặn nhỏ lửa được, cái nem ở trong chưa chín thì bên ngoài đã khét rồi. Xịt không biết bao nhiêu nước hoa cũng không hết mùi khét.

Nấu nướng vụng trộm mãi, dần dà bạn diễn Nga, Cuba, Đức... phát hiện được, họ đi qua phòng ngửi mùi, gõ cửa, đánh mời họ nếm đồ ăn Việt Nam. Cả bọn rồi rít khen ngon. Ăn quen bén mùi, cứ đêm về lại tụ tập ở phòng chúng tôi. Hai vợ chồng Maghi – Louis người Cuba tới “*xin ăn*” lia lịa, tôi nào cũng gõ cửa: “*Van oi doi doi...*” Nhiều quá dài không xuể. Ai thân đãi tô mì gà, không thân thì tặng cho cốc cam vắt. Cam mua ở chợ về vắt lấy nước uống thôi, không hiểu sao mấy bạn Tây mê tí. Chia tay đợt diễn lại hẹn nhau đợt khác. Mấy bạn Tây làm động tác nấu trộm khách sạn, cười và nói tiếng Việt: “*Quén Van ngón ngón...*”

*

Kể từ năm 1979 tới năm 1989 rất nhiều đoàn ca nhạc Việt Nam đi nước ngoài, đặc biệt các nước Xã hội Chủ nghĩa. Đây là giai đoạn tồn tại cuối cùng của Xã hội Chủ nghĩa ở Đông Âu. Sau đó không

có Xã hội Chủ nghĩa mà đi nữa. Đây cũng là giai đoạn phát triển rực rỡ của ca nhạc Việt, đi tới đâu cũng thu được thành công.

Du ca trời Tây nhiều người chưa quen, nhiều người mới đi lần đầu, cũng giống như tôi đi lần đầu năm 1973 có rất nhiều ú ớ, ngớ ngẩn rất “*nhà quê*”. Anh Mạnh Hà kể Đoàn Nhạc nhẹ đi tập huấn ở Tiệp, Ba Lan. Không biết chữ Tiệp, chữ Ba Lan. Phục vụ chĩa menu: “*Ngài ăn gì?*”, ông thứ nhất thấy 3 món đầu tiên rẻ nhất chỉ luôn. Sang người thứ 2 - “*Ngài ăn gì?*” Trả lời: “*Như người kia*”, ông thứ 3 lại “*Như người kia*”, cứ thế cả từng ấy người đoàn Việt Nam gọi món giống hệt nhau, mỗi người ba bát súp, chẳng có bánh mì, chẳng có gì, cứ thế ăn.

Chị Thúy Hà ở Đoàn Nghệ thuật Quân khu Việt Bắc về, học Trường Nhạc sau tôi một, hai năm gì đó. Chị là ca sĩ đa tài, hát opera rất hay, đến giờ vẫn còn nhiều người nhớ vai *Cô Sao* nhạc kịch cùng tên của Đỗ Nhuận, vai *Marzelline* nhạc kịch *Fidelio* của Beethoven. Chị hát nhạc đỏ cũng hay, thiên hạ mê tí bài *Cánh chim báo tin vui* của Đàm Thanh, *Thắm hoa núi rừng* của Đỗ Nhuận. Thúy Hà cũng khuynh đảo thiên hạ với rất nhiều bài hát như *Kalinka*, *Gửi Mết Man*, *Bến cảng quê hương tôi* v.v... Có thể nói từ 1975 tới 1980 Thúy Hà là nữ hoàng ca nhạc của miền Bắc.

Nhắc chuyện Thúy Hà du ca nước ngoài thì buồn cười lắm. Sang Moscow, ô tô vừa dừng ở khách sạn chị đã chạy tới hỏi ông bảo vệ người Nga: “*Đồng chí... đồng chí cho hỏi bách hóa Gum ở đâu?*”. Anh Mạnh Hà kêu lên: “*Em nói tiếng Việt làm sao nó hiểu!*”. Chị ngớ ra rồi nói: “*Thôi chết em quên mất*”. Nhưng “*em*” chỉ nhớ được một lúc, bữa sau “*em*” lại quên. Sáng sau Thúy Hà nhiệt tình hỏi bà thường trực trong khách sạn: “*Bác ơi bác, rỏ rác ở đâu?*”. Bà thường trực không hiểu, chị nhắc lại, nói thật chậm, cái miệng tròn vo như đang hát opera: “*R...ô... r...á...c... ở...đ...â...u?*”

Bi hài bất đồng ngôn ngữ luôn xảy ra với những người mới ra nước ngoài như chị Thúy Hà. Nhưng với những người đi nước ngoài như đi chợ như anh Kiều Hưng thì nó vẫn cứ xảy ra. Anh Mạnh Hà kể. Hồi đó mua gì về bán cũng được tất, đi Trung Quốc mua tào Tầu vừa nhẹ vốn vừa lãi to. Anh Kiều Hưng nghe người ta dặn thế. Chỉ

có điều anh tưởng người Trung Quốc cũng gọi tảo Tàu là... tảo Tàu. Tới chợ anh hỏi mấy bà buôn Trung Quốc: “*Có tảo Tàu không?*” Mấy bà buôn chẳng hiểu gì cứ “*sắm ma?*”, “*sắm ma?*” (cái gì?). Anh Kiều Hưng nói thật chậm rồi nói thật nhanh rồi nói không dấu, nói kiêu gì mấy bà buôn Trung Quốc vẫn “*sắm ma?*”, “*sắm ma?*” “*Đĩ lùn*” Kiều Hưng bực quá, tròn miệng nói thật chậm: “*Tá.á.á.o...Tà..à.à.u! Có thể thôi, thế mà cũng không hiểu, ngu thế không biết*”. May quá “*Thủ lợn thiu*” Mạnh Hà liền xông tới cứu nguy. Anh Mạnh Hà bảo: “*Tảo Tàu tiếng Tàu là ung chảo, khổ các bố này quá!*”.

Chuyện vui du ca ra nước ngoài kể mãi không hết. Mỗi người đều có một kho chuyện để nhớ thời nhạc nhẹ hồi sinh, cái thời mà anh Mạnh Hà nói là: “*Thời vui hơn Tết*”.

14

Tình duyên

Tôi tuổi Giáp Ngọ, gặp cả ba ông chồng đều tuổi Canh Dần năm 1950, đây là sự lạ. Tôi xem tử vi nhiều chẳng thấy có ai nói đúng, duy nhất một ông thầy ở Thanh Hóa tình cờ gặp ở quán ăn năm 2009 là làm tôi giật mình. Ông chỉ là thầy bói nghiệp dư thích thì nói không thích thì thôi. Biết tôi từ thuở xem phim *Chị Nhung*, ông vui vẻ lập lá số tử vi tại chỗ cho tôi. Khi hỏi ngày sinh tháng đẻ, mặt ông hơi tái tái, ngần ngừ một lúc ông hỏi giờ sinh. Tôi nói giờ sinh. Mặt ông tái đại. Ông bấm bấm ngón tay rồi nói: *“Tôi nói chị đừng giận, tuổi này mà lấy Canh Dần năm 1950 thì thôi rồi...”*. Tôi hỏi: *“Thôi rồi là sao?”*. Ông không nói. Tôi hỏi: *“Lấy tuổi Dần là thôi rồi hay phải đúng tuổi Canh Dần năm 1950 mới thôi rồi?”*. Ông nói: *“Phải Canh Dần năm 1950 mới thậm nguy”*. Tôi thấy ông này thật tình, nói đúng, bèn ngồi lại để ông nói thêm.

Nhưng ông chỉ nói về sự nghiệp, né tránh chuyện tình duyên. Ông nói sao này sao nọ cung này cung nọ, những gì gì nữa trong lá số tử vi tôi không nhớ. Chỉ nhớ ông nói tôi nổi tiếng vì đứng trước đám đông, nhưng muốn thành công thì phải ở sau màn trướng. Ông nói chắc như đinh đóng cột: *“Nếu năm 36 tuổi mà chị làm lãnh đạo thì giờ này chị ở Bộ Chính trị rồi”*. Nghe ông thầy tử vi nói cũng hơi bị giật mình, năm 36 tuổi là năm tôi đi Đức từ đó ở lại không về. Có lần anh Mạnh Hà nói với tôi: *“Vân bỏ ra nước ngoài vội quá, Bộ Văn hóa đã chấm em cơ cấu vào lãnh đạo của Bộ rồi đấy”*.

Nghe cho vui thôi chứ tôi chẳng có chút gì hối tiếc. Tôi không mấy quan tâm chuyện lãnh đạo vì bản tính không thích. Tôi hỏi ông chuyện tình duyên, ông từ chối, nói thẳng: *“Vì tình duyên chị quá xấu nên tôi không nói, sợ chị buồn”*. Tôi nỉ nèo: *“Xấu đẹp gì cũng đã qua rồi, bác cứ nói đi”*. Ông lắc đầu: *“Vi qua rồi nên nói cũng chẳng ích gì. Tôi nói thật, may trời thương, trời cho chị li dị khăn trương với hai ông Canh Dần đầu, không thì bây giờ chị đã có*

xanh mờ rồi”. Tôi ở người ra, mới thú nhận lấy ba ông Canh Dần năm 1950 và nói ngày sinh tháng đẻ của họ cho ông. Ông nói: “*Hai ông Canh Dần năm 1950 thôi. Ông thứ ba không phải Canh Dần, ông sinh vào ngày 7 tháng 11 năm Canh Dần là đã sang năm Tân Mão rồi. Tức ông này sinh năm Canh Dần nhưng là tuổi Tân Mão. Nhờ kịp thời lấy ông Tân Mão chị mới thoát được bệnh ung thư*”. Tôi tái mặt, quả là tôi vừa thoát được bệnh ung thư vú.

Tôi níu lấy ông để hỏi. Ông thở ra, bấm bấm ngón tay lăm lăm sao này sao nọ, cung nọ cung kia, rồi nói đúng hai câu:

1. Lấy ông đầu hao tiền tốn của, nếu không hao tiền tốn của thì chết đường, muốn triệt phải li dị.
2. Lấy ông chồng thứ hai cả hồn lẫn xác bị vùi dập, nếu không bị vùi dập thì chết bệnh, muốn triệt phải li dị.

Có hai câu thôi mà tôi lạnh cả người. Tôi gắng hỏi thêm nhưng ông kiên quyết lắc đầu. Ông ngâm nga bài thơ: “*...Phòng khuê có sự buồn / Sự nghiệp dễ tiêu tan / Tai nạn trừ không dứt / Công danh mòn con mắt / Kẻ ở người đi cách nước non...*”. Ông đọc cho tôi chép rồi phui quần ra khỏi quán ăn, không thèm lấy của tôi một xu.

Từ đó tôi hiểu thế nào là duyên phận, thế nào là do ông trời thu xếp. Cả ba ông chồng của tôi đều tài giỏi, đều rất đáng yêu. (Nếu không đáng yêu làm sao tôi lấy họ?) Chẳng qua trời sai hai ông chồng đầu cho tôi biết thế nào là khổ đau rồi sai ông chồng thứ ba cho tôi biết thế nào hạnh phúc. Vì vậy trước khi vào chuyện xin được thành thật thế này: Tình duyên của tôi nhiều sóng gió khổ đau nhưng tôi không giận, không hờn, không trách ai hết. Tôi cũng chẳng đổ tội cho bất kỳ ai. Nếu có tội thì trước hết là tội của trời, sau đó là tội của tôi. Tội của trời đã rõ, tội của tôi rồi sẽ nói sau.

Cánh buồm đỏ thắm

Vào tuổi dậy thì, năm 1967, tôi được xem bộ phim *Cánh buồm đỏ thắm* của hãng Mosfilm (Nga), hình như chuyển thể từ tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Alexandre Grimm. Chuyện phim và phim đẹp

như cổ tích. Không còn nhớ hết chuyện phim nữa, chỉ nhớ chàng thủy thủ Gray đẹp trai tuyệt vời thấy cô bé Axôn xinh đẹp ngủ trong rừng, chàng Gray đem lòng yêu say đắm đã đeo chiếc nhẫn vào tay cô bé Axôn. Chỉ vậy thôi nhưng cô bé Axôn tin rằng người đeo nhẫn cho mình sẽ quay trở lại với cánh buồm đỏ thắm trong khi cả làng chê trách Axôn là hoang đường. Thế rồi một buổi sáng đẹp trời chàng đẹp trai Gray xuất hiện cùng con tàu lớn với tầng tầng cánh buồm đỏ thắm. Hạnh phúc đã đến với cô bé Axôn nghèo khổ, còn hơn một giấc mơ đẹp.

Mười ba tuổi ấn tượng mãi cánh buồm đỏ thắm rực rỡ trên bờ biển và chàng trai Gray đẹp trai khiến ngây ngất các cô gái mới lớn như tôi. Nhớ mãi câu nói của Gray: *“Nếu trái tim ai đó mong muốn một điều kỳ diệu, thì hãy giúp người đó tìm được nó”*. Từ mười ba tuổi tới mười tám tuổi, đêm nào tôi cũng mơ *“điều kỳ diệu”* này: Một chàng nào đó đẹp trai như Gray đến bên giường ngủ của tôi, đeo chiếc nhẫn cầu hôn và nói: *“Ái Vân, anh yêu em”*. Tuyệt không có ai, chẳng có ai giúp tôi tìm được *“điều kỳ diệu”*. Tuy vậy tôi vẫn không chịu xuống mặt đất, tôi vẫn mơ. *Cánh buồm đỏ thắm* ám ảnh cả tuổi yêu của tôi.

*

Mối tình đầu đến với tôi quá đổi bình thường. Sinh nhật năm 1972 tôi mười tám tuổi. Tiệc sinh nhật nho nhỏ, bó hoa đĩa kẹo nước chanh đường, có vậy thôi. Chỉ có mấy anh chị em trong nhà, anh Hoàng Phúc Dzĩ bạn anh Sơn và chàng. Nhà chàng ở phố Nguyễn Du, con một ông lớn. Hồi bé tôi theo ba Bảo Định Giang hay đi hát vào nhà các sếp, có vào nhà chàng hát mấy lần nên quen biết nhau. Chàng đẹp trai hao hao Gray, không thể bì với Gray nhưng dễ thương hơn vì chàng... nói tiếng Việt. Thịnh thoảng chàng qua nhà tôi chơi với anh Thành, anh Sơn, có đầu mày cuối mắt với tôi, chỉ thích vậy thôi chứ không dám nói gì. Bữa sinh nhật đó tôi cũng chỉ tổ chức trong nhà, không mời ai cả, chàng vẫn tới rất đúng giờ, có lẽ do anh Thành mật báo.



Ái Vân, 1982

Sinh nhật đơn giản mà vui. Anh Hoàng Phúc Dzĩ mở đầu bằng bài hát “*Hát mừng Tachiana*”. *Mừng ngày sinh của nàng Tachiana/ Như hoa hồng, như hoa hồng/ Đẹp xinh mãi mãi Tachiana*. Chàng kết thúc bằng nụ hôn trên tóc và nói: “*Anh yêu em*” đúng như Gray nói với Axôn. Tôi đỏ mặt lí nhí bảo “*Vâng*”. Ngó thế đấy.

Thế là yêu. Chàng học trường Quân sự ở Vĩnh Phúc, ông già chàng bảo một tháng mới được về một lần nhưng tuần nào chàng cũng về. Sợ ông già, chàng cứ ở bên nhà tôi. Chàng người miền Nam, ba má tôi cứ nghe giọng Nam là mềm nhũn ra rồi, cứ giữ chàng ăn ngủ tại nhà. Chàng chỉ chơi với mấy ông anh bà chị là chính, hát hò ăn uống vui vẻ, thỉnh thoảng cười hì hì rất dễ thương. Chẳng có lúc nào chúng tôi đi chơi riêng. Thỉnh thoảng vui vui đạp xe một vòng quanh bờ hồ, xong lại giải tán ai ở đâu thì về đấy.

Có lần chàng nói: *“Tuần tới chỗ bọn anh rất là vui, em có sang chơi được không?”*. Tôi *“Vâng”* và rủ cô bạn thân Lã Hương học piano: *“Tao đang yêu chàng, chàng bảo tao sang trường chàng chơi. Tới chỗ lạ tao sợ quá, mày có đi chơi với tao không?”*. Lã Hương vì tò mò ok luôn: *“Ừ, tao đi với mày”*. Từ Hà Bắc, nơi trường nhạc sơ tán, lên Vĩnh Phú khoảng 5 chục cây. Hai đứa đạp xe đi rất chi là hăm hở. Chàng bắt gà làm cơm chiêu đãi. Chàng có một người bạn thân. Bữa cơm chưa xong tôi phát hiện Lã Hương thích anh chàng này. Hương xinh, mắt xéch, người thon nhỏ. Tôi bắt nạt Lã Hương, nó chối đây đây rồi thừa nhận: *“Tao yêu chàng đó đấy”*. Tôi hỏi: *“Nhưng liệu anh ta yêu mày không?”*. Lã Hương cười hi hi, nói: *“Kệ, tao thấy hắn nhìn tao nhiều lắm, toàn gấp cho tao”*. Buổi tối ra đường làng chơi, tôi một đường Lã Hương một nẻo. Chàng cứ nắm tay đi mãi chẳng thấy làm gì, cảm thấy hơi phật lòng, tưởng tượng Lã Hương chắc được hôn nhiều lắm, càng tức. Con nít thế đấy. Cuối cùng chàng cũng hôn. Đang đi bất ngờ chàng ôm ghì lấy tôi hôn tới tấp vào hai bên má. Tôi choáng váng, đầu óc cứ phiêu diêu, mười đầu ngón chân bám chặt vào đôi dép cao su giữ cho thăng bằng khỏi bị ngã vào chàng, tim đập thình thịch và... sợ. Dưới ánh trăng mờ mờ ảo ảo cạnh khóm tre, giữa cánh đồng còn thơm mùi rom mới mà tôi có cảm tưởng như cả trăm ánh mắt đang bắt quả tang hai đứa hôn nhau. Lúc ấy chỉ thấy sợ và xấu hổ, rồi như giận chàng vô cớ, tôi cứ xăm xăm quay ngoắt lại phía làng, bỏ lại chàng chạy theo sau với câu hỏi nghe tội nghiệp *“Sao thế em... sao vậy?... Anh xin lỗi”*.

Lã Hương và tôi được chàng xin cho ngủ nhờ ở nhà dân. Lúc bình tĩnh rồi tôi mới ngẫm nghĩ về nụ hôn của chàng. Trong ánh đèn dầu leo lét, tôi vẫn cảm thấy mặt mình đang đỏ bừng vì lúc này mới thấm thía cái ngọt ngào của nụ hôn đầu, ngây ngất. Mai chia tay, buồn quá. Hai đứa nằm chống cằm viết nhật ký, làm cả thơ: *“Ngày mai em ra về, một mình em lủi thủi”*. Hai đứa nhìn nhau xem nghĩ thêm được câu nào hay. Nghĩ mãi không ra Hương kêu: *“Mày làm cái vần ửi, khó bỏ mẹ. Chẳng lẽ tao lại bảo: ‘Hình như em bị ửi...’”*. Ôm nhau cười rữ. Lại hỏi Hương: *“Mày có hôn không?”* - *“Sao lại không, ơ cái con này!”* - *“Hôn thế nào?”*. Lã Hương phát mộng, đạp tôi ra xa: *“Đừng có mà cưa sừng làm nghé nữa nàng*

oi!”. Lã Hương cứ tưởng tôi yêu từ thuở mười ba, “*Lạ gì nữa mà còn giả vờ*”. Sau này tôi mới biết quá nhiều người “*tưởng*” như Hương.

*

Xong mỗi tình đầu sang mỗi tình thứ hai. Mỗi tình này thì đến cái hôn còn chẳng có. Chàng người Việt gốc Hoa, học thanh nhạc trên tôi 2 năm. Đẹp trai thì hẳn rồi, phục nhất là chép nhạc cực đẹp, nhìn vở chép nhạc cứ mê đi. Chàng chép cho tôi một cuốn sách nhạc toàn là những bài hát Nga. Phải yêu lắm chàng mới bỏ công lớn đến vậy nhưng tôi không hề biết là chàng thích mình. Lại ngổ. Năm học xong, ra trường chàng được phân công dạy nhạc ở Trường Sư phạm Việt Bắc, chàng tìm tôi để từ biệt.

Lần đó tôi được theo Trường Nhạc đi tuyển sinh ở Bãi Cháy (Quảng Ninh). Một ngày mưa gió chúng tôi tình cờ gặp nhau, không hề biết chàng về cốt để tìm tôi. Chàng nói chàng muốn đến chào tôi. Tôi ngớ ngẩn “*Vâng*”... “*Ô thế à*”... “*Chúc mừng!*”. Rồi kéo chàng đi ăn cơm. Ăn xong chàng rủ ra biển, hôm ấy trời sắp bão, đang mưa gió ầm ầm mà vẫn cứ đi. Ngồi trên bờ biển, mặt chàng ngẩn tò te, tần ngần định nói cái gì lại thôi. Tôi buồn cười quá, nói: “*O, anh làm sao thế?*” - “*Không*” - “*Bị đau bụng à?*” - “*Không*” - “*Cảm gió à?*” - “*Không*”. Bất ngờ chàng đứng bật dậy, trút áo quần nhảy xuống biển. Sóng biển to, tôi không hiểu sao chàng lại muốn bơi. Nghĩ bụng chắc con giai thích làm chuyện ngược đời. Chàng bơi, bơi rất lâu và ra xa, rất xa. Thấy lo lo, tôi tính gọi người cấp cứu thì chàng bơi vào. Chàng nhảy lên bờ, tôi hỏi chàng mặc quần áo: “*Mau lên không cảm chết!*”. Chàng thay áo quần xong bắt tay tôi, nói: “*Thôi, tạm biệt em nhé, anh đi đây*” - “*Ừ thế anh đi nhá, coi chừng cảm lạnh đấy*”. Chàng ôm sào lê bước, tôi bần thần nhìn theo cứ băn khoăn không hiểu sao chiều nay chàng khùng đến vậy. Mãi sau này có dịp gặp chàng, chàng nói: “*Có biết hôm ấy vì sao anh nhảy xuống biển không?*” - “*Không*” - “*Vì muốn ngổ lời mà không thể nói lên được. Thấy em quá trẻ con*”. Hi hi...

Cánh buồm đỏ thắm chưa về, chàng đẹp trai Gray vẫn chưa tới, lần lượt đi qua những mối tình hồ, tình câm, tình con nít kết cục chỉ để lại tiếng “*linh tinh*” chứ chẳng được gì.

Năm 1974 anh Quang Thọ và tôi có tiêu chuẩn đi học Liên Xô nhưng trước tiên phải thi đỗ văn hóa. Hai anh em nhờ một người dạy kèm. Khi thi cả hai anh em đều trượt, riêng tôi thì đỗ chút tình với thầy dạy kèm, có tí tình vắt vai. Được ít lâu rồi biết không đi tới đâu. Tôi dốt về kiến trúc, chàng thì không thiết gì thanh nhạc, ngồi với nhau ông nói gà bà nói vịt, rồi cũng thôi.

Trường Nhạc năm 1976 khi không còn chiến tranh nữa ai nấy đều tươi tắn hẳn lên, không gian như bừng sáng hơn, sân trường cũng sạch sẽ hơn. Áo quần của học sinh, sinh viên thời trang hơn, rực rỡ hơn. Người thì có người nhà gửi từ miền Nam ra, người thì gửi tiền cho người đi Sài Gòn mua mang ra. Lúc này tôi đã lên đại học, không còn bỡ ngỡ nữa mà đã tự tin hơn. Mọi người bắt đầu nghĩ đến mode, ăn mặc sành điệu hơn. Tôi vẫn diện hai bộ áo quần chị Chi may cho rất đẹp và rất mode, “*sáng cả sân trường*” như thơ một chàng viết tặng (nhưng sợ chết giấu tên).

Cũng năm đó suýt nữa cắn câu một chàng (hay chàng cắn câu tôi cũng chẳng biết nữa). Chàng ở Đức về, chàng công tác bên Viện Khoa học. Chàng yêu văn nghệ, đàn guitar khá hay. Chàng đến chơi nhà mấy buổi, thấy thích, cùng nhau đạp xe quanh Hồ Hồ mấy vòng. Hôm đầu chàng cầm tay nói lời yêu. Chỉ ít ngày sau, chàng đã bỏ qua giai đoạn rung rung, lằng lằng đưa tôi đến thẳng nhà chàng và gặp ngay gương mặt băng giá của mẹ chàng. Về sau mới biết mẹ chàng không chấp nhận cái nghề xướng ca vô loài mà tôi đang đeo đuổi. Thế là tự ái, thế là tan.

Một chàng nhạc trưởng tốt nghiệp ở Triều Tiên về, sau này là nhạc sĩ rất nổi tiếng. Chàng cao ráo trắng trẻo đẹp trai. Hồi đó cứ ai đi nước ngoài đều oách cả. Đi Triều Tiên, Cuba càng oách. Chàng mới về nước, xem tôi hát một lần đến nhà chơi tôi ba lần, lần nào cũng khen tôi có “*khả năng*”, có “*triển vọng*”, chẳng thấy khả năng, triển vọng gì trong cuộc tình cả. Chị Ái Mai mách: “*Tay này lúc đứng một mình rất hay soi gương và tập vung tay chỉ huy say sưa*

lắm”. Nghe thế thì sợ, âm thầm bye bye chàng. Chàng cũng không tỏ chút gì là luyến tiếc, chắc là chàng đã âm thầm bye bye tôi từ trước.

Đã đến lúc không còn tưởng bỏ mơ mộng *Cánh buồm đỏ thắm* nữa. Hai một tuổi rồi vẫn chưa thực sự có một mối tình, thấy lo lo khéo không ế mất. Thấy anh Hồng Phi hẹn ra quán ở Hai Bà Trưng, dắt thêm một người nhỏ nhắn, mắt to, hàm hồ, là nhà văn Chu Lai, hồi này mới chiến trường ra. Chắc anh Hồng Phi làm mối ông em đây, khắp khởi mừng thầm. Nhưng mừng hụt, hóa ra không vừa mắt Chu Lai, gặp được mỗi hôm đó rồi nhà văn lặn một hơi không sủi tăm cho đến năm 2010 mới gặp lại.

Một chàng tiên đạo số một Đội Thể Công, khét tiếng cả nước. Mỗi tuần chàng đến chơi nhà hai lần, mỗi lần ngồi hai tiếng không có tôi, uống hai cốc nước, nói chuyện với hai ông anh, đá cốc cốc vào tường hai cái như ra hiệu với tôi: “*Anh đến thăm em rồi nhé!*” rồi ra về. Chừng hai tháng thì chàng bỏ cuộc. Bù lại nhà tôi có chỗ xin vé xem bóng đá. Tôi nhớ cuối năm 1978 cả nhà được vé đi xem trận Thể Công - Thiên Tân (Trung Quốc), trận đó cầu thủ đánh nhau, khán giả cũng đánh nhau. Như có điềm báo, năm sau chiến tranh biên giới bùng nổ.

Một chàng nữa học kỹ sư bên Nga về, người Nam, giọng nói nhẹ nhàng, gia đình định giới thiệu cho chị Ái Mai, chẳng ngờ chàng lại để ý tôi. Chàng thích đi săn bắn, vào dịp cuối thu nhà tôi hay được chàng biếu mấy con chim sâm cầm. Tôi thì vẫn vô tư định ninh cả nhà đã chắm chàng cho chị Mai rồi nên rất hồn nhiên coi chàng như ông anh lớn. Đến khi phát hiện chàng chuyển mục tiêu sang tôi thì thấy quả là không ổn. Càng ngày tôi càng thấy chúng tôi chỉ nên là anh em không nên bồ bịch, và từ đó gia đình coi chàng như con, tôi coi chàng như anh trai cho đến tận bây giờ.

Cho đến lúc hết hy vọng có một chàng Gray đẹp trai nào trên đời dành cho tôi và *Cánh buồm đỏ thắm* chỉ là giấc mơ hão huyền thì chàng Tập Một từ Nga trở về. Chàng không sánh được với Gray nhưng cũng là người tình trong mộng của biết bao cô gái Hà

Thành. Đặc biệt chàng đã mang về nghệ thuật kịch câm cũng rực rỡ như *Cánh bướm đỏ thắm*.

“Tập Một”

Năm 1970 hay 1971 gì đó tôi không thật nhớ chính xác, Hà Nội có một sự kiện văn hóa đặc biệt, đó là nghệ sĩ kịch câm nổi tiếng thế giới Marcel Marceau từ Pháp bay sang biểu diễn tại Nhà Hát Lớn Hà Nội. Tôi may mắn được xem chương trình của ông. Được chiêm ngưỡng thì đúng hơn. Lần đầu tiên trong đời tôi được chiêm ngưỡng ngôn ngữ hình thể của một thiên tài với những tác phẩm *Đi ngược gió; Cái cũi; Thợ làm mặt nạ; Trong công viên...* Chỉ bằng hình thể không có gì khác, với những chuỗi động tác ngắn ông đã diễn tả hết các nhân vật đặc biệt trong các tình huống đặc biệt, trong mỗi bối cảnh đặc biệt. Chưa bao giờ xem một tác phẩm nghệ thuật mà tôi rạo rực ngây ngất đến vậy.

Với tôi lúc đó Marcel Marceau là tiên ông, là thiên sứ nhà trời xuống đây mở mắt cho tôi, giúp tôi yêu thêm sân khấu mà có lúc tôi cảm thấy tẻ nhạt và đơn điệu. Kết thúc buổi diễn tôi đi vòng ra hậu đài nhìn trộm ông tẩy trang. Không giống như tụi tôi cứ quẹt quẹt chùi mặt rất đại khái, ông cầm miếng bông gòn nhẹ nhàng chùi son phấn trên mặt cẩn trọng từng tí một. Thấy ông trân trọng từ cách tẩy trang, thật cảm động. Nghệ thuật không chỉ miếng com manh áo, chỉ qua cách tẩy trang của ông thôi cho thấy Nghệ thuật thật thiêng liêng. Đêm diễn của Marcel Marceau ám ảnh tôi không lúc nào nguôi, cho đến tận bây giờ. Từ khi ông rời Hà Nội tôi những mong ông trở lại, nếu không ông thì học trò của ông, đồng nghiệp bộ môn kịch câm của ông trở lại để tôi chiêm ngưỡng lần nữa. Mơ được ước thấy, chàng Tập Một trở về.

Vào giữa năm 1976 tự nhiên Hà Nội lao xao có một anh chàng đi học Nga về, “*diễn kịch câm hay lắm*”. Hai tiếng kịch câm làm tôi háo hức bồn chồn. Nghe nói sẽ có một buổi báo cáo ở Nhà Hát Lớn. Tôi thích lắm, phải đi xem cho bằng được. Đêm diễn ở Nhà Hát Lớn, buổi đầu còn có người đứng ra giải thích sóng trên tay thế nào, sóng trên thân, trên cánh tay chạy thế nào để khán giả có hình dung sơ bộ về ngôn ngữ kịch câm. Và chàng xuất hiện. Cả khán

phòng 3 tầng Nhà Hát Lớn nín thở xem chàng diễn. Nhạc bài hát *Brucia la terra* trong phim *Bố già* nổi lên, chàng đi ngược gió, chàng kéo lưới, chàng cùng người tình trong công viên, chàng leo cầu thang, chàng trèo ghề, chàng kéo lưới cùng đám đông trên bờ biển. Tất cả chỉ có mình chàng và âm nhạc. Giống như sau đêm diễn của Marcel Marceau, tôi cũng lặng người đi sau đêm diễn của chàng. Tôi đã bị chàng hấp hồn và đổ đánh rầm kể từ đêm diễn ấy, khi mà chàng chưa biết tôi là ai.

Lớp trẻ Hà Nội đã quá quen với một không gian âm nhạc chỉ có hát với múa, sau đêm diễn của chàng bỗng sôi động hẳn lên, họ như tìm thấy chân trời mới, tất cả cứ nháo nhào tìm nơi chàng diễn để xem, xem nữa, xem nhiều lần nữa. Sau đó chàng báo cáo một số nơi, trong đó có Trường Nhạc là nơi tôi đang học. Chẳng hiểu vô tình hay duyên số, chương trình ở Trường Nhạc chàng có nguyện vọng muốn tìm một MC. MC này phải theo phong cách kịch câm chứ không phải chỉ nói bình thường. Được lời như cởi tấm lòng, con bé mê kịch câm thích thử nghiệm xung phong ngay. Đề ra dáng một MC kịch câm, chàng phải dạy cho tôi một vài động tác kịch câm. Phải nghĩ cách giới thiệu trước mỗi tiết mục thế nào. Muốn vậy phải đến nhà chàng để bàn luận và tập dượt, cái cơ để cho tôi câu chàng (hoặc để cho chàng câu tôi). Gặp và nói chuyện với chàng, tôi bị thu hút bởi cách chàng nói chuyện, bởi giọng rất ấm và đôi mắt rất sáng của chàng, đôi mắt dường như biết nói. Lần đầu tiên trong đời tôi đã bị tiếng sét ái tình như thế.

Có lẽ tôi đến với chàng chính là vì sự hấp dẫn của bộ môn nghệ thuật kịch câm. Hai đứa đến với nhau một cách tự nhiên. Chàng tuy không đẹp trai bằng Gray nhưng lại có điều gì thật hấp dẫn, sang và lịch lãm. Lúc đó chàng đang nổi lắm, nhà chàng dập dìu tài tử giai nhân, trước cửa nhà chàng lúc nào cũng có vài ba cô gái xinh đẹp “*tình cờ*” đi qua, “*tình cờ*” hồng xe, “*tình cờ*” lạc ngõ. Tôi chỉ là một trong số đó thôi, thật may tôi đến nhà chàng theo yêu cầu của chàng, không phải sử dụng thủ pháp “*tình cờ*”.

Có lần đến nhà chàng, đang khóa xe tôi thấy một nàng từ cầu thang nhà chàng đi xuống đang mở khóa xe, đó là Hồ Thiên Nga diễn

viên múa ba lê. Hồ Thiên Nga có cậu em trai là Hồ Hoàn Kiếm, hai chị em nổi tiếng thời đó. Cả hai chị em lai tây nên rất trắng. Hồ Thiên Nga dong dỏng cao da trắng ngần, khi nào cũng buộc tóc đuôi ngựa, chị có một vẻ đẹp thanh cao. Tôi có cảm giác đây là đôi thủ cũng lo lo nhưng nghĩ bụng thôi kệ, mình đến làm việc là chính thôi, không cần thiết phải “*bon chen*”... cứ kiêu kiêu thế biết đâu lại thắng.

Sau đó tôi cứ lẻo đẻo theo chàng vừa làm MC vừa diễn cùng chàng. Vẫn thấy Thiên Nga lặng lẽ theo các buổi diễn của chàng, nhiều khi thấy trong túi chàng khi thì gói ô mai, lúc thì thứ này thứ khác. Nghĩ bụng quả này không khéo mình thua rồi. May trời thương, nhờ chiến lược “*kiêu kiêu*” dần dà “*tình yêu nảy nở trong công tác*”, tôi và chàng phải lòng nhau, đúng ra đến lúc này chàng mới phải lòng tôi. Nụ hôn đầu tiên ngọt ngào hơn tôi tưởng, ngọt ngào hơn cả mọi ngọt ngào.

Bố chàng làm chánh văn phòng một cơ quan truyền thông lớn, ông là người rất chu đáo, lịch lãm và bất thiệp. Mẹ chàng làm ở phòng hành chính, hiền lành và phúc hậu. Bà chỉ phàn nàn với chàng, nghe Ái Vân rất nhiều người yêu, sợ sẽ không phải là người vợ tốt. Chàng kể như thế, tôi chỉ biết cười nhạt nói với chàng: “*Cái đó thì em không thanh minh vì tin đồn về em thì nhiều lắm. Nếu yêu nhau, tin nhau thì lấy nhau rồi sẽ biết*”. May chàng tin tôi, quyết định kéo cuộc tình ra công khai. Mừng húm. Được mấy tháng, sang năm 1977 chàng đi Nga học hai năm. Trước đó chàng học điện, bây giờ mới chính thức học kịch câm. Trước khi chàng đi học, hai gia đình tổ chức lễ đính hôn, thực ra chỉ là một bữa cơm 6 người gồm bố mẹ hai bên, tôi và chàng tại khách sạn Thống nhất. Chàng và tôi trao nhẫn đính hôn, mỗi người đeo một cái nhẫn bạc.

Rời lễ đính hôn tôi ngồi sau lưng chàng lòng hân hoan khó tả. Ái chà, mình đã có chồng rồi nhỉ? Cái ông ngồi đây là chồng mình à? Đi đâu cũng có ánh mắt nhìn theo, thích lắm. Mọi người khen đẹp đôi nhất Hà Nội mà. Có ngờ đâu chàng và nàng đang dắt nhau vào một chương đầy nước mắt.

Năm đầu yêu nhau da diết đúng nghĩa của từ này, chàng ở Nga viết thư đều đặn mỗi tháng hai thư. Nàng ở nhà chỉ biết ngửa mặt ngóng thư, đọc thư trong nước mắt, mỗi lần đọc thư là khóc. Chưa có cuộc tình nào nhớ và buồn khi xa nhau đến thế. Nhất là khi chàng mang theo cả kịch câm đi nữa. Cảm thấy trống trải kinh khủng, chỉ mong gặp chàng dù chỉ một giờ.



Ai Vân trên đường phố La Habana, Festival Cuba 1978

Lại mơ được ước thấy. Năm 1978, Vũ Dậu, Mạnh Hà và tôi về kết hợp cùng đoàn Văn công Công an Biên phòng đi dự festival thanh niên Thế giới lần thứ 11 ở Cuba, có đi qua Nga dừng lại hai ngày để đổi máy bay. Gặp chàng mà rung rung nước mắt. Lúc này khí hậu bên Nga rất khô và hanh, nắng vàng rực rỡ. Hai đứa tay trong tay đi giữa hai hàng cây lê và táo trên đường phố Moscow mà lòng ngập tràn hạnh phúc. Cao hứng chàng lấy vé xe lửa đi về Tula, quê hương của nhà văn Lev Nikolayevich Tolstoy. Ở Tula có cái hồ,

chàng bảo theo truyền thuyết trai gái yêu nhau ném nhẫn cưới xuống hồ này thì sẽ không bao giờ rời nhau. Chàng bảo: *“Hai đứa ước nguyện suốt đời bên nhau, mình ném nhẫn xuống đây nhé”*. Chàng và tôi tháo nhẫn đính hôn trên tay rồi cùng ném. Về sau cứ tiếc mãi, tại sao lại ném nhẫn cưới đi để cầu chung thủy hạnh phúc, rõ là vớ vẩn.

Nhẫn cưới ném rồi, sang năm thứ hai tự nhiên thư chàng thừa thốt một cách đặc biệt, không hiểu sao. Đi Festival Cuba về đoàn chúng tôi phải diễn báo cáo nhiều nơi, rất bận rộn, nên sự nhớ nhung bớt đi phần nào... Tuy nhiên rất khó hiểu tại sao chàng lại ít thư từ như thế, lâu lắm mới có cái thư thì sự da diết dường như biến mất. Đùng cái anh Hà Quang Văn học ở Kiev viết thư về kể: *“Em coi chừng, Nó ở bên Nga đang nợ nần lòi thối lắm”*. Hoảng hốt, tôi tìm cách kiểm chứng thông tin. Thư đi, thư về, qua anh Văn và một số bạn quen của chúng tôi thì biết rằng: Sang Nga chàng tiêu xài kinh lắm, rượu vodka đãi bạn suốt, sinh nhật bạn nữ nào bao nhiêu tuổi là bấy nhiêu bông hồng. Hồng bên Nga rất đắt, 3 rúp 1 bông. Trong lúc học bổng có 60 rúp/tháng thôi. Bạn ở xa về chơi thì bao tiền taxi đi về như đại gia.... Tôi hoảng lên viết thư hỏi lại anh Văn có thật không. Anh Văn khẳng định thật, *“Dù anh ở Kiev nhưng bạn bè anh ở Moscow nhiều nên tin tức về nó anh nắm chắc lắm”*.

Anh em trong nhà tôi biết, anh Văn chả bịa đặt cho ai bao giờ. Tôi hoang mang không hiểu thế nào. Không nghĩ chàng có mối tình nào nhưng tôi e là chàng này phai nhạt rồi. Buồn và bức. Tôi nghĩ mình thì rất đàng hoàng, tại sao chàng lại đối với mình như thế. Tự ái. Thấy chán. Viết thư cho chàng xem thế nào, ba tháng sau không thấy thư chàng hồi đáp. Khóc một trận rồi gạt nước mắt quyết định dứt khoát phải chia tay.

Tháng 9 năm 1979 tôi cùng với ca sĩ Thanh Hòa sang Nga tham gia chương trình *Mùa thu vàng*. Dự kiến sang gặp chàng để nói lời chia tay. Tới Moscow thời tiết xấu, phải ngừng ở phi trường Moscow gần một ngày trước khi bay tới Tasken, cơ hội để tôi gặp chàng. Thanh Hòa và tôi ở chung một phòng. Chừng 9 giờ tối chàng tới. Máy giờ liền chàng nàng đôi đáp quanh co, thấy đã khuya rồi, sợ

phiền giấc ngủ của chị Thanh Hòa, tôi phải “*kết luận*” ngay. Tôi nói có hai lý do không thể tiếp tục, một là tình cảm đã phai nhạt, hai là không thể chấp nhận kiểu sinh viên tiêu xài như đại gia. Nói xong khóc một trận rồi đuổi chàng: “*Thôi anh về đi, em còn ngủ để mai bay sớm*”.

Chàng không về. Bắ cái ghế ngang chỗ tôi nằm, chàng cứ ngồi thuyết phục, rủ rỉ hết chuyện này sang chuyện khác. Chàng nói ít viết thư vì năm thứ hai (năm cuối) quá nhiều bài tập, “*làm việc nhiều đến nỗi không kịp tắm*”. Còn chuyện tiêu xài như đại gia là “*ai đó bịa đặt ác ý*”. Đoán anh Văn báo cho tôi, chàng nói: “*Anh em trong nhà còn phá nhau. Nếu hai đứa không thể tiếp tục nữa cũng vì người nhà cả thôi*”. Chàng nói mãi, nói mãi, tôi cũng cảm thấy xuôi xuôi, lại buồn ngủ quá, buồn ngủ riu cả mắt, tôi nói: “*Ok! Ok! Tin rồi*”.

Chàng hôn cảm ơn, rồi nói: “*Tình hình này học xong là mình cưới ngay, để lâu lời ra tiếng vào khó giữ được nhau lắm*”. Con gái 25 tuổi nghe nói cưới, ai cũng mừng, tôi đồng ý liền. Chàng nói: “*Sắp cưới nhau mà tụi mình không có gì, anh sắp về không biết lấy đâu tiền để đóng thùng*”. Tôi cũng không có tiền. Trước đó đi Nhật kết hợp với Đoàn Ca múa dân tộc tôi mua được cái cassette hiệu Sony của Nhật, thỏa ước mơ bấy lâu có máy ghi âm để khi ra nước ngoài ghi lại các bài hát hay của các ca sĩ thế giới để học tập. Thích lắm. Chàng nghe nói cassette liền bảo “*Đưa ngay cho anh*”. Tuy quá yêu quý chiếc máy nên dù tiếc đứt ruột cũng đành đưa anh đem bán lấy tiền... “*đóng thùng*”.

Hai tháng sau kết thúc chương trình *Mùa thu vàng*, tôi về Moscow mấy ngày rồi sẽ bay về Việt Nam. Cả đợt diễn tôi có chừng 700 rúp tiền cát xê, tính mua sắm mấy thứ đem về Việt Nam bán lấy lời. Cát xê của *Mùa thu vàng* khá lớn, 60 rúp một đêm diễn, có 60 buổi tính ra cũng khá khá. Nhưng phải trả 75% cho Bộ Tài chính, mình còn 15 rúp một đêm thôi. 15 rúp cho tất tần tật tiền ăn uống, tiêu xài, mua sắm trong 2 tháng... tiết kiệm được 700 rúp là giỏi rồi. Ca sĩ các nước khác người ta ăn chơi như đại gia, mình ki bo quá người ta cười. Hồi đó đi đâu chỉ lo mỗi chuyện “*nhục quốc thể*”, sợ người

ta cười khinh. Kỳ thực có mấy ai quan tâm đến sinh hoạt của mình đâu.

Về Moscow biết chàng đã về Việt Nam, nghĩ tới chuyến này về cưới lòng cứ lâng lâng. Chắc lắm mấy kẻ đổ kỹ với chàng bịa đặt thì nói vậy thôi, không có chuyện ăn chơi kiêu đại gia đâu. Mà mượn ai? Ai dám cho sinh viên mượn tiền, giỏi lắm chỉ cho mượn 5, 10 rúp. Tiền đâu mà hoa hồng, taxi với vodka?

Thế rồi một tối tôi nhận được ba thư đòi nợ.

Thư của chú Vũ Xuân Hồng, bố nuôi chàng là Bí thư Sứ quán Việt Nam tại Liên Xô (chú là người cùng hoạt động với anh Hiến trước đây): *“Con gái ơi, con diễn về thành công lắm phải không. Nó về rồi, nó đóng thùng rồi, tốt lắm. À, nó nợ bố 800 rúp. Nó bảo là khi nào con về Mát-xcơ-va con trả cho bố”*.

Thư của chú Thành lái xe Sứ quán: *“Cháu Vân thân mến! Chú nghe nói đoàn thành công lắm. Cháu về đây rất là mừng. Hôm nào chú cháu gặp nhau nhé! Tái bút: À, nó đóng thùng về rồi. Tốt lắm. Mua được nhiều đồ lắm. Nó còn nợ chú 1.200 rúp, bảo là Vân sẽ trả, chú yên tâm”*.

Thư của anh bạn quen của chàng: *“Em ơi vừa rồi anh giúp nó đóng thùng. Hàng chiến lược mua được đầy đủ hết, thùng đóng ngon lành. Nó nợ anh 700 rúp. Em thanh toán giùm anh nhé, anh cũng đang đóng thùng”*.

Cả thảy là 2.700 rúp. Tôi quỳnh lên, còn có mấy ngày nữa là về rồi, làm sao bây giờ? Đánh liều vào sứ quán gọi điện về gặp chàng, tôi vừa nói vừa khóc: *“Anh nợ ai, nợ vì việc gì có nói với em đâu, sao để người ta đòi nợ em thế này?”*. Chàng nói: *“Được rồi được rồi, yên tâm yên tâm. Mai có người sang Nga anh sẽ viết thư và gửi ít quần bò sang bảo lãnh nợ cho em về”*. Chàng viết thư, gửi ít hàng và tôi về. Chuyến bay nặng như đá đeo, nghĩ bụng, những điều nghe nói về chàng hóa ra là đúng. Điên lắm, chỉ mong về nhà nói một câu stop cho xong.

Nếu chuyện đó tôi dứt khoát chia tay được với chàng thì tốt cho tôi mà cũng tốt cho chàng biết bao nhiêu, chúng tôi không phải tốn nhiều nước mắt vì nhau. Kẹt nổi lúc đó Chiến tranh biên giới đã bùng nổ. Cả nước chỉ nói chuyện chiến tranh, không nói chuyện gì khác. Câu chuyện tình duyên của tôi đâm lạc lõng. Chàng không nói gì khi tôi tuyên bố stop, chỉ cười nhạt: *“Em không hiểu đâu... Em không hiểu đâu”* - *“Thế vì sao anh nợ nần ghê gớm làm vậy, nói em nghe nào?”*. Chàng lại ngồi im, cười nhạt. Thế mới điên.

Chiến tranh gần kề lắm rồi. Ông già chàng sang nhà tôi nói chuyện: *“Bố hiểu chuyện tình cảm bố không o ép gì đâu. Nhưng mà con thử nghĩ xem, chiến tranh tới nơi rồi, sắp phải sơ tán vào miền Nam. Chạy loạn có vợ có chồng có phải hay không? Hai đứa đã đính hôn với nhau rồi, tình cảm cũng rất bền vững rồi. Bây giờ chỉ những phút nông nổi, con tức giận con quyết định cắt đứt thì bố thấy quá uổng phí”*.

Bây giờ nhớ lại thấy lý lẽ của ông già thật buồn cười nhưng khi đó tôi nghe rất vừa tai. Vả lại, ký ức khủng khiếp về chiến tranh, bom đạn, cái chết và những chia ly vẫn chưa phai nhạt. Tôi chặc lưỡi, *“Ok vậy thôi”*, thì cười. Khi không hiểu nhau hãy khoan lấy nhau, tôi đã khuyên điều này với nhiều người nhưng tôi đã không khuyên nổi tôi. Vì tôi quá yêu chàng. Chàng là một khối kín như bưng không ai hiểu nổi, bố mẹ chàng cũng không hiểu. Tôi đã quyết định cưới một khối kín như bưng, tin và yêu khối kín như bưng ấy, đó là sai lầm của tôi. Giờ đây tôi chỉ biết trách tôi chứ không thể trách ai hết.

*

Ngày cưới đã ấn định rồi, ngày 16/12/1979. Bàn chuyện cưới xin, chàng ôm tôi nói: *“Vợ chồng mới cưới xong mà không có vốn liếng gì cả. Cần phải làm gì để kiếm ít tiền làm vốn, chứ ở chung với ông bà già cũng kẹt”*. Tôi hỏi: *“Làm gì?”*. Chàng nói: *“Có thương vụ đánh xe đạp Diamond bên Đức sang, món này trúng lắm”*. Xe đạp Diamond đang là mode thời thượng của Hà Nội. Tôi đồng ý liền. Tôi kiểm tiền thấy nếu đổi ra USD thì được khoảng năm nghìn rưỡi đô. Đây là số tiền kiếm được trong chuyến đi Nhật, mang hàng từ

Nhật về bán được giá cao. Tôi tính mua cái xe máy Peugeot 104, vì đi làm ở Mai Dịch xa. Xe máy Peugeot 104, 103 đang là mode của các cô gái Hà Thành. Hoãn lại việc mua xe, tôi lấy ngay số tiền đưa cho Ái Xuân nhờ đổi ra USD. Ái Xuân vừa cầm về, chàng cầm vài tờ soi qua rồi bảo: “*Ok rồi!*” và dứt luôn vào túi. Tôi chưa kịp nhìn thấy đồng Dollar tròn méo thế nào thì nó đã bay theo “*thương vụ*” của chàng.

Nửa tháng sau thấy im tịt chẳng thấy gì cả. Mải lo cưới nhưng thỉnh thoảng tôi hỏi vụ xe Diamond đến đâu rồi, chàng bảo: “*Yên tâm! yên tâm! không sao hết*”. Cưới xong vẫn không thấy gì, tôi hỏi: “*Sao không thấy anh nói gì về xe Diamond?*”. Chàng nói: “*Xe Diamond bây giờ đang tắc nghẽn.*” - “*Thế tiền kia đâu?*” - “*Tiền kia bị tắc chỗ kia rồi, yên tâm đi, không mất đâu, chỉ tắc thôi.*” Tôi chẳng hiểu tắc thế nào, tắc vì cái gì nhưng không muốn hỏi kỹ, đang tuần trăng mật mất vui.

Hôm sau chàng nói: “*Vụ xe Diamond mình phải chờ chút. Bây giờ chuyển sang thuốc lá Ba số (555) đang rất được, vụ này nhỏ lẻ đánh nhanh thắng nhanh*”. Lại phải cần vốn nữa. Tôi chẳng tin lắm nhưng vợ chồng mới cưới chưa đầy tháng chồng bảo đưa tiền chẳng lẽ không đưa. Còn ít tiền, tôi móc hết ra đưa chàng. Duy nhất còn sáu bảy chục đồng tôi giấu trong quần áo. Đi diễn Hải Phòng tôi tính mang đi mua xe đạp mini của dân Vosco hay buôn xe về theo đường tàu thủy. Lục trong tủ chẳng thấy tiền đâu. “*Ôi anh ơi!*” - “*Em tìm gì?*” - “*Em định đi mua xe đạp mini dưới Hải Phòng, sao tìm mãi không thấy tiền đâu cả?*”. Chàng không nói gì cả. Tôi thấy nghi nghi bèn hỏi: “*Thế xe Diamond với thuốc lá ba số đâu anh?*”. Mặt chàng biến sắc lạnh như băng, thùng thẳng đáp: “*Thế này nhá: cả tiền xe Diamond, cả tiền thuốc lá ba số, cả bảy chục đồng kia em quên đi nhé!*”. Tôi sửng người: “*Quên là quên thế nào?*”. Chàng nói như ra lệnh: “*Tốt nhất là đừng nhắc tới nó nữa*”. Tôi im tịt. Thế là xong. Thất vọng tràn trề.

Tôi không dám nói với ai chuyện này. Về nhà không dám nói tí nào với ba má. Ba má hỏi: “*Con đi hát Nga hát Nhật không mua lấy cái xe máy mà đi*”. Cầm miệng hén, không dám ho he. Giá tôi thú thật

với ba tôi chuyện này thế nào ông cũng tìm ra cho bằng được vì sao chàng tiêu tiền đến thế. Ba tôi có biệt tài này, lắm khi ông hệt như Sherlock Holmes vậy, chuyện gì cũng tìm ra được manh mối. Chỉ khi trả lời được câu hỏi đó mới có thể tìm được lối thoát cho cuộc hôn nhân. Đây là hướng đi đúng, nhưng tôi đã không làm. Tôi im lặng sống với khối kín như bưng ấy. Cũng là tuổi trẻ, vợ chồng mới cưới cứ tình cảm cặp kè đi diễn chỗ nọ chỗ kia, rồi cũng nguôi ngoai. Cuối cùng mọi chuyện theo nhau qua đi. Lắm khi nghĩ đến cũng buồn nhưng chậc lưỡi thôi kệ, còn trẻ, còn làm được, đến đâu hay đó.

Năm 1980, ra Tết hai đứa theo gia đình chồng dọn về số 8 Trần Hưng Đạo. Nhà số 8 Trần Hưng Đạo của Thông Tấn xã Việt Nam phân cho bố mẹ chồng. Nhà có 4 phòng, phòng bố mẹ trước rồi đến phòng chàng và tôi, sau đó là phòng hai đứa em. Một hôm em trai chàng về nhà khóc lóc. Các cụ lôi vào phòng tra hỏi, cậu em bảo phải đi vay tiền để trả nợ cho chàng. Tôi hoảng lên tra hỏi chàng số tiền nợ bên Nga là bao nhiêu. Chàng cứ quanh co mãi cuối cùng mới vỡ lẽ ra chàng nợ gần hai vạn rúp. Không phải 2.700 rúp mà gần hai vạn rúp trời ạ. Tôi chết sống, như rơi xuống vực thẳm.

Bên Nga có tôi hậu thư là, nếu không trả họ sẽ sang sứ quán làm um lên. Ông bố đang là chánh văn phòng, bí thư đảng ủy nữa. Chàng đang ở đỉnh vinh quang vẻ vang thế mà dính vào chuyện đó còn ra cái gì. Gia đình mới bàn nhau gửi mua quần bò, áo cành mai cứ ai sang Nga ông già cũng gửi hàng sang bán đi trả nợ. Với lợi thế là chánh văn phòng và là người đáng trọng, ai đi Nga ông đều biết và nhờ mang hàng, cũng chẳng ai nỡ chối từ. Tôi đi Nga vừa đi hát vừa kiêm nhiệm vụ mang hàng sang bán trả nợ cho chàng. Hè năm 1980 tôi chuyển về Nhà hát Tuổi Trẻ, vì chàng làm ở đấy, nghĩ vợ chồng làm cùng nhau, biểu diễn cùng nhau, thôi thì cố gắng gây dựng cả sự nghiệp, cả kinh tế khá lên vì đang nợ ngập đầu. Lúc đó may lại rất đắt show diễn, chàng chạy đằng chàng tôi chạy đằng tôi. Tôi có bầu ba tháng vẫn lao vào diễn như điên. Có khi một ngày diễn bảy nơi. Đi xe đạp chạy show hót hải. Một lần diễn về trượt hòn gạch ngã xuống đường. Mất luôn em bé. Cay đắng vô cùng.

Thấy Nhà hát Tuổi Trẻ nặng về kịch - cô Hà Nhân Giám đốc và chị Phạm Thị Thành phó Giám đốc đều dân kịch hết, ca nhạc khó mà phát triển. Mặt khác, do cần thêm người để gây dựng Ca nhạc nhẹ thật vững mạnh nên thầy Nguyễn Văn Thương hối thúc tôi trở về. Vì thế chưa đầy một năm, tôi lại xin về Nhà hát Ca múa nhạc Trung ương. Về Nhà hát Ca múa nhạc tôi được chọn đi thi ở Dresden - Đức và được giải thưởng.

Trả nợ liên tục cho đến cuối năm 1982 tôi đi Đức, ghé qua Nga, cô bạn Galia người Nga báo tin: “*Ái Vân, hết nợ, xong hết rồi*”. Mừng ơi là mừng, thoát được một việc khủng khiếp, tưởng như trút được gánh nặng ngàn cân. Thế là xong, tin chắc chàng rút được kinh nghiệm, từ nay vợ chồng chăm chỉ làm ăn, tay không vẫn dựng được cơ đồ, không lo.

Do được giải thưởng lớn ở Festival Dresden năm 1981, tôi được mời dự Festival Dresden năm 1982 với tư cách khách mời danh dự rồi sau đó diễn vòng quanh nước Đức. Chương trình kéo dài hai tháng, sau đó tôi được mời qua tiếp Ba Lan biểu diễn. Sau mấy tháng đi biểu diễn xa nhà, đến cuối tháng 11 năm 1982 tôi về nước. Mọi khi đi diễn nước ngoài về chỉ có ba tôi hoặc một vài người trong gia đình tôi đi đón. Lần đó không hiểu sao lại đông đủ hết gia đình hai bên cùng ra phi trường đón tôi, rất lạ. Xe đưa thẳng về số 8 Trần Hưng Đạo. Tuy bay chặng đường dài rất mệt nhưng không hiểu sao tôi không được về phòng mình ngay, bố mẹ chồng cứ giữ lại bên phòng các cụ nói chuyện. Ba má tôi và bố mẹ chồng cứ chuyện đông chuyện tây một hồi, câu chuyện cứ nhạt dần. Tối rồi, mệt rồi, đói nữa. Tôi cứ ngáp ngắn, ngáp dài.

Cuối cùng tôi tự mình đề nghị: “*Thôi thế chắc phải nghỉ thôi nhỉ, con mệt quá*”. Khi đó mẹ chồng mới mếu máo: “*Con ơi con, con đi vắng ở nhà tự nhiên điện tăng đột ngột. Nó đang làm nhạc để diễn tự nhiên điện tăng lên, cháy hết cát xét, ti vi, tủ lạnh, còn cái xe máy ở nhà thì mang đi sửa mấy hôm nữa mới lấy về*”. Điện Hà Nội lúc đó lên xuống rất thất thường, việc cháy đồ vì tăng điện cũng xảy ra nhiều, không có gì lạ. Tôi chỉ ngạc nhiên không hiểu cái xe máy thì dính dáng gì đến điện và sao mẹ lại mếu máo quá mức cần

thiết. Tôi nói: *“Thôi mẹ, nợ nần trả rồi, mấy thứ đó cháy rồi sau mua sắm lại thôi mà. Mẹ đừng buồn quá”*.

Về phòng hai vợ chồng, vừa mở cửa tôi sững lại. Mặc dù mẹ chồng đã rào trước đón sau rồi nhưng khi mở cửa có gì đó rất lạnh và rất trống ập vào ngực tôi. Phòng chỉ còn một cái giường, một cái quạt trần và một cái tủ quần áo, ngoài ra tất cả những gì đáng giá trong nhà đều không còn ở đó nữa. Tôi vẫn chỉ nghĩ vì sự cố điện chứ không hề nghĩ đến chuyện khác. Vừa thở phào vì niềm vui sạch nợ ở nước Nga nên khó lòng hình dung ra bi kịch khác còn kinh hồn hơn.

Đêm hôm đó chàng không ngủ được, cứ bồn chồn ngồi lên nằm xuống. Nghe có tiếng động gì đó là chàng bật dậy, ngồi im trong màn, nhìn ra phía sân nghe ngóng. Tôi ngạc nhiên: *“Sao anh không ngủ đi?”* Chàng lặng thinh, nét mặt là lạ, bất bình thường. Khoảng 10 giờ sáng hôm sau như thường lệ mỗi khi đi nước ngoài về, tôi mở va li lấy quà chia cho mọi người thì ba tôi và Ái Xuân đi sang. Ba sang phòng bố mẹ chồng nói chuyện, Ái Xuân vào phòng tôi thì thào: *“Có bất kỳ thứ gì đáng giá thì mang về nhà ngay lập tức”*. Tôi hoảng lên: *“Là sao?”*. Xuân nói: *“Ông nợ khắp Hà Nội rồi chị ơi, hết một triệu bảy!”*. Sét đánh ngang đầu tôi. Vàng lúc đó một chỉ 80 đồng, một triệu bảy nó khủng khiếp đến thế nào.

Đến bữa trưa. Nghe tiếng chuông công, vừa đi ra hỏi: *“Ai đấy?”*. Lập tức có người kêu rống lên: *“Ôi giới! Vân ơi là Vân!... giả tiền tôi đi!”*. Bắt đầu từ đó trở đi cứ đến giờ cơm là hết người nợ đến người kia tới đòi nợ. Thư đòi nợ tới tấp, thông thiết cũng có van xin cũng có đe dọa cũng có, đủ hết. Suốt tuần công an gọi tôi lên hỏi chung quanh chuyện nợ nần và những chuyến đi nước ngoài của tôi. Một mỗi vô cùng. Thì ra tôi mãi đi nước ngoài không biết, chuyện đã âm cả Hà Nội từ lâu rồi. Qua tìm hiểu, tôi lờ mờ hình dung ra cách chàng mượn nợ na ná chuyện ông Nguyễn Văn Mười Hai của Nước hoa Thanh Hương thời điểm này vậy, là thế này: Chàng nói với người ta rằng đang có những chuyến buôn của chuyên cơ, cần đánh hàng, đây có chừng này rồi, thiếu chừng này nữa, góp vào đây rồi cứ một tháng là lãi 15- 20 %. Hồi đó có

chuyện chuyên cơ chờ hàng thật, nghe vậy ai cũng tin. Với lãi suất khủng vậy ai cũng ham.

Những người đầu thì lấy lời thật, có những người chơi từ đầu vài ba tháng đã gần lấy hết vốn rồi. Cả nhà tôi đều theo chàng, mấy nhà thông gia cũng theo chàng luôn. Thấy nhà tôi theo ai mà không theo. Anh Văn, rồi Ái Xuân, Văn Hai mới đi diễn Tây Đức về có cassette 777, xe gắn máy đều bán đi đồ tiền theo chàng chơi cho bằng hết. Ba tôi bỏ thuốc lá từ lâu, khi cho vay lấy lãi có tiền rủng rỉnh ông hút trở lại. Con anh Văn nghịch bật lửa của ông bán bật lửa đầu phố Nguyễn Du, ông mách ba tôi: “*Coi chừng cháu ông làm hỏng bật lửa của tôi đấy*”. Bật lửa lúc đó cũng quý hiếm lắm. Ba tôi nói như đại gia: “*Cứ cho cháu nó chơi, hỏng bao nhiêu tôi đền*”. Nghe ông nói cứ như thời của “*Công tử Hà Thành*” đã trở lại. Hóa ra mỡ nó rán nó, chàng lấy tiền mượn người sau trả lãi cho người trước, trả một lúc thì hết tiền trong khi nợ ngày một chất chồng.

Vậy là đồn rầm lên: “*Thằng này nó lừa đảo rồi!*”. Các chủ nợ nháo nháo đòi nợ, xiết nợ. Bây giờ mới vỡ ra chàng dính khắp Hà Nội. Văn nghệ sĩ Hà Thành quen chàng nhiều người cũng bị cuốn theo. Được biết đến lừng lẫy như đạo diễn Nguyễn Đình Nghi hay họa sĩ Doãn Châu cũng dính nhưng vì thương chàng nên nhắm mắt cho qua. Tóm lại từ thượng tầng tới dân nghèo, từ mấy bà bán giò chả ngoài chợ tới sinh viên mới ra trường, cả Hà Nội như đang lên cơn sốt vì đòi nợ. Nhiều người mất tiền chỉ biết đắng cay ngậm bồ hòn vì thân quen quá nên chẳng nỡ đòi nhưng không ít người vì “*của đau con xót*”, vì mất nhiều hoặc tuy mất số không lớn nhưng là tiền kiếm bằng khó nhọc mồ hôi nước mắt nên phải cương quyết đòi bằng được. Không một bữa cơm nào không có người xông vào nhà đòi nợ. Lúc này tôi mới hiểu thế nào là cơm chan nước mắt. Tôi không thể hiểu chàng vay để làm gì, nếu vay làm ăn buôn bán thì trong nhà phải có của chứ, tại sao của cải lại đội nón ra đi?

Bố mẹ chàng đã gặp công an, đề nghị công an bắt chàng. Nhưng công an không bắt. Họ bảo sợ “*ném chuột vỡ bình*”. Bình là tôi, vì tôi vừa được giải Grand Prix, nếu bắt chàng điều tra thì ảnh hưởng

uy tín của tôi. Tôi không nghĩ vậy, họ chưa bắt vì muốn dò tìm thêm nhiều manh mối. Họ nghi cả tôi. Công an nghi ngờ chuyện vay nợ của chàng có liên quan tới các cuộc đi hát nước ngoài của tôi, giống như có chuyện hoạt động bí mật gì đấy. *“Nếu không thế thì một triệu bẫy dùm vào việc gì?”*. Câu hỏi rất có lý. Tôi không trả lời được còn chàng vẫn cứ kín như bưng. Chàng chỉ có mỗi câu trả lời: *“Chuyện này nó dài dòng văn tự lắm, nhà không hiểu được đâu”*. Tôi nói: *“Cứ thế này có khi anh giết người rồi về anh nằm cạnh em thì em cũng không biết. Có chuyện gì phải nói ra chứ. Thế tại sao anh làm ăn có tiền không cho em biết, bây giờ thất bại đổ bể lại đòi đến em là thế nào?”*. Chàng không có câu trả lời. Nhà chàng cũng thế. Không biết chàng có nói với bố mẹ chàng không, chắc là không, vì chuyện này nhà chàng cũng tan nát bao nhiêu là chuyện...

Hàng xóm, bà con, bạn bè, đồng nghiệp... khi không làm gì được chàng liền chĩa mũi dùi vào tôi. Cả Nhà hát Ca múa nhạc cũng ghẻ lạnh và dè chừng. Sau kết quả cuộc thi năm trước, có thể nói năm 1982 là một năm thăng hoa nhất trong sự nghiệp của tôi. Nhờ được giải Grand Prix nên được biết sang năm 1983 tôi sẽ được lên hai bậc lương, rồi chiến sĩ thi đua, và được danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú đợt đầu... Nhưng bây giờ tất cả đều bị cúp hết. Những chương trình diễn quan trọng tôi cũng không được diễn. Liên hoan Orfeus vàng ở Bulgaria là liên hoan ca nhạc quốc tế uy tín nhất trong hệ thống Xã hội Chủ nghĩa, kể cả Âu châu, tôi vinh dự được Ban tổ chức mời đích danh nhưng Bộ Văn hóa không cho đi. Tất cả xa lánh tôi. Chưa lúc nào tôi cảm thấy đơn độc như lúc này. Điều duy nhất để bám víu vào là sự nghiệp ca hát thì giờ đây, sự nghiệp cũng coi như mất hết, sạch sành sanh!

Gia đình tôi họp năm lần bảy lượt yêu cầu tôi li dị chàng. Ba tôi ra tới hậu thư: *“Thằng này lừa đảo, mày phải bỏ nó. Nếu mày còn muốn sống với nó có nghĩa mày cũng là con lừa đảo. Thì thôi, không còn gì để nói nữa rồi”*. Cùng đường rồi. Lúc đó tôi nghĩ chỉ có con đường chết. Mỗi lần từ nhà phố Huế về nhà chồng là mỗi lần khóc ròng. Có lần nhìn xe tải đi ngược chiều tôi chỉ muốn lao đầu vào. Nhưng rồi nghĩ lại, ai cũng nghĩ mình đáng đáng với

chuyện của chàng, mình chết đi ai thanh minh cho mình? Nhờ nghĩ vậy mà vượt qua được cái chết thoáng trong đầu.

*

Phải li dị thôi, tôi quyết định. Một chiều cơm xong tôi nói: *“Em không thể sống như thế này được. Nợ nần là một chuyện, cái chính là em phải hiểu anh đã làm cái gì để dẫn đến tình trạng như thế này”*. Chàng hỏi: *“Em hiểu để làm gì?”*. Tôi chán ngán nói thẳng: *“Tội mình chia tay thôi, không còn con đường nào khác”*. Chàng đang ngồi cạnh tủ liền vớ cái kéo đâm vào cổ. Tôi sợ quá hô hoán lên, gọi bố mẹ chồng đến. Chàng cũng cùng đường rồi, thâm tâm tôi rất thương chàng nhưng việc sống với nhau là không thể.

Tôi không dám chia tay theo kiểu nói chính thức như thế nữa. Tôi về nhà nói với ba má: *“Con quyết định rồi, con sẽ chia tay”*. Ba má nói: *“Tốt quá, mừng quá. Mất của phải cứu lấy con”*. Ba má lên kế hoạch trước mắt phải tách hai đứa ra cái đã. Nhân một buổi đi xem diễn ở Nhà Hát lớn, ba má cũng đi xem, sau đó tôi theo ba má về phố Huế luôn. Các cụ cử Ái Xuân sang nhà chàng nói: *“Chị Vân đi xem bị cảm lạnh, phải về phố Huế nằm nghỉ”*. Tôi ở luôn bên đó và viết đơn li dị. Mấy hôm sau ba và anh Sơn sang số 8 Trần Hưng Đạo lấy đồ đạc của tôi về.

Khi theo thủ tục của Tòa phải gặp nhau hòa giải, chúng tôi chọn nhà bố mẹ vợ anh Hà Quang Sơn ở Nguyễn Du. Tôi rất sợ chàng lại làm liều nên phải cậy nhờ công an. Giám đốc Sở Công an Hà Nội lúc ấy là chú Lê Nghĩa rất quý gia đình tôi. Lên gặp chú Nghĩa, tôi nói: *“Cháu chỉ sợ anh ấy làm liều. Nhờ chú giúp đỡ”*. Chú bảo: *“Cái này không phải nhiệm vụ công an, nhưng vì bảo vệ gia đình, và bảo vệ cháu nên các chú sẽ cử hai công an đứng sau cánh cửa, nếu có chuyện gì nguy hiểm, cháu cứ kêu lên, họ sẽ xông vào can thiệp”*.

Cuộc hòa giải êm thấm. Chúng tôi ngồi nói chuyện ở trước cửa nhà, rất yên tâm vì biết đằng sau cánh cửa là hai anh công an. Cuộc nói chuyện nhẹ nhàng vì cuối cùng chàng hiểu ra và chấp nhận. Chắc chàng thấm đủ lắm rồi, suốt mấy năm trời chàng quá thấm đủ.

Ngày chia tay chàng đến nhà đón tôi đi, hai đứa lên Tòa ở Hàng Trống, Hoàn Kiếm. Nghe tòa tuyên và ký một số giấy tờ rồi chờ nhau đi ăn bún chả ở Hàng Mành. Tôi mua tặng chàng cái kính râm. Cuộc chia tay lặng lẽ và lịch sự.

“Tập Hai”

Tôi đã cố gắng viết cho xong mục này - 8.808 từ cả thảy. Câu chuyện chưa từng kể ra này cho biết lý do vì sao tôi buộc phải rời Tổ quốc năm 1990 khi tôi đang được Nhà nước có nhiều ưu ái. Nhưng vì câu chuyện quá đau đớn, khi đọc lại tôi không thể chịu nổi. Con trai tôi - nếu đọc được phần này - chắc chắn cũng sẽ không chịu nổi. Vì thế - sau nhiều đêm suy nghĩ - tôi xin lỗi bạn đọc - cho phép tôi được xóa trắng mục này!

Cuối năm 1982 đầu năm 1983 khi tình duyên của tôi với chàng Tập Một đang rơi xuống vực thẳm, tất cả mọi người đều xa lánh tôi trừ một người, đó là chàng. Chàng là nghệ sĩ múa ở cùng Đoàn nhạc nhẹ 1 với tôi. Cùng đi pắc với nhau từ những ngày đầu ca hát thời bao cấp, quen biết đã từ lâu nhưng tôi không mấy quan tâm đến chàng vì chàng đã có bồ, có bồ và có vợ. Chàng cũng ít khi quan tâm đến tôi, gặp nhau cười chào vui rồi ai vào việc nấy, chẳng bao giờ tâm sự. Vào thời điểm bi kịch cùng cực của tôi, khi không một ai chịu chia sẻ, từ nhà ra ngõ, từ ngõ đến cơ quan, từ cơ quan đến sân khấu tôi chỉ thấy xa lánh và ghẻ lạnh. Tôi chỉ muốn chết. May có chàng đã đến với tôi, chia sẻ cùng tôi. Chính chàng nói với tôi: “Em phải sống để chứng minh mình vô tội”. Lời nói đó đã giúp tôi thoát qua cái chết.

Ngày ngày chàng đưa đón tôi đi diễn bằng chiếc xe máy phân khối lớn. Chúng tôi nói chuyện với nhau nhiều sau mỗi đêm diễn, chủ yếu chàng động viên tôi cố gắng vượt qua bi kịch. Rất nhiều lần tôi đã khóc sau lưng chàng. Không hề chê trách chửi mắng người đã gây ra tấn bi kịch là chồng tôi, chàng chỉ lặng lẽ chia sẻ nỗi đau của tôi thôi. Chàng nói: “Mỗi người một cảnh. Gia đình anh có hạnh phúc đâu, cũng đang giai đoạn làm giấy tờ”. Câu nói đó làm tôi gần gũi với chàng hơn, không phải vì thông tin “đang bỏ vợ” của chàng, cái chính là tôi có được một người cùng cảnh.

Buổi chiều tôi nói lời chia tay với chàng Tập Một và chàng Tập Một lấy kéo tự đâm vào cổ, tôi rời nhà chồng đi diễn trong tâm trạng đau đớn cùng cực. Chàng đứng chờ tôi ở ngõ..Suốt đường đi, tôi chỉ gục mặt trên lưng chàng lặng lẽ khóc vùi. Chàng yên lặng chạy xe khắp phố và chỉ dừng ở điểm diễn khi tôi đã nguôi ngoai. Tôi biết ơn vì điều đó và thầm nghĩ đây là người đàn ông có thể che chở cho mình. Chúng tôi yêu nhau từ đó.

*

Khi tôi rời nhà chồng Tập Một về nhà cha mẹ, mẹ chồng quý hóa giao cho tôi chiếc xe máy của tôi mà bà đã giấu nó tại văn phòng TTX để không bị xiết nợ. Mừng quá, tôi bán cái xe đó lấy tiền làm cái gác xép ở phòng ba má làm chỗ ở của riêng tôi. Chàng và một người bạn tốt đã giúp tôi mua gỗ gọi thợ. Gác xép làm xong chàng còn tặng tôi con chó Nhật lông trắng như tuyết, “để em làm bạn khỏi buồn”. Cả nhà tôi đã phát hiện ra tôi với chàng đã tình ý với nhau. Người phản đối đầu tiên là Ái Xuân. Xuân không thích chàng, cho là chàng vũ phu. Xuân công khai nói thẳng chàng: “Em bỏ phiếu chống anh.” Xuân kể cho ba má chuyện chàng đánh vợ chàng thế nào, đánh cô bồ chàng ra sao. Ba má tôi bán tính bán nghi. Ba đi hỏi dò, ai cũng khuyên “đừng giây với nó, nguy hiểm lắm đấy.”

Rất nhiều người trong đoàn ra sức khuyên nhủ tôi, nói: “Mày vội quá em ạ. Tránh võ dừa gặp võ dừa, mày không chịu nghe tụi anh rồi khổ đấy”. Khuyên ngăn tôi không được, anh Mạnh Hà dùng biện pháp hành chính để tách tôi và chàng. Anh cấm chàng xách đồ cho tôi khi lưu diễn, anh còn đòi kỉ luật chàng khi thấy chàng cứ cặp kè bên tôi. Biết anh Mạnh Hà và mọi người thương tôi nhưng tôi cũng không nghe lời họ. Tôi có cái tính lì, càng ngăn cản tôi càng lao vào. Trước đây ba tôi khi khuyên tôi bỏ chàng Tập Một, ông nói: “Mày phải bỏ thằng đó ngay rồi mày lấy thằng hủi cũng được.” Nhưng khi biết tôi yêu chàng Tập Hai này ba tôi phản đối ầm ầm. Bữa cơm nào cũng nghe ba nói thế này nó thế kia nhưc cả đầu. Tôi nói: “Ba toàn nghe đồn đại đầu đầu, miệng lưỡi thế gian tin làm sao được.” Suýt nữa ba tôi liệng cả mâm cơm ra sân.

Vài hôm sau tôi đang ngồi trên gác xép bỗng nghe tiếng vợ cũ chàng tới chơi nhà. Chị mới ly hôn chàng ít lâu. Chị ngồi dưới phòng ba má tôi kể chuyện về chàng, thực ra muốn kể cho tôi nghe. Tôi ngồi trên gác xép nghe rõ môn một. Nghe chị kể tội chàng thì... thôi rồi. Tóm lại chàng không được một điểm nào. Vũ phu, lưu manh, nói dối, rượu chè, cờ bạc, hăm dọa vũ khí... đủ tội. Chị ra về, ba tôi nhóng cổ lên hỏi: “Con nghe rõ chưa?”. Đoán ba tôi bố trí vậy để cho tôi nghe, tôi nói: “Ba có thấy trên đời lại có ai xấu xa đến thế không?” Ba tôi tức điên nhưng không cãi được. Quả tình ông chưa thấy ai đủ tội đủ tật như vợ chàng nói về chàng. Khi đó tôi không hề biết rằng vợ chàng vì thương tôi mà tới nhà nói hết để cho tôi không đi theo vết xe đổ của chị, tôi chỉ nghĩ bà này bị chàng bỏ nên ghen tức, không ăn muốn đập cho đồ đó thôi. Đây là sai lầm của tôi, một sai lầm không thể tha thứ được.

Những gì vợ chàng kể, vũ phu, nói dối, cờ bạc, rượu chè... tôi đều biết cả. Ở cùng đoàn với nhau nào có lạ gì. Tôi biết hết nhưng tự biên minh cho chàng. Tửu lượng chàng rất khá, ít khi say sưa lè nhè, thế thì có gì đáng sợ? Cả việc dọa đánh dọa giết đều có lý do, đâu như bọn lưu manh ngoài phố thừa năng lượng làm càn. Chuyện vũ phu không phải tôi không biết, chính tôi đã nghe chuyện chàng xiết cổ cô bồ, bịt gối vào miệng khiến cô bồ suýt chết ngạt. Có lần chàng còn đòi nổ lựu đạn. Nhưng tôi nghĩ đàn ông nóng nảy ai chả làm thế. Ngay việc hăm dọa vũ khí chính chàng cũng đã khoe: “Ngày xưa cãi nhau ở nhà vợ, anh để trái lựu đạn giữa bàn. Không ai dám ho he”. Nhưng tôi thấy không có gì nghiêm trọng.

Một lý do quan trọng khiến tôi đã tắc lưỡi cho qua hết nhưng lời cảnh báo và khuyên nhủ của gia đình bạn bè, đồng nghiệp, bởi vì sự giận dữ của tôi với mọi người. Trong bi kịch lớn ở Tập Một thì gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã không sát cánh bên tôi, họ đã cố tình xa lánh tôi, khinh bỉ và nghi ngờ tôi, nhưng khi tôi đến với người đàn ông không bỏ rơi tôi lúc hoạn nạn thì họ lại ra sức ngăn cản. Phản ứng của sự giận dữ khiến tôi bỏ ngoài tai tất cả. Thêm nữa, sự tự tin thái quá của tôi đã gây hại cho chính tôi. Lúc đó tôi nghĩ mình yêu chàng, chiều chàng, chung thủy với chàng, sống tốt với chàng thì không lý gì chàng lại đánh đập hành hạ mình cả. Và

lại chính chàng nhiều lần nói với tôi rằng đây lần đầu tiên chàng biết đến tình yêu, những lần trước chỉ là thương, quý nhau thôi. Tôi tin điều đó vô cùng.

Một năm sau khi chia tay với chàng Tập Một tôi quyết định làm đám cưới với chàng. Tôi vui vẻ cùng chàng đi đăng kí kết hôn trước sự thờ dài của ba má và cả nhà. Đám cưới vào ngày 30/6/1984. Đám cưới nhỏ có ba dãy bàn nhỏ ở tầng hai nhà hàng Bodega phố Tràng Tiền, toàn Đoàn nhạc nhẹ 1, vợ chồng chú Phạm Đình Sáu cục trưởng cục biểu diễn, ba má tôi, vợ chồng Ái Xuân và vợ chồng tôi. Chàng đến đón tôi bằng chiếc xe máy phân khối lớn của chàng, hai đứa ăn mặc bình thường, không áo quần cô dâu chú rể.

Sau đám cưới, Nhà hát Ca múa nhạc phân cho vợ chồng tôi một phòng ở lầu ba, Khu tập thể văn công Mai Dịch. Phòng ngay đầu hẻm, cạnh phòng anh Quang Huy, có 5 cửa sổ mùa hè rất thoáng mát. Chúng tôi sống ở đó những ngày đầu thật hạnh phúc. Chàng trù lên cuộc sống của tôi, mọi thứ đã có chàng sắp đặt, tôi không phải lo nghĩ gì. Chàng thích áp đặt mọi thứ và tôi cũng thích được chàng áp đặt. Ngay cả khi đi diễn, hát bài gì, diễn thế nào, ăn mặc ra sao nhất nhất đều do chàng thu xếp. Tôi không thấy có gì khó chịu, thậm chí thấy hạnh phúc có được một ông chồng bao sân hết mọi thứ. Cũng giống như má Ái Liên của tôi, từ nay tôi chỉ biết yêu chồng, hát và sinh con. Má tôi hạnh phúc thế nào tôi cũng hạnh phúc thế ấy, tôi tin như thế và vui vẻ sống theo niềm tin ấy. Ngờ đâu đây cũng chính là một sai lầm.

*

Cưới nhau được vài tháng thì xảy ra cú sốc lớn nhất trong đời tôi. Nó bắt đầu từ một câu chuyện nhỏ, rất nhỏ những ngày đầu tháng 10 năm 1984.

Kỷ niệm 30 năm Giải phóng Thủ đô, Hà Nội tổ chức chương trình kỷ niệm rất hoành tráng. Hà nội cử 3 ca sĩ Đoàn ca múa nhạc nhẹ Trung ương phối hợp Đoàn nhạc nhẹ Sài Gòn làm chương ca nhạc mừng 30 năm Giải phóng Thủ đô. Mở đầu là một buổi diễn có tính

chất chính trị, chỉ mỗi người hát một bài tiêu biểu của hai miền, những đêm sau mới “bùng nổ”, ai có bài tử đều sẽ tung ra trong những đêm diễn doanh thu. Sau một thời gian dài im lặng chờ thời, giờ đây nhạc nhẹ Sài Gòn bắt đầu trỗi dậy. Đoàn nhạc nhẹ Sài Gòn ra Hà Nội đợt này có những tên tuổi rất xịn: Hồng Vân, Cẩm Vân, Ngọc Bích, Đình Huân, Ngọc Quyên... Họ là những ngôi sao nổi tiếng Sài Gòn lúc bấy giờ. Đặc biệt Ngọc Bích, chị được gọi là nữ hoàng nhạc nhẹ.

Phía Hà Nội có Quang Huy, Lệ Quyên và tôi tham gia diễn chung với Đoàn Sài Gòn. Ngày Đoàn Sài Gòn chạy chương trình chúng tôi có đến xem. Mới xem vài tiết mục ba anh em chúng tôi đã choáng. Nhạc nhẹ Hà Nội dù có phong cách riêng nhưng vì sau 1975 mới hồi sinh chưa đầy chục năm không thể bằng nhạc nhẹ Sài Gòn có mấy ba chục năm liên tục phát triển. Ngay cả những người hát sau này họ vẫn có ảnh hưởng được cái nền nhạc nhẹ vốn có. Phải nói Đoàn nhạc nhẹ Sài Gòn đồng bộ một cách rất chuyên nghiệp. Đồng bộ và hiện đại, từ âm thanh, ánh sáng tới dàn nhạc. Âm thanh của Sài Gòn thì tuyệt hảo. Ngay dàn trống đã choáng, họ căn trống rất là hay. Khắc Triệu đánh hết chê. Tiếng nhạc vừa nổi lên nghe đã thấy đã, âm thanh căn đầy đặn, tuyệt vời.

Chúng tôi nhìn nhau vừa thán phục vừa lo. Các ca sĩ Sài Gòn đã hát hay lại hát trùng những bài tử của chúng tôi. Ví dụ bài *Woman in love* là bài tử của tôi càn quét cả năm trời thì giờ đây Ngọc Bích hát. Ngọc Bích chẳng những hát chuẩn tiếng Anh hơn tôi mà giọng cô rất đầy, giọng thổ rất hay, tôi không thể bì kịp. Quang Huy và Lệ Quyên cũng rơi đúng hoàn cảnh như tôi, những bài tử đã “bị” ca sĩ Sài Gòn hát cả. Chủ nhà không ai đi giành bài hát của khách. Giả sử có giành được mình không thể hát ra chất bằng họ. Nếu đem bài cũ ra còn chết nữa. Tóm lại là thua, từ âm thanh ánh sáng đến dàn nhạc, bài hát và ca sĩ, thua toàn diện. Thú thật nghe Đoàn nhạc nhẹ Sài Gòn hát chúng tôi thấy mình bị quê một cục, không ai nói ra nhưng ai cũng thấy vậy.

Ngày hôm sau phải diễn rồi, tôi gặp anh Quang Huy, hỏi: “Anh Huy ơi, mình thế nào?” Quang Huy ôm cổ họng nhăn nhó, vừa nói

vừa ho: “Anh khan tiếng quá, sợ không hát được. Mấy hôm vừa rồi ho quá em ạ.” Quang Huy ho ho khạc khạc như sắp chết đến nơi. Tôi tìm đến Lê Quyên, nói: “Quyên ơi, anh Huy khan tiếng rồi, chỉ em mình sao?”. Lê Quyên chẳng những ôm cổ họng ho ho khạc khạc như Quang Huy mà còn ôm cả bụng nữa: “Em cũng đau cổ... em cũng ho”- Lê Quyên lại ho ho khạc khạc- “Mà em còn đau bụng đi ngoài nữa...Tào Tháo đuổi mấy hôm rồi chị ơi!” Tôi thấy toi rồi, bụng cũng đã tính sẵn bài chuẩn.

Trong ngày hôm đó nhà tôi có chuyện: Tiến Dũng chồng Ái Thanh xong nhiệm kì báo ảnh TTX bên Nga về. Dũng có gửi thùng hàng. Thùng hàng về đến Hải Phòng, Tiến Dũng với Văn Hai chồng Ái Xuân xuống Hải Phòng lĩnh hàng. Hai anh em đồng hao xuống Hải Phòng hai ngày không có tin tức gì về, cũng lo. Xưa làm gì có internet, điện thoại di động đâu. Chàng nói: “Chắc anh phải xuống Hải Phòng xem thế nào”. Chàng to khỏe hàm hồ lại có nhiều mối quen biết trong giới giang hồ ở Hải Phòng. Sáng đó dắt xe máy ra khỏi nhà, trước khi vù xuống Hải Phòng chàng dặn đi dặn lại: “Cấm không hát hò gì cả đâu nhá. Nói trước rồi đấy.” Tôi “vâng” và đinh ninh mình sẽ nghe lời chàng.

Chàng đi rồi tôi lên Thành ủy gặp chú Trần Hoàn, chú là Bí thư thành ủy, phụ trách vụ ca hát kỉ niệm 30 năm Giải phóng Thủ đô. Tôi ôm cổ nhăn nhó, nói: “Chú ơi chú, bây giờ cổ cháu sưng tấy lên chú ạ” Chú Trần Hoàn trợn mắt lên: “Cái gì kì vậy mà? Sự nghiệp giải phóng Thủ Đô, Hà Nội không có đứa nào hát là sao hả mà?” Tôi vẫn nhăn nhó: “Chú ơi cháu sốt siêu vi hai hôm rồi, cổ sưng tấy lên đây này. Không tin chú cho bác sĩ khám mà xem”.- “Thế thằng Quang Huy với con Quyên đâu?”- “Dạ hai người đó bây giờ tìm không ra nữa.”. Chú ngồi im hồi lâu rồi nói, hết “mày” lại “cháu” rất dài: “Không được mà. Giải phóng Thủ đô không có một người Hà Nội nào hát là không được. Bây giờ cháu phải tham gia không thì mất mặt Hà Nội. Ốm đau gì cũng không được bỏ cuộc. Trước tiên cháu phải diễn tối nay, chương trình này rất quan trọng cho ti vi, đài , báo chí đưa tin. Chỉ cần mày hát một bài thôi. Hát xong tao chở mày vào viện, không chết đâu mà lo. Yên tâm chưa? ” Tôi vẫn kiên quyết từ chối: “Chú ơi nhưng mà cháu không

thể hát được.” Chú Trần Hoàn ngao ngán thở hắt, nói: “Thôi mày về nhà đi, lát tao xuống.”

Ăn cơm trưa xong chú Trần Hoàn xuống nhà tôi thật. Chừng 2h chiều chú đi xe Volga tới đậu trước cửa. “Nào, bây giờ mày nói rõ chú nghe tình hình thế nào?” Tôi tiếp tục ho ho khạc khạc: “Chú ơi cháu nói thật đấy, cháu đau cổ, ho quá chú ạ.” Có cả ba má tôi ngồi đấy cũng vào hùa, “Nó đau cổ thật đấy, ho suốt đêm qua.” Chú ngồi rất lâu, hạ giọng năn nỉ: “Nhưng mà cháu thử nghĩ xem, Hà Nội không có ai hát tao biết chui vào lỗ nẻ nào. Tối nay hát có một bài Hà Nội thôi, nhẹ nhàng lắm. Mày hát bao nhiêu lần bài *Hà Nội mùa thu* rồi mà, có gì khó đâu. Thôi, vì danh dự Hà Nội, vì chú, vì Bộ văn hóa, cháu ráng giúp chú hát một bài *Hà Nội mùa thu* thôi, nghen?”

Đôi co mãi không được tôi đành nói thật với chú Trần Hoàn. Chú càng ngao ngán, nói: “Tao hiểu rồi, chúng mày quá hèn. Nhưng mà thôi được rồi, tao cũng không tìm được ra ai nữa, hai đứa kia mất tích rồi”. Đúng là chú không tìm được Quang Huy và Lê Quyên nên cứ bám chặt lấy tôi. Quang Huy ở tập thể trong Mai Dịch giờ này đã chuồn đi nhậu chẳng biết tìm phương trời nào. Lê Quyên ở 24 Lương Ngọc Quyến, nhà trên gác trong ngõ hẹp, ô tô không vào được. Phở cô khó đậu xe. Lại phải lên gác. Chỉ cần nghe tiếng chân chú Trần Hoàn là Lê Quyên đã tót đi đằng nào. Mỗi nhà tôi ở 36 phố Huế dễ tìm dễ đậu xe, chú đến ám quẻ luôn: “Mày được giải cao nhất mà mày làm như thế thì mặt tao, mặt Hà Nội, mặt Bộ văn hóa nó ra cái mặt gì.”

Tôi vẫn một mực “đau cổ thật chú à.” Biết ngồi lâu khó từ chối, tôi xin phép đi chợ, “Cháu phải nấu cơm cho cả nhà”. Tôi đi chợ Hôm, đi thật lâu, tung ta tung tãng, ăn quà ăn kiếc, xong lại vào nhà Tuyết Mai múa ngồi chơi chừng một tiếng đồng hồ, về tới nhà vẫn thấy xe Volga của chú Trần Hoàn đỗ đó. Thấy tôi chú nói ngay: “Cái xe của chú không hiểu sao bị trục trặc không nổ được máy. Cho chú mượn cái xe đạp. Tối chú đằng nào cũng ra Nhà hát lớn, cháu tới đó lấy xe đạp về.” Tôi vâng và đợi hơn 7h tôi mới ra khỏi nhà, tà tà

đi bộ đến Nhà hát lớn vì biết 7h30 mở màn, mình tới trễ một chút là xong.

Đến nơi thấy nhạc nổi lên. Mở màn rồi, định ninh thoát rồi. Ai ngờ đâu vừa vào Cẩm Vân nói ngay: “Tiết mục chị Vân thứ 5, chị Vân ra em hóa trang cho.” Tôi giật mình giãy nảy, nói: “ Ôi không không... Vân có mang áo quần gì đâu”. Chị Hồng Vân mang áo dài tới: “ Cùng ơi cùng mặc áo dài chị nè, đẹp lắm, cùng mặc vừa đó”. Hóa ra chú Trần Hoàn đi đêm với hội này rồi. Mọi người xúm lại đẩy tôi vào cuộc. Ngoài sân khấu đã giới thiệu tên tôi rồi, tôi buộc phải ra. Hát xong *Hà Nội mùa thu* tôi đi vào, chú Trần Hoàn đứng ngay bên cánh gà bảo: “Xong nhiệm vụ rồi nhá, tốt lắm. Xe máy để sẵn dưới nhà, bảo chú Tam bảo vệ đưa cho.”

Tôi về nhà, biết tối nay chàng ở Hải Phòng lên tôi mua chân gà luộc cho chàng nhậu. Khuya chàng về, xuống dưới nhà rửa chân tay. Chàng thích tôi gọi đầu cho chàng. Đầu chàng có cái sẹo, tôi gọi đầu nhẹ nhàng chữa sẹo ra nên chàng rất thích. Tôi gọi đầu cho chàng, chàng hỏi: “Hôm nay ở nhà thế nào em? Có trốn được không?” Tôi kể chuyện chú Trần Hoàn, và nói: “ Em đã viện mọi lý do từ chối mà không được.”- “Thế có hát không?”- “Có, em có hát một bài *Hà Nội mùa thu*.” Chàng im lặng, không nói gì hết. Im lặng đến tê người luôn. Sau đó chàng đi lên nhà, tôi bày đồ nhậu cho chàng. Chàng ngồi nhậu, không nói gì cả. Ba má tôi cũng kể chuyện Trần Hoàn ép thế nào, bày mưu thế nào cho chàng nghe. Chàng không ừ hử gì hết.

Dù mới cưới nhau tôi cũng phân nào hiểu được tính chàng, đi diễn với nhau mấy năm trời, anh em trong đoàn đều hiểu nhau cả. Tôi biết chàng có ông bố dữ đòn, vết sẹo trên đầu chàng là do ông bố chàng phang củi tạt vào đầu. Ăn đòn nhiều, có lần chàng vừa khóc vừa hét lên : Cha chết thì ăn cơm với cá, mẹ chết thì liếm lá đầu đường. Cha chàng sống người, từ đó mới thôi. Máu dữ đòn của chàng chắc di truyền từ ông bố. Nhưng tôi không sợ, tôi tự nhủ: mình không được tạo ra lỗi gì để cái máu dữ đòn của chàng có cớ bùng nổ. Tối nay tôi không nghe lời chàng vì cái thế chẳng đáng dừng, vì khách quan tạo ra chứ không phải do tôi. Thấy chàng làm

lì tôi cũng hơi lo lo nhưng tôi nghĩ chàng chỉ giận thôi, chắc không có gì lớn lắm. Ai ngờ đâu chàng không nghĩ như tôi, chàng cho rằng việc bất tuân lời chàng dù bất kì lý do gì đều không thể chấp nhận.

Chúng tôi về phòng mình đã gần một giờ sáng. Từ khi lên giường chàng tổng xỉ vả tôi đủ chuyện hết. Đã dặn thế rồi lại còn tí ta tí tởn đi ra đây, ra đây làm gì, gặp thằng nọ thằng kia phải không? Trần Hoàn giảng bầy cô dễ mắc thế? Cô mà ngu thế à? Chỉ chừng đó thôi mà chàng nói đi nói lại cả tiếng đồng hồ. Lúc đó nếu tôi im lặng, “không cãi nhau với rượu”, tỏ ra mình có lỗi, chấp nhận để chàng xỉ vả, ít nhất tôi cũng tránh được cuộc khủng bố có một không hai trong đời. Nhưng cái tính hiếu thắng ngang ngạnh của tôi đã không cho tôi xử sự được như vậy. Tôi nghĩ tôi chẳng có gì sai cả, tại sao chàng mắng chửi tôi tàn tệ như vậy. Chửi rất độc, hết cô đến mày, hết tôi đến tao. Tôi nhin không được, cãi lại, mới đầu còn dịu dàng phân bua giải thích, sau cãi lý đốp chát.

Tôi tưởng tôi đã hiểu chàng hóa ra không. Tôi không thể hình dung rượu có thể biến đổi bản chất một con người kinh khủng đến vậy. Chàng không say theo cách người ta tưởng là nói năng lè nhè, đi đứng không vững. Về sau tôi mới biết khi chàng say là chàng lâm vào một căn bệnh vô cùng nguy hiểm: bệnh cuồng. Chàng vẫn đi lại đàng hoàng nói năng tỉnh táo nhưng khi đó chính rượu đã biến đổi toàn bộ hành vi và tư duy của chàng. Mặc cảm bị coi thường bị đè nén khi tỉnh táo, khi say nó bùng nổ thành bệnh cuồng rất khủng khiếp.

Mặc cảm bị coi thường là gì, tại sao chàng lại có? Tôi phải nói thêm đôi chút. Phải nói chàng rất có tài tổ chức và quản lý, tài này đã được chứng minh bằng Gala 90, Gala 91, Gala 92 do chính chàng tổ chức và thành công rực rỡ, đưa chàng từ một diễn viên múa lên giám đốc nhà hát. Đây là một tài năng đặc biệt hiếm có. Nếu người ta nhắc chàng lên cao như thứ trưởng, bộ trưởng tôi nghĩ chàng cũng thừa khả năng. Chỉ tiếc khi chàng lấy tôi thì tài năng đó chưa được phát lộ, nói đúng hơn chưa ai cho chàng phát lộ tài năng đó. Khi đó chàng chỉ là diễn viên múa tự học mà đi lên, với thành

công tiết mục múa đôi “*Kỉ niệm Trường Sơn*” được Huy chương vàng, chàng được biết tới nhưng không nhiều lắm. Trong khi đó tôi vừa nổi mặt vừa nổi tiếng, nổi mặt nhờ phim *Chị Nhung*, nổi tiếng nhờ giải Dresden. Đi đâu người ta cũng chỉ biết tôi, không mấy quan tâm đến người gọi là chồng Ái Vân.

Với chàng khi không rượu tỉnh táo thì chuyện đó là bình thường là chuyện nhỏ, chàng thừa tự tin để không “chấp vật”, nhưng khi rượu đủ ngấm làm tinh thần chàng bị “biến thái” thì nó là một vấn đề khủng khiếp. Một lần bất ngờ chàng gầm lên: “*Tao căm thù tất cả họ Ái nhà mày.*” Tôi lấy làm ngạc nhiên chả hiểu sao chàng lại căm thù, khi chàng hết rượu tôi nhắc lại thấy chàng đỏ mặt và chối: “*Làm gì có! Làm gì có chuyện ấy!*” Chính chàng cũng tự thấy mình có cái bệnh ấy. Chàng hay đỏ mặt chối đây đẩy những gì mình đã nói đã làm, “*Làm gì có! Làm gì có chuyện ấy!*”, chắc cũng vì chàng tự thấy mình có căn bệnh ấy chăng.

Sau ba chục năm tôi mới nhận ra ở chàng có căn bệnh đáng ghét và đáng thương ấy, còn khi mới cưới tôi hoàn toàn không nhận ra. Đó là một sai lầm, cộng thêm một sai lầm nữa là thói hiếu thắng của tôi đã đẩy tình duyên của tôi tới bờ vực thẳm.

*

Tôi đó khi tôi giờ giọng cãi lý, chàng nói: “*Đừng có giở trò chó cậy gần nhà. Cãi chồng ra rả, nếu ở Mai Dịch có dám cãi thế hay không. Giỏi thì đi về Mai Dịch cãi đi.*” Nếu tôi không rời khỏi nhà ba má, chấp nhận mang tiếng “*chó cậy gần nhà*”, để mặc chàng nói gì thì nói, ôm chần ra phòng ba má ngủ, thế là xong. Vợ chồng có mặt nặng mày nhẹ giỏi lắm chỉ một tuần, rồi hòa bình sẽ trở lại. Đó là “*sách lược*” các bà vợ trên đời đều áp dụng nếu như họ muốn yên ổn. Tôi đã không làm thế, khi chàng nói: “*Giỏi thì đi về Mai Dịch cãi đi*”, tôi nói liền: “*Đi thì đi*” và lên xe theo chàng về chung cư Mai Dịch vào lúc 5 giờ sáng.

Vào chung cư Mai Dịch, khu tập thể Nhà hát Ca múa nhạc gần 6h sáng. Quang Huy đang đánh răng ở hành lang thấy chúng tôi vui vẻ hỏi: “*Vợ chồng đi đâu về sớm thế?*” Chàng không nói không rằng

đi thẳng vào trong nhà, bắt đầu lấy giầy điện giăng hết cả 5 cửa sổ lại. Chặn luôn cửa ra vào. Tôi sợ, không hiểu chàng làm gì đây. Chàng đấm luôn, tôi ngã nhào xuống giường. Lột hết đồ của tôi ra, chàng bảo: “Cấm kêu, nếu kêu tao sẽ xiết cổ cho mày chết..”

Tôi chưa kịp định thần, chàng lấy can xăng ra. Ngày xưa đi xe máy, nhà lúc nào cũng có can xăng. Chàng nói: “Hôm nay tao sẽ đốt. Tao sẽ tưới xăng cả tao, cả mày và cả cái nhà này và sẽ đốt.” Nói rồi chàng tưới xăng hết chặn gối chiếu giường tủ bàn.v.v... tưới cả lên tôi và chàng.Tôi chết điếng. Giá tôi liều chết kêu lên rất có thể tôi đã thoát nhưng tôi không dám kêu.

Chàng lấy chai rượu thuốc mua ở Lai Châu tu một hơi và phun rượu vào mặt tôi. Tôi vừa ngóc đầu dậy chàng liền đạp chân vào mặt. Chàng chửi. Chàng chửi tôi không còn một từ ngữ nào. Chửi xong lôi tôi ra cường hiếp luôn. Từ đây đến trưa cứ tưới xong một lượt xăng chàng lại đánh, chửi, hiếp. Hoang mang, bất ngờ và khiếp sợ, lúc đó tôi chỉ khóc. Điều này quá sức tượng tượng của tôi.

Đến trưa anh Đoàn Bổng gõ cửa để đưa một bài nhờ tôi hát giúp anh. Tôi nghe có người mừng quá muốn kêu, nhưng chàng lấy dây xiết luôn vào cổ. Anh Bổng gọi mãi không được, dứt bài hát qua khe cửa. Tôi không chịu nổi nữa, vùng lên. Chàng đè nghiêng xuống, nói: “Hôm nay tao với mày cùng chết. Và chết trong tư thế trần truồng.” Tôi khóc: “Em làm gì mà anh xử thế?”- “Làm gì à? Không có nghe lời tao thì nó sẽ như thế.” Tôi khóc nghẹn, không biết nói gì hơn. Thà mình ngoại tình hay làm gì xấu xa, chỉ mỗi chuyện là đi hát mà không được phép thôi lại bị xử như thế, dù có kể ra cũng chẳng ai tin.

Đến lần tưới xăng đánh, chửi, hiếp thứ 5, không chịu được, tôi nghĩ thôi chẳng thà mình chết còn hơn, để ông xử thế thì nhục lắm. Tôi lấy con dao lén cửa mạch cổ tay trong lúc chàng nằm ngủ lịm đi không biết. Khô, con dao bài quá cùn, cửa thế nào cũng chỉ gây được một vết cắt nông choèn ri ri máu. Vừa lúc dưới nhà ồn ào, chàng vùng dậy ngồi tu rượu tì tì. Hôm đó là ngày chủ nhật, đoàn ca múa nhạc có chương trình duyệt để đi Libya, Ai Xuân tham gia.

Tôi nghe rõ tiếng Ái Xuân ở dưới sân, nghe tiếng em mình ở gần mà không kêu được.

Gần tối, xong lần thứ 7 đánh chửi hiếp, chàng lấy cái thùng đựng lương khô, nói: “Bây giờ tao, mày cùng chết. Tao để giấy tờ, chìa khóa xe máy trong thùng này, để lại tài sản cho con Ly(con gái chàng lúc đó mới 4 tuổi).” Khi đó quá mệt, nghĩ chết cho xong, tôi cũng tháo nhả má cho và dây chuyền chị Ái Loan để lại: “Em cũng để hết vào đây, để lại cho má em”. Trời tối mịt, hôm đó lại mất điện. Chàng lại tưới một lượt xăng nữa, rồi nói: “Thôi, bây giờ thế này. Tao chẳng còn gì nói với mày nữa. Mày châm lửa đi.”

Tôi không sợ chết, sự thật cũng muốn chết quách đi cho xong, nhưng không muốn chết oan thế này. Tôi không muốn chết theo ý muốn của người khác mà người đó là chàng. Tôi quệt diêm khấn thầm chị Ái Loan: “Chị Loan ơi, chị có thiêng phù hộ em vì em không muốn chết oan thế này.” và ném que diêm xuống rất mạnh. Hy vọng ném mạnh như thế que diêm sẽ tắt. Còn nếu như phải chết thì chết cho nhanh. Que diêm tắt thật. Tự nhiên thấy chàng lặng người đi.

Chàng bảo: “Mày cao số lắm. Số mày không phải chết. Số mày được sống. Nhưng tao nói cho mày biết, mày có hai thể mạnh là thanh và sắc. Bây giờ mày sống nhưng phải nghe lời tao, nhất cử nhất động từ biểu diễn đến mọi sự phải nghe lời tao. Nếu không nghe tao, trước tiên tao sẽ làm cho mặt mày quỷ cũng phải sợ, sau đó tao làm cho tiếng mày đến vệt còn phải ghê. Và tao sẽ tiêu hết đồng tiền cuối cùng, khi không còn cái gì nữa lúc đó tao sẽ giết mày.”

Tôi rùng mình, lạnh ngắt.

*

Tôi nghĩ trước tiên mình thoát chết cái đã, mọi chuyện tính sau. Câu chuyện ngày Chủ nhật chỉ là một phép thử của chàng nhưng nếu tôi cứ vùng lên nổi dậy rất có thể chàng sẽ làm thật. Tôi ở lại chung cư Mai Dịch, không dám về ở nhà ba má nữa, sợ ba má biết.

Tôi giấu hết mọi người chuyện này, sợ mọi người biết sẽ chĩa mũi dùi vào chàng, chàng lại càng nổi điên.

Cái sự nổi điên của chàng một phần do sự nóng nảy của đàn ông nóng tính có máu dữ đòn, nhưng chủ yếu như tôi đã nói nó là do căn bệnh “biến thái” tâm tính của chàng. Căn bệnh này chỉ bùng nổ khi rượu đủ ngấm. Bình thường chàng là một chàng trai sống sôi nổi, yêu vợ thương con quý mến bạn bè, những tính xấu của nghệ sĩ như sĩ diện, đố kỵ, ghen tị và ghen ai cũng có, chàng cũng có nhưng không thành vấn đề. Không ai nhận ra chàng sĩ diện, đố kỵ, ghen tị và ghen tuông cả, chỉ khi rượu đủ ngấm, được nơi vắng vẻ che đậy thì những cái dở đó bỗng chui ra từ trong chàng, “biến thái” thành kẻ đáng sợ và nguy hiểm, đó là ác và đều.

Tôi tự rút kinh nghiệm những cái sai của mình, gắng điều chỉnh bản thân để không phải rơi vào thảm kịch như thảm kịch hôm Chủ nhật nữa. Vì dù sao tôi cũng mang ơn chàng. Không có chàng ở bên tôi trong những ngày đông gió tình duyên với Tập Một, có lẽ tôi đã chết. Tôi lấy chàng vì mang ơn chàng, cho đến nay tôi vẫn nói vậy. Tôi ráng sống thật bình yên với chàng để không bao giờ nói đến chuyện chia tay. Tôi âm thầm điều chỉnh hành vi sao cho chàng không phật lòng, sao cho người đàn ông tốt đẹp trong chàng không bị kích thích để “biến thái” thành kẻ ác độc. Nếu được thế tôi sẽ cứu vãn được hạnh phúc mà tôi tưởng đã nát tan từ thảm kịch hôm Chủ nhật. Nhưng sự đời không phải mình muốn là được. Tôi vốn trực tính, khi thấy mình đúng thì dù có chết cũng không thể không lên tiếng, đó là bi kịch của riêng tôi.

Một, hai tháng sau biến cố hôm Chủ nhật, Đoàn nhạc nhẹ 1 đi diễn Hải Phòng. Đi diễn đâu cũng vậy, chúng tôi đều ghé qua Sở văn hóa chào xã giao. Bữa đó Đoàn ghé vào Sở văn hóa Hải Phòng. Tôi bỗng gặp anh Loan phó giám đốc sở là bạn học cùng trường nhạc, anh học cùng năm với tôi nhưng học khoa sáng tác. Anh em mấy năm mới gặp lại nhau mừng lắm, ngồi nói chuyện cũ say sưa. Anh Loan còn đi nhờ xe ca của đoàn về nhà, nhà anh ở gần khách sạn Hồng Bàng nơi đoàn nghỉ lại.

Chàng ngồi im nghe tôi với anh Loan nói chuyện, mặt tỉnh bơ. Về đến khách sạn, vừa mở cửa phòng ra, chàng cho tôi một tát trời giáng, chảy máu miệng. Chàng đẩy cửa vào phòng, đóng cửa phòng, mở cassette thật to để không ai nghe thấy.(Xưa múa đi đâu cũng mang máy casste đi theo để tập.) rồi rút thắt lưng da quật .Chàng vừa quật vừa nói :“ không lối đâu nói nói cười cười với đàn ông trước mặt chồng, coi chồng không ra cái gì.”

Rút kinh nghiệm tôi im lặng chịu đòn. Buồn ghê lắm. Tối hôm đó ngoài tiết mục của mình tôi chỉ ngồi một góc, nước mắt cứ chảy dài. Tối về chàng lại chửi một trận, không đánh nữa nhưng mà chửi: “Không có lối đâu lúc nào cũng tỏ ra đau khổ để cho mọi người thương xót. Cố tình bôi xấu, làm mất mặt chồng.” Hôm sau rút kinh nghiệm, tối diễn tôi gắng cười nói với mọi người. Tối về chàng lại làm một trận nữa. “Không lối đâu về nhà mặt nặng mày nhẹ với chồng, đi ra ngoài cứ hơn hớn nói cười.” Hóa ra chàng nhìn qua khe cửa tôi làm gì ở phòng hóa trang chàng đều biết hết. Đến ngày thứ ba tôi như một cái tượng, không biết phải làm gì để vừa lòng chàng.

Lần sau Đoàn nhạc nhẹ chúng tôi đi diễn ở Vinh. Chương trình ở Vinh dự tính là sẽ diễn hai đêm. Xe đến Vinh, anh Nam đi tiên trạm tới đón. Biết tính anh Nam tiết kiệm, anh Mạnh Hà dặn đi dặn lại: “Anh em đi đường xa vất vả nên cố gắng chọn chỗ ở tốt, đắt một chút cũng được.” Anh Nam rồi, ok, yên tâm. Chẳng dè anh mượn ngay doanh trại bộ đội để ở. Doanh trại không quạt, không nhà vệ sinh cho nữ, chỗ tắm lại xa. Anh Nam hồn nhiên nói: “Ở đây tốt lắm. Không mất tiền, anh em bộ đội nhiệt tình lắm.” Anh em kêu ầm ầm. Anh Mạnh Hà quạt anh Nam một trận. Lệ Quyên nói: “Anh Nam buồn cười quá, đã dặn thế rồi mà chẳng lo cho mọi người ăn ở cho tử tế.” Tôi cũng hòa theo: “ Anh Nam kì quá, lần sau đừng có thế nhé!” Quyên nói không sao, tôi nói một câu đó không hiểu sao chàng lại khó chịu. Chàng quay sang bảo tôi im mồm đi, không được kêu ca. Tôi ngu quá lại cãi: “ Em đâu có kêu ca.” Chàng quay lại xạc tôi, thế là hai đứa cãi nhau ầm ĩ cả lên.

Tôi diễn xong tôi biết nếu về cùng phòng với chàng thế nào cũng bị ăn đòn. Mấy chị em kéo tôi sang phòng nữ. Chàng cứ điên cuồng chạy quanh phòng nữ la hét: “Ái Vân không về tao đốt nhà” Anh Mạnh Hà, Quang Huy, Quang Vinh chạy ra: “Mày đốt đi, tao thách đó”. Chàng xông vào bế tôi chạy. Tôi níu cánh cửa tưởng có thể đứt tay. Chị em xúm lại giữ lại, anh em cũng xông vào giải thoát cho tôi. Cứ âm ỉ trong đêm như vậy, không cho ai ngủ ngáy gì cả. Thế cùng tôi thủ sẵn con dao nhỏ, tính sẽ thua đủ với chàng. Tôi nói với mọi người: “Thôi để em về, chứ thế này làm phiền mọi người quá.” Tôi về phòng, nhét con dao bài dưới gối. Sau này nghe kể lại là đêm hôm đó anh Mạnh Hà cắt cử nam giới trong đoàn đi tuần quanh nhà mỗi người hai tiếng, có động gì chỉ cần tôi la lên một tiếng thì xông vào. Có lẽ nhờ đó mà chàng không dám làm gì. Đáng lẽ diễn hai đêm ở Vinh, vì chuyện này đoàn cắt ngắn chương trình, diễn một đêm rồi đi về luôn Hà Nội.

Nhiều đêm trắng tôi nghĩ về tình duyên trớ trêu của mình, khóc cười như con điên. Cuối cùng tôi quyết định, không thể tiếp tục sống thế này được. Nếu sống với chàng sẽ xảy ra một trong ba trường hợp: Một là làm con ở theo đúng nghĩa đen cho chàng, hai là chàng giết tôi, ba là tôi giết chàng. Tôi về nhà nói thật với ba má. Cả nhà đều đồng tình, ai cũng bảo phải li dị càng sớm càng tốt. Vấn đề là làm đơn li dị xong, ai là người đưa cho chàng, trong khi chàng hung dữ như thế. Cứ mỗi lần lên cơn với bất kì ai chàng đều dọa giết, dọa đốt nhà.

Nhà tôi lúc đó như một hội nghị Diên Hồng. Ba tôi, anh Hiến, anh Sơn, anh Thành... người nào cũng xung phong đi đưa đơn li dị. Anh Thành nói: “Con thương binh đẳng nào con cũng chết, để con đưa cho”. Ba tôi nói: “Mày còn trẻ, còn vợ con mày nữa, đâu có đi được.” Anh Sơn nói: “Thôi, để con lo cho, thấy nó hành hạ em con chịu không thấu. Chết thì chết con không sợ”. Ba tôi vẫn không cho. Anh Hiến nói: “Con chưa làm được gì cho em cả nên để việc này cho con” Ba tôi không chấp nhận và kết luận: “Để ba làm việc này. Ba già rồi, có chết cũng không sao.” Không muốn ai chết cả, tôi bảo: “Để con đi đưa, tự con biết cách làm việc này. Cả nhà khỏi lo đi.”

Đêm tôi viết đơn li dị chọt nôn khan hai, ba lần. Sáng mai đi khám phát hiện mình có bầu. Tôi 30 tuổi rồi rất thèm đứa con. Tôi không muốn con mình ra đời lại thiếu cha. Tôi nói với ba má: “Thôi con không li dị nữa, vì có thai rồi.” Cả nhà quá thất vọng.

*

Từ khi tôi có bầu chàng không đánh tôi nữa, chàng tự hành hạ chàng. Có chuyện gì là chàng tự đâm chàng. Những cơn tự hành hạ đổ máu vì những lý do rất nực cười. Một lần bữa cơm trưa có chú Minh Hiến đoàn trưởng, giám đốc nhà hát. Chàng rất thân với chú Minh Hiến, vẫn hay mời chú về nhà ăn cơm. Chú Hiến nói: “Kì này đoàn đi Nga xong đi tiếp Ba Lan, Vân cho nó đi nhé.” Tôi cười, nói “chú buồn cười nhỉ, anh đi đâu thì đi có sao đâu.” Không ngờ chàng để bụng. Chú Minh Hiến về, chàng chửi tôi: “Con khôn nạn. Mà làm mất mặt chồng!” Tôi ngớ ra, không biết mất mặt cái gì. Chàng bảo tại sao lại như thế như thế...tôi nói: “Không, em nói hoàn toàn vô tình, không có ý gì cả.” Thế là chàng cột dây thừng vào mấy cái song cửa sổ.- “Không thể sống với con vợ thế này được. Thà chết đi còn hơn.” Chàng lồng dây vào cổ. Lúc đấy ngu, dây thừng cột song cửa sổ thấp thế chết làm sao được.

Tôi sợ quá la lên: “Không được làm như thế!” Chàng thôi không thắt cổ nữa, vào trong lấy cái búa đóng đinh đập bốp vào đầu, máu tóe ra, sợ quá. Tôi phải đưa chàng vào bệnh viện Saint Paul để khâu. Khâu xong tôi thấy máu nhiều quá, hết chịu được, xỉu đi. Lại mang vào cấp cứu, đúng là khổ trăm đường.

Một lần duy nhất tôi phản kháng.

Tháng 8 năm 1985 tôi sinh cu Vũ. Lúc này tôi về phố Huế ở, không ở gác xép nữa mà ba tôi cho chuyển vào phòng phía trong. Sanh con được một tháng tôi bị sốt vius, phải cách ly với con. Thời gian đó Hà Nội mất điện liên tục, mất điện từ 5, 6 giờ sáng đến 7 h tối. Tôi đẻ mổ nên không có sữa, phải cho ăn sữa đặc, pha sữa bò nấu nước cháo cho cháu ăn. Tôi bị cách li, mang khẩu trang, ngủ phòng riêng. Đêm đầu tiên chàng trông con, cháu Vũ nhớ hơi mẹ khóc ghê lắm. Lần đầu tiên chàng phải dậy cho ăn đêm. Mất điện, nóng, mất

ngủ, chàng cúi. Tôi thì xót con, chỉ cách mỗi cửa sổ nghe con khóc không làm gì được. Đến chiều tối có điện, tôi hỏi chàng: “Lúc này có điện anh có cắm điện vào tủ lạnh không?” Chàng chửi tôi luôn, đồ con đĩ thế nọ thế kia.

Tôi sưng lại, không tưởng tượng là tại sao chỉ có hỏi thế thôi, chàng lại chửi mình, và chửi rất thậm tệ. Lần đầu tiên trong đời, với tất cả sức bình sinh của mình và với sự uất ức chất chứa bấy lâu, chàng đang bế con tôi tát một cái tát sấm sét. Chàng sưng lại nhìn tôi quá ngạc nhiên, không thể tưởng tượng nổi như thế. Tôi nói: “li dị luôn!” Tôi viết luôn đơn li dị. Chàng lập tức xuống nước. “Đừng thế... Anh lỗ miệng thôi... anh nóng quá....”

Nhưng sau lần đấy chàng bắt đầu dè chừng, không hay đánh đập, dọa nạt, nhục mạ vô cớ như trước. Tuy nhiên khi rượu vào con sẽ diện lại bùng phát lại “biến thái” thành bệnh cuồng không kìm hãm được, chàng lại đánh tôi. Có những cú đánh thật vô lý. Tối đó đến chơi nhà chú Phạm Đình Sáu Cục trưởng cục biểu diễn nghệ thuật ở 109 Lương Ngọc Quyến, ông nhận tôi làm con nuôi. Ngõ phố cổ rất hẹp không thể đi song song nên tôi đi trước lên cầu thang, chàng dắt xe sau. Ra đường chàng chửi: “Con khốn nạn đến nhà lãnh đạo cứ phăm phăm đi trước.” Tôi uất lên, lại cãi nhau. Tôi ngồi lên xe, chàng ngoắt lại đâm bốp vào mặt luôn.

Có những cú đánh là do tôi, quá nóng nảy tôi đã không kiềm chế được. Có lý do khác từ phía ba tôi, ông không ưa chàng. Từ khi tôi cưới chàng chưa khi nào ba tôi vui vẻ nhìn mặt chàng. Khi sinh cháu Vũ, ba tôi chỉ cho cu Vũ nhập hộ khẩu vào nhà phố Huế trong khi chàng là bố cháu thì lại không được, thật ra đó là nguyên tắc, là cách phòng xa của ba tôi với tất cả các chàng rể: Chỉ nhập hộ khẩu cho các con gái và các cháu thôi, rể thì xin miễn. Điều đó gây cho chàng niềm phần uất không nói ra lời. Niềm phần uất chất chứa gặp rượu là “biến thái”, là bùng nổ chĩa thẳng vào tôi.

Nhà tôi quen thân anh Phạm Ái Nhân Giám đốc Công ty lắp ráp xây dựng nhà ở tầm lớn Bắc Thanh Xuân. Anh cư xử rất đàng hoàng, tết đến mang quà gạo nếp, đậu xanh, nhiều hàng tết. Anh bảo khi nào cần show diễn thì bảo anh, anh bố trí. Anh như người

bạn, người anh, như ân nhân giúp đỡ gia đình tôi những lúc cần thiết. Hôm anh hẹn xuống nhà uống rượu. Chàng và anh Nhân uống rượu tì tì. Biết chàng cứ uống rượu vào là có chuyện, tôi can: “Thôi anh đừng uống rượu, uống rượu là chỉ có tan nát hạnh phúc gia đình thôi.” Lời can hơi quá, với người rất sĩ diện hão như chàng đáng lẽ không nên nói về sau, tôi đã buột miệng nói ra. Thế là chàng cầm cốc rượu ném vào mặt tôi, vừa đá vừa chửi tôi. Mọi người giằng chàng ra, chàng cứ thế chửi không còn lời nào cả. Âm ỉ cả cơ quan người ta.

Đáng ra tôi không nên về cùng chàng, rất nguy hiểm. Nhưng cái tính lì của tôi, đã điên lên không kể chết, tôi cứ về theo chàng. Đi ra đường chàng tiếp tục chửi rửa, nói không thể sống được, phải chết thôi. Thấy mặt chàng sung lên, đáng ra tôi phải biết đó là biểu hiện sự “biến thái” của chàng, tôi cần phải tránh đi. Nhưng không. Khi nghe chàng nói: “Phải chết thôi” tôi lập tức bảo chàng “Chết cũng được, nhưng quay lại cho em gửi chỉ vàng cho anh Nhân để nuôi cu Vũ.”

Bây giờ nhớ lại tôi thấy mình quá kém, làm vậy khác gì thách thức chàng? Chàng khùng mà tôi cũng khùng. Tôi lên xe, chàng rồ máy lao đi với một tốc độ kinh người, vừa phóng vừa nói như quát: “Tao với mày sẽ lao vào cầu Long Biên cùng chết”. Tôi gào khóc như con điên, cứ tên con mà gọi: “Ôi Vũ ơi, ôi Vũ ơi” ... Chẳng hiểu sao chàng đột ngột đi chậm lại, thế là thôi không chết nữa.

Như tôi đã nói bất hạnh của tôi trước hết là tại trời, sau đó là tại tôi. Ba chục năm sau tôi mới nhận ra điều đó. Lúc đó vì không nhận ra, tôi vừa căm vừa sợ chàng. Thú thật, đã có lúc tôi ủ mưu giết chàng. Sau vụ nhà anh Nhân tôi quyết định chấm dứt cuộc tình kinh khủng này nhưng muốn vậy, trước hết phải ly thân. Tôi nhờ ba tôi tìm cho một chỗ kín đáo đủ chứa mẹ con tôi và bà Khanh, bà giúp việc. Có nhà thông gia vợ anh Sơn, ba dượng của chị dâu là ông Hồng Chương ở 61 Nguyễn Du. Tuy thường ngày hai nhà rất tử tế, nhưng khi ba tôi ngỏ ý thì gia đình không dám chứa chấp vì ai cũng sợ, ai cũng biết chàng, gọi chàng là *Ông cùn*, sợ *Ông cùn* đốt nhà. Cuối cùng cũng tìm ra được một cái nhà trên Hồ Tây, nhà Hăng – Thụy

là vợ chồng em gái của Văn Hai chồng Ái Xuân. Nhà ở trong ngõ kín đáo, lại không phải người có liên quan đến nhà tôi nên chắc khó tìm ra.

Trước khi đi trốn tôi có viết cho chàng mấy chữ: “Em thấy khó sống được với nhau nữa rồi. Em đang tìm chỗ ẩn náu. Đừng tìm mẹ con em nữa...” Tôi để lại cho chàng một chỉ vàng rồi ôm con trốn đi cùng bà Khanh. Chàng điên cuồng đi tìm từ nhà thông gia tới nhà bạn bè, bay cả vào Sài Gòn tìm đến cả những người bạn đã từng chơi với tôi. Đặc biệt chàng bám chặt ba tôi, giả vờ đánh lừa ba tôi để bám theo. Ba tôi rất khéo cắt đuôi, chàng không làm gì được. Ba ngày sau ba tôi mật báo: “Không ổn rồi. Thấy nó lảng vảng khu này rồi”. Tôi ôm con quay lại nhà thông gia anh Sơn ở 61 Nguyễn Du.

Về đó, tôi tranh thủ viết đơn li dị. Vừa viết được mấy dòng, tự nhiên thấy chàng lao tới, quỳ xuống bên tôi: “Ôi em ơi...Anh đi tìm suốt.” Và chàng khóc, nói: “Mấy hôm nay anh thấm lắm rồi. Anh thấy tội lỗi của anh rồi. Chính anh còn không chịu nổi anh làm sao em có thể chịu nổi anh được. Thôi em tha cho anh đi, về với anh.” Tôi lạnh lùng nói: “Quá tải rồi, không chịu nổi nữa rồi.” Chàng vừa nói vừa khóc lóc, từ xưa chưa bao giờ chàng như thế cả. Nhất là xưa nay chàng chưa từng xin lỗi.

Chàng nói: “Anh thật sự hối lỗi vô cùng, anh sẽ thay đổi hoàn toàn. Nếu em cứ khăng khăng đòi li dị, thì lấy ai làm chứng cho sự thay đổi của anh.” Tôi suýt bật cười nhưng cũng thấy thương, nghĩ rằng nào cũng phải vì con, chứ cứ trốn chui trốn nhủi cũng không được. Tôi bảo: “Thôi được. Về nhà cũng được, nhưng phải làm một bản nội qui, nếu chấp nhận thì em mới về.” Chàng nói: “Cái gì cũng được.” Tôi ngồi viết luôn một bản nội qui gồm 4 điểm: 1. Không đánh vợ. 2. Không chửi bới, lăng nhục vợ. 3. Không được dọa giết. 4, không rượu. Chàng ok hết.

Sau đó chàng thực hiện răm rắp. Đi đâu vui bạn bè chỉ uống tí bia không uống rượu. Tuyệt không một lời chửi bới, lăng nhục nào. Tôi muốn ly thân chàng cũng lặng lẽ chấp hành. Suốt mấy tháng tôi nằm trên giường với con, chàng trải chiếu nằm dưới đất. Cứ như

thể và không xâm phạm biên giới. Có thể nói chàng đã sửa hoàn toàn, quá ngạc nhiên đối với tôi. Nhưng không hiểu sao bắt đầu từ đây tôi thấy tình yêu với chàng không còn nữa. Trong lòng lạnh ngắt. Tôi rơi vào lãnh cảm sâu. Tôi biết tình duyên của tôi đối với chàng đã hết. Đã hết và đã chết, không có gì cứu vãn được nữa rồi.

Một chiều tôi lên gác gặp cô ruột tôi là cô Hà Huyền Nga, nói: “Cháu li dị thôi cô ạ, cháu không thể...” Chàng chạy lên theo, nghe được và nói ngay: “Này, không có cái chuyện đó nhá. Không có chuyện li dị. Một là một quả lựu đạn, ba người cùng chết, em với anh và thằng Vũ. Hai là có đi hát nước ngoài thì trốn đi.” Khi đó trong tôi lóe lên một tia sáng. Chẳng hiểu trời xui đất khiến thế nào, tự nhiên chàng lại vẽ đường cho hươu chạy.

15

Vượt biên

Từ bé cho đến năm 1990 hai chữ vượt biên là của ai đó chứ không phải của tôi. Cho đến lúc chui qua bức tường Berlin sang Tây Berlin tôi vẫn quá ngỡ ngàng khi biết rằng mình đã vượt biên. Một cái gì vừa thật lớn vừa thật kinh khủng ngoài sức tưởng tượng. Vượt biên những năm 80 là việc làm cực kỳ nguy hiểm vì phạm pháp, dù rất muốn nhưng tôi không dám nghĩ tới. Ngay khi chàng Tập Hai gợi ý: *“Đi hát nước ngoài thì trốn đi”*. Quả thật, tôi vẫn nghĩ đó là chuyện của ai đó, chắc chắn không phải chuyện của tôi.

Vượt biên là để tìm về miền đất hứa, để đổi đời, mỗi người mỗi cảnh mà sự ra đi đều có lý do riêng. Có người chuẩn bị chu đáo, lên một kế hoạch thật chi tiết như chị Vân Khánh. Có người không hề chuẩn bị gì, chẳng qua bị dòng đời xô đẩy mà xách va li nhảy sang thế giới tự do như Tuấn Vinh (xiếc). Có người không thích ra nước ngoài chút nào, vì lỡ lấy chồng *“Tây”* buộc phải theo chồng về xứ người như ca sĩ Lệ Quyên.

Chương này tôi ghi lại cuộc trò chuyện của ba người: Chị Vân Khánh, Lệ Quyên và Tuấn Vinh. Cuối cùng là câu chuyện vượt biên của chính tôi.

Chuyện chị Vân Khánh

Đầu năm 1980 khi tôi và người chồng đầu đang làm ở Nhà hát Tuổi Trẻ. Một hôm anh Trọng Khôi (chơi kèn saxophone), rủ vợ chồng tôi đi uống rượu. Anh Khôi thân chàng Tập Một, vẫn hay rủ nhau đi uống rượu. Nhưng hôm ấy có cái gì thật đặc biệt, thật khác thường. Anh Khôi bảo: *“Giữa tháng có cái này hay lắm, nhưng không nói với ông bà được”*. Chúng tôi cố moi *“cái này hay lắm”* là cái gì, anh Khôi cứ úp mở không nói.

Ít hôm sau tôi đi chợ Hôm gặp nhạc sĩ Lê Hiệp chơi đàn piano, làm ở Hội Nhạc sĩ, anh chơi thân với mấy anh em tôi từ lâu. Lê Hiệp nói: *“Vân thấy chỗ nào đổi tiền đô la không, anh có tờ đô la bị dính mực, em đổi giúp anh.”* - *“Em không biết chỗ nào đổi cả”*. Úp mở một lúc rồi Lê Hiệp kéo tôi ra góc vắng, nói: *“Anh nói thật là bọn anh sắp đi vượt biên. Em có đi không?”*. Tôi sững sốt. Hỏi đó vượt biên là câu chuyện của trong Nam thôi chứ ngoài Bắc chưa ai vượt biên cả. Lê Hiệp nói thêm: *“Có một chỗ cho em đi miễn phí, nhưng với điều kiện em đi một mình, không cho nó đi”*. Nó là chàng Tập Một. Tôi nói: *“Để em về suy nghĩ mai trả lời”*.

Một đêm thức trắng tôi quyết định không đi vì một là sợ say sóng không thể đi thuyền trên biển nhiều ngày, hai là sợ đi không trót lọt bị bắt thì khôn, ba là việc chỉ cho tôi đi không cho chồng đi có cái gì đó không trong sáng. Tôi ra chỗ hẹn trả lời Lê Hiệp là mình không đi được - *“Em chịu thôi, em sợ lắm”*. Về nhà thấy chị Vân Khánh nhắn: *“Lên nhà chị gấp”*. Tôi lên nhà. Chị Vân Khánh cho cái áo dài rất đẹp. Tôi ngạc nhiên hỏi: *“Áo đẹp thế sao chị không mặc mà lại cho em?”*. Chị cười, nói: *“Tao cho mày thì mày cứ cầm đi”*. Không ngờ tuần sau tôi nghe tin Vân Khánh, Trọng Khôi, Lê Hiệp, Huyền Châu... đã vượt biên.

Trong đoàn vượt biên của chị Vân Khánh có anh Châu béo lái xe. Anh Châu béo rất thân với anh Doãn Châu (họa sĩ thiết kế sân khấu, sau này là Giám đốc Nhà hát Kịch Trung ương), anh Doãn Châu lại rất thân vợ chồng tôi. Đoàn chị Vân Khánh đi được vài ngày, anh Doãn Châu nhắn vợ chồng tôi lên nhà gấp, anh thì thà thì thầm: *“Đi rồi. Thoát rồi. Lên BBC rồi đấy”*. Doãn Châu xuýt xoa tiếc rẻ: *“Mình không theo tụi nó tiếc quá đi mất. Thằng Châu béo nó bảo đưa thằng Bằng cu lớn nhà anh đi cùng với nó nhưng mình không cho đi. Tiếc thế!”*. Hôm sau Doãn Châu lại nhắn lên nhà, lại thì thầm: *“Hồng rồi, bị bắt vào Hỏa Lò cả rồi. May quá mình không theo tụi nó”*. Hôm sau nữa Doãn Châu lại thì thào: *“Thoát thật rồi, không bị bắt vào Hỏa Lò đâu, chúng nó đồn bậy đấy. Giời ơi... tiếc quá đi mất”*. Trong hai ngày anh Doãn Châu liên tục nhắn tôi lên, hết may quá lại tiếc quá.

Trích ghi âm Vân Khánh

Em còn nhớ chị Mộng Dung không? Chị Mộng Dung ở bên Đài (Đài Tiếng nói Việt Nam) biết được có chuyến tàu vượt biên. Chị Mộng Dung thông báo cho chị, nói là mấy người chúng mình đi. Chị thông báo cho Châu (ca sĩ Huyền Châu), Châu thông báo cho Hiệp (nhạc sĩ Lê Hiệp, Hội Nhạc sĩ Việt Nam), Hiệp thông báo cho Hồ, biết Hồ là ai không? Hồ là anh của Nguyệt Minh đấy (Tôn Nữ Nguyệt Minh). Còn anh Khôi (nhạc sĩ Trọng Khôi) thì chị với Châu cùng nhau bảo. Đại khái là như vậy đấy. Rồi thì là rủ nhau đi.

Đến ngày giờ đi. Hôm ấy rằm Trung thu. Gia đình chị đóng vai đi mua sắm Trung Thu. Anh Phương (chồng Vân Khánh) đi từ trên phố sẽ “*tình cờ gặp*” chị bé thằng con, tay cầm cái đèn ông sao, rồi cả ba cùng đến vườn hoa Con Cóc đối diện với nhà Ngân hàng. Chị đi mang đúng một cái túi bé tí như là cái túi mình đi chợ mua đồ ăn, chỉ có hai, ba bộ quần áo với vài cái bánh Trung thu. Thế thôi, không có gì hết, không có một cái gì. Mọi người tập kết ở vườn hoa Con Cóc, xe đợi ở đấy.

Đến Hải Phòng, chỗ có một cái cầu tàu cho tàu cập bến để ra khơi. Trời nhập nhoạng tối. Mọi người đổ từ trên xe xuống. Và chạy. Bỏ bồng con, mẹ thì xách đồ cứ thế thi nhau chạy. Cái ông công an đi theo xe giả vờ đứng giơ tay ra chặn xe, để cho cái tốp này chạy. Ông công an nói: “*Đang đóng phim, đồng bào chờ cho một tí tẹo là xong. Cái cảnh này sắp quay xong rồi*”. Thế là mọi người chạy ào ào từ bên kia đường sang bên này đường. Lúc ấy hình như chẳng còn guốc dép gì nữa. Chị chỉ đi chân không thôi, một cái túi bé như thế, cứ thế mà chạy. Ruột bảo gan: Một là chết, hai là đi, chứ không còn con đường nào quay về nữa.

Đi xuống tàu nhỏ. Muốn lên tàu phải nộp mỗi người một ngàn đô. Hồi đó một ngàn đô to lắm, anh chị phải bán hết đồ mới có hai ngàn rưỡi đô (hai vợ chồng một đứa con nhỏ). Có 117 người xuống, tàu bị nặng quá, mắc cạn không ra được. Gấp lắm rồi, tàu không ra được là chết. Ông thuyền trưởng bảo: “*Bây giờ đàn bà, trẻ con ở trên, còn tất cả đàn ông lội xuống sông đẩy tàu ra*”. Thế là đàn ông xuống đẩy tàu, chỉ có “*quân ta*” (tức cánh đàn ông đoàn chị Vân

Khánh) không biết bơi thì không xuống. Anh Phương không biết bơi, anh Hiệp cũng không, anh Khôi cũng không nổi, còn thì hầu hết đàn ông phải nhảy xuống sông để đẩy tàu ra.

Mọi người đẩy tàu ra khỏi chỗ mắc cạn, tàu phải lầy trón, nó rồ máy thật mạnh để đi nhanh ra khỏi cái vũng cát ấy. Tàu “phật” mạnh một cái, nó đi vèo đến hàng trăm mét xa. Tàu cứ thế chạy, không quay lại được nữa. Thế là hàng chục người đàn ông đẩy tàu bị bỏ rơi. Họ đứng chới vói ở giữa bên sông tay vẫy miệng hét: “Chờ v...ơơơi!...Chờ v...ơơơi!...”. Tàu cứ phạch phạch xa dần mà vẫn còn nghe tiếng “Chờ v...ơơơi! Chờ v...ơơơi!”. Lúc này trên tàu vợ con mấy chục người chồng bị bỏ rơi gào thét nức nở. Đây là cái hình ảnh đau khổ nhất ngày đầu tiên trên chuyến tàu chị đi.

Ra đến phao zê rô. Thì may, tàu của chị được cho đi, thế là đi thoát. Vừa ra khỏi phao zê rô thì gặp bão, bão to lắm. Tàu quay cuồng, tất cả mọi người đều say sóng. Người lớn trẻ con đều nằm bê bết, cứ người nọ ói vào mặt người kia. Bão to, tàu đổ nghiêng ngả đến mức ông thuyền trưởng cũng phải say luôn. Tưởng không còn một người nào để lái tàu, may còn sót lại một người đàn ông không say. Thuyền trưởng lết đến người đàn ông không say: “Ông có còn tỉnh không?”. Ông kia bảo: “Còn”. Thuyền trưởng bảo: “Thế bây giờ ông cứ làm theo thế này này... thế này này... mà tôi cũng chỉ nhắm mắt mà nói cho ông thôi chứ tôi không mở được mắt nữa”.

Cứ thế 3 ngày đêm không biết trời đất gì nữa, không ăn uống gì. Chỉ có người lái còn tỉnh, ông này cứ lái theo lời của ông thuyền trưởng. Ông thuyền trưởng bảo phải lái tránh cái đảo có rada vì tàu sắt nên rada dễ phát hiện, phải tránh thật xa. Tránh quá thế nào đi quá xuống phía Nam đảo Hải Nam, ra ngoài đại dương. Đáng nhẽ chỉ đi 3 ngày là sang đến Hồng Kông nhưng bây giờ phải quay lại. Lại gặp bão. Sóng to như những cái nhà đổ ập xuống, mọi người ngồi ở trên khoang thuyền chả có gì che cả. Bao nhiêu lần mọi người đã quỳ ở trên tàu chuẩn bị tinh thần là chết. Lại quá sóng to như thế đổ xuống đầu mà cũng không bị lật thuyền, cứ như là có Trời cứu vậy.

Rồi lạc đường. Chạy thế nào tàu lại bị mắc cạn ở gần Trung Quốc, gần đảo Hải Nam. Bây giờ mới có thức ăn vì những người dân trên đảo Hải Nam họ cho thuyền tấp vào. Họ mang bánh bao ra đổi, mình thì cứ lấy nhần vàng ở tay ra đổi lấy bánh bao mà ăn. Rồi nhần vàng đổi lấy dầu để chạy tàu tiếp lên Hồng Kông. Lại lạc. Lại phải vòng ngược trở ra. Cứ thế mất tất cả là 18 ngày, 18 ngày nằm lì bì ở trên tàu như thế. Tàu chỉ chuẩn bị lương thực có 3 ngày cho mình thôi, vì chỉ tính đi có 3 ngày là tới thôi, không ngờ đi hết 18 ngày đêm.

Một buổi tối nhập nhoạng thì nhìn thấy đảo Hồng Kông. Thấy ánh đèn lung linh từ xa như một viên ngọc. “*Hồng Kông đây rồi!*”- Mọi người ồ lên. Biết còn phải đi tiếp đến sáng hôm sau mới tới nơi nhưng mừng vô cùng. Ủi giời ơi, lúc ấy tất cả mọi người mới bắt đầu ca hát. Trước đó thì rũ rượi nằm bê bết, bây giờ đứng cả dậy, hết cả say sóng, vui vẻ lắm, sắp sửa sống đến nơi rồi. Chị hát như con điên, vừa hát vừa khóc.

*

Vào đến nơi là họ tiếp nhận liền. Họ cho ra một cái giống cái sà-lan (một cái ụ nổi bằng sắt), tất cả mọi người lên đấy. Em biết không: mỗi người có hàng vạn con chấy ở trên đầu, chấy rận đầy người luôn, hàng vạn con chấy... Họ cho mình lên hết trên cái sà-lan ấy, ngồi trên đấy và họ xịt thuốc diệt chấy rận trên người mình. Ngồi chờ 2,3 tiếng cho thuốc ngấm xong họ đưa mình đi tắm. Tắm rửa sạch sẽ xong họ mới đưa mình lên tàu đưa về trại tị nạn.

Về đấy họ cho xếp hàng, gọi tên cho ai về đâu về đâu. Tự nhiên có người làm thông dịch cho Liên Hiệp Quốc thấy tên Vân Khánh, Huyền Châu thì bảo: “*Mấy người này là văn nghệ sĩ, để cho họ ở cái nhà gần chỗ chúng tôi*”. Họ đồng ý. Còn những người khác thì đi theo họ về Trại Cắm. Chị và Huyền Châu được đi lên ở gần gia đình người thông dịch. Ông thông dịch ấy tự nhiên tốt quá cơ. Ông ấy cho hai gia đình chị và Huyền Châu được lên đấy ở. May thế chứ. Những người đi vào Trại Cắm là đã bị trấn lột ngay từ ngoài cửa em ạ. Bọn đầu trộm đuôi cướp đến đảo từ trước đã chờ ngay ở ngoài cửa để trấn lột những người đến sau. Người Việt Nam cả

thôi, ma cũ trấn lột ma mới. Lúc ấy mình chưa biết chuyện này, nhưng sau này khi về chỗ ở khác mới nghe mọi người thì thầm bảo bọn chị mà đi xuống dưới Trại Cấm là thế nào cũng bị *trấn* thôi. Gọi là Trại Cấm vì xung quanh có lính canh gác nghiêm ngặt, không ai được ra.

Lúc này mọi người phải khai báo lý lịch với Liên Hiệp Quốc: ở đâu, làm gì, lý do ra đi... qua người thông dịch. Đó là cuộc phỏng vấn bắt buộc. Ở đó chừng 2, 3 tháng. Đến bữa ra xếp hàng lĩnh cơm, cơm chẳng ngon lành gì nhưng ai cũng nghĩ đó chỉ là tạm thời thôi. Đến giờ thì phải đi ngủ, sáng dậy phải đi làm. Cứ thế, sau khoảng 2, 3 tháng thì được ra Trại Tự Do. Về Trại Tự Do mỗi gia đình được ở một cái giường đôi, toàn giường 3 tầng. Khi còn vắng người họ cho ở giường 2 tầng, sau này đông thì mỗi giường lại lắp thêm tầng nữa. Mỗi giường khoảng 3m², nhà chị ở tầng giữa. Nội niêu, chăn màn gì là ở trong cái giường ấy hết. Tất tần tật là ở trên cái giường ấy.

Ở Trại Tự Do họ bắt đầu cho mình tự đi tìm việc làm. Người nọ mách cho người kia, giúp đỡ nhau đi tìm việc làm. Ai không muốn đi làm thì ăn cơm của trại cũng không sao, nhưng chẳng một ai muốn thế. Tất cả đều muốn đi làm. Mọi người muốn đi làm để có tiền gửi về giúp gia đình bên Việt Nam, có tí tiền là lại lằng xằng gửi về. Hai vợ chồng chị đi làm, để thằng con ngồi ở trên giường. Mỗi ngày trước khi đi làm, chị lấy một cuộn len làm cho rối tung mù mịt lên rồi đưa cho thằng con bảo: “*Con ơi, con ở nhà gỡ ra cho mẹ, chờ mẹ đi làm về nhé*”. Thằng bé 3 tuổi cứ thế ngồi gỡ cuộn len rồi cho đến chiều lúc bố mẹ đi làm về thì kể như xong. Chị để sẵn cơm ở trong nồi, buổi trưa thì chị nhờ một cô ở tầng giường dưới cho cháu ăn.

Chị đi làm điện tử, trong hăng của Mỹ chuyên lắp ráp radio. Anh Phương thì làm công nhân xây dựng. Đi theo những người Hoa kiều vì họ biết tiếng Hoa, dễ tìm việc làm. Chỗ nào ngon họ mách cho, bảo: “*Đại ca đi với chúng em*”. Chị thì lắp ráp những linh kiện nhỏ xíu cho radio, được cái làm gần trại, chỉ cách khoảng 1 cây số thôi. Thứ bảy, chủ nhật được đi chơi. Vợ chồng con cái lên phố ăn

uống, xem xi-nê, đi thăm các đảo Hồng Kông. Ở Hồng Kông được 18 tháng, cũng đi xem được nhiều.

Sau đó lại có một cuộc phỏng vấn nữa, phỏng vấn của Mỹ, Canada. Nhà chị được Mỹ, Canada đều nhận. Nhưng anh Phương lại biết tiếng Đức nên anh viết ba cái đơn gửi Cộng hòa liên bang Đức, Áo và Thụy Sĩ là 3 nước nói tiếng Đức. Gửi đơn đi cũng gửi kèm theo tám hình chụp cả anh chị và cháu Kin 3 tuổi đang ngồi ê a đánh vắn trên chiếc giường tầng kẹp ở giữa tầng trên và tầng dưới, trông thương tâm lắm... Lúc ấy Thụy Sĩ họ không nhận người tị nạn nữa, họ chỉ nhận những trường hợp ốm đau hoặc tàn tật về nuôi thôi, thế mà không hiểu nghĩ thế nào họ lại nhận duy nhất một gia đình khỏe mạnh cuối cùng là nhà chị. Nhà chị là được vớt cuối cùng. Thế là anh chị đi Thụy Sĩ.

*

Nhà chị đến Thụy Sĩ vào một buổi sáng tháng 2 năm 1982. Máy bay hạ cánh vào khoảng 4, 5 giờ sáng. Mới tờ mờ sáng, đường phố vắng ngắt phủ đầy tuyết trắng xóa không một bóng người. Nghĩ bụng chết chửa, về cái chỗ này sao không có người, không thấy ai cả thế này. Thế là khóc như mưa như gió. Lúc ấy cứ tự bảo mình: *“Biết thế cứ ở Hồng Kông, biết thế đi Mỹ, biết thế đi Canada... cứ biết thế...”* rồi buồn bã khổ sở.

Về chỗ ở cũng buồn lắm, không có nhiều người Việt Nam ở đây. Ở Thụy Sĩ lúc đầu cũng vào trại, nhưng vì anh Phương biết tiếng nên được ra khỏi trại ngay. Ra khỏi trại là họ đã tìm sẵn việc cho mình rồi. Em thấy hay không? Ra trại, về nơi ở, em có tưởng tượng là đến đôi đũa cũng có sẵn ở trong nhà rồi! Thương không! Đôi đũa cũng có sẵn ở trong nhà chứ đừng nói gì đến thứ khác. Bàn, ghế, tủ, giường, xoong, nồi, bát, đĩa... đầy đủ hết. Ga giường xếp gọn gàng sẵn trong tủ. Mở cửa ra là trong nhà đã có sẵn đầy đủ hết rồi.



Với chị Vân Khánh tại Thụy Sĩ

Người ta đã chuẩn bị sẵn một đội ngũ bảo trợ gồm 5 gia đình Thụy Sĩ bảo trợ cho gia đình chị. Trong nhà thì từ cái kim sợi chỉ không thiếu một thứ gì, thậm chí biết mình châu Á họ đã chuẩn bị gạo, muối, nước mắm, ớt tỏi mì chính... cho mấy tuần đầu tiên. Con thì có nơi đi học ngay. Anh Phương thì được có chỗ đi làm ngay lập tức. Chị thì ở nhà trông cháu Kín và người ta cho cô giáo đến tận nhà dạy tiếng Đức miễn phí cho mình. Cô đến dạy hơn một năm, cứ một tuần đến một lần dạy tiếng Đức cho chị.

Lúc ấy anh chị sung sướng, cảm động vô cùng. Nghĩ mình đổi lấy cái sinh mạng của mình để ra đi cũng đáng lắm.

Chuyện Lê Quyên

Lê Quyên là người bạn nghề thân thiết của tôi. Cô sinh ra trong một gia đình nghệ thuật, bố là soạn giả cải lương Sĩ Tiến, mẹ là nghệ sĩ Khánh Hối, chú là nghệ sĩ Sĩ Hùng, thím là nghệ sĩ Tường Vi... Từ

năm 1977 Lê Quyên từ học đàn bầu chuyển sang học thanh nhạc và nổi lên như một nữ hoàng nhạc nhẹ giai đoạn 1985-1990. Đến bây giờ nhiều người vẫn còn nhớ những bài Lê Quyên hát: *Ru em bằng tiếng sóng*; *Biển ngày mưa* (Dương Thụ); *Hoa sữa* (Hong Đăng); *Đêm đông* (Nguyễn Văn Thương) và một loạt ca khúc nước ngoài của Whitney Houston, Scorpions, ABBA... Đặc biệt bài hát *Họa mi hát trong mưa* Dương Thụ viết cho cô đã đưa cô lên đỉnh cao của nhạc nhẹ nước nhà. Cuối năm 1987 Lê Quyên bất ngờ lấy Frank Hứa Đắc Khoa, người Pháp gốc Việt làm ở Lãnh sự quán Pháp tại Sài Gòn, cũng từ đó Lê Quyên bất ngờ tắt tiếng.

Lê Quyên kể cho tôi nghe cuộc tình của cô với Khoa, với riêng Khoa là mối tình sét đánh khi một lần xem Lê Quyên diễn và chết mê chết mệt với cô luôn. Câu chuyện sau đây là bi kịch “*vượt biên*” kể từ khi Lê Quyên lấy chồng, điều mà không khi nào Lê Quyên nghĩ tới.

Trích ghi âm Lê Quyên

Ái Vân: Tiếng sét ái tình em nhỉ? Quen nhau, yêu nhau rồi lấy nhau rất là nhanh.

Lê Quyên: Nhanh lắm. Yêu nhau tháng bảy, sang tháng mười một đã làm đám hỏi rồi vào Sài Gòn đăng ký kết hôn. Lúc ra Hà Nội làm đám cưới vì chồng em sắp trở về Pháp, hơn nữa mọi người cứ nói làm chồng em lo. Họ cứ dọa bảo: “*Mày không cưới nhanh là nó đi lấy thằng khác*”. Thế là quỳnh hết cả lên, thế là cưới vội, hi hi... Lúc ấy bố chồng em còn bảo Khoa trẻ quá, lấy vợ làm chi, còn phải về Pháp đi lính xong đã chứ. Khoa bảo: “*Không không, ba ơi, ba mà không mau mau đến làm đám hỏi cho con, để cô ấy mà đi lấy chồng là con không bao giờ tìm được người như thế nữa đâu*”.

Ái Vân: Nhớ ngày xưa mọi người cứ trêu, gọi em là “*thằng Quyên*”. Thế mà dùng một cái lấy chồng, dùng một cái có con, lại còn có hẳn 3 đứa nhé. Chị nhớ hồi đó em ra Hà Nội và than phiền rằng khi lấy Khoa là em bị bắt buộc phải thôi việc, đúng không?

Lệ Quyên: Hồi đó bố chồng cứ giục em phải làm giấy tờ để đi cùng chồng sang Pháp, nhưng em cứ chần chừ không chịu nộp giấy tờ cho Sở Ngoại vụ vì em chưa muốn đi. Sau này khi phải làm thủ tục ở đó thì họ bảo: “*Có 3 trường hợp là Đặng Thái Sơn, Ái Vân và Lệ Quyên phải do Bộ giải quyết, chứ chúng tôi không có thẩm quyền*”. Trước đó, do không muốn đi nên em đã xin chuyển giấy tờ về làm ở Công ty biểu diễn Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc đó em có bầu nhưng vẫn còn đi hát, còn hát cho chương trình của anh Phú Quang.

Đùng một cái, anh Đình Hùng lên tận nhà em và đưa tờ giấy quyết định của Bộ Văn hóa là: “*Đuổi việc Lệ Quyên do lấy chồng quốc tịch Pháp, làm trong Tòa Tổng lãnh sự Pháp*”. Anh Hùng còn nhờ em chuyển giùm cái thư gửi cho vợ cũ là chị Xuân Dung đang ở bên Mỹ nữa. Lúc anh Hùng về, em buồn lắm, em khóc quá. Em nghĩ là trong Nhà hát, chắc có người nào đó “*chơi*” nên mới đưa trường hợp của em lên Bộ Văn hóa như thế, chứ lúc đó cũng bắt đầu cởi mở hơn rồi mà.

Trước có Thu Hương múa, rồi Huyền múa lấy chồng nước ngoài thì đều bị đuổi việc, nhưng em lấy chồng là người Việt, chẳng qua là quốc tịch Pháp thôi mà cũng nở cựa xử như vậy. Nhận cái quyết định mà em cứ bỏ chồng người. Người ta đuổi mình thì mình phải đi thôi chứ lúc ấy em đâu có muốn đi, vì mẹ em và cả gia đình đều ở Việt Nam hết. Khi ra sở Ngoại vụ đưa tờ giấy bị đuổi việc, họ bảo: “*Chúng tôi đang chờ tờ giấy này, phải có giấy này thì mới hoàn thành hồ sơ được*”. Thế là thủ tục diễn ra rất nhanh, họ cho đi theo chồng ngay tức khắc.

*

Ái Vân: Trước khi nhận quyết định cho thôi việc thì em còn sinh hoạt với Nhà hát mình không?

Lệ Quyên: Em vào trong Nam, lấy giấy tờ của Nhà hát đảng hoàng, em xin chuyển công tác vào Công ty biểu diễn Thành phố Hồ Chí Minh mà, em xin hẳn giấy đấy. Khi đưa giấy thì em đã có bầu rồi, mọi người bảo em cứ từ từ. Hồi đầu em còn biểu diễn cho

Công ty biểu diễn mà, em diễn show thôi, không phải là nhân viên chính thức.

Ái Vân: Khi nhận tờ quyết định thôi việc thì phản ứng của gia đình em thế nào?

Lệ Quyên: Gia đình bảo: “*Đấy, con cứ cố gắng cho lắm vào, bây giờ họ đền đáp lại con như vậy đấy. Thôi, đừng có lưu luyến gì nữa. Lấy chồng thì phải đi theo chồng, chứ bây giờ cứ đòi ở lại rồi bắt chồng nó phải đi theo mình đâu có được, con phải suy nghĩ lại đi*”. Anh Cang rồi các anh chị cũng bảo: “*Ai cũng muốn em ở gần gia đình vui vẻ, anh em đoàn tụ. Trước đây bao nhiêu lần đi nước ngoài còn không trốn ở lại, bây giờ tự nhiên đi theo chồng như thế, vào một cái nước mà người ta chẳng biết mình là ai nên bắt buộc là mình phải làm từ đầu. Nhưng đến nước này thì thôi cũng đừng có níu kéo, đừng có bắt chồng đi lính xong thì phải về đây nữa*”.

Em thì cứ ồm ờ lưỡng lự, khi nhận tờ giấy thì em bực, em nói ra miệng nhưng trong lòng thì không nỡ đi, chưa muốn đi, mình lưu luyến lắm. Chị biết đấy, mình từng học bao nhiêu năm, những lần mình đi diễn với nhau huy hoàng như thế làm sao một lúc mà mình có thể dứt bỏ được. Nên sinh cháu xong cả hơn năm trời em mới đi mà, em cứ dềnh dàng mãi.

Em vẫn còn ở lại Việt Nam vì con em còn bé quá, em đợi cho con em cứng cáp đã, 15 tháng sau khi sinh con Laura rồi hai mẹ con mới qua Pháp định cư. Khi em nhận quyết định buộc thôi việc là lúc ấy em đã có bầu to rồi vì chồng em phải qua Pháp trước để đi lính. Cũng may chồng em có giấy tờ là có con nhỏ nên họ chỉ cho đi lính có đúng 3 ngày, sau đó là về đi học tiếp. Học xong là đi làm nhà băng đấy. Còn em ở bên này thì em cũng chưa muốn đi. Lúc ấy thì có cái kiểu làm dịch vụ thì họ làm giấy tờ rất nhanh, nhưng em không muốn đi vì còn mẹ em.



Lệ Quyên, Ái Vân và ca sĩ người Nga

Khi em đến dịch vụ thì gặp toàn người quen hết, mình chẳng quen người ta nhưng mọi người nhận ra, hỏi: “*Chị Lệ Quyên à?*”. Em đóng tiền dịch vụ, mấy tuần là xong hết giấy tờ, họ quý mình nên mang đến tận nhà luôn. Người ta ái mộ mình nên biếu cái gì người ta cũng không dám lấy, quý lắm, nhưng nói chung mình cũng chẳng để người ta thiệt thòi. Xong giấy tờ là em đi ngay, đi rất là nhanh. Sinh Laura đúng 15 tháng là em về Pháp.

Ồi giờ, hôm cả nhà ra tiễn, em khóc gần chết luôn. Em địu con Laura trước ngực mà cứ khóc nước mắt nước mũi ràn rụa đến mức người ta cứ tưởng mình bị làm sao. Ra đến nơi lại gặp được chị gái Hạnh múa cũng đi, cũng khóc quá trời. Trên máy bay mình buồn “*thối ruột*” ra. Con Laura nhìn thấy cụ già ngồi hàng ghế trên (chắc là Việt kiều về nước chơi) cứ nhào người về phía trước, lấy tay kéo mặt bà lên gọi “*bà ơi*”. Nó mới biết nói vài tiếng, lại cứ tưởng bà ngoại nó, thấy không phải thì nó khóc. Thế là mình lại làm thêm

một trận khóc nữa. Trên máy bay con Laura không chịu ngồi một chỗ, thế là em cứ phải bế nó đi qua đi lại, đến nỗi người ta phải bảo “*Madame không được đi lại thế*”. Nhưng nó khóc quá, cuối cùng cả máy bay, các cô chiêu đãi viên người ta phải bế cho mình. Chứ nó không chịu ngồi một chỗ.

*

Ngày 8/1/1990 là em có mặt ở Pháp rồi. Sang đến nơi thì buồn lắm. Chỉ có mình hai vợ chồng thôi vì bên Pháp chị em thì cũng lâu lâu mới gặp nhau, cả tuần mới gặp nhau chứ đâu phải ngày nào cũng gặp. Mỗi ngày em đưa con đi ra ngoài nhà ga rước chồng đi làm về, rồi cơm nước, thế thôi. Ba tháng sau em đã đi làm rồi, chứ ở nhà thì buồn lắm vì người ta chẳng biết mình là ai ở cái xứ này cả. Lúc ấy bên đó họ chống cộng ghê lắm, không phải như bây giờ đâu. Mình thì theo chồng thôi nhưng người ta có biết đâu, cứ tưởng mình vượt biên. Em hát lần đầu tiên, người ta ghi trong quảng cáo: “*Một con chim họa mi đã bay vào vùng trời tự do*”. Em sợ gần chết thế là em phải trả lại tiền. Người ta cạch em luôn từ đấy, không dám mời nữa.

Chị ở lại, chị biết là sẽ không về được nữa thì không sợ, còn em sợ lắm. Lần ấy mình không khéo nên sau đó họ tẩy chay mình luôn. Em diễn lần đầu tiên cho anh Phụng Hoàng (trung tâm băng nhạc Phụng Hoàng) cũng vậy, không biết bao nhiêu cuộc điện thoại gọi đến anh Phụng Hoàng ở chỗ diễn ở Mon Coeur gì đó đe dọa: Nếu muốn Lê Quyên thì họ sẽ đến đập chỗ ấy ra, đủ thứ. Em cũng bị dọa. Về sau những người khác cũng muốn mời nhưng mà mình cũng ngán, họ cũng phải thuê thêm người bảo vệ, thế là mình cũng *dépassé* mấy chỗ đó, thế thôi. Từ đó là tắt tiếng luôn đó chị. Buồn lắm nhưng chẳng biết làm thế nào.

Chuyện Tuấn Vinh

Những năm 80 của thế kỷ trước, Tuấn Vinh là một ảo thuật gia nổi tiếng, được nhiều khán giả Thủ đô và các tỉnh phía Bắc yêu mến. Anh chơi thân với vợ chồng tôi (Tập Một). Tháng 9/1989 một đoàn nghệ thuật Việt Nam sang Bulgaria biểu diễn trong 2 tháng, thành phần diễn viên gồm toàn những người đoạt giải nhất trong cuộc thi

trong nước: dân ca có Trung Đức, Thúy Mi, nhạc nhẹ có Thanh Lam, xiếc ảo thuật có Tuấn Vinh... do chị Kim Dung ngâm thơ của Đài đưa đoàn đi.

Cuối đợt, Tuấn Vinh nhận được lời mời riêng của cộng đồng người Việt đang làm tại nhà máy bóng đèn Lava bên Đông Đức. Anh một mình đi xe lửa qua, mang theo đồ biểu diễn gọn nhẹ, ngày 19/12 qua Đức để chuẩn bị cho buổi diễn đêm Noel, ngờ đâu những người tổ chức biểu diễn đã trốn qua Tây Đức hết rồi. Có mấy cô bé Việt Nam trong nhà máy đưa Tuấn Vinh ra cổng thành Brandenburger Tor để xem vì bảo phía bên Tây Berlin rất đẹp. Tuấn Vinh nghe nói vậy thì đi xem cho biết chứ chưa hề có ý định trốn. Thế rồi sự đòi đưa đẩy Tuấn Vinh vượt qua bức tường Berlin và sống ở Tây Đức từ bấy đến giờ.

Trích ghi âm Tuấn Vinh

Ừ, Vinh ra đó (cổng thành Brandenburger Tor) gặp toàn những người quen trong giới thể thao và nghệ thuật như: Phúc đội bóng đá Thể Công, Hùng “*xoăn*” chơi đàn organ đoàn Bộ đội biên phòng, (tức Hùng râu, bây giờ hay làm tổ chức biểu diễn cho Vietnam airline)... Tụi nó xui: “*Vinh đi đi...*”. Tụi nó đưa Vinh tới cổng thành lúc ấy mới đang bắt đầu đục thùng từng lỗ. Cổng thành lại có 2 trạm biên phòng: một trạm cho dòng người từ Đông Berlin qua thì phải có *visum*. Trạm bên kia cho người từ phía Tây Berlin qua thì không cần *visum*. Vinh xếp hàng theo dòng người từ bên Đông qua, tới trạm thì bị bắt luôn. Nhìn passport, họ bảo: “*Cái passport của mày chỉ đi được các nước Cộng sản thôi*”. Họ kiểm tra và lục tìm tiền, lúc ấy Vinh có 200 leva tiền Bun to lắm, đổi ra được 100 đô, Vinh giấu ở trong đôi giày, vì đã được mọi người dặn dò rồi. Khi lính kiểm tra không thấy tiền thì họ thả cho Vinh về.

Ngày hôm sau, 20/12, Vinh nghĩ bụng, tụi nó bảo Tây Đức đẹp lắm, thế thì bắt buộc phải qua xem, thế là mình lại đi, mình đứng ở bên này mà không có cách nào qua được vì nó kiểm tra kinh quá. Vinh mới qua đứng ở trạm phía người bên Tây Đức đi sang, bên ấy thì vắng lắm. Bên trạm đấy thì dùng loại barrier dài khoảng 1m² chắn ngang, cùng 3 lớp lính canh. Lúc đó chắc đến giờ uống cà-phê

nên lính họ cứ cầm cốc cà phê đi đi lại lại. Phía bên ấy thì chẳng có người nào bên Đông Berlin đứng đó cả, vì chỉ có người phía Tây Berlin qua thôi, nên nó thừa thớt, vắng và lạnh, âm mưu mấy độ cơ mà.

Vinh đứng trước cái đường ray dài cả 20 mét đã bị chặn hết. Một mình Vinh đứng đó và nghĩ, mình phải đi bằng được. Lúc ấy quá nửa đêm rồi, Vinh vẫn ở đấy. Đúng lúc tay công an đang quay lưng, mấy tay khác cũng chỉ đang lờn vờn thôi, trong lúc không có một người Tây Đức nào. Úi giời, thế là Vinh chạy nhé, Vinh mặc áo măng-tô chạy qua sau lưng nó. Vân có nhớ cái đường ray tàu hỏa không? Nó chặn một đoạn khoảng 1m², có 6 tay công an, vừa nói chuyện với nhau vừa quay mặt về phía Tây (là phía cần phải canh), thì Vinh từ phía Đông chạy thực mạng từ phía sau lưng họ, hồi đấy Vinh khỏe ghê lắm, dân xiếc mà. Vinh chạy một mạch, nhảy qua cái hàng rào cao khoảng 50 cm, khi lính canh phát hiện ra thì Vinh đã qua được phía bên Tây Berlin rồi. May thế.

Qua được Tây Berlin lúc ấy đã là 2 giờ sáng. Đường vắng ngắt, chợt Vinh nhìn thấy một người châu Á, Vinh hỏi: *“Anh ơi anh, anh có phải người Việt không?”*. Hóa ra là một cậu người Nhật đang quay phim, cậu ta bảo *“No no”*. Lúc ấy Vinh lạnh và đói gần chết luôn. Nghĩ lại hồi đó mình bị làm sao ấy, như là bị ma đưa đường ấy, mình có định trốn đâu, không hề... Chợt lúc ấy có hai thằng đầu đen (người Việt Nam cũng mới từ bên Đông Đức trốn sang) ra đón bạn, nhưng bạn nó lại không trốn được. Tụi nó đang lang thang ở đó, Vinh mới ra hỏi, nhận ra người Việt Nam luôn.

Vinh bảo bây giờ mình mệt và lạnh quá, mũi cóng hết, đóng đá hết rồi. Thế là tụi nó mới ra box điện thoại gọi được cho một ông Việt kiều ở bên Tây Đức (Tây Berlin), ông ấy là người Việt ở bên Lào. Ông ấy mới chạy ra đón Vinh về nhà ông nghỉ nhờ. Đến nhà đã thấy có 5 người Việt đang ở đấy rồi. Ông ấy làm cho mình một gói mì ăn liền. Trời còn tối mù mịt, ông ấy đã phải đi làm, thế là chờ Vinh đi luôn rồi tống Vinh vào trong trại Polizei, thế là Vinh nằm luôn trong đấy. Vinh ở trại Polizei đấy khoảng 3 tuần thì được cho

về tiểu bang Bayern. Từ đây mới quen mấy ông Việt kiều Tây Đức rồi về Muenchen...

Lúc Vinh nằm ở trại Tegel 3 tuần, ở cùng với một thằng phi công làm ở sân bay Gia Lâm, thằng ấy cũng trốn, hai thằng chơi với nhau. Nó là thằng Hảo, Vân còn nhớ ông Hiền là giám đốc Sân bay Gia Lâm không? Đây, thằng này lái máy bay cho ông ấy đấy. Ở Berlin hồi đó có rất ít người Việt, phần lớn toàn là người Đức thôi. Vinh gặp một cô, cô này đang yêu một tay Hausmeister (người quản lý chung cư, quản lý nhà) của nhà cô ấy ở, tay này người Đông Đức, cứ đi đi lại lại giữa Đông và Tây Đức. Vinh mới nhớ nó chạy lại cái block Vinh ở hồi Vinh sang diễn để lấy đồ nghề biểu diễn về cho Vinh.

Sau đó Vinh bị điều về một cái làng nhỏ xíu, hẻo lánh lắm, 36 người ở trong một căn nhà có giường tầng, của một lớp học cũ. Vô tình gặp một cậu Việt Nam xưa làm đội trưởng đội lao động bên Đông Đức. Nó cứ hay liên hệ với bên Đông Đức. Một hôm nó hỏi: *“Thế anh Tuấn Vinh là nghệ sĩ à? Thế anh có biết chị Ái Vân không, chị ấy vừa trốn sang đây”*. Thế là Vinh mới giật cả mình, Vinh kêu lên: *“Thôi chết rồi, bà này đi cơ à, tại sao lại đi, phí thế! Ái Vân ở nhà hồi ấy đang như thế, tự dừng lại đi, phí quá”*. Nó bảo là nó cũng gặp Vân. Đúng là Vinh giật hết cả mình...

Vinh nằm ở trại tị nạn mất gần một năm. Lúc ấy Vinh biết Vân sang mà cũng chẳng làm gì được, chẳng đi đâu được, một tháng được phát 70 đồng. Vân gửi cho Vinh 50 đồng, Vân có nhớ không, Vân còn viết là *“lá nhàu đùm lá rách”*, Vinh còn giữ cái thư ấy mà. Tình cảm lắm, úi giời ơi, 50 đồng Deuch Mark lúc ấy quý quá trời luôn.

Ái Vân: Lúc ấy, tâm trạng thế nào?

Tuấn Vinh: Buồn lắm Vân ạ, khóc suốt. Trời thì lạnh, nằm nghĩ nhớ Việt Nam lắm, nghĩ mình ở nhà đang vầy vùng như thế, kiếm bao nhiêu tiền như thế. Đang diễn ở sân khấu như thế, bây giờ sang nằm trại. Nằm trại thì không được biểu diễn, không được đi làm. Ở thì ở cùng với bọn Thổ (Thổ Nhĩ Kỳ), có được ăn thịt heo với thịt gà đâu, toàn ăn thịt cừu suốt, họ nấu sẵn rồi. Ngoài trời thì tuyết

lạnh, nằm lại càng thấy nhớ Việt Nam, nhớ dã man luôn. Mà đâu có được ở thành phố vui như thế này đâu, ở cái làng bé xiu ỏ. Mà Vân biết đấy, cái tiểu bang Bayern này có thích người nước ngoài đâu. Buồn lắm. Năm rưỡi sau có lần Vinh diễn cho sứ quán Việt Nam ở Bonn, mấy ông sứ quán bảo Vinh nếu có gặp Ái Vân thì dặn cô ấy đừng có chửi rủa Việt Nam nhiều nhé. Vinh cũng chẳng nói lại với Vân làm gì.

Ái Vân: Bây giờ ngồi nhớ lại 26 năm về trước, Vinh nghĩ gì về quyết định ra đi, có áy náy, có ân hận không?

Tuấn Vinh: Không, chẳng áy náy, Vinh thấy đó là quyết định đúng. Cuộc sống chẳng có gì còn là riêng tư, cái gì nó cũng nửa chừng xuân, chẳng có gì là công bằng cả. Mình đi thì chỉ thấy nhớ thôi, nhưng mình đi là đúng, chẳng hề ân hận.

Thưa má! Con đi...

Năm 1987 tôi sang Đức biểu diễn hơn một tháng, Ban tổ chức biểu diễn có hỏi tôi: *“Nguyễn vọng Ái Vân muốn thế nào?”*. Được lời như cởi tấm lòng, tôi nói ngay: *“Tôi muốn được đi học đạo diễn sân khấu ca nhạc”*. Nguyễn vọng rất thật, tôi mơ ước làm đạo diễn sân khấu nhạc lâu rồi. Ngoài nguyện vọng thật này tôi còn *“ủ mưu”* thoát khỏi chàng Tập Hai vài năm (tức ly thân), sau đó muốn li dị cũng dễ. Ban tổ chức biểu diễn phía Đức ghi nhận. Bên Đức họ vẫn tổ chức các khóa học cho đạo diễn sân khấu tạp kỹ. Không định kỳ mà thỉnh thoảng mới có thôi. Cứ vài năm thấy đủ lớp họ mới tổ chức. Tôi được Đức ưu ái vì có giải thưởng ở Đức.

Cuối năm 1988 bên Đức báo sang đồng ý cho Ái Vân sang học. Khóa học này sẽ bắt đầu từ năm 1990. Tôi mừng hết lớn. Cuối 1989 Đại diện Bộ Văn hóa Đức sang Việt Nam làm một số việc, trong đó có việc ký kết cho tôi đi học. Ông Đình Quang (tôi gọi bằng cậu, ông là em ruột mẹ già Tân Ninh) lúc đó là Thứ trưởng Bộ Văn hóa. Cậu vốn đi học ở Đức về nên mọi chuyện liên quan tới Đức cậu đều trực tiếp giải quyết, chính cậu trực tiếp ký kết với phía Đức trường hợp của tôi. Mừng vô cùng.

Tôi lên Sở Công an Hà Nội gặp chú Lê Nghĩa hỏi về trường hợp li dị của tôi với chàng Tập Hai. Chú Nghĩa nói cách nhanh nhất để li dị là phải li thân. Nếu li thân 6 tháng, làm đơn li dị thì tự động đơn li dị có hiệu lực. Tôi khắp khởi mừng thầm, nếu được đi Đức học thì việc li thân của tôi sẽ thuận lợi, và vì thế li dị cũng dễ dàng.

Thế rồi tháng 11/1989 bức tường Berlin đổ. Tôi lo quá. Không biết việc đi học của mình có ảnh hưởng gì không. May bên Đức người ta không thay đổi, việc đi học được ấn định là đầu tháng 1 năm 1990. Tôi đã cầm vé máy bay và hộ chiếu rồi. Khắp khởi chờ mong từng ngày một. Bốn ngày trước giờ bay, anh Thanh cán bộ vụ tổ chức của Bộ Văn hóa bất ngờ tới nhà, nói: *“Vân ơi... Vân đưa cho mình xin lại vé máy bay với hộ chiếu.”* - *“Sao thế hả anh?”*. Ngần ngừ giây lát, anh Thanh nói: *“Bây giờ Đức lộn xộn quá, phải hoãn em ạ”*.

Tôi thấy không xong rồi. Nhất định có người phá hỏng chuyến đi này của tôi. Tôi hỏi chàng Tập Hai (lúc này đang là chồng tôi): *“Có phải anh chủ mưu phá không?”*. Chàng cự lại ngay: *“Làm gì có chuyện đấy. Tôi mà phá, nói thật nhé, chỉ một cú ngã xe là xong”*. Nhưng sau đó tôi biết, chàng đưa tôi đi chào mấy ông lãnh đạo Bộ Văn hóa, chở tôi về nhà là chàng quay lại ngay nói với các vị đó: *“Đừng cho Vân đi học, cô ấy đi là sẽ vượt biên qua Tây Đức”*.

Hôm sau anh tùy viên văn hóa Đức nhắn một người trong Bộ Văn hóa: *“Vân ra bưu điện chợ Hôm nghe điện thoại”*. Hồi đó nhà tôi không có điện thoại, ở đâu gọi đến đều phải nhắn ra bưu điện chợ Hôm. Tôi ra chợ Hôm, anh tùy viên Đức nói: *“Tôi vừa biết tin ngày đi của chị bị hoãn. Bây giờ tôi nói cho chị nghe là, chị biết nước Đức của chúng tôi đang lộn xộn như thế, nếu chị không giữ đúng ngày đi thì có lẽ tất cả hiệp định sẽ hỏng hết, chị sẽ không bao giờ đi được đâu”*. Tôi sợ quá, hoang mang lắm, không biết thế nào. Tôi chỉ trông vào chuyến này thôi để vừa đi học và giải quyết chuyện gia đình. Tôi định cầu cứu cậu Quang, kết vì cậu đi Nha Trang chấm thi xong rồi nhưng chưa ra. Chẳng biết cậu ở đâu để liên lạc điện thoại. Một ngày rỗng rã tôi tìm cách liên lạc với cậu

Quang nhưng không được. Tuyệt vọng. Tôi nghĩ chỉ có đường chết thôi.

Tôi uống thuốc ngủ. Cũng là cái số. Mọi khi cu Vũ nằm với bà Khanh, bà giúp việc nhà tôi. Tự nhiên hôm ấy cu Vũ muốn vào chơi với mẹ. Nó vào phòng gọi tôi mãi, khóc ầm lên. Rất lâu bà Khanh mới vào và phát hiện ra tôi uống thuốc ngủ, bà hô hoán lên, đem chở đi cấp cứu bệnh viện Việt Nam - Cuba để rửa ruột. Tôi sống được. Tỉnh dậy thấy chồng, chàng đưa ra xích lô đi về nhà, ghé tai tôi nói nhỏ: *“Sau tự tử nhớ chết luôn đừng vào bệnh viện, bản ghê lắm”*.

Cả nhà tôi thấy chuyện nghiêm trọng rồi. Ba tôi và anh Văn lúc ấy mới ở Sài Gòn ra tức tốc lên thẳng Bộ Văn hóa và đề nghị triệu tập một cuộc họp khẩn. Ba tôi nói: *“Con tôi tự tử như thế chỉ vì không được đi học thôi. Bây giờ nếu không cho con gái tôi đi học thì ai đảm bảo con gái tôi không tự tử nữa?”*. Anh Văn bồi thêm: *“Các anh để cho người ta biết Ai Văn tự tử vì không được đi học thế này có phải mất chính trị không?”*. Chỉ còn hai ngày nữa đến ngày đi. Cậu Đình Quang ở Nha Trang vẫn chưa về, Bộ triệu tập cuộc họp bất thường gồm ông Vũ Khắc Liên - Thứ trưởng thường trực, Vụ hợp tác quốc tế và Văn phòng Bộ, có ba tôi và anh Văn dự luôn. Cuối cùng quyết định cho tôi đi học nhưng phải làm đơn cam đoan: 1. Không được trốn sang Tây Đức, 2. Không được đón con sang. Tôi đồng ý.

*

Ở sân bay tôi ôm thằng con 4 tuổi tâm trạng rối bời, đi thế này không biết bao giờ mới gặp con. Thằng nhỏ khóc ngất, môi nó tím tái: *“Không cho mẹ đi!... Mẹ ở nhà với con!”*. Tiếng khóc của đứa con trai 4 tuổi nhói vào tim, cho đến tận bây giờ.

Đây là cuộc đi nước ngoài không bình thường, có thể hai năm sau trở về, có thể vĩnh viễn không bao giờ trở về nữa. Để giải thoát cho tình duyên lần hai. Tôi không có lựa chọn nào hơn. Cuộc đi lần này quá nhiều trắc trở. Ba đã già, con còn nhỏ, má thì mắc bệnh. Lúc này má tôi bị mất trí nhớ, bệnh Alzheimer, má không biết gì cả, kể

cả con cái má cũng không nhận ra. Buổi sáng trước khi ra đi tôi ôm má tôi khóc, má cười, nói: *“Chị này sao khóc? Tôi đâu có giải quyết được gì”*. Lúc đó muốn gào thét to: *“Má ơi con Ái Vân đây, má không nhớ con sao?”*. Má tôi ngồi đó cười nói như không. Mọi hạnh phúc hay khổ đau má không còn nhớ nữa, kể cả niềm vui bất tận, đắng cay vô bờ vừa trải má cũng không nhớ.

Năm 1983, lần đầu tiên Bộ Văn hóa tổ chức bầu chọn phong danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân và Nghệ sĩ Ưu tú đợt đầu. Má Ái Liên cũng trong danh sách. Với những cống hiến từng ấy năm cho nghệ thuật má được đề nghị phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân đợt đầu. Ngày Hội đồng xét duyệt họp chuẩn bị cho quyết định cuối cùng, cùng với các nghệ sĩ khác, má cũng tới trụ sở Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật số 51 Trần Hưng Đạo, Hà Nội. Lúc đó còn sớm chưa đến giờ họp, má đang đứng dưới sân thì gặp ông Cù Huy Cận là Thứ trưởng Bộ Văn hóa, và là Chủ tịch Hội đồng xét duyệt. Ông Cù Huy Cận tiến tới bảo má: *“Chị Ái Liên này, ai cũng biết và đánh giá cao sự cống hiến của chị cho nghệ thuật, và việc đề nghị phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân cho chị là hoàn toàn xứng đáng. Tuy vậy, chị cũng lớn tuổi rồi, mình nên nhường cho lớp trẻ để khuyến khích họ tiếp tục cống hiến hơn nữa”*. Má nghe vậy cũng hơi bất ngờ, chưa biết trả lời thế nào thì cũng vừa lúc giờ họp bắt đầu.

Trong phần phát biểu của mình, trên cương vị là Chủ tịch Hội đồng xét duyệt, ông Cù Huy Cận nói: *“Chị Ái Liên xung phong rút danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân để nhường cho lớp trẻ”*. Nghệ sĩ tuồng cổ Bạch Trà - người cũng có tên trong danh sách được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân đợt ấy, nghe vậy cũng đứng lên nói: *“Nếu chị Ái Liên xin rút Nghệ sĩ Nhân dân thì tôi cũng đồng ý xin rút”*. Ông Huy Cận bảo: *“Không, chị ngồi xuống, chị thì không được rút lui”*. Vậy là chỉ có mình má bị đưa ra khỏi danh sách Nghệ sĩ Nhân dân. Mất Nghệ sĩ Nhân dân má không đau, đau nhất là má theo cách mạng bao nhiêu năm để cuối cùng má bị ai đó lừa. Điều đó làm tổn thương và là nỗi đau của má mãi cho đến tận cuối đời.

Tôi thương nhớ má vô cùng. Nhớ tuổi lên ba nằm chờ má đi diễn về, tranh nhau giành má. Nhớ tuổi lên năm má dạy những câu hát đầu tiên. Nhớ tuổi lên mười lần đầu ra sân khấu, má đứng sau cánh gà cho con khỏi run. Rồi những lần hát cho má nghe, những lần được nghe má hát. Má kiên trì uốn nắn cho các con gái của má từ Ái Loan đến Ái Thanh sao cho câu hát được tròn vành rõ chữ. Những đêm đông trời lạnh, mấy má con nằm chung, chăn hẹp phải đắp ngang, đắp ngang cũng không đủ, má nhường chăn hết cho mấy chị em. Hỏi má sao không đắp chăn, má cười, nói: “*Má mập, không thấy lạnh!*”.

Giây phút chia tay tôi ôm chặt má nghẹn ngào: “*Thưa má con đi... con Ai Vân đi nhé má!*”. Má cười tươi, nói: “*Ừ, chị đi nhé, tí về mua bánh giò cho tôi nhé*”. Nhớ lại giây phút ấy đến bây giờ vẫn còn đau.

Vượt tường Berlin

Sang Đức, tôi được xếp cho ở một căn hộ 3 phòng, đó là nhà khách của Bộ Văn hóa. Học được một tháng, mới học tiếng Đức thôi chứ chưa học vào chuyên môn. Tôi viết đơn li dị gửi tòa và chàng Tập Hai. Phải làm sớm dự phòng chàng còn dây dưa gì thì mình vẫn còn thời gian lo được. Đơn vừa gửi đi ít ngày Bộ Văn hóa Đức nhắn tôi lên, nói: “*Như bà đã biết bức tường Berlin đã đổ, sang tháng 3 chúng tôi sẽ tổng tuyển cử. Khi tổng tuyển cử thì tất cả những nghị định ký trước đây của nước Cộng hòa Dân chủ Đức đều không còn hiệu lực. Ngay đến chúng tôi cũng không biết có còn ngồi ở cái ghế này hay không. Cho nên từ bây giờ bà nên tự lo cho bà đi*”. Tôi cũng sờ không biết làm sao. Ở hay về, hay phải làm sao đây? Cực kỳ hoang mang. Vé máy bay chỉ một chiều thôi, nếu về thì tiền đâu?

Đúng lúc đó có một đoàn Việt Nam đi sang công tác, trong đó có anh Phạm Ái Nhân, bạn thân của gia đình tôi. Anh Nhân đưa thư và băng cassette ghi âm tiếng nói của bà Khanh, người giúp việc cho gia đình nhỏ của tôi, khi tôi đi bà vẫn ở lại để chăm cháu Vũ. Bà Khanh không biết chữ, bà nhờ ai đó viết cho tôi cái thư và ghi âm lời nói của bà: “*Cô ơi từ hôm cô đi, chú đổ điên, ngày nào cũng*

rượu say sưa xong về quát tháo và đánh cháu Vũ. Tối hôm 30 Tết, không biết chú ở đâu về say, vào nhà chú khóa cửa và đánh cháu Vũ, dập chân bẻ tay xuống đất giương. Cháu Vũ khóc quá mà chú cấm không cho cháu (tức bà Khanh) được kêu. Ngày hôm sau cháu Vũ ăn xong đi ra chúc tết ông bà ngoại ở nhà ngoài, chú lôi cháu Vũ ra đường đánh, làm cháu nôn ra cả”. Nghe xong băng tôi chết điếng, đau đớn quá, thương con quá, tháng hai Berlin rất lạnh, tôi chạy ào ra ngoài trời gào khóc như một con điên. Tôi nghĩ: “Con mình ông còn đánh thế, mình về thì chắc ông ấy giết mình”. Lúc đó tôi quyết tâm tìm cách cứu con.

Nghe lao xao bên Đại sứ quán người ta nói: Quản lý Ái Vân theo kiểu nào bây giờ. Vì Ái Vân không thuộc dạng xuất khẩu lao động, không du học, không phải cán bộ đi công tác, chỉ đi học một khóa học đặc biệt thế này thôi. Hộ chiếu tôi vẫn được giữ. Tôi hiểu Đại sứ quán rất muốn giữ hộ chiếu của tôi trong tình hình tranh tối tranh sáng thế này. Thế là họ đã để ý đến tôi rồi, chắc tôi sẽ khó mà được ở đây lâu. Rất có thể họ đang lên kế hoạch cho tôi về nước. Phải chạy. Tôi tính đường chạy sang Tây Berlin.



Vũ và mẹ ở Đà Lạt, 1989

Bức tường Berlin đã bị đục bỏ nhưng vẫn được phía Đông Đức canh giữ cẩn thận. Nghe nói các chỗ đục bỏ đi lại dễ dàng nhưng không biết nó nằm ở khúc nào. Cuối tuần họ có mở cửa cho công dân Đức và các nước tư bản đi qua thoải mái. Riêng các nước Việt Nam, Lào, Cambodia, mấy nước châu Phi, Ba Lan, Tiệp... nghe nói sứ quán các nước này yêu cầu phía Đức không cho công dân của họ đi qua. Họ sợ công dân nước họ bỏ trốn sang Tây Đức cả. Tôi không biết đi lối nào cho thoát.

Ái Thanh đi xuất khẩu lao động vào giữa năm 1989 ở Dresden, cuối tuần đó về Đông Berlin chơi, thăm tôi. Tối thứ sáu, Thanh về kéo theo một đoàn bảy người bạn của em. Tôi nói hết tình hình, và nói: *“Chị muốn đến đó xem thế nào nhưng đến đó nhờ mấy ông sứ quán thấy mặt, tóm cổ mình thì toi”*. Ái Thanh nói: *“Mai thứ bảy em đi ra cổng Brandenburger Tor xem thế nào”*. Sáng thứ bảy Ái Thanh và đám bạn đi đến cổng thành đến tối mới về, Ái Thanh bảo: *“Hôm nay em mà đi giày thấp thì đã trèo tường sang được Tây Berlin rồi. Đi dễ lắm chị ạ”*. Nghe Ái Thanh kể tôi mừng lắm, quyết tâm đi.

*

Hôm sau chủ nhật đẹp trời. Tôi lấy 1 túi nhỏ xếp 2 bộ quần áo, giấy tờ, tiền bạc... rồi theo Ái Thanh và 7 người bạn nữa ra bức tường Berlin. Tới cổng chính Brandenburg Tor thấy bãi cỏ rộng, trống ghê lắm. Ái Thanh bảo: *“Chị vào xếp hàng đi, cứ tự tin, không sao hết”*. Tôi xếp hàng, nghĩ bụng mình có hộ chiếu công vụ, có thể họ cho qua. Trong đám bạn của Ái Thanh hôm ấy có Gerhard người Đức rất thích chơi với người Việt Nam, là bạn của Tô Sơn. Mọi người bàn nhau để Gerhard xếp hàng cùng và nhận tôi là vợ thì chắc dễ được qua vì Gerhard là người Đức thì không gặp trở ngại gì. Gerhard đồng ý.

Mọi người đi qua rất dễ dàng, cứ cầm passport qua, lính biên phòng Đức gật đầu là xong, chẳng đóng dấu gì cả. Tôi càng tới gần càng run. Cách chừng 4 - 5 người thấy cậu biên phòng chỉ vào tôi ngoắc

ngoắc. Tôi nhìn đằng sau xem cậu ta ngoắc ai. Thì ra cậu ta chỉ mặt tôi ngoắc tay ra hiệu ...đứng ra khỏi hàng. Tôi chỉ vào Gerhard nói: *“Tôi đi với chồng, chồng tôi đây”*. Cậu lính biên phòng chỉ cái passport của tôi, nói: *“Nhưng mà hộ chiếu Việt Nam, đúng không?”*. Tôi trả lời *“Vâng”*, cậu ta bảo: *“Mời bà sang cổng thành Alexanderplatz vì cổng đó dành riêng cho người nước ngoài. Cổng này chuyên cho người Đức”*.

Tôi buộc rời khỏi hàng. Chán ngán. Sang cổng Alexanderplatz thì chắc chắn không được rồi vì cổng đó họ xét kỹ lắm. Láng cháng sang đó Sứ quán ra nhận mặt mình thì nguy. Tôi quay lại bàn với Ái Thanh và các bạn. Cả nhóm đang đứng ngẩn, chưa biết tính sao, chợt có tiếng đục tường cóc cóc cóc... một mảng gạch rơi xuống. Tự nhiên mọi người ào chạy tới nơi mảng gạch vừa rơi. Đủ hết, người da đen (không biết nước nào), người Ba Lan, người Việt Nam rất đông. Cả nhóm cũng chạy về chỗ đấy. Gần tới nơi thì một xe Jeep của cảnh sát Đông Đức đi tới chặn luôn. Sợ quá, không biết phải làm sao. Nhìn xung quanh vẫn thanh bình, nhưng mình đang làm cái việc gọi là *“phạm pháp”* nên rất sợ.

Trong khi bốn bề đều nghe tiếng cóc cóc, lại nghe một mảng tường đổ rầm xuống. May thay lúc ấy chỉ có một viên cảnh sát đứng canh. Anh ta cầm máy bộ đàm gọi đầu đó, rồi lấy một mảng dây thép gai kéo tới lấp vào chỗ mảng tường vừa đổ và lên xe Jeep chạy vù đi. Khi xe Jeep vừa chạy ra khỏi bãi cỏ là tất cả ủa tới ào ào. Tôi, Ái Thanh và 7 người bạn Ái Thanh cũng chạy như bay tới. Đúng lúc ấy một bé gái Đức xuất hiện ngay giữa mảng tường đổ hát hò say sưa. Tô Sơn lao tới hét: *“Tránh ra”*, rồi nhấc cô bé sang một bên. Rộng chỗ, cả nhóm 9 người lần lượt chui tường thoát qua Tây Berlin.

Chui qua khỏi tường, sang đến Tây Berlin rồi mà cứ ngỡ như mơ. Mấy anh chị em nhìn nhau và hỏi *“Ừa, đây là xứ tự do rồi à?”*. Bên kia đang nhốn nháo, sang bên này tự nhiên thấy yên tĩnh lạ thường, người đi lại thông dong giống như đi dạo mát. Người ta mở băng nhạc cassette, vài nhạc sĩ mang violon hoặc guitar dạo những khúc nhạc vui tươi. Mấy chiếc bàn bày bán những mẫu gạch nhiều

màu sắc được đục từ bức tường Berlin, kẻ bán người mua rôm rả. Không gian tràn ngập trong tiếng nhạc dịu dặt, thanh bình. Không một ai tới hỏi mình từ đâu, tới đây làm gì, mọi người nhìn nhau mỉm cười thân thiện như đã quen nhau tự thuở nào.

“Xứ tự do đây rồi à? Bây giờ mình đi đâu?”. Ái Thanh và nhóm bạn chỉ đi sang cùng cho tôi vững tâm rồi phải quay lại Đông Berlin, nơi họ đang còn việc làm tốt ở đó. Sẽ chỉ còn một mình tôi thôi. Tôi không quen biết ai, chẳng biết đi đâu, tự nhiên thấy lo lắng hoang mang. Như đã nói ở trên, rất may trong đoàn Ái Thanh có Tô Sơn, con trai nhạc sĩ Tô Hải, đang làm phiên dịch cho lao động xuất khẩu ở Dresden. Sơn có một cô bạn quen, tên là Bích. Bích đã sang đây từ tháng 11, hiện đang ở trại tị nạn, Sơn có địa chỉ. *“Ok!”* - Tôi nói: *“Bây giờ tụi mình đi tới chỗ Bích để hỏi xem nhập trại tị nạn thế nào”*. Cả nhóm quyết định mua vé tàu đến nơi Bích ở.

Tàu điện sang Tây Berlin được bắt đầu từ bến cuối của tàu bên Đông Berlin là bến Alexanderplatz. Từ cổng thành Brandenburg Tor muốn đến trại tị nạn Bích ở phải đi qua nhiều bến nên phải đi bằng tàu. Nếu mua vé từ phía bên Tây Berlin phải mua bằng Deuch Mark (tiền Tây Đức), trong khi từ Đông Berlin qua, cũng tuyến đường như vậy thì vé lại mua bằng tiền Mark Đông Đức, rẻ hơn gấp nhiều lần. Quyết định là quay về bên Đông mua vé. Nhưng đi qua đi lại đâu phải chuyện dễ dàng. Vậy ai có thể quay về được? Chỉ còn Gerhard, Gerhard người Đức nên qua lại tường Berlin không trở ngại gì, anh được phân công quay lại Đông Berlin mua vé.

Gerhard đi chừng hai bến, chúng tôi đoán chừng nửa tiếng là anh quay lại. Nhưng chờ đến 2, 3 tiếng vẫn không thấy Gerhard đâu cả. Lo quá là lo. Cuối cùng Gerhard xuất hiện với nét mặt bơ phờ, áo quần xộc xệch lem luốc, cái đầu hói của anh có mấy sợi tóc cũng rồi mù. Gerhard kể: *“Tao vừa mới lên được bến tàu thì cảnh sát Đông Đức nó tóm, tra hỏi tao đủ thứ. Nó khám rất kỹ. Nó lột hết áo quần khám cả người tao nữa. Cuối cùng chẳng buôn lậu, chẳng*

thấy tao làm gì sai cả, nó thả cho tao đi”. Gerhard chìa tập vé ra, nói: “9 vé đây”, chúng tôi ồ lên, vui vẻ nhảy ngay lên tàu điện.

Trại tị nạn Bích ở (tôi quên mất tên trại) là căn chung cư trong có mấy cái giường tầng lúc này vắng hoe, chỉ có 1 - 2 người đang ngồi trong phòng. Tôi rất ngạc nhiên. Trại tị nạn thế này ư? Đọc báo thấy trại tị nạn Hồng Kông rào dây thép gai, lính bông súng gác nghiêm mật, trong trại người kín đặc. Ở đây thì vắng hoe, người tị nạn bỏ đi chơi thoải mái.

Không thấy Bích đâu. Thấy hai người Việt Nam, một người Hà Nội, một người Sài Gòn, đang ngồi đọc sách. Chúng tôi hỏi Bích, họ nói: *“Bích ra nhà bác Bình chơi rồi”*. Tôi hỏi thăm cách làm thủ tục nhập trại, họ bảo trước tiên phải viết đơn xin tị nạn và nộp passport cho cảnh sát Tây Đức. Sau khi xét, nếu thấy không đủ tiêu chuẩn tị nạn thì họ sẽ buộc mình hồi hương, vì passport họ đã thu rồi. Xem tờ hướng dẫn làm đơn xin tị nạn thấy ghi một lô câu hỏi: Ngài đã bị tù cộng sản chưa? Ngài đã bị bắt tạm giam chưa? Ngài đã bị truy tố về tội chống cộng sản chưa? Gia đình có áp bức gì không? Nếu trở về liệu có bị bắt vào tù không? v.v... Tôi thấy mình chẳng đúng *“tiêu chuẩn”* nào cả, rất lo, sợ bị trả về.

*

Khi Ái Thanh và các bạn đưa tôi đến nhà bác Bình đã khuya lắm rồi, dù vậy, mọi người vẫn phải quay lại Đông Berlin để ngày mai còn làm việc. Sau này đọc Facebook của Ái Thanh mới biết cuộc trở về của Thanh và các bạn quá long đong, vất vả.

Trích Facebook Ái Thanh

Đi bộ được đến bức tường thì cũng đã 12 giờ khuya. Khó khăn lắm chúng tôi mới tìm lại được cái lỗ thủng của tường mà lúc buổi trưa chui sang, nhưng rồi ngay sau đó lại vô cùng thất vọng khi phát hiện ra lỗ hổng ấy đã được rào kín. Vừa mệt, vừa lo, con đói lại kéo đến.

Suy đi tính lại mãi, cuối cùng chúng tôi quyết định ra thẳng cổng chính vì nghĩ rằng chắc họ chỉ làm khó những ai từ Đông sang Tây thôi chứ ngược lại thì dễ dàng hơn. Quả như dự đoán, phía bên Tây Đức chào hỏi chúng tôi rất vui vẻ và có phần ngạc nhiên tại sao chúng tôi quay về. Còn phía bên Đông Đức lập tức chia chúng tôi thành 2 tốp nam, nữ riêng để tiện hỏi cung.

Ôi giới, tim tôi như muốn nhảy ra ngoài, tay chân run lẩy bẩy, mặt tái dại. Tôi và một bạn gái bị đưa vào một phòng nhỏ. Sau khi hỏi giấy tờ, chúng tôi phải giơ 2 tay quay mặt vào tường để họ lục soát. Lúc đó bao nhiêu tiền trong túi đều bị lột sạch. Rồi họ lập biên bản, giữ tiền và thu hết giấy tờ tùy thân. Sau khi tra khảo nơi làm việc của chúng tôi, họ nói: “Các chị đã phạm luật qua biên giới, 10 ngày nữa các chị sẽ phải về nước. Nếu đồng ý thì ký vào biên bản”. Lúc này mệt mỏi quá rồi, ký bao nhiêu cũng được miễn được thả về, thế là tôi ký luôn không cần nghĩ gì.

Ra đến ngoài cửa thì gặp dần những khuôn mặt thiếu nữ, mệt mỏi của các bạn tôi. Họ đều quyết định giống tôi: đổi chữ ký lấy Tự Do và lúc này chẳng còn gì để mất! Những người bạn ở Berlin thì họ về nhà, còn tôi và 2 người bạn phải đi tàu tiếp về Dresden, cách Berlin khoảng 200 km. Không một xu dính túi, chúng tôi len lén nhảy lên chuyến tàu sớm, mắt la mày lét hồi hộp ngóng chừng người soát vé. Đến khi nghe tiếng toa bên cạnh họ đang kiểm tra vé, chúng tôi vội vàng chia nhau chui vào những phòng vệ sinh trốn.

Về đến ga Dresden mới thở phào nhẹ nhõm vì đã thoát. Quân áo xộc xệch, mặt mày phờ phạc chúng tôi lại một lần nữa đi lậu vé tàu điện. Về đến nhà tôi lịm đi, ngủ như chết, buổi chiều vẫn phải tiếp tục đi làm.

Hành trình khám phá Tự Do của tôi như thế đấy. Tuy nhọc nhằn nhưng qua đó chúng tôi cũng mở mang ra được nhiều điều. Đúng là “Trăm nghe không bằng một thấy!”.

*

Ái Thanh và mọi người ra về, còn mình tôi ở lại nhà bác Bình. Bác có 6 người con gái, tôi sống chung với họ. Bác coi tôi như con, nói: *“Cháu cứ ở lại đây, ngày mai con rể bác đưa cháu đi nhập trại vì nó giỏi tiếng Đức”*. Cả nhà bàn đi tính lại, bác Bình tính thế này: *“Thôi, hãy khoan đừng nhập trại vội. Để ngày mai thằng Tín con rể bác điện thoại qua bên Pháp hỏi Trung tâm Thúy Nga xem sao”*. Bác nói: *“Thúy Nga là Trung tâm lớn. Họ biết cháu sang đây chắc mừng lắm, thế nào họ cũng liên lạc với cháu và sẽ lo bảo lãnh cho cháu ngay”*. Nghe thế mà lòng khắp khởi mừng thầm.

Hôm sau anh Tín tới, vẻ mặt rất quan trọng, anh quay số điện thoại gọi cho Trung tâm Thúy Nga trong ánh mắt hồi hộp chờ đợi của tôi và mọi người. Sau khi nghe anh nói sơ qua về tôi, đầu dây bên kia trả lời: *“Ái Vân à? Chẳng biết cô này là ai cả”*. Nghe vậy, tôi chỉ còn biết ngồi cười, đặng ngất.

Anh Tín nói: *“Thôi để ngày mai thứ ba, tôi dắt chị tới đại sứ quán Mỹ, xin tị nạn ở Mỹ là chắc chắn được”*. Tôi thấy có lý. Nhớ ngày xưa, năm 1987, A Sa và Xuân Dung cũng trốn vào đại sứ quán Mỹ. Hy vọng lại tràn trề. Sáng hôm đó, anh Tín đi thăm dò trước, đến trưa về buồn bã nói: *“Không được. Sứ quán Mỹ họ không nhận thẳng như thế, tất cả phải qua thủ tục tị nạn của Đức”*. Cả nhà bàn mưu tính kế thấy cách nào cũng không xong. Cuối cùng quyết định: Thôi, thứ năm nhập trại vậy.

Để nhập trại, trước tiên phải làm đơn. Trong đơn khi nói lý do tị nạn, tôi chỉ viết: *“Tôi muốn tìm tự do”*. Tôi không biết nói gì thêm, vì mình chẳng có lý do gì cả, ngoài lý do riêng. Nộp đơn thì phải nộp luôn hộ chiếu, thế là hết đường lùi.

Hôm đầu tiên vào trại, cảm thấy buồn và thất vọng vô cùng. Người đi qua kẻ đi lại, đủ các sắc dân mà có lẽ chủ yếu là xuất khẩu lao động, trong đó thấy khá nhiều người da đen... Để có danh sách trong trại tị nạn, mỗi tuần họ phát cho mình một phiếu ăn, đó là một tờ bìa cứng được gấp làm ba.

Thời gian đầu qua Tây Berlin, tôi thấy mình thật bơ vơ và bế tắc. Quá khứ đau buồn khiến tôi không dám ngoảnh lại, tương lai thì

mờ mịt, cuộc sống mới đầy bỡ ngỡ. Khổ sở nhất là nỗi nhớ con, thương thằng cu Vũ bé bỏng không biết xa mẹ thế sẽ ra sao. Và ba má tôi, nhất là má, cứ ngơ ngơ ngẩn ngẩn thế không biết ai chăm sóc má bây giờ. Những lúc như vậy, chỉ biết khóc và thấy mình thật bất lực, chỉ mong ngóng đến ngày phát tiền để mua thẻ gọi điện thoại về Việt Nam. Thời ấy, liên lạc về Việt Nam rất khó. Sau khi về trại cố định, tôi được phát 400 Deuch Mark một tháng. Mua một cái thẻ gọi về Việt Nam là 50 D. Mark, nói chuyện được 5 phút. Vì nhớ ba má, nhớ con và có biết bao chuyện muốn biết và muốn kể nên những tháng đầu lĩnh tiền chỉ để gọi điện thoại, còn chút ít gửi về nhà để lo cho ba má, cho con.

Hôm tôi ra Deviko - trung tâm chuyển tiền về Việt Nam gặp anh Vân giám đốc, anh bảo: *“Bữa rồi có một người trong đoàn văn hóa Việt Nam sang nhờ tôi nhắn: Ái Vân cứ về đi, không sao đâu, ở nhà không ai làm gì đâu”*. Có lúc tôi cũng dao động, muốn về. Tôi như chị Dậu của *Tắt đèn* tương lai mù mịt: *“Về thì biết đâm đầu vào đâu?”*. Lại khóc. Khóc thương ba má, khóc thương thằng con, khóc thương mình.

Sau đó bắt đầu phỏng vấn để nhập trại chính thức. Bốn nước gồm Tây Đức cùng đồng minh là Anh, Pháp, Mỹ tham gia phỏng vấn. Lần ấy tôi đi phỏng vấn chỉ có Mỹ và Pháp. Ông Mỹ hỏi: *“Tại sao bà lại muốn xin tị nạn?”*. Tôi nói: *“Tôi đi tìm tự do”* - *“Bà có bị đàn áp không?”* - *“Tôi bị mất nhà”*. - *“Bà có biết ở Việt Nam, hại cốt người Mỹ để ở đâu không?”* - *“Không. Tôi không biết”*. Ông Pháp chỉ hỏi qua quýt, rất đại khái. Tôi đâm lo. Thời gian chờ đợi như ngàn thu, tôi nghĩ chắc toi rồi, chắc không được tị nạn. Nếu không được tị nạn sẽ bị trả về theo diện hồi hương, tức cưỡng bức hồi hương. Rất nguy.

Ít lâu sau có giấy báo: *“Bà không đủ tiêu chuẩn tị nạn chính trị. Nhưng sẽ chấp nhận cho tị nạn nhân đạo”*. Phần lớn những người lao động Việt Nam trốn sang Tây Đức đều được hưởng quy chế tị nạn nhân đạo. Tị nạn chính trị thì được định cư ngay, còn tị nạn nhân đạo thì có thể bị tổng về nước bất cứ lúc nào và khi trở về có khả năng bị bắt. Thời kỳ đầu mỗi người được cấp cho một giấy

thông hành tạm thời, gọi là ausweis, cứ 3 tháng gia hạn một lần. Sau hơn 1 năm thì được cấp Passport cho hưởng quy chế tị nạn nhân đạo chiếu theo điều luật 51 của Cộng hòa Liên bang Đức, chúng tôi thường gọi là “*pass 51*”.

Thời gian này tôi viết một lá thư cho Bộ Văn hóa trình bày vì sao mình chạy qua Tây Đức, “*Chỉ vì lý do riêng tư là vì chuyện gia đình*” và xin lỗi Bộ về sự “*thất hứa*” của tôi với Bộ.

Sau hơn 2 tháng, tôi được đưa về trại cố định, trại này toàn người Việt Nam nằm trên đường Lassen, chúng tôi gọi luôn là trại Lassen. Gọi là trại nhưng thực ra là một căn biệt thự của một bà triệu phú người Đức hiến tặng cho Hội Chữ thập đỏ sau khi bà qua đời. Biệt thự có nhiều phòng, ngay cửa là phòng thường trực có bà người Đức trực suốt ngày ở đó. Trại cũng có một cô Việt Nam làm phiên dịch tiếng Đức, có phòng cho trẻ con chơi, phòng chơi ping-pong, một phòng đọc sách, phòng câu lạc bộ và một bếp chung rộng rãi có thể nấu cùng lúc 6 gia đình. Hàng ngày có hai bà người Đức đến lau chùi nhà cửa, dọn vệ sinh và chùi bếp sạch sẽ, bóng loáng. Tóm lại gọi là trại nhưng cực kỳ sướng. Tôi ở chung phòng với hai cô Việt Nam, cũng chẳng mấy khi ở trại mà toàn ra ngoài chơi. Đi đâu thì đi nhưng cứ đầu tháng phải về lĩnh “*lương*” 400 D. Mark và quan trọng nhất là phải lấy thư. Chỉ cần vài tuần không đến lấy thư, bà thường trực sẽ báo cáo mình vắng mặt và sẽ bị cắt tiêu chuẩn tị nạn luôn. Chẳng ai muốn vậy.

Qua Bích, tôi quen Giàu và anh Sanh. Hai người vượt biên, được tàu Cap Anamur của Đức vớt lên. Vợ chồng có cửa hàng đồ châu Á. Giàu và ông xã rất quý tôi, bảo: “*Thôi chị Vân đừng ở chỗ ông Bình nữa, nhà ấy đông con gái, sợ mấy cô thấy bố mẹ săn sóc chị quá lại ghen tị*”. Thấy nói có lý, hơn nữa hai vợ chồng có đứa con trai 7 tuổi tên Quang dễ thương và nhang nhác cháu Vũ. Bên cháu Quang chắc sẽ giúp tôi nguôi nỗi nhớ con. Vậy là tôi chuyển về ở với vợ chồng Giàu. Hai vợ chồng đối với tôi thật chí tình, đặc biệt dạo tôi bị tái phát bệnh đau lưng, Giàu hết lòng chăm sóc kể cả việc hàng ngày dìu tôi ra phòng tắm, hoặc đi lại trong nhà. Suốt tháng trời, Giàu chăm tôi chẳng khác gì chị em ruột thịt.

Thời gian đó bỗng rộ lên tin đồn: Ái Vân đóng phim con heo. Không hiểu ở đâu ra. Cứ lao xao thế. Ở Việt Nam thì bảo bên Đức đang đồn ầm lên, bên Đức thì bảo nghe mấy người Việt Nam kháo nhau vậy. Ba tôi viết thư sang không dám nói rõ, chỉ hỏi con có khỏe không, có làm sao không. Tôi biết cả nhà đang lo lắng nhưng chẳng biết làm sao để chứng minh mình “vô tội”. Một hôm gặp cô phiên dịch, chúng tôi thân nhau lắm, cô túm tay tôi kể chuyện: “*Dạo này có nhiều người đến trại hỏi thăm chị ghê. Hôm nọ có chú nhà văn Nguyễn Quang Sáng, chú hỏi rất nhiều, hỏi đi hỏi lại dạo này Ái Vân thế nào, trông có xanh xao không, có gầy không*”. Em hỏi: “*Sao chú hỏi thăm chị Ái Vân kỹ thế?*”. Chú trầm ngâm một lúc rồi nói: “*Tại chú nghe bên Việt Nam đồn là Ái Vân sang đây đóng phim cấp 3. Chú hỏi kỹ thì họ bảo có người xem được một đoạn phim thấy cái lưng giống cổ lắm*”. Nghe thế tôi điên lắm. Tôi tuyên bố nếu ai tìm được cái băng ấy thì bao nhiêu tiền tôi cũng trả. Tóm lại đến tận bây giờ không có cái băng nào cả.

Lại có người về bảo ba tôi: “*Vân giờ khổ lắm, mang cái thùng đi bán vịt lộn ở ngoài đường*”. Tôi nghe mà cười phì. Cũng giống chị Vân Khánh mới sang Thụy Sĩ báo chí ta hỏi đó nói Vân Khánh đi rửa bát kiếm sống khổ cực đủ đường. Chị Vân Khánh nghe vậy cũng cười phì. Vui vậy đó. Mà thôi, đó cũng là cái giá mình phải trả.

16

Quê người

Tôi chính thức ở hải ngoại từ năm 1990. Thời gian đầu có hai nỗi sợ, sợ bị đuổi về nước và sợ không được hành nghề. Dân tị nạn nhân đạo ai cũng lo bị đuổi về, cái Pass 51 chỉ cho phép một cuộc sống tạm nơi xứ người, nếu phạm luật sẽ bị đuổi về nước bất cứ lúc nào. Người ta cấp cho mình 400 D.Mark một tháng với điều kiện không được đi làm thêm. Nếu phát hiện ra mình có đi làm thêm, tức khắc mình hết tiêu chuẩn tị nạn nhân đạo. Không hành nghề không kiếm được tiền đã đành, cái chính là buồn nhớ nghề, thêm ánh đèn sân khấu khủng khiếp.

Thời gian đầu mới sang Tây Berlin, buồn và nhớ nhà kinh khủng. Tôi mang cassette theo, đêm buồn vắng nghe đi nghe lại nhiều bài của Đặng Hữu Phúc, *Trăng chiều hồ Tây*; *Ru con mùa đông...* nhiều bài hát của Duy Thái: *Hãy đến với em*; *Lời của gió*; *Tình yêu đầu tiên*. Đó là những bài hát tôi thu băng thời gian trước khi đi. Tôi bắt đầu tìm kiếm các băng nhạc hải ngoại để học tập. Đầu tiên là băng nhạc Khánh Hà trong đó tôi đặc biệt thích bài “*Bay đi cánh chim biển*” của Đức Huy. “*Bay đi cánh chim biển hiền lành, chẳng còn giấc mơ nào để giữ đôi chân em, chẳng còn tiếng nói nào để trách cứ em khi mặt trời đậu trên đôi cánh vỗ*”. Càng nghe càng thêm cái micro và ánh đèn sân khấu và chao ôi là nhớ nhà.

Thời gian còn ở trại, tôi gặp nhiều nghệ sĩ Việt Nam cũng chạy trốn như tôi: lúc thì gặp anh Tuấn – nghệ sĩ múa, Đoàn ca múa Hà Nội, lúc thì gặp cậu Thu đàn bầu, rồi Tuấn Vinh xiếc v.v... Gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Người đi trước biết cái gì thì giúp người sau. Hội Việt kiều ở Tây Berlin và Tây Đức rất tốt. Những người mới sang bơ vơ, họ lo cho các thủ tục nhập trại, cần làm đơn hay cần những hồ sơ bằng tiếng Đức họ đều giúp đỡ rất nhiệt tình. Nhờ có họ mà mình không thấy cô đơn, lẻ loi. Nhưng từ trong sâu thẳm, những người làm nghệ thuật như chúng tôi lúc ấy, ai cũng thêm

diễn, tuy nguyên tắc là không được đi làm, nhưng thèm quá nên phải đi diễn lậu. Không một nghệ sĩ nào ở trại tị nạn mà không đi diễn lậu.

Với tôi lúc đó Trung tâm Thúy Nga và *Paris by Night* là một mơ ước lớn ngoài tầm tay với. Ngờ đâu một ngày tôi đến được với Thúy Nga, từ đó tôi được tung hoành ca hát trên xứ người, còn hơn cả một giấc mơ.

Về với Thúy Nga Paris

Tôi có vài show diễn phòng trà Tây Berlin, có lần mời Duy Khánh từ Mỹ qua, tôi cũng được mời diễn chung. Thèm hát quá mà đi diễn chui thôi chứ hát phòng trà chẳng được bao tiền mà lại rất nguy hiểm, người ta tóm cổ được mình đang hát chui là đi đòi nhà ma. Khi đó tôi đang ở nhà vợ chồng Giàu. Có show thì ông xã Giàu chở tôi đi. Sau này những khi đi diễn xa thì anh Lê Văn Cát là người lái xe đưa tôi đi. Anh Cát là một người bạn chí thiết của tôi, một nhân vật rất quan trọng đối với tôi thời kỳ đầu ở Tây Berlin, anh là một trong những quý nhân phù trợ theo đúng nghĩa của từ này mà tôi sẽ kể sau đây.

Trước tiên phải kể đến quý nhân phù trợ là vợ chồng Giàu - Sanh bởi họ giúp đỡ tôi mọi bề. Hai vợ chồng hăng hái tìm show cho tôi, thậm chí tổ chức show cho tôi và chở tôi đi hát. Nhớ hôm anh Sanh chở đi hát phòng trà, đúng vào lúc diễn ra trận chung kết World Cup giữa Đức - Pháp. Hát xong rời phòng trà chạy ra đường thấy cờ Đức rợp trời, tôi hét lên: “*Đức thắng!*” anh Sanh giật mình phanh kít. Anh nói: “*Đâu nào? Thắng đút đâu nào?*”. Tôi nói: “*Không không.... Đức thắng Pháp rồi!*”. Sanh cười: “*Ui trời!... Chị làm Sanh hết hồn*”. Cười gần chết.

Tôi có thêm một quý nhân phù trợ nữa, đó là chị Mai Tâm. Chị vốn là một du học sinh tại Tây Đức, học rất giỏi, sau chuyển ra làm kinh doanh và rất thành công với chuỗi tiệm thực phẩm châu Á tại Tây Đức. Mai Tâm thường cùng Trung tâm Thúy Nga tổ chức show văn nghệ có các ca sĩ bên Thúy Nga đưa sang. Đầu tháng 11/1990, Mai Tâm và Thúy Nga tổ chức một show ca nhạc tại

thành phố Dusseldorf, có các nghệ sĩ Linda Trang Đài, Thúy Vy, Tuấn Anh v.v... tham gia. Trước đó ít ngày, Mai Tâm có điện thoại cho tôi: “*Ái Vân ơi, tháng 11 này mình tổ chức show của Thúy Nga ở dưới này, Vân đi xuống đây đi. Mình sẽ giới thiệu Vân cho Thúy Nga xem thế nào*”. Tôi nói: “*Ngày xưa anh Tín giới thiệu Vân cho Thúy Nga mà Thúy Nga lắc đầu rồi.*” - “*Không, Vân đi đi, xuống chơi thôi, coi như xem hát thôi nhưng mình sẽ tìm cách giới thiệu Vân*”. Được thế còn gì bằng, tôi nhận lời ngay.

Tôi nghe tiếng Trung tâm Thúy Nga từ khi còn ở trong nước, được xem nhiều băng video do Thúy Nga sản xuất, rất hâm mộ. Trung tâm Thúy Nga được thành lập tại Sài Gòn năm 1963 chuyên sản xuất băng nhạc. Chủ nhân là anh Tô Văn Lai và vợ là chị Thúy. Sau 1976 gia đình anh Tô Văn Lai vượt biên và được sang Pháp. Lúc đầu anh Lai, chị Thúy lo bán xăng cho cây xăng của gia đình. Ngày đi bán xăng, đêm hai vợ chồng dựng lại nghề cũ hồi ở Sài Gòn, họ mở một cửa hàng băng đĩa nhỏ, in sang các băng đĩa cũ một cách thủ công để đem đi bán, rồi từ từ tự sản xuất các chương trình ca nhạc. Dần dà Thúy Nga được hồi phục trên đất Pháp với loạt chương trình ca nhạc *Paris by Night* nổi tiếng khắp châu Âu, lan rộng sang Hoa Kỳ. Từ đó Thúy Nga trở thành một trung tâm ca nhạc của người Việt lớn nhất ở hải ngoại, bất kỳ một nghệ sĩ nào cũng muốn cộng tác.

Anh Cát chở tôi xuống thành phố Dusseldorf. Hôm ấy tôi mặc bộ màu đen khá đẹp. Mai Tâm đã bố trí trước nên giữa chương trình, MC lên nói: “*Hôm nay có ca sĩ Ái Vân mới từ Đông Đức tị nạn sang đây. Mời Ái Vân lên đóng góp tiết mục*”. Tôi lên hát ba bài, *Em đi chùa Hương* (Nguyễn Nhược Pháp - Trung Đức); *Woman in love* (Barry Gibb - Robin Gibb) và bài *Chiếc lá cuối cùng* (Tuấn Khanh). Tôi cố tình hát ba bài ba phong cách để họ biết được khả năng của mình. Hát xong đi vào thấy anh Lai, chị Thảo là quản lý của Thúy Nga đã đứng chờ sẵn ở cánh gà: “*Ái Vân đi ra đằng sau mình nói chuyện*”. Tôi ra sau sân khấu ngồi nói chuyện với anh Tô Văn Lai, chị Thảo và Mai Tâm. Chị Thảo nói ngay: “*Bây giờ Thúy Nga muốn ký hợp đồng với em luôn, em có sẵn sàng hợp tác với Thúy Nga không?*”. Tôi mừng quá, “*vâng*” ngay. Hai bên ký hợp

đồng luôn. Chị Thảo hẹn: “*Hai tuần nữa Thúy Nga quay video ở bên Pháp, em sang quay với Thúy Nga luôn*”. Đúng là một chân trời mới mở ra trước mắt tôi, không gì sung sướng hơn.

*

Tôi sang Pháp thu cuốn “*Paris by Night đặc biệt*”. Lần đầu tiên làm việc với Thúy Nga rất ngỡ ngàng và hồi hộp. Để tôi xuất hiện trên video, Thúy Nga tính thế này: Ái Vân sẽ hát một bài solo và phải ghép Ái Vân với một ca sĩ tên tuổi nổi tiếng ở Mỹ để người đó “*kéo*” Ái Vân lên. Suy tính mãi thấy chỉ có Elvis Phương là phù hợp nhất. Elvis Phương nhận lời. Bên Thúy Nga chọn *Bài tango cho em* của Lam Phương để hát *duet* với Elvis Phương.

Elvis Phương tên thật là Nguyễn Ngọc Phương, vì quá mê vua nhạc rock Elvis Presley mà anh lấy tên Elvis Phương. Lúc đầu tôi tưởng anh người Nam, quê Bình Dương, sau mới biết quê gốc anh Hà Tĩnh. Với tôi, anh là một trong những nam ca sĩ nhạc nhẹ hàng đầu thế kỷ 20 ở nước ta, chỉ riêng tài huýt sáo của anh cũng đủ “*chết*” bao nhiêu người ái mộ. Tiếng huýt sáo của anh trong bài *Vết thù trên lưng ngựa hoang* (Phạm Duy) chẳng những làm mê đắm bao khán giả, mà ngay cả những người trong nghề cũng vô cùng khâm phục. Cho nên nghe chị Thảo nói: “*Sẽ mời Elvis Phương hát chung với em*” tôi mừng ghê lắm.

Elvis vừa xuống sân bay là đến thẳng phòng thu luôn. Lúc tập sân khấu thu hình, anh Lai, chị Thảo đều khen. Anh Lai nói: “*Em hôm nay hát được lắm*”. Tôi rất mừng, hí hửng như hồi 9 tuổi lần đầu tiên được khen vậy. Chắc vì hí hửng quá nên đến lúc thu hình thật thì tôi bị khớp, diễn không tốt như lúc tập. Hát xong lúc về phòng trang điểm, anh Lai mở cửa vào. Tôi hí hửng hỏi: “*Em hát thế nào anh Lai?*”. Anh Lai nhăn nhó nói: “*Em hát dở lắm, không bằng hồi chiều*” rồi anh quay ra sập cánh cửa đánh rầm. Tôi ngồi buồn xo suốt buổi. Tuy vậy băng “*Paris by Night đặc biệt*” được đánh giá là “*tạo ấn tượng tốt*”.

Nhờ thắng lợi ở cuốn đầu, cuốn sau tôi tiếp tục được hát *duet* với Elvis Phương. Anh Phương nổi tiếng hát nhạc Pháp và nhạc tình.

Tôi đến với khán giả hải ngoại vốn liếng chỉ là những bản nhạc nhẹ miền Bắc, chẳng biết gì nhạc trong Nam cả, trong khi khán giả hải ngoại đã quen với phong cách nhạc nhẹ miền Nam rồi, họ không thích nhạc nhẹ miền Bắc, cho đó là nhạc Việt cộng. Vì không sở trường về nhạc nhẹ miền Nam nên có cố mấy cũng không thể hát cho ra phong cách. Hơn nữa tôi muốn lên video phải có gì là lạ một chút. Tôi nghĩ đến dân ca quan họ và chọn bài *Qua cầu gió bay*. Rất may chị Thảo, anh Lai và Elvis Phương ủng hộ.

May mắn là sự kết hợp này thành công. Khán giả hải ngoại lâu nay thấy Elvis Phương toàn mặc đồ vest hát nhạc tây, nay thấy anh mặc áo tứ thân hát quan họ với cô ca sĩ Bắc Kỳ dễ thương giọng Bắc “ngọt như mía lùi”. Khán giả vỗ tay nhiệt liệt. Thúy Nga bán được băng. Thành công khiến tôi nở mày nở mặt, tự tin hơn. Thừa thắng xông lên, tôi và Elvis Phương tiếp tục dòng dân ca mới khai mở với bài *Tát nước đầu đình*, khán giả lại nhiệt tình tán thưởng.

Tát nước đầu đình là bài hát trước đây Elvis Phương đã hát cùng ca sĩ Khánh Ly, nay tôi dựng lại có kèm thêm phần diễn xuất cho hai anh em, quả nhiên thu được kết quả thật ngoài mong đợi. Bên cạnh video thì cuốn audio đầu tiên Elvis Phương - Ái Vân bán rất chạy. Thúy Nga mừng một tôi mừng mười, những bước đi đầu tiên của tôi với Thúy Nga quả là xuôi chèo mát mái.

Ở Việt Nam tôi có danh trong dòng nhạc nhẹ, nhắc đến Ái Vân người ta đều nói kèm luôn ca sĩ nhạc nhẹ. Sang hải ngoại nhờ có Thúy Nga ủng hộ và khuyến khích tôi chuyển sang hát dân ca khá thành công. Nhiều người chưa biết tôi ở quốc nội cứ nghĩ tôi là ca sĩ hát dân ca. Đến nỗi mọi người nhìn thấy tôi mặc đồ tây đều trố mắt ngạc nhiên: “Ô thế áo tứ thân đâu?”

Có lần tôi được mời đi hát, ra phi trường chờ mãi chẳng ai ra đón. Tôi gọi điện về Ban tổ chức: “Ủa sao giờ này không thấy người đón?”. Ban tổ chức nói: “Cho người ra đón lâu rồi”. Mãi sau người ta đi hết rồi, còn mình tôi đứng trạm điện thoại gọi về nhà nói chuyện với con. Người đi đón tôi cứ đi qua đi lại chỗ tôi, khi nghe tôi nói tiếng Việt mới chạy tới hỏi: “Ủa chị Vân à? Bữa nay

chị mặc áo da quần bò thế này tui nhận không ra, tưởng chị phải mặc áo tử thân chứ”.

*

Hồi đó Thúy Nga hay tổ chức những show diễn ở châu Âu. Mọi người bắt đầu biết đến tôi như một khuôn mặt mới. Những show Thúy Nga ở Đức, Anh, Thụy Sĩ, Bỉ, Hà Lan, Ba Lan, Tiệp Khắc và nhất là Pháp, tôi đều được tham gia. Nhờ vậy tôi được đi nhiều, diễn nhiều. Cái Ausweis của tôi không được đi ra khỏi bán kính 30 km của Berlin, nhưng vì phải có mặt trong những show diễn của Thúy Nga, thành ra tôi toàn đi diễn lậu. Đi thế là liều lắm. Cũng may vì lúc đó Âu châu mở cửa, ít ai kiểm soát, hỏi han giấy tờ gì nên tôi cứ thế mà đi liều. Đi hát, mà lại hát trong chương trình của Trung tâm Thúy Nga, kể ra cũng đáng để liều lắm chứ.

Cuối năm 1991, một đoàn ca nhạc sĩ do ông Tô Văn Lai, Giám đốc Trung tâm Thúy Nga dẫn đầu qua London biểu diễn gây quỹ cho một nhà thờ. Trong đoàn chỉ có tôi đang sống ở châu Âu, ngoài ra tất cả đều từ Hoa Kỳ tới. Từ Hoa Kỳ đi máy bay qua, đương nhiên ai cũng bắt buộc phải có giấy tờ hợp pháp, không quốc tịch Mỹ thì ít ra cũng phải có thẻ xanh. Riêng tôi, do chỉ có cái ausweis 3 tháng gia hạn một lần, không đi khỏi Berlin trong phạm vi 30 km nên như mọi khi, dĩ nhiên là phải đi lậu. Chị Thúy (Thúy Nga) cho tôi mượn hộ chiếu của chị, mặc dầu nét mặt chị và tôi chẳng giống nhau chút nào. Hộ chiếu của chị quốc tịch Pháp hẳn hoi, oai lắm.

Chiếc xe Van 12 chỗ ngồi do anh Tô Văn Lai cầm lái chở đoàn chúng tôi từ Pháp sang Anh. Đến bến phà Calais là ranh giới giữa Anh và Pháp, cả đoàn phải xuống xe để Hải quan Anh kiểm tra giấy tờ. Thấy đoàn mình hơn chục người xếp hàng, sợ lâu, tôi tách ra chạy sang một làn vắng người cho nhanh. Cái tội nhanh nhẩu đoảng ngờ đâu trở thành một sai lầm lớn. Đưa hộ chiếu (của chị Thúy) cho ông hải quan Anh, ông này hỏi tôi bằng tiếng Pháp (vì tôi từ Pháp sang). Tôi ngu quá, lại bảo: *“Tôi chỉ nói được tiếng Anh thôi”*. Ông hải quan trở mặt nhìn tôi, ông biết cái hớ của tôi, vì hộ chiếu cho biết chị Thúy đã ở Pháp hơn chục năm.

Anh Lai đang sắp hàng bên kia thấy thế liền băng sang, nói liền thoảng bằng tiếng Pháp với ông hải quan: *“Đây là vợ tôi, bà ấy phải sang Anh hát cho nhà thờ.”* - *“Ở Pháp lâu thế sao không nói được tiếng Pháp?”* - *“Vâng, bà ấy không nói được tiếng Pháp, và cũng không biết ngoại ngữ nào cả.”* Ông hải quan Anh tùm tùm cười, chỉ hình chị Thúy ở hộ chiếu nói: *“Vợ ông cũng xinh nhưng không giống bà này”*. Quả thật hình chị Thúy mắt xếch, sắc sảo lắm, còn mặt tôi rất non lại lớ ngớ. Anh Lai làm bộ nhăn nhó liền thoảng: *“Trời ơi vợ tôi đi mỹ viện sửa mặt tùm lum, đến tôi còn chẳng nhận ra nữa là ông”*. Nghĩ là đi hát cho nhà thờ thì sẽ được châm chước nên anh Lai lấy tờ poster quảng cáo show, chỉ hình tôi và bảo: *“Đây, vợ tôi phải sang hát cho nhà thờ. Ông cho bà ấy đi đi kéo Đức Cha đang chờ”*. Ông hải quan Anh chỉ hình ca sĩ Ngọc Bích trên poster: *“Hình đó đâu phải vợ ông, hình này mới đúng chứ!”*. Quả thật Ngọc Bích rất giống chị Thúy. Anh Lai bí.

Ông hải quan Anh bảo anh Lai đứng ngoài rồi quay sang tôi bảo: *“Đi theo tôi”*. Ông cho người đem theo cả chiếc va li của tôi để khám xét. Tôi quính thật sự. Khi mở va li thì ôi thôi, từ kệo cao su, quần áo, đôi giày tới chiếc túi ni lông bọc áo quần toàn chữ Đức, chẳng có món đồ nào của Pháp cả. Đáng sợ nhất là chiếc ausweis của Đức được tìm thấy dưới đáy va li. Lúc này thì hồn vía tôi bay lên mây rồi. Tuy vậy, ông hải quan Anh vẫn chưa nói gì. Ông ta dắt tôi đi qua một dãy cửa sắt giống như xà lim. Tôi ớn lạnh nghĩ thầm: *“Thôi chết, chắc mình bị tù rồi”*. Ông ra hiệu cho tôi tháo giày và bảo: *“Đứng sát vào tường”*. Tôi run bắn người, tim đập thình thịch, phát hoảng nghĩ: *“Không lẽ nó bắn mình?”* Giữa lúc tôi gàn như muốn xỉu thì ông lấy cái thước đo chiều cao của tôi. Không hiểu thế nào, tôi càng hoang mang tợn.

Hóa ra trong hộ chiếu ghi chiều cao chị Thúy là 1,64 mét, trong khi tôi chỉ có 1,56 mét. Ông hải quan Anh gọi anh Lai vào, nói: *“Nãy giờ ông bảo vợ ông sửa sắc đẹp, ông không nhận ra... Đồng ý. Nhưng xưa nay người ta chỉ muốn cho cao hơn chứ tôi chưa bao giờ nghe nói làm đẹp mà phải cưa chân cho thấp đi cả. Người này thấp hơn 8 cm so với chiều cao ghi trong hộ chiếu”*. Anh Lai tịt, chẳng biết nói gì. Lúc bấy giờ ông ta mới lôi cái ausweis của tôi ra

mà rằng: *“Đây mới là giấy tờ của cô này, cô ta từ Đức sang, không liên quan gì tới người trong cái hộ chiếu Pháp mà ông nhận là vợ”*.

Lập tức cả đoàn bị lôi vào khám xét và thẩm vấn rất lâu. Hành lý bị lật tung lên, đến từng chiếc ve áo cũng được chiếu cố kỹ càng. Sau cùng mọi người cũng được cho đi, riêng tôi bị giữ lại, bảo: *“Bà đã phạm vào những tội sau: 1/ Nhập cảnh trái phép vào nước Anh. 2/ Giả mạo giấy tờ. 3/ Nói dối nhà chức trách. 4/ Đi làm chui. Bà bị trục xuất khỏi nước Anh. Lệnh trục xuất có hiệu lực trong 3 tuần. Sau 21 ngày, nếu có visa thì bà được phép vào Anh bình thường”*. Lập tức, hai viên cảnh sát to như hai con trâu mộng áp giải tôi lên xe cảnh sát, hụ còi và tổng thẳng xuống phà trả về Pháp. Cũng may họ chưa biết cái tội thứ 5 là không được ra khỏi nước Đức của tôi. Hú vía.

Lên phà vào khoảng 4 giờ sáng giữa đêm lạnh, không biết tiếng, giấy tờ không, tiền không có một cắc. Chẳng biết điều gì sẽ chờ mình. Đói và mệt. Tôi cởi chiếc áo măng tô trải ra sàn phà, nằm co ro như con mèo ốm. Bấy giờ tôi mới thắm thía câu hát: *“có ai thấu lòng cô lữ đêm đông không nhà”* của nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương. Sau khoảng 1 tiếng đồng hồ, phà cập bến đất Pháp, viên cảnh sát Anh giải tôi lên bờ và bảo: *“Người nhà bà vừa nhắn là chuyển phà sau sẽ qua đón”*. Ông ta áp giải tôi vào đồn cảnh sát Pháp, giao tôi cho họ kèm theo một phong bì đựng giấy tờ, hồ sơ của tôi rồi bảo: *“Đây, chúng tôi trao trả bà cho cảnh sát Pháp và họ sẽ quyết định tiếp về bà”*.

Lúc đó 5 giờ sáng rồi, mệt kinh khủng. Cảnh sát Pháp hỏi: *“Bà có nói được tiếng Pháp không?”* - Tôi thực thà nói: *“Tôi chỉ biết nói bonjour, bonsoir, merci và Je t’aime”*. Họ cười phá lên. Một người hỏi bằng tiếng Anh: *“Bà sang Anh làm gì?”* - *“Tôi sang hát cho nhà thờ bên London”*. Tôi chỉ hình mình trong cái poster quảng cáo show diễn nằm trong phong bì hồ sơ mà cảnh sát Anh vừa trao cho họ và bảo: *“Đây, hình tôi trong poster đây”*. Họ hỏi: *“Bà từ đâu tới?”* - *“Tôi từ Đức qua.”* - *“Bà làm gì bên ấy?”* - *“Tôi đi tị nạn, giấy tờ tị nạn của tôi đó”* - *“Sau đây bà đi đâu?”* - *“Tôi phải về Paris.”* Họ ngạc nhiên *“Sao không trở về Đức? Bà có tiền mua vé*

tàu về Đức không?” – “Tôi phải về Paris hát để còn quay video ở đó.” – “Bà là ca sĩ à?” – “Vâng, tôi là ca sĩ.”

Cảnh sát Pháp nhìn bộ dạng thiếu não của tôi lúc đó rồi cười cười: *“Lấy gì chứng minh bà là ca sĩ?”*. Lúc ấy khoảng 5 giờ sáng, sau một đêm thức trắng vì căng thẳng, đói và mệt nhưng tôi đành cất giọng khàn đặc hát *“Yêu nhau cởi áo cho nhau...”* Nghe xong, họ vỗ tay, nói: *“Hay quá, hát bài nữa đi”*. Tuy giọng khô đặc nhưng tôi vẫn hát thêm bài *“Con chim non”* bằng tiếng Pháp:

“Se canto, que canto, Canto pas per ieu, Canto per ma mio Qu’es aluen de ieu...”

Lúc này mấy ông cảnh sát vui vẻ bảo tôi. *“Chúng tôi tin bà là ca sĩ rồi. Mà sao bà tị nạn bên Đức làm gì, bọn Đức nó khó chịu lắm. Sao bà không sang Pháp tị nạn?”* - *“Tôi có biết đâu, tôi từ Đông Đức chỉ biết chạy sang Tây Đức thôi”*. Họ gật gù điệu bộ thông cảm, hỏi: *“Bà có chắc là có người nhà đón không?”* - *“Chắc.”* - *“Vậy bà ra ga phà ngồi chờ. Coi chừng mất cắp nhé”*. Cảnh sát Pháp thật dễ thương.

Rạng sáng Ban tổ chức show diễn bên Anh cho một chiếc xe sang đón tôi và bảo: *“Lần này sẽ đưa chị đi vòng đường bộ, không qua phà nữa”*. Lúc đó tôi quá sợ và quá mệt, nghĩ bụng nếu bị bắt lần nữa là toi nên tôi từ chối. Người của Ban tổ chức cố thuyết phục tôi: *“Không sao chị ạ, đây là xe của Đức Cha, của nhà thờ nên đảm bảo không ai kiểm soát đâu”*. Trước sự tha thiết như vậy, tôi thật áy náy nhưng buộc lòng vẫn phải nói: *“Nhờ anh thưa với Đức Cha là Vân rất xin lỗi, đành để dịp khác vậy”*. Trưa hôm đó, tôi lên xe lửa trở lại Paris và chuẩn bị cho tiết mục sắp quay video Thúy Nga ở đó.

Sau nghe kể lại mới biết rất may hôm đó tôi đã không quay lại London. Cái xe đến đón tôi đã bị cảnh sát Anh chặn lại và lục soát rất kỹ. Cả bốn phi trường London đều cho khám xét tất cả những ca sĩ Việt Nam nào từ Mỹ bay qua. Họ gọi điện cho Ban tổ chức tìm gặp tôi, mà gặp sao được khi lúc ấy tôi đã về lại Paris. Chưa hết, tối hôm đó cảnh sát còn đứng ngay ở cánh gà sân khấu nơi biểu diễn,

chờ tôi xuất hiện là bắt ngay. Phúc tổ ba mươi đời, nếu hôm đó tôi xiêu lòng theo xe quay lại thì chắc chắn đã bị bắt rồi. Nghĩ đến đó mà toát mồ hôi, sợ thế.

Chồng giả - chồng thật

Việc không có giấy tờ chính thức nó phiền hà và nguy hiểm đến chừng nào, mà sự cố bến phà Calais như giọt nước tràn ly. Nếu không được tự do đi lại mà chỉ cầm cái ausweis không được ra khỏi Berlin ngoài chu vi 30 km thì không thể hành nghề. Ngay từ cuối năm 1990 đã rộ tin đồn những người không đủ tiêu chuẩn tị nạn nhân đạo sẽ bị hồi hương cưỡng bức. Dân vượt tường chúng tôi ai nấy nhón nhác, lao xao, ai cũng sợ. Tôi thì quá sợ rồi. Chị Thảo quản lý của Thúy Nga nói: *“Chết rồi, gay quá rồi, chắc phải nhờ người có quốc tịch làm giấy tờ bảo lãnh cho em”*. Rồi chị bắn tin: *“Có ai sẵn lòng làm giấy tờ cứu cho em tôi được ở lại đây không?”*.

Có một số ứng cử viên *“hy sinh đời giai”* để cứu Ái Vân. Một vài người là thân hữu của Thúy Nga, số còn lại là cộng tác viên của Thúy Nga ở Mỹ, Canada, Pháp v.v... Tôi loay hoay không biết chọn ai. Kiếm một ông chồng giả có khi còn khó hơn kiếm một ông chồng thật, người đó phải đủ tin cậy làm đúng một ông chồng giả chứ không được lộng giả thành thật, đây là chuyện nói dễ làm khó.

Lúc này tôi đang ở nhà anh Cát, quý nhân phù trợ của tôi. Anh Cát là du học sinh từ Huế đi trước 1975. Anh đang làm Assistant (kỹ sư nghiên cứu và phụ tá giảng dạy) đồng thời đang làm luận án tiến sĩ tại Trường Đại học Bochum (Tây Berlin). Được biết anh Cát là người rất cảm tình với Lê Vân. Khi Lê Vân sang Pháp dự liên hoan phim, anh từng chở Lê Vân đi chơi, mối quan hệ tuy thân mà sơ, cũng không đi tới đâu. Từ ngày tôi sang Tây Đức, anh Cát vừa là bạn, vừa lái xe vừa là người đại diện của tôi về nghệ thuật vì anh thông thạo cả tiếng Anh lẫn tiếng Đức.

Anh Cát thuộc típ người ham vui, nhiệt tình và tốt bụng. Thời ấy tuy không rủng rỉnh về tài chánh, bù lại anh có rất nhiều thời gian. Anh thích chụp ảnh, thích đi đây đi đó. Anh rất thích chơi với dân

Hà Nội, quen tôi quen luôn cả Ái Thanh, Ngọc Thanh (vợ anh Quang Thọ cùng đi xuất khẩu với Ái Thanh) cùng nhóm bạn của Ái Thanh bên Đông Đức. Anh là nhân vật con thoi, ai cần đi đâu thường hay nhờ đến anh. Với một cái xe cũ kỹ màu xanh da trời rất là nhà quê, biển số BOAH... Ái Thanh cứ đùa: xe bố - ăn - hại, hàng tháng anh chở tôi sang Dresden thăm Ái Thanh, Ngọc Thanh và tổ chức ăn uống vui vẻ, có khi anh lại sang Dresden đón Ái Thanh và các bạn về Tây Berlin thăm tôi. Có lần anh chở nhóm Ái Thanh qua Pháp chơi. Xe 4 chỗ nhưng chở 5 người, qua trạm cảnh sát một người phải thụp xuống sàn xe. Vui và nhớ mãi.



Anh Lê Văn Cát giữa vòng vây toàn “quỷ sứ” tại Berlin 1990

Thời gian này anh Cát là người cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp của tôi. Những ngày đầu về với Thúy Nga, do chưa có giấy tờ ổn định nên mỗi khi có việc phải qua Paris thu audio, video hay đi show các nơi, tôi đều được anh Cát chở đi trên chiếc xe biển “Bố ăn hại” màu xanh da trời cũ kỹ. Để tiện việc đưa đón, cuối năm 1990, tôi dọn xuống nhà anh ở Bochum. Hàng ngày anh đi làm, còn tôi thì ngoại trừ những cuối tuần phải đi show hoặc qua Pháp thu nhạc ra, tôi ghi danh đi học tiếng Đức vào tất cả các ngày khác trong tuần và đảm nhận việc cơm nước chu toàn. Tôi tin tưởng anh

và chúng tôi đối với nhau như hai anh em trong nhà vậy. Khi tính tới việc kiếm chồng giả, tôi cũng bàn với anh, không thấy anh nói gì, chỉ “Ok ok, rứa rứa ừ ừ”.

Trong số “*ứng cử viên chồng giả*” tôi chọn anh Lê Hiệp, người mà năm 1980 tại chợ Hôm đã rủ tôi vượt biên. Anh Lê Hiệp rất nhiệt tình, bảo sẵn sàng làm giấy tờ hôn thú với tôi. Năm đó anh định bảo lãnh ông già sang Mỹ nhưng vì việc hôn thú với tôi nên anh đành lùi việc bảo lãnh ấy sang năm sau. Tôi tin cậy Lê Hiệp vì anh chơi thân với anh Hà Quang Sơn nên cũng thân thiết luôn với gia đình tôi. Trước đây hai anh em vẫn thường Đi Pắc với nhau, chọn anh làm chồng giả không sợ anh “lật kèo”, lộng giả thành thật. Lê Hiệp gọi điện cho tôi, nói: “*Một tuần nữa anh sẽ bay sang làm giấy tờ cho em*”. Tôi khoe việc này với anh Cát, anh Cát bỗng nhiên có ý kiến. Anh nói: “*Đằng nào cũng làm giấy tờ giả sao không làm với anh luôn? Em đang ở Đức cưới một ông Đức chẳng tiện sao? Đi cưới một ông Mỹ lại phải liên lụy bao nhiêu giấy tờ khác*”. Tôi cười: “*Em đâu biết anh muốn làm chồng giả của em*”.

Tôi vui vẻ nói với anh Cát: “*Rồi nhé. Em sẽ làm giấy tờ với anh. Nhưng với hai điều kiện. Một là dù cưới nhau nhưng em chỉ làm em gái của anh thôi đấy. Hai là khi ‘em gái’ có người thương thì ‘anh trai’ phải khản trương làm giấy tờ li dị, ok?*”. Anh Cát vui vẻ đồng ý. Vài hôm sau anh Cát và tôi dắt nhau ra tòa thị chính. Có hai người bạn thân, cũng là dân du học với anh Cát, làm chứng. Xong giấy tờ tôi không còn lo bị đuổi về mà toàn tâm toàn ý vào việc ca hát. Đồng thời anh Cát làm giấy tờ bảo lãnh Ái Thanh và cháu Vũ qua. Giấy tờ chính thức rồi, phải đón con của “vợ” sang chứ. Mọi việc diễn ra thật nhẹ nhàng. Một lần nữa anh Cát lại là quý nhân phù trợ của tôi.

*

Chia tay với chàng Tập Hai, tôi mệt mỏi đến mức coi hôn nhân lần nữa là chuyện điên rồ, không bao giờ dám nghĩ tới nữa. Cưới xong ông chồng giả, cuộc sống dễ thở hơn, gặp được Thúy Nga tôi như hạn hán gặp mưa rào, làm việc với Thúy Nga vô cùng thuận lợi. Bây giờ tôi mới tính chuyện đón con sang. Khi có con tôi phải có

một gia đình, không thể lỏng lẻo như trước. Đến tuổi phải sống cho con chứ không còn sống cho mình nữa. Dù rất chán chuyện “*đi bước nữa*” nhưng không muốn con tôi phải thiếu một người bố. Thực tế cho thấy nuôi con không có bố vừa rất vất vả vừa ít thành công. Dù sao con vẫn nể sợ bố hơn là mẹ. Đây là điều tôi trăn trở. Tôi nghĩ cần phải tìm cho con mình một người cha. Nhưng người đó sẽ là ai bây giờ?

Tôi có cô con gái nuôi tên Hằng ở Munchen. Hằng là vận động viên điền kinh quốc gia đã từng giành huy chương vàng Seagames năm 1988 chạy cự ly 100 mét. Năm 1989 sang Đức tập huấn vừa lúc bức tường Berlin đổ, Hằng chạy sang Tây Đức và ở Munchen luôn từ đó. Hằng và tôi vẫn thường liên lạc với nhau qua điện thoại. Một hôm trong lúc nói chuyện với Hằng, tôi ngỏ ý muốn tập lái xe. Hằng bảo: “*Con biết một chú có thể giúp mẹ được, nhưng mẹ phải về Munchen*”.

Hôm tôi về Munchen, nghe bạn bè ở đây giới thiệu, có tay này hay lắm, nào là doanh nhân thành công, nào là hát hay lắm, nào là giai tử... Tôi chỉ cười cười không nói gì. Bây giờ còn mơ “*giai tử*” có buồn cười không? Một lần, Hằng gọi điện và cho tôi nói chuyện trực tiếp qua điện thoại với “*thầy giáo*” tương lai. Hóa ra đó chính là người mà bạn bè giới thiệu. Cô con nuôi tôi thật khéo mỗi lái làm sao. Hằng bảo: “*Chú ấy đang buồn lắm vì vừa chia tay cô hôn thê. Hai người đính hôn rồi cô ấy đi Mỹ học... hai người chia tay nhau*”.

Khi biết tôi muốn nhờ chàng dạy lái xe, chàng đồng ý ngay. Lần đầu gặp, thấy chàng thật hiền, ít nói. Chàng có mái tóc hơi bông bông và đôi mắt thông minh ẩn sau cặp kính cận, khi luống cuống hay gãi đầu gãi tai, thấy ngò ngò và có cảm tình. Chàng cũng đã biết tôi. Một lần thấy ảnh tôi đăng báo chàng khá ngạc nhiên: “*Việt cộng mà cũng có cô xinh thế này à?*”. Năm 1981 khi tôi được giải Dresden, được truyền hình châu Âu và truyền hình Đông - Tây Đức giới thiệu, chàng cũng có xem. Và thích: “*Việt cộng mà hát tiếng Đức rất chuẩn*”.

Tôi chỉ biết chàng đang làm Giám đốc kỹ thuật của SPEA, một hãng chuyên về IT do chàng đồng sáng lập. Nghe bạn bè xuýt xoa “*thành công lắm*”, “*giỏi lắm*” chứ không biết gì hơn. Gặp nhau, thích thích rồi thế nào mà quên khuấy cái việc học lái xe. Những ngày sau đó anh Huệ, bạn thân của chàng, tổ chức hôm thì đến nhà ăn cơm, khi thì kéo nhau đi nghe nhạc Jazz ở Schlachthof Munchen, dường như có ý vun hai đứa lại với nhau.

Cứ như vậy rồi dính nhau lúc nào không biết. Hôm chàng ngỏ ý đưa tôi về nhà, trên xe chàng vừa giới thiệu về Munchen vừa thỉnh thoảng cao hứng hát phụ họa những khi tôi vui miệng lắm nhảm đôi câu hát. Loanh quanh thế nào chàng đi lạc đường, chẳng biết lạc thật hay cố tình. Lạc nhưng mà vui vì thời gian ngồi bên nhau được dài hơn. Tôi hát bài *Niệm khúc cuối* của Ngô Thụy Miên, chàng hát theo nhưng không thuộc lời, mỗi câu hát chàng lại ư ử phần đầu câu, chỉ hát được đúng mấy chữ cuối câu, mắt vừa nhìn biển tên đường để cố gắng không... bị lạc. Nom chàng thật buồn cười và dễ thương. Cứ thế hai đứa tự nhiên quý mến nhau.

Một bữa cơm tối, khi đã đủ tin cậy và quyến luyến, được chàng hỏi han và khuyến khích, tôi đã kể với chàng về quãng đời đã qua, hoàn cảnh hiện tại, về nỗi nhớ nhà, nhớ con... Trong câu chuyện nhiều lúc không thể nén được cảm xúc, cứ khóc. Chàng lặng đi không nói, chỉ nhẹ nhàng áp bàn tay lên tay tôi, giọng thật ấm áp: “*Đừng buồn, bây giờ em đã có anh, mình sẽ cùng chia sẻ với nhau tất cả, em nhé*”. Chỉ một câu ngắn ngủi thế thôi, tôi xúc động nhận ra đây chính là người mình muốn tìm. Ôn trời lần này tôi đã không lầm.

Tôi khoe với anh Cát: “*Em sắp có chồng thật rồi*”. Anh trợn mắt: “*Thật không?*” Tôi kể về chàng, hóa ra hai người cũng là chỗ quen biết, cùng là dân du học với nhau. Anh Cát chúc mừng tôi, còn nói thêm: “*Chàng của em gốc Quảng Trị, là con trai của kiến trúc sư Nguyễn Thụy, một trong hai người thiết kế Dinh Độc Lập, dân du học đi từ Sài Gòn năm 1968. Ghê lắm đó*”. Việc li dị với anh Cát diễn ra suôn sẻ. Ít lâu sau, chúng tôi làm đám cưới.

Hôm cưới, cảm động nhất là tuy ở bên Đức có một mình, nhưng cuối cùng tôi cũng có hẳn một đoàn đại diện nhà gái, đó là chị Thúy của Trung tâm Thúy Nga với một vài người bạn ở Pháp sang, vợ chồng anh Thành - Thảo ở Munchen, Giàu, Bích ở Berlin cũng về. Điều đó khiến tôi được an ủi rất nhiều.

Ái Thanh

Nhà tôi có 14 anh em, tôi yêu quý hết lượt. Trong gia đình, anh chị em đều yêu quý nhau không phân biệt ai là con của mẹ nào. Có lẽ vì nghiệp hát nên tôi gắn bó với hai cô em Ái Xuân và Ái Thanh hơn cả. Ba chị em họ Ái sau rốt được ba má cưng chiều chắc cũng vì nối nghiệp nhà. Ái Thanh sinh năm 1963 tuổi con mèo là con út trong nhà. Cô em này bị tôi mắng mỏ nhiều nhất nhưng cũng là người giúp đỡ tôi nhiều nhất. Phải nói không có Ái Thanh tôi không thể vượt biên sang Tây Đức để có ngày hôm nay. Cũng nhờ Ái Thanh mà tôi đón được cu Vũ, niềm mơ ước cháy bỏng của tôi lúc bấy giờ.

Sinh thời ba má rất thương Ái Thanh, vì Thanh là út lại có nhiều nét giống chị Ái Loan. Lớn lên Thanh ngỗ ngáo nghịch ngợm không giống chị Ái Loan chút nào nhưng ba má vẫn cưng chiều. Như các cô con gái họ Ái khác, Ái Thanh được má truyền nghề rất kỹ. Ái Thanh giọng không khỏe, lại mê kịch nói, Thanh giấu ba má tự mình thi tuyển vào Nhà hát kịch Tuổi Trẻ khóa đầu tiên cùng với Ngọc Huyền (vợ Chí Trung), Lê Khanh, Lan Hương, Minh Hằng, Chí Trung, Anh Tú v.v... Thời kỳ này kịch Lưu Quang Vũ đang lên ngôi, Ái Thanh được tham gia một loạt vở diễn của Lưu Quang Vũ: *Tin ở hoa Hồng; Điều không thể mất; Lời thề thứ 9...*

Thời bao cấp đói đầu gối phải bò, Ái Thanh diễn kịch một thời gian thấy mình khó lòng tiến xa được, đang thời kỳ đua nhau đi xuất khẩu lao động. Năm 1989 Thanh xin đi hợp tác lao động sang Đức theo tiêu chuẩn của Bộ Văn hóa (cùng Ngọc Thanh vợ Quang Thọ). Đúng thời kỳ này tôi đi học đạo diễn ở Đông Berlin, Ái Thanh ở Dresden cách chừng hai trăm cây, hầu như thứ bảy chủ nhật nào cũng về chơi với tôi. Thanh lắm bạn, lại có tài hài hước, thường làm bạn bè ôm bụng cười lăn. Cô bé chơi với bạn hết mình, lại có

tài tổ chức nên rất được quý mến, mặc nhiên tôn làm “đại ca”. Tính Thanh quả quyết, lắm mưu, đã nói là làm không bao giờ thất hứa, dù nhiều khi bị trả giá rất đau cô vẫn cứ làm. Vì thế Ái Thanh trở thành “đại ca” của tôi luôn.

Nếu không có “đại ca” Thanh thuyết phục và dắt đi tôi sẽ không bao giờ dám vượt tường Berlin. Thuở bé đến giờ là “con nhà lành” tôi không dám làm gì gọi là “trái pháp luật”. Biết rằng hoàn cảnh tôi lúc đó không có lối thoát, nếu không vượt tường Berlin sẽ bị buộc phải về nước để lại rơi tõm vào tấn bi kịch tình duyên cổ lắm tôi mới thoát ra được. Thanh kéo cả đoàn bạn bè về nhà tôi, nói: “*Cơ hội ngàn năm có một, chị đừng chần chừ!*” và cùng bạn bè đưa tôi sang Tây Berlin.

Thời mới sang Tây Berlin, tôi thân cô thế cô rất buồn. Ái Thanh biết vậy nên luôn tìm cách sang chơi với tôi, dù lương lậu chẳng được bao nhiêu, một chuyến đi có khi hết cả tháng lương. Lần đầu tiên được mời hát ở một nhà hàng Việt Nam ở Tây Berlin, Ái Thanh rủ Hùng râu sang cho bằng được. Hồi đó Đông - Tây chưa thống nhất, muốn sang Tây Berlin vẫn phải đi lậu, hai anh em phải chui qua cái cổng lớn, áo quần giày dép ướt bê bết vẫn lên sân khấu hát chung với tôi. Ái Thanh và Hùng râu chơi luôn mấy bài cộng sản làm tôi hết hồn, may ở Đức người ta bỏ qua chứ ở Mỹ chắc chết.



Ai Thanh, Ngọc Thanh cùng bạn bè về thăm Ái Vân ở Berlin năm 1990

Suốt thời gian dài hai chị em bàn mưu làm sao đưa cu Vũ sang nhưng khó quá. Lúc này việc li dị của tôi với chàng Tập Hai vẫn chưa được giải quyết vì tòa yêu cầu chính Tập Hai phải là nguyên đơn nhưng chàng không viết. Chưa có phán quyết của tòa nên việc đưa con sang với mẹ dường như là chuyện không thể. Bố nó giữ nó khư khư trong nhà, để bố nó đồng ý cho cu Vũ sang với tôi khác nào đơm đó ngọn tre. Tôi và Ái Thanh bàn nát nước. Có lần Thanh nói: *“Hay để em về em ăn cắp cu Vũ?”*. Kế cũng hay nhưng nguy hiểm và tốn kém. Ba bốn lần Ái Thanh thúc tôi, nói: *“Chị phải gặp bố cu Vũ đi, cố kiên trì thương thuyết, cứ để ông ấy ra điều kiện, bao nhiêu cũng chiều”*. Tôi vẫn chần chừ.

Việc đón cu Vũ chưa đâu vào đâu thì nhận được điện báo má đang trở bệnh nặng. Tôi đang diện tị nạn không về được, Ái Thanh quyết định về nước. Khi đó nước Đức đang quá trình thống nhất, họ khuyến khích công nhân xuất khẩu hồi hương, ai về sẽ được đền bù 3.000 ngàn Ost Mark (tiền Đông Đức). Ái Thanh không muốn về, thâm tâm cô cũng muốn chuồn qua Tây Đức ở với tôi. Kẹt vì má

ôm nặng hai chị em ở xa không ai về cả thì không được, và lại lúc ấy nhà máy nơi Thanh làm đã ấn định chuyển bay, không thay đổi được. Thanh an ủi tôi: *“Em về lo cho má. Với cả không có em về nhà làm nội ứng, chị đón cu Vũ sang làm sao được?”*. Tin vào tài tổ chức của Ái Thanh tôi đồng ý liền.

Chị em chia tay nhau trong nước mắt vì không biết có còn gặp nhau được nữa không. Kế hoạch là Thanh sẽ quay lại Đức bằng đường du lịch nhưng thời buổi loạn, bề dẫu thật khó lường.

*

Ái Thanh về nước được hai tháng thì má mất. Lo xong tang má, Thanh cùng ba và tôi tiếp tục bàn mưu tính kế về chuyện đón cu Vũ. Ba tôi bày hết mưu mẹo vẫn chưa nghĩ được mưu nào hay. Có khi ba tôi tính: hay là nhờ một Việt Kiều bên Đức có đứa con sần sần như cu Vũ về nước đánh tráo đưa con đi? Kế ấy cũng hay hay, nhưng mưu kế chưa xong dùng cái ba tôi bị tai biến nằm một chỗ. Không biết làm sao, tôi đành đối thoại với bố cu Vũ, tức chàng Tập Hai.

Lúc đầu nói chuyện, chàng rất điên. Chàng chỉ nói một hai câu nhát gừng rồi thôi. Tôi kiên trì thuyết phục cả một thời gian dài. Dần dần chàng đỡ điên, bắt đầu nghe tôi nói chuyện. Lý lẽ của tôi cũng đơn giản, một là con gần mẹ vẫn hay hơn con ở với bố, chàng đi suốt ngày làm sao có điều kiện chăm sóc con; hai là cho con sang nước ngoài sẽ tốt cho tương lai của nó. Mưa lâu thấm đất, cuối cùng thì chàng cũng xiêu lòng.

Ái Thanh nhận lãnh *“sứ mệnh”* đón cu Vũ sang Đức, ba tôi ôm nằm một chỗ, chỉ còn trông cậy vào Thanh thôi. Thanh nói: *“Chị cứ yên tâm, em lo được mà”*. Cần phải có chữ ký của chàng gửi cho Sở Ngoại vụ thì người ta mới cho cu Vũ xuất ngoại. Chỉ có vậy thôi nhưng kéo dài hàng mấy tháng trời, Ái Thanh chạy ngược xuôi rất vất vả, *“lắm khi ly kỳ hấp dẫn hơn cả phim hành động”* - Ái Thanh nói thế. Khô, vì nhiều chuyện cần đối phó mà Thanh phải dính với một công an, chuyện tình vợ vẫn chẳng hay chút nào.

Cuối cùng mọi việc cũng trót lọt, Ái Thanh vui vẻ báo tin: *“Xong xuôi rồi chị, ngày kia hai dì cháu lên đường”*. Tôi biết đáng lẽ chuyến đi còn có cháu Thanh Lê, con gái Ái Thanh, nhưng vì muốn chuyện cu Vũ thật chắc ăn nên Thanh phải để con gái mình ở lại. Đúng ngày hai dì cháu bay, tôi gọi điện về. Nhà hốt hoảng báo tin không tìm thấy cháu Vũ đâu cả. *“Ừa, sao kỳ vậy?”* Tôi bủn rủn luôn. Bà Khanh, bà giúp việc, cầm máy nói chuyện với tôi: *“Sáng hôm qua, cô Trang bạn gái của chú đến đón cháu Vũ đi ăn xôi ruốc. Rồi đi luôn, cả nhà tìm khắp nơi không thấy”*.



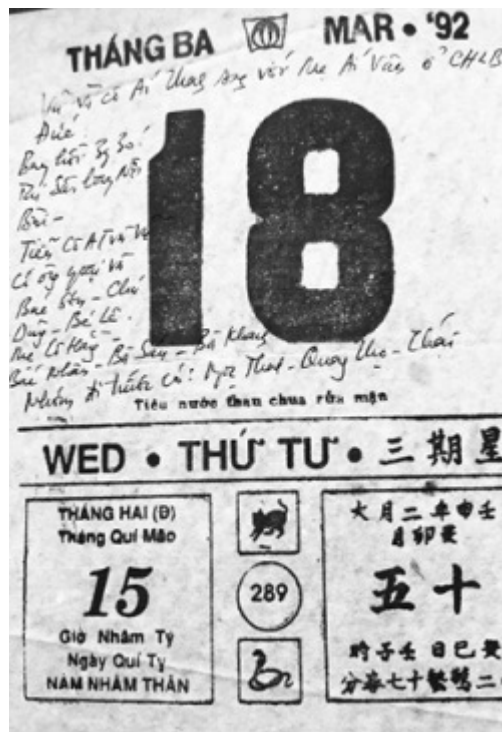
Vũ bên ảnh mẹ

Thanh gọi điện nói: *“Tìm hẩn không thấy đâu, nghe nói hẩn đi Sài Gòn rồi”*. Giọng Thanh vô cùng giận dữ. Tôi lo quá là lo nhưng cứ nói: *“Không sao đâu... không sao đâu”*, chỉ sợ vì tức giận Thanh có thể cầm dao xử chàng. Nháo nhào trong hai ngày. Phát khùng lên được. Hai ngày sau tìm được chàng, chàng nói tỉnh bơ: *“A, anh xem rồi, con đi thứ 6 ngày 13 thì không tốt.”* - *“Sao không nói trước mà làm giống như bắt cóc con vậy?”*. Chàng thương con kiêu ấy vô tình làm bao nhiêu người lên ruột. Cuối cùng chàng đồng ý cho cháu Vũ đi. Dì cháu lại lấy vé máy bay, chọn ngày 18/3 lên đường.

Ái Thanh đưa cu Vũ ra phi trường, Thanh cũng vất vả vô cùng với cu Vũ vì nó nhớ bà Khanh nhất quyết không chịu đi. Khi lên máy bay, cu Vũ đòi ăn trứng luộc, nó ăn mấy quả liền rồi nôn ra cả

người dì Thanh. Ngồi trên máy bay chẳng có áo quần thay, mùi trứng (qua nôn) bốc lên rất khó chịu. Rớt cuộc máy bay cũng hạ cánh. Tôi cùng chàng Tập Ba ra đón hai dì cháu, lúc này tôi đã mang bầu cháu Vân Anh. Thấy Ái Thanh đi ra, không thấy cu Vũ đâu, tìm tôi quặn thắt. Té ra cu cậu nấp sau lưng dì Thanh, tới gần tôi mới chạy ù ra ôm chặt lấy tôi. Tôi kêu lên: “*Ồi con ơi!*” Hai mẹ con ôm nhau khóc nức nở.

Đưa được cu Vũ sang Đức công đầu là ba tôi và Ái Thanh. Vào thời điểm đưa cu Vũ đi ba tôi bán thân bất toại, một mình Ái Thanh lo liệu hết. Công Ái Thanh lớn như thế tôi chưa kịp cảm ơn thì hai chị em đã có chuyện. Khi ấy tôi đang mang bầu gần đến ngày sinh nên tính khí rất khó chịu. Bữa đó hai chị em đang nấu ăn, tự nhiên tôi đem chuyện Ái Thanh bỏ bịch với ông công an ra trách: “*Cô làm chuyện nhà cô thêm phức tạp và việc đưa cu Vũ sang Đức đã khó khăn thêm khó khăn*”. Ái Thanh cãi, nói hờn. Tôi tát Thanh một tát, cô xách va li ra khỏi nhà ngay lập tức, bỏ sang Đông Berlin buôn bán thuốc lá với bạn bè cô ở đó. Ít tháng sau sinh Vân Anh, tôi chủ động gọi điện xin lỗi Ái Thanh, cô lại xách va li trở về. Hai chị em ôm nhau khóc.



Tờ lịch ngày Ái Thanh đưa Vũ sang với mẹ được anh Sơn ghi tỉ mỉ

*

Sinh Vân Anh xong tôi tiếp tục cộng tác với Thúy Nga. Có Ái Thanh ở cùng nên chị em cũng đỡ dần cho nhau được rất nhiều. Tôi cũng có cơ hội rủ Ái Thanh trở lại sân khấu. Tôi bàn với Ái Thanh làm liên khúc dân ca *Trẩy hội ngày xuân*. Đây là liên khúc dân ca đầu tiên của Thúy Nga mà bộ ba Elvis Phương, Ái Thanh và Ái Vân đã trình diễn rất thành công, được khán giả ưa thích. Ái Thanh hát không khỏe lắm nhưng là diễn viên kịch có lợi thế về diễn xuất nên những hoạt cảnh ca nhạc có cô tham gia sinh động hẳn lên. Thanh được Thúy Nga chú ý, ghi nhận và mời cô tham gia những cuốn tiếp theo.

Qua Thúy Nga Paris, Ái Thanh trở thành khuôn mặt mới. Thừa thắng xông lên tôi lại làm liên khúc nữa, Lần này có thêm Chí Tài. Chí Tài là nhạc sĩ, anh là trưởng ban nhạc *Chí Tài brothers* nổi tiếng lúc bấy giờ. Cộng tác với Thúy Nga, Chí Tài lo phần hòa âm, chơi nhạc và thỉnh thoảng hát bè cho các ca sĩ của Trung tâm. Chí Tài hát cũng hay nên tôi rủ anh làm liên khúc *Hát hội trăng rằm*. Vốn nhẹ nhàng vui vẻ, Chí Tài đồng ý liền. *Hát hội trăng rằm* cũng lấy trên nền của dân ca quan họ, tôi chỉ đặt thêm vài câu đối đáp. Bên cạnh Elvis Phương và Ái Vân, phần trình diễn duyên dáng và dí dỏm của Ái Thanh và Chí Tài đã góp phần quan trọng cho thành công của liên khúc *Hát hội trăng rằm*, mở đường cho một loạt nhạc cảnh của Thúy Nga sau này.

Năm 1994 Ái Thanh được Thúy Nga Paris mời sang Mỹ làm nhạc cảnh *Tám Cám*, vẫn Ái Vân - Ái Thanh - Chí Tài nhưng lần này có thêm Nguyễn Hưng trong vai Hoàng tử. Ái Thanh vào vai Cám hay đến nỗi nhạc cảnh chỉ có vài phút mà mấy năm sau có người gặp Thanh còn kêu lên: “*A... Cám ! Cám!*”. Sau nhạc cảnh *Một ông hai bà* Ái Thanh bị đau tim, phải mổ, từ đó chia tay với Thúy Nga Paris luôn. Thật tiếc. Có lúc tôi nghĩ giá Ái Thanh vừa kết thúc sự nghiệp sớm ở Nhà hát Tuổi Trẻ mà được bắt đầu ngay ở hải ngoại bằng những nhạc cảnh với Thúy Nga Paris đến giờ thì có thể cô đã gặt hái nhiều thành công trong sự nghiệp của mình.

Hai chị em lưu lạc xa quê, mưa nắng có nhau cho đến tận bây giờ. Ái Thanh cùng con cháu hiện đang định cư tại thành phố Hannover (Đức). Thỉnh thoảng Thanh bay sang Mỹ hoặc tôi bay về Đức thăm nhau. Bây giờ ngày nào cũng lên Facebook chat với nhau, hai bà già U60 nói chuyện với nhau hết hi hi, lại he he y như tuổi thiếu thời khi còn chung sống với nhau trong ngôi nhà 36 phố Huế, ấm áp vô cùng.



Ái Vân, Ái Thanh, Chí Tài trong Bìa CD do trung tâm Thúy Nga thực hiện

Hát ở xứ người

Năm 1993 ông xã có job ở Mỹ, cả nhà tôi chuyển sang Mỹ luôn. Lúc này tôi đã có giấy tờ chính thức là cái passport theo điều luật 51 của Đức công nhận cho tị nạn nhân đạo, người Việt ở Đức vẫn gọi tắt là *pass 51*. Có hộ chiếu, từ nay tôi đã có thể bay đi khắp nơi trình diễn làng hoàng chứ không phải đi chui trong châu Âu như trước. Thúy Nga Paris liền tổ chức một tour diễn tại Úc châu và Bắc Mỹ với nhiều tên tuổi quen thuộc của hải ngoại, chỉ mình tôi là ca sĩ mới lần đầu xuất hiện. Là một ca sĩ đi từ miền Bắc nhưng tôi đã đi trình diễn khắp châu Âu, Úc châu và Bắc Mỹ, ở đâu cũng được khán giả thương mến và ủng hộ nhiệt tình, cho đến một ngày...

Sau nhiều năm chỉ thu hình ở Paris, năm 1993 lần đầu tiên Thúy Nga tổ chức ghi hình live tại một sân khấu lớn ở Nam California, đó là rạp hát Cerritos Center for the Performing Arts, nhân kỷ niệm *“Paris by Night 10th Anniversary”*. Buổi chiều tổng duyệt xong chờ đến tối sẽ ghi hình trực tiếp, bỗng thấy xì xào, nhiều gương mặt nhìn tôi e ngại và khác lạ. Một số nghệ sĩ thái độ gượng gạo không bình thường. Chỉ Tài gặp riêng tôi, nói: *“Nghe nói có nhiều người chống chị lắm”*. Tôi tái mặt hỏi và được biết: *“Có ba ca sĩ không muốn hát chung sân khấu với Ái Vân.”* - *“Lý do?”* - *“Ái Vân là ca sĩ Việt cộng”*.

Trước một cuộc gần như là *“nổi loạn”* của mấy ca sĩ này, ai nấy đều hoang mang. Toàn bộ vé đã bán hết, tiết mục thì sắp xếp tập dượt đầu vào đây xong xuôi, chỉ vài ba tiếng đồng hồ nữa là mở màn, vậy mà nội bộ thì lại đang quá rối ren. Lập tức Ban Giám đốc của Thúy Nga Paris yêu cầu họp khẩn toàn đoàn. Cô Tô Ngọc Thủy tức Marie Tô và chồng là Huỳnh Thi tức Paul Huỳnh đại diện cho nhà sản xuất nói đại ý: Đây là lần đầu tiên Thúy Nga tổ chức ghi hình trực tiếp trên sân khấu lớn của Mỹ với chi phí tốn kém nhất từ xưa đến nay. Anh chị em nghệ sĩ và Thúy Nga Paris đã phải làm việc cật lực một thời gian dài mới có được chương trình này. Cô Ái Vân cũng là nghệ sĩ như mọi người thôi. Cô hát bên Pháp mấy năm không sao mà tại sao sang bên này lại có chuyện như thế. Mong mọi người suy nghĩ và làm ơn giúp Thúy Nga ghi hình cho xong chương trình này... Nói tới đây, cô Thủy bật khóc, Huỳnh Thi và nhiều người của Thúy Nga Paris cũng khóc. Tôi thì tủi thân nên khóc mũi mẫn luôn.

May sao mọi chuyện êm thấm, không còn vụ *“đảo chính”* nào nữa. Mọi chuyện diễn ra tốt đẹp. Văn nghệ thì một cái lạ bằng tạ cái quen. Lúc đó Ái Vân là nhân tố lạ, mới nên rất được đón chào. Vì là ca sĩ độc quyền nên tôi được Thúy Nga tạo mọi điều kiện thu video, audio và hát trong hầu hết các show diễn do Thúy Nga tổ chức ở Mỹ và Canada. Khi được Thúy Nga giới thiệu cho tôi bài *Trăng sáng vườn chè* của nhạc sĩ Văn Phụng, phổ theo lời thơ Nguyễn Bính, tôi thích ngay. Lời ca khiến tôi hình dung ra cảnh *“bên anh đọc sách bên nàng quay tơ”*.

Để cần một người phụ diễn mà không được hát câu nào thì trong số ca sĩ chắc không ai đồng ý, tôi bèn rủ Chí Tài. Anh gật đầu ngay. “*Bên anh đọc sách*” thì dễ quá vì chỉ cần quyền sách, nhưng khung cử đầu mà quay tơ? Thế là đành chế ra cấp cái mệt đứng trà... Cuối bài hát, nhớ lại cảnh múa “*cô gái húng dừa*” ngò ngò được xem hồi còn ở Việt Nam, tôi đem ra áp dụng na ná như vậy bằng cách cho “*ông chồng*” Chí Tài bồng vào trong khi “*vợ*” nũng nịu đập đập đôi chân... Trong đêm ghi hình tại rạp Cerritos trước mấy ngàn khán giả, tiết mục này được vỗ tay rất nồng nhiệt.

Sau *Trăng sáng vườn chè* tôi thực sự chuyển sang nhạc cảnh, vừa hát vừa diễn. Trước đây chỉ làm ca sĩ hát và hát, bây giờ hát và diễn, một sự đổi mới về phong cách rất được khán giả hoan nghênh.

*

California có ba trung tâm ca nhạc lớn của người Việt, đó là Thúy Nga, Asia và Trung tâm Vân Sơn. Luật bất thành văn, khi đã là ca sĩ độc quyền của trung tâm này thì không được cộng tác với trung tâm khác. Các ca sĩ không độc quyền thì trên nguyên tắc có thể hát cho bất cứ trung tâm nào, tuy nhiên, khi đã cộng tác ăn ý với một trung tâm thì tuy không có một quy định nào nhưng mỗi trung tâm thường là có một số cộng tác viên cố định. Tôi đã có 10 năm là ca sĩ độc quyền của Thúy Nga nên có nhiều kỷ niệm gắn bó. Phải nói rằng Thúy Nga là một trung tâm uy tín và thành công nhất từ xưa đến giờ.

Tôi được làm việc trong một môi trường nghệ thuật vô cùng chuyên nghiệp từ nhà sản xuất, đạo diễn, đội ngũ chuyên viên kỹ thuật cho đến các nghệ sĩ, ngay cả việc sắp xếp lịch tập, lịch thu hình cho đến việc đưa đón nghệ sĩ đến và đi từ phi trường... Các nghệ sĩ thì khỏi nói, ngay từ trước ngày ghi hình cả tháng, bên cạnh việc chuẩn bị cho tiết mục của mình từ khâu biểu diễn cho đến trang phục và tập dượt với các vũ công, thì ngay cả đến việc đi ăn nhà hàng cũng là điều được hạn chế tối đa. Ai cũng muốn có thân hình lý tưởng để lên hình cho đẹp, vì vậy trước khi quay video một

tháng là các nhà hàng vắng bóng nghệ sĩ luôn. Video quay xong mới í a í ới rủ nhau ăn ăn uống uống tung bừng.



Trung tâm Thúy Nga sản xuất đến cuốn *Paris by Night 17* thì có sự xuất hiện của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn. Trước đó Nguyễn Cao Kỳ Duyên đã làm MC cho *Paris by Night*, nhưng từ khi có Nguyễn Ngọc Ngạn thì cặp đôi MC Nguyễn Cao Kỳ Duyên và Nguyễn Ngọc Ngạn là cặp bài trùng của *Paris by Night* suốt từ đây cho đến bây giờ. Nguyễn Ngọc Ngạn vốn là nhà văn nên anh rất giàu kiến thức, vốn sống lại thêm sự duyên dáng, hóm hỉnh đã kết hợp khéo léo vốn văn học vào phần MC của mình. Đứng bên anh Ngạn là một Nguyễn Cao Kỳ Duyên trẻ trung, thông minh, duyên dáng và không kém phần hóm hỉnh đã mang lại cho khán giả những trận cười nghiêng ngả, những giây phút thú vị và bổ ích. Nói đến Thúy Nga thì không thể không nói đến đôi MC Nguyễn Ngọc Ngạn - Nguyễn Cao Kỳ Duyên.

Từ trái: Thái Châu, Hoàng Bích, Ái Vân, Trang Thanh Lan trong nhạc cảnh “Tu là cỗi phúc, tình là dây oan” của nhạc sĩ Lam Phương Elvis Phương và tôi hát cặp liên tục một thời gian nên Thúy Nga cũng muốn thay đổi. Được biết Nguyễn Hưng nổi tiếng từ năm 17 tuổi khi anh đoạt giải Kim Khánh môn khiêu vũ do nhật báo *Trắng Đen* tổ chức tại Sài Gòn, anh vừa sang định cư tại Canada năm 1992. Sở trường Nguyễn Hưng là hát và nhảy. Khi mời Nguyễn Hưng về cộng tác, Thúy Nga có ý định cho tôi ghép

đôi với ca sĩ này. Đang đà thắng lợi của liên ca khúc, tôi đề nghị Nguyễn Hưng cùng làm nhạc cảnh *Tám Cám*, anh vui vẻ nhận lời. Tôi bàn với anh Nhật Ngân, anh khoái chí lắm, nói: “Ok! làm luôn”.

Nhạc sĩ Nhật Ngân nổi tiếng từ thập niên 1960. Bản nhạc đầu tay *Tôi đưa em sang sông* rất được giới trẻ miền Nam hâm mộ. Sau đó anh nổi tiếng với một loạt ca khúc về đề tài người lính, *Đêm nay ai đưa em về?*; *Mùa xuân của mẹ*; *Xuân này con không về...* Anh Nhật Ngân rất sốt sắng khi nhận lời viết nhạc cảnh *Tám Cám*. Sau khi tôi phác thảo kịch bản xong thì anh bắt tay vào viết nhạc cảnh ngay rồi đưa Chí Tài phối nhạc. Nhớ lại lúc đó thật vui, có lúc đã hai, ba giờ sáng còn gọi điện cho Chí Tài bàn xem khúc nhạc này nên làm thế nào, rồi hát thử qua điện thoại. Thật là những kỷ niệm thú vị khó quên.



Với Elvis Phương trong “Bài ca sao” của nhạc sĩ Phạm Duy

Tám Cám ra đời, Chí Tài làm thái giám. Nguyễn Hưng làm hoàng tử, Ái Thanh làm Cám và tôi làm Tám. Bây giờ xem lại thấy nó nhiều chỗ còn non, vội, thậm chí ngây ngô nhưng trong thị trường video hải ngoại lúc bấy giờ nó là “của lạ”. Lần đầu tiên người ta được xem một nhạc cảnh. *Tám Cám* là một đột phá đối với Thúy Nga nói riêng và sân khấu hải ngoại nói chung. Với thắng lợi của *Tám Cám*, bộ ba Nhật Ngân - Ái Vân - Chí Tài lại kết hợp với nhau

làm tiết mục *Hậu trăng sáng vườn chè*. Đây là tiết mục được viết mới hoàn toàn tả lại cảnh khi chàng thư sinh thi đỗ trở về làng gặp vợ. Đoạn động phòng cũng là đoạn dựng vui và lạ, gây được nhiều thích thú cho người xem.

Thuở sân khấu video hải ngoại chưa có phần hài kịch thì phải nói nhạc cảnh là một trong những tiết mục được trông chờ nhất trong mỗi cuốn video. Sau thành công của *Trăng sáng vườn chè*; *Tám Cầm*; *Hậu trăng sáng vườn chè* Trung tâm Thúy Nga muốn có thêm nhiều nhạc cảnh nữa. Làm nhạc cảnh thì khán giả thích xem, nhưng nghệ sĩ thì cực lắm. Nếu như một ca sĩ khi quay video chỉ lo chọn bài hát rồi hát cho hay, mặc cho đẹp thì làm nhạc cảnh quả thật là một thách thức. So với trung bình 4-5 phút cho một ca khúc, Thúy Nga ưu tiên cho nhạc cảnh chừng 10-12 phút, với thời lượng ngắn ngủi như vậy thì chọn tích nào để kể cho trọn vẹn mà hấp dẫn bây giờ? Kho tàng cổ tích dân gian thì có nhiều nhưng để phù hợp với những tiêu chí Thúy Nga đưa ra thì thật là quá khó.

Mỗi lần cô Marie To hỏi tôi: “*Giờ mình làm gì hả cô?*” là tôi lại một phen vò đầu bứt tai. Những lúc như vậy, Tập Ba lại cùng bàn bạc và đưa ra nhiều sáng kiến mà phần lớn đều là những sáng kiến rất hay. Sau những nhạc cảnh làm với nhạc sĩ Nhật Ngân, Thúy Nga “*thừa thắng xông lên*”, mời nhạc sĩ Lam Phương cùng vào cuộc. Nhạc tình Lam Phương nổi tiếng xưa nay, nhưng việc viết nhạc cảnh đối với ông là một trải nghiệm mới. Hai trích đoạn Kiều “*Trước lầu Ngưng Bích*”; “*Tu là cỗi phúc, tình là dây oan*” và nhạc cảnh “*Chuyện tình nàng Tô Thị*” với sự tham gia của Thái Châu, Trang Thanh Lan, Mỹ Huyền, Ngọc Anh, Ngọc Bích (đàn bầu), Bảo Hân, Dương Hùng Cường (nghệ sĩ múa), Ái Vân... không những chỉ là thành công của nhạc sĩ Lam Phương mà đó còn là dấu ấn của Thúy Nga, của những nghệ sĩ cùng hợp tác và của bản thân tôi.



Ái Vân trong vai Kiều trong nhạc cảnh “Tu là cội phúc, tình là dây oan” của nhạc sĩ Lam Phương

Bí đề tài quá, tôi than thở với Tập Ba, bàn tính một hồi, chàng đưa ra ý tưởng trong điển tích “*Bích câu kỳ ngộ*”. Khi nói với cô Marie To, cô thích ngay, cô đề nghị tôi nên hợp tác với nhạc sĩ Phạm Duy. Trời, được vậy thì còn gì bằng. Hôm sau cô Thủy báo tin: bác Phạm Duy nhận lời rồi. Làm việc với bác Phạm Duy thật thích. Bác đa tài, kiến thức rộng, lại sáng tác rất nhanh. Tôi chỉ cần trình bày khái quát với bác ý định muốn dựng đoạn nào, bác đồng ý liền và chỉ vài ngày sau, nhạc cảnh “*Người đẹp trong tranh*” đã hoàn thành. Nhạc cảnh này, tôi diễn chung với ca sĩ Thế Sơn cùng dàn vũ công của Thúy Nga Paris. Tiết mục này Thúy Nga cầu kỳ muốn họa sĩ Mỹ vẽ một chân dung tôi với kích thước bằng người thật, trang phục thì tôi phải đặt chị dâu là vợ anh Hà Quang Văn may xong gửi từ Việt Nam qua theo đường bưu điện.

Một bữa anh Tô Văn Lai hỏi: “*Ái Vân ơi, hồi ở Việt Nam em có biết ca sĩ Kiều Hưng không?*” Anh Lai cho biết anh Kiều Hưng đang ở Mỹ, Thúy Nga muốn anh Hưng và tôi có một tiết mục làm chung trong cuốn video sắp tới. Chà, hát chung với “*Đĩ lùn*” ở Mỹ thì còn gì bằng, nhưng nếu làm nhạc cảnh thì làm trích đoạn gì bây giờ? Lại bàn với ông xã, chàng lại mách nước: “*Thằng Bờm có cái quạt mo*” đi em, *Đĩ lùn* mà đóng vai phú ông là nhất. Tôi lập tức gọi phone cho bác Phạm Duy, bác cũng thích quá và chỉ trong 3 ngày đã viết xong. Anh Kiều Hưng bay về San Jose tập với tôi trước ở

nhà, cháu Vũ và Vân Anh cũng lằng xằng đóng giả làm trâu bò, cá, cây... Vui vô cùng.



Kiều Hưng, Ái Vân, Đinh Thìn tại Tokyo năm 1979

Tiết mục “*Thằng Bờm*” với phú ông Kiều Hưng, thằng Bờm Ái Vân, cộng với sự dàn dựng tài tình của biên đạo múa cho Thúy Nga là cô Sandra Sawyer, người đã từng biên đạo cho giải Oscar danh giá, là một trong những tiết mục được yêu thích, được nhiều người nhắc đến tận bây giờ.

*

Năm 1997, tại Houston, Texas diễn ra giải Kim Khánh để vinh danh các ca sĩ hải ngoại, tôi được giải Kim Khánh ca sĩ hát dân ca hay nhất. Có một trái ngược thú vị là ở trong nước tôi được giải về nhạc nhẹ, ra hải ngoại lại được giải dân ca. Vui nhất là sống dưới mái nhà Thúy Nga Paris, tôi được thỏa sức tung hoành thể nghiệm trong nghệ thuật. Có những điều trước đây chỉ có trong mơ ước như làm liên khúc, nhạc cảnh lấy từ kho tàng truyện cổ dân gian... thì

khi về với Thúy Nga tôi được ủng hộ hết mình. Với người nghệ sĩ, không có gì vui hơn. Niềm vui chẳng tày gang, giữa lúc cảm thấy sung sức nhất trong nghệ thuật, tôi chợt phát hiện mình bị mắc bệnh hiểm nghèo.

Những năm 1999 - 2000 là thời gian tôi có lịch diễn dày đặc, hầu như tuần nào cũng đi hát. Hàng tuần cứ đến thứ năm là xếp đồ đạc để thứ sáu bay show, hát ngày thứ bảy rồi chủ nhật bay về. Tuần nào cũng vậy, thứ hai, thứ ba, thứ tư chỉ có ngủ. Đến thứ năm lại xếp va li chuẩn bị đi. Nhân ngày nghỉ đầu tuần tôi lấy hẹn đi khám sức khỏe định kỳ. Hôm ấy bác sĩ Rebecca Phan Bích Vân khám cho tôi bỗng nói: *“Chị có cái gì trong ngực ấy. Chị đi làm mammogram (chụp nhũ) kiểm tra ngực đi.”* - *“Cái gì chị?”* - *“Có một cái gì rất kỳ, chị cố gắng chụp xong thì mổ đi nhé”*.

Tôi đi làm mammogram theo yêu cầu của bác sĩ Vân nhưng chẳng thấy gì. Cô kỹ thuật viên đưa phim cho bác sĩ đọc ngay nhưng cô nói bác sĩ không thấy có gì bất thường. Tôi yên tâm vào toilet rửa tay chuẩn bị đi về. Nhưng khi xong việc đi ra tôi bỗng thấy cô kỹ thuật viên đứng ngay trước cửa: *“Xin lỗi bà cho tôi chụp lại một lần nữa”*. Lại vào chụp, xong, tôi về nhà và vẫn đinh ninh không có vấn đề gì. Ba tuần sau bác sĩ Vân gọi: *“Chị à, chị đã đi mổ chưa?”* - *“Mổ gì cơ?”* - *“Thì đi mổ lấy cái hạt ấy ra.”* - *“Hạt nào? Bác sĩ xem phim bảo không có gì.”* - *“Chị có máy fax không, bật lên đi, em sẽ gửi kết quả chụp hôm trước cho chị”*.

Kết quả chụp hình có hình vẽ rõ ràng cho thấy có một hạt nhỏ 1-2 cm² ở ngực phải. Tôi sờ vào thấy cứng. Khi đó mới hoảng, theo chỉ dẫn của bác sĩ, chúng tôi lập tức liên lạc với bác sĩ giải phẫu Hillsdale xin cái hẹn gặp ông.

Sáng thứ hai tôi đến văn phòng bác sĩ, một cô y tá người Việt làm sinh thiết cho tôi. Cô rải dung dịch vừa lấy được lên tấm kính và bảo cô *“không thích tí nào”* khi nhìn thấy dấu hiệu này. Kết quả sẽ được gửi đến phòng thí nghiệm dù đẳng nào thì tôi cũng phải mổ để lấy *“cục nợ”* đó ra. Tôi nghĩ gửi xét nghiệm chắc phải cả tuần sau mới có kết quả, nào ngờ cách một ngày sau cô y tá điện thoại: *“Bác sĩ cần gặp gấp, chị đến ngay nhé”*.

Ông xã đang đi làm bỗng vội vã về nhà để chở tôi đi bác sĩ. Cách chàng chăm sóc tôi và thái độ của chàng có gì đó khiến tôi linh cảm có điều gì bất thường. Đến nơi, bác sĩ Hillsdale xin gặp riêng tôi, ông bảo: *“Tôi rất xin lỗi bà khi phải nói rằng 99 phần trăm là bà mắc bệnh ung thư. Bà sẽ phải mổ để lấy khối u ra càng nhanh càng tốt”*. Tôi choáng váng. Nhưng lúc ấy lại chợt nghĩ đến lịch show dày đặc trước mắt, tôi xin ông hoãn một tháng nữa mới mổ. Ông tròn mắt bảo tôi: *“Bà điên à? Bà phải sống mới hát được chứ. Bệnh này phải mổ ngay không thể trì hoãn được”*. Tôi như bị tuyên án tử, suy sụp hoàn toàn.

Tôi ngưng hết các hoạt động biểu diễn để tập trung chữa trị. Máy lần hóa trị làm tôi kiệt sức, đầu óc lóc không thiết làm gì hết. Tôi rút khỏi Thúy Nga Paris từ đó. Bệnh tật làm tôi mệt mỏi không muốn hành nghề nữa, cộng với vài ba chuyện đàn bà vớ vẩn khiến tôi và Thúy Nga xa nhau. Rất đáng tiếc nhưng cũng phải thôi.

Mười năm gắn bó với Thúy Nga Paris, tôi như con tằm đã nhả cạn tơ nên đôi lần tôi ngỏ ý với Thúy Nga Paris xin được rút lui, nhưng cô Thủy - Marie To không chấp nhận. Đến lúc này tôi chia tay với Thúy Nga Paris là vừa. Chỉ tiếc cuộc chia tay có chút vị đắng. Dù rất buồn vì cái kết không vui nhưng trước sau tôi vẫn nói rằng trong mười năm về với Thúy Nga là mười năm hạnh phúc nhất của đời tôi. Tôi đã được Trung tâm Thúy Nga Paris rất quý mến, cung chiều và trân trọng. Thúy Nga Paris đã tạo điều kiện cho tôi mặc sức sáng tạo và thể nghiệm trong nghệ thuật, có nhiều tiết mục thành công nhưng cũng có những tiết mục không mang lại hiệu quả về thương mại. Trong một số nhạc cảnh tôi có dịp được đưa những người thân của mình cùng lên sân khấu diễn chung. Tôi coi đây cũng là một ưu ái của Thúy Nga Paris.



Với Chí Tài và vũ đoàn Thúy Nga trong bài hát “Đèn Cù” thu hình tại Las Vegas

Qua đây tôi xin gửi lời tri ân tới Trung tâm Thúy Nga Paris. Dù thế nào tôi cũng vẫn coi Thúy Nga Paris là gia đình nghệ thuật thứ hai, bên cạnh gia đình nghệ thuật của ba má tôi, mãi mãi.

*

Sau khi tích cực chữa trị, bệnh tật cũng đã ổn. May phát hiện kịp thời, khối u chưa di căn, nếu không thì trời cứu. Khỏe mạnh rảnh rỗi lại nhớ sân khấu. Thôi Thúy Nga Paris rồi tôi vẫn nhận nhiều show hát cho một vài trung tâm khác. Tôi có nguyện vọng về Việt Nam biểu diễn. Bệnh tật đã ổn nhưng bệnh này khó lường, không biết mình sống chết lúc nào. Tôi nhớ quê, thèm được một lần trở về hát trên sân khấu quê nhà.

Năm 2001, có phái đoàn chính phủ Việt Nam sang San Francisco, dẫn đầu là Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Các doanh nhân Việt kiều ở San Francisco được mời đến dự. Ông xã nhà tôi cũng được mời, giấy mời “*ông bà*” nên ông xã bảo tôi “*đi cho vui*”, tôi tắc lưỡi đi theo. Buổi chiều hôm đó ông xã về nhà đón tôi, nói: “*Hôm nay phải đi sớm.*”- “*Sao?*”- “*Hôm nay có thể có biểu tình*”. Tôi thấy hơi chần chừ nhưng đã lỡ đóng bộ rồi nên cứ đi. Gần đến nơi đã nghe hô ả đảo râm ran. Vào sảnh, thấy nhiều khuôn mặt cũng quen, đã từng ăn Tết ở Tổng lãnh sự. Nhưng nhiều khuôn mặt khả nghi lắm - lạnh lạnh và ròn ròn.

Vợ chồng tôi ngồi đầu hàng thứ hai, thứ ba gì đó. Đến mục ông Nguyễn Tấn Dũng giải đáp, người thì hỏi vấn đề này, người lại hỏi vấn đề kia. Anh Thành Kim Lợi ngồi cạnh, ghé tai tôi nói: “*Vân muốn hỏi gì thì hỏi đi, muốn về Việt Nam hát thì hỏi đi, người ta giải đáp luôn*”. Thế là tôi phát biểu. Tôi nói là tôi sang đây là chuyện riêng chứ không phải chính trị gì hết. Tôi muốn về Việt Nam biểu diễn, rất muốn được tạo điều kiện cho tôi được về nước diễn. Ông Nguyễn Tấn Dũng bảo thì cứ về, có sao đâu. Tôi cảm ơn và trở về chỗ ngồi...

Phản hồi đáp vẫn tiếp tục, ông Dũng đang trả lời một câu hỏi thì tự nhiên cửa phòng họp bật mở. Một mùi xăng nồng nặc xộc vào và tiếng đàn bà hét chói tai: “*Đả đảo cộng sản!*”. An ninh của Mỹ nhanh chóng ập vào lôi người đó đi. Ông Dũng vẫn bình tĩnh phát biểu tiếp. Sau đó giải tán, cũng không nghe ai bàn tán gì cả. Tôi định ninh sự việc cũng chỉ đến đó thôi. Chẳng dè ít ngày sau có tường thuật buổi gặp gỡ của Phó Thủ tướng với cộng đồng người Việt Nam tại San Francisco của báo *Công an Nhân dân*, cuối bài có nhắc đến ca sĩ Ái Vân lên phát biểu về việc muốn trở về hát tại Việt Nam. Bài báo nhanh chóng lan truyền trên Internet rồi dần lan ra trên báo chí của người Việt hải ngoại.

Báo hải ngoại gọi tôi là Việt cộng nằm vùng. *Báo Sài Gòn USA* có bài: “*Nói giáo cho giặc*”, khổ thân anh Trần Tiến sang Mỹ chơi có mấy ngày cũng bị lôi vào “*bè lũ nói giáo*”. Lại có cuộc họp báo gọi là “*Bạch hóa hồ sơ đặc công Việt cộng*” gọi tôi là đặc công. Còn

bảo: chính cô này (tức Ái Vân) ngồi trên nóc xe tăng vào tiếp quản Dinh Độc Lập. Hi hi chắc ngủ mơ thấy tôi giống cô Nhíp. *Báo US today* của ông luật sư Nguyễn Tâm là hăng hái nhất, hết bài này đến bài kia gọi tôi là Việt cộng nằm vùng, là “*tay sai Việt cộng*”. Tôi còn nghe nhiều tin đồn khác về tôi như “*Cô này đảng viên, là thân cộng, thậm chí họ bảo tôi là bí thư chi bộ đảng ở San Jose, là đại úy Việt cộng*” v.v... Thật là những sự tưởng tượng phong phú đến không ngờ.

Tết 2002 và 2003 là hai cái Tết khủng khiếp với tôi. Hai năm suy sụp kinh khủng. Bên này đến Tết là dịp nghệ sĩ bận rộn làm ăn, bay show liên tục diễn cho cộng đồng khắp nơi. Trong khi đó tôi phải ngồi nhà trực điện thoại. Mỗi lần chiếc điện thoại trong phòng ngủ réo chuông là tôi biết ngay có một nơi nào đó từ chối show diễn của mình rồi. Thậm chí có nơi nghe tin tôi đến hát, ai đó đã căng biểu ngữ: “*Đả đảo Việt cộng Ái Vân!*”. Tôi chỉ biết ngồi khóc. Chưa bao giờ tôi lại cảm thấy thân phận người nghệ sĩ lại mong manh đến thế. Họ không có gì cả ngoài lời ca tiếng hát nên khi bị vùi dập, họ chỉ biết kêu Trời.

Tôi chấm dứt nghiệp hát ở hải ngoại từ đây. Thà đắng cay một lần còn hơn đau khổ suốt đời.

17

Vĩ thanh

Cuốn sách đã xong nhưng chưa hết, hãy còn phần kết của nó. Vĩ thanh là dư vang của cuốn sách, những gì tôi muốn lưu lại trong trí nhớ của mình. Những người thầy khó quên, những người bạn đáng nhớ. Và hai đứa con yêu quý của tôi, cu Vũ và Vân Anh, nhờ chúng mà tôi sống được cho tới tận bây giờ. Cuối cùng là cái kết *happy ending* cho những ông chồng của tôi, những người đã đưa đến cho tôi khổ đau và hạnh phúc.

Thầy và bạn

Ngay từ hồi còn trẻ, tôi đã được nhạc sĩ Đặng Hữu Phúc ưu ái và tin tưởng giao cho thể hiện 22 bài hát của anh. Sau này ra hải ngoại, nghiệp ca hát lại giúp tôi có dịp được quen biết và cộng tác với nhiều nhạc sĩ. Họ là những tài năng âm nhạc tôi hết sức ngưỡng mộ. Tôi luôn coi họ như những người thầy đáng kính và đáng nhớ. Phạm Duy và Hoàng Thi Thơ là hai nhạc sĩ dù có đánh chết tôi cũng không quên. Tài năng của hai ông ai cũng biết, khỏi cần phải nhắc tới. Thời gian cộng tác với Trung tâm Thúy Nga Paris rồi sau này là Trung tâm Asia và Thế giới Nghệ thuật, tôi đã có dịp được hát, làm quen rồi hợp tác làm nhạc cảnh với nhiều nhạc sĩ như Nhật Ngân với *Tám Cám*; *Hậu trăng sáng vườn chè*, Lam Phương với *Trước lầu Ngưng Bích*; *Tu là cội phúc tình là dây oan*; *Chuyện tình nàng Tô Thị*... Nhưng viết cho Ái Vân bền nhất, nhiều tiết mục nhất cho cả Thúy Nga Paris và những Trung tâm khác nữa là Phạm Duy và Hoàng Thi Thơ.

Nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ là người luôn chín chu trong nghệ thuật cũng như trong trang phục, rất lịch sự và kỹ lưỡng. Trước khi thu âm hoặc tập nhạc ông đều liên lạc trước bằng thư hoặc bằng điện thoại dặn dò chi tiết theo phong cách rất chi là *classic*. Mỗi lần gặp ông bao giờ cũng thấy ông chải chuốt com-lê, cà-vạt, khăn mùi-xoa

giắt túi áo đều tone-sur-tone. Ông chép nhạc bằng tay, nét chữ bay bướm rất đẹp.

Khi chưa sang Hoa Kỳ, tôi đã có dịp hát nhạc Hoàng Thi Thơ. Năm 1969 má Ái Liên cùng đoàn Nghệ thuật Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Thứ trưởng Bộ Văn hóa Cù Huy Cận dẫn đầu sang Paris biểu diễn cho kiều bào như một hoạt động văn hóa bên lề Hội nghị Paris. Phía Nam, nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ làm Trưởng đoàn Nghệ thuật đại diện cho Việt Nam Cộng hòa, cũng biểu diễn bên lề Hội nghị Paris. Trong khi đoàn miền Bắc không ai đi xem đoàn miền Nam thì ngược lại, nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ có đến dự trong một buổi trình diễn của đoàn Nghệ thuật miền Bắc, đủ biết Hoàng Thi Thơ là ai, là thế nào.

Suốt trong thời gian ở hải ngoại, tôi có dịp thể hiện nhiều ca khúc, nhạc cảnh của Hoàng Thi Thơ: *Mấy nhịp cầu tre; Đưa em xuống thuyền; Liền khúc Rước tình về quê hương; Tình thắm duyên quê...* Những nhạc cảnh quay video và trình diễn trên sân khấu dựa trên tích xưa như: *Từ Thức lạc lối Bích đào* (biểu diễn với ca sĩ Hoàng Nam); *Lộng Ngọc* (biểu diễn với ca sĩ Anh Dũng). Đặc biệt ông đã ưu ái viết riêng cho Ái Vân 5 ca khúc: *Chiếc quạt Xuân Hương; Mộng hồng; Nụ cười hoa nở; Tôi thương con người ấy; Một thoáng em về*. Với lời đề tặng được viết rất đẹp và bay bướm: “*Chú tặng cháu ca khúc này và rất nóng lòng muốn được nghe ca khúc mà chú đã viết cho ‘cô bé tài hoa’*”. Thật là một vinh hạnh đối với tôi. Được làm việc với nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ là một cơ duyên và may mắn.



Với nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ

Trong số ca khúc viết tặng tôi, Hoàng Thi Thơ đặc biệt tâm đắc với *Chiếc quạt Xuân Hương* mà ông phổ thơ Hồ Xuân Hương. Xưa nay nhạc Hoàng Thi Thơ nổi tiếng qua những ca khúc mang màu sắc và âm hưởng đồng quê, thôn dã - *Chuyện tình người trinh nữ tên Thi; Đám cưới trên đường quê; Đường xưa lối cũ...* hoặc thoảng chất nhạc miền Trung: *Trăng rụng xuống cầu; Gạo trắng trăng thanh; Múc ánh trăng vàng...*, hoặc nhạc “kịch động” được nghệ sĩ Hùng Cường – Mai Lệ Huyền trình diễn rất thành công: *Túp lều lý tưởng; Xây nhà bên suối...* *Chiếc quạt Xuân Hương* là ca khúc đầu tiên ông viết hoàn toàn theo “chất” Bắc kỳ, có chút hơi hướng ả đào mà ông vô cùng đặc ý. Ông thường khoe với mọi người rằng đây là ca khúc được ông “đo ni đóng giày để viết riêng cho Ái Vân”. Đó là niềm hãnh diện cho tôi mà cũng là niềm thích thú pha lẫn chút tự hào của ông trong những năm tháng cuối đời.

*

Khác với Hoàng Thi Thơ, Phạm Duy lại luôn trong bộ áo nâu sồng mộc mạc, nụ cười hiền lành thật dễ thương. Má tôi bảo đó là nụ

cười “*chết gái*”. Bàn làm việc của ông luôn song song hai computer cùng sáng đèn một lượt. Tất cả bản nhạc đều được in từ vi tính, mọi liên lạc đều chủ yếu thông qua email, rất cập nhật. Có lẽ ở tuổi Phạm Duy không ai có trình độ IT được như ông.

Ở tuổi gần 90 Phạm Duy vẫn sáng tác đều. Ông dành trọn niềm đam mê với âm nhạc cho đến hơi thở cuối cùng, thật đáng khâm phục. Ông có quen má tôi từ những năm 40 thế kỷ trước. “*Hồi đó tao là fan của má mày đấy*”, ông hay đùa vui với tôi như thế. Thịnh thoảng bác cháu gặp nhau ông vẫn kể cho tôi nghe về Ái Liên, động đến chuyện gì đó ông lại nói: “*Hồi đó má mày...*”. Bây giờ tôi mới biết ông tên thật là Phạm Duy Cận, con trai của nhà văn Phạm Duy Tốn, tác giả: “*Sống chết mặc bay*”, truyện ngắn tôi được học từ thời phổ thông.

Những ca khúc của Phạm Duy mà tôi được hát, được ghi hình với Thúy Nga như *Vợ chồng quê*; *Chú Cuội*; *Trên đồi Xuân*; *Tóc mai sợi vắn sợi dài*; *Liên khúc Trả lại em yêu - con đường tình ta đi* v.v... Ngoài những ca khúc đó, Phạm Duy đã viết nhiều nhạc cảnh cho tôi để ghi hình cho Thúy Nga và một vài trung tâm khác: *Người đẹp trong tranh*; *Thằng Bờm*; *Mài dao dạy vợ*; *Chum vàng*; *Chuyện tình sơn nữ* v.v...



Thể hiện một ca khúc Phạm Duy

Khi ông viết nhạc cảnh cho tôi, hai bác cháu làm việc với nhau rất thích. Hiếm có ai mà khi làm việc tôi cảm thấy yên tâm hoàn toàn như làm việc với nhạc sĩ Phạm Duy. Những buổi thu nhạc, nhiều buổi biểu diễn ông vẫn đến tham dự và ngồi đến cuối cùng. Ngay cả khi tôi về diễn ở Việt Nam ông cũng không bỏ buổi nào. Khi Lê Quyên tham gia hát trong *Paris by Night*, ông nhắc đi nhắc lại hai đứa: “*Các con đều từ ngoài Bắc sang đây nên phải thương yêu, đùm bọc nhau nhé*”.

Gần cuối đời mình, Phạm Duy tập trung viết *Minh họa Kiều*, ông viết “*để xiển dương những vần thơ Kiều của đại thi hào Nguyễn Du*”. Tôi may mắn được hát ba phần *Minh họa Kiều*, đây là những nhạc phẩm hiếm có, đậm chất nhạc kịch và chứa đầy ngôn ngữ điện ảnh. Đặc biệt với phần hòa âm của nhạc sĩ Duy Cường thật tuyệt vời, nghe hoài không thấy chán. Tôi đã được hát *Minh họa Kiều 1*; *Minh họa Kiều 2*; và *Minh họa Kiều 3*. Năm 2010 tôi về Việt Nam gặp ông, Phạm Duy bảo ông đã viết xong *Minh họa Kiều 4* nhưng chưa tìm ra nhà tài trợ để tiến hành thu âm. Tiếc rằng chưa kịp thực

hiện thì ông đã ra đi. Tôi ước mong một ngày nào đó cả bốn phần *Minh họa Kiều* sẽ được ra mắt công chúng rộng rãi khắp nơi...

*

Nhạc sĩ nước ngoài hiếm hoi mà tôi quen biết và cộng tác là Holger Biege. Năm 1981 sau khi được giải Grand Prix tại Liên hoan ca nhạc quốc tế Dresden, thì năm 1982 tôi được mời làm khách danh dự. Ban tổ chức có đặt nhạc sĩ Holger Biege viết riêng cho tôi hai bài hát tiếng Đức là *Chúng ta yêu nhau* và *Ngọn lửa đang bùng cháy* để tôi sẽ biểu diễn cùng với bài tiếng Đức *Mặt trời chưa bao giờ mọc* tạo thành chùm ba bài cho tôi biểu diễn cho khán giả Đức trong đêm Gala trao giải. Holger Biege đã bay sang Hà Nội để tập dượt trước với tôi. Ông là người cẩn thận, chín chu, hiền lành và khiêm tốn. Trong ba ngày làm việc với ông, tôi học hỏi được nhiều, nhất là tính chuyên nghiệp mà một người nghệ sĩ cần phải có.

Năm 2012, tình cờ đang lướt net, thấy tên ông Holger Biege. Mừng quá, tôi viết vào website của ông ấy ít dòng. Holger Biege mừng lắm, hồi âm cho tôi ngay, đồng thời ngỏ ý muốn mời tôi tháng 9 năm 2012 tham gia tour biểu diễn vòng quanh nước Đức nhân dịp Sinh nhật 60 tuổi của ông. Tôi nhận lời. Sau đó Holger Biege gửi thêm mấy bài hát nữa và hẹn đến mùa hè tôi qua Đức tập dượt trước với ông. Tháng 6/2012 tôi có tới nhà hai vợ chồng ông hai lần để tập, xong hẹn nhau cuối tháng 8 tôi qua sớm để tập thêm cho nhuần rồi đi diễn tour luôn. Ai ngờ khoảng 2 tuần sau thì gia đình báo tin Holger Biege bị tai biến nặng, chương trình đành phải hoãn vô thời hạn. Tôi nghĩ có thể Holger Biege bị stress vì quá lo cho tour diễn của mình. Cho đến bây giờ ông vẫn phải ngồi xe lăn và chưa nói năng được bình thường. Thương ông quá.

*

Năm 1981 Đoàn ca nhạc nhẹ 1 về Huế diễn trong kế hoạch biểu diễn xuyên Việt của đoàn. Anh Trịnh Công Sơn đạp xe đạp lộc cộc ra xem đoàn diễn. Anh nhỏ nhẹ bắt tay chào hết lượt mọi người. Lần đầu tiên tôi gặp Trịnh Công Sơn. Anh có giọng nói thật âm, cái nhìn thật âm, kể cả cái bắt tay cũng âm. Khác với một số nhạc sĩ trẻ

mà tôi có dịp gặp trước đây thường có thái độ kẻ cả khi lần đầu gặp ca sĩ, Trịnh Công Sơn không tỏ một vẻ nào ngoài sự ầm áp dễ thương vốn có của anh. Anh chăm chú xem đoàn diễn từ đầu tới cuối và ở lại nhậu nhẹt với các anh Mạnh Hà, Quang Thọ, Quang Huy, Mạnh Đạt cho tới ba giờ sáng mới chịu đạp xe về nhà.

Sau đó ít lâu anh ra Hà Nội ít ngày theo lời mời của Hội Nhạc sĩ, chẳng hiểu công việc có bận rộn không mà chỉ thấy anh bù khú với anh em Đoàn Nhạc nhẹ suốt ngày. Anh có tới nhà tôi chơi vài lần. Má tôi rất mừng mỗi lần anh đến, lần nào cũng chèo kéo mời anh ở lại ăn cơm cho bằng được. Nhưng anh Sơn thích ngồi quán. Một chén rượu Vân một cái nem Huế một cây đàn guitar, nhậu và ca hát tự do ấy là cuộc rượu ưa thích của anh. Chưa gặp cứ nghĩ anh như trời, gặp rồi thấy anh quá đỗi gần gũi thân thiết. Hiếm có một nhạc sĩ nổi tiếng nào lại đối xử với ca sĩ ầm áp được như Trịnh Công Sơn.

Chỉ chơi với nhau có 15 ngày thôi nhưng khi về Huế anh đã gửi ra một cái thư rất dài, điều tôi chưa từng thấy ở bất kỳ một nhạc sĩ nào. Thư gửi chung cho Dương Mạnh Đạt, Quang Huy, Quang Thọ, Ái Vân, Lệ Quyên, Thanh Bình vì *“Mọi người trong nhóm là một, và một là tất cả.”* Cuối thư anh viết: *“...Bao giờ có về Huế mời các bạn ghé mình. Cùng lại quây quần bên cạnh những cốc ly và ngòi bẹ trên chiếu để tán gẫu chuyện đời. Chuyện đời thì dài vô tận nên chúng ta không ai sợ thiếu. Mọi người đã sống, đã yêu và sẽ chết vì thế nên cùng nhau vui chơi tận tình, không phàn nàn, dễ dàng thứ lỗi cho nhau để biến mỗi ngày trong đời là một tiếng cười bất tận. Có người tấm lòng không rộng nên thấy đời này quá hẹp nhưng chúng ta phải biết biến lòng mình thành những vách núi của thiên nhiên”*.

Tôi cất giữ bức thư của anh cho đến tận bây giờ như một kỷ vật ân tình, thỉnh thoảng lại đem ra đọc để thấm cái tình rất Huế của anh.

*

Bạn bè ở quốc nội và hải ngoại nhâm tính sơ sơ cũng vài trăm người. Bạn để chơi, bạn để yêu thương, bạn để nhờ cậy, bạn để chia

sẽ... Nhiều lắm, ký ức về bạn bè như cái thùng không đáy không thể kể hết được.

Bạn bè trường nhạc tôi đã nhắc nhiều trong cuốn sách này, xin không nhắc lại nữa. Người khó quên nhất có lẽ là Dương Mạnh Đạt, người bạn vong niên thân thiết của tôi. Nhạc sĩ Dương Mạnh Đạt quê Quảng Bình, cùng làng với bộ Lập (Nhà văn Nguyễn Quang Lập). Anh vốn gầy nhỏ, thời bao cấp đói kém lại càng gầy nhỏ nên gọi là Đạt tóp. Đạt tóp là người đôn hậu, vui tính và xởi lởi. Đi hát với Đạt tóp rất sướng vì anh có trí nhớ cực tốt. Chỉ cần nói tên bài hát là anh nhớ ngay tone gì, câu đạo nhạc ra sao, không bao giờ sai. Anh là cuốn từ điển sống về lịch sử âm nhạc trong nước và thế giới. Với giọng cười xả láng, Đạt tóp tới đâu là chỉ mang niềm vui tới đó, nhất là những chuyện tiểu lâm anh kể. Chị Liễu vợ anh vui tính và dễ thương. Hai vợ chồng tuy nghèo nhưng hạnh phúc với 4 cô con gái đáng yêu vô cùng. Tiếc là anh sớm đi xa.

Vợ chồng Quang Thọ - Ngọc Thanh cũng là bạn trường nhạc của tôi, đã gắn bó với tôi trên từng chặng đường đời, từ khi tôi bước chân vào trường nhạc. Quang Thọ là bạn học cùng thầy, thường xuyên đi đánh Pắc cùng nhau, cùng biểu diễn trong những chương trình lớn nhỏ của Đoàn Nhạc nhẹ. Ngọc Thanh là người bạn chơi với nhau từ thuở thanh xuân cho đến tận bây giờ. Vợ chồng Quang Thọ luôn là người bạn tin cậy và nhiệt tình nhất trong hầu hết những sự kiện lớn nhỏ của gia đình tôi, như là đứa con thứ 15 của ba má tôi vậy. Mấy chục năm qua với vợ chồng Quang Thọ - Ngọc Thanh, chúng tôi không có gì để cho nhau nhưng luôn cần có nhau, có lẽ nhờ vậy mà tình bạn của chúng tôi chưa một lần sút mẻ.

Một đôi bạn trường nhạc nữa là vợ chồng Lưu Cường Trung - Thu Vân. Cũng như Quang Thọ, anh Trung là bạn học thanh nhạc cùng thầy giáo Lô Thanh. Anh Trung hát giọng *baritone*, là người hiền lành, đặc biệt chữ rất đẹp, chép nhạc đẹp vô cùng. Ra trường, anh Trung về dạy tại Trường nhạc Việt Bắc, sau đó về đoàn ca múa Hải Phòng, gặp và cưới Thu Vân. Năm 1979 gia đình vượt biên rồi định cư tại Calgary (Canada) từ đó đến nay. Khi nghe chị Vân Khánh

báo tin: “*Ái Vân chạy qua Tây Đức rồi*”, anh Trung đã tìm cách liên lạc với tôi ngay. Hai vợ chồng anh từ Canada đã sang Tây Đức thăm tôi. Từ đó vợ chồng anh thân thiết như người nhà, luôn giữ liên lạc chặt chẽ giữa cả đại gia đình hai bên. Lưu Cường Trung - Thu Vân là một ví dụ sinh động về sự tử tế, tôi học được rất nhiều ở sự tử tế ấy.

*

Bạn bè thân thiết ở hải ngoại có anh chị Trần Trung Chính - Hồng Chung. Năm 1996 tôi về Houston trình diễn, sau đó được bài báo của tác giả “*Mây trời*” viết về đêm văn nghệ. Tôi tìm gặp và làm quen tác giả là anh Trần Trung Chính và quen luôn cả chị Hồng Chung. Anh Chính người Bắc di cư - một sĩ quan Không quân của Không lực Việt Nam Cộng hòa, chị Chung là gái Huế chính gốc. Anh chị là đôi vợ chồng thật nhân hậu và hạnh phúc. Tôi trở thành thân thiết với anh chị, nhận anh chị là anh chị nuôi. Từ đó cứ về Houston là chỉ ở nhà anh chị. Từ Houston đi hát ở sòng bài “*Isle Casino Lake Charles*” mỗi năm mấy lần là mấy lần anh chị đều chờ đi.

Ở nhà anh chị, tôi được “*nâng như nâng trứng*”. Mỗi bận tôi về, anh chị nhường phòng master cho tôi, với xà bông mới, giấy toilet mới, khăn tắm mới, tất cả toàn một màu hồng. Sáng thức dậy đã có ly cam tươi để trên bàn cùng đồ ăn sáng khi là phở Bình, khi là mì mằn thần. Đặc biệt có *món đuôi bò hầm rượu vang* tuyệt hảo do anh nấu. Bữa tối thì chỉ mình anh phục vụ, chị và cả nhà chỉ việc ngồi thưởng thức món ăn. Thật là những tình cảm trân quý và hiếm có. Qua anh chị, tôi học hỏi được nhiều về tình người, về sự tử tế, về kiến thức trong cuộc sống, đặc biệt về tennis. Cảm ơn anh chị Hồng Chung và Mây Trời thật nhiều.

Vợ chồng Mộng Hằng - Hùng vừa là bạn vừa là người ơn của tôi. Mộng Hằng là cô giáo lúc còn ở Việt Nam. Cô quen anh Hùng, cưới rồi qua định cư tại vùng San Jose. Ngoài dạy trẻ, Hằng còn tham gia dạy tiếng Việt trên chùa Đức Viên và Hội thiện nguyện Ican. Con gái Mộng Hằng - cháu Vivian là bạn học thân thiết nhiều năm của cháu Vân Anh. Hai gia đình cũng thân thiết với nhau từ

đó. Hằng là người phụ nữ tháo vát, tận tâm và tử tế, đặc biệt có tài nấu ăn rất nhanh và ngon. Hồi tôi còn hay đi hát mỗi cuối tuần, Hằng bảo: “*Biết chị đi show về một nên để mỗi ngày em qua đưa đón cháu Vân Anh đi học, chị cứ nghỉ ngơi đi*”. Cứ như vậy ròng rã suốt 4-5 năm cho đến khi cháu Vân Anh vào đại học mới thôi. Tôi cũng chịu ơn Hằng rất nhiều.

Anh Khải - chị Thảo là cặp bạn vong niên vô cùng quý mến của tôi. Quen chị Thảo từ ngày đầu cộng tác với Thúy Nga Paris. Lúc ấy chị Thảo đang là quản lý của Thúy Nga Paris, điều hành việc liên lạc với văn nghệ sĩ. Phải nói việc tôi về được với Thúy Nga Paris có công của chị Thảo rất nhiều. Sau khi cả chị và tôi không còn làm việc với Thúy Nga Paris nữa, anh chị và tôi vẫn giữ mối liên lạc thân thiết như trong gia đình. Anh Khải hiền lành, còn chị Thảo với tôi như chị em ruột. Những dịp về Paris, hai chị em có thể lang thang cả ngày shopping, ăn uống và tâm sự rất tâm đắc về đủ loại đề tài. Nơi xa xứ có một bà chị như thế thật tuyệt vời.

Bích - Thảo là cặp vợ chồng tôi gặp đầu tiên khi mới qua Berlin. Bích vượt tường Berlin từ những ngày đầu. Nhờ Tô Sơn mà tôi quen biết Bích, qua vợ chồng Bích - Thảo mà tôi quen biết nhiều người khác, toàn là những bạn bè hết lòng giúp đỡ tôi những ngày đầu ở xứ người. Dù không ở cùng một trại, nhưng chị em gần bó với nhau, gặp nhau mỗi ngày. Bích và tôi thường tâm sự với nhau và chia sẻ những thông tin kịp thời, giúp đỡ lẫn nhau. Vợ chồng Bích - Thảo là những người bạn vô cùng quan trọng trong thời gian tôi ở Tây Berlin. Tình cảm thân thiết vẫn giữ nguyên vẹn suốt 25 năm nay. Như tôi đã nói, họ chính là quý nhân phù trợ của tôi.

Qua vợ chồng Bích - Thảo tôi quen được vợ chồng Giàu - Sanh. Giàu là thuyền nhân, vượt biên năm 1980, được tàu Cap Anamur của Đức vớt và định cư tại Đức luôn. Giàu người Nam, xinh đẹp, tính tình dịu dàng, đôn hậu. Biết tôi nhớ nhà nhớ con, Giàu bảo về ở với Giàu. Tôi về đó ở, ngày ngày trò chuyện với cháu Quang 7 tuổi, con trai Giàu - Sanh. Cháu Quang dễ thương, cứ bi bô nói chuyện cũng giúp tôi khuây khỏa nỗi nhớ con. Những ngày tôi ốm nặng, Giàu là người lo cơm nước, dìu tôi đi, chăm sóc ân cần như

chị em ruột thịt. Giàu - Sanh vừa là bạn vừa là ân nhân của tôi trong thời gian ở Tây Berlin. Tình bạn tốt đẹp ấy vẫn được gìn giữ đến tận bây giờ.

Quanh vùng San Francisco và thành phố Cupertino nơi tôi sống có nhiều cặp vợ chồng là bạn bè thân thiết với vợ chồng tôi. Đó là Hồng Vân - Hữu Liêm, Lợi Chu - Đức Phạm, anh chị bác sĩ Hà Xuân Du - Tâm, anh chị bác sĩ Nguyễn Thanh Châu - Liên, anh chị Trọng Khôi - Đào, bác sĩ Bùi Việt Hồng - Hà, Mike Phúc - Xuân, Lê An (San Francisco), MC Thanh Tùng, ca sĩ Mai Hân, nhạc sĩ Vũ Hồng Thịnh, bác sĩ Karl Phúc Nguyễn - Thủy, Nguyễn Xuân Hoàng - Trương Gia Vy, nhạc sĩ La Vân, nhạc sĩ Trần Quảng Nam - Tú Minh, Nguyệt Thanh - Đặng Phương Trạch v.v... Xa hơn nữa, tận Paris nơi gắn bó bao kỷ niệm từ những ngày đầu đi hát tại xứ người, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến giáo sư nhạc sĩ Lê Thanh Đông, anh chị Ngôn - Lâm, anh chị Kiên - Nga, anh chị Lê - Hoa Lý, anh chị Roland - Theresa, anh Hoàng Tường Lân, Vũ Quỳnh Châu - Đinh, chị Hòa, chị Xuyên, chị Christan Huỳnh.... đã lo lắng cho tôi như người trong nhà suốt hơn hai chục năm nay. Cũng không thể không nhắc đến các anh chị và các cháu trong gia đình tôi là anh chị Hoàng Ưng Lễ - Nga, anh chị Vĩnh Thúc - Hồng Hoàng cũng như gia đình của Tập Ba: anh chị Thuyên - Kim Chi, anh chị Phi - Liên, anh Cư - chị Kim, chị Trang, anh Tấn đã luôn tin tưởng và thương yêu, và thực sự coi tôi như ruột thịt. Tất cả những người bạn và người thân ấy đã luôn sát cánh cùng Ái Vân trong mọi hoàn cảnh.

Xin một lần nữa gửi tới các anh chị lời tri ân sâu sắc. Không có các anh chị, cuộc sống của tôi và gia đình sẽ gặp nhiều khó khăn hơn nơi xứ người.

Cu Vũ và Vân Anh

Xuất hiện trên đời giữa nguy cơ gia đình tan vỡ, cu Vũ phải trải qua những năm tháng “đáng sợ”. Tôi rời Vũ lúc cháu 4 tuổi, đến năm cháu 7 tuổi mẹ con mới gặp nhau. Ngày đón Vũ từ sân bay Berlin Schoenefeld về nhà, cháu thấy mẹ đang mang thai em bé và một người đàn ông gọi là chồng của mẹ, ở trong buồng tắm cháu đã nói

với tôi: “*Sao mẹ không đợi con sang đã rồi lấy chồng?*”. Tôi đã ôm cháu khóc nức lên.

Những ngày đầu mẹ con sống với nhau sau 3 năm xa cách tôi thấy lạ, cháu nói nhiều đến khác thường. Dường như cháu liến thoắng để che giấu một điều gì. Nhiều khi cháu không nói thật. Chẳng hạn món ăn Đức không ăn được nhưng khi tôi hỏi cháu: “*Con ăn có ngon không?*” thì cháu lập tức liến thoắng: “*Ngon lắm mẹ ạ.... ngon lắm mẹ ạ!*”. Một lần mẹ con xem ti vi, tôi với tay lấy cái remote, cháu giật mình hai tay bung mặt. Và tôi đã hiểu ra...

Lí lắc và hài hước, đáng ra cu Vũ phải là đứa bé thật hạnh phúc. Chỉ vì tuổi thơ của cháu khắc nghiệt, không giống như những đứa trẻ bình thường khác cùng trang lứa. Bố mẹ chia tay trong hoàn cảnh không bình thường, mẹ bỏ đi, ở nhà với bố cũng không được hưởng sự thương yêu, chăm sóc đúng nghĩa, khi sang với mẹ thì mẹ đã có gia đình mới và sắp có em bé. Có lẽ vì có nhiều tổn thương tâm lý nên thời gian đầu tới trường cháu rất khó hòa nhập với bạn bè. Đến tuổi cháu dậy thì, đáng ra tôi phải gần gũi cháu hơn để chia sẻ với cháu nhiều tâm sự nhưng vì cơm áo tôi phải đi diễn triển miên. Đó là giai đoạn khó khăn nhất của Vũ, cũng là giai đoạn tôi mất nhiều nước mắt với cháu.



Vũ và Vân Anh ngày nhỏ

Nhưng rồi bằng tình yêu thương hết mực của tôi, bằng sự cố gắng hết mình của người bạn đời luôn sát cánh bên tôi và chỉ bằng tình thương yêu chân thành của tất cả mọi thành viên trong gia đình, cuối cùng Vũ đã vượt qua, đã tốt nghiệp đại học, đã có nghề nghiệp ổn định và hài lòng với cuộc sống. Hai mẹ con đã có nhiều thời gian cho nhau hơn và nói chuyện với nhau như hai người bạn lớn. Cả hai đã nhìn vào quá khứ với cách nhìn bao dung hơn, bình tĩnh hơn và hiểu biết hơn.

Giờ thì cu Vũ đã là một người đàn ông trưởng thành, đẹp trai và mạnh mẽ, mạnh mẽ trong suy nghĩ và thể chất. Khiếu hài hước đã giúp Vũ thêm đáng yêu, dễ dàng hòa nhập với cộng đồng. Tôi tự hào và hạnh phúc, cảm ơn số phận đã run rủi cho tôi có Vũ trong đời. Giờ đây, tôi chỉ muốn làm tất cả những gì tốt nhất để bù đắp những thiệt thòi mà con đã phải gánh chịu trong thuở ấu thơ.

*

Nếu như cu Vũ phải trải qua thời thơ ấu khắc nghiệt với nhiều biến cố thì Vân Anh là đứa trẻ hạnh phúc và may mắn vì sinh ra và lớn lên trong những đất nước văn minh, thanh bình là Đức, Hoa Kỳ, và trong vòng tay yêu thương, chăm sóc của tất cả mọi người. Đây cũng là thời gian cuộc sống gia đình ổn định, nghề nghiệp của bố mẹ đều vững vàng. Người ta nói: “*Con gái thường dễ nuôi hơn*” có lẽ đúng, Vân Anh như một luồng gió mát mang tới gia đình nhỏ của tôi.

Vân Anh sống tình cảm, nhân hậu và đầy tinh thần trách nhiệm. Buồn cười là hồi bé Vân Anh sợ anh Vũ hơn sợ bố mẹ, có lẽ vì lỗi thời là anh Vũ cho ăn “*chưởng*” liền. Tuy vậy, hai anh em rất thương nhau. Sau này có nhiều lúc tôi phàn nàn điều gì đó, chẳng hạn như tính bừa bãi của Vũ là cô em lại ra sức bênh ông anh chăm chặp. Những lúc như vậy tôi lại cảm thấy thật hạnh phúc biết bao. Có điều thú vị là các con càng khôn lớn, càng bay nhảy ra bên ngoài, mọi người ít thời gian bên nhau bao nhiêu thì mối quan tâm về nhau, tình cảm dành cho nhau càng sâu đậm hơn, gắn kết hơn. Đó là phần thưởng tuyệt vời và vô giá cho những người làm cha mẹ. Cuối cùng thì số phận đã mỉm cười với tôi, với gia đình nhỏ của chúng tôi.

Bức thư Vân Anh gửi mẹ nhân ngày lễ Mothers Day

Happy Mothers Day, mẹ!

Con yêu mẹ nhiều lắm. Mẹ là người phụ nữ lo lắng, từ tâm nhất mà con biết. Mẹ là người mẹ tuyệt vời nhất mà một đứa con gái chỉ có thể ao ước có được. Mẹ lo lắng cho con nhiều quá. Con đã từng than phiền rằng mẹ chăm sóc con thái quá - nhưng con nhận thấy rằng chỉ bởi vì mẹ muốn bảo vệ con. Khi bạn bè kể cho con về những gì mẹ chúng làm, con thấy vô cùng biết ơn bởi vì mẹ cho con thấy mẹ yêu con biết chừng nào khi so sánh với các bạn của con. Con không thể đòi hỏi một người mẹ nào hơn thế. Con biết năm tới sẽ là năm khó khăn hơn một chút vì con sẽ ở xa nhà, nhưng con sẽ gọi điện thoại và face - time với mẹ.

MẸ, CON YÊU MẸ!

Đơn giản vì mẹ là người mẹ tốt nhất. Con hy vọng sau này (còn rất lâu) khi con có con, con sẽ là người mẹ tuyệt vời giống như mẹ vậy.

Happy ending

Tới lúc phải có cái kết về ba con cộp năm 1950 của tôi. Như một bộ phim ba tập, mỗi tập đều có cái kết riêng của nó. Ôn trời cả ba tập đều có cái kết happy ending.

Sau khi chia tay với chàng Tập Một, ở Hà Nội một thời gian chàng chuyển vào Nha Trang làm diễn viên đoàn Hải Đăng, lấy vợ sinh con ở đây. Sau đó chàng đưa vợ con sang Tiệp, rồi sang Đức. Tình cờ chàng gặp Ái Thanh ở Đông Berlin, qua Ái Thanh, chàng liên lạc được với tôi và ông xã (Tập Ba). Gia đình chàng đã qua Munich tìm gặp vợ chồng tôi. Ông xã tôi đã giúp chàng tìm luật sư làm giấy tờ, giúp chàng được ở lại cũng như hỗ trợ về nhiều mặt cho việc đó. Hàng tuần chàng vẫn đưa vợ con từ trại tị nạn tới nhà tôi chơi và cùng nhau ăn uống vui vẻ.

Có chàng, tôi bỗng nảy ý định làm một nhạc cảnh để chàng trở tài làm kịch câm. Thế là nhạc cảnh *Chuyện bốn người* ra đời. Nội dung nhạc cảnh này đại khái kể có hai trai làng cùng theo “*cua*” một cô thôn nữ xinh đẹp (Ái Thanh đóng), một chàng (Chí Tài đóng) thì ham nhậu, say sưa tối ngày, chàng kia (Ái Vân đóng) thì chỉ mê tiền. Tán tỉnh mãi chẳng đi đến đâu thì chợt giông gió nổi lên, chàng nhậu thì chỉ lo nốc rượu, chàng kia thì khur khur giữ chặt tráp tiền để mặc cô gái giữa trời mưa. Bỗng một chàng trai trẻ phi ngựa tới nơi thấy vậy vội vàng xuống ngựa lấy chiếc dù che mưa gió cho cô. Qua cơn giông bão, cảm kích, cô gái đã “*theo chàng về dinh*”, bỏ lại “*bọm nhậu*” và “*tham tiền*” ngồi ôm nhau mếu máo...

Tuy không hát, nhưng chàng trai trẻ (Tập Một đóng) đã có một đoạn trở tài kịch câm như đi ngược chiều gió, phi ngựa... Ái Thanh và tôi vui vì thấy chàng trở lại sân khấu dù chỉ ít phút ngắn ngủi. Chàng thì rất vui vì có dịp được diễn sau nhiều năm rời xa sân khấu. Riêng tôi còn một niềm vui nữa là giới thiệu được với khán giả hải ngoại một loại hình nghệ thuật còn mới mẻ với nhiều người, tuy rằng do thời lượng ngắn ngủi cũng như chưa có sự giải thích

chu đáo để khán giả cảm nhận được nên tiết mục chưa được thành công như ý muốn. Dù sao, đó cũng là một kỷ niệm đẹp trong nghệ thuật của tất cả mấy anh em chúng tôi.

Tới lúc chàng có giấy tờ ổn định ở Đức thì gia đình tôi chuyển sang Mỹ. Gia đình chàng có thêm một bé trai, rất hạnh phúc và vẫn định cư ở Dachau từ đó đến giờ. Tôi rất mừng, thật lòng là vậy. Tuy chia tay nhau nhưng quan hệ thông gia không hề thay đổi, bố mẹ tôi và bố mẹ chàng vẫn đôi lúc qua lại thăm nhau. Tôi về Hà Nội có điều kiện vẫn thỉnh thoảng đến thăm bố mẹ chàng, không ai nhắc đến chuyện xưa nữa. Chúng tôi đối với nhau như thể là bạn bè thân thiết từ vạn kiếp, như chưa bao giờ từng có chuyện vợ chồng.

*

Chia tay và làm thủ tục ly hôn với chàng Tập Hai trong lúc tôi vắng mặt nên ba tôi đã phải làm người đại diện giúp tôi. Cuộc chia tay với Tập Hai cam go hơn Tập Một rất nhiều, tuy thế khi rời xa tôi chàng mới phát lên được. Là nhà tổ chức biểu diễn giỏi, khi cò đến tay chàng đã phát mạnh bằng việc tổ chức ba Gala âm nhạc thật hoành tráng. Gala 90, Gala 91, Gala 92 thành công vang dội, nổi tiếng khắp ba miền. Thành công cả về truyền thông, cả về kinh tế.

Nhờ vậy chàng đã được cấp trên tin cậy, anh em tín nhiệm làm Phó giám đốc rồi Giám đốc Nhà hát Ca múa Nhạc Việt Nam. Tại đây chàng đã đưa Nhà hát đi lên theo một phương thức mới, thành công trong phương diện nghệ thuật cũng như trong kinh doanh, không còn tuênh toàng, nghèo khó như ngày xưa. Có người nói với tôi: *“Nếu biết nó tài thế này thì để nó làm lãnh đạo Nhà hát từ sớm, nó hết mặc cảm bị coi thường, có khi hạnh phúc chúng mày không đổ vỡ”*. Nhưng từ vì nói rồi, chỉ có xa cô vợ Giáp Ngọ là tôi đây thì chàng mới ăn nên làm ra. Việc chúng tôi chia tay nhau là điều may mắn cho cả hai.

Năm 1998 tôi cùng gia đình lần đầu tiên trở về nước, sau 8 năm *“phiêu bạt xứ người”*. Chàng bay từ Hà Nội vào Sài Gòn đón gia đình tôi. Cuộc gặp gỡ thật vui, chàng vui được gặp con, tôi vui vì chàng có một chân dung hoàn toàn khác xưa. Chàng mời cả nhà tới

Nhà hàng Sinh Đôi của nhạc sĩ Thanh Tùng. Giống như Kim Kiều đoàn viên, bữa cơm vui vẻ và ấm áp. Ông xã tôi cũng không ngờ được chàng đối đãi tử tế đến vậy. Họ uống rượu với nhau nói nói cười cười vô cùng thân ái.



Ai cũng hạnh phúc bên nửa kia của mình

Sau đó chàng đưa tôi và cu Vũ ra Hà Nội gặp gỡ với anh em Nhà hát, anh em Đoàn Nhạc nhẹ năm xưa. Chàng đã tổ chức thì khỏi phải nói. Những bữa cơm đoàn viên làm tôi cảm động. Sau này, chàng còn tổ chức cho tôi biểu diễn, chính thức ra mắt với công chúng trong nước sau 12 năm xa cách. Từ đó về sau cứ tôi về nước là chàng tổ chức biểu diễn, chàng lo cho tôi hát nhiệt tình và thâu đáo như đã từng lo cho em út bạn bè hát vậy. Chiều chiều chàng đánh xe đến khách sạn đón tôi đi diễn, bấm còi bim bim, vui vẻ nói đón: “Ô nào, đi đón vợ cũ nào!”. Quả là một giấc mơ đẹp.

*

Đúng như ông thầy tử vi Thanh Hóa đã phán, tôi sống với chàng Canh Dần thứ ba này đến nay đã 24 năm, và không có lý do gì để không tiếp tục sống với nhau cho đến ngày về trời. Khi đến với chàng tôi không nghĩ mình có thể yêu được nữa, sống với nhau vì cái nghĩa nhiều hơn. Sự đời thật lạ, khi mình tưởng đã khô kiệt tình

rồi thì tình lại đến. Không ào ạt sôi nổi, chỉ là những giọt trầm lặng rơi xuống đời tôi nhưng đó đích thật là những giọt tình.

Chàng là người vô cùng ít nói. Trong 24 năm sống với nhau tôi chưa bao giờ có dịp để cãi nhau với chàng. Nói gì chàng cũng nhất trí, cứ ờ ờ. Tức lắm. Nhiều lúc tôi nghĩ phải cãi nhau mới ra vấn đề nhưng chàng không nói. Chưa mở miệng chàng đã nhất trí rồi thì cãi nhau làm sao? Tôi đề nghị với chàng: “*Một ngày anh nói được 3 câu thế nào cũng có giải thưởng*”. Chàng cũng chỉ tùm tùm cười không nói gì.

Cưới nhau xong, chàng đi mượn một căn nhà ba tầng cho tổ ấm của chúng tôi. Ngôi nhà ba tầng ấy lúc nào cũng đông đúc. Bạn bè của tôi ở Việt Nam sang, Đông Đức sang, rồi Thụy Sĩ, Nga, Tiệp, Ba Lan sang... người thì quen Ái Thanh, người quen tôi, rồi bạn của bạn, vân vân. Nhiều lúc căn nhà giống như một nhà ga trung chuyển vậy. Từ tầng ba xuống tầng hầm người lên kẻ xuống chạm trán nhau côm cốp. Mỗi lần đi chợ như mua cho bếp ăn tập thể, hai xe chở thịt về nhà thái chất đầy tủ đá, tủ lạnh. Bữa cơm nhiều khi 14, 15 người. Không bao giờ chàng có ý kiến gì, không khi nào chàng tỏ ra khó chịu.

Chưa bao giờ hỏi cái gì mà chàng *say no*. Chưa bao giờ chàng hỏi tại sao thế này tại sao thế nọ. Bất kỳ đề nghị nào của tôi, em muốn thế này, em muốn thế kia... chàng đều ừ ừ ờ ờ và vui vẻ thực thi. Ngày xưa chàng Tập Hai bắt nạt tôi bao nhiêu thì bây giờ tôi “*bắt nạt*” chàng bấy nhiêu. Đặc biệt chàng chưa bao giờ ghen, hay nói đúng hơn chưa bao giờ chàng cho ai biết là mình đang ghen. Cũng có lần tôi say nắng, chàng chỉ im lặng tìm mọi cách bảo vệ cho tôi. Có lúc tôi phát cáu: “*Anh không yêu em đúng không? Chả bao giờ thấy ghen cả*”. Chàng nhăn răng cười: “*Sao em biết anh không ghen?*”.

Chàng là nhà khoa học có tài, trong giới và bạn bè rất nể trọng. Nhưng trong nhà, chàng như lặng lẽ đi bên đời tôi. Chàng luôn nhường cho vợ được đứng dưới vầng sáng rực rỡ, còn mình chỉ âm thầm đứng phía sau, âm thầm đến mức không cần để ý cả việc người ta gọi mình là gì, cứ như chàng quên mất tên chàng. Gọi

chàng là ông bác sĩ (có người nhầm doctor là bác sĩ), ông doctor, ông tiến sĩ, ông giám đốc... gì cũng được, chàng đều đồng ý tất. Nhiều người gọi chàng là “*ông Ái Vân*” chàng cũng nhăn nhăn cười, lấy đó làm thích thú.

Những ngày tôi hát cho Thúy Nga Paris chàng luôn có mặt bên tôi. Chàng là cây ý tưởng, hầu hết các nhạc cảnh đều xuất phát từ ý tưởng của chàng. Cả đạo cụ phục trang tôi cũng hay phải hỏi chàng. Những lúc tập với Elvis Phương cả chàng và chị Hoa (vợ Elvis Phương) đều ngồi ngoài hò hét góp ý. Mỗi lần diễn với nhau chưa ăn ý chị Hoa kêu: “*Hai người diễn sao không mùi gì hết trơn, sao sượng quá!*”. Chàng vỗ tay kêu to: “*Ngã đầu đi!... Ngã đầu sát vào mới ra tình yêu chứ!*”.

Đi shopping, không như nhiều ông khác ngáp ngáp dài ngồi chờ vợ, chàng bao giờ cũng cùng vợ chọn đồ. Chỉ cần nhìn ánh mắt của tôi là chàng biết tôi muốn mua gì, không bao giờ sai. Lắm khi tôi thấy bộ này bộ kia thích lắm nhưng đắt quá tôi lên con tiếc tiền dứt khoát không mua, chàng nì nèo mấy cũng không. Đến khi về nhà lại thấy chàng hí hửng đặt trước mặt bộ đồ mà trước đó tôi thích lắm nhưng không dám mua.



Cả nhà yêu nhau

Trong thời gian cộng tác với Thúy Nga Paris, vì là ca sĩ độc quyền, được nhiều ưu ái nên không tránh khỏi bị có người ghen ghét. Tôi có chiếc váy đầm rất đẹp, trên kim sa dưới là nhung. Một lần đi hát ở Atlanta, trước giờ diễn lên thay áo, thấy ai đó chà bàn ủi nóng làm cháy hết lưng chiếc áo nhung. Tôi vừa tức vừa tiếc của về nhà cằn nhằn với chàng hoài. Chàng cứ tùm tùm cười. Tôi cáu tiết: “*Thế mà anh còn cười hả!*”. Chàng nhẹ nhàng nói: “*Anh mừng lắm. Mất cái áo nhưng biết vợ mình đang thành công, đang rất có giá tại sao lại không mừng?*”. Với chàng, vợ được cái gì mình được cái đó, chàng chẳng mong gì hơn thế.

Đôi khi tôi tự hỏi chàng là ai, ở đâu ra, sao lại yêu thương tôi đến vậy? Cứ như thiên sứ trời sai xuống để bù đắp những khổ đau mất mát của tôi. Tôi nhớ lúc ở bến phà Calais, sau khi bị cảnh sát Anh, Pháp xét hỏi, “*hành*” cho đến 5 giờ sáng, tôi đã mệt mỏi lịm dần đi

trên chiếc ghế dài trong phòng đợi của bến phà. Chợt có tiếng nói ấm áp bên tai: “*Ủa, sao em lại nằm đây?*”. Mở mắt thấy chàng đứng đó. Giữa lúc tôi đau khổ sợ hãi nhất, chàng hiện ra như ông Bụt trong chuyện cổ tích mà hỏi rằng: “*Vì sao con khóc?*”. Và đó là cái kết câu chuyện tình duyên của tôi, cái kết mới tuyệt vời làm sao.

Tới đây, trước khi khép lại cuốn sách này, tôi sẽ không nói gì thêm nữa. Chỉ xin hát một câu hát của Trịnh Công Sơn: “*Dù đến rồi đi, tôi cũng xin tạ ơn người, tạ ơn ai, đã cho tôi...*”

Cupertino, CA, Tháng 4 năm 2016

Lời cảm tạ

Lúc sinh thời, vào những năm cuối đời, ba tôi thường nói: “*Con nên viết hồi ký đi*”. Tôi cứ vâng, vâng rồi chân chừ mãi. Trước khi mất ít ngày, ba vẫn không quên nhắc tôi chuyện đó. Bản thân tôi khi nhìn lại quãng đời đã qua, tự thấy phận làm con, tôi đã mang lại cho cha mẹ những niềm vui sướng, tự hào thì ít mà đau đớn, buồn rầu thì quá nhiều, đằng đẳng. Cuốn sách này như lòng biết ơn của tôi đối với công lao sinh thành, nuôi dưỡng và dạy dỗ, dìu dắt anh chị em chúng tôi trên con đường Nghệ thuật. Và cũng là lời tạ lỗi muộn màng về những đau khổ của ba má mà tôi đã vô tình gây ra.

Cảm ơn nhà văn Nguyễn Quang Lập, các bạn Nguyệt Cầm, nhà báo Huy Đức, Vũ Duy Mão, Lê Minh Hà, Đức Phạm - Lợi Chu, Nguyễn Lê Tiến đã luôn động viên, giúp đỡ tôi.

Cảm ơn em Đình Thu Hiền đã thúc giục, khởi đầu cho cuốn sách mà một phần chương đầu tôi kể đã được Đình Thu Hiền viết ra và in ở VnExpress. Tôi đã sử dụng một vài đoạn nhỏ trong số đó.

Cuốn sách được viết theo ký ức bản thân và qua lời kể của: ca sĩ Vân Khánh, ca sĩ Lệ Quyên và Nghệ sĩ ưu tú Khánh Hối, ca sĩ Lưu Cường Trung (Ken Lieu), anh Lê Văn Cát, nghệ sĩ Tuấn Vinh xiếc, chị Thảo Letich, NSUT Đỗ Mạnh Hà, nhạc sĩ Trọng Khôi - Đào, các em Bùi Văn Thảo - Bích (Berlin), NSND Quang Thọ - Ngọc Thanh, cháu Trần Hồng Quân (hàng xóm nhà phố Huế), bạn Giàu Ngô (Berlin), chị Thúy Liễu (vợ anh Đạt tốp), nhạc sĩ - giảng viên Phạm Thanh Bình (Bình sốt), NSUT Phạm Quang Huy, NSUT Dương Minh Đức – Đức ché, nhạc sĩ Đặng Hữu Phúc, nhạc sĩ Nguyễn Quang Vinh, các bạn học: Lê Mai Tiên - Mai Ngọc Hương - Nhữ Thanh Hằng - Nguyễn Tiến Phúc. Cô Hà Huyền Nga, Tiffany Hằng Đỗ, các anh chị Hà Quang Tuyên, Nguyễn Thị Bích Tuyên, Hà Thị Phi Yến, Hà Quang Văn, Đình Ngọc Quyên, Nguyễn Thu Hà, Hà Thị Ái Mai, Nguyễn Lê Tiến, các em Hà Thị Ái Xuân, Hà Thị Ái Thanh, các cháu Hà Linh Chi, Hà Linh Hương,

Hà Linh Thư, Hà Ngọc Ánh, các con Trần Hà Anh Vũ (Edison K. TRAN), Nguyễn Hà Vân Anh (Lisa V. NGUYEN). Không thể không kể đến những hồi ức quý giá của những người nay đã không còn nữa như bà ngoại Trần Thị Sinh, ba Hà Quang Định, má Lê Thị Ái Liên, anh Hà Quang Hiến, anh Hà Quang Sơn.

Cảm ơn cố nhạc sĩ Trần Văn Khê, anh Huỳnh Ngọc Xuân - Việt kiều Pháp đã cung cấp cho gia đình những tư liệu quý giá.

Cảm ơn nhà văn Chu Lai, Lê Minh Hà, nhà báo Dương Phương Vinh, Bùi Mai Hạnh, anh Henry Hoàng, Bùi Huy Hội (Dũng Hội) đã nhiệt tình ủng hộ ý tưởng viết cuốn sách ngay từ những ngày đầu.

Cảm ơn nhà báo Lê Quang Vinh và các tờ báo trong và ngoài nước đã viết về Ái Vân và gia đình Ái Vân. Nhờ đó đã cung cấp nhiều chi tiết mà gia đình không được biết.

Xin cảm ơn các khán giả nhiều thế hệ đã từng yêu quý Ái Vân qua những ca khúc không thể nào quên: *Bài ca xây dựng, Triệu đóa hoa hồng đỏ thắm, Hãy cho tôi lên đường...*

Và sau cùng, xin chân thành cảm ơn các em Hoàng Anh, Ngân Hoa, Quỳnh Như, Công ty Văn hóa Sáng tạo Trí Việt - First News và NXB Hội Nhà Văn đã giúp Ái Vân biên tập, thiết kế và thực hiện xuất bản thành công cuốn sách này.

Ái Vân